

PHƯƠNG ÁN

Ứng phó thiên tai theo các cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

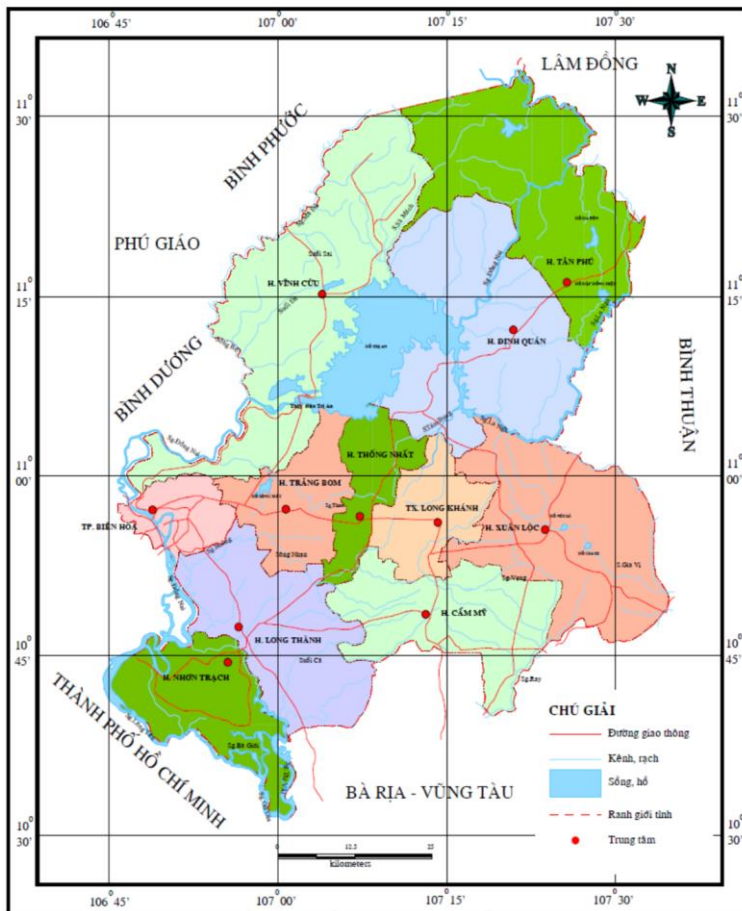
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ DÂN SINH – KINH TẾ - XÃ HỘI

1.1.1 Vị trí địa lý

Đồng Nai là tỉnh nằm trong khu vực miền Đông Nam Bộ của Việt Nam (vùng đất nối liền giữa Nam Bộ, cực nam Trung Bộ và nam Tây Nguyên), giữ vị trí quan trọng trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam của đất nước. Tỉnh Đồng Nai nằm ở phía Đông Bắc thành phố Hồ Chí Minh, có tọa độ địa lý: từ $10^{\circ}31'17''$ đến $11^{\circ}34'49''$ vĩ độ Bắc, $106^{\circ}44'45''$ đến $107^{\circ}34'50''$ kinh độ Đông.



Hình 1.1: Bản đồ hành chính tỉnh Đồng Nai

Vị trí của tỉnh tiếp giáp với các tỉnh sau: Bắc giáp tỉnh Bình Phước và Lâm Đồng, Tây giáp tỉnh Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh, Đông giáp tỉnh Bình Thuận, Nam giáp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính gồm: 09 huyện (Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Định Quán, Tân Phú), Tp. Biên Hòa và Tp. Long Khánh; tổng diện tích tự nhiên của tỉnh Đồng Nai là 5.897,75 km², chiếm 1,76% diện tích tự nhiên cả nước và chiếm 25,5% diện tích tự nhiên của vùng Đông Nam Bộ.

Dân số trung bình năm 2022 của tỉnh Đồng Nai là 3.255,81 ngàn người, trong đó nam là: 1.622,21 ngàn người chiếm 49,82%; nữ là: 1.633,6 ngàn người chiếm 50,18%. Chia theo khu vực: thành thị 1.470,31 ngàn người chiếm 45,16%, nông thôn: 1.785,5 ngàn người chiếm 54,84%.

1.1.2. Đặc điểm địa hình

Nhìn chung, địa hình của tỉnh tương đối bằng phẳng, có xu thế dốc từ Bắc xuống Nam; 78% diện tích của tỉnh có độ dốc nhỏ hơn 3⁰, 16% diện tích có độ dốc từ 3 – 8⁰ khoảng 6 % diện tích có độ dốc trên 8⁰. Địa hình tỉnh có thể chia thành 3 vùng là vùng núi thấp, vùng đồi lượn sóng và vùng đồng bằng.

Bảng 1.1: Diện tích tự nhiên phân theo độ dốc địa hình tỉnh Đồng Nai

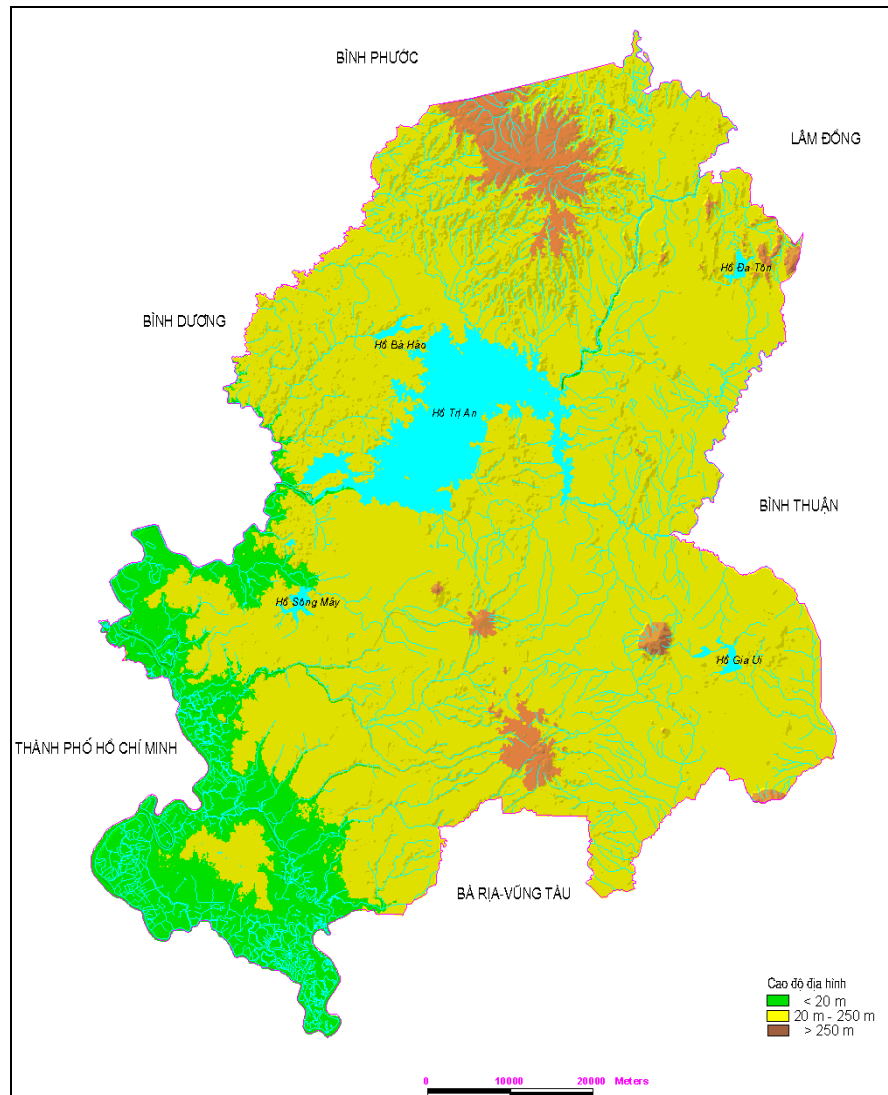
STT	Độ dốc (độ)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	0-3	207.489	35,12
2	3-8	183.506	31,06
3	8-15	42.914	7,26
4	15-20	9.092	1,54
5	20-25	14.892	2,52
6	>25	10.586	1,79
	Tổng	589.775	100%

❖ **Vùng núi thấp:** Đây là vùng chuyển tiếp từ phần cuối của dãy núi Nam Trường Sơn. Đặc trưng tiêu biểu là sự hiện diện của một số đồi núi sót. Cao độ thay đổi từ 200 đến 800m, nổi bật nhất có núi Chứa Chan với đỉnh cao 837m. Vùng này phân bố chủ yếu tại các huyện Tân Phú, Định Quán và Xuân Lộc. Thảm thực vật chủ yếu là rừng tự nhiên hay rừng trồng.

❖ **Vùng đồi lượn sóng:** Đây là vùng địa hình tiêu biểu có cao độ thay đổi từ 20 đến 200m và độ dốc từ 3-8⁰ và có diện tích lớn nhất của tỉnh so với các dạng địa hình khác bao trùm hầu hết các khối Bazan, phù sa cổ. Đất phân bố trên địa hình này gồm nhóm đất đỏ vàng và đất xám. Vùng này đã được tập trung khai thác phát triển nông nghiệp.

❖ **Vùng đồng bằng:** Đây là các dải đất phù sa hoặc dốc tụ nằm ven theo sông Đồng Nai thuộc các huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch và thành phố Biên Hoà với

diện tích không lớn. Vùng này chịu ảnh hưởng của chế độ triều và hiện đang được khai thác để trồng cây ngắn ngày, chủ yếu là lúa nước.



Hình 1.2: Bản đồ địa hình tỉnh Đồng Nai

1.1.3. Đặc điểm địa chất, thổ nhưỡng

Theo báo cáo địa chất thủy văn tỉnh Đồng Nai của Liên đoàn Địa chất thủy văn – Địa chất công trình miền Nam, đặc điểm địa chất của tỉnh có thể khái quát như sau:

- Về địa tầng: Đồng Nai có 3 giới tiêu biểu là giới Mesozoi, giới Kainozoi và giới magma; trong đó giới Kainozoi chiếm phần lớn diện tích của tỉnh với 5.000 km². Trong đó phần lớn thuộc phún trào bazan, trầm tích vụn rời gắn kết yếu có khối lượng thứ hai sau bazan.

- Về kiến tạo: Tỉnh Đồng Nai là phần rìa Tây Nam đới uốn nếp Jura Đà Lạt, tiếp giáp kiểu áp kế với bồn trũng Cửu Long ở phía Tây Tây Nam. Với vị trí như vậy, có thể coi vùng Đồng Nai là ở vị trí rìa Tây Nam của đới Đà Lạt rộng lớn (rộng hơn 40.000 km²). Kiến tạo nên vỏ trái đất của Đồng Nai là các thành tạo địa chất trên đới Đà Lạt. Đó là các trầm tích Juratuooir Jura sớm- giữa, các đá phún trào xen lẫn trầm tích Jura muộn

Crêta, các trầm tích Kainozoi từ Neogen, các magma xâm nhập Jura muộn – Crêta, phun trào bazan Neogen – Đệ tứ.

1.1.3. Đặc điểm khí tượng, thủy văn

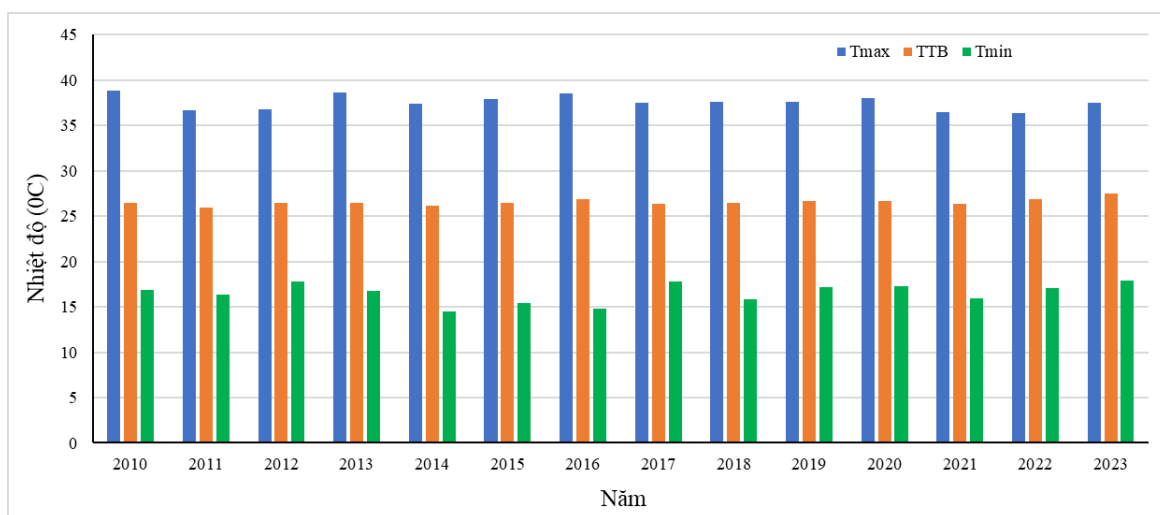
1.1.3.1. Đặc điểm khí tượng

a) Nhiệt độ

Đồng Nai nằm ở vùng vĩ độ thấp, nhận được nguồn năng lượng bức xạ mặt trời khá dồi dào. Đó là nhân tố quan trọng quy định chế độ nhiệt quanh năm luôn ở mức cao. Nhưng vai trò của gió mùa - với sự phát triển mạnh mẽ về quy mô, đã góp phần làm sai lệch các biến trình nhiệt độ hàng năm của mỗi vùng và còn gây biến động đáng kể về đặc trưng mùa khí hậu

Nhiệt độ trung bình toàn tỉnh là $26,6^{\circ}\text{C}$. Nhiệt độ trung bình tháng biến thiên ít, tháng có nhiệt độ cao nhất và thấp nhất chênh nhau $2,8^{\circ}\text{C}$. Nhiệt độ chênh lệch giữa ngày và đêm khá lớn, tại vùng cao có thể lên tới $10 - 15^{\circ}\text{C}$, mùa khô nhiệt độ dao động nhiều hơn mùa mưa. Nhiệt độ thấp nhất rơi vào các tháng 1 và tháng 2, nhiệt độ cao nhất thường rơi vào các tháng 3, tháng 4, tháng 5.

Về phân bố nhiệt theo không gian, khu vực phía tây nam tỉnh bao gồm phần lớn diện tích huyện Nhơn Trạch, Long Thành và thành phố Biên Hoà là vùng có nền nhiệt cao nhất tỉnh Đồng Nai. Trong khi đó, khu vực phía đông, đông nam tỉnh bao gồm phần lớn diện tích các huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ và Long Khánh thường ghi nhận có nền nhiệt thấp nhất cả tỉnh.



Hình 1.3: Biểu đồ nhiệt độ bình quân năm và cực trị nhiệt độ giai đoạn 2010-2023 trạm Long Khánh (Nguồn: Đài KTTV tỉnh Đồng Nai cung cấp năm 2024)

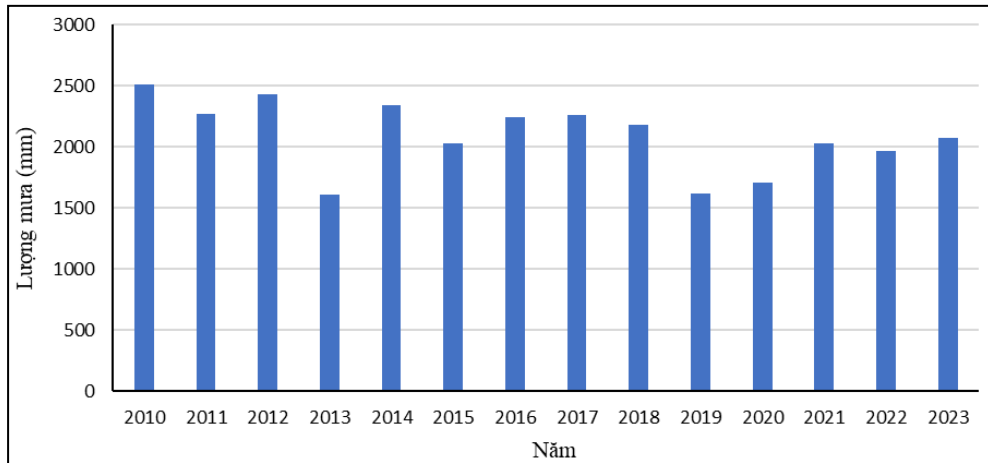
b) Mưa

Dữ liệu thống kê hàng năm của Đài KTTV tỉnh Đồng Nai cho thấy, giai đoạn 2000-2023, lượng mưa trên địa bàn tỉnh có sự biến động, biểu hiện lượng mưa giảm dần qua các năm cho thấy có sự thay đổi của khí hậu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

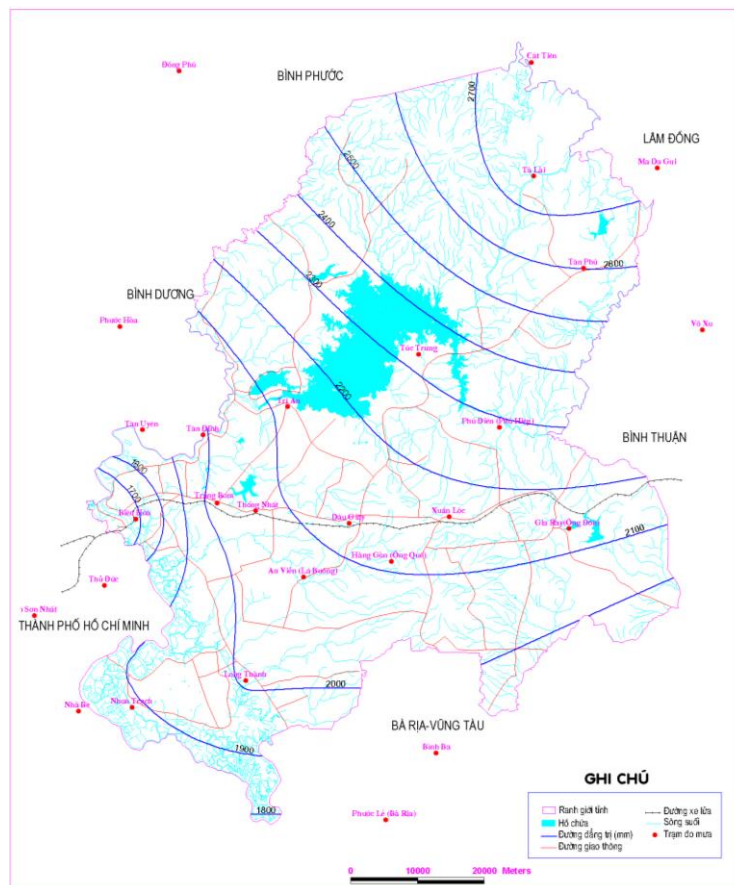
Từ năm 2000 đến năm 2004, mưa tập trung cao nhất vào các tháng 9 và 10 (tháng 10 năm 2003 là 684,1mm). Đến giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2008 thì lượng mưa tập

trung vào các tháng từ tháng 5 đến 9. Từ năm 2015 đến năm 2023 thì lượng mưa tập trung từ tháng 5 đến tháng 10 (lượng mưa cao nhất là tháng 9 và tháng 10).

Từ năm 2010 đến năm 2023, lượng mưa bình quân từ 135 - 189 mm, tổng lượng mưa là 1.617,7 - 2.262,7 mm/năm. Mùa mưa chiếm 80 - 85%, mùa khô chỉ chiếm 15 - 20% lượng nước. Lượng mưa phân bố đều qua các tháng 4 - tháng 11 trong năm 2017 và đạt cao nhất trong 4 năm, 2.262,70 mm. Tuy nhiên, năm 2019 lượng mưa ít hơn hẳn so với các năm trước, lượng mưa tập trung vào tháng 9 cao nhất 323,1 mm. Từ năm 2021, lượng mưa đã khôi phục lại mức trên 2.000 mm và duy trì đến năm 2023.



Hình 1.4: Biểu đồ lượng mưa bình quân năm giai đoạn 2010-2023 trạm Long Khánh



Hình 1.5: Bản đồ đẳng trị mưa trung bình nhiều năm tỉnh Đồng Nai

c. Gió

Tỉnh Đồng Nai nằm trong khu vực vừa chịu ảnh hưởng của hoàn lưu tín phong đặc trưng cho đới nội chí tuyến, lại vừa chịu sự chi phối ưu thế của hoàn lưu gió mùa khu vực Đông Nam bộ. Tốc độ gió bình quân biến đổi trong khoảng từ 1,5-3,0 m/s, có xu thế tăng dần khi ra biển và giảm dần khi vào sâu trong đất liền. Tốc độ gió lớn nhất có thể đạt đến 20-25 m/s, xuất hiện trong bão và xoáy lốc. Hàng năm, nhìn chung gió mạnh thường xuất hiện vào mùa khô, từ tháng 11 - 4 năm sau và gió yếu hơn vào mùa mưa, từ tháng 6 - 10. Tuy nhiên, do địa hình chi phối, cũng có các trường hợp ngoại lệ.

Do tỉnh Đồng Nai có khí hậu nhiệt đới gió mùa phân thành hai mùa rõ rệt, là mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Trong mùa khô, hướng gió chủ yếu trong nửa đầu mùa là Bắc - Đông Bắc, nửa cuối mùa chuyển sang hướng Đông - Đông Nam. Trong mùa mưa, gió chủ yếu là gió mùa Tây Nam thịnh hành từ cuối tháng 5 đến đầu tháng 8.

Tại mỗi địa phương hướng và tốc độ gió không đồng nhất, do ảnh hưởng của địa hình. Hướng gió thịnh hành trong năm ở Biên Hòa là hướng Nam - Tây Nam, tần suất (12,6 - 11%); ở Long Khánh lại là hướng Đông Nam và Tây (17,2 - 13,1%); ở Trại An là hướng Đông (16,1%); ở La Ngà chủ yếu hướng Đông Nam (17,9%). Nhưng nhìn chung tần suất lặng gió là cao nhất, từ 25 - 40% số lần quan trắc trong năm.

1.1.3.2. Đặc điểm thủy văn

a. Các đặc trưng dòng chảy

* Dòng chảy năm

Sự phân hóa chế độ mưa theo không gian đã kéo theo sự phân hóa dòng chảy khá sâu sắc trên địa bàn tỉnh.

Lượng mưa trung bình năm trên toàn tỉnh là 2.174 mm, tương ứng với mô đun dòng chảy vào khoảng 31,44 l/s/km², ứng với lớp dòng chảy vào khoảng 990 mm, đạt hệ số dòng chảy 0,5 là loại có dòng chảy lớn nhất miền Đông Nam Bộ. Theo sự phân bố tiểu vùng mưa, ta cũng có 3 tiểu vùng với đặc trưng dòng chảy khác nhau như: tiểu vùng phía Bắc có mô đun dòng chảy bình quân lớn hơn 34 l/s/km² nhưng tiểu vùng Nam Quốc lộ 1 thì mô đun dòng chảy chỉ khoảng 29 l/s/km².

Bảng 1.2: Phân phối dòng chảy năm tại một số trạm vùng nghiên cứu (đơn vị:mm)

Trạm	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	BQ
Tà Lài	67,8	41,5	30,6	34,6	70,8	233,2	417,7	717,9	767,9	693,5	363,7	144,3	298,6
Tà Pao	21,0	13,6	99,0	11,8	25,6	73,5	101,7	191,0	170,8	163,1	86,0	40,3	75,7
Trại An	121,4	81,9	59,1	55,7	73,6	463,7	781,5	998,2	1149,7	969,4	575,6	253,5	465,3
Lá Buông	2,8	2,3	1,8	1,7	4,5	7,9	11,9	15,2	18,0	17,1	9,7	5,2	8,2

Nguồn: Viện Thủy lợi và Môi trường tổng hợp

Theo thời gian dòng chảy cũng bị phân hóa mạnh mẽ. Mùa lũ từ tháng VI đến tháng XI xuất hiện sau mùa mưa khoảng 2 tháng, chiếm 80% tổng lượng dòng chảy năm. Mùa

kiệt thường bắt đầu từ tháng XII năm trước đến tháng V, VI năm sau chiếm 20% tổng lượng dòng chảy năm.

*** Dòng chảy lũ trên dòng chính**

Ngoài sự phân hóa mạnh mẽ theo không gian, chế độ dòng chảy trên các sông, suối trong tỉnh cũng có sự phân hóa theo thời gian và hình thành nên hai mùa lũ-kiệt đối lập nhau. Theo các tiêu chuẩn phân mùa thông dụng, mùa lũ trên dòng chính sông Đồng Nai và sông La Ngà bắt đầu vào khoảng tháng VI-VII, nghĩa là xuất hiện sau mùa mưa từ 1-2 tháng, do tổn thất sau một mùa khô khắc nghiệt kéo dài. Tuy nhiên, trên các sông, suối nhỏ trong tỉnh, do khả năng điều tiết nước kém, lại thêm lượng thấm đầu mùa lớn, nên nhìn chung phải đến cuối tháng VII, đầu tháng VIII mới vào mùa lũ thực sự, chậm hơn mùa mưa 2-3 tháng. Đồng thời với kết thúc mưa, các sông suối trong tỉnh cũng chấm dứt mùa lũ vào khoảng tháng XI. Như vậy, mùa lũ trên sông chính được duy trì trong 5-6 tháng và trên các sông suối nhỏ là 4-5 tháng.

Riêng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, có thể chia lũ trên dòng chính ra làm 2 khu vực có chế độ lũ khác nhau như sau:

+ Khu vực thượng lưu hồ Trị An, bao gồm dòng chính Đồng Nai đến hồ Trị An và hạ lưu sông La Ngà. Đối với thượng lưu hồ Trị An hiện bị điều tiết bởi các hồ chứa thượng lưu như Đa Nhím, Đồng Nai 2, Đồng Nai 3, 4, 5 và Hàm Thuận – Đa Mi nên lũ hàng năm bị cắt giảm đáng kể.

+ Khu vực hạ lưu Trị An: Lũ trước đây ảnh hưởng trực tiếp từ thượng lưu, nhưng từ năm 1989 đến nay, khi có hồ Trị An, lũ hầu như bị điều tiết bởi hồ, với lưu lượng xả qua turbine vào mùa lũ từ 600-900 m³/s. Gặp năm có lưu lượng lũ thượng lưu lớn, hồ còn xả tràn với lưu lượng từ 1.000-2.000 m³/s (như lũ năm 2000). Hạ lưu Trị An còn có sự đóng góp lũ từ sông Bé. Tuy nhiên, từ năm 1993, khi có hồ Thác Mơ, lưu lượng lũ cũng bị cắt giảm từ 10-40% so với tự nhiên. Vùng ảnh hưởng triều mạnh, tình hình ngập còn là sự phối hợp giữa lũ và triều.

*** Lũ trên sông suối nhỏ**

So với lũ trên dòng chính Đồng Nai và La Ngà, lũ trên các sông, suối nhỏ trong tỉnh diễn biến phức tạp hơn nhiều. Bên cạnh những sông, suối chảy trực tiếp ra dòng chính Đồng Nai và La Ngà, những sông, suối nhỏ độc lập khác cũng có những đặc trưng riêng.

Trước hết, lũ trên các sông, suối nhỏ hầu như gắn rất chặt với diễn biến mưa, kể cả mưa trong năm và mưa trận gây lũ. Ở lưu vực lớn, để gây lũ lớn cần có mưa lớn trên diện rộng (ít nhất 50% diện tích lưu vực) do bão và áp thấp nhiệt đới gây nên, song đối với sông, suối nhỏ, chỉ cần mưa giông nhiệt cục bộ trên quy mô vài km² cũng có thể gây lũ lớn, thậm chí lũ quét. Những trận mưa từ 30-50 mm có thể chưa gây lũ lớn trên dòng chính nhưng đã có thể gây lũ lớn trên sông, suối nhỏ. Với mưa từ 50-100 mm, lũ trên các sông, suối nhỏ xảy ra khá lớn, có thể gây nên lũ quét mức độ thấp. Những trận mưa trên 100 mm thực sự gây lũ lớn, thậm chí lũ quét cường suất cao trên từng lưu vực.

*** Tình hình diễn biến dòng chảy kiệt**

Nhìn chung các sông suối trong vùng có điều kiện khí hậu, thủy văn khá đồng nhất. Mùa lũ kéo dài 5 tháng (VII-XI). Mùa kiệt kéo dài 7 tháng (XII-VI), dòng chảy tháng kiệt nhất trung bình nhiều năm thường rơi vào tháng III hàng năm.

Về thời gian xuất hiện dòng chảy tháng kiệt ở hầu hết các nơi thường vào từ tháng II, III, IV. Riêng trên sông La Ngà, tại Tà Pao có năm xuất hiện vào tháng V. Ngược lại các sông suối vùng ven biển thời gian kiệt thường muộn hơn tức là vào tháng IV chiếm đa số (trạm An Viễn). Môđun dòng chảy trung bình tháng kiệt nhất từ 3,40-6,40 l/s.km², lớn nhất từ 4,20-10,80 l/s.km² và nhỏ nhất từ 1,70-3,2 l/s.km². Đối với các lưu vực sông, suối nhỏ, tình trạng kiệt nhìn chung khắc nghiệt hơn nhiều so với trên các sông lớn. Ở một số suối nhỏ (diện tích lưu vực dưới 10 km²) thì hầu như hết mưa là hết nước và dòng chảy kiệt phụ thuộc hoàn toàn vào thời gian chấm dứt mùa mưa (thường là cuối tháng 10 âm lịch hàng năm, đa số các suối nhỏ trên địa bàn tỉnh sẽ cạn nước).

Bảng 1.3: Đặc trưng dòng chảy kiệt tháng (trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất)

	Lưu vực km ²	Trung bình		Lớn nhất			Nhỏ nhất		
		Q (m ³ /s)	M (l/s.km ²)	Q (m ³ /s)	M (l/s.km ²)	Xuất hiện	Q (m ³ /s)	M (l/s.km ²)	Xuất hiện
Phú Hiệp	3060	15,2	4,97	27,3	8,92	III/2002	5,23	1,71	III/1998
Tà Lại	8850	46,3	5,23	81,6	9,22	III/2000	26,9	3,04	III/1992
Trị An	14025	47,3	3,37	58,6	4,18	III/1982	32,0	2,28	III/1978
Tà Pao	2000	9,17	4,59	17,8	8,90	III/1999	5,30	2,65	III/1998

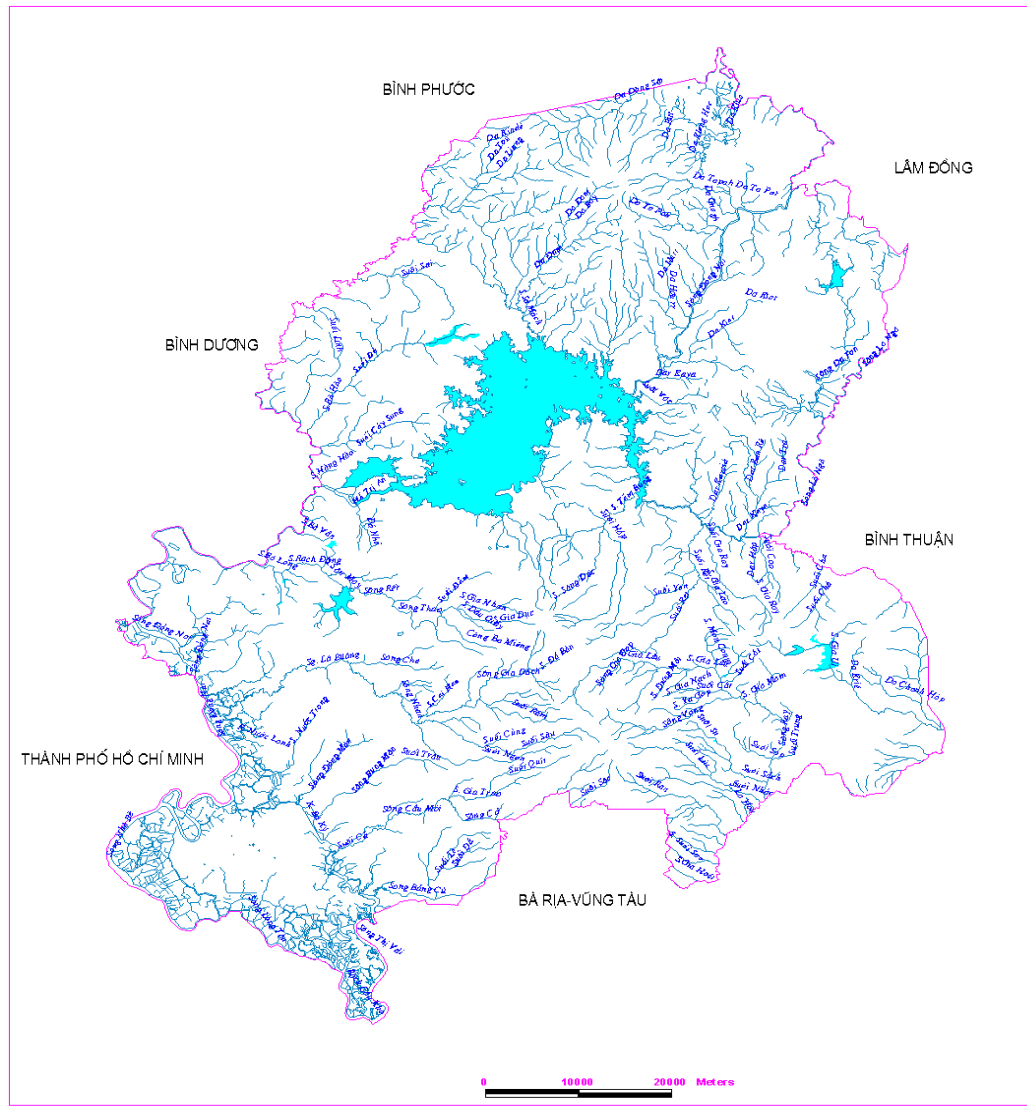
Nguồn: Viện Thủy lợi và Môi trường tổng hợp

b. Mạng lưới sông ngòi

Tỉnh Đồng Nai nằm ở trung và hạ lưu lưu vực sông Đồng Nai, các hoạt động phát triển liên quan đến tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh đều luôn chịu sự tác động của các hoạt động liên quan trên các sông suối ở trên lưu vực này.

Lưu vực sông Đồng Nai là hệ thống sông lớn đứng hàng thứ 3 của Việt Nam sau lưu vực sông Cửu Long và lưu vực sông Hồng – Thái Bình. Lưu vực hệ thống sông Đồng Nai bao gồm toàn bộ hoặc hầu hết diện tích các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, TP. Hồ Chí Minh, phần lớn tỉnh Lâm Đồng, một phần các tỉnh Đắk Nông, Bình Thuận và Long An có diện tích tự nhiên khoảng 40.680 km², trong đó có 10% thuộc lãnh thổ Campuchia.

Hệ thống sông Đồng Nai gồm dòng chính Đồng Nai và 4 phụ lưu lớn là sông La Ngà ở phía bờ trái, sông Bé, sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ ở phía bờ phải. Tổng lượng dòng chảy trung bình năm của sông Đồng Nai khoảng 37 tỷ m³ nước.



Hình 1.6: Bản đồ hệ thống sông suối trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

- Dòng chính sông Đồng Nai bắt nguồn từ vùng núi cao của cao nguyên Langbiang thuộc dãy Trường Sơn Nam, với độ cao khoảng 2.000 m gồm hai nhánh ở thượng nguồn là Đa Dung và Đa Nhim. Hướng chảy chính của sông theo hướng Đông Bắc – Tây Nam, đi qua các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông, Bình Phước, Đồng Nai, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh và Long An. Tổng chiều dài của dòng chính tính theo nhánh Đa Nhim tới cửa Soài Rạp là 628 km.

- Sông La Ngà bắt nguồn từ vùng núi cao Di Linh – Bảo Lộc ở độ cao từ 1.300–1.600 m, chảy theo phía Tây tỉnh Bình Thuận rồi nhập vào dòng chính sông Đồng Nai tại cầu La Ngà, cách đập Trị An 38km. Tổng diện tích lưu vực là 4.100 km². Đoạn chảy qua tỉnh Đồng Nai có diện tích lưu vực 1.032,75 km² và chiều dài khoảng 60 km.

- Sông Bé là chi lưu lớn nhất của sông Đồng Nai, bắt nguồn từ vùng núi phía Tây của vùng Nam Tây nguyên ở độ cao 600-800m với 3 nhánh lớn là Dak R'Lap, Dak Glun và Dak Guyot. Sông chảy qua tỉnh Đắk Nông, Bình Phước và Bình Dương rồi nhập vào sông Đồng Nai tại hạ lưu thác Trị An 6km với chiều dài 350km và diện tích lưu vực 7.650km². Đoạn chảy qua tỉnh Đồng Nai có diện tích lưu vực 537,46km² và chiều dài khoảng 30km.

- Ngoài các sông lớn có liên quan đến các tỉnh khác, còn có một số sông suối nhỏ khác mà lưu vực nằm trọn trong tỉnh hoặc liên quan đến tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tỉnh Bình Thuận, đó là:

+ *Sông Buông*

Sông Buông được hình thành từ 3 nhánh suối chính là suối Gia Dách, suối Sấu và suối Ngọn bắt nguồn từ các vùng đồi thuộc TX. Long Khánh và huyện Cẩm Mỹ. Dòng chính sông Lá Buông khá rộng, sâu, hai bên bờ phần lớn là tre và bụi rậm. Từ điểm hợp lưu này trở lên được xem như là phần thượng lưu sông. Mật độ sông suối ở vùng này khá dày. Sau khi hợp nhau sông chảy qua vùng tương đối bằng phẳng và đổ vào dòng chính sông Đồng Nai tại điểm hạ lưu cầu Đồng Nai (trên QL1A) khoảng 10 km. Phần trung lưu sông được tính từ hợp lưu 3 nhánh suối xuống đến thượng nguồn cầu Sông Buông trên QL 51. Phần hạ lưu sông được tính từ sau cầu Sông Buông ra sông Đồng Nai. Sông Buông có hướng chảy từ Đông sang Tây, độ dài sông tính theo nhánh dài nhất (suối Gia Dách) khoảng 53 km. Đặc điểm chung của sông Buông là sông ngoằn ngoèo trên toàn lưu vực. Các nhánh sông ở phía thượng lưu có lòng sông nhỏ, hẹp và sâu, đặc biệt là đoạn trung lưu. Các nhánh sông ở phía hạ lưu có độ dốc khá nhỏ và chịu tác động của chế độ triều ở hạ lưu Đồng Nai cũng như chế độ dòng chảy của sông này. Tổng diện tích lưu vực sông là 473,86 km². Mật độ lưới sông 1 km/km². Độ dốc lưu vực 0,002⁰.

+ *Sông Ray*

Bắt nguồn từ xã Hàng Gòn Long Khánh tỉnh Đồng Nai chảy qua huyện Xuyên Mộc (Đồng Nai) rồi đổ ra biển Đông tại cửa Bà Đáp giữa 2 huyện Xuyên Mộc và Long Đất với chiều dài 101 km và diện tích lưu vực 1.250 km²; riêng phần chảy qua tỉnh Đồng Nai có diện tích lưu vực 545,07 km². Đây là con sông có nguồn nước khá dồi dào. Trên dòng chính, hồ Sông Ray đã được khởi công xây dựng trong năm 2005 để phục vụ cấp nước phát triển kinh tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Sông Ray bao gồm nhiều nhánh sông suối lớn nhỏ chảy vào, nhưng phân bố không đều trên lưu vực. Phía bờ hữu và một phần hạ lưu bờ tả kể từ sau hợp lưu suối Giàu có nhiều sông suối và phân bố khá đều. Đoạn trung lưu phía bờ tả có rất ít các suối và thường nhỏ. Các nhánh chính ở phần thượng lưu gồm suối Gia Liêu, suối Mor Cuom, suối Cát, suối Gia Man. Ở phần trung lưu có các nhánh suối Gia Nách, suối Vọng, suối Sách, suối Lức, suối Lê, suối Tân Ba, suối Giàu, suối Bà Lú, suối Trong.

+ *Hệ thống suối Cả-sông Thị Vải*

Suối Cả, suối Le, sông Thị Vải tạo thành hệ thống sông riêng biệt nằm bên bờ trái sông Đồng Nai và cũng đổ ra cửa tại vịnh Gành Rái. Phần thượng lưu gồm có suối Cả và suối Le bắt nguồn từ vùng đồi của huyện Long Thành chảy vuông góc với quốc lộ 51 rồi đổ vào sông Thị Vải. Suối Cả có chiều dài 41 km và diện tích lưu vực 185 km². Suối Le có chiều dài 19 km và diện tích lưu vực 85 km². Sông Thị Vải được kể từ phần hạ lưu chịu ảnh hưởng của thủy triều với chiều dài 29 km. Sông Thị Vải do rộng và sâu, lại gần cửa biển nên dự kiến sẽ bố trí cụm cảng nước sâu trong tương lai. Tổng diện tích lưu vực sông Thị Vải thuộc địa bàn tỉnh Đồng Nai là 436,75 km².

+ *Sông Dinh (Gia Ui)*

Sông Dinh (phía thượng nguồn gọi là Gia Ui) bắt nguồn từ vùng núi Chứa Chan huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, cao độ 837 m, chảy qua một phần của huyện Xuân Lộc tỉnh Đồng Nai và Xuyên Mộc tỉnh Đồng Nai rồi qua huyện Hàm Tân tỉnh Bình Thuận và đổ ra biển tại cửa La Gi, có diện tích lưu vực 862 km², chiều dài 59 km; riêng phần chảy qua tỉnh Đồng Nai có diện tích lưu vực 208,04 km².

+ *Sông Rạch Đông- Sông Thao-Suối Rết*

Là một nhánh nhỏ ở bên trái sông Đồng Nai, bắt nguồn từ huyện Thống Nhất chảy qua huyện Trảng Bom rồi đổ vào sông Đồng Nai tại xã Thiện Tân huyện Vĩnh Cửu. Sông có diện tích lưu vực 284,24 km².

+ *Suối Nước Trong-Bưng Môn*

Là một nhánh nhỏ nằm bên trái hạ lưu sông Đồng Nai, bắt nguồn từ vùng đồi núi giáp ranh giữ huyện Cẩm Mỹ và Long Thành rồi đổ về hạ lưu sông Đồng Nai tại khu vực giáp ranh giữa huyện Long Thành và Nhơn Trạch. Sông có diện tích lưu vực khoảng 232,55 km².

+ *Các suối nhỏ thuộc khu vực TP. Biên Hòa*

Đây là những nhánh suối nhỏ thuộc khu vực thành phố Biên Hòa. Các nhánh suối nhỏ chảy trực tiếp vào dòng chính sông Đồng Nai. Tổng diện tích các sông suối nhỏ này khoảng 190,59 km². Các suối này chảy qua khu vực nội thị của thành phố Biên Hòa nên nhìn chung chất lượng nước ở đây bị ô nhiễm.

1.1.3.3. Thủy triều

Sông Đồng Nai chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều biển Đông có biên độ lớn (3,5 - 4,0 m), lên xuống ngày 2 lần, với hai đỉnh xấp xỉ nhau và hai chân lệch nhau khá lớn. Thời gian giữa hai chân và hai đỉnh vào khoảng 12,0 - 12,5 giờ và thời gian một chu kỳ triều ngày là 24,83 giờ.

Hàng tháng có 2 lần triều cao (triều cường) và 2 lần triều thấp (triều kém) theo chu kỳ trăng. Dạng triều lúc cường và lúc kém cũng khác nhau, và trị số trung bình của các chu kỳ ngày cũng tạo thành một sóng có chu kỳ 14,5 ngày với biên độ 0,30 - 0,40 m.

Trong năm, đỉnh triều có xu thế cao hơn trong khoảng tháng XII-I và chân triều có xu thế thấp hơn trong khoảng tháng VII-VIII. Đường trung bình các chu kỳ nửa tháng cũng là một sóng có trị số thấp nhất vào tháng VII-VIII và cao nhất vào tháng XII-I.

Theo hệ cao độ Hòn Dấu, triều ven Biển Đông có mực nước đỉnh trung bình vào khoảng 1,1-1,2 m, các đỉnh cao có thể đạt đến 1,3-1,4 m và mực nước chân trung bình từ -2,8 đến -3,0 m, các chân thấp xuống dưới -3,2 m.

Nhờ có biên độ cao tạo năng lượng lớn, lòng sông sâu và độ dốc thấp, thủy triều từ biển truyền vào rất sâu trên sông. Trên sông Đồng Nai, thủy triều ảnh hưởng đến chân thác Trị An, cách biển 152 km. Cửa sông Bé nằm dưới thác Trị An 6 km cũng bị thủy triều ảnh hưởng vào chừng 10 km.

1.1.3.4. Xâm nhập mặn

Xâm nhập mặn là hiện tượng quan trọng và đáng quan tâm hơn cả ở phần hạ lưu sông Đồng Nai. XNM cũng rất nhạy cảm với việc khai thác nguồn nước cả ở thượng và hạ lưu. Với đặc điểm tự nhiên như lòng sông sâu, độ dốc thấp, biên độ triều lớn, nước mặn từ biển theo dòng triều xâm nhập rất sâu trên sông về phía thượng lưu, đặc biệt là trong các tháng giữa và cuối mùa khô (tháng III-V). Mặn xâm nhập sâu trong mùa kiệt xảy ra đồng thời với mùa khô không mưa kéo dài gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân vùng hạ lưu.

Mùa khô 2015-2016 trên khu vực tỉnh Đồng Nai hầu hết không mưa, tình hình XNM xảy ra nghiêm trọng, đặc biệt trong tháng 3/2016 độ mặn tại một số khu vực cao hơn làm ảnh hưởng đến nguồn nước phục vụ sản xuất và vận chuyển mía tại hệ thống thủy lợi ông Kèo huyện Nhơn Trạch.

Theo số liệu của Đài KTTV Đồng Nai cho thấy tình hình mùa khô năm 2016-2023 khá khắc nghiệt, trữ lượng nước trong các sông suối đầu mùa khô thấp hơn so với cùng kỳ các năm trước. Mùa mưa năm 2019 có lượng mưa thấp hơn trung bình nhiều năm (chỉ đạt 92%). Hơn nữa, mùa mưa năm 2019 lại kết thúc sớm (vào đầu trung tuần tháng 11-2019) và hầu như không có mưa trái mùa nên mùa khô năm 2020 sẽ khắc nghiệt hơn. Năm 2019, huyện Nhơn Trạch xảy ra XNM vào nội đồng, ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển, giảm năng suất khoảng 210 ha cây lúa vụ Đông Xuân năm 2019 - 2020, tập trung tại một số khu vực các xã: Long Tân, Phước Thiện, Đại Phước.

Bảng 1.4: Bảng độ mặn tại một số vị trí trên sông Đồng Nai một số năm gần đây

Điểm đo	Cách biển (km)	Năm 2016		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
		Smax	ngày	Smax	ngày	Smax	ngày	Smax	ngày	Smax	ngày
C. Đồng Nai	88	0.8‰	3/2016			0.3‰	28/3	0.2‰	19/1	0	
Long Đại	80			2.9‰	11/4						
Rạch Giông	65	7.9‰	05/3			5,2‰	24/01	3,0‰	19/2	2,2‰	29/1
Cát Lái	58	9‰	3/2016	9,7‰	10/4	7,6‰	04/4	4,5‰	19/2	4,6‰	11/3

Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai, năm 2023

1.1.4. Đặc điểm dân sinh

Ước tính dân số trung bình năm 2023 của tỉnh Đồng Nai là 3.310,86 nghìn người, tăng 1,69% so cùng kỳ, trong đó nam là: 1.649,81 ngàn người, tăng 1,7% và chiếm 49,83%; nữ là: 1.661,05 nghìn người, tăng 1,68% và chiếm 50,17%. Chia theo khu vực: thành thị 1.508,36 nghìn người, tăng 2,59% và chiếm 45,56% nông thôn: 1.802,5 nghìn người, tăng 0,95% và chiếm 54,44%.

Lao động: Số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc năm 2023 dự ước 1.750 nghìn người, tăng 0,2%, trong đó lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng là 1.001 nghìn người, tăng 1,26%; lao động ngành dịch vụ là 547,75 nghìn người, tăng 1,62% so cùng kỳ.

1.1.5. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Tình hình kinh tế - xã hội trên địa tỉnh năm 2023 đạt những kết quả tích cực như sau: Tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn tỉnh (theo giá so sánh 2010) ước đạt 246.448,8 tỷ đồng, tăng 5,3% so với cùng kỳ, mức tăng trưởng dự ước thấp hơn nhiều so với mục tiêu cả năm (Mục tiêu cả năm 2023 từ 7,5-8,5%) và thấp hơn những năm bình thường của nhiều năm qua (trừ năm 2020 và năm 2021 do dịch Covid-19) trong đó: Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,45%; Công nghiệp - xây dựng tăng 5,3% (trong đó ngành xây dựng tăng cao 17,2%; công nghiệp tăng 4,33%); Dịch vụ tăng 6,44% và Thuế sản phẩm tăng 4,22%.

Cơ cấu kinh tế năm 2023 dự ước khu vực nông - lâm - thủy sản chiếm 9,33%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 59,47%; Dịch vụ chiếm 23,47%; Thuế sản phẩm chiếm 7,73%.

Tổng sản phẩm bình quân đầu người (GRDP/người) năm 2023 (theo giá hiện hành) dự ước đạt 139,75 triệu đồng (Nghị quyết 145-150 triệu đồng).

Năm 2023 các hoạt động văn hóa, xã hội và chính sách an sinh xã hội tiếp tục đẩy mạnh thực hiện và đạt được kết quả quan trọng, đời sống dân cư được quan tâm và cải thiện đáng kể, cụ thể như sau:

- Năm 2023, ngành Giáo dục - đào tạo chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp, theo đó tổ chức hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn bảo chất lượng giáo dục trên địa bàn. Tổ chức tốt các kỳ thi, trong đó có kỳ thi học sinh giỏi lớp 12 cấp tỉnh; kỳ thi học sinh giỏi quốc gia năm 2023 và tổ chức thành công kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, kết quả: Tỷ lệ tốt nghiệp THPT (tính cả thí sinh tự do) đạt 97,10% (*tăng 0,26% so với năm 2022*) trong đó khối THPT đạt 99,34%, khối Giáo dục thường xuyên đạt 87,98%.

- Hoạt động y tế bảo vệ chăm sóc sức khỏe cho người dân đạt nhiều kết quả tích cực. Trong năm 2023, tình hình dịch COVID-19 đã được kiểm soát tốt trên địa bàn tỉnh. Tổng số ca mắc mới từ đầu năm đến 19/12/2023 ghi nhận 2.560 ca, có 02 ca tử vong. Tính đến nay, toàn tỉnh đã thực hiện tiêm 8.286.262 liều vắc xin phòng COVID-19 cho người dân.

- Năm 2023 các hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn đạt thành tích khá: Tham gia 20 giải quốc tế và 02 kỳ Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games 32 và PARA Games 12), đạt tổng cộng 37 huy chương các loại (13 HCV, 18 HCB, 06 HCD); Tham gia 99 giải quốc gia và 11 giải Cụm, khu vực, mở rộng, đạt được 648 huy chương các loại (200 HCV, 196 HCB, 252 HCD).

- Đời sống của dân cư tiếp tục được cải thiện. Năm 2023, thu nhập bình quân đầu người ước đạt 139,75 triệu đồng/người tăng 4,6% so cùng kỳ; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của tỉnh là 0,8%; tỷ lệ hộ sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh là 100%; tỷ lệ hộ dùng hố xí hợp vệ sinh là 98,78% .

1.1.6. Đặc điểm kết cấu hạ tầng

1.1.6.1. Hệ thống đường giao thông

Đồng Nai là một trong những địa phương trọng điểm về phát triển kinh tế của khu vực phía Nam. Là tỉnh công nghiệp, nhu cầu đi lại, vận chuyển, lưu thông hàng hóa trên tuyến đường bộ rất lớn. Trong nhiều năm qua, mạng lưới giao thông trên địa bàn tỉnh luôn được các bộ, ngành liên quan cùng chính quyền địa phương chú trọng đầu tư xây dựng. Ngày càng có nhiều tuyến đường giao thông trọng điểm kết nối liên vùng, giải quyết ùn tắc giao thông tại khu vực cửa ngõ, nút giao phức tạp được xây dựng và đi vào hoạt động tạo điều kiện cho việc đi lại, vận chuyển, lưu thông hàng hóa trên địa bàn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tỉnh Đồng Nai hiện có đường cao tốc TP.HCM - Long Thành - Dầu Giây dài 55,7km; có các tuyến quốc lộ với tổng chiều dài khoảng 244,22km. Các tuyến tỉnh lộ gồm 25 tuyến với tổng chiều dài 606,31 km đều được nối liền với hệ thống Quốc lộ.

Về giao thông thủy, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 13 tuyến sông, rạch lớn được phân cấp đường thủy nội địa từ cấp II đến cấp VI do Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp quản lý với chiều dài 112,35 km và 542 tuyến kênh rạch với chiều dài 2.406,1 km do ủy ban nhân dân huyện, thành phố quản lý.

Tỉnh Đồng Nai có 3 khu cảng gồm có Khu cảng trên sông Đồng Nai, Khu cảng trên sông Nhà Bè – Lòng Tàu, và Khu cảng trên sông Thị Vải. Trong đó Khu cảng trên sông Đồng Nai gồm có các cảng là cảng Đồng Nai, cảng SCTGAS-VN và cảng VTGAS (sử dụng bốc xếp hàng lỏng quy mô cho tàu 1000 DWT), cảng tổng hợp Phú Hữu II, Cảng tại khu vực Tam Phước, Tam An. Các cảng tại Khu cảng trên sông Nhà Bè – Lòng Tàu gồm có cảng gỗ mảnh Phú Đông, cảng xăng dầu Phước Khánh, cảng nhà máy đóng tàu 76, cảng tổng hợp Phú Hữu 1, cảng cụm Công nghiệp Vật liệu xây dựng Nhơn Trạch, cảng nhà máy dầu nhờn Trâm Anh, cảng VIKOWOCHIMEX, cảng Sun Steel – China Himint, và các cảng chuyên dùng khác. Các cảng Khu cảng trên sông Thị Vải gồm có cảng Phước An, cảng Phước Thái, cảng Gò Dầu A, cảng Gò Dầu B, cảng Super Photphat Long Thành, cảng nhà máy Unique Gas.

1.1.6.2. Cơ sở hạ tầng công nghiệp

Tính đến tháng 12/2023, Đồng Nai hiện có 33 khu công nghiệp (KCN) được thành lập với tổng diện tích hơn 10,5 ngàn ha. Trong đó, 31 KCN đang hoạt động, 1 KCN trong giai đoạn thu hồi đất và đầu tư xây dựng hạ tầng, thu hút đầu tư (KCN Công nghệ cao Long Thành); 1 KCN vừa được thành lập trong tháng 7-2023 (KCN Long Đức 3). Đến nay, 32/33 KCN đã cho thuê được hơn 6 ngàn ha.

Đồng Nai quy hoạch 27 CCN với tổng diện tích là 1.493,239 ha. Về tiến độ thủ tục pháp lý cụm công nghiệp, tính đến thời điểm tháng 12 năm 2023, 24/27 CCN đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết; 16/27 CCN đã được phê duyệt quyết định thành lập. Về hiệu quả hoạt động, tính đến quý I năm 2023, 15 CCN (với tổng diện tích là 855,789 ha) đã có 190 dự án thứ cấp đăng ký đầu tư, với tổng diện tích đã cho thuê khoảng 359,89/558,6 ha tổng diện tích đất công nghiệp, tỷ lệ lấp đầy đạt 64,43%.

1.1.6.3. Cơ sở giáo dục, đào tạo

Tỉnh Đồng Nai hiện có 922 cơ sở giáo dục với 691.990 học sinh. Trong đó: Giáo dục mầm non có 374 trường, với 121.870 trẻ; Cấp tiểu học có 291 trường, với 295.190 học sinh; Cấp THCS có 170 trường với 194.920 học sinh; Cấp THPT có 87 trường với 80.010 học sinh.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 3 trường đại học, bao gồm 1 trường công lập và 2 trường ngoài công lập. Số giáo viên đại học là 1.122 người. Số sinh viên đại học là 18.690 sinh viên

Toàn tỉnh có 611.980 học sinh các cấp từ Mẫu giáo đến THCS là đối tượng dễ bị tổn thương bởi thiên tai.

Trong những năm qua tỉnh Đồng Nai đã tập trung nguồn lực phát triển hệ thống trường lớp. Đến nay phần lớn các trường học trên địa bàn tỉnh đều được đầu tư kiên cố và khang trang. Các trường học vừa là nơi thực hiện chức năng giáo dục đào tạo, vừa là nơi để sơ tán dân trong phòng chống thiên tai.

1.1.6.4. Cơ sở y tế

Số cơ sở khám chữa bệnh do Nhà nước quản lý tại thời điểm 31/12/2022 là 588 cơ sở. Trong đó có 21 bệnh viện; 74 phòng khám đa khoa khu vực; 171 trạm y tế xã, phường, cơ quan, xí nghiệp; cơ sở y tế khác là 322 cơ sở. Số giường bệnh tại thời điểm trên là 10.920 giường, trong đó có 7.760 giường trong các bệnh viện, 410 giường tại phòng khám đa khoa; 850 giường tại các trạm y tế và 1.900 giường tại các cơ sở y tế khác. Số giường bệnh do các cơ sở y tế nhà nước quản lý (không tính tại các trạm y tế xã, phường, cơ quan, xí nghiệp) bình quân 01 vạn dân năm 2022 là 30,0 giường bệnh.

Tại thời điểm 31/12/2022, số nhân lực y tế do Nhà nước quản lý là 12.041 người, trong đó 9.491 người làm việc trong ngành Y, 2.550 người làm việc trong ngành Dược. Số bác sĩ bình quân 1 vạn dân là 8,5 người.

Thực hiện Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới; bằng nhiều nguồn vốn hợp pháp khác nhau chính quyền các cấp đã tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị cho y tế cơ sở nhằm tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân và đảm bảo mọi người dân đều được hưởng các dịch vụ y tế cơ bản có chất lượng; đến nay hầu hết các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh, trung tâm y tế huyện, thành phố, trạm y tế xã, phường, thị trấn đã được xây dựng kiên cố hóa, chống chịu được gió bão cấp 9-10 và cũng là nơi khám chữa bệnh kết hợp tránh trú gió bão cho nhân dân.

1.1.6.5. Hệ thống điện lưới

- Hệ thống đường dây và trạm biến áp Cao thế (110kV): Toàn tỉnh Đồng Nai được cấp điện qua hệ thống đường dây 110 kV với tổng chiều dài 597,66 km và 28 TBA 110 kV với tổng công suất lắp đặt là 2.902 MVA;

- Hệ thống đường dây và trạm biến áp trung thế (22kV, 12,7KV):

- + Đường dây trung áp: 6.388 km;
- + Đường dây hạ áp: 7.223km;
- + Tổng số TBA phân phối: 17.297 trạm (TSĐL: 7.199 trạm, TSKH: 10.098 trạm) tương ứng 26.689 máy (TSĐL: 12.577 máy, TSKH: 14.112 máy) với tổng dung lượng 6.921.265 KVA.
- Số xã có điện lưới Quốc gia: là 170/170 xã có điện lưới quốc gia.
- Tỷ lệ hộ sử dụng điện: 813.111 hộ sử dụng điện, tỷ lệ 99,98% hộ sử dụng điện.
- Đánh giá các dự án điện gió, điện mặt trời trên địa bàn tỉnh: Tổng số khách hàng có lắp ĐMTMN đến hết tháng 2/2022 là 5.909 khách hàng, công suất là 680,316 MWP

1.1.6.6. Hệ thống thông tin liên lạc

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 16 doanh nghiệp đầu tư hạ tầng và cung cấp dịch vụ viễn thông như: VNPT Đồng Nai, Viettel Đồng Nai, Cty Cổ Phần Dịch Vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn-CN Đồng Nai, Công ty cổ phần viễn thông di động Vietnamobile, Công ty cổ phần viễn thông di động Toàn Cầu, Công ty cổ phần viễn thông FPT-Chi nhánh Đồng Nai và một số doanh nghiệp đầu tư hạ tầng viễn thông.

Hiện nay hạ tầng viễn thông đã được phủ rộng khắp trên địa bàn tỉnh, cụ thể: mạng truyền dẫn cáp quang đã đến hầu hết các xã, phường, thị trấn; 100% xã, phường, thị trấn có trạm thu, phát sóng thông tin di động; tỷ lệ dân số được phủ sóng di động 100%; số lượng thuê bao sử dụng dịch vụ điện thoại di động tăng; mạng cáp ngoại vi được triển khai rộng khắp, với nhiều tuyến được ngầm hóa tại trung tâm các huyện, thị xã, thành phố; số thuê bao điện thoại cố định năm 2020 khoảng 84.000 thuê bao, số thuê bao di động khoảng 3.704.000 thuê bao; Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet năm 2020 là 82,93%, trong đó khu vực thành thị là 84,81% và khu vực nông thôn là 75,95%.

Công tác theo dõi cảnh báo dự báo được cập nhật thường xuyên trên trang tin điện tử của tỉnh, Sở, ban ngành và các nhóm Zalo thường trực PCTT-TKCN tỉnh để cán bộ, nhân dân biết, tiến hành kết nối, chia sẻ, chủ động theo dõi thông tin chỉ đạo, điều hành công tác phòng, chống thiên tai và thông tin trên địa bàn tỉnh.

1.2. ĐẶC ĐIỂM VÀ TÌNH HÌNH THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN

Trong những năm gần đây, tình hình thời tiết, khí tượng – thủy văn diễn biến thất thường và ngày càng phức tạp đã ảnh hưởng đến các tỉnh Đông Nam bộ nói chung, tỉnh Đồng Nai nói riêng, gây thiệt hại về con người, nhà cửa, cơ sở hạ tầng và sản xuất.

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai; Căn cứ dữ liệu theo dõi, thống kê các loại hình thiên tai thường xuất hiện đối với khu vực tỉnh Đồng Nai gồm 09 nhóm loại hình chính gồm:

- 1- Bão, áp thấp nhiệt đới;
- 2- Đông, lốc, sét, mưa đá;
- 3- Hạn hán;

- 4- Xâm nhập mặn;
- 5- Lũ, ngập lụt;
- 6- Mưa lớn;
- 7- Sạt lở đất;
- 8- Nắng nóng;
- 9- Cháy rừng do tự nhiên.

1.2.1. Bão, áp thấp nhiệt đới

Trung bình hàng năm có khoảng 5÷7 cơn bão đổ bộ vào vùng biển gần bờ Việt Nam. Với hơn 3.000m đường bờ biển, ảnh hưởng của bão tới các hoạt động kinh tế xã hội của nước ta là rất lớn, gây nhiều thiệt hại về vật chất cũng như tính mạng con người. Dưới tác động của biến đổi khí hậu, trong những năm gần đây nhiều hiện tượng thời tiết và khí hậu cũng đã có những biến động đáng kể, trong đó vấn đề được nhiều nhà khoa học quan tâm là hoạt động của xoáy thuận nhiệt đới - bão. Nhìn chung, số lượng bão cũng như cường độ bão có xu hướng giảm dần từ Bắc vào Nam.

Trong những năm vừa qua, theo thống kê có 73 cơn bão và 26 ATNĐ trên Biển Đông, trong đó có 13 cơn bão và 03 ATNĐ ảnh hưởng trực tiếp đến thời tiết trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tuy tuy không đổ bộ trực tiếp vào địa bàn tỉnh, nhưng do ảnh hưởng bởi hoàn lưu của chúng đã gây ra lốc xoáy, mưa lớn làm thiệt hại và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sản xuất của người dân.

Bảng 1.5: Tổng hợp số cơn bão, ATNĐ từ 2016 – 2022

STT	Nội dung	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	Tổng
1	Số cơn Bão trên Biển Đông	10	16	9	8	14	9	7	73
2	Số cơn ATNĐ trên Biển Đông	9	4	3	4	1	3	2	26
3	Số cơn Bão ảnh hưởng gián tiếp thời tiết Đồng Nai	2	2	2	5	2	0	0	13
4	Số cơn ATNĐ ảnh hưởng gián tiếp thời tiết Đồng Nai	2			1		0	0	3

(Nguồn: Báo cáo TK công tác PCTT tỉnh Đồng Nai năm 2016-2022)

Bảng 1.6: Các cơn bão lớn ảnh hưởng trực tiếp đến Đồng Nai trong nhiều năm qua

STT	Tên bão	Thời gian	Cấp gió * (Thang Beaufort)	Mức độ tổn thương		
				Thấp	Trung bình	Cao
1	Bão số 9 (Durian)	11/2006	Cấp 9		x	
2	Bão số 1	3-4/2012	Cấp 9		x	
3	Bão số 9 (Usagi)	11/2018	Cấp 6-7	x		

() Cấp gió tại thời điểm bão dự kiến sẽ đổ bộ vào đất liền trong vòng 24-48h tới.*

- Trong năm 2006, cơn bão số 9 (Durian) đã nhiều lần đổi hướng và cường độ mạnh, kéo dài, ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực phía Nam. Bão đã làm 98 người chết và

1.770 người bị thương, làm sập khoảng 34.000 căn nhà, tốc mái gần 166.000 căn nhà. Trong đó tỉnh Đồng Nai có 04 người bị thương, sập 19 căn nhà, tốc mái 287 căn nhà và các trường học, cơ sở kinh doanh.

- Năm 2012, cơn bão số 1 đã ảnh hưởng trực tiếp đến địa bàn tỉnh Đồng Nai (từ ngày 31/3/2012 đến ngày 02/4/2012) làm cho 02 người chết, 11 người bị thương và thiệt hại nhiều tài sản, cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh. Ước thiệt hại khoảng 269 tỷ đồng.

- Trong năm 2018, tỉnh Đồng Nai bị ảnh hưởng bởi hoàn lưu cơn bão số 9 (Usagi) gây thiệt hại về sản xuất nông nghiệp khoảng 1,2 ha cây trồng, đổ ngã 66 cây ăn quả, hư hỏng 9 lồng bè nuôi thủy sản, 12 phương tiện khai thác thủy sản.

- Trong năm 2019, đã có 08 cơn bão và 04 áp thấp nhiệt đới hoạt động trên biển Đông, trong đó có 05 cơn bão và 01 ATNĐ gây mưa to đến rất to, làm ngập lụt cục bộ ở một số khu vực trên địa bàn tỉnh như: Tân Phú, Định Quán, Long Thành, Nhơn Trạch và thành phố Long Khánh, Thành phố Biên Hòa.

- Trong năm 2020 có 13 cơn bão và 01 ATNĐ hoạt động trên biển Đông, tuy nhiên chỉ có 2 cơn bão số 10 và số 12 ảnh hưởng đến thời tiết Đồng Nai.

- Trong năm 2021, đã có 09 cơn bão và 03 áp thấp nhiệt đới hoạt động trên biển Đông, trong đó có 03 cơn bão và 02 áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta. Tuy không ảnh hưởng trực tiếp nhưng hoàn lưu của một số cơn bão đã gây mưa nhiều nơi, có nơi mưa to đến rất to trên khu vực tỉnh Đồng Nai

- Trong năm 2022, đã có 07 cơn bão và 02 áp thấp nhiệt đới hoạt động trên biển Đông, trong đó có 04 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta. Tuy không ảnh hưởng trực tiếp nhưng hoàn lưu của một số cơn bão đã gây mưa nhiều nơi, có nơi mưa to đến rất to trên khu vực tỉnh Đồng Nai.

1.2.2. Đông, lốc, sét, mưa đá

Tỉnh Đồng Nai chịu ảnh hưởng bởi nhiều hệ thống gió mùa tạo nên sự phức tạp trong thời tiết của khu vực, ngoài gió mùa Đông Bắc lục địa ra thì địa bàn tỉnh còn chịu sự chi phối của gió mùa Ấn Độ Dương làm cho địa bàn tỉnh thường có mưa đông thời kì đầu mùa mưa từ đó gây ra đông lốc trên địa bàn.

Lốc, sét thường gây ra thiệt hại tại tất cả các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhưng ở phạm vi hẹp. Tuy nhiên, những năm gần đây, tình hình lốc, sét diễn biến ngày càng phức tạp, có xu hướng mở rộng về phạm vi, gia tăng về tần suất xuất hiện, gây nhiều thiệt hại về người, cơ sở vật chất cũng như sản xuất nông nghiệp.

Trong những năm qua, do ảnh hưởng của hoàn lưu các cơn bão, ATNĐ nên nhiều nhiều đợt mưa lớn kéo dài kèm theo đông, lốc xoáy đã xảy ra. Từ năm 2016 đến 2022, có 02 trường hợp thiệt mạng do sét gây ra tại huyện Xuân Lộc vào năm 2018 và huyện Long Thành vào năm 2020; lốc xoáy đã làm thiệt hại 70,94 ha lúa, hoa màu, cây ăn quả; thiệt hại 481 căn nhà của người dân, trong đó có 17 căn nhà bị sập, sứt lún hoàn toàn, 464 căn nhà bị tốc mái. Đây là những căn nhà đơn sơ, thiếu kiên cố không chống chịu được với đông lốc. Ngoài ra, đông lốc cũng ảnh hưởng đến nhiều điểm trường, gây hư hại các phòng học... Ngoài ra, đã có 10 trường hợp đèn giao thông, trụ điện, ăngten... bị đổ ngã.

Bảng 1.7: Tổng thiệt hại do dông lốc, sét, mưa đá gây ra

Thiệt hại	Đơn vị	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	Tổng
Nhà bị sập	Căn	4	7	6					17
Nhà tốc mái	Căn	52	134	114	65	65	33	01	464
Thiệt hại về nông nghiệp	Ha	2,94			36		32		70,94
Đổ cột (đèn giao thông, trụ điện, ăngten ...)	Cột			5		5			10
Thiệt hại về người	Người			1		1			2

Nguồn: Báo cáo tổng kết PCTT tỉnh Đồng Nai hàng năm, Giai đoạn 2016-2022

1.2.3. Mưa lớn, ngập lụt do mưa lớn

Mưa lớn là loại hình thiên tai có mức độ thiệt hại gây ra tương đối cao và khó dự báo chính xác được. Lượng mưa lớn nhất trung bình ngày nhiều năm ở các trạm đo đặc liên quan đến vùng dự án chỉ trên dưới 100 mm/12 giờ. Tuy nhiên, trong những trường hợp do ảnh hưởng của bão hoặc một hình thái nhiễu động thời tiết đặc biệt, gây ra lượng mưa ngày rất lớn có thể đạt tới trên 200 ÷ 300 mm/ngày.

Trong những năm qua, mưa lớn còn kết hợp với dông lốc gây ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống người dân tại tỉnh, thiệt hại nặng nề về tài sản. Ngoài ra, vào mùa mưa còn xuất hiện thêm lũ. Các loại hình thiên tai này kết hợp gây ngập lụt nhiều ngày, ứ đọng nước làm hủ hỏng đường giao thông, công trình thủy lợi, sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại nặng nề.

Năm 2021 có 09 đợt mưa lớn, kèm theo dông lốc, xảy ra tại các địa phương: Các xã: Phú Hòa, La Ngà thuộc huyện Định Quán (ngày 12/4/2021 và 07/6/2021); xã Hàng Gòn, phường Xuân Lập (ngày 05/6/2021), xã Bình Lộc (ngày 19, 25/7/2022), thuộc thành phố Long Khánh; các xã: Xuân Mỹ, Xuân Bảo, Xuân Đông thuộc huyện Cẩm Mỹ (ngày 19/7/2021); các xã: Xuân Thiện, Quang Trung, Hưng Lộc, Xã Lộ 25 thuộc huyện Thống Nhất (ngày 22, 23, 24/8/2021); xã Sông Thao, thị trấn Trảng Bom thuộc huyện Trảng Bom và các phường: Tân Biên, Long Bình Tân, Long Hưng, Hố Nai, An Hòa thuộc thành phố Biên Hòa (ngày 22/8/2021); phường Phước Tân thuộc thành phố Biên Hòa (ngày 25/8/2021); xã Lang Minh thuộc huyện Xuân Lộc (ngày 29/8/2021).

Năm 2022 có 04 đợt mưa lớn, kèm theo dông lốc, xảy ra tại các địa phương trên toàn tỉnh. Trong các tháng mùa mưa, do ảnh hưởng của rãnh thấp, dải hội tụ nhiệt đới và gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh, Đồng Nai xuất hiện 4 đợt mưa diện rộng. Những trận mưa rất to: ngày 16/05 tại La Ngà 84mm; ngày 19/05 tại Xuân Lộc 102mm; ngày 27/05 Xã Lộ 25 91mm, Trảng Bom 91mm; ngày 02/06 tại Biên Hòa 136mm; ngày 28/06 tại La Ngà 83mm, Xuân Lộc 86mm; ngày 08/07 tại Tân Phú 188mm, Phú Hiệp 226mm; ngày 07 tại Xuân Lộc 95mm; ngày 23/09 tại Túc Trưng 109mm; ngày 08/10 tại Bình Sơn 141mm; ngày 18/10 tại Tà Lài 101mm, ngày 26/10 tại Trảng Bom 115mm.

Theo thống kê từ năm 2016 đến 2022, ngập lụt do mưa lớn xảy ra làm cho 10 người chết; 29 căn nhà bị sập, xiên vẹo, hơn 5.000 căn nhà trong tình trạng bị ngập úng;

làm cho gần 3.000 ha đất nông nghiệp trong tình trạng ngập úng, 133,75 ha nuôi trồng thủy sản, 120 bê và 2.042 dèo nuôi thủy sản bị hư hỏng và hơn 3.000 bò, gà, vịt, heo... bị lũ cuốn trôi mất tích và chết; ngoài ra, ngập lụt khiến nhiều cây cầu bị hư hỏng làm cho giao thông trì trệ, các hoạt động kinh tế - xã hội bị ảnh hưởng.

Bảng 1.8: Tổng thiệt hại do lũ, ngập lụt mưa lớn gây ra

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu thiệt hại theo năm								Tổng
		2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	9/2023	
Số trận	Trận	9	7		3	1	9	4		33
Thiệt hại về người	Người	4	2		4					10
Nhà sập	Căn	22	7				4			33
Nhà bị ngập	Căn	390	3.723		1.139	329			84	5.969
Cây trồng	Ha	200	697	300	1.755		1.574		232	4.758
NTTS			133,75 ha		122 bê, 1.998 dèo		2.605 tấn, 44 dèo		150ha, 269 lồng bê	283ha; 5.056 tấn
Chăn nuôi	Con	393	3.045						2.000	3.440

Nguồn: Báo cáo tổng kết PCTT tỉnh Đồng Nai hàng năm, GD 2016-2022

1.2.4. Sạt lở đất

a) Sạt lở đất

Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng sạt lở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là do dòng chảy và địa hình phức tạp. Trong những năm vừa qua, tình trạng sạt lở bờ sông luôn luôn xảy ra hằng năm. Trong những năm vừa qua, tính hình sạt lở tại tỉnh như sau:

- Năm 2016: tại Đồi 116 xã Xuân Tây, Cẩm Mỹ Trên đồi 116 thuộc Ấp 10 xã Xuân Tây có hiện tượng mưa lớn gây trôi đất, lấp đường giao thông. Tại huyện Xuân Lộc, sau trận mưa lớn ngày 22/8/2016, đoạn trên đường liên huyện Xuân Định – Sông Ray gần ngay cống cắt ngang nghĩa địa Bảo Thị, cách khoảng 100m, một phần bờ kè dài khoảng 20m, do nước chảy xiết nên đã bong và sụp đổ hoàn toàn cả chân móng kè, gây sạt lở một phần đất bờ hiện hữu.

- Năm 2017: xảy ra tình trạng sạt lở đất tại ấp 3, xã Phú Sơn, huyện Tân Phú. Ngày 15/10/2017, khi có mưa lớn kéo dài, làm cho đất đá từ trên đồi trượt xuống gây sập tường nhà của 05 hộ, ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của người dân sống trong khu vực. Vị trí sạt lở ấp Thái Hòa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom do có mưa từ ngày 19 đến

23/10/2017, nước tập trung từ khu vực thượng lưu lưu cống và trên Quốc lộ 1A đổ về, tạo dòng chảy xiết gây sạt lở đất 01 hộ dân sống trong khu vực.

- Năm 2023:

+ Điểm sạt lở tại đồi Phú Sơn, xã Phú Sơn huyện Tân Phú vẫn diễn biến phức tạp, mặc dù đã có phương án xử lý nhưng vẫn chưa giải quyết triệt để nguy cơ sạt lở.

+ Ngoài ra, trên địa bàn huyện Tân Phú còn 3 điểm có nguy cơ sạt lở khác gồm:

* Khu vực trường MN Phú Trung: Mưa lớn bùn, nước từ khu vực đồi chảy xuống khuôn viên trường học.

* Khu vực đồi 600 dọc đường 600A thuộc xã Phú An phía bên trái (hướng từ QL20 vào) đã có sạt lở từ những năm trước tuy nhiên khu vực không có nhà dân.

* Khu vực đồi 600 dọc đường 600A thuộc xã Phú An phía bên phải (hướng từ QL20 vào) có đoạn sạt lở dài khoảng 30m, cao 20m. Phía chân vị trí sạt lở có 2 hộ dân sinh sống.

+ Trên địa bàn huyện Định Quán có 1 điểm có nguy cơ sạt lở cao là khu vực chân đồi 112 thị trấn Định Quán hiện có 06 hộ dân sinh sống. Hiện nay, chính quyền địa phương đã có phương án di dời các hộ dân ra khỏi vùng nguy hiểm và xây dựng công viên cây xanh tại khu vực.

+ Khu vực huyện Trảng Bom: Điểm sạt lở nguy hiểm tại chân đồi vị trí chân Đài tưởng niệm các chiến sĩ đặc công 113 thuộc xã Hồ Nai 3. Tình trạng khai thác đất trước đây tại khu vực giáp ranh với diện tích rừng phòng hộ do Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh quản lý, đã gây sạt lở hơn 800m, vách thẳng đứng với chiều cao từ (10 – 50)m và có nguy cơ ảnh hưởng rất lớn đến Đài tưởng niệm các Chiến sĩ đặc công 113, các trụ điện cao thế, cụ thể như sau:

* Đoạn sạt lở có nguy cơ ảnh hưởng tới Đài tưởng niệm các Chiến sĩ đặc công 113 có chiều dài khoảng 200m, điểm sạt gần chân Tượng đài nhất là khoảng 50m.

* Đoạn sạt lở có nguy cơ ảnh hưởng tới các trụ điện cao thế có chiều dài khoảng 600m cụ thể:

- ✓ Nhánh đầu nối số 2 của tuyến đường dây truyền tải điện áp 220KV Sông mây - Long Bình, có 02 trụ điện cao thế, trong đó trụ điện 1 cách vị trí sạt lở khoảng 20m, trụ điện 2 cách vị trí sạt lở khoảng 90m;
- ✓ Tuyến đường dây truyền tải điện áp 110KV có 03 trụ điện cao thế; trụ điện 1 cách vị trí sạt lở khoảng 25m, trụ điện 2 cách vị trí sạt lở khoảng 85m, trụ điện 3 cách vị trí sạt lở khoảng 25m.

b) Sạt lở bờ sông

Kết quả điều tra, khảo sát cho thấy tình hình sạt lở bờ sông trong những năm gần đây trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thường xuyên xảy ra tại một số địa phương:

- Huyện Tân Phú:

+ Thường xuyên bị sạt lở bờ sông tại vị trí ấp 3 xã Nam Cát Tiên, với chiều dài sạt lở từ 300 ÷ 500 m, tốc độ sạt lở trung bình từ 2 ÷ 5 m/năm, nguyên nhân chủ yếu do dòng

chảy và địa hình phức tạp. Điểm sạt lở áp 8, xã Nam Cát Tiên huyện Tân Phú trong hai năm gần đây hiện tượng sạt lở diễn biến nhanh và nghiêm trọng, đoạn sạt lở có chiều dài khoảng 2 m, điểm gần nhất cách đường giao thông xã Phú Lập - Nam Cát Tiên (đường 200) khoảng 9 m.

+ Trong đợt lũ tháng 10/2021, nhiều đoạn bờ bao ngăn lũ sông La Ngà ở xã Phú Bình đã bị sạt lở nghiêm trọng, có nguy cơ vỡ bất cứ lúc nào. Nhiều đoạn đã bị sạt lở nghiêm trọng, với chiều dài khoảng 250m, trong đó có nhiều đoạn sạt lở hàm ếch. Tuyến đê xuống cấp kèm theo mực nước sông La Ngà vào mùa lũ dâng cao, 850ha lúa tại cánh đồng Bến Thuyền (xã Phú Bình) bị nước tràn gây ra ngập lụt.

+ Năm 2022: Do mưa lớn kéo dài làm nước sông La Ngà dâng cao gây sạt lở nghiêm trọng tuyến đường bờ sông khu vực bến thuyền đoạn tiếp giáp Dự án xử lý cấp bách tạm đoạn sạt lở sông La Ngà đoạn qua Bến Thuyền xã Phú Bình, làm sạt lở 2 đoạn, vị trí sạt lở gần nhất vào 2m đường đê bao tạo hàm ếch nguy cơ tiếp tục sạt lở ảnh hưởng trực tiếp tới sản xuất nông nghiệp các xã Phú Bình, Phú Thanh, Phú Lâm, ảnh hưởng trực tiếp tới tuyến kênh N1 và trạm bơm Bến Thuyền;

- Huyện Định Quán: vị trí sạt lở áp 8 xã Thanh Sơn thường xuyên bị sạt với chiều dài từ 200 ÷ 300m, tốc độ sạt từ 2 ÷ 3 m/năm, nguyên nhân chủ yếu do địa hình và khai thác cát.

- Huyện Vĩnh Cửu: hiện nay còn một số vị trí sạt lở nghiêm trọng như vị trí trạm bơm Thiên Tân 3 xã Thiên Tân, vị trí trạm bơm Bình Hòa 2 xã Bình Hòa với chiều dài sạt lở 200 ÷ 300m, tốc độ sạt lở từ 2 ÷ 3 m/năm, nguyên nhân chủ yếu do địa hình. Điểm sạt lở đoạn qua xã Tân An và xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu chiều dài sạt lở khoảng 250m, thời gian bắt đầu sạt lở từ năm 1998, sạt lở sâu vào bờ khoảng 12m, đất trong khu vực bị sạt lở là đất trồng màu, thổ cư. Từ ngày 15/6/2016 đến ngày 27/6/2016 tại khu vực ấp 1, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu đoạn từ cầu Rạch Đông đến cầu Thủ Biên đã xảy ra sạt lở làm ảnh hưởng khoảng 20 hộ dân, nhà văn hóa ấp 1 và khu miếu Bà. Chỉ trong đêm 26/6/2016, gần 100 m bờ sông Đồng Nai (đoạn chạy dọc tỉnh lộ 768, thuộc ấp 1, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu) bị sạt lở, làm hư hại 10 căn nhà và tài sản của người dân.

- TP. Biên Hòa: một số phường giáp sông Đồng Nai vẫn còn tình trạng sạt lở như vị trí sạt lở khu phố 6 phường Tân Mai, khu phố 1 phường An Bình, ấp 2 Hòa Hiệp, Cù Lao Phố xã Hiệp Hòa, khu vực Chợ Tân Hạnh xã Tân Hạnh, ... với chiều dài sạt lở từ 200÷300 m, tốc độ sạt lở trung bình từ 2÷3 m/năm.

- Huyện Nhơn Trạch tại ấp Phước Lý xã Đại Phước và ấp 2 xã Phước Khánh thường xuyên bị sạt lở bờ sông với chiều dài từ 500÷800 m, tốc độ sạt lở từ 2÷3 m/năm.

1.2.6. Lũ, ngập lụt

Lũ lụt, ngập lụt và mưa lớn vẫn luôn là vấn đề vướng mắc khó giải quyết của các tỉnh trên cả nước, gây ra rất nhiều thiệt hại về người và của, gây khó khăn trong sinh hoạt và đi lại, cũng như ảnh hưởng tới kinh tế của người dân.

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, có thể chia lũ trên dòng chính ra làm 2 khu vực có chế độ lũ khác nhau như sau:

+ Khu vực thượng lưu hồ Trị An, bao gồm dòng chính Đồng Nai đến hồ Trị An và hạ lưu sông La Ngà. Đối với thượng lưu hồ Trị An hiện bị điều tiết bởi các hồ chứa thượng lưu như Đa Nhim, Đồng Nai 2, Đồng Nai 3, 4, 5 và Hàm Thuận – Đa Mi nên lũ hàng năm bị cắt giảm đáng kể.

+ Khu vực hạ lưu Trị An: Lũ trước đây ảnh hưởng trực tiếp từ thượng lưu, nhưng từ năm 1989 đến nay, khi có hồ Trị An, lũ hầu như bị điều tiết bởi hồ, với lưu lượng xả qua turbine vào mùa lũ từ $600 \div 900 \text{ m}^3/\text{s}$.

Theo Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Đồng Nai, số liệu ghi nhận tại Tà Lài từ năm 1980-2023 có 7 cơn lũ rất lớn ($H_{\text{đỉnh}} > 113,50 \text{ m}$) trong đó có 4 trận lũ rất lớn; tương tự cùng thời gian, tại Phú Hiệp có 2/4 cơn lũ rất lớn ($H_{\text{đỉnh}} > 107,0 \text{ m}$).

Bảng 1.9: Mức nước đỉnh lũ tại các trạm thủy văn trên sông chính tỉnh Đồng Nai

Năm	Trạm Tà Lài		Trạm Phú Hiệp		Trạm Biên Hoà	
	Thời gian lũ	H max (m)	Thời gian lũ	H max (m)	Thời gian lũ	H max (m)
1998	23/9 - 2/10	112,67				1,59
1999	12/7 - 31/7	114,12				1,87
2000	8/10 - 14/10	113,57			15/10	2,19
2001	31/8 - 4/9	113,88		107,12		1,91
2002	26/8 - 4/9	114,06		105,28		1,75
2006	17-19/8					1,89
2007	4/9 - 12/9	113,52		106,81	30/9	2,06
2009	31/8-10/9	113,5				1,85
2019	9/8/2019	114,1	12-13/8	105,92		2,02
2021	13/10	113,28	18-20/10	105,85		2,05
2023	31/7	113,44	4/8	106,26		

Nguồn: Đài KTTV tỉnh Đồng Nai

* Một số thiệt hại do lũ, ngập lụt của các năm lũ lớn điển hình cụ thể như sau:

Năm 2000

- Tháng 10/2000 có lũ lớn ở thượng lưu sông Đồng Nai, gây ngập lụt trầm trọng ở xã Đắc Lua và Nam Cát Tiên thuộc huyện Tân Phú. Đỉnh lũ tại Đắc Lua đạt mức 135,40m vào ngày 13/10; tại Tà Lài 113,57m vào ngày 14/10. Có 32 phường xã ven sông Đồng Nai và La Ngà bị ngập lụt.

- 03 người chết do lũ, nhà cửa bị ngập 6.488 căn, sập đổ 40 căn; tổn thất 5.877ha lúa, 1.467ha hoa màu, 1.568ha cây ăn trái và cao su; 274ha diện tích nuôi cá; 59.100m đường bị ngập và hư hại, hỏng 15 cầu cống, 1.800m kênh mương bị sạt lở.

Năm 2001

- Tháng 08/2001 có lũ lớn trên sông Đồng Nai và La Ngà. Đỉnh lũ tại Đắc Lua đạt mức 134,30m vào ngày 23/08; tại Tà Lài 113,88m vào ngày 20/08, tại Phú Điền 107,75m

vào ngày 24/08, Phú Hiệp 107,12m ngày 24/08. Tại Biên Hòa mực nước cao nhất là 1,91m xuất hiện vào ngày 23/08. Có 28 xã ven sông Đồng Nai và La Ngà bị ngập lụt.

- 03 người chết do lũ, 04 người bị thương, nhà cửa bị ngập 1.695 căn, sập đổ 70 căn, hư hại 440 căn; tổn thất 1.861ha lúa, 140ha hoa màu, 1.554ha cây ăn trái và cao su; 195ha diện tích nuôi cá; 3.800m đường bị ngập và hư hại, 10.000m kênh mương bị sạt lở.

Năm 2002

- Tháng 08/2002 có lũ xảy ra ở thượng lưu sông Đồng Nai. Đỉnh lũ tại Đắc Lua đạt mức 135,50m vào ngày 21/08; tại Tà Lài 114,06m vào ngày 16/08. Có 05 xã ven sông Đồng Nai bị ngập lụt.

- 02 người chết do lũ, 03 người bị thương, nhà cửa bị ngập 2.244 căn, sập đổ 88 căn, hư hại 219 căn; tổn thất 798ha lúa, 61ha hoa màu, 247ha cây ăn trái và cao su; 94ha diện tích nuôi cá; 43.800m đường bị ngập và hư hại, hỏng 21 cầu cống, 830m kênh mương bị sạt lở; ước tính thiệt hại khoảng 25 tỷ đồng.

Năm 2006

- Lũ lớn tại thượng nguồn sông Đồng Nai và La Ngà vào giữa tháng 08. Ngày 17/08/2006, mực nước đo trên sông Đồng Nai tại huyện Tân Phú ở Đắc Lua là 135,20m, ở Nam Cát Tiên là 116,80m và trên sông La Ngà tại Phú Hiệp, huyện Định Quán là 107,03m. Mưa lũ kéo dài liên tục đã làm ngập hơn 1.900 căn nhà, gần 2.000 ha lúa, hoa màu, 820 ha ao cá ở 03 huyện ven sông Đồng Nai và sông La Ngà là Tân Phú, Định Quán và Vĩnh Cửu. Nhiều nhà dân phải di dời lên trên lộ cao, đường giao thông vào khu vực Nam Cát Tiên bị cắt đứt. Đặc biệt nghiêm trọng là trong ngày 19/08, chiếc đò máy sử dụng ròng rọc bắc qua sông Đồng Nai tại bến đò ông Thiện ở xã Phú Thịnh thuộc huyện Định Quán chở 05 người sang xã Thanh Sơn cũng ở huyện Định Quán đã bị lật do dây cáp bắc qua sông bị đứt, hậu quả đã làm cho bà Nguyễn Thị Ngọc Mai 46 tuổi và ông Trần Văn Hòa 39 tuổi bị nước cuốn trôi.

Năm 2007

Tại vùng thượng nguồn sông Đồng Nai, mưa lớn làm nước sông Đồng Nai lên nhanh với mực nước đo được vào chiều 22/09 tại Tà Lài xấp xỉ mức báo động III (113,50m). Nước lũ đã làm ngập 86 căn nhà và hơn 70 ha lúa ở các xã Đắc Lua (huyện Tân Phú), Thanh Sơn, Phú Vinh (huyện Định Quán).

Năm 2009

- Do ảnh hưởng của mưa lũ kéo dài nhiều ngày ở vùng thượng nguồn sông Đồng Nai từ 31/08 đến 10/09, tại 3 huyện Tân Phú, Định Quán và Vĩnh Cửu có hơn 1.100 căn nhà, hơn 150ha ao cá, hơn 400 giếng nước, 01 trường học, cùng 800ha lúa và hoa màu vụ mùa bị ngập từ 0,3 đến 0,5 m, trong đó, huyện Tân Phú là địa phương bị thiệt hại nặng nhất với hơn 600 căn nhà, khoảng 500ha lúa và hoa màu cùng 180ha ao cá bị ngập, gây thiệt hại hàng tỷ đồng.

Năm 2019

Do ảnh hưởng của mưa rất to tại thượng nguồn, đầu tháng 08 trên sông Đồng Nai xuất hiện một đợt lũ, cao hơn mức báo động III (113,50m) 0,60m, đỉnh lũ tại Tà Lài là 114,10m xuất hiện vào ngày 09/08, cao hơn năm 2018 (112,93m): 1,17m, thấp hơn 0,21m so với lũ lịch sử, gây ngập những khu vực thấp ven sông ở các xã Đắc Lua, Nam Cát Tiên, Núi Tượng, Tà Lài, Phú Thịnh thuộc huyện Tân Phú và các xã Thanh Sơn, Phú Vinh, Phú Tân, Ngọc Định thuộc huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Theo thống kê của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai thì thiệt hại trên địa bàn tỉnh như sau: 02 người chết (01 người do nước cuốn trôi tại xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, hiện vẫn chưa tìm thấy thi thể; 01 người chết do điện giật khi dọn dẹp lại nhà cửa sau lũ rút ở xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú); 2.890 ha đất trồng nông nghiệp bị ngập; 869 hộ dân phải di dời; 99 bè nuôi cá bị cuốn trôi, 02 bè cá bị chìm; 01 con bò và 116.000 con gà bị chết,...

Do mưa rất to kéo dài ở thượng nguồn, trên sông La Ngà xuất hiện 01 đợt lũ vào nửa đầu tháng 08, có đỉnh lũ cao hơn mức báo động II (105,50m) với đỉnh lũ đo được tại trạm Phú Hiệp là 105,92m xuất hiện vào ngày 12-13/08 cao hơn mức báo động II: 0,42m, cao hơn năm 2018 (105,65m): 0,27m, thấp hơn 1,89m so với lũ lịch sử, gây ngập những khu vực thấp ven sông ở các xã thuộc các huyện Định Quán và Tân Phú thuộc tỉnh Đồng Nai; huyện Tánh Linh và Đức Linh thuộc Bình Thuận.

Năm 2021

- Do ảnh hưởng của mưa rất to và xả lũ từ các hồ chứa ở thượng nguồn, đầu tuần giữa tháng 10 trên sông Đồng Nai xuất hiện một đợt lũ, cao hơn mức báo động III 0,28m, đỉnh lũ tại Tà Lài là 113,28m xuất hiện vào ngày 13/10, cao hơn đỉnh lũ năm 2020 (112,25m): 1,03m, thấp hơn 1,03m so với lũ lịch sử (114,31m, năm 1987). Một số khu vực thấp ven sông Đồng Nai bị ngập lụt gây thiệt hại nặng nề về tài sản. Cụ thể, các xã: Đắc Lua, Nam Cát Tiên, Núi Tượng, Tà Lài, Phú Thịnh (Huyện Tân Phú) và các xã Thanh Sơn, Phú Tân, Ngọc Định (Huyện Định Quán) đều bị thiệt hại do ngập lụt. Theo thống kê, đã có 232 ha lúa, hoa màu và cây ăn trái thuộc các xã nói trên bị ngập, thiệt hại; khoảng 755 tấn cá của 91 hộ dân chủ yếu ở huyện Định Quán bị chết hàng loạt; phải di dời 04 hộ dân với 19 nhân khẩu, trong đó có 03 hộ với 14 nhân khẩu ở huyện Định Quán và 01 hộ 05 nhân khẩu ở huyện Tân Phú.

- Trên sông La Ngà xuất hiện 01 đợt lũ vào cuối tuần giữa tháng 10, có đỉnh lũ cao hơn mức báo động II (105,50m) với đỉnh lũ đo được tại trạm Phú Hiệp là 105,85m xuất hiện vào ngày 18-20/10, cao hơn mức báo động II 0,35m, thấp hơn đỉnh lũ năm 2020 (105,02m): 0,83m, thấp hơn 1,96m so với lũ lịch sử, gây ngập những khu vực thấp ven sông ở các xã thuộc các huyện Định Quán và Tân Phú thuộc tỉnh Đồng Nai;

Năm 2023

- Do ảnh hưởng của mưa rất to tại thượng nguồn, cuối tháng 07 đầu tháng 08 trên sông Đồng Nai xuất hiện một đợt lũ, cao hơn mức báo động III (113,00m) 0,44m, đỉnh lũ

tại Tà Lại là 113,44m xuất hiện vào ngày 31/07, cao hơn năm 2022 (112,30m): 1,14m, thấp hơn 0,87m so với lũ lịch sử, gây ngập những khu vực thấp ven sông ở các xã Đắc Lua, Nam Cát Tiên, Núi Tượng, Tà Lại, Phú Thịnh thuộc huyện Tân Phú và các xã Thanh Sơn, Phú Vinh, Phú Tân, Ngọc Định thuộc huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Đợt lũ đã làm 84 căn nhà bị ngập; 01 kho chứa bị sập; 1.131 ha đất trồng nông nghiệp bị ngập; 2.451 tấn cá nuôi bè bị chết và thoát ra ngoài; 150ha ao cá bị ngập tràn bờ; 269 lồng, bè, ao của 39 hộ nuôi cá bị thiệt hại; 2.000 con gà bị chết;

- Do mưa rất to kéo dài ở thượng nguồn, trên sông La Ngà xuất hiện 01 đợt lũ vào cuối tháng 07, đầu tháng 08, có đỉnh lũ cao hơn mức báo động II (105,50m) với đỉnh lũ đo được tại trạm Phú Hiệp là 106,26m xuất hiện vào ngày 04/08 cao hơn mức báo động II: 0,76m, cao hơn năm 2022 (105,25m): 1,01m, thấp hơn 1,55m so với lũ lịch sử, gây ngập những khu vực thấp ven sông ở các xã thuộc các huyện Định Quán và Tân Phú thuộc tỉnh Đồng Nai; huyện Tánh Linh và Đức Linh thuộc Bình Thuận; gây sạt lở khoảng 70m bờ sông La Ngà đoạn qua xã Phú Bình, huyện Tân Phú.

Bảng 1.10: Tổng thiệt hại do các trận lũ lớn điển hình từ 2000 đến 2023

Diễn giải	Đơn vị	2000	2001	2002	2006	2009	2019	2021	2023
Số người chết	Người	3	3	2	2		2		
Người bị thương	Người				3				
Nhà bị ngập	Nhà	6.488	1.695	2.244	1.900	1.100	1.139	4	84
Nhà bị sập đổ	Nhà	40	70	88					
Nhà cửa bị hư hại	Nhà	1017	440	219					
Diện tích lúa bị thiệt hại	ha	5.877	1861	798	2.000	800	2.890	232	1.131
Hoa màu bị thiệt hại	ha	1.467	140	61					
DT Cây ăn trái bị thiệt hại	ha	1.568	1554	247					
Diện tích ao nuôi	ha	274	195	94	820	150			150
Lồng, bè, dèo nuôi	Lồng						101	91	269
Cá chết	Tấn							755	2.451
Vật nuôi bị chết	con						116.000		2.000
Đường bị ngập, hư hại	m	59.1	3.8	43.8					
Cầu, cống bị hư hỏng	Chiếc	15	-	21					
Chiều dài kênh mương, đê bao sạt lở	km	1.8		0.83					70

Nguồn: Báo cáo tổng kết PCTT tỉnh Đồng Nai hàng năm, giai đoạn 2016-2023

1.2.7. Nắng nóng

Từ tháng 02 đến đầu tháng 06 xuất hiện nắng nóng trên diện rộng, cao điểm vào cuối tháng 03 đến đầu tháng 04, một số nơi xảy ra nắng nóng đặc biệt gay gắt, nhiệt độ từ 38,3-39,8°C. Điển hình năm 2020, nhiệt độ cao nhất đo được tại La Ngà đạt mức lịch sử. Nhiệt độ cao nhất là 39,8°C tại La Ngà, xuất hiện vào ngày 05/04.

Các đợt nắng nóng thường xảy ra khoảng 5-10 ngày, nhiệt độ dao động từ 37-39,8°C.

- Năm 2016 xảy ra đợt nắng nóng diện rộng kéo dài hơn 2 tháng (từ 10/3 đến 17/5/2016) nhiệt độ từ 38,5°C (tháng 4 tại Long Khánh và Biên Hòa) đến 39,0°C (tháng 5 tại Trại An). Riêng tại La Ngà xuất hiện nhiệt độ cao nhất vào ngày 21/4/2016 là 39,5°C.

- Năm 2017 xảy ra 04 đợt nắng nóng, đợt dài và gay gắt nhất từ 07/04 -04/05 với nhiệt độ lớn nhất đo được tại Biên Hòa - 37,4°C, Long Khánh - 37,5°C, La Ngà - 38,1°C.

- Năm 2018 xảy ra 05 đợt nắng nóng, đợt dài và gay gắt nhất từ 09/04 -30/04, với nhiệt độ lớn nhất đo được tại Biên Hòa - 37,4°C, Long Khánh - 37,5°C, La Ngà - 38,1°C.

- Năm 2019 xảy ra 06 đợt nắng nóng, đợt dài và gay gắt nhất từ 06/04 -02/05, với nhiệt độ lớn nhất vào Ngày 23/04, Biên Hòa 38,6°C, Trại An 37,4°C, Long Khánh 37,6°C, La Ngà 39,0°C, Tà Lài 37,2°C;

- Năm 2020 xảy ra 03 đợt nắng nóng, đợt dài và gay gắt nhất từ 17/02-09/04, với nhiệt độ lớn nhất vào ngày 16/03, Biên Hòa 38,5°C, Long Khánh 37,3°C, La Ngà 39,0°C; 05/04, Biên Hòa 39,0°C, Tà Lài 38,3°C, La Ngà 39,8°C;

- Năm 2021 xảy ra 05 đợt nắng nóng, đợt dài và gay gắt nhất từ 19/03 -07/04, với nhiệt độ lớn nhất vào ngày 25/03, Biên Hòa - 38,4°C; 06/04, La Ngà - 38,0°C; 06, 07/04, Tà Lài - 36,3°C;

- Năm 2022 Trong mùa khô nắng nóng không kéo dài và không quá gay gắt, có 03 đợt nắng nóng xảy ra. Đợt dài và gay gắt nhất từ 03/03 -29/03, với nhiệt độ lớn nhất vào Ngày 25/03, La Ngà - 37,6°C; 06/03, Biên Hòa - 36,7°C; 25/03, Tà Lài - 36,5°C; 28/03, Long Khánh - 36,3°C.

1.2.8. Hạn hán, xâm nhập mặn

Hiện nay các công trình thủy lợi phục vụ tưới chỉ là các hồ chứa loại vừa và nhỏ và các đập dâng, nên cũng chỉ phục vụ tưới vụ Đông Xuân sớm với khả năng hạn chế. Vào những năm mưa ít, hạn hán thường xảy ra, đặc biệt nghiêm trọng với những vùng không có công trình thủy lợi. Đối với những khu vực không có công trình thủy lợi thì mỗi khi hạn hán xảy ra ảnh hưởng rất nhiều đến diện tích gieo trồng cũng như năng suất cây trồng. Đối với những khu vực có công trình thủy lợi thì có thể khắc phục được các kỳ hạn ngắn ngày, chỉ vào những năm hạn lớn thì mới bị ảnh hưởng nhiều.

Trong năm 2016 tình hình hạn hán, XNM diễn ra nghiêm trọng và ảnh hưởng đến nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh có thể kể đến như huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch, Xuân Lộc, TP. Long Khánh. Cụ thể như sau:

- Huyện Cẩm Mỹ: Đầu năm do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino, trên địa bàn huyện nắng hạn kéo dài, hầu như không mưa, gây thiếu nước sinh hoạt khoảng 350 – 400 hộ dân và 300 ha cây trồng, đã tác động nhiều đến sinh hoạt, sản xuất của người dân.

- Huyện Long Thành: Xuất hiện tình trạng XNM tại 02 địa phương gồm xã Tam An, thị trấn Long Thành gây thiệt hại khoảng 27,3 ha lúa. Cụ thể là xã Tam An có

khoảng 03 ha lúa và thị trấn Long Thành là 24,3 ha lúa của 16 hộ dân bị ảnh hưởng, theo đánh giá của tổ công tác mức độ thiệt hại khoảng 50% về sản lượng và chất lượng.

- Huyện Nhơn Trạch: Do ảnh hưởng của El Nino địa bàn huyện Nhơn Trạch bị ảnh hưởng nặng nề của XNM làm diện tích lúa bị ảnh hưởng khoảng 850 ha năng suất giảm từ 25 ÷ 40%; lúa trong khu vực công trình thủy lợi Ông Kèo khó vận chuyển; nước mặn làm hư hại nhiều diện tích vườn khu vực ven sông Đồng Môn qua các xã Đại Phước, Phú Thạnh, Phú Hội, Phước Thiện, Hiệp Phước, Long Tân, Long Thọ.

- Huyện Xuân Lộc: Đập dâng Lang Minh, trữ lượng nước tại hồ Suối Vọng đã nằm dưới mực nước chết, không thể điều tiết nước cho đập Lang Minh. Đập dâng Gia Liêu 1, 2 hết nước, nhân dân tiếp tục sử dụng các giếng nước để phục vụ sản xuất.

- TP. Long Khánh: Một số giếng khoan, giếng đào phục vụ sinh hoạt cho nhân dân bị cạn nước, hút nước, từ đó một số hộ dân tại các khu vực ấp Cấp Rang, xã Suối Tre, khu vực ấp Nông Doanh, ấp Cẩm Tân, xã Xuân Tân, ấp Tân Phong, xã Hàng Gòn, Ấp 1, xã Bình Lộc thiếu nước sinh hoạt. Đối với cây lâu năm, tình hình nắng nóng, thiếu nước đã gây ảnh hưởng đến 409,45 ha diện tích.

Năm 2018: Tại xã Phú Điền, huyện Tân Phú xảy ra hạn thiếu nước khoảng 450 ha lúa vụ Đông – Xuân muộn, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi đơn vị quản lý đập Đồng Hiệp chủ động biện pháp bơm chống hạn cung cấp nước tưới đảm bảo không xảy ra thiệt hại.

Năm 2019: Tại các huyện Tân Phú, Xuân Lộc, Định Quán, Nhơn Trạch đều xảy ra tình trạng thiếu nước, hông đủ tưới cho lúa vụ Đông Xuân. Tuy nhiên, trước tình hình đó Công Ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi và người dân đã chủ động phòng chống, bơm nước nên hạn chế thiệt hại do hạn hán, xâm nhập mặn tại địa phương.

- Huyện Tân Phú: Tại các xã: Phú Bình, Phú Điền, xảy ra hạn thiếu nước khoảng 210 ha lúa vụ Đông Xuân muộn, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi đơn vị quản lý đập Đồng Hiệp chủ động biện pháp bơm chống hạn cung cấp nước tưới đảm bảo không xảy ra thiệt hại.

- Huyện Xuân Lộc: Khoảng 50÷100 ha (chủ yếu là cây bắp) lấy nước từ hồ Suối Vọng (huyện Cẩm Mỹ) tưới cho khu vực xã Lang Minh, xã Xuân Phú có khả năng thiếu nước tưới vào cuối tháng 02, đầu tháng 03/2020, địa phương đã vận động người dân sử dụng nguồn nước từ các giếng khoan, giếng đào để tưới, đồng thời khuyến cáo người dân bán bắp cây (bắp non) để hạn chế thiệt hại do thiếu nước tưới.

- Huyện Định Quán: Có khoảng 50 ha (chủ yếu là cây lúa) tại cánh đồng Cao Cang (xã Phú Hòa) có nguy cơ xảy ra thiếu nước tưới vào cuối vụ Đông Xuân (tháng 4/2020). Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi đã phối hợp với địa phương chủ động lắp đặt 02 máy bơm dã chiến để bơm nước từ suối Đa Chà (hạ lưu của đập Đồng Hiệp, huyện Tân Phú) để tưới.

- Huyện Nhơn Trạch: tại các xã Long Tân, Phước Thiện, Đại Phước xảy ra hiện tượng XNM vào nội đồng, ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển, giảm năng suất khoảng 210 ha cây lúa vụ Đông Xuân năm 2019 – 2020.

Năm 2020: tình hình thiếu nước, XNM đã xảy ra tại một số địa phương trong tỉnh tuy nhiên ở mức độ thấp và xử lý kịp thời, cụ thể:

- Huyện Tân Phú: Đã xảy ra tại xã Phú Bình, Phú Điền, xảy ra hạn hán, thiếu nước khoảng 210 ha, tuy nhiên Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai đã chủ động biện pháp bơm chống hạn, cung cấp nước tưới, đảm bảo không xảy ra thiệt hại.

- Huyện Xuân Lộc: khoảng 50 ÷ 100 ha (cây bắp); huyện Định Quán 50 ha lúa cánh đồng Cao Cang tuy nhiên Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh đã chủ động biện pháp bơm chống hạn, cung cấp nước tưới, đảm bảo không xảy ra thiệt hại.

- Huyện Nhơn Trạch: độ mặn cao nhất đo được trong tháng 4/2020 từ 5,1 ÷ 6,5‰, cao hơn cùng kỳ năm trước từ 2 ÷ 3‰), ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển, giảm năng suất khoảng 210 ha cây lúa vụ Đông Xuân năm 2019 -2020, tập trung tại một số khu vực các xã: Long Tân, Phước Thiện, Đại Phước.

Năm 2021: Tình hình thiếu nước đã xảy ra ở huyện Tân Phú, tuy nhiên ở mức độ thấp và được đơn vị quản lý à Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi đã chủ động phối hợp với địa phương xử lý kịp thời bằng bơm chống hạn cung cấp nước tưới, đảm bảo không xảy ra thiệt hại, cụ thể: Xã Phú Bình (210 ha tại khu tưới đập Năm Sao), Phú Điền (750 ha tại khu tưới của đập Đồng Hiệp). Trên địa bàn huyện Nhơn Trạch xảy ra xâm nhập mặn vào nội đồng, tập trung tại một số khu vực các xã: Long Tân, Phước Thiện, Đại Phước, với mức độ thấp, chưa ảnh hưởng nhiều đến sản xuất nông nghiệp tại khu vực (độ mặn cao nhất đo được trong tháng 03/2021 từ 30/00 đến 5,10/00, thấp hơn cùng kỳ năm 2020 từ 10/00 đến 1,50/00).

Năm 2022-2023: Trong các tháng mùa khô, tình hình khô hạn có xuất hiện trên địa bàn Đồng Nai nhưng với mức độ không quá gay gắt và không gây thiệt hại đáng kể trên toàn tỉnh.

1.2.9. Lũ quét

Lũ quét là hiện tượng tự nhiên, chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố như: Khí hậu thời tiết có mưa với cường suất lớn trên địa hình đặc biệt, nơi có độ dốc lưu vực trên 20 ÷ 30%, nhất là ở nơi có độ che phủ của thảm thực vật thưa do lớp phủ thực vật bị tàn phá mạnh, độ ổn định của lớp đất mặt lưu vực kém, tạo điều kiện tập trung hình thành dòng chảy dồn vào các sông suối thuận lợi, làm cho lượng nước tích tụ ngày càng nhanh và tạo ra thế năng rất lớn.

Sự xuất hiện của lũ quét thường chỉ trong vài ba giờ sau hi có mưa với cường độ lớn. Sự hình thành lũ quét có liên quan mật thiết với cường độ mưa, điều kiện khí hậu, đặc điểm địa hình, các hoạt động của con người cũng như điều kiện thoát lũ của lưu vực.

Lũ quét thường gây thiệt hại lớn về người và của nhưng việc nghiên cứu dự báo lũ quét gặp rất nhiều khó khăn vì lũ quét xảy ra bất ngờ, duy trì trong thời gian ngắn nên rất khó đo đạc các đặc trưng của nó như cường suất, vận tốc, bùn cát...khi đang xảy ra. Hậu quả một số trận lũ quét lịch sử trên địa bàn tỉnh như sau:

- Từ năm 1994 đến năm 2004 có 13 trận lũ quét tập trung ở các lưu vực sông La Buông, suối Quản Thủ, Đá Vàng (Long Thành), Rạch Đông (Trảng Bom - Vĩnh Cửu), Suối Le (Xuân Lộc) mà vùng ảnh hưởng thuộc các xã thuộc huyện Long Thành, Thống Nhất, Xuân Lộc, Vĩnh Cửu.

- Tất cả các trận lũ quét đều xuất hiện vào giữa mùa mưa lũ, trong đó tháng 8 có 4/13 trận, tháng 9 là 5/13 và tháng 10 là 4/13 trận. Chưa thấy có trường hợp lũ quét xảy ra vào thời kỳ đầu (tháng 6, 7) và cuối mùa mưa (tháng 11).

- Hầu hết các trận lũ quét chủ yếu xảy ra trên địa bàn hẹp (riêng trận lũ quét ngày 2/10/1990 có phạm vi lớn và thiệt hại nhiều nhất) thuộc các huyện Định Quán, Thống Nhất, Trảng Bom, Long Thành, Xuân Lộc, Vĩnh Cửu, Long Khánh.

- Lũ quét chỉ xuất hiện trên lưu vực các sông suối nhỏ, diện tích lưu vực khoảng $50 \div 150 \text{ km}^2$ (Lá Buông > 260 km^2). Thời gian duy trì lũ ngắn chỉ từ $2 \div 6$ giờ, ít có những trường hợp kéo dài hơn.

Bảng 1.11: Các trận lũ quét lớn đã xảy ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Thời gian	Địa điểm	Sông suối	Thiệt hại
1	23h 2/10/1990	6 xã: Gia Tân, Bàu Hàm Quang Trung, Xã lộ 25, An Viễn, Gia Kiệm thuộc huyện Thống Nhất	Sông Buông, Suối Tam Bung	Chết 16 người Nhà sập 1399 căn, 133 căn bị cuốn trôi, 01 cầu trên QL1 bị sập, 8 cầu giao thông liên huyện, liên xã bị sập hoặc cuốn trôi.
2	15-18/9/1995	Bàu Hàm, Lộ 25 (Thống Nhất), Bình Sơn (Long Thành), An Viễn, Giang Điền, Quảng Tiến, Đồi 61(Trảng Bom)	Sông Rạch Đông, sông Lá Buông.	Chết 1 người, nhà sập 3 căn, 05 cầu giao thông trên sông Nhạn bị cuốn trôi, 2 xe máy 600 vật nuôi
3	26-28/9/1996	Bàu Hàm, Xã lộ 25 huyện Thống Nhất	Sông Thao	
4	Ngày 1/10	xã lộ 25, Bàu hàm (TN)	Sông Thao	
5	14,20/8 và 15/9 /1997	Phước Tân, Phước Thái, Bàu Cạn, TT. Long thành, An Hòa...	Rạch Đông, Lá Buông, Quản Thủ	
6	1999	Xuân Hòa (Xuân Lộc)	Gia Ui	
7	18/10/2000	Xã Sông Nhạn huyện Long Khánh	Suối Sáu	Nhà sập, tài sản bị cuốn trôi: 15 hộ, 90ha hoa màu bị cuốn trôi
8	Ngày 30/09/2002	ấp Tam Bung xã Phú Túc	Suối Tam Bung	làm thiệt mạng 2 mẹ con (42 và 2,5 tuổi)
9	23h 6/10/2002	Xã Bàu Hàm huyện Thống Nhất	Suối Gia Đức	01 xe tải bị lật, xói lở 60m đường mới xây

TT	Thời gian	Địa điểm	Sông suối	Thiệt hại
10	19h 3/8/2003	Phú Túc (Định Quán), Xuân Hòa (Xuân Lộc), Gia Tân (Thống Nhất).	Suối Tam Bung	
11	6/8/2004	Long Đức (Tam Phước, Long Thành)		

Nguồn: Chi cục Trồng trọt, BVTV và Thủy lợi tỉnh Đồng Nai cung cấp

1.2.10. Triều cường

Do đặc điểm địa hình thấp ở phía Nam nên tỉnh Đồng Nai thường xuyên bị ảnh hưởng ngập úng do triều cường. Các khu vực ảnh hưởng ngập do triều cường thuộc các huyện Long Thành, Nhơn Trạch và TP. Biên Hòa. Tình hình ngập do triều cường hiện nay như sau:

- TP. Biên Hòa: Phần lớn các xã, phường thuộc thành phố Biên Hòa đều bị ảnh hưởng của triều cường bao gồm các phường sau: Trung Dũng, Quyết Thắng, Bửu Long, Bửu Hòa, Tân Vạn, Thống Nhất, Tân Mai, Tam Hiệp, An Bình. Nguyên nhân gây ngập là do mưa lớn và triều cường các sông chính dâng cao làm giảm khả năng tiêu thoát. Hơn nữa đây là khu vực có địa hình tương đối thấp nên khi có mưa lớn kết hợp với triều cường gây ngập từ 0,5÷1,2 m.

- Huyện Long Thành: Ngập úng do triều xảy ra ở các xã Tam An, Phước Thái, Long An. Ở xã Tam An, ngập úng thường xảy ra tại vị trí các ấp Xóm Góc, Xóm Trầu, Bung Môn, vị trí bị ngập nặng nhất là ấp Bung Môn vì vị trí ấp là vùng thấp. Khi có mưa lớn kết triều cường nước ở các lô cao su phía thượng lưu nguồn đổ về suối Bung Môn và ấp Bung Môn ở giữa, do hệ thống thoát nước thì hẹp mà lượng nước đổ về lớn gây ngập úng cục bộ ảnh hưởng đến sinh hoạt, đời sống của người dân tại ấp Bung Môn.

- Huyện Nhơn Trạch: Tình hình ngập úng do triều cường xảy ra ở các xã Phước Thiện, Phú Hữu, Đại Phước, Phú Thạnh, Phước An, Long Thọ. Các vị trí ngập chủ yếu là trồng lúa và kết hợp với nuôi cá và trồng rau và sen, một số diện tích trồng cây lâu năm xoài, dừa với tổng diện tích sản xuất là 200 ha.

Những năm gần đây, mưa trên địa bàn huyện Nhơn Trạch diễn ra muộn hơn mọi năm. Triều cường xuất hiện trong tháng 10, 11, 12 diễn ra với cường độ và diễn biến khó lường so với mọi năm. Các đợt triều cường vào giữa tháng và cuối tháng âm lịch trong khoảng từ tháng 9 đến tháng 12 hàng năm rất lớn đã gây ra vỡ bờ bao các xã dọc sông Đồng Môn. Nhờ đắp bờ bao tiêu vùng và vận động người dân chủ động đắp bờ và có sự hỗ trợ của nhà nước, số lượng bờ bao vỡ trên địa bàn huyện thấp hơn nhiều năm, chủ yếu là các điểm vỡ nhỏ, dân chủ động gia cố lại ngay.

1.2.11. Cháy rừng do tự nhiên

Theo công bố của UBND tỉnh Đồng Nai tháng 4/2023, hiện trên địa bàn tỉnh có tổng diện tích 181.376,26 ha rừng trong đó có 172.455,10 ha diện tích có rừng và 27.414,90 ha diện tích rừng trồng chưa thành rừng. Trong tổng 172.455,10 ha diện tích

có rừng bao gồm: 99.939,48 ha rừng đặc dụng; 34.008,65 ha rừng phòng hộ; và 38.982,56 ha rừng sản xuất. Ngoài diện tích rừng tự nhiên ở vùng phía Bắc huyện thì trên địa bàn còn lượng lớn diện tích rừng trồng và rừng tre nứa, rừng trên núi đá với các loại câ dễ cháy tiềm ẩn nguy cơ cao cháy rừng hàng năm. Trong những năm qua đã xuất hiện các trận cháy rừng rải rác trên địa bàn tỉnh trong đó các đám cháy lớn chủ yếu xuất phát từ nguyên nhân do con người gây ra.

- Trong năm 2023, trên địa bàn tỉnh xảy ra 02 vụ cháy rừng (vào tháng 02/2023 và tháng 4/2023) tại huyện Vĩnh Cửu, tổng diện tích rừng bị thiệt hại là 1,63 ha rừng (rừng sản xuất). Nguyên nhân do người dân đốt dọn nương rẫy gây cháy lan.

- Tháng 3/2016, xảy ra cháy rừng trên núi Chứa Chan (huyện Xuân Lộc, Đồng Nai), cho biết có khoảng 50ha rừng bị cháy, chủ yếu là cỏ đốt, số lượng cây gỗ bị cháy không nhiều. Nguyên nhân gây cháy có thể do khách du lịch vô ý khi đốt lửa và rời đi mà không dập tắt gây cháy rừng.

- Năm 2012: Khoảng 13h chiều 11/3, trên địa bàn xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xảy ra vụ cháy rừng phòng hộ (sát khu công nghiệp Phước Khánh). Theo ước tính ban đầu, khoảng 40ha rừng phòng hộ bị cháy.

Theo báo cáo của Chi cục Kiểm lâm Đồng Nai, từ năm 2015 đến tháng 4 năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã xảy ra 22 vụ cháy rừng do tự nhiên, diện tích thiệt hại: 17,13 ha (Chi cục Kiểm lâm Đồng Nai, 2023). Trong đó diện tích cháy nằm trong quy hoạch 3 loại rừng là: 8,94 ha và diện tích cháy nằm ở ngoài quy hoạch là: 8,05 ha. Tổng số vụ cháy rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là tương đối nhỏ, số lượng và mức độ thiệt hại của các vụ cháy trong các năm cũng không lớn. Các vụ cháy rừng xảy ra trong thời gian từ tháng 2 đến tháng 4 hàng năm, cháy rừng phần lớn ở các trạng thái rừng trồng keo lai và rừng lồ ô, tre nứa tập trung tại các huyện Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch và Long Thành.

1.3. ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RRTT

1.3.1. Đánh giá thiên tai

1.3.1.1. Xác định loại hình thiên tai và cấp độ RRTT

Căn cứ vào việc phân tích đánh giá các nguồn dữ liệu gồm:

1. Các văn bản, tài liệu hướng dẫn về công tác phòng, chống và ứng phó thiên tai trên địa bàn cả nước do Chính phủ và các cơ quan, ban, ngành chuyên môn có liên quan đã ban hành và công bố.
2. Dữ liệu lịch sử tình hình thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ghi nhận và lưu trữ. Trong đó, thời điểm trước năm 2010, các dữ liệu chủ yếu ghi nhận về các trận thiên tai lớn. Từ năm 2010 đến nay, dữ liệu tình hình thiên tai hàng năm được tổng hợp chi tiết từ cấp huyện tới cấp tỉnh.
3. Đặc điểm điều kiện tự nhiên của tỉnh trong đó các yếu tố địa hình (bản đồ số hóa địa hình), khí hậu (Số liệu quan trắc khí tượng), thủy văn – hải văn (số liệu quan trắc thủy văn) là các nguồn dữ liệu cơ bản xác định nguy cơ xảy ra thiên tai và khu vực ảnh hưởng.

4. Các kết quả nghiên cứu có liên quan từ các đề tài, nhiệm vụ, dự án đã được nghiệm thu và công bố (ví dụ như các nghiên cứu về biến đổi khí hậu, đánh giá dự báo lũ, ngập lụt, sạt lở bờ sông, hạn hán, xâm nhập mặn, động đất, sóng thần và cháy rừng).

Kết quả xác định được cấp độ RRTT cho từng loại hình thiên tai như trong Bảng 1.12 dưới đây.

Bảng 1.12: Kết quả phân cấp RRTT cho các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Loại hình thiên tai	Căn cứ phân cấp	Cấp độ rủi ro thiên tai				
			1	2	3	4	5
1	Bão, ATNĐ	Bão cấp 14 trở lên hoạt động trên biển Đông (bão Durian năm 2006 đạt cấp 16 trên biển Đông)			X	X	
2	Dông, lốc, sét, mưa đá	Phạm vi xảy ra <1/2 số huyện trên địa bàn tỉnh	X				
3	Mưa lớn, kết hợp triều cường	Lượng mưa ba ngày 6,7, 8/9/1982 tại trạm Biên Hoà là 302,3mm (tương đương 100 mm/24 giờ từ 2 ngày trở lên)	X	X			
4	Nắng nóng	Đợt nắng nóng lớn nhất từng ghi nhận năm 2020: Nhiệt độ cao nhất ngày 37-39.5, kéo dài 10-25 ngày. trên 25 ngày. Tuy nhiên, đánh giá mức độ ảnh hưởng và thiệt hại do nắng nóng trên địa bàn tỉnh trong các năm qua ở mức thấp.	X	X			
5	Hạn hán	- Lượng mưa thiếu hụt 50% kéo dài 3-5 tháng, thiếu hụt lượng nước mặt 20-50% (năm 2020)	X	X			
6	Xâm nhập mặn	- Ranh mặn 4g/l lớn nhất từ năm 2015 đến nay xảy ra vào năm 2020 cách Long Đại về hạ lưu khoảng 5km (cách cửa sông khoảng 75km >50km). Tuy nhiên, đánh giá mức độ ảnh hưởng và thiệt hại do xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh trong các năm qua ở mức thấp.					

TT	Loại hình thiên tai	Căn cứ phân cấp	Cấp độ rủi ro thiên tai				
			1	2	3	4	5
7	Lũ, ngập lụt	Mực nước lũ lịch sử tại các trạm: Tà Lài: 114,31m (lũ 1987) >BD3 (113m); Phú Hiệp: 107,81m (lũ năm 1999)> BD3 (106,5m)	X	X	X		
8	Lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy	Lượng mưa 24 giờ lớn nhất tại trạm Tà Lài là 278mm trong 1 ngày	X	X			
9	Cháy rừng do tự nhiên	- Tổ hợp điều kiện: Nhiệt độ 30-35°C, độ ẩm không khí trung bình ngày từ 50-60%, tốc độ gió lớn nhất ngày từ 2-2,5km/h. - Thời gia xảy ra: liên tiếp từ 5-10 ngày.	X	X			

1.3.1.2. Phạm vi và quy mô tác động theo từng loại hình thiên tai

Căn cứ xác định phạm vi và mức độ ảnh hưởng theo các cấp độ RRTT được dựa trên các yếu tố sau:

(i). Dữ liệu lịch sử thiên tai, dữ liệu thống kê ảnh hưởng do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

(ii). Kết quả tổng hợp các khu vực xung yếu, khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng do thiên tai gây ra được cơ quan thường trực Ban chỉ huy PCTT-TKCN các huyện/TP cung cấp;

(iii). Kết quả từ các đề tài, nhiệm vụ, dự án có liên quan đến công tác dự báo, cảnh báo thiên tai và các lĩnh vực khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã được công bố (ví dụ như Nguồn tài liệu gồm raster ngập theo các kịch bản và thống kê thiệt hại vùng hạ du do Công ty Thủy điện Trị An cung cấp, phương án ứng phòng lũ cho hạ du các hồ chứa trên địa bàn tỉnh,...).

(iv). Dựa trên việc phân tích các bản đồ số hoá các lớp thông tin về địa hình, phân bố dân cư, sản xuất, và công trình PCTT,... để xác định các khu vực xung yếu, dễ bị tổn thương.

Kết quả xác định phạm vi và mức độ ảnh hưởng do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được tổng hợp trong Bảng 1.13 dưới đây (Chi tiết trong Phụ lục 4.3, Phần phụ lục).

Bảng 1.13: Tổng hợp khu vực và đối tượng bị ảnh hưởng theo các loại hình thiên tai

Loại hình	Cấp độ RRTT	Phạm vi ảnh hưởng	Đối tượng bị ảnh hưởng
Bão, ATNĐ	3-4	TP Biên Hoà (17 phường/xã); TP. Long Khánh (14 phường/xã); Long Thành (73 khu phố/ấp thuộc 14 xã/thị trấn); Nhơn Trạch (36 khu phố/ấp thuộc 12 xã/thị trấn); Định Quán (12 xã/thị trấn -19 ấp/KP); Thống Nhất (8 xã/thị trấn - 33 ấp); Cẩm Mỹ (toàn huyện); Tân Phú (14 xã - 30 ấp); Trảng Bom (68 ấp/khu phố thuộc 17 xã/thị trấn); Vĩnh Cửu (21 ấp thuộc 9 xã); Xuân Lộc (12 xã/thị trấn - 32 ấp/KP)	- Dân cư. - Cơ sở sản xuất, NTTS. - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng, công trình PCTT và các công trình khác
Mưa lớn kết hợp triều cường	1-2	- Toàn bộ 11 huyện/TP bị ảnh hưởng với tổng số 215 khu vực bị ngập.	- Nhà cửa , cơ sở hạ tầng - Dân cư vùng ven sông suối - Hoạt động sản xuất - An toàn hồ đập
Lũ, ngập lụt	1-2-3	Các xã/thị trấn/phường nằm ven sông Đồng Nai, La Ngà: TP Biên Hoà (23 xã/phường-83 điểm ngập); Long Thành (3 xã/TT – 13 điểm); Nhơn Trạch (10 xã/TT – 15 điểm); Định Quán (10 xã– 6 điểm); Tân Phú (8 xã – 19 điểm); Vĩnh Cửu (9 xã - 23 điểm); Xuân Lộc (2 xã – 2 điểm)	- Người dân. - Nhà cửa , cơ sở hạ tầng - Vật nuôi; cây trồng, mùa màng - Các công trình hạ tầng.
Lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông do mưa lũ hoặc dòng chảy	1-2	- Huyện Vĩnh Cửu: Tân An, Hiếu Liêm, Phú Lý, Thiên Tân. - Huyện Tân Phú: Phú Sơn, Nam Cát Tiên. - Huyện Định Quán: Thanh Sơn. - Huyện Trảng Bom: ấp Lộ Đức, Hố Nai 3. - TP. Biên Hòa: phường Tân Mai, phường An Bình. - Huyện Nhơn Trạch: Đại Phước, Phước Khánh, Phú Hữu, Long Tân, Phước Thiền, Phú Thạnh	- Con người - Đất sản xuất - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng - Hoạt động giao thông thủy, bộ
Hạn hán,	1-2	- Huyện Tân Phú: Phú Bình, Phú Điền. - Huyện Xuân Lộc: Lang Minh, Xuân Phú. - TP. Long Khánh: Suối Tre, Xuân Tân, Hàng Gòn, Bảo Quang, Xuân Lập, Bàu Sen, Bàu Trâm, Bình Lộc, Bảo Vinh	- Con người, - Vật nuôi, cây trồng - Hoạt động sản xuất - Nước sinh hoạt
Đông, lốc, sét, mưa đá	1	- Đông, lốc có khả năng xảy ra trên toàn tỉnh; - Sét gây thiệt hại đến người và tài sản đã xảy ra tại một số khu vực thuộc TP Biên Hoà, Xuân Lộc, Long	- Con người, vật nuôi, cây trồng - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng, cây xanh.

Loại hình	Cấp độ RRTT	Phạm vi ảnh hưởng	Đối tượng bị ảnh hưởng
		Thành, Nhơn Trạch; - Mưa đá thường xuất hiện tại huyện Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Xuân Lộc và Tp Long Khánh.	- Các thiết bị điện, điện tử.
Xâm nhập mặn	1-2	- Huyện Nhơn Trạch: Đại Phước, Phú Thạnh, Phú Hội, Phước Thiện, TT. Hiệp Phước, Long Tân, Long Thọ. - Huyện Long Thành: TT. Long Thành, Tam An.	- Vật nuôi, cây trồng - Hoạt động sản xuất.
Nắng nóng	1-2	Toàn tỉnh	- Con người, vật nuôi, cây trồng
Cháy rừng do tự nhiên	1-2	- TP Biên Hoà: Hố Nai, Tân Biên, Tân Hòa, Trảng Dài, Tam Phước, Phước Tân, Long Bình; - H. Tân Phú: Đắc Lua, Phú An, Phú Sơn, Phú Trung, Tà Lài Nam Cát tiên, Núi Tượng, Phú lập, Phú Xuân, Phú Thịnh, Thanh Sơn, Tân Phú, Phú Thanh; - H. Định Quán: Phú ngọc, Thanh Sơn, Gia Canh, Ngọc Định, La Ngà, Phú Lợi, Phú Tân, Định Quán, Phú Vinh, Phú Hòa; - H. Vĩnh Cửu: Hiếu Liêm, Mã Đà, Phú Lý, Thị trấn Vĩnh An, Tân An, Thiện Tân, Trị An, Thạnh Phú, Vĩnh Tân; - H. Xuân Lộc: Xuân Trường, Suối Cát, Xuân Thọ, Xuân Hiệp, Gia Ray, Xuân Tâm, Xuân Thành, Xuân Hòa, Xuân Hưng, Suối Cao, Xuân Bắc, Lang Minh, Xuân Phú; - H. Nhơn Trạch: Phước An, Long Tân, Phú Hội, Phước Khánh Phú Thạnh, Phú Thạnh, Long Thọ, Hiệp Phước, Đại Phước, Phú Hữu, Phú Đông - H. Trảng Bom: Bắc Sơn và Hố Nai 3, Trảng Bom, Bình Minh, Sông Trầu, Đồi 61; - H. Thống Nhất: Gia Tân 1; - H. Long Thành: Bàu Cạn, Bình Sơn; Long Phước, Phước Thái.	Thảm thực vật, động vật tự nhiên và kinh tế của các hộ trồng rừng

1.3.1.3. Tổng hợp kết quả đánh giá thiên tai

Trên cơ sở các kết quả phân tích, xác định loại hình thiên tai, đặc điểm, phân cấp độ RRTT và đánh giá phạm vi, mức độ tác động của từng loại hình theo từng cấp độ, tổng hợp kết quả đánh giá thiên tai trên địa bàn tỉnh thể hiện trong Bảng 1.14 dưới đây.

Bảng 1.14: Tổng hợp kết quả đánh giá thiên tai

Loại hình thiên tai	Cấp độ RRTT lớn nhất	Dấu hiệu cảnh báo	Thời gian cảnh báo	Tốc độ diễn ra	Tần xuất xuất hiện	Thời điểm xuất hiện	Thời đoạn xảy ra	Địa điểm
1. Bão, ATNĐ (cấp 3,4)								
	4	- Thời tiết trên biển Đông; - Đường đi của bão/ATNĐ	3-5 ngày	Ngày khi Bão/ATNĐ vào địa bàn	<0,5 cơn/năm	Các tháng cuối năm	Tháng 10-12	Toàn tỉnh
2. Mưa lớn (cấp 1,2)								
	2	Lượng mưa	24-48h	1-4 ngày	Hàng năm	Mùa mưa	Tháng 6-11	Toàn tỉnh
3. Lũ, ngập lụt (cấp 1, 2, 3)								
Biên Hoà	3	- Mức nước tại các trạm thủy văn; - Mưa lớn khu vực thượng nguồn, - Mưa lớn trên địa bàn	3-5 ngày	1-2 ngày	Hàng năm	Mùa mưa	1h – 24h	Các khu vực trũng, thấp, ven sông, suối
Long Khánh	2						1h – 24h	
Trảng Bom	2						1h – 24h	
Vĩnh Cửu	3						1-3 ngày	
Định Quán	3						1-3 ngày	
Tân Phú	3						1-3 ngày	
Xuân Lộc	2						1h – 12h	
Thống Nhất	2						1h – 12h	
Long Thành	2						1h – 12h	
Nhơn Trạch	2						1h – 12h	
Cẩm Mỹ	2						1h – 12h	

[illegible]

Loại hình thiên tai	Cấp độ RRTT lớn nhất	Dấu hiệu cảnh báo	Thời gian cảnh báo	Tốc độ diễn ra	Tần suất xuất hiện	Thời điểm xuất hiện	Thời đoạn xảy ra	Địa điểm
	1	- Bản tin dự báo thời tiết trong ngày; - Quan sát mây, sức gió	1-3 giờ	Vài phút đến hàng giờ	Thường xuyên	Đầu mùa mưa và trong mùa mưa	Tháng 4 -11	Toàn tỉnh
9. Cháy rừng do tự nhiên								
Cháy rừng do tự nhiên	2	Thời tiết nắng nóng kéo dài	Khi phát hiện cấp cảnh báo cháy rừng đạt cấp 4, cấp 5	Tuỳ thuộc vào đặc điểm rừng, thời tiết và năng lực chữa cháy của địa phương	Hàng năm	Cao điểm mùa khô	Tháng 2-4	TP Biên Hoà và các huyện Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Long Thành, Thống Nhất

1.3.2. Đánh giá năng lực ứng phó thiên tai

1.3.2.1. Đánh giá các kinh nghiệm kỹ năng tổ chức, cá nhân, gia đình và cộng đồng

Năm 2009, Thủ tướng Chính phủ đã công bố quyết định số 1002/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án “*Nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng*”, gọi tắt là đề án 1002. Từ năm 2017-2020, tỉnh đã thực hiện và đạt những kết quả như sau:

- Năng lực phòng chống thiên tai của các Sở, Ban, ngành, địa phương và cộng đồng đã nâng lên một bước thông qua các hoạt động đào tạo, tập huấn, diễn tập, truyền thông hàng năm, nhất là hoạt động của Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng (Đề án 1002). Công tác chuẩn bị phòng chống thiên tai theo phương châm “*bốn tại chỗ*” được triển khai thực hiện hiệu quả.

- Tỉnh đã tổ chức tập huấn kiến thức chuyên môn về PCTT cho 327 học viên trên địa bàn tỉnh với những nội dung, kiến thức gắn liền với tình hình thực tế của từng địa phương. Thông qua các lớp tập huấn được tổ chức, những học viên được bổ sung kiến thức, được cập nhật thông tin và được nâng cao nhận thức và kiến thức của mình trong lĩnh vực phòng chống thiên tai để góp phần làm tăng khả năng chống chịu cho cộng đồng.

Bảng 1.15: Kết quả thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2017 – 2020

TT	Tên khóa đào tạo, tập huấn	Nội dung đào tạo, tập huấn	Thời lượng đào tạo, tập huấn	Đối tượng đào tạo, tập huấn	Số lượng	
					Nam	Nữ
1	Tập huấn Nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT DVCĐ năm 2017	Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	05 ngày/01 lớp	Cán bộ làm công tác phòng, chống thiên tai các cấp: Huyện, xã, ấp tại địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	101	13
2	Tập huấn Nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT DVCĐ năm 2018		05 ngày/01 lớp		105	14
3	Tập huấn Nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT DVCĐ năm 2019		05 ngày/01 lớp		78	16
4	Năm 2020: + Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng trong công tác phòng chống thiên tai, nước sạch và VSMTNT; tuyên truyền nâng cao kiến thức phòng, chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai qua Đài PTTH Đồng Nai và treo cờ phướn.		05 ngày/01 lớp			
	+ Tập huấn Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng năm 2020			70	16	

Nguồn: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đồng Nai

Ngày 06/4/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 553/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” (Đề án 553). Ngày 03/11/2022 UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch số 239/KH-UBND về việc triển khai Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Năm 2023 tỉnh đã triển khai nhiều hoạt động tuyên truyền có hiệu quả:

- + Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia Phòng, chống thiên tai năm 2023, Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh Đồng Nai, các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố; Đài Phát thanh Truyền hình Đồng Nai, Báo Đồng Nai đã tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia Phòng, chống thiên tai năm 2023; đồng thời treo băng rôn với các khẩu hiệu tuyên truyền hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia về phòng, chống thiên tai, ngày truyền thống PCTT (ngày 22/5).

- + Tuyên truyền phổ biến kiến thức phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai qua Đài PTTH Đồng Nai: Xây dựng và phát sóng 10 chuyên đề về hạn hán, ngập lụt, bão, áp thấp nhiệt đới, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai.

- + Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng trong công tác phòng chống thiên tai, nước sạch và VSMTNT: Thực hiện bằng hình thức phát tờ rơi, dán banner, tổ chức mít tinh tuyên truyền tại 43 xã, thị trấn.

- + Tuyên truyền nâng cao kiến thức phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai qua hình thức treo cờ phướn năm 2023: Tổ chức treo 1.030 tấm cờ phướn tại 10 địa phương cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

- + Triển khai dịch vụ tin nhắn SMS truyền tin chỉ huy, điều hành trong công tác PCTT – TKCN”: Bắt đầu thực hiện từ năm 2017 đến nay và tiếp tục trong năm 2023 (khoảng 120 thuê bao).

- + Tổ chức 02 lớp tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho đội ngũ cán bộ cấp huyện, xã, với số lượng khoảng 160 người.

Căn cứ vào Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng, chống thiên tai năm 2021, 2022 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Đồng Nai, trong thời gian qua tỉnh Đồng Nai đã tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tuyên truyền nâng cao năng lực và nhận thức cộng đồng về phòng chống thiên tai. Từ việc xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức phòng, chống thiên tai cho cấp xã, phường, cho tới việc tổ chức thực hiện đầy đủ 06 hình thức tuyên truyền tập huấn; tổ chức hướng dẫn cộng đồng chuẩn bị theo phương châm “4 tại chỗ”; tổ chức diễn tập PCTT... Kết quả trên 80% người dân ở các xã, phường thường xuyên xảy ra các loại hình thiên tai gây thiệt hại người và tài sản và trên 50% các xã còn lại trên địa bàn tỉnh được tập huấn, phổ biến kiến thức về thiên tai và kỹ năng phòng tránh thiên tai; Trên 80% các xã, phường thường xuyên xảy ra các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh được tổ chức hướng dẫn chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động PCTT.

Nhìn chung, năng lực PCTT của cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng từng bước được nâng lên thông qua các hoạt động đào tạo, tập huấn, diễn tập, tuyên truyền hàng năm, đặc biệt là các hoạt động trong khuôn khổ Đề án 1002, Đề án 553. Song song với đó là công tác chuẩn bị phòng, chống thiên tai theo phương châm “*bốn tại chỗ*” được triển khai thực hiện có hiệu quả và được tuyên truyền sâu rộng trong cộng đồng..

Bên cạnh những mặt tích cực như trên, vẫn còn một số mặt hạn chế như: Phương tiện thông tin, truyền thông tới cộng đồng còn chưa hoàn thiện, đặc biệt là thông tin đến các vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi. Nhận thức của một bộ phận người dân còn hạn chế, bất cập, thiếu đồng đều, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng dễ bị tổn thương.

1.3.2.2. Nguồn nhân lực phục vụ phòng chống thiên tai

Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh có chức năng nhiệm vụ chỉ huy, điều hành hoạt động phòng, chống thiên tai và TKCN trên phạm vi toàn tỉnh. Thành viên Ban chỉ huy là lãnh đạo các sở, ban ngành, đoàn thể của tỉnh. Các sở, ban, ngành, đoàn thể đều thành lập Ban chỉ huy PCTT-TKCN, triển khai công tác PCTT-TKCN ở đơn vị mình.

Tổng lực lượng chuyên trách công tác PCTT-TKCN trên địa bàn tỉnh là 24.101 người trong đó lực lượng thuộc quản lý của Tỉnh là 22.381 người và lực lượng quân sự hiệp đồng (là các đơn vị trực thuộc Quân khu 7 và Bộ Quốc phòng) đóng quân trên địa bàn tỉnh là 1.720 người. Tổng hợp các lực lượng chuyên trách được thống kê trong bảng dưới đây.

Bảng 1.16: Tổng hợp các lực lượng chuyên trách PCTT-TKCN tỉnh Đồng Nai

TT	Lực lượng	Cấp			Tổng
		Tỉnh	Huyện	Xã	
1	Quân sự (bộ đội + Dân quân tự vệ)	155	277	6.456	6.888
2	Công an	122	225	1.187	1.534
3	Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy	32	10		42
4	Lực lượng dự bị động viên	450	1.210		1.660
5	Lực lượng quân sự hiệp đồng	1.720			1.720
6	Y tế	330	109	398	837
7	Các đội cấp cứu lưu động	115			115
8	Các đội chống dịch cơ động	115			115
9	Các lực lượng khác	100		4.292	4.392
Tổng lực lượng các cấp		3.139	1.947	19.015	24.101

Nguồn: IWER tổng hợp số liệu đến năm 2023

Các Sở, Ban, ngành, hội đoàn thể có các tổ, đội xung kích PCTT và TKCN, sẵn sàng tham gia công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc cơ

quan, đơn vị và chi viện cho các địa phương thường xuyên bị ảnh hưởng của mưa lũ, ngập lụt và sạt lở đất.

UBND cấp xã thành lập, kiện toàn lượng xung kích PCTT trên địa bàn theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai. Ở cấp huyện, có tổ, đội xung kích của lực lượng công an, huyện đội, cán bộ các cơ quan và đoàn thể.

Đối với hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh có cơ chế tổ chức và phối hợp riêng biệt so với công tác ứng phó với các loại hình thiên tai khác với nòng cốt là lực lượng Kiểm lâm (100 người), lực lượng cảnh sát PCCC (700 người) và lực lượng các tổ đội chữa cháy của 08 đơn vị chủ rừng lớn (636 người). Theo biên chế tổ chức lực lượng chữa cháy rừng tại chỗ gồm: Người dân đang có mặt ở gần đám cháy; tổ đội quần chúng bảo vệ rừng ở các thôn bản, chủ rừng; lực lượng xung kích chữa cháy rừng của các xã; lực lượng Kiểm lâm, Cảnh sát phòng cháy và cứu nạn cứu hộ, Công an, quân đội, dân quân tự vệ, cán bộ viên chức của cơ quan, đơn vị... trên địa bàn.

Về công tác tập huấn diễn tập nâng cao năng lực và kỹ năng cho lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai và TKCN:

- Công an tỉnh, cảnh sát PCCC tỉnh hàng năm có kế hoạch và tổ chức thực hiện tập huấn, diễn tập PCTT-TKCN nhằm rèn luyện kỹ năng cán bộ, chiến sĩ trong vận hành trang thiết bị TKCN, tăng cường khả năng ứng cứu khi có thiên tai. Hàng năm được cung cấp đủ trang thiết bị theo hướng dẫn phù hợp với loại hình thiên tai tại địa phương;

- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh luôn quán triệt triển khai các chỉ thị, nghị quyết của các cấp, xác định nhiệm vụ phòng chống thiên tai là nhiệm vụ chính trị hết sức quan trọng là nhiệm vụ chiến đấu trong thời bình. Hàng năm Bộ CHQS tỉnh luôn kiện toàn đầy đủ tổ chức biên chế lực lượng PCTT-TKCN, các kế hoạch phương án luôn được rà soát bổ sung kịp thời, huấn luyện, luyện tập sát với thực tế ở địa phương; tổ chức tiếp nhận trang thiết bị cấp trên, đồng thời tổ chức tham mưu chính quyền địa phương các cấp mua sắm các trang thiết bị phục vụ PCTT-TKCN sẵn sàng khi tình huống xảy ra.

- Căn cứ vào Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng, chống thiên tai năm 2021, 2022 của Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh Đồng Nai, trên 80% lực lượng xung kích được cung cấp đủ trang thiết bị theo hướng dẫn phù hợp với loại hình thiên tai tại địa phương; có trên 80% lực lượng xung kích được tập huấn, hướng dẫn kiến thức kỹ năng phòng chống thiên tai.

Nhìn chung, đối với nguồn nhân lực làm công tác PCTT ở các cấp chủ yếu làm việc kiêm nhiệm, số lượng chưa đáp ứng được yêu cầu công việc, dù được tập huấn đào tạo nhưng chưa thực sự thường xuyên. Lực lượng ở cấp xã thường có sự thay đổi vị trí công tác, chưa được đào tạo chuyên sâu về phòng, chống thiên tai nên việc triển khai tổ chức ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai gặp nhiều khó khăn.

Đối với nguồn nhân lực TKCN cơ bản đáp ứng được yêu cầu về PCTT-TKCN trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, trong thời gian tới cần tiếp tục thường xuyên đào tạo tập huấn, diễn tập nâng cao hơn nữa kỹ năng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để phục vụ tốt hơn tình hình thiên tai ngày càng phức tạp cực đoan hơn và không theo quy luật.

1.3.2.3. Cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai

a. Hệ thống công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai

Hiện nay, tỉnh Đồng Nai có 137 công trình thủy lợi đang hoạt động, gồm: 18 hồ chứa, 56 đập dâng, 39 trạm bơm, 7 công trình ngăn mặn, ngăn lũ; 3 kênh tạo nguồn và 14 kênh tiêu. Các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh đã và đang phát huy hiệu quả, góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp và phục vụ phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Năng lực cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp là 21.176 ha ha (tăng so với năm 2016 là 2.919 ha), tiêu 7.877 ha, ngăn mặn 5.983 ha, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp khoảng 31.940.030 m³/năm

Hệ thống hạ tầng thủy lợi được quan tâm đầu tư, tính đến nay trên địa bàn tỉnh có lũ. Tổng chiều dài kênh mương trên địa bàn tỉnh hiện có là 478,095 km, gồm: Kênh tưới là 419,84 km, kênh tiêu là 58,255 km, đê bao là 72,39 km. Tổng chiều dài kênh mương đã được kiên cố hóa là 310,69 km, tỷ lệ kiên cố hóa đạt 64,98% (310,69/478,095 km).

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 06 tuyến đê và bờ bao ngăn mặn, lũ tại các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Tân Phú. Do đặc điểm địa hình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nên là các bờ bao ngăn lũ, ngăn mặn quy mô nhỏ với tổng chiều dài lên đến gần 56 km, diện tích phục vụ là 8.262,02 ha.

- Tuyến đê Ông Kèo thuộc hệ thống thủy lợi Ông Kèo (là đê bao lớn nhất) có chiều dài 30 km, diện tích phục vụ: Ngăn mặn, xả phèn: 6.394 ha;

- Đê ngăn mặn Hiệp Phước- Long Thọ dài 2,014 km, diện tích phục vụ: Ngăn mặn, xả phèn: 662 ha;

- Bờ bao Phú Hữu dài khoảng 1,3 km, diện tích phục vụ: 126,74 ha;

- Bờ bao Đại Phước dài 6,6 km, diện tích phục vụ: 204,78 ha;

- Bờ bao Phú Hội có chiều dài 13,8 km, diện tích phục vụ: 320,71 ha;

- Đê bao ngăn lũ xã Đắc Lua, có chiều dài 2,061 km, diện tích phục vụ: 553,79 ha.

Hàng năm, ngay từ trước mùa mưa lũ (khoảng tháng 3, 4), Sở NN-PTNT – Cơ quan thường trực Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh phối hợp UBND cấp huyện, các đơn vị Quản lý khai thác công trình thủy lợi tổ chức kiểm tra, sửa chữa những hạng mục hư hỏng, đảm bảo vận hành an toàn trong mùa mưa lũ. Trong đó tập trung vào hạng mục đầu mối của các công trình hồ chứa, đập dâng, công điều tiết, kênh tiêu thoát lũ, trạm bơm, đê bao, cống lấy nước, ngăn mặn.

(Chi tiết danh mục công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh đính kèm trong Phụ lục 1.1, Phần phụ lục)

b. Hệ thống công trình PCCC rừng

- Chòi canh lửa rừng: Hiện nay có 38 chòi canh lửa được xây dựng kiên cố (chòi sắt) tại các huyện. Huyện Xuân Lộc 07 cái do BQL rừng phòng hộ Xuân Lộc quản lý sử dụng; huyện Tân Phú 09 cái do Vườn Quốc gia Cát Tiên 06 cái và BQL rừng phòng hộ 600: 03 cái đang quản lý sử dụng; huyện Định Quán 13 cái do BQL rừng phòng hộ Tân Phú quản lý sử dụng 07 cái, công ty TNHH MTV lâm nghiệp La Ngà quản lý sử dụng 06

cái; huyện Vĩnh Cửu 07 cái do khu Bảo tồn thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai quản lý sử dụng, Thành phố Biên Hòa 02 cái do trung tâm Lâm nghiệp Biên Hòa quản lý sử dụng.

- Hồ chứa nước: đã xây dựng 39 hồ chứa nước kiên cố: Khu Bảo tồn thiên nhiên Văn Hóa Đồng Nai: 10 cái, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà: 02 cái, BQL rừng phòng hộ 600: 16 cái, Ban quản lý rừng phòng hộ Xuân lộc 05 cái, BQL rừng phòng hộ Tân Phú: 06 cái.

c. Hệ thống giao thông phục vụ cứu hộ, cứu nạn

❖ Giao thông đường bộ

Đến nay, tổng chiều dài đường quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ, và đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh đạt gần 2.236,09 km. Trong đó, đã có 1.171,32 km đường giao thông được trải nhựa.

- 06 tuyến quốc lộ (QL1, QL20, QL51, QL56, QL1 cũ, QL1K) với tổng chiều dài là 244,22 km, tỷ lệ nhựa hóa đạt 100%. Là trục giao thông kết nối toàn tỉnh và với các tỉnh lân cận, các tuyến đường quốc lộ tại tỉnh Đồng Nai đạt chất lượng tốt, có thể phục vụ trong công tác di dời, cứu nạn thiên tai tại tỉnh.

- 25 tuyến tỉnh lộ (TL760, TL761, TL762, TL763, TL764, TL 765, TL766, TL767, TL768, TL769, TL769B, TL769C, TL770, TL771, TL772, TL773, TL774, TL774B, TL775, TL776, TL767B, TL767C, TL777, TL780) với tổng chiều dài 606,31 km, trong đó đường nhựa chiếm 64,4% (390,5 km), đường cấp phối chiếm 35,6%. Là những tuyến đường kết nối với tuyến quốc lộ, huyện lộ và đường đô thị. Đảm bảo an toàn trong công tác di dời người dân trong mùa mưa, bão.

- 223 tuyến huyện lộ và đường đô thị với tổng chiều dài 1.405,6 km. Trong đó, đường nhựa chiếm 39,6% (556,6 km), còn lại là đường bê tông (chiếm 0,4%), đường cấp phối (37,2%), đường rải đá (0,6%) và đường đất (22,1%). Các tuyến đường huyện là những tuyến nhánh nối với các trục quốc lộ, tỉnh lộ đáp ứng nhu cầu giao lưu đi lại và thông thương hàng hóa từ xã đến huyện và giữa các huyện với nhau.

Hệ thống giao thông đường bộ xuyên suốt từ Quốc lộ đến tỉnh lộ, giao thông nông thôn, đến cả vùng sâu vùng xa, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai; các cầu, cống trên Quốc lộ, tỉnh lộ cơ bản đáp ứng yêu cầu tiêu thoát lũ.

Các tuyến QL và tỉnh lộ, đường sắt Bắc-Nam không bị ngập trong lũ mà chủ yếu bị sạt lở đất, đá hai bên đường, sụt lún nền đường do mưa, gây ách tắc giao thông và khó khăn trong công tác sơ tán, cứu trợ khi có bão, lũ lụt xảy ra.

❖ Giao thông đường thủy

Lưu vực sông Đồng Nai là hệ thống sông lớn đứng hàng thứ 3 của Việt Nam sau lưu vực sông Cửu Long và lưu vực sông Hồng – Thái Bình. Tại tỉnh có khoảng 2645 km đường thủy nội địa. Ngoài các hồ thủy lợi và các sông lớn do trung ương và tỉnh quản lý, giao thông đường thủy trong tỉnh còn được sử dụng trên hệ thống các kênh nhánh, hệ thống kênh nội đồng do huyện quản lý.

Từ 2015 trở lại đây, tuyến đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh luôn được đầu tư và phát triển các dự án đảm bảo an toàn giao thông. Tỉnh Đồng Nai và Sở Giao thông – Vận Tải đã thực hiện lắp đặt phao tiêu báo hiệu tại các tuyến sông Sâu, sông Đồng Kho, Gò Giao, Thị Vải theo QCVN: 39/2011 ngày 30/12/2011 của Bộ Giao thông Vận tải.

Bảng 1.17: Thống kê danh mục và phân cấp kỹ thuật hiện trạng các tuyến đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh (đơn vị: km)

TT	Danh mục tuyến ĐTNĐ	Tổng chiều dài	Phân cấp theo kỹ thuật						
			Cấp đặc biệt	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V	Cấp VI
1	Đường thủy do trung ương quản lý	126	1	40		85			
2	Đường thủy do tỉnh quản lý	112,35			7,5	51,45	0	10,4	43
3	Đường thủy do huyện quản lý	2.406,1							

Nguồn: Sở Giao thông – Vận tải tỉnh Đồng Nai

c. Hệ thống điện, thông tin liên lạc, truyền thanh, truyền hình

Hàng năm, Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai xây dựng và rà soát Phương án đảm bảo an toàn hệ thống, mạng lưới điện cho tất cả các cấp điện thế; xây dựng phương thức vận hành hệ thống điện khi xảy ra thiên tai, trong đó ưu tiên cấp điện cho các phụ tải quan trọng cho các cơ quan, đơn vị công quan trọng như: Bệnh viện, Đài phát thanh và truyền hình, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT-TKCN các cấp, Đài khí tượng thủy văn. Ngoài ra phương thức vận hành điện còn thể hiện được phương án xả thải lưới điện theo diễn biến của bão và phương án xử lý khi xảy ra lũ, ngập lụt.

Hiện nay, mạng lưới bưu chính - viễn thông đảm bảo tốt nhu cầu thông tin liên lạc. Toàn tỉnh đảm bảo 100% xã, phường, thị trấn đã phủ sóng điện thoại. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đồng Nai kết hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, trước khi xảy ra thiên tai sẽ thông báo thông tin nhanh nhất đến người dân thông qua truyền hình và phát thanh. Tăng cường thông báo, cập nhật tin tức thường xuyên về các loại hình thiên tai đến người dân.

d. Hệ thống thoát nước mặt

Trục tiêu chính là trục sông Đồng Nai tại phía Tây và các trục sông chính khác trên địa bàn tỉnh như: sông Ray, sông Thị Vải, sông Buông.

Hướng thoát: Các trục sông này đều thoát ra biển Đông.

- Trên các Sông có các hồ thủy điện, thủy lợi góp phần chứa nước và điều tiết dòng chảy vào mùa lũ như các hồ: thủy điện Trị An, Sông Mây, Đa Tôn, Bà Hào, Gia Ui, Núi Le, Suối Vọng, ...

- Đối với TP. Biên Hòa, TP. Long Khánh có hệ thống thoát nước mưa và nước thải chung nhưng chưa hoàn chỉnh.

- Hiện tại các khu công nghiệp, các khu đô thị mới đã xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng.

- Hệ thống cống chung gồm 3 loại: Cống ngầm, mương nắp đan kết hợp với mương xây hở và các hồ điều hòa.

- Ngoài ra, các thị trấn sử dụng thoát nước chung và thoát theo địa hình tự nhiên, sau đó ra sông suối trong khu vực, chỉ ở khu vực trung tâm thị trấn mới có một số tuyến cống thoát nước, tỷ lệ đường cống đạt khoảng 20% đến 30% theo đường giao thông.

e. Hệ thống đo đạc, cảnh báo thiên tai

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có tổng số 37 trạm quan trắc, gồm: 05 trạm quan trắc khí tượng, 04 trạm quan trắc mực nước, 21 trạm đo mưa và 07 trạm đo chất lượng nước. Hệ thống mạng lưới trạm quan trắc cơ bản đáp ứng công tác dự báo cảnh báo KTTV trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên cần bổ sung hệ thống trạm quan trắc đảm bảo mật độ theo quy định, bổ sung các trạm đo mực nước tại các khu vực mực nước lũ lên xuống nhanh, khu vực công trình trọng điểm mới đầu tư (sân bay Long Thành), trạm đo mưa tự động tại các khu vực đông dân cư. Đầu tư xây dựng lắp đặt các trạm cảnh báo đa thiên tai: cảnh báo giông sét, ...

(Chi tiết danh mục hệ thống đo đạc, cảnh báo thiên tai trên địa bàn tỉnh đính kèm trong Phụ lục 1.4, Phần phụ lục)

f. Công trình cấp nước sạch nông thôn

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 82 công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn, trong đó: 72 công trình đang hoạt động; 10 công trình ngừng hoạt động (04 công trình đang được sửa chữa, nâng cấp, 6 công trình ngưng hoạt động). Trong đó, 25 công trình được đơn vị sự nghiệp công lập quản lý; 07 công trình được doanh nghiệp, tư nhân quản lý; còn lại 50 công trình được hợp tác xã, tổ hợp tác, cộng đồng và loại hình khác quản lý.

Các công trình cấp nước có tổng công suất thiết kế là 44.311m³/ngày, cấp nước cho khoảng 434.749 người, thực tế công suất cấp nước khoảng 23.135 m³/ngày (đạt 52% công suất thiết kế), số người được cấp thực tế khoảng 210.448 người (đạt 49,70% so với thiết kế).

Mặc dù có tiềm năng khai thác cho mục đích cấp nước, tuy nhiên nguồn nước dưới đất và nguồn nước mặt đang chịu tác động trước việc khai thác tràn lan, thiếu kiểm soát tạo nên sự cạn kiệt và ô nhiễm nguồn nước. Ngoài việc đáp ứng nhu cầu về số lượng, chất lượng là yêu cầu hết sức quan trọng đối với hệ thống cấp nước vì nước như là một loại hàng hóa đặc biệt có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người.

(Chi tiết danh mục công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh đính kèm trong Phụ lục 1.2, Phần phụ lục)

g. Nhà tránh trú thiên tai cộng đồng

Các nhà tránh trú thiên tai cộng đồng trên địa bàn tỉnh chủ yếu là các cơ quan nhà nước, cơ sở trạm y tế, trường học, cơ sở tôn giáo với 1.322 công trình với tổng diện tích 760,88 ha sức chứa 950.096 người. Các công trình này chủ yếu là các công trình có kết cấu bê tông cốt thép, là nơi an toàn cho người dân tránh trú khi thiên tai xảy ra. Tại các vị trí này khi có thiên tai xảy ra đảm bảo cung cấp lương thực, nhu yếu phẩm, nước sạch, ánh sáng, thuốc men, chăm sóc sức khỏe cho người dân trong thời gian di dời.

Bảng 1.18: Quy mô và số lượng nhà tránh trú thiên tai cộng đồng tại Đồng Nai

Huyện, thành phố	Số lượng (công trình)	Quy mô	
		Diện tích (m ²)	Sức chứa (người)
TP. Biên Hòa	239	2.689.889	336.251
TP. Long Khánh	126	471.586	58.961
Trảng Bom	164	932.169	115.416
Nhơn Trạch	106	511.742	63.974
Vĩnh Cửu	123	478.554	59.830
Xuân Lộc	133	692.411	86.570
Định Quán	79	437.963	54.756
Tân Phú	167	638.522	79.826
Thống Nhất	103	458.587	57.330
Cẩm Mỹ	82	297.422	37.182

Tuy nhiên số lượng nhà tránh trú thiên tai cộng đồng tại một số khu vực vẫn chưa đảm bảo, nhất là tại nơi dân cư sống không tập trung. Mặt khác, do nhiều công trình kết hợp sơ tán dân bị hư hỏng xuống cấp theo thời gian, nên hàng năm cần rà soát phương án sơ tán dân, điểm tránh trú tập trung để đảm bảo an toàn, không làm gia tăng RRTT.

(Chi tiết Danh mục công trình kết hợp tránh trú thiên tai trên địa bàn tỉnh đính kèm trong Phụ lục 1.3, Phần phụ lục)

h. Cơ sở y tế

Số cơ sở khám chữa bệnh do Nhà nước quản lý tại thời điểm 31/12/2022 là 588 cơ sở. Trong đó có 21 bệnh viện; 74 phòng khám đa khoa khu vực; 171 trạm y tế xã, phường, cơ quan, xí nghiệp; cơ sở y tế khác là 322 cơ sở. Số giường bệnh tại thời điểm trên là 10.920 giường, trong đó có 7.760 giường trong các bệnh viện; 410 giường tại phòng khám đa khoa; 850 giường tại các trạm y tế và 1.900 giường tại các cơ sở khác. Số giường bệnh do các cơ sở y tế nhà nước quản lý bình quân 01 vạn dân năm 2020 là 30,0 giường bệnh. Đặc biệt, 100% trạm y tế có đủ định mức biên chế và có bác sĩ làm việc thường xuyên; 100% số thôn, ấp trong toàn tỉnh đều có nhân viên y tế. Bệnh viện tuyến tỉnh và một số bệnh viện đa khoa khu vực đã được trang bị các phương tiện hiện đại, từng bước được nâng cấp, cải tạo và hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật cao. Một số trạm y tế xã cũng được xây dựng đạt chuẩn nhằm cung cấp dịch vụ y tế chất lượng cao cho nhân dân, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa.

i. Cơ sở giáo dục

- Đại học: Đại học Đồng Nai, Đại học Lạc Hồng, Đại học Kỹ thuật - Công nghệ, Đại học Miền Đông (huyện Thống Nhất); Đại học Lâm nghiệp (cơ sở 2 tại Trảng Bom), Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở tại Biên Hòa).

- Cao đẳng: có 06 trường Cao đẳng.

- Trung cấp chuyên nghiệp: có 6 trường.

- Trường dạy nghề: Trường Trung cấp nghề 26/3, trung tâm dạy nghề Bách Khoa (TP. Biên Hòa), trung tâm dạy nghề các huyện: Trảng Bom, Định Quán, Nhơn Trạch và thành phố Long Khánh.

- Phổ thông: Ở bậc tiểu học, toàn tỉnh hiện có 288 trường. Ở bậc THCS, toàn tỉnh hiện có 168 trường. Ở bậc THPT, toàn tỉnh hiện có 50 trường. Ngoài ra trên địa bàn tỉnh có có 13 trường TH-THCS, 12 trường THCS-THPT và 15 trường TH-THCS-THP.

- Trường mầm non: Toàn tỉnh có 346 trường mầm non.

1.3.2.3. Phương tiện, vật tư phục vụ công tác phòng, chống thiên tai

a. Phương tiện, trang thiết bị PCTT-TKCN do các đơn vị dân sự quản lý:

Thực trạng phương tiện, trang thiết bị cứu hộ cứu nạn tại thời điểm ngày 1/1/2023:

- Phương tiện vận tải đường bộ: 141 chiếc;
- Trang bị, phương tiện chỉ huy: 88 thiết bị;
- Trang bị, phương tiện thông tin liên lạc cầm tay: 30 thiết bị;
- Trang bị, phương tiện cứu hộ, cứu nạn trên sông: 22.081 thiết bị;
- Trang bị, phương tiện cứu hộ, cứu nạn dưới nước: 81 thiết bị;
- Trang bị, phương tiện cứu hộ, cứu nạn dưới lòng đất, sập đổ công trình: 1.380 thiết bị;
- Trang bị, phương tiện phòng cháy chữa cháy: 2.715 thiết bị;
- Trang bị, phương tiện phòng chống hóa chất, độc xạ: 811 thiết bị;
- Trang thiết bị vật tư y tế: 3.860 thiết bị;
- Trang bị, phương tiện cấp nguồn điện: 40 thiết bị;
- Trang bị, phương tiện khác: 524 thiết bị.

(Chi tiết thông tin về trang thiết bị phục vụ công tác PCTT-TKCN đính kèm trong Phụ lục 2.2, Phần Phụ lục)

Nhìn chung, phương tiện trang thiết bị PCTT-TKCN cơ bản đáp ứng được yêu cầu về phòng chống thiên tai và tìm kiếm nạn trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, hàng năm cần rà soát, thống kê các phương tiện trang thiết bị của các đơn vị quản lý nhà nước cũng như các nguồn dự phòng trong nhân dân; cần xây dựng phương án huy động, hiệp đồng chặt chẽ giữa các đơn vị nhất là các tổ chức, doanh nghiệp và người dân nhằm chủ động khi tình huống thiên tai xảy ra.

b. Phương tiện, trang thiết bị PCTT-TKCN của các đơn vị Quân sự quản lý

Bên cạnh hệ thống phương tiện, trang thiết bị PCTT-TKCN của các đơn vị dân sự phụ trách hiện có, trong các tình huống thiên tai lớn bất thường tới mức thảm họa, các đơn vị quân sự trên địa bàn sẽ sử dụng phương tiện và trang thiết bị của các đơn vị đóng quân trên địa bàn phục vụ công tác ứng phó thiên tai và TKCN. Theo *Kế hoạch ứng phó thảm họa, sự cố, thiên tai và TKCN của Bộ CHQS tỉnh*, tháng 9/2023, số lượng phương tiện và trang thiết bị quân sự có thể huy động phục vụ ứng phó thảm họa thiên tai và TKCN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như trong bảng sau:

Bảng 1.19: Danh mục phương tiện, thiết bị phục vụ PCTT-TKCN của các đơn vị quân sự trên địa bàn tỉnh

STT	Đơn vị	Phương tiện, trang thiết bị
1	Bộ CHQS tỉnh	2 xe chỉ huy, 5 xe vận tải, 2 xe cứu thương, 18 thuyền nhôm chèo tay, 7 ca nô-xuồng, 49 nhà bạt, 295 phao tròn, 326 phao áo, máy thông tin 6 bộ
2	Ban CHQS Tp Biên Hòa	1 xe tải, 2 xuồng chèo tay, 4 nhà bạt, 155 phao tròn, 150 phao áo
3	Ban CHQS H. Long Thành	1 xe tải, 30 nhà bạt, 7 xuồng chèo tay, 2 ca nô, 100 phao tròn, 70 áo phao
4	Ban CHQS H. Nhơn Trạch	1 xe tải, 15 nhà bạt, 2 ca nô, 150 phao tròn, 100 áo phao
5	Ban CHQS H. Trảng Bom	1 xe tải, 5 nhà bạt, 48 phao tròn, 103 áo phao
6	Ban CHQS H. Vĩnh Cửu	1 xe chỉ huy, 1 xuồng chèo tay, 1 ca nô, 18 nhà bạt, 235 phao tròn, 267 áo phao
7	Ban CHQS H. Thống Nhất	1 xe tải, 5 nhà bạt, 20 phao tròn, 30 áo phao
8	Ban CHQS Tp Long Khánh	1 xe tải, 5 nhà bạt, 2 xuồng chèo tay, 30 phao tròn, 20 phao áo
9	Ban CHQS H. Tân Phú	1 xe chỉ huy, 12 xuồng chèo tay, 20 nhà bạt, 165 phao tròn, 114 áo phao
10	Ban CHQS H. Định Quán	1 xe chỉ huy, 1 xuồng chèo tay, 14 nhà bạt, 195 phao tròn, 167 áo phao
11	Ban CHQS H. Cẩm Mỹ	1 xe tải, 8 nhà bạt, 100 phao tròn, 140 phao áo
12	Ban CHQS H. Xuân Lộc	1 xe tải, 1 ca nô, 5 nhà bạt, 50 phao tròn, 38 phao áo
13	Các đơn vị hiệp đồng trực thuộc Bộ Quốc phòng	25 xe tải và 2 xe chuyên dụng khác
14	Các đơn vị hiệp đồng trực thuộc Quân khu 7	26 xe vận tải, 3 xe cứu thương, 13 xe chuyên dụng, 20 ca nô-xuồng máy, 9 phà PMP, 2 bộ phà GPS, 4 phà PTS, 1 bộ VNS 1.500

Hàng năm Bộ CHQS tỉnh tổ chức tiếp nhận trang thiết bị cấp trên, đồng thời tổ chức tham mưu chính quyền địa phương các cấp mua sắm các trang thiết bị phục vụ PCTT-TKCN sẵn sàng khi tình huống xảy ra.

1.3.2.4. Hàng hóa nhu yếu phẩm dự trữ

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Công Thương tổ chức dự trữ 200.000 tấn gạo, 150.000 thùng mì ăn liền, 120.000 thùng lương khô, 40.000 thùng nước đóng chai, 200.000 lít xăng, 220.000 lít dầu để tỉnh điều động khi cần thiết, để phục vụ cho người dân khi có thiên tai lớn xảy ra.

Đối với mặt hàng xăng, dầu dự trữ khoảng 25.870.000 lít xăng và 26.030.000 lít dầu tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Đối với mặt hàng vật liệu xây dựng: trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện có Công ty Cổ phần xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa, là đơn vị phân phối lớn trên địa bàn, dự trữ khoảng 0,6 tấn đinh vít các loại và 14,6 tỷ đồng các mặt hàng thiết yếu khác để phục vụ khi có thiên tai.

Ngoài ra, các địa phương cũng hướng dẫn người dân các vùng sâu, vùng xa chủ động tự dự trữ hàng hóa, nhu yếu phẩm... tối thiểu 7 ngày cho gia đình mình, không để thiếu đói khi thiên tai lớn xảy ra.

Khi có thiên tai bão, lụt xảy ra UBND các huyện sẽ cung ứng tại chỗ (theo phương châm 4 tại chỗ), trong trường hợp các địa phương cần cung ứng hàng hóa thì Sở Công Thương Đồng Nai sẽ phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan để huy động và vận chuyển hàng hóa đến những vùng thiên tai, vùng bị chia cắt do mưa, bão theo chỉ đạo của UBND tỉnh, đảm bảo ứng cứu kịp thời trong các tình huống khẩn cấp, không để xảy ra tình trạng thiếu hụt hàng hóa, nhất là những hàng hóa thiết yếu.

1.3.2.5. Đảm bảo y tế

Hàng năm, Sở Y tế xây dựng kế hoạch dự trữ thuốc, hoá chất, trang thiết bị cho cấp tỉnh khi có thiên tai, bão mạnh xảy ra. Phối hợp với chính quyền các cấp trong trường hợp cần sơ tán khẩn cấp tránh bão cho nhân dân, bệnh nhân đến những nơi kiên cố. Đặc biệt chú trọng tới các vùng sâu, vùng xa nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người. Trung tâm y tế các huyện, thành phố lập kế hoạch dự trữ thuốc, hoá chất, trang thiết bị cho đơn vị mình để sẵn sàng ứng phó với các tình huống thiên tai.

Ngoài ra, các cơ sở y tế huyện/thành phố, xã/phường/thị trấn cũng xây dựng kế hoạch chủ động di chuyển các phương tiện kỹ thuật, máy móc y tế, thuốc men đến vị trí an toàn khi xảy ra bão, lụt để tránh bị hư hỏng; Bố trí máy phát điện dự phòng để có thể triển khai cấp cứu cho người dân khi mất điện; Có phương án đảm bảo nhu cầu lương thực, nhu yếu phẩm khi xảy ra thiên tai dài ngày đảm bảo có thể nuôi sống bệnh nhân, cán bộ y tế được ít nhất một tuần trong khi chờ chi viện của UBND và Sở y tế.

1.3.3. Đánh giá về tình trạng dễ bị tổn thương

1.3.3.1. Khu vực dễ bị tổn thương

Toàn tỉnh Đồng Nai 106 xã được xác định thuộc khu vực dễ bị tổn thương, tập trung chủ yếu ven sông và khu vực trũng thấp, cụ thể:

- Một số xã/thị trấn/phường thuộc các huyện Tân Phú, Xuân Lộc, Định Quán, Nhơn Trạch, Cẩm Mỹ, Long Thành là khu vực dễ bị tổn thương do hạn hán, xâm nhập mặn.

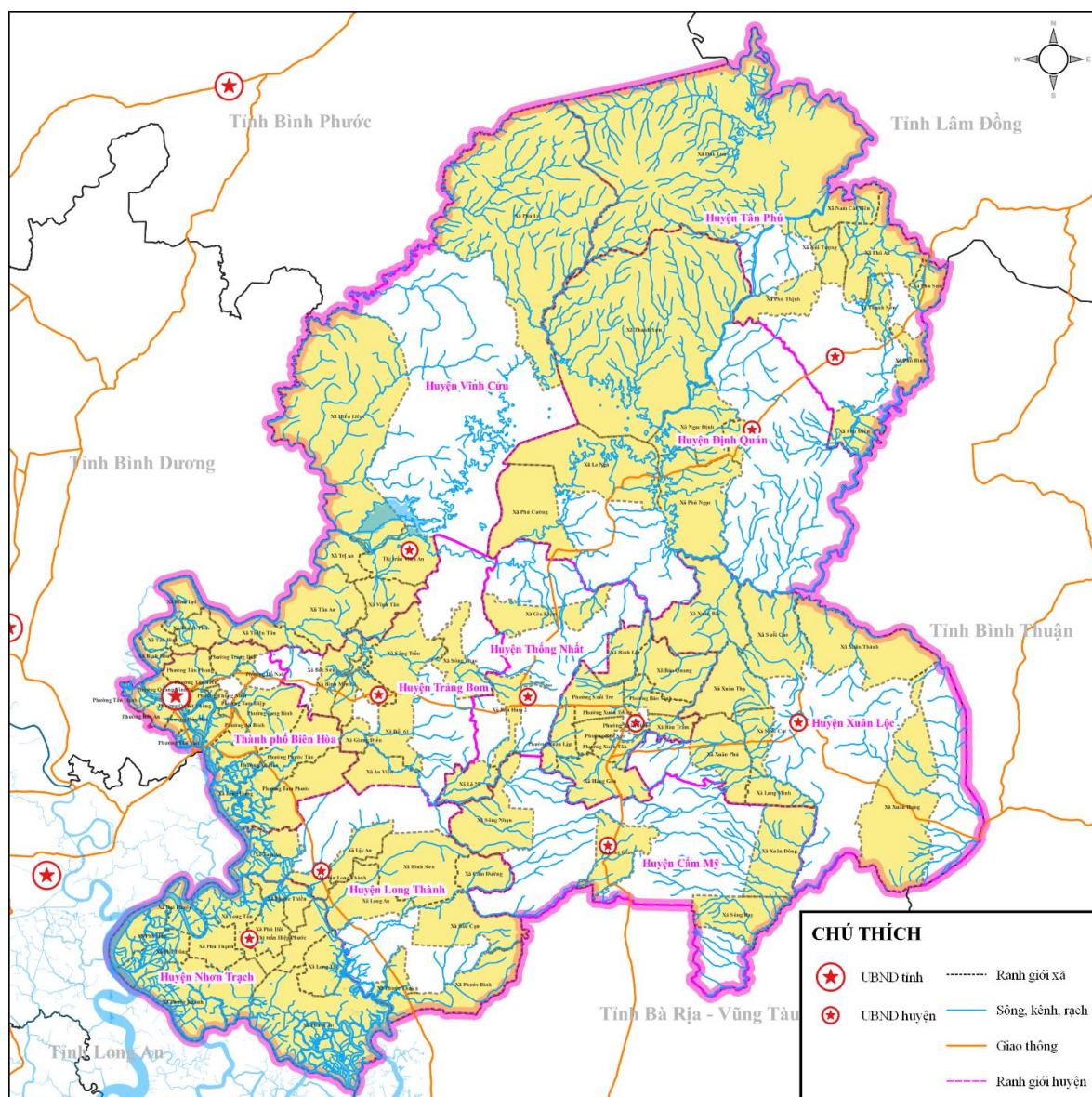
- Các xã/thị trấn/phường nằm ven sông Đồng Nai, La Ngà và hạ lưu các hồ chứa có địa hình thấp trũng là khu vực dễ bị tổn thương do lũ, mưa lớn, ngập lụt trên địa bàn tỉnh. Cụ thể như là tại TP. Biên Hòa, TP. Long Khánh, huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch, huyện Cẩm Mỹ, huyện Xuân Lộc,...

- Các xã/thị trấn/phường nằm ở phía Nam nên tỉnh Đồng Nai bao gồm Long Thành, Nhơn Trạch, TP. Biên Hòa là khu vực dễ bị tổn thương ngập úng do triều cường.

- Một số xã/thị trấn/phường tại huyện Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch và TP. Biên Hòa là khu vực dễ bị tổn thương do sạt lở đất, sạt lở bờ sông do dòng chảy.

- Khu vực dễ bị tổn thương do lốc xoáy, dông sét do ảnh hưởng biến đổi khí hậu hầu như diễn ra rải rác trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết danh mục các xã dễ bị tổn thương trên địa bàn tỉnh đính kèm trong Phụ lục 3.1, Phần phụ lục)



Hình 1.7: Bản đồ các xã dễ bị tổn thương do thiên tai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

1.3.3.2. Đối tượng dễ bị tổn thương

- Người cao tuổi: Tổng số người cao tuổi trên toàn tỉnh là 199.378 người, chiếm 6,24% so với dân số toàn tỉnh (3.177.400 người).

- Tổng số hộ nghèo và cận nghèo toàn tỉnh là 13.973 hộ, chiếm 0,44% so với tổng số hộ dân cư toàn tỉnh. Trong đó tập trung chủ yếu ở các địa bàn kinh tế kém phát triển thuộc các huyện Tân Phú (2.893 hộ), Xuân Lộc (1.790 hộ), Nhơn Trạch (1.715 hộ). Đây là các đối tượng nhạy cảm nhất về khả năng thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Số người khuyết tật: Toàn tỉnh có 32.444 người khuyết tật, chiếm tỷ lệ 0,01%. Người khuyết tật trên địa bàn tỉnh phân bố đều ở các địa phương theo quy mô dân số.

- Toàn tỉnh có 121.872 trẻ mầm non; 295.190 học sinh khối TH và 194.915 học sinh khối THCS là các đối tượng dễ bị tổn thương do thiên tai.

Người dân sống tại các khu vực ven sông lớn, vùng có địa hình thấp trũng thường gặp nhiều rủi ro do thiên tai, tùy vào mức độ và phạm vi ảnh hưởng của từng loại thiên tai, số người bị ảnh hưởng sẽ khác nhau.

(Chi tiết thông tin đối tượng dễ bị tổn thương xem trong Phụ lục 3.2, Phần Phụ lục)

1.3.3.3. Cơ sở hạ tầng xung yếu

a. Về công trình nhà ở

Hiện nay, tỉnh Đồng Nai có khoảng 8.209 căn nhà ở tạm dễ bị hư hại, nhà ven sông, suối và dưới sườn đồi núi dễ bị tổn thương nhất khi thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, có nhiều nhà thiếu kiên cố cần gia cố, chẳng chống khi có bão, ATNĐ đổ bộ trực tiếp vào địa bàn tỉnh.

Bảng 1.20: Tổng hợp công trình nhà ở dễ bị tổn thương do thiên tai trên địa bàn tỉnh

STT	Địa bàn	Số lượng phân theo đặc điểm (căn nhà)			Tổng
		Nhà tạm, dễ bị hư hại	Nhà ven sông, suối	Nhà ven sườn dốc đồi, núi	
	Toàn tỉnh	6,410	1,465	334	8,209
1	TP. Biên Hòa	257	880	55	1,192
2	TP. Long Khánh	55	75	7	137
3	Long Thành	21	-	-	21
4	Nhơn Trạch	44	99	54	197
5	Định Quán	5,452	-	-	5,452
6	Thống Nhất	5	148	100	253
7	Cẩm Mỹ	13	183	118	314
8	Tân Phú	361	-	-	361
9	Trảng Bom	12	-	-	12
10	Vĩnh Cửu	190	-	-	190
11	Xuân Lộc	-	80	-	80

(Số liệu nhà ở dễ bị tổn thương do thiên tai chi tiết xem trong Phụ lục 3.4, Phần phụ lục)

b. Công trình xung yếu

Qua rà soát, toàn tỉnh có các công trình phòng chống thiên tai xung yếu đặc biệt ảnh hưởng đến dân cư, kết cấu hạ tầng quan trọng như sau:

- Có 02 tuyến kênh cần nạo vét nhằm giảm tránh ngập úng gây ảnh hưởng đến giao thông các phường tại TP. Biên Hòa.

- Có 06 công trình hồ đập bị xuống cấp, không đảm bảo yếu tố kỹ thuật theo quy định, ảnh hưởng đến giao thông cho vùng hạ du hồ tại các huyện Trảng Bom, Tân Phú, Xuân Lộc, TP. Long Khánh.

- Có 01 tuyến đê bị hư hỏng, mất an toàn mặt đê, ảnh hưởng cho hệ thống công trình thủy lợi, giảm hiệu quả quản lý và vận hành hệ thống. Đồng thời ảnh hưởng đến giao thông nội vùng, vận chuyển hàng hóa, nông sản của người dân ở khu vực.

- Có 03 khu vực xảy ra hiện tượng sạt lở, với tổng chiều dài khoảng 4.788,5 m. Trong đó, sạt lở đất đồi tại ấp Phú Lâm 3, xã Phú Sơn (Tân Phú) gây ảnh hưởng đến 68 hộ dân sinh sống tại khu vực, ảnh hưởng giao thông trên tuyến QL20 và sạt lở bờ sông tại 02 kè chống sạt lở trên sông Vàm Mương – Long Tàu và sông Đồng Nai.

(Chi tiết danh mục công trình xung yếu đính kèm trong Phụ lục 3.3, Phần phụ lục)

c. Cơ sở vật chất cơ quan tham mưu PCTT các cấp

Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi trực thuộc Sở NN-PTNT làm nhiệm vụ Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị máy móc phục vụ hoạt động chỉ đảm bảo ở mức tối thiểu, bao gồm: 04 bộ máy tính bàn, 01 máy tính xách tay, 01 máy in, 01 máy scan, 01 điện thoại bàn, 01 tivi 55 inch có kết nối mạng internet, 01 máy chiếu, 01 bản đồ theo dõi đường đi của bão, 01 bản đồ vùng ngập trên địa bàn tỉnh và 01 cái bàn họp (có 10 cái ghế ngồi). Theo quy định tại Quyết định số 185/QĐ-PCTT-UPKP ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Tổng cục Phòng, chống thiên tai ban hành tiêu chí chấm điểm “Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn kiểu mẫu” thực hiện phong trào thi đua “Chủ động phòng, chống thiên tai, xây dựng cộng đồng an toàn” giai đoạn 2020 – 2025, hiện nay Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh còn thiếu một số thiết bị chuyên dụng phục vụ công tác PCTT như Flycam, máy tính cấu hình cao, phòng họp trực tuyến...; thiếu các công cụ, phần mềm hỗ trợ ra quyết định;

Văn phòng Thường trực BCH cấp huyện đặt tại Phòng NN-PTNT, Phòng kinh tế, về mặt trang thiết bị phục vụ công tác chỉ huy trực chiến, phòng chống thiên tai vẫn còn hạn chế không đáp ứng được như máy tính, máy chiếu, loa đài, máy fax, điện đàm...

Tại một số văn phòng thường trực cấp huyện, vật tư trang thiết bị tuy được cung cấp bổ sung hàng năm nhưng vẫn chưa đầy đủ, thậm chí nhiều nơi không có kho bãi riêng để cất giữ bảo quản vật tư trang thiết bị, phải gửi nhờ lại các phòng ban khác.

Thường trực Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp xã, phường, thị trấn đặt tại UBND các xã, phường, thị trấn; sử dụng bộ máy của UBND xã, phường thị trấn kiêm nhiệm công tác PCTT-TKCN. Các trang thiết bị sử dụng chung với UBND cấp xã.

1.3.3.4. Kinh tế - xã hội chịu ảnh hưởng nặng do thiên tai

a. Nông nghiệp

Do các công trình thủy lợi phục vụ tưới chỉ là các hồ chứa loại vừa hoặc loại nhỏ và các đập dâng nên chỉ có thể phục vụ tưới vụ Đông Xuân sớm với khả năng rất hạn chế. Vào mùa hạn, tình hình nắng nóng, thiếu nước đã gây ảnh hưởng rất nhiều cánh đồng trên địa bàn tỉnh. Nghiêm trọng nhất là đối với những địa phương không có công trình thủy lợi thì vào những đợt hạn luôn xảy ra tình trạng nhiều diện tích gieo trồng bị hư hỏng, giảm năng suất.

Hàng năm tại cánh đồng Bến Thuyền (huyện Tân Phú), mùa mưa, lũ đã làm cho mực nước sông La Ngà dâng cao gây vỡ tuyến đê trọng yếu bảo vệ cánh đồng. Người dân phải đặt máy bơm hút bớt lượng nước trong cánh đồng ra bớt, tuy nhiên tình trạng sạt lở tuyến đê ngày càng nghiêm trọng hơn và có thể gây ngập toàn bộ cánh đồng trong những năm tiếp theo nếu không có những biện pháp cụ thể để gia cố, bảo vệ tuyến đê này.

Diện tích nuôi trồng thủy sản ven các sông suối như sông Đồng Nai (đặc biệt các huyện đầu nguồn), sông La Ngà,... có nguy cơ cao bị thiệt hại khi lũ lớn.

Tính đến năm 2022, toàn tỉnh có 1.122 tàu cá, chủ yếu làm bằng gỗ và nhôm. Chủ yếu hoạt động khai thác trên khu vực sông Đồng Nai, sông La Ngà, hồ Trị An, rừng ngập mặn hai huyện Long Thành – Nhơn Trạch. Đây là các đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp khi có dông lốc bất ngờ, gió mạnh hoặc do dòng chảy thay đổi, bồi lắng dẫn đến tai nạn.

b. Giáo dục

Các loại hình thiên tai lớn như bão, ATNĐ khi xảy ra thường làm hư hỏng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất trường học, làm gián đoạn công tác dạy và học đặc biệt nguy cơ ảnh hưởng an toàn học sinh nhất là học sinh tiểu học, mầm non. Một số cơ sở ở các vị trí dễ ngập khi mưa lớn hoặc các vùng xảy ra dông lốc nên mất nhiều thời gian, công sức cho việc phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả.

Giông lốc là loại hình khó dự báo và thường xảy ra bất ngờ nguy cơ gây sập, gây tốc mái trường học xuống cấp và ảnh hưởng đến an toàn của học sinh, giáo viên.

Ngoài ra, việc lập kế hoạch, phương án chủ động ứng phó thiên tai của các trường học tuy đã chú trọng nhưng còn nhiều trường chưa tổ chức triển khai thực hiện, gây lúng túng trong công tác ứng phó khi thiên tai xảy ra.

Hiện nay, việc lồng ghép kiến thức phòng chống thiên tai vào trường học chưa lồng ghép vào môn học, hiện chỉ mới đưa thành các chuyên đề riêng, do đó học sinh còn thiếu nhiều kiến thức, kỹ năng ứng phó thiên tai.

c. Giao thông vận tải:

Các tuyến QL và tỉnh lộ, huyện lộ và giao thông nông thôn có nguy cơ bị sạt lở đất, đá hai bên đường, sụt lún nền đường do mưa lớn, gây ách tắc giao thông, vận chuyển hàng hóa và khó khăn trong công tác sơ tán, cứu trợ khi có bão, lũ lụt xảy ra.

1.3.4. Tổng hợp kết quả đánh giá RRTT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Bảng 1.21: Tổng hợp kết quả đánh giá RRTT theo từng loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Loại hình thiên tai	Cấp độ RRTT	Phạm vi ảnh hưởng	Đối tượng bị ảnh hưởng và đối tượng dễ bị tổn thương	Năng lực
Bão, ATNĐ	3-4	- Toàn tỉnh đều có nguy cơ bị ảnh hưởng; Khu vực trọng điểm phải sơ tán dân do ATNĐ/bão gồm: TP Biên Hoà (17 phường/xã); TP. Long Khánh (14 phường/xã); Long Thành (73 khu phố/ấp thuộc 14 xã/thị trấn); Nhơn Trạch (36 khu phố/ấp thuộc 12 xã/thị trấn); Định Quán (12 xã/thị trấn - 19 ấp/KP); Thống Nhất (8 xã/thị trấn - 33 ấp); Cẩm Mỹ (toàn huyện); Tân Phú (14 xã - 30 ấp); Trảng Bom (68 ấp/khu phố thuộc 17 xã/thị trấn); Vĩnh Cửu (21 ấp thuộc 9 xã); Xuân Lộc (12 xã/thị trấn - 32 ấp/KP). Chi tiết tại Phụ lục 4.1, Phần phụ lục. - Trường hợp bão, ATNĐ đổ bộ gây mưa lớn, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất cần lưu ý các khu vực có nguy cơ cao ngập lụt, sạt lở, lũ quét được xác định theo từng loại hình ở dưới đây.	- Con người sống trong khu vực bị ảnh hưởng của bão, ATNĐ. - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng, công trình phòng chống thiên tai và các công trình khác... - Đối tượng dễ bị tổn thương: Người già, phụ nữ mang thai, phụ nữ đơn thân, hộ nghèo, người bị bệnh hiểm nghèo - Số người phải sơ tán, di dời trước thiên tai, số hộ dân phải sơ tán; vùng gió mạnh, vùng ngập lụt; nhà tạm, dễ sập, nhà ven sông, suối, ven núi, sườn đồi, mái dốc.	- Tổng hợp phương án sơ tán dân trong tình huống bão, theo Phụ lục 5.1, Phần phụ lục. - Tổng hợp lực lượng chỉ huy, lực lượng dự kiến huy động trong tình huống thiên tai theo Phụ lục 2.1, Phần phụ lục.. - Tổng hợp phương tiện, vật tư trang thiết bị huy động phục vụ cứu hộ, cứu nạn trong tình huống thiên tai, theo Phụ lục 2.2, Phần phụ lục.. - Tổng hợp vật tư, lương thực, nước uống, nhu yếu phẩm trong tình huống thiên tai theo Phụ lục 2.3, Phần phụ lục. - Tổng hợp công trình kết hợp tránh trú lũ, ngập lụt, bão ATNĐ theo Phụ lục 1.3, Phần phụ lục

Loại hình thiên tai	Cấp độ RRTT	Phạm vi ảnh hưởng	Đối tượng bị ảnh hưởng và đối tượng dễ bị tổn thương	Năng lực
Mưa lớn kết hợp triều cường	1-2	- Toàn tỉnh đều có nguy cơ bị ảnh hưởng - Các khu vực có nguy cơ ngập do mưa lớn với tổng số khoảng 249 khu vực ngập, được thể hiện chi tiết trong Phụ lục 4.5, Phần phụ lục	- Nhà cửa , cơ sở hạ tầng - Dân cư vùng ven sông suối - Hoạt động sản xuất - An toàn hồ đập	- Tổng hợp phương án sơ tán dân trong tình huống mưa lớn theo Phụ lục 5.3, Phần phụ lục. - Tổng hợp các nguồn lực lượng dự kiến huy động trong tình huống thiên tai theo Phụ lục 2, Phần phụ lục.. - Tổng hợp công trình kết hợp tránh trú thiên tai theo Phụ lục 1.3, Phần phụ lục.
Lũ, ngập lụt	1-2-3	Các xã/thị trấn/phường nằm ven sông Đồng Nai, La Ngà và hạ lưu các hồ chứa có địa hình thấp trũng, gồm: Các xã/thị trấn/phường nằm ven sông Đồng Nai, La Ngà: TP Biên Hoà (23 xã/phường -83 điểm ngập); Long Thành (3 xã/TT – 13 điểm); Nhơn Trạch (10 xã/TT – 15 điểm); Định Quán (10 xã– 6 điểm); Tân Phú (8 xã – 19 điểm); Vĩnh Cửu (9 xã - 23 điểm); Xuân Lộc (2 xã – 2 điểm). Chi tiết tại Phụ lục 4.3, Phần phụ lục	- Con người sống trong khu vực ảnh hưởng. - Nhà cửa , cơ sở hạ tầng - Dân cư vùng ngập lụt - Lồng bè nuôi trồng thủy sản - Vật nuôi; cây trồng, mùa màng - Các công trình PCTT. - Hoạt động giao thông; xả lũ các hồ chứa.	- Tổng hợp phương án sơ tán dân trong tình huống lũ, ngập lụt theo Phụ lục 5.2, Phần phụ lục.. - Tổng hợp các nguồn lực lượng dự kiến huy động trong tình huống thiên tai theo Phụ lục 2, Phần phụ lục.. - Tổng hợp công trình kết hợp tránh trú thiên tai theo Phụ lục 1.3, Phần phụ lục

Loại hình thiên tai	Cấp độ RRTT	Phạm vi ảnh hưởng	Đối tượng bị ảnh hưởng và đối tượng dễ bị tổn thương	Năng lực
Lũ quét, Sạt lở đất, sạt lở bờ sông do mưa lũ hoặc dòng chảy	1-2	Một số xã/thị trấn/phường tại huyện Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch, Trảng Bom và TP. Biên Hòa: - Huyện Vĩnh Cửu: Tân An, Hiếu Liêm, Phú Lý, Thiện Tân. - Huyện Tân Phú: Phú Sơn, Nam Cát Tiên. - Huyện Định Quán: Thanh Sơn. - Huyện Trảng Bom: ấp Lộ Đức, Hố Nai 3. - TP. Biên Hòa: phường Tân Mai, phường An Bình. - Huyện Nhơn Trạch: Đại Phước, Phước Khánh, Phú Hữu, Long Tân, Phước Thiện, Phú Thạnh. Chi tiết xem Phụ lục 4.6, Phần phụ lục.	- Con người - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng - Công trình phòng chống thiên tai, công trình giao thông	- Tổng hợp phương án sơ tán dân trong tình huống lũ quét, sạt lở đất theo Phụ lục 5.4, Phần phụ lục. - Tổng hợp các nguồn lực lượng dự kiến huy động trong tình huống thiên tai theo Phụ lục 2, Phần phụ lục.. - Tổng hợp công trình kết hợp tránh trú thiên tai theo Phụ lục 1.3, Phần phụ lục.
Hạn hán	1-2	Một số xã/thị trấn/phường thuộc các huyện Tân Phú, Xuân Lộc, Định Quán, Nhơn Trạch, Cẩm Mỹ, Long Thành: - Huyện Tân Phú: Phú Bình, Phú Điền. - Huyện Xuân Lộc: Lang Minh, Xuân Phú. - TP. Long Khánh: Suối Tre, Xuân Tân, Hàng Gòn, Bảo Quang, Xuân Lập, Bàu	- Con người, - Vật nuôi, cây trồng - Hoạt động sản xuất - Nước sinh hoạt	- Tổng hợp các nguồn lực lượng dự kiến huy động trong tình huống thiên tai theo Phụ lục 2, Phần phụ lục..

Loại hình thiên tai	Cấp độ RRTT	Phạm vi ảnh hưởng	Đối tượng bị ảnh hưởng và đối tượng dễ bị tổn thương	Năng lực
		Sen, Bàu Trâm, Bình Lộc, Bảo Vinh. <i>Chi tiết xem Phụ lục 4.2, Phần phụ lục</i>		
Xâm nhập mặn	1-2	- Huyện Nhơn Trạch: Đại Phước, Phú Thạnh, Phú Hội, Phước Thiện, TT. Hiệp Phước, Long Tân, Long Thọ. - Huyện Long Thành: TT. Long Thành, Tam An. <i>Chi tiết xem Phụ lục 4.2, Phần phụ lục</i>	- Con người, - Vật nuôi, cây trồng - Hoạt động sản xuất: - Nước sinh hoạt	Tổng hợp các nguồn lực lượng dự kiến huy động trong tình huống thiên tai theo Phụ lục 2, Phần phụ lục..
Dông, lốc, sét, mưa đá	1	- Toàn tỉnh đều có nguy cơ bị ảnh hưởng dông lốc, sét, mưa đá; - Khu vực xung yếu do đã xảy ra các trận dông lốc sét trong thời gian qua <i>Chi tiết xem Phụ lục 4.4, Phần phụ lục</i>	- Con người, vật nuôi, cây trồng - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng, cây xanh.	Tổng hợp các nguồn lực lượng dự kiến huy động trong tình huống thiên tai theo Phụ lục 2, Phần phụ lục..
Cháy rừng do tự nhiên	1-2	- TP Biên Hoà: Hố Nai, Tân Biên, Tân Hòa, Trảng Dài, Tam Phước, Phước Tân, Long Bình; - H. Tân Phú: Đắc Lua, Phú An, Phú Sơn, Phú Trung, Tà Lài, Nam Cát tiên, Núi Tượng, Phú lập, Phú Xuân, Phú Thịnh, Thanh Sơn, Tân Phú, Phú Thanh; - H. Định Quán: Phú ngọc, Thanh Sơn, Gia	- Thảm thực vật, động vật hoang dã; - Sinh kế của người trồng rừng	- Lực lượng: tổ PCCC rừng tại chỗ; Kiểm lâm (100 người), cảnh sát PCCC (700 người); 08 đơn vị chủ rừng lớn (636 người) và lực lượng hỗ trợ khác. - Phương tiện, trang bị: 2.715 thiết bị gồm: Xe chữa cháy: 70 chiếc (cảnh sát PCCC: 36 chiếc, các đơn vị quân đội: 10 chiếc, các

Loại hình thiên tai	Cấp độ RRTT	Phạm vi ảnh hưởng	Đối tượng bị ảnh hưởng và đối tượng dễ bị tổn thương	Năng lực
		Canh, Ngọc Định, La Ngà, Phú Lợi, Phú Tân, Định Quán, Phú Vinh, Phú Hòa; - H. Vĩnh Cửu: Hiếu Liêm, Mã Đà, Phú Lý, Thị trấn Vĩnh An, Tân An, Thiện Tân, Trị An, Thạnh Phú, Vĩnh Tân; - H. Xuân Lộc: Xuân Trường, Suối Cát, Xuân Thọ, Xuân Hiệp, Gia Ray, Xuân Tâm, Xuân Thành, Xuân Hòa, Xuân Hưng, Suối Cao, Xuân Bắc, Lang Minh, Xuân Phú; - H. Nhơn Trạch: Phước An, Long Tân, Phú Hội, Phước Khánh Phú Thanh, Phú Thạnh, Long Thọ, Hiệp Phước, Đại Phước, Phú Hữu, Phú Đông; - H. Trảng Bom: Bắc Sơn và Hồ Nai 3, Trảng Bom, Bình Minh, Sông Trầu, Đồi 61; - H. Thống Nhất: Gia Tân 1; - H. Long Thành: Bàu Cạn, Bình Sơn; Long Phước, Phước Thái.		công ty, doanh nghiệp: 24 chiếc); Máy bơm nước: 64 cái (cảnh sát PCCC: 06 , các đơn vị chủ rừng, ban chỉ huy các địa phương: 58 cái; xe chở nước: 07 chiếc; xe ủi đất: 06 chiếc; Máy cưa: 48 cái; máy thổi gió: 241 cái; máy cắt thực bì: 47 cái...); - Công trình phục vụ PCCC rừng: 38 chòi canh lửa được xây dựng kiên cố (chòi sắt); 39 hồ chứa nước kiên cố.

1.4. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ NƯỚC BIỂN DÂNG

1.4.1. Kịch bản BĐKH tỉnh Đồng Nai

Theo kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố năm 2020, mức độ biến đổi của các yếu tố khí hậu và nước biển dâng như sau đối với tỉnh Đồng Nai:

- Về nhiệt độ trung bình: Theo kịch bản trung bình RCP4.5, nhiệt độ trung bình năm khu vực tỉnh Đồng Nai có xu thế tăng so với trung bình thời kỳ cơ sở (1986-2005), giữa thế kỷ 21 tăng khoảng 1,2°C; đến cuối thế kỷ 21 tăng khoảng 1,7°C. Theo kịch bản cao RCP8.5, giữa thế kỷ 21 tăng khoảng 1,8°C; đến cuối thế kỷ 21 tăng khoảng 3,0°C.

- Về nhiệt độ cực trị: Theo kịch bản RCP4.5, đến cuối thế kỷ 21, nhiệt độ tối cao và tối thấp trung bình năm có xu thế tăng từ 1,8 đến 2,6°C. Theo kịch bản cao RCP8.5, mức tăng có thể đến 4°C. Vào giữa thế kỷ 21 số ngày nắng nóng có xu thế tăng, với mức tăng từ 20 đến 40 ngày so với thời kỳ cơ sở. Đến cuối thế kỷ 21, số ngày nắng nóng tăng từ 50 đến 60 ngày.

- Về lượng mưa năm và mưa cực trị: Theo kịch bản trung bình RCP4.5, lượng mưa năm có xu thế tăng. Giữa thế kỷ 21 tăng 11%; đến cuối thế kỷ 21 tăng khoảng 13,6%. Theo kịch bản cao RCP8.5, giữa thế kỷ tăng 16,5%; cuối thế kỷ tăng khoảng 18,0%.

- Lượng mưa một ngày lớn nhất và 5 ngày lớn nhất đều được dự tính có xu thế tăng trong thế kỷ 21 theo các kịch bản trung bình và kịch bản cao. Đến cuối thế kỷ 21, theo kịch bản trung bình RCP4.5, mức tăng của lượng mưa 1 ngày lớn nhất có thể tăng từ 30 đến 50%; lượng mưa 5 ngày liên tiếp lớn nhất có thể tăng từ 20 đến 35%.

- Hạn hán: Kết quả dự tính cho thấy, lượng mưa mùa đông, mùa xuân có xu thế giảm và nhiệt độ tăng cao khiến bốc hơi tăng, dẫn đến nguy cơ hạn hán sẽ nghiêm trọng hơn vào các tháng mùa đông, mùa xuân (tương ứng với mùa nắng) ở tỉnh Đồng Nai.

- Về mực nước biển dâng: Theo kịch bản trung bình (RCP4.5), đến cuối thế kỷ 21 nước biển có khả năng dâng thêm khoảng 53 cm; theo kịch bản cao (RCP8.5) tăng khoảng 73 cm.

- Bão và áp thấp nhiệt đới: Cường độ của bão sẽ tăng khoảng 2-11%; mưa trong khu vực tâm bão sẽ tăng khoảng 20%; Hoạt động của bão và áp thấp nhiệt đới có xu thế dịch chuyển về cuối mùa bão, thời kỳ mà bão hoạt động chủ yếu ở phía Nam. Nếu phân chia cấp độ, số lượng bão yếu và trung bình có xu thế giảm trong khi số lượng bão mạnh đến rất mạnh lại có xu thế tăng rõ rệt.

+ Nước biển dâng cao hoặc nước dâng do bão: Mực nước biển trung bình khu vực Biển Đông và ven biển Việt Nam có xu hướng tăng rõ rệt với giá trị tăng trung bình dọc bờ biển Việt Nam khoảng 2,8 mm/năm. Số liệu vệ tinh cho thấy, mực nước trung bình trên một phần của biển Đông từ năm 1993 đến 2010 tăng khoảng 4,7 mm/năm. Mực nước biển cao nhất hàng năm xảy ra khi thủy triều kết hợp với bão gây ra nước dâng do bão, có xu thế tăng ở hầu hết các trạm quan trắc ven biển Việt Nam.

1.4.2. Nhận định tình hình thiên tai trong tương lai

Theo đánh giá của Tổ chức Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), Việt Nam là một trong 5 nước đứng đầu thế giới dễ bị tổn thương nhất và tổn thương trực tiếp do quá trình BĐKH. Theo chỉ số về mức độ tổn thương do BĐKH (CCVI), đánh giá mức độ tổn thương do tác động của BĐKH trong 30 năm tới thông qua 42 yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường tại 193 quốc gia, Việt Nam xếp hạng thứ 23 trong tổng số 193 quốc gia và là một trong 30 nước chịu “rủi ro rất cao”. BĐKH tác động tới tất cả các vùng, miền, các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đời sống, y tế và sức khỏe cộng đồng của quốc gia.

Mặc dù, Đồng Nai không thuộc các tỉnh chịu ảnh hưởng nặng nề bởi BĐKH, song theo đánh giá của các cơ quan chuyên môn cho thấy, dưới tác động của BĐKH đã làm ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nền nhiệt có khuynh hướng gia tăng liên tục trên phạm vi toàn tỉnh Đồng Nai với cường độ khác nhau. Khu vực phía nam bao gồm thành phố Biên Hoà và phần lớn huyện Long Thành và Nhơn Trạch là vùng được đánh giá vừa có giá trị các yếu tố nhiệt độ cao nhất cả tỉnh và đồng thời cũng là vùng ghi nhận có mức độ gia tăng nền nhiệt cao hơn các khu vực khác của tỉnh.

Tổng lượng mưa hàng năm tại tỉnh Đồng Nai có xu hướng tăng, đến cuối thế kỷ 21 trong giai đoạn những năm 2080 (2071 - 2100), tổng lượng mưa hàng năm được dự báo có mức tăng cao hơn so với các giai đoạn trước. Khu vực phía bắc tỉnh Đồng Nai bao gồm phần lớn các huyện Tân Phú, Định Quán và Vĩnh Cửu thường có cường độ mưa hàng năm cao nhất tỉnh. Khu vực phía Nam và Đông Nam (chủ yếu là huyện Cẩm Mỹ) thường ghi nhận có tổng lượng mưa hàng năm thấp nhất.

Theo nhận định của ngành Khí tượng thủy văn, do ảnh hưởng của BĐKH, trong thời gian tới số lượng các cơn ATNĐ, bão hoạt động trên biển Đông có xu hướng tăng về cường độ, tốc độ, đường đi của bão phức tạp và có xu thế dịch chuyển về phía Nam.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

2.1. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29/11/2006, Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013, Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ Quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định mức nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 1857/QĐ-BTNMT ngày 29/8/2014 và Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 16/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt và công bố kết quả phân vùng bão và xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão cho khu vực ven biển Việt Nam;

Căn cứ Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 03/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18/02/2020 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai;

Căn cứ Văn bản số 23/TWPCTT ngày 10/3/2020 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai về rà soát, xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai.

Căn cứ Quyết định số 3031/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Phương án bảo vệ an toàn đập, hồ chứa Thủy điện Trị An thuộc các huyện: Định Quán, Thống Nhất, Trảng Bom, Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;

2.2. MỤC ĐÍCH

Ứng phó kịp thời, hiệu quả đối với mọi loại hình thiên tai. Hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, đảm bảo an toàn về người và tài sản của nhân dân, chủ

động sơ tán dân ra khỏi vùng nguy hiểm, hạn chế thấp nhất mọi rủi ro gây ra nhất là đối với người già, người khuyết tật, trẻ em và phụ nữ mang thai.

2.3. YÊU CẦU CỦA PHƯƠNG ÁN

Các cấp các ngành thực hiện có hiệu quả phương châm “Bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ) và nguyên tắc “phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả”; hoàn thành việc di dời, sắp xếp và ổn định đời sống nhân dân vùng thường xuyên xảy ra thiên tai.

Xác định khu vực, vùng thường xuyên xảy ra thiên tai; Xác định vị trí, khu vực di dời khi có thiên tai. Làm cơ sở để đưa ra các quyết định chỉ đạo điều hành ứng phó thiên tai, khắc phục kịp thời hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai

Bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của nhà nước, giữ gìn trật tự an ninh, an toàn xã hội.

Bảo đảm an toàn cho hệ thống công trình phòng chống thiên tai và công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

Đảm bảo giao thông được thông suốt trong mọi tình huống; hoàn thành hệ thống thông tin liên lạc từ cấp tỉnh đến cấp xã (hữu tuyến, vô tuyến, di động, lực lượng hỏa tốc).

Người dân theo dõi chặt chẽ diễn biến của thiên tai, nghiêm chỉnh chấp hành các mệnh lệnh, hướng dẫn cảnh báo của chính quyền, của cơ quan chức năng; đồng thời nâng cao ý thức chủ động, tự giác tham gia cùng chính quyền, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở địa phương trong công tác phòng chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ

3.1. MỤC TIÊU

- Huy động các nguồn lực để chủ động ứng phó có hiệu quả trước mọi tình huống thiên tai có thể xảy ra trong phạm vi toàn tỉnh, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản, tài nguyên thiên nhiên, môi trường, di sản văn hóa, cơ sở hạ tầng và các công trình trọng yếu do thiên tai có thể gây ra, góp phần quan trọng phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh được phân công, chủ động thực hiện các phương án ứng phó, nhằm ứng phó kịp thời, đạt hiệu quả với từng tình huống cụ thể do thiên tai gây ra.

- Đảm bảo an toàn về người và tài sản của nhân dân, chủ động sơ tán dân ra khỏi vùng nguy hiểm, hạn chế thấp nhất mọi rủi ro gây ra.

- Bảo vệ các công trình quan trọng về an ninh Quốc gia, phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh, đảm bảo các công trình giao thông, thông tin liên lạc hoạt động thông suốt.

- Bảo đảm an ninh trật tự vùng bị thiên tai bão, bão mạnh.

3.2. PHƯƠNG CHÂM ỨNG PHÓ

Lấy công tác chủ động phòng tránh là trọng tâm để triển khai thực hiện.

Đảm bảo an toàn về người và tài sản của nhân dân, chủ động sơ tán dân ra khỏi vùng nguy hiểm, hạn chế thấp nhất mọi rủi ro gây ra.

Bảo vệ các công trình quan trọng về An ninh Quốc gia, phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh, đảm bảo các công trình giao thông, thông tin liên lạc hoạt động thông suốt.

Đảm bảo an ninh trật tự, thông tin liên lạc trong quá trình xử lý, ứng phó với rủi ro thiên tai.

Phối hợp chặt chẽ giữa Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy PCTT-TKCN) với các cấp, các ngành, các huyện, thành phố trong chỉ đạo, chỉ huy phòng chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

Huy động nguồn nhân lực, vật tư, phương tiện, nhu yếu phẩm cần thiết theo phương châm "Bốn tại chỗ" để ứng phó với thiên tai.

Thống kê, đánh giá thiệt hại; bảo vệ môi trường, phục hồi sản xuất; hỗ trợ khắc phục hậu quả, ổn định đời sống nhân dân sau thiên tai theo đúng quy định của Nhà nước.

3.3. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI BÃO, ÁP THẤP NHIỆT ĐỐI (CẤP ĐỘ RRTT CẤP 3-4)

3.3.1. Thời điểm ứng phó với Bão, Áp thấp nhiệt đới

* Trước khi bão đổ bộ: Cơ quan dự báo KTTV phát các bản tin

- Tin ATNĐ, Bão gần biển đông: khi bão hoạt động ở ngoài Biển Đông và có khả

năng di chuyển vào Biển Đông trong 48 giờ tới (***Chỉ triển khai ứng phó đối với các ATNĐ/Bão dự báo hướng di chuyển có khả năng ảnh hưởng đến địa bàn tỉnh Đồng Nai***)

- Tin ATNĐ, Bão trên biển Đông: khi bão, ATNĐ hoạt động trên Biển Đông và chưa có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền Việt Nam trong 48 giờ tới và ***dự báo có hướng di chuyển có khả năng ảnh hưởng tới địa bàn tỉnh Đồng Nai***

- Tin ATNĐ, Bão khẩn cấp: khi bão, ATNĐ có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền Việt Nam trong 48 giờ tới và ***dự báo có hướng di chuyển có khả năng ảnh hưởng tới địa bàn tỉnh Đồng Nai***

* Khi bão đổ bộ vào địa bàn tỉnh: Cơ quan dự báo KTTV phát bản tin Bão, Áp thấp nhiệt đới trên đất liền ***có phạm vi ảnh hưởng ATNĐ/bão ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền tỉnh Đồng Nai.***

* Khi bão đi qua: Cơ quan dự báo KTTV phát bản tin cuối cùng về Bão, Áp thấp nhiệt đới: ***Khi Bão đã suy yếu thành một vùng áp thấp hoặc phạm vi ảnh hưởng trực tiếp của bão ra ngoài địa bàn tỉnh Đồng Nai, không còn khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Đồng Nai.***

3.3.2. Xác định kịch bản ứng phó

- Kịch bản 1: Khi Áp thấp nhiệt đới, bão cấp 8÷9 đổ bộ trực tiếp vào địa bàn tỉnh;
- Kịch bản 2: Khi bão cấp 10-11 đổ bộ trực tiếp vào địa bàn tỉnh

3.3.3. Phạm vi ảnh hưởng

Phạm vi ảnh hưởng của ATNĐ, bão cụ thể phụ thuộc vào quỹ đạo và bán kính khu vực các cấp độ gió của ATNĐ, bão. Khi ATNĐ, bão đổ bộ vào địa bàn tỉnh ngoài việc tác động của gió bão, còn gây ra dông lốc, sét, mưa lớn, lũ, ngập lụt, sạt lở, lũ quét. Do đó, tất cả các huyện trên địa bàn tỉnh đều có nguy cơ ảnh hưởng của ATNĐ, bão, đặc biệt lưu ý các khu vực nguy cơ cao và đối tượng bị tác động bởi ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất.

Khu vực trọng điểm phải sơ tán dân do ATNĐ/bão gồm: TP Biên Hoà (17 phường/xã); TP. Long Khánh (14 phường/xã); Long Thành (73 khu phố/ấp thuộc 14 xã/thị trấn); Nhơn Trạch (36 khu phố/ấp thuộc 12 xã/thị trấn); Định Quán (12 xã/thị trấn - 19 ấp/KP); Thống Nhất (8 xã/thị trấn - 33 ấp); Cẩm Mỹ (toàn huyện); Tân Phú (14 xã - 30 ấp); Trảng Bom (68 ấp/khu phố thuộc 17 xã/thị trấn); Vĩnh Cửu (21 ấp thuộc 9 xã); Xuân Lộc (12 xã/thị trấn - 32 ấp/KP). *Chi tiết xem phụ lục 4.1, Phần phụ lục.*

3.3.4. Nội dung phương án ứng phó

3.3.4.1. Công tác triển khai thực hiện trước khi bão đổ bộ

(Thời điểm cơ quan dự báo KTTV phát Tin Bão, Áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông; tin ATNĐ, Bão trên biển đông; tin Bão, Áp thấp nhiệt đới khẩn cấp)

a. Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh:

- Tổ chức trực ban 24/24h, theo dõi sát diễn biến của ATNĐ, bão; tiếp tục triển khai

các nhiệm vụ chủ động ứng phó với ATNĐ, bão. Tổng hợp, báo cáo tình hình triển khai ứng phó với ATNĐ, bão trên địa bàn tỉnh về UBND tỉnh, Tỉnh ủy và Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai.

- Triển khai thực hiện nghiêm các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai, UBND tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ ứng phó với ATNĐ, bão. Đối với trường hợp bão khẩn cấp, chỉ đạo dừng các cuộc họp không liên quan để tập trung, khẩn trương triển khai công tác ứng phó;

- Kiểm tra, đôn đốc công tác triển khai phòng, chống ATNĐ, bão ở các địa phương, đặc biệt các địa phương có khả năng bị ảnh hưởng trực tiếp

- Tham mưu thành lập Ban Chỉ huy tiền phương, giao nhiệm vụ cụ thể các thành viên Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh hỗ trợ địa phương điều hành công tác ứng phó với bão, đặc biệt ở khu vực nguy cơ lũ quét, ngập lụt, sạt lở, khu vực hạ du hồ chứa.

- Kiểm tra việc chằng chống, gia cố các lồng bè nuôi trồng thủy sản; kiên quyết không để người trên các chòi canh nuôi trồng thủy sản.

- Kiểm tra việc sơ tán dân của các địa phương trước khi ATNĐ, bão đổ bộ trong 24 giờ tới; việc chuẩn bị lương thực, nước uống tại nơi sơ tán dân; việc bố trí lực lượng tại các hệ thống thông tin, điện lực, cấp nước sạch, bảo đảm các hệ thống vận hành an toàn.

- Thường xuyên báo cáo tình hình gió bão, mưa, lũ, các sự cố, công tác ứng phó và thiệt hại do bão về UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng chống thiên tai.

b. Các sở, ngành, đơn vị, huyện, thị, thành phố; xã, phường, thị trấn tổ chức trực ban lãnh đạo và cơ quan tham mưu 24/24 giờ để nắm chắc diễn biến tình hình, dự kiến các tình huống xấu nhất có thể xảy ra; phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng ứng phó tại chỗ với lực lượng chi viện của cấp trên để khẩn trương bố trí cán bộ trực tiếp đến các địa bàn xung yếu cùng với cấp ủy - chính quyền địa phương chỉ đạo công tác ứng phó kịp thời và có hiệu quả. Triển khai các phương án, kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ của địa phương, đơn vị mình.

Các thành viên Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh tổ chức đi kiểm tra trực tiếp tại các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn; chỉ đạo, đôn đốc, rà soát công tác phòng, chống, ứng phó bão tại các địa bàn phụ trách.

c. Nhiệm vụ cụ thể của các Sở, ngành, đơn vị:

*** Sở NN-PTNT**

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão, phối hợp Sở TT-TT, Đài PT-TH Đồng Nai, Báo Đồng Nai thông báo biết diễn biến của bão đến cơ quan ban ngành, địa phương, nhân dân để chủ động phòng tránh;

- Triển khai công tác bảo đảm an toàn công trình phòng, chống thiên tai thuộc ngành quản lý. Sẵn sàng phương tiện, vật tư để triển khai các biện pháp hộ đê.

- Chỉ đạo Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai: Thường xuyên theo dõi mực nước ở các công trình thủy lợi để điều tiết nước hợp lý, khắc phục kịp thời những sự cố, đảm bảo an toàn các công trình thủy lợi (hồ chứa, đập dâng, trạm

bơm, đê bao...) trước, trong và sau khi xảy ra thiên tai; đồng thời hoàn thiện việc xây dựng quy trình vận hành, phương án PCTT của từng công trình theo quy định;

- Theo dõi chặt chẽ tình hình xả lũ ở các hồ chứa thủy điện, thông báo đến các địa phương trong tỉnh nắm bắt tình hình, để chủ động phương án ứng phó khi xảy ra tình trạng ngập lụt; đồng thời thông báo đến các Đài phát thanh truyền hình Đồng Nai, báo Đồng Nai tuyên truyền rộng rãi để người dân chủ động đề phòng;

- Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm kiểm tra, bắt buộc các chủ trại, cơ sở nuôi động vật hoang dã hung dữ (cá sấu, ếch...) thực hiện phương án gia cố chuồng, trại đảm bảo an toàn hoặc di chuyển đến nơi an toàn, không để động vật nuôi là động vật hoang dã sống chuồng gây nguy hiểm cho cộng đồng và môi trường.

- Chỉ đạo Chi cục Thủy sản thông tin đến các tàu thuyền đang hoạt động, kiểm soát chặt chẽ tàu thuyền hoạt động đánh bắt thủy sản. Phối hợp với các địa phương hướng dẫn, sắp xếp di chuyển các lồng bè NTTS để giảm thiệt hại đối với hoạt động NTTS; kiên quyết không để người ở lại trên các chòi canh NTTS. Tổng hợp số tàu, thuyền còn trên hồ, trên sông, suối chưa vào nơi trú tránh, số tàu, thuyền đã vào nơi trú tránh; kiểm tra, sắp xếp việc neo đậu đối với các tàu, thuyền tại nơi tránh trú đảm bảo an toàn; xử lý các tình huống sự cố của tàu, thuyền. Tuyệt đối không để người dân hoạt động trên sông, hồ trong thời gian xảy ra bão, ATNĐ.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với các địa phương tập trung lực lượng, vật tư, trang thiết bị sẵn sàng, bảo đảm vận hành kịp thời các công trình tiêu thoát nước đề phòng ngập úng.

- Chỉ đạo Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Đồng Nai kiểm tra công trình, đường dẫn, thiết bị cấp nước bảo đảm cung cấp đủ nước sạch cho nhân dân khu vực nông thôn.

- Kiểm tra việc sơ tán dân ở các địa phương, bảo đảm an toàn người dân nơi sơ tán trú tránh ATNĐ, bão.

- * Công ty Thủy điện Trị An: Thực hiện nghiêm chỉnh quy trình vận hành liên hồ, quy chế phối hợp vận hành hồ chứa thủy điện Trị An và hồ Thủy lợi Dầu Tiếng trên lưu vực sông Đồng Nai, sông Sài Gòn trong mùa mưa lũ hàng năm; triển khai các phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Phương án phòng chống thiên tai, phương án đảm bảo an toàn vùng hạ du đập...; đồng thời vận hành hồ chứa theo quy trình đã được Bộ Công Thương phê duyệt;

- * Công ty Cổ phần Aní Power: Thực hiện nghiêm chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Phú Tân 2, triển khai các phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- * Đài KTTV tỉnh Đồng Nai:

- Theo dõi tốc độ và hướng di chuyển, phạm vi ảnh hưởng, thời gian đổ bộ vào đất liền của ATNĐ, bão; cung cấp kịp thời về diễn biến của bão (tần suất theo quy định hiện hành) để UBND tỉnh, các ban, ngành, địa phương chủ động công tác triển khai ứng phó với bão.

- Phối hợp chặt chẽ với Đài KTTV khu vực Nam bộ, dự báo sớm diễn biến các tình

hướng phức tạp của bão; thông báo, cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ các số liệu, các phân tích về mưa, bão, mực nước cho Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh, UBND tỉnh để chủ động chỉ đạo ứng phó. Đưa tin về Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai theo Quy chế báo ATNĐ, bão, lũ để thông báo cho các ngành, địa phương và nhân dân trên địa bàn tỉnh biết chủ động ứng phó.

*** Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:**

- Chỉ đạo, điều động lực lượng trực thuộc phối hợp với các địa phương hỗ trợ, giúp người dân chằng, chống nhà cửa, cơ sở công cộng, gia cố khẩn cấp các công trình phòng chống thiên tai (đê, kè ...) bị hư hỏng, sạt lở, bảo đảm an toàn công trình; sẵn sàng lực lượng, thiết bị, phương tiện chờ lệnh.

- Theo dõi, phối hợp chặt chẽ với các ngành, địa phương nắm chắc tình hình diễn biến bão; duy trì công tác sẵn sàng chiến đấu ở các cơ quan, đơn vị trực thuộc; chuẩn bị lực lượng, phương tiện, vật tư sẵn sàng ứng cứu những khu vực trọng điểm; phối hợp với các ngành hỗ trợ các địa phương di dời, sơ tán người dân và tài sản đến nơi an toàn;

- Bố trí một phần lực lượng, phương tiện phối hợp với lực lượng tại chỗ trực canh các công trình phòng chống thiên tai, xử lý sự cố, bảo vệ an toàn công trình; Bố trí lực lượng bảo vệ cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị, kho tàng của đơn vị.

- Phối hợp với lực lượng Công an tỉnh bảo vệ tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đề phòng kẻ xấu, tội phạm lợi dụng tình hình thiên tai phá hoại.

*** Công an tỉnh:**

- Bảo đảm an ninh trật tự, bảo vệ an toàn giao thông, phòng, chống cháy, nổ bảo vệ an toàn tài sản của Nhân dân, cơ quan, tổ chức...Thực hiện các biện pháp bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, không để tội phạm và các phần tử xấu lợi dụng thiên tai để hoạt động phá hoại, chộm cắp tài sản của cơ quan, tổ chức và nhân dân.

- Phối hợp với Sở GT-VT giám sát, hướng dẫn và cấm biển báo hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm trên sông, khu vực và tuyến đường bị ngập sâu, khu vực có nguy cơ bị sạt lở đất do ảnh hưởng của bão. Đồng thời, phối hợp lực lượng, sử dụng phương tiện, trang thiết bị sẵn sàng tham gia công tác di dời, sơ tán dân và tài sản đến nơi an toàn.

- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư ứng cứu kịp thời những khu vực trọng điểm; phối hợp với các ngành hỗ trợ các địa phương di dời, sơ tán người dân và tài sản đến nơi an toàn.

*** Cảnh sát PCCC tỉnh:**

- Chủ động bố trí lực lượng và các phương tiện, bao gồm: Xe cứu hộ cứu nạn, phao cứu hộ, áo phao, phao cứu sinh, nệm hơi cứu hộ và các trang thiết bị khác; đảm bảo thường trực 24/24 giờ để điều động tiếp ứng kịp thời cứu hộ cứu nạn khi xảy ra thiên tai, bão mạnh, siêu bão.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan ban ngành cùng tham gia sơ tán, di dời dân đến nơi an toàn theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

*** Sở VH-TT-DL:**

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc đảm bảo an toàn cho các cơ sở văn hóa, công trình do ngành quản lý.

- Phối hợp UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hoà kiểm tra, thông báo, yêu cầu các doanh nghiệp quảng cáo thực hiện chằng chống, gia cố các pa nô, biển quảng cáo... đúng kỹ thuật, để giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra.

*** Sở GD-ĐT:**

- Phối hợp UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hoà kiểm tra các trường học, cơ sở dạy nghề để ứng cứu kịp thời và bảo đảm an toàn tuyệt đối cho học sinh, giáo viên, nhân viên; Yêu cầu các đơn vị không tổ chức cho học sinh đi tham quan, du lịch, sinh hoạt ngoại khóa trong thời gian có ATNĐ, bão chuẩn bị đồ bộ vào đất liền.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc bảo quản tài liệu, giáo trình, trang thiết bị, phương tiện giảng dạy; bố trí lực lượng bảo vệ trường học; Cho học sinh nghỉ học khi có lệnh của cấp trên đến khi hết bão hoặc có thông báo hoạt động trở lại bình thường sau bão của cơ quan chức năng.

- Phối hợp chặt chẽ cùng chính quyền địa phương bố trí trường học làm nơi sơ tán dân nếu có yêu cầu.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo; khi có sự cố bất thường, chủ động xử lý, đồng thời báo cáo ngay về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh.

*** Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh:** Triển khai kế hoạch bảo đảm an toàn khi có thiên tai xảy ra ở các công ty, nhà máy, xí nghiệp thuộc các KCN trên địa bàn tỉnh.

*** Sở Xây dựng:**

- Triển khai kế hoạch đảm bảo an toàn tại các nhà ở, xưởng, công trình, công trường đang thi công (nhất là giàn giáo, cần cẩu), công trình ngầm khi xảy ra bão, gió lớn, ngập lụt. Tháo dỡ các thiết bị, bộ phận không bảo đảm an toàn, hạn chế tối đa các tai nạn, sự cố công trình do ATNĐ, bão.

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương hướng dẫn nhân dân chằng chống nhà cửa; sẵn sàng lực lượng tham gia ứng phó khi ATNĐ, bão đổ bộ.

- Đề nghị Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai kiểm tra công trình, đường dẫn, thiết bị cấp nước bảo đảm cung cấp nước sạch cho nhân dân.

*** Sở GT-VT:**

- Phối hợp UBND các huyện, TP Long Khánh, thành phố Biên Hoà tổ chức chặt tỉa cây xanh có nguy cơ đổ ngã khi có mưa to, gió lớn trên các tuyến đường giao thông thuộc phạm vi ngành quản lý, đảm bảo giao thông thông suốt tại các tuyến đường chính; có biện pháp bảo đảm an toàn cho cầu, phà khi xảy ra thiên tai ảnh hưởng trực tiếp. Sẵn sàng phương án huy động, trưng dụng tối đa các loại phương tiện vận tải, cơ giới như: Xe ô tô, tàu thuyền, máy ủi, máy đào ... để tham gia cứu hộ, cứu nạn.

- Phối hợp với ngành Công an và các địa phương tiến hành kiểm tra các bến đò, phà chở khách qua sông, kiên quyết không cho lưu hành các phương tiện giao thông không đảm bảo an toàn. Phối hợp với các địa phương bố trí lực lượng hướng dẫn, điều tiết giao

thông tại các bến phà, đò ngang, đò dọc đảm bảo an toàn cho người dân khi di chuyển tránh bão; Thông báo đình chỉ hoạt động các bến phà, đò ngang, đò dọc để đảm bảo an toàn khi có lệnh của Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh.

- Lập danh sách các điểm xung yếu cầu, cống, đường và bố trí các lực lượng gồm Thanh tra giao thông và Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai lập chốt canh gác 24/24 những điểm ngập nước và điều tiết giao thông bảo đảm an toàn cho các phương tiện, người dân qua lại.

- Hướng dẫn di chuyển, neo đậu tránh trú bảo đảm an toàn cho phương tiện vận tải; chủ động bố trí phương tiện sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn tại các khu vực thường xảy ra sự cố, bố trí lực lượng, vật tư, thiết bị tại các khu vực trọng điểm, sẵn sàng khắc phục ngay khi xảy ra sự cố; Cùng lực lượng bảo đảm an ninh tại các bến xe, bến tàu, bến cảng.

- Kiểm tra các tuyến đường giao thông, xử lý kịp thời các chướng ngại vật, mố cầu bị xói lở, xuống cấp,... đảm bảo giao thông thông suốt. Bố trí lực lượng trực, phương tiện tại các bến đò, cầu cống, điểm nguy cơ ngập sâu, sạt lở để hướng dẫn, ứng cứu bảo đảm an toàn cho người, phương tiện, ưu tiên theo thứ tự Quốc lộ, Tỉnh lộ, Hương lộ, đặc biệt những trục giao thông chính.

- Bố trí các phương tiện thủy, bộ hỗ trợ các địa phương thực hiện di dời, sơ tán dân đến trú tránh an toàn. Sau khi sơ tán dân, các phương tiện cần tập trung về nơi an toàn.

- Bố trí lực lượng kiểm soát giao thông, duy trì chế độ trực sẵn sàng xử lý tình huống.

* Sở TT-TT:

- Chỉ đạo các đơn vị viễn thông kiểm tra mạng lưới, trang thiết bị, hệ thống thông tin,...đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt phục vụ công tác chỉ huy, điều hành ứng phó với ATNĐ, bão; sẵn sàng thực hiện nhắn tin SMS cảnh báo đến các thuê bao di động khi có yêu cầu.

- Chỉ đạo Đài PT-TH Đồng Nai, Báo Đồng Nai đưa tin cảnh báo ATNĐ, bão, công điện khẩn, công tác chỉ đạo, ứng phó với ATNĐ, bão của Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo Quốc gia về PCTT, UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh.

- Sẵn sàng phương tiện để phối hợp với các Sở, Ban, ngành ứng cứu kịp thời khi xảy ra tình huống, yêu cầu các đơn vị viễn thông trên địa bàn thực hiện nhắn tin SMS cảnh báo đến thông tin di động theo chỉ đạo của Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh, UBND tỉnh.

* Sở Công Thương:

- Chuẩn bị đầy đủ lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu đảm bảo cung ứng kịp thời, đầy đủ cho nhân dân, đặc biệt là khu vực có khả năng bị chia cắt do mưa, bão.

- Kiểm tra việc chằng chống bảo vệ kho hàng; Việc bảo đảm an toàn hệ thống điện;

- Phối hợp với UBND cấp huyện vận động các hộ dân khu vực bị ảnh hưởng (nhất là các vùng bão đổ bộ trực tiếp, vùng trũng thấp, vùng hạ du các hồ chứa, ven sông suối..) dự trữ lương thực, thực phẩm đủ dùng trong ít nhất 07 ngày.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường kiểm tra, kiểm soát, giám sát thị trường không để xảy ra trường hợp lợi dụng thiên tai nâng giá, găm hàng, đưa hàng kém

chất lượng phục vụ nhân dân; đồng thời, sẵn sàng giúp người dân phòng tránh ATNĐ, bão ở những vùng bị ảnh hưởng.

- Chỉ đạo Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai kiểm tra hệ thống điện, phát quang hành lang tuyến, bảo đảm an toàn hệ thống điện, sẵn sàng lực lượng, phương tiện khắc phục kịp thời các sự cố hỏng hóc, mất an toàn.

- Yêu cầu các đơn vị xăng dầu trên địa bàn tỉnh rà soát, đảm bảo an toàn các công trình, cửa hàng xăng dầu, chống trôi, nổi các bồn chứa xăng dầu, chống tràn khi bị ngập nước. Chuẩn bị nguồn xăng dầu dự trữ đảm bảo cung ứng cho nhân dân vùng bị thiên tai.

- Phối hợp với các Sở, Ban, ngành và địa phương cung cấp lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm và nước uống cho nhân dân tại nơi trú tránh; sẵn sàng lực lượng, phương tiện để đưa hàng hóa phục vụ nhân dân. Sẵn sàng lực lượng, phương tiện để đưa hàng hóa phục vụ nhân dân vùng bị cô lập, chia cắt khi có tình huống; tham gia, phối hợp với Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Nai và các đơn vị có liên quan, giám sát, ổn định giá cả thị trường không để xảy ra tình trạng đầu cơ tăng giá.

*** Sở Y tế:**

- Sẵn sàng đội ngũ y, bác sĩ, cán bộ chuyên môn và thuốc men, dụng cụ y tế sẵn sàng tham gia làm nhiệm vụ ứng cứu.

- Thành lập các Đội vệ sinh phòng dịch, các Đội cấp cứu lưu động từ cấp tỉnh đến cấp xã để kịp thời cấp cứu nạn nhân, bệnh nhân.

- Dự trữ đầy đủ các cơ sở thuốc và tăng cường những loại thuốc thiết yếu cho các vùng xung yếu.

- Tình huống bão khẩn cấp, cần tăng cường lực lượng, phương tiện, thuốc, vật tư y tế xuống địa bàn để hỗ trợ các địa phương về công tác y tế phục vụ phòng, chống bão.

*** Sở Tài nguyên và Môi trường:** Chỉ đạo các đơn vị triển khai các giải pháp đề phòng ngập úng các bãi rác; Kiểm tra, đảm bảo an toàn các công trình do ngành quản lý.

*** Sở LĐ-TB-XH:**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và địa phương theo dõi sát tình hình, diễn biến của ATNĐ, bão; phối hợp với các hội, đoàn thể, địa phương vận động, tuyên truyền, giúp nhân dân chằng chống nhà cửa, bảo quản lương thực, vật nuôi; Chăm sóc người cao tuổi, người tàn tật, phụ nữ và trẻ em tại các điểm trú tránh bão.

- Kiểm tra, đảm bảo an toàn các công trình do ngành quản lý.

- Cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Chữ thập đỏ và các Đoàn thể sẵn sàng lực lượng, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hỗ trợ các địa phương trong công tác sơ tán, di dời dân, nhất là công tác ổn định nhân dân tại nơi được sơ tán, di dời đến; huy động các nguồn hàng để hỗ trợ người dân tại các điểm sơ tán,; Cứu trợ nhân dân vùng bị thiệt hại.

*** Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai:** Sẵn sàng lực lượng, phương tiện khắc phục kịp thời các sự cố; Khi xảy ra sự cố hoặc khi bão đổ bộ lập tức cắt điện, cô lập khu vực có nguy cơ ảnh hưởng nhằm đảm bảo an toàn tính mạng cho nhân dân.

*** Đài PT-TH Đồng Nai, Báo Đồng Nai, đài truyền thanh truyền hình cơ sở từ các**

huyện, thành phố đến các xã, phường, thị trấn: Thường xuyên cập nhật, đưa tin về tình hình, diễn biến của ATNĐ, bão; thông tin về công tác chỉ đạo, điều hành, ứng phó với ATNĐ, bão trên địa bàn tỉnh; ưu tiên đưa tin các thông báo khẩn cấp của Ban Chỉ huy PCTT-KCN các cấp; phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn người dân biện pháp phòng, chống và khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra; đồng thời tuyên truyền phổ biến phương án này trên các phương tiện thông tin đại chúng để địa phương, người dân biết và thực hiện tốt công tác PCTT. Tăng thời lượng phát sóng khi có tin bão khẩn cấp.

c. Thủ trưởng Sở, ngành, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tổ chức kiểm tra gia cố đảm bảo an toàn trụ sở, kho tàng, cơ sở vật chất của cơ quan tổ chức lực lượng, phương tiện khắc phục hậu quả tại cơ quan do bão gây ra và thực hiện nhiệm vụ theo sự điều động của Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh.

d. Nhiệm vụ cụ thể của UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa (gọi tắt là UBND cấp huyện)

- Rà soát, đánh giá các khu vực trọng điểm thường xảy ra ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, khu vực có khả năng bị ảnh hưởng do bão, lũ, lụt. Xác định được số hộ dân trong vùng nguy hiểm, số hộ có nhà kiên cố, bán kiên cố, nhà tạm; số người phai di dời, số hộ thuộc diện nghèo, chính sách. Tổ chức lực lượng, chuẩn bị sẵn sàng phương tiện để chủ động quyết định sơ tán, di dời dân đến các địa điểm tránh trú kiên cố, chắc chắn nhằm đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản nhân dân.

- Chỉ đạo Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao theo dõi, cập nhật thông tin, thông báo về tình hình, diễn biến của ATNĐ, bão; công tác chỉ đạo, điều hành, ứng phó với ATNĐ, bão của các cấp, các ngành; cập nhật các khu vực, địa điểm (đi và đến) trong công tác di dời, sơ tán dân để người dân biết, chủ động thực hiện.

- Phối hợp với các ngành hướng dẫn người dân phòng, tránh và ứng phó với ATNĐ, bão; tiếp tục vận động người dân thực hiện chằng chống nhà cửa, chặt tỉa cành cây có nguy cơ đổ ngã ở các khu dân cư, nơi công cộng; Vận động, hỗ trợ người dân khẩn trương thu hoạch nông sản, thủy sản, bảo vệ vật nuôi;

- Chủ động hiệp đồng tác chiến, phối hợp với các lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn, lực lượng chi viện, hỗ trợ từ cấp trên và huy động lực lượng tại chỗ, tổ chức di dời dân ở các khu vực xung yếu đến nơi trú ẩn an toàn; đảm bảo cung cấp các dịch vụ hậu cần trước hết là lương thực, thực phẩm, nước sạch, ánh sáng, thuốc men, chăm sóc sức khỏe cho người dân, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh, bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương và nơi tránh trú tập trung. Bảo vệ các khu vực, công trình trọng điểm, cứu hộ, cứu nạn, cứu sập và giúp đỡ các gia đình bị nạn. Triển khai việc huy động lực lượng giúp người dân chằng chống nhà cửa, bảo vệ vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi trước khi thiên tai xảy ra; khắc phục hậu quả sau khi thiên tai xảy ra; đảm bảo an toàn các công trình an ninh quốc gia, công trình trọng yếu và các công trình thủy lợi, giao thông do địa phương quản lý.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp, chủ cơ sở sản xuất; các đơn vị quản lý hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn, các đơn vị quản lý bãi rác,., triển khai kế hoạch tăng cường lực lượng trực ca, bảo vệ các công trình môi trường thuộc phạm vi trách nhiệm đơn vị mình quản

lý. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân trên địa bàn kiểm tra kho hàng, máy móc, thiết bị, kho chứa hóa chất để chủ động di dời đến địa điểm an toàn khi xảy ra thiên tai.

- Chỉ đạo các bệnh viện, trung tâm y tế dự phòng cấp huyện, trạm y tế của các phường, xã, thị trấn huy động lực lượng y, bác sỹ tại chỗ, phương tiện, thiết bị, thuốc men để sơ cấp cứu, chữa bệnh cho người dân; chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị, tổ chức tia cây xanh có nguy cơ dễ ngã, đổ đảm bảo an toàn cho người và tài sản của nhân dân.

- Các huyện: Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch, thành phố Biên Hòa:

- + Phối hợp với các đơn vị quản lý hồ chứa thủy điện xây dựng trên sông Đồng Nai, sông La Ngà, cập nhật thông tin xả lũ của các hồ chứa, thông tin rộng rãi trên các đài truyền thanh cơ sở để người dân phòng tránh ngập lụt khi các hồ thủy điện xả lũ.

- + Phối hợp với Chi cục Thủy sản thường xuyên thông tin cho chủ tàu thuyền, ngư dân đang hoạt động nuôi, đánh bắt thủy sản trên sông, hồ nắm chắc diễn biến, hướng di chuyển của bão, áp thấp nhiệt đới để thực hiện việc phòng, tránh an toàn; đồng thời bố trí địa điểm tránh, trú bão cho thuyền, bè nuôi cá, hoạt động thủy sản trên sông, hồ.

- Chỉ đạo lực lượng Thường trực của Ban CHQS huyện phối hợp lực lượng dân quân tự vệ, thanh niên xung kích các phường, xã, thị trấn, để sẵn sàng ứng phó khi xảy ra các tình huống xấu như sập nhà, sập công trình, cháy nổ...; đồng thời huy động và phân công lực lượng trợ giúp người dân chằng chống nhà cửa. Xác định các khu vực trọng điểm có khả năng bị ảnh hưởng nặng khi thiên tai xảy ra để thường xuyên theo dõi và kịp thời xử lý, ứng phó.

- Dự kiến các tình huống vượt quá khả năng ứng phó, khắc phục của địa phương cần sự hỗ trợ của tỉnh và Trung ương.

3.3.4.2. Công tác triển khai ứng phó khi bão đổ bộ vào đất liền trên địa bàn tỉnh (Khi cơ quan dự báo KTTV có bản tin tâm bão trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)

- Khi bão đổ bộ vào đất liền trên địa bàn tỉnh, thực hiện cơ chế chỉ huy tập trung, thống nhất do Chủ tịch UBND kiêm Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT-TKCN các cấp trực tiếp chỉ huy, điều hành ứng phó nhằm bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân; tất cả mọi người phải ở vị trí an toàn, trừ lực lượng làm nhiệm vụ TKCN.

- Ban Chỉ huy PCTT-TKCN các cấp, các ngành tăng cường quan sát, duy trì thông tin liên lạc, nắm chắc diễn biến của bão, xử lý các tình huống tại chỗ; kịp thời báo cáo về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh những diễn biến và thiệt hại do bão để có chỉ đạo xử lý; phối hợp các lực lượng làm nhiệm vụ ứng cứu tình huống khẩn cấp xảy ra.

- Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh: Trực chỉ huy, trực ban 24/24 giờ theo sát, nắm chắc diễn biến, thiệt hại do ATNĐ, bão để có biện pháp chỉ đạo kịp thời.

- Kiểm soát chặt chẽ vùng có nguy cơ bị ngập lụt, sạt lở đất, các bến đò ngang và trên những đoạn đường giao thông thường bị ngập. Lập tức cắt điện ở khu vực bị ngập lụt sâu và khi đường dây tải điện bị hư hỏng để đảm bảo an toàn tính mạng cho nhân dân.

- Lực lượng và phương tiện tìm kiếm cứu nạn tập trung 100% quân số, sẵn sàng làm nhiệm vụ khi xảy ra tình huống khẩn cấp. Cộng đồng dân cư phải tuyệt đối chấp hành mệnh lệnh của chính quyền, đảm bảo an ninh, trật tự nhất là tại các địa điểm tập trung dân di dời, sơ tán.

3.3.4.3. Công tác triển khai khi bão đã đi qua

Khi cơ quan dự báo KTTV có bản tin bão đã đi qua và không còn ảnh hưởng đến địa bàn tỉnh Đồng Nai

a) Trách nhiệm của Ban Chỉ huy PCTT-TKCN các cấp:

- Báo cáo sơ bộ tình hình thiệt hại, kiến nghị hỗ trợ để giúp nhân dân khắc phục hậu quả, ổn định đời sống.

- Bố trí lực lượng, phương tiện xuống địa bàn trọng điểm, bị thiệt hại nặng để hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả.

- Phối hợp với các lực lượng tìm kiếm người mất tích, cứu chữa người bị thương, trực vớt phương tiện chìm đắm, giúp nhân dân khắc phục hậu quả, sửa chữa, xây dựng lại nhà ở, bảo vệ an ninh, trật tự, và tài sản của nhân dân, doanh nghiệp, nhà nước.

- Chỉ đạo, tổ chức đưa người dân đi sơ tán trở về, thăm hỏi những gia đình chính sách, gia đình bị thiệt hại nặng (có người chết, mất tích, nhà sập đổ, tài sản bị cuốn trôi, hư hỏng ...).

- Tổ chức thu dọn cây xanh, cột điện, công trình, thiết bị ngã đổ; sửa chữa trường học, bệnh viện, các công trình bị hư hỏng; đảm bảo giao thông, nước sạch, điện, thông tin thông suốt; tiêu độc, khử trùng, vệ sinh môi trường, phòng dịch tại vùng bị ảnh hưởng của bão.

- Tổng kết, kiểm kê, đánh giá xác định thiệt hại theo đúng quy định và báo cáo về UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai.

b) Trách nhiệm các Sở, Ban, ngành tỉnh:

- Căn cứ các kế hoạch, phương án PCTT-TKCN triển khai thực hiện các nhiệm vụ của ngành, đơn vị, khẩn trương khắc phục các sự cố, hậu quả.

- Sở NN-PTNT: Tổng hợp, báo cáo tình hình bị thiệt hại; chỉ đạo khắc phục sự cố các công trình hồ chứa, sạt lở đê, kênh cống, ... các thiệt hại về sản xuất nông nghiệp, NTTS.

- Bộ CHQS tỉnh, Công an tỉnh, cảnh sát PCCC tỉnh: Phối hợp với các đơn vị, địa phương huy động lực lượng tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, cứu sập...; đảm bảo an ninh trật tự, phòng ngừa, ngăn chặn các đối tượng lợi dụng để trộm cướp.

- Sở GT-VT: Phối hợp với các địa phương vận chuyển, đưa người dân sơ tán trở về; khắc phục các đoạn đường bị hư hỏng, sạt lở, phân luồng, đảm bảo giao thông thông suốt, nhất là các tuyến lộ chính trên địa bàn tỉnh.

- Sở TT-TT: Chỉ đạo các đơn vị khắc phục sự cố, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt; phối hợp các Sở, ngành hỗ trợ địa phương khắc phục hậu quả.

- Sở Công Thương: Cung cấp đủ lương thực, các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhân dân, không để người dân nào bị đói, khát, đặc biệt là những vùng chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão, khu vực ngập úng, bị cô lập, chia cắt; Tham gia, phối hợp với Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Nai và các đơn vị có liên quan tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, xử lý nghiêm các trường hợp đầu cơ, găm hàng, nâng giá. Tổ chức các điểm bán hàng bình ổn thị trường.

- Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai: Khẩn trương khắc phục các sự cố về điện, nhanh chóng cung cấp điện cho nhân dân trong thời gian sớm nhất.

- Sở Y tế: Điều động lực lượng, phương tiện, thiết bị cứu thương khẩn trương cứu chữa, điều trị cho bệnh nhân, người bị thương; triển khai công tác phòng dịch và vệ sinh môi trường; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc kiểm tra, xử lý kịp thời các ổ dịch, giải quyết tốt vệ sinh môi trường.

- Sở TN-MT: Phối hợp Sở Y tế kiểm tra, xử lý kịp thời các khu vực bị ô nhiễm môi trường sau bão.

- Sở LĐ-TB-XH phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh Đoàn Thanh niên, các Sở, ngành: Thống kê số người chết, số người mất tích, người bị thương, số nhà đổ sập, hư hỏng để có chính sách hỗ trợ người dân theo quy định, bảo đảm không có người dân nào bị đói, khát, không có người dân nào không có nhà ở.; Kịp thời thăm hỏi, động viên, cứu trợ, giúp đỡ các gia đình bị thiệt hại khắc phục hậu quả, ổn định đời sống, sản xuất; vận động tổ chức, cá nhân chung tay khắc phục hậu quả thiên tai.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh: Phối hợp với các địa phương cứu trợ về lương thực, thực phẩm, thuốc men, kinh phí cho người bị thiệt hại sớm ổn định cuộc sống, nhất là hộ chính sách, hộ nghèo,...; Vận động cứu trợ đồng bào bị thiên tai; tiếp nhận và phân phối hàng cứu trợ kịp thời đến tay người dân.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh, Sở LĐ-TB-XH, Sở KH-ĐT: Cân đối nguồn dự phòng ngân sách tỉnh tham mưu, đề xuất chính sách hỗ trợ người dân vùng bị thiệt hại, chi hỗ trợ cho các địa phương khắc phục thiệt hại để sớm khôi phục lại sản xuất, ổn định cuộc sống; đồng thời, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố giải quyết các chính sách, chế độ trợ giúp cho các đối tượng bị thiệt hại do bão gây ra.

c) Trách nhiệm của UBND cấp huyện:

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức đưa người dân đi sơ tán trở về nhà an toàn;

- Chỉ đạo các lực lượng xung kích, tình nguyện giúp nhân dân sửa chữa, xây dựng lại nhà ở, khắc phục hậu quả thiên tai; bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn quản lý.

- Huy động các lực lượng thu dọn cây xanh, cột điện, công trình, thiết bị ngã đổ; sửa chữa trường học, bệnh viện, các công trình bị hư hỏng; đảm bảo giao thông, nước sạch, điện, viễn thông thông suốt.

- Phối hợp với các Sở, ngành triển khai công tác tiêu độc, khử trùng, vệ sinh môi trường, phòng dịch tại các vùng bị ảnh hưởng ...

- Thực hiện có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ”; tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ giúp lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm thiết yếu, chăm sóc y tế cho các hộ dân bị thiệt hại; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc hỗ trợ, hướng dẫn nhân dân khôi phục sản xuất sớm ổn định đời sống cho nhân dân.

- Tổng kết, báo cáo tình hình thiệt hại trên địa bàn quản lý, kiến nghị hỗ trợ, khắc phục hậu quả.

3.3.4.4. Các phương án trọng điểm ứng phó với ATNĐ, bão

a. Phương án di dời, sơ tán dân

* Quá trình di dời, sơ tán dân.

- Phát lệnh sơ tán dân: Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh theo dõi sát diễn biến của bão đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh kiêm Trưởng Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh phát lệnh sơ tán dân và kết thúc việc sơ tán dân trước 12 giờ so với thời điểm dự báo bão sẽ đổ bộ vào đất liền trên địa bàn tỉnh

- Chủ tịch UBND kiêm Trưởng Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện, cấp xã chỉ huy, tổ chức công tác sơ tán dân trên địa bàn.

- Lực lượng hỗ trợ sơ tán dân: Lực lượng tại chỗ; lực lượng các Sở, Ban, ngành và lực lượng trung ương đóng trên địa bàn xuống hỗ trợ.

- Lực lượng tuần tra, bảo vệ nơi sơ tán: Sử dụng lực lượng dân quân phối hợp với công an địa phương nơi sơ tán dân.

- Hình thức sơ tán dân:

- + Người dân tự di dời, sơ tán vào các nhà kiên cố tại chỗ (chuẩn bị, dự trữ lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, vật dụng cá nhân cần thiết để sử dụng trong thời gian sơ tán). Trường hợp không đủ nhà kiên cố tại chỗ, sơ tán vào các trường học, trụ sở cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, khách sạn, công trình công cộng, các cơ sở tôn giáo.

Trong trường hợp sơ tán, di dân trong phạm vi xã: Lực lượng tại chỗ chịu trách nhiệm di chuyển dân đến địa điểm an toàn, lực lượng Huyện đội, Công an hỗ trợ địa phương di dời. Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm chỉ huy công tác di dân tại chỗ trên địa bàn quản lý;

Trường hợp sơ tán, di dời dân trong phạm vi trong huyện: Lực lượng tại chỗ của huyện và các xã chịu trách nhiệm di chuyển di chuyển dân đến địa điểm an toàn, lực lượng Tỉnh đội, Cảnh sát PCCC tỉnh, Công an tỉnh, Sở NN-PTNT, Sở GT-VT và các Sở, Ban ngành tỉnh hỗ trợ. Chủ tịch UBND huyện, thành phố có trách nhiệm chỉ huy công tác sơ tán dân thuộc phạm vi quản lý.

- + Ưu tiên sơ tán trước người già, trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật; không để sót người tạm trú, sinh viên, công nhân trong các nhà trọ; khách dừng chân tại các bến xe, bến tàu; người trên các chòi canh, lồng bè nuôi trồng thủy sản (Chủ tịch UBND các cấp quyết định cưỡng chế sơ tán đối với các tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành).

+ Địa phương nơi tiếp nhận chuẩn bị lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh phục vụ người dân di tản tránh bão; bảo đảm an ninh trật tự, vệ sinh môi trường nơi sơ tán.

+ Sở Y tế chỉ đạo, huy động các đội cấp cứu tại chỗ và lưu động sẵn sàng ứng cứu bệnh nhân, người bị thương; phối hợp với Ban Chỉ huy PCTT-TKCN các cấp theo dõi tình hình tại các điểm sơ tán dân để bố trí nhân lực, vật tư, thuốc chữa bệnh cho phù hợp.

- Một số nguyên tắc trong chỉ huy sơ tán dân:

+ Các địa phương, đơn vị phải đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt. Trường hợp có sự cố về đường truyền phải nhanh chóng xử lý hoặc thiết lập kênh thông tin khác. Đồng thời, phải duy trì chế độ báo cáo liên tục 2 giờ/lần kết quả thực hiện về cấp chỉ huy trực tiếp để chỉ đạo ứng phó kịp thời.

+ Bảo đảm tính cơ động: Công tác chuẩn bị phải thực hiện chu đáo, các điểm tập kết dân phải gần các trục đường chính để thuận tiện cho việc di chuyển, phương tiện vận chuyển hoạt động tốt và phù hợp với địa hình thực tế. Tuyên truyền, vận động nhân dân ý thức tự bảo vệ và đoàn kết giúp đỡ nhau để việc sơ tán đảm bảo nhanh chóng và an toàn.

+ Phải bảo đảm tính tự giác, nghiêm túc: Người dân di dời, sơ tán đến các nơi trú tránh dưới sự tổ chức, hướng dẫn của lực lượng chức năng. Phải chấp hành mọi chỉ dẫn, điều động để việc sơ tán nhanh chóng, an ninh và kịp thời gian trước khi bão đổ bộ.

+ Địa điểm tránh trú bão tập trung (nhà kiên cố, trường học, cơ sở công cộng, tôn giáo, doanh nghiệp, khách sạn,...) phải đảm bảo đủ điều kiện sinh hoạt cho người dân trong thời gian trú tránh bão và có đủ lương thực, nước uống, chăn màn và nhân viên y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân.

*** Địa điểm tránh trú bão tập trung:** Các nhà tránh trú thiên tai cộng đồng trên địa bàn tỉnh chủ yếu là các cơ quan nhà nước, cơ sở trạm y tế, trường học, cơ sở tôn giáo với 1.322 công trình với tổng diện tích 760,88 ha sức chứa 950.096 người. Các công trình này chủ yếu là các công trình có kết cấu bê tông cốt thép, là nơi an toàn cho người dân tránh trú khi thiên tai xảy ra. Tại các vị trí này khi có thiên tai xảy ra đảm bảo cung cấp hậu cần lương thực, nhu yếu phẩm, nước sạch, ánh sáng, thuốc men, chăm sóc sức khỏe cho người dân trong thời gian di dời.

(Chi tiết đính kèm Phụ lục 1.3, Phần phụ lục)

*** Tổng hợp số liệu sơ tán dân trong các kịch bản bão:**

Tùy vào quỹ đạo bão và cường độ bão của mỗi cơn bão sẽ có phạm vi và đối tượng ảnh hưởng khác nhau. Khi xảy ra tình huống ATNĐ/bão, căn cứ vào quỹ đạo ATNĐ/bão, cường độ để xác định phạm vi ảnh hưởng của cơn ATNĐ/bão đó để xác định khu vực trọng điểm cần sơ tán dân phù hợp, tránh sơ tán diện rộng cả các khu vực không bị ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng nhẹ.

Trên cơ sở mỗi huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh giả định tình huống bất lợi nhất các kịch bản ATNĐ, bão đổ bộ trực tiếp vào địa bàn để xây dựng phương án sơ tán dân cho địa bàn mình. Tổng hợp phương án sơ tán dân của các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo 02 kịch bản như sau:

- Kịch bản ATNĐ, bão cấp 8, cấp 9 đổ bộ vào địa bàn tỉnh Đồng Nai (cấp độ RRTT cấp 3)

Bảng 3.1: Phương án sơ tán dân trong tình huống ATNĐ, bão cấp 8, cấp 9 đổ bộ vào địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Huyện, Thành phố	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán			
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung	
		Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)
	Toàn tỉnh	40.886	160.828	16.434	56.380	26.153	105.350
1	TP. Biên Hòa	3.908	15.598	215	980	3.693	14.618
2	TP. Long Khánh	5.757	24.332			5.757	24.332
3	Long Thành	10.349	40.237	6.395	21.254	5.641	20.754
4	Nhơn Trạch	1.190	4.405	275	880	925	3.021
5	Định Quán	356	1.780			356	1.780
6	Thống Nhất	7.285	26.546	5.842	20.633	1.447	5.548
7	Cẩm Mỹ	516	2.068	-	-	516	2.068
8	Tân Phú	1.054	4.223	-	-	1.054	4.223
9	Trảng Bom	5.679	20.818	3.707	12.633	1.972	8.185
10	Vĩnh Cửu	4.006	17.532	-	-	4.006	17.532
11	Xuân Lộc	786	3.289	-	-	786	3.289

*** Kịch bản 2: Kịch bản ATNĐ, bão cấp 10-11 đổ bộ vào địa bàn tỉnh Đồng Nai (cấp độ RRTT cấp 4)**

Bảng 3.2: Phương án sơ tán dân kịch bản ATNĐ, bão cấp 10, cấp 11 đổ bộ vào địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Huyện, Thành phố	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán			
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung	
		Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)
	Toàn tỉnh	53.959	214.392	19.582	71.813	35.753	147.166
1	TP. Biên Hòa	7.737	32.026	230	1.095	7.417	30.651
2	TP. Long Khánh	5.757	24.332	-	-	5.757	24.332
3	Long Thành	13.646	51.937	7.742	28.707	6.351	25.502
4	Nhơn Trạch	1.190	4.405	275	880	925	3.021
5	Định Quán	2.081	10.405	-	-	2.081	10.405

TT	Huyện, Thành phố	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán			
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung	
		Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)
6	Thống Nhất	7.780	28.214	6.532	23.628	2.257	7.685
7	Cẩm Mỹ	516	2.068	-	-	516	2.068
8	Tân Phú	1.054	4.223	-	-	1.054	4.223
9	Trảng Bom	7.684	29.344	4.803	17.503	2.881	11.841
10	Vĩnh Cửu	5.728	24.149	-	-	5.728	24.149
11	Xuân Lộc	786	3.289	-	-	786	3.289

(Chi tiết đính kèm Phụ lục 5.1, Phần phụ lục gồm bảng phương án di tản tổng hợp toàn tỉnh và các bảng phương án di tản theo từng huyện/thành phố)

b. Phương án đảm bảo an toàn công trình phòng, chống thiên tai

** Trước khi bão đổ bộ:*

- Sở NN-PTNT chỉ đạo các đơn vị chuyên môn trực thuộc, UBND các huyện, thành phố tổ chức kiểm tra, gia cố bờ vùng, bờ thửa, sửa chữa các đập, cống trên địa bàn quản lý; Kiểm tra, bổ sung vật tư, vật liệu, dụng cụ, phương tiện phòng chống lụt bão tại các hồ đập, tuyến đê, công trình trọng điểm xung yếu.

- Các Sở, Ban, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, tu sửa, gia cố, xử lý khẩn cấp các công trình phòng, chống thiên tai như giao thông, thông tin liên lạc, công trình công cộng,...thuộc phạm vi ngành quản lý.

- UBND cấp huyện chỉ đạo UBND, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp xã huy động lực lượng, phương tiện, vật liệu sửa chữa, gia cố ngay các công trình xuống cấp, xung yếu; Bố trí lực lượng trực canh 24/24 giờ trên các hồ đập, cống, tuyến đê, các công trình thủy lợi trọng điểm khác. Kiểm tra, phát hiện các sự cố giờ đầu trên hệ thống đê, đập, cống; kịp thời xử lý, khắc phục ngay các sự cố, bảo đảm an toàn;

- Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh đôn đốc, nhắc nhở các Sở, Ban, ngành tỉnh có liên quan, địa phương, các chủ hồ chứa triển khai thực hiện các phương án, kế hoạch phòng, chống thiên tai đã được đơn vị, địa phương xây dựng, trong đó tập trung nguồn lực bảo vệ các công trình phục vụ công tác phòng, chống thiên tai.

Các Sở, Ban, ngành hoàn thành việc tu sửa, gia cố, xử lý khẩn cấp các công trình phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi ngành quản lý.

** Khi ATNĐ, bão đổ bộ vào địa bàn tỉnh:*

- Các đơn vị lực lượng vũ trang tăng cường lực lượng bộ đội, dân quân tự vệ, thanh niên xung kích tổ chức ứng trực tại các trọng điểm xung yếu.

- Tăng cường tuần tra, kiểm tra công trình đê, đập, cống để phát hiện kịp thời và xử lý ngay các sự cố.

- Duy trì thông tin liên lạc, tiếp nhận đầy đủ các thông tin về diễn biến của bão, lũ, công tác chỉ đạo điều hành ứng phó của cấp trên, thường xuyên báo cáo tình hình đề kè trên địa bàn quản lý để kịp thời hỗ trợ khi có sự cố xảy ra

* Khắc phục hậu quả sau bão đối với công trình trọng điểm:

- Sở NN-PTNT: Phối hợp UBND cấp huyện khẩn trương khắc phục, sửa chữa các vị trí đề điều, cống, hồ đập... bị hư hỏng, bảo đảm an toàn cho công trình. Xác định nhu cầu về vật chất, tài chính để khắc phục khẩn cấp bảo đảm phục vụ sản xuất, trình cấp có thẩm quyền. Chủ trì, phối hợp với Sở KH-ĐT lập kế hoạch hỗ trợ trung hạn và dài hạn để sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình PCTT.

- Các Sở, Ban, ngành có liên quan tổ chức khắc phục, sửa chữa các vị trí công trình phòng, chống thiên tai như giao thông, thông tin liên lạc, công trình công cộng,... bị hư hỏng thuộc phạm vi ngành quản lý. Xác định nhu cầu về vật chất, tài chính để khắc phục khẩn cấp bảo đảm phục vụ sản xuất, trình cấp có thẩm quyền.

c. Phương án đảm bảo thông tin liên lạc:

Sở TT-TT chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan:

- Triển khai, quán triệt, thực hiện nghiêm Luật phòng, chống thiên tai, Luật sửa đổi bổ sung Luật PCTT và Luật Đề điều, Thông tư số 17/2012/TT-BTTTT ngày 05/11/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc tổ chức và đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai và các văn bản có liên quan.

- Xây dựng, triển khai phương án đảm bảo thông tin liên lạc, đảm bảo an toàn cho người, tài sản, phương tiện kỹ thuật, vật tư đến các doanh nghiệp viễn thông để sẵn sàng phục vụ công tác phòng, chống ATNĐ, bão, sẵn sàng phối hợp, hỗ trợ các đơn vị khắc phục hậu quả khi có yêu cầu.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung phương án PCTT của đơn vị cho phù hợp với tình hình thực tế;

- Phối hợp UBND cấp huyện, xã rà soát, kiểm tra sửa chữa các hệ thống thông tin xuống cấp hư hỏng, nhất là hệ thống truyền thanh cấp cơ sở đảm bảo thông tin PCTT được tới cộng đồng đầy đủ.

* Trước khi ATNĐ, bão đổ bộ:

Sở TT-TT chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông kiểm tra mạng lưới, trang thiết bị, phương tiện, nhà trạm, bưu cục, hệ thống cột ăng ten, nguồn điện, thiết bị bảo an, hệ thống thông tin chuyên dùng,...; khẩn trương sửa chữa, thay thế những thiết bị hư hỏng, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt trong mọi tình huống.

* Khi ATNĐ, bão đổ bộ vào địa bàn tỉnh:

- Sở TT-TT:

+ Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông triển khai nhanh kế hoạch, phương án ứng phó với ATNĐ, bão của các đơn vị, đảm bảo an toàn hệ thống thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, chính quyền và Ban Chỉ huy PCTT-TKCN các

cấp; sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư để khắc phục nhanh sự cố, ưu tiên xử lý sự cố và duy trì thông tin liên lạc giữa các cấp chính quyền, các Sở, ngành và Trung ương.

+ Phối hợp Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh, VNPT Đồng Nai triển khai phương án sử dụng thiết bị vô tuyến, thiết bị liên lạc vệ tinh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành trong trường hợp các mạng thông tin di động, cố định trên địa bàn tỉnh bị ảnh hưởng do bão mạng, bão.

+ Phối hợp với Công an tỉnh, Bộ CHQS tỉnh sử dụng mạng thông tin nội bộ phục vụ thông tin chỉ huy, điều hành công tác ứng phó với ATNĐ, bão.

+ Phối hợp với Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh, các đơn vị có liên quan chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông tăng thời lượng phát sóng, thông tin, phổ biến về tình hình, diễn biến của ATNĐ, bão, công tác chỉ đạo, khai ứng phó của các cấp, các ngành cho nhân dân biết để chủ động ứng phó.

- Đài PT-TH Đồng Nai, Báo Đồng Nai, Các phương tiện thông tin, truyền thông tăng cường phát thanh, thông tin liên tục về tình hình bão khẩn cấp, đổ bộ vào đất liền cho chính quyền và nhân dân biết và ứng phó.

- Phải ưu tiên xử lý sự cố thông tin và duy trì thông tin liên lạc tại các cấp chính quyền, các Sở, Ban, ngành và công trình PCTT bằng các hệ thống điện thoại cố định, máy điện thoại di động của các mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel. Nếu các mạng không liên lạc được thì dùng các máy thông tin di động vô tuyến.

* Khắc phục hậu quả sau ATNĐ, bão:

Sở TT-TT chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông khẩn trương, nỗ lực xử lý sự cố hư hỏng thiết bị truyền tin, khắc phục các thiệt hại do thiên tai gây ra (nếu có) đối với hệ thống thông tin liên lạc, khôi phục các hệ thống thông tin liên lạc.

Thống kê, đánh giá tình hình thiệt hại (cơ sở vật chất phục vụ công tác phòng, chống thiên tai) và báo cáo kịp thời về Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh, ngành Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, đề xuất khắc phục.

d. Phương án đảm bảo an toàn giao thông

** Trước khi bão đổ bộ:*

Sở GT-VT chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với các địa phương:

- Kiểm tra các công trình giao thông đang thi công, yêu cầu nhà thầu thu dọn hiện trường, chuyển vật liệu, trang thiết bị tới nơi an toàn; gia cố lán trại, kho tàng; tháo dỡ công trình tạm, thông thoát dòng chảy.

- Nghiêm cấm, không để người và phương tiện lưu thông khi có gió mạnh trên các tuyến đường bộ, đường thủy.

- Bố trí lực lượng trực tại các nút giao thông, cầu vượt quốc lộ, tỉnh lộ để xử lý sạt lở đất, cây cối ngã đổ, hướng dẫn người dân đi lại trật tự, an toàn.

** Khi bão đổ bộ*

- Sở GT-VT, UBND các huyện, thành phố tổ chức lực lượng xung kích tại các công trình trọng yếu và duy trì chế độ trực ban 24/24h.

- Các Hạt quản lý đường bộ tổ chức kiểm tra để phát hiện xói lở, đất sụt, cây đổ có thể gây hư hỏng, ách tắc giao thông, kịp thời xử lý bảo đảm giao thông thông suốt.

- Bố trí các tổ, đội theo dõi diễn biến an toàn giao thông tại những vị trí trọng điểm, các bến phà, bến đò.

- Thanh tra giao thông phối hợp với cảnh sát giao thông điều hành, phân luồng giao thông.

- UBND cấp huyện bố trí tổ, đội xung kích thường trực đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn quản lý, ngăn ngừa chia cắt giao thông khi xảy ra sự cố giao thông.

- Sở GT-VT chủ trì, phối hợp cùng địa phương gia cố, sửa chữa ngay các hư hỏng của cầu, đường và công trình để giảm nhẹ thiệt hại, bảo đảm giao thông. Trong trường hợp sự cố xảy ra ngoài khả năng của địa phương, đơn vị mình thì phải báo cáo, đề xuất ngay về Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo.

- Lực lượng tại hiện trường phải phát huy năng lực cứu người bị nạn. Trong trường hợp vượt quá khả năng phải thông báo ngay cho các lực lượng chuyên nghiệp tìm kiếm, cứu nạn hoặc cấp cứu y tế gần nhất để cứu nạn kịp thời.

- Khi xảy ra ách tắc giao thông, Sở GT-VT phối hợp cùng Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện xác định tình trạng hư hỏng, tổ chức cảnh báo và khắc phục tạm bảo đảm giao thông. Báo cáo tình hình về Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân biết và phòng tránh.

** Khắc phục hậu quả sau bão*

- Sở GT-VT, phối hợp cùng Sở, ngành có liên quan và địa phương triển khai phương tiện, lực lượng, vật tư khắc phục khẩn trương sự cố; báo cáo kịp thời về Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh để chỉ đạo, chỉ viện.

- Công an tỉnh chủ trì đảm bảo an toàn giao thông, không để chia cắt do bão. Bố trí lực lượng tuần đường tại các điểm nút giao thông quốc lộ, tỉnh lộ để hướng dẫn người dân đi lại trật tự, an toàn;

- Sở GT-VT tổng hợp thiệt hại công trình giao thông và báo cáo về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh.

e. Phương án huy động nguồn nhân lực ứng phó với ATNĐ, bão:

** Lực lượng tại chỗ:*

Trưởng Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện, cấp xã chủ động huy động lực lượng tại chỗ để ứng phó, thành phần: Cấp ủy, chính quyền, phòng, ban, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể cấp huyện, cấp xã; Lực lượng quân sự, dân quân tự vệ; Lực lượng dự bị động viên huy động khẩn cấp.

** Lực lượng hỗ trợ:* Huy động từ các Sở, Ban, ngành tỉnh, lực lượng trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh, trong đó lực lượng nòng cốt là Quân đội, Công an, Cảnh sát PCCC, lực lượng của các ban ngành, Đoàn thể của tỉnh. Căn cứ vào tình hình diễn biến và mức độ ảnh hưởng, thiệt hại của bão, Chủ tịch UBND tỉnh – Trưởng ban Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh quyết định việc điều động và phân công, bố trí lực lượng để chỉ viện cho các địa phương theo yêu cầu. (Chi tiết đính kèm Phụ lục 2.1, Phần phụ lục)

f. Phương án dự trữ lương thực, phương tiện, trang thiết bị:

Bao gồm các phương tiện, trang thiết bị cơ động, chi viện của các Sở, Ban, ngành tỉnh và phương tiện, trang thiết bị tại chỗ của cấp huyện, cấp xã. Căn cứ vào tình hình, mức độ ảnh hưởng của ATNĐ, bão, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh sẽ chỉ đạo các đơn vị có liên quan và địa phương quy động phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cần thiết đảm bảo nhu cầu cho người dân sơ tán.

*** Dự trữ lương thực, thực phẩm và nhiên liệu:**

Sở Công thương chỉ đạo các doanh nghiệp dự trữ hàng hoá phục vụ công tác ứng phó với ATNĐ, bão cụ thể: dự trữ lương thực, các mặt hàng chủ yếu; dự trữ xăng, dầu diesel, dầu hoả nhằm cung ứng kịp thời khi được điều động. Số lượng dự trữ ở các địa phương phải đủ dùng trong ít nhất 07 ngày tránh trú bão của nhân dân và cán bộ, chiến sĩ.

*** Kiểm tra, vận hành thử phương tiện, trang thiết bị TKCN**

- Khi có tin bão gần Biển Đông, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT-TKCN các cấp, các Sở, Ban, ngành chỉ đạo kiểm tra, vận hành thử phương tiện, trang thiết bị TKCN hiện có của đơn vị. Kịp thời thay thế, sửa chữa những phụ tùng hư hỏng, đảm bảo các thiết bị hoạt động tốt; chuẩn bị phương tiện, vật tư thiết bị tại chỗ trước khi bão đổ bộ 36 giờ để sẵn sàng ứng phó.

- Khi có Lệnh sơ tán của UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện, cấp xã chủ động huy động vật tư phương tiện, trang thiết bị của địa phương để giúp đỡ nhân dân sơ tán trú tránh bão. Trường hợp vật tư phương tiện, trang thiết bị của địa phương không đáp ứng được, báo cáo Trưởng Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh để bố trí lực lượng hỗ trợ.

- Khi có tin ATNĐ, bão khẩn cấp, Bộ CHQS tỉnh, Cảnh sát PCCC tỉnh, Công an tỉnh tập kết lực lượng, phương tiện, trang thiết bị vào các bến bãi, vị trí sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ khi có lệnh.

- Phương tiện phục vụ công tác di dời, sơ tán dân phải đảm bảo huy động kịp thời, đủ số lượng và phải được tập kết tại các trục đường chính để thuận tiện cho việc điều động.

(Chỉ tiết đính kèm Phụ lục 2.2 và Phụ lục 2.3, Phần phụ lục)

g. Phương án bảo vệ sức khỏe nhân dân:

Khi có tin ATNĐ, bão vào biển Đông, Giám đốc Sở Y tế khẩn trương chỉ đạo các đơn vị trực thuộc:

- Triển khai công tác chuẩn bị phòng tránh, ứng phó với ATNĐ, bão, đảm bảo an toàn cho bệnh nhân, bệnh viện, cơ sở điều trị, kho dự trữ của ngành.

- Phối hợp với UBND cấp huyện kiểm tra, chặt tía cây xanh dễ đổ ngã, chằng chống, neo buộc đối với các cơ sở y tế bán kiên cố, có phương án di dời bệnh nhân, thuốc, trang thiết bị đến nơi an toàn.

- Đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị y tế phục vụ cấp cứu, khám chữa bệnh, điều trị bệnh nhân; kiểm tra lại cơ sở thuốc, hoá chất xử lý, phòng dịch, xử lý môi trường sau bão; sẵn sàng cấp cứu các trường hợp bị nạn, cũng như dịch bệnh.

- Củng cố các Đội cấp cứu lưu động, tổ kỹ thuật với trang thiết bị, thuốc điều trị sẵn sàng cấp cứu người dân ở các địa phương khi được điều động.

- Cử cán bộ, y bác sĩ tăng cường cho các Trạm y tế, nơi nhân dân sơ tán trú tránh bão.

- Đảm bảo số dân, người già, phụ nữ, trẻ em nơi sơ tán, trú tránh. Bố trí y bác sĩ, thuốc, hóa chất điều trị người dân bị nạn. Kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh những khó khăn về nhân lực, thuốc men, phương tiện di chuyển để được hỗ trợ.

- Khi phát hiện người dân có dấu hiệu các loại dịch bệnh như: tiêu chảy cấp, sốt xuất huyết,... thì tiến hành cách ly, xử lý cấp cứu theo quy định.

- Phối hợp các Sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tuyên truyền, vận động nhân dân tổng vệ sinh môi trường, khử trùng giếng nước, thực hiện ăn chín, uống sôi, đề phòng dịch bệnh sau ATNĐ, bão.

(Chi tiết đính kèm Phụ lục 2.4, Phần phụ lục)

3.4. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ HẠN HÁN (CẤP ĐỘ RRTT CẤP 1-2)

3.4.1. Thời điểm triển khai các hoạt động ứng phó hạn hán

Các thời điểm phải triển khai các hoạt động ứng phó tình hình hạn hán trên địa bàn tỉnh như sau:

** Trước khi xảy thiên tai*

- Thời điểm có bản tin dự báo thời hạn mùa/bản tin dự báo về hiện tượng El Niño có dự báo cảnh báo về khả năng xảy ra hạn hán khu vực Đông Nam bộ (triển khai các hành động sớm dựa trên cảnh báo sớm).

- Trước khi kết thúc mùa mưa (khoảng 1 tháng) đến thời điểm đầu mùa khô theo dự báo.

** Thời điểm xảy ra hạn hán:*

- Tin cảnh báo, dự báo hạn hán xảy ra ở cấp độ RRTT cấp 1.

- Tin cảnh báo, dự báo hạn hán xảy ra ở cấp độ RRTT cấp 2

** Thời điểm hạn hán kết thúc.*

3.4.2. Các kịch bản hạn hán

- Kịch bản 1: Tình trạng thiếu hụt lượng mưa tháng trên 50%, kéo dài từ 02 tháng đến 03 tháng và nguồn nước trong khu vực hạn hán thiếu hụt từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm. Tương ứng rủi ro thiên tai do hạn hán cấp độ 1.

- Kịch bản 2: Tình trạng thiếu hụt lượng mưa tháng trên 50%, kéo dài từ 02 tháng đến 03 tháng và nguồn nước trong khu vực hạn hán thiếu hụt từ trên 70% so với trung bình nhiều năm. Tương ứng rủi ro thiên tai do hạn hán cấp độ 2.

3.4.3. Phạm vi ảnh hưởng

Căn cứ theo kết quả phân tích dữ liệu thống kê ảnh hưởng do hạn hán trên địa bàn 11 huyện/Tp trong lịch sử và tham vấn các địa phương. Xác định có 58 khu vực thuộc

08/11 huyện, tp trên địa bàn có nguy cơ bị hạn hán. Đối ảnh hưởng là diện tích sản xuất nông nghiệp, nước sinh hoạt.

(Phạm vi và đối tượng ảnh hưởng chi tiết trong Phụ lục 4.2, Phần phụ lục).

3.4.4. Công tác triển khai thực hiện ứng phó hạn hán

3.4.4.1. Công tác triển khai ứng phó trước khi thiên tai

3.4.4.1.1. Thời điểm có bản tin dự báo thời hạn mùa/bản tin dự báo về hiện tượng Elnino có dự báo cảnh báo về khả năng xảy ra hạn hán khu vực Đông Nam bộ (hành động sớm trên cơ sở cảnh báo sớm).

a. Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh:

- Triển khai thực hiện nghiêm các nội dung, nhiệm vụ trong các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ NN-PTNT, Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai về triển khai các biện pháp ứng phó với hạn hán, thiếu nước, XNM.

- Tham mưu UBND tỉnh có văn bản cảnh báo và chỉ đạo triển khai các biện pháp chủ động ứng phó hạn hán, XNM;

- Phân công thành viên bám sát địa bàn; kiểm tra, đôn đốc các Sở, Ban, ngành và địa phương chủ động triển khai công tác chủ động ứng phó với hạn hán, thiếu nước, XNM, đặc biệt các địa phương có khả năng bị ảnh hưởng trực tiếp.

b. UBND các huyện, thành phố

- Khẩn trương triển khai thực hiện nội dung tại các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ NN-PTNT, Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai; quán triệt, phổ biến, tuyên truyền các văn bản nêu trên đến các ban, ngành cấp huyện, đến tận xã, phường, ấp để chính quyền, nhân dân hiểu, chủ động cùng chung tay phòng, chống hạn, thiếu nước, XNM; tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân chủ động tích trữ nước ngọt, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nước, điện, chống thất thoát, lãng phí nước.

- Xây dựng Kế hoạch phòng, chống hạn hán, thiếu nước, XNM cả giai đoạn và hàng năm nhằm bảo vệ sản xuất và dân sinh trên địa bàn, trong đó, có các giải pháp ứng phó với các kịch bản khác nhau ứng phó với hạn hán, XNM, bao gồm trường hợp El Nino có mức độ ảnh hưởng mạnh, kéo dài như đã xuất hiện trong các năm 2015-2016, 2019-2020, đặc biệt là đối với một số khu vực trọng điểm có khả năng thiếu hụt nguồn nước vào mùa khô hàng năm ở các địa phương như: Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu,... Gửi Kế hoạch về Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh tổng hợp.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin dự báo khí tượng thủy văn, thiên tai từ các cơ quan chuyên môn như: Trung tâm Dự báo KTTV Quốc gia, Đài KTTV khu vực Nam bộ, Đài KTTV tỉnh và trên trang website của Ban chỉ đạo Quốc gia về PCTT,... thông tin rộng rãi đến tận cơ sở, người dân cùng biết để chủ động phòng ngừa, ứng phó.

- Triển khai các biện pháp cần thiết để trữ nước, ngăn mặn; đẩy nhanh tiến độ thi công và sớm hoàn thành, đưa vào sử dụng các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt; lắp đặt và vận hành trạm bơm dã chiến; kéo dài đường ống dẫn nước để kết nối nguồn nước

từ đô thị phục vụ cho nông thôn; vận chuyển nước sinh hoạt cho các khu dân cư, trường học, bệnh viện, cơ sở y tế tại các khu vực không đảm bảo nguồn nước.

- Sẵn sàng các giải pháp cung cấp nước, không để thiếu nước phục vụ sinh hoạt và chăn nuôi, ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống của Nhân dân, nhất là đối với các khu vực thường xảy ra thiếu nước vào mùa khô: khu vực chưa có hệ thống cấp nước tập trung, các khu vực chưa có hồ chứa thủy lợi...

- Phối hợp chặt chẽ với Sở NN-PTNT trong triển khai kế hoạch phòng, chống hạn, thiếu nước, XNM, thông tin về diễn biến hạn hán, xâm nhập mặn và tổ chức thực hiện các dự án, công trình thủy lợi do tỉnh đầu tư trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố sớm đưa vào sử dụng.

- Chỉ đạo các đơn vị cấp nước sạch, đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn có kế hoạch đảm bảo cấp nước sinh hoạt, cấp nước tưới cho người dân, cho sản xuất trên địa bàn quản lý.

- Căn cứ tình hình thực tế về nguồn nước và khả năng cấp nước, xây dựng kế hoạch điều chỉnh mùa vụ, cơ cấu cây trồng phù hợp, chuyển đổi diện tích trồng lúa ở vùng thường xuyên bị hạn, thiếu nước, XNM sang các giống cây trồng cạn có thể chịu hạn tốt để đảm bảo cho việc cấp nước tưới, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả. Rà soát, khoanh vùng các khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi hạn hán, thiếu nước, XNM; chủ động tích trữ nước ngọt, bảo đảm đủ cung cấp cho nhu cầu tối thiểu, tránh ảnh hưởng đến cây trồng trong thời gian bị ảnh hưởng bởi XNM.

- Chủ động bố trí ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các giải pháp cấp bách phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn. Trong đó, ưu tiên bố trí kinh phí cho các hoạt động truyền thông về phòng, chống hạn hán, XNM, dịch bệnh và bảo vệ môi trường; thực hiện đầu tư tu bổ, nạo vét hệ thống kênh mương thủy lợi nội đồng để khơi thông dòng chảy, đắp đập tạm ngăn mặn, đào ao trữ nước, sửa chữa nâng cấp các trạm cấp nước tập trung trên địa bàn quản lý.

- Xây dựng và phê duyệt phương án PCCC rừng trên địa bàn huyện, tổ chức lực lượng, phương tiện, trang thiết bị PCCC rừng đảm bảo xử lý các tình huống cháy rừng xảy ra;

- Kêu gọi doanh nghiệp đầu tư công trình cấp nước theo Quyết định số 2365/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2025.

- Chỉ đạo việc thành lập, củng cố và kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức thủy lợi cơ sở trên địa bàn, làm cơ sở để khai thác hiệu quả công trình và hoàn thành tiêu chí xã nông thôn mới về thủy lợi ở địa phương.

- Báo cáo định kỳ về tình hình hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn và các hoạt động triển khai phòng ngừa, ứng phó, thiệt hại do hạn hán, thiếu nước, XNM (nếu có) gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ NN-PTNT kịp thời.

c. Sở NN-PTNT

- Tổ chức theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, nguồn nước, dự báo chuyên ngành, đánh giá nguy cơ hạn hán, thiếu nước, XNM tại các khu vực trên địa bàn tỉnh; thông tin kịp thời đến các địa phương để chủ động triển khai các biện pháp ứng phó.

- Chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện các giải pháp chủ động phòng, chống hạn, thiếu nước, XNM nhằm bảo vệ nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh trong giai đoạn và hàng năm trên địa bàn tỉnh;

Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt; xây dựng các giải pháp bảo đảm nguồn nước cho sản xuất, cấp nước sinh hoạt phù hợp với từng vùng để phục vụ xây dựng kế hoạch cấp nước, hạn chế thiệt hại do hạn hán, thiếu nước, XNM gây ra.

- Chủ trì, Phối hợp với Sở Công Thương, Công ty Thủy điện Trị An và Công ty Cổ phần Anipower trong việc sẵn sàng phương án điều tiết hợp lý hồ thủy điện Trị An. thủy điện Phú Tân 2 để bổ sung nước cho hạ du, bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh.

- Chỉ đạo, phối hợp, hướng dẫn địa phương đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nhất là tại các khu vực không chủ động được nguồn nước, thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước, XNM sang phát triển nông nghiệp đa dạng, đáp ứng nhu cầu của thị trường, chuyển từ phát triển theo số lượng sang chất lượng; hướng dẫn, phổ biến kinh nghiệm tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, sử dụng nước hiệu quả để các địa phương, doanh nghiệp và người dân áp dụng;

- Hướng dẫn, khuyến cáo cụ thể lịch thời vụ, cơ cấu, giống cây trồng phù hợp cho từng khu vực trên cơ sở dự báo về nguồn nước, nguy cơ XNM; khuyến cáo, hướng dẫn quy trình kỹ thuật chăm sóc đối với cây trồng tại các vùng có nguy cơ hạn hán, xâm nhập mặn;

- Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, nhất là ở các vùng thường xuyên có nguy cơ xảy ra hạn hán, thiếu nước, XNM. Trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, XNM nghiêm trọng vượt quá khả năng xử lý của địa phương thì rà soát, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ phòng, chống hạn hán, thiếu nước, XNM tại các địa phương; phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh kịp thời bố trí nguồn vốn hỗ trợ các địa phương thực hiện công tác phòng, chống hạn hán, thiếu nước, XNM kịp thời, hiệu quả;

- Thường xuyên phối hợp với Đài KTTV tỉnh, Đài khu vực và Trung ương, Viện Quy hoạch thủy lợi Miền Nam, Cục Quản lý đê điều và PCTT, Cục Thủy lợi theo dõi diễn biến tình hình nguồn nước, XNM, thông báo kịp thời cho UBND các huyện/thành phố, các sở, ngành, đơn vị liên quan và nhân dân để có biện pháp chỉ đạo, ứng phó phù hợp;

- Chỉ đạo Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn có kế hoạch sửa chữa, vận hành các trạm cấp nước tập trung nông thôn, trữ nước và đảm bảo chất lượng cấp nước cho người dân trong trường hợp xảy ra tình trạng mùa khô thiếu nước, XNM tăng cao.

d. Sở TN-MT:

- Tổ chức thực hiện công tác điều tra cơ bản, quan trắc, đo đạc, theo dõi chặt chẽ, dự báo và cung cấp thông tin kịp thời về tình hình khí tượng thủy văn, thiên tai và theo dõi dòng chảy trên các sông chính trên địa bàn tỉnh, bố trí đủ nguồn lực để thực hiện đầu tư, nâng cấp trang thiết bị và nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, dự báo sớm, dài hạn về thiên tai hạn hán, XNM để đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, tin cậy, liên tục cho các địa phương.

- Phối hợp với Sở NN-PTNT, Sở Công Thương và các địa phương xây dựng và thống nhất kế hoạch vận hành linh hoạt, điều tiết nước các hồ chứa thủy lợi, thủy điện để chủ động phòng, chống hạn hán, thiếu nước, XNM và khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

e. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở NN-PTNT và các cơ quan liên quan kịp thời báo cáo cấp trên xem xét hỗ trợ kinh phí thực hiện các giải pháp phòng chống hạn mặn trong kế hoạch/phương án ứng phó hạn mặn của cấp tỉnh và các huyện/TP.

f. Sở Công Thương:

- Phối hợp với Công ty Thủy điện Trị An (chủ sở hữu hồ thủy điện Trị An) và Công ty Cổ phần Aní Power (chủ sở hữu đập thủy điện Phú Tân 2) rà soát phương án sản xuất điện trong bối cảnh xảy ra thiếu nước tại hồ thủy điện để có phương án chủ động bảo đảm cung ứng điện cho sản xuất, sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn tỉnh; tăng cường sử dụng các nguồn điện, ưu tiên nguồn nước của các hồ chứa thủy điện phục vụ phòng, chống hạn hán, thiếu nước, XNM;

- Chủ động phối hợp với Sở NN-PTNT, Sở TN-MT, các địa phương, Công ty Thủy điện Trị An, Công ty Cổ phần Aní Power và các đơn vị có liên quan thống nhất kế hoạch điều tiết nước hồ chứa thủy điện Trị An và thủy điện Phú Tân 2 để bảo đảm cân đối nguồn nước phục vụ phát điện, sinh hoạt và sản xuất; bổ sung nước phòng, chống hạn hán, thiếu nước, đẩy mặn cho hạ du; ưu tiên nguồn nước phục vụ sinh hoạt, bảo đảm sức khỏe của nhân dân, sau đó là phục vụ các nhu cầu thiết yếu khác.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường công tác tuyên truyền về kế hoạch cung cấp điện năm, tình hình thủy văn, nguồn nước tại các hồ thủy điện, nâng cao ý thức sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả.

g. Sở Xây dựng: Chỉ đạo các cơ quan thuộc các ngành, đơn vị quản lý, vận hành Nhà máy cấp nước sạch đô thị; rà soát, nâng cao năng lực, hiệu quả lấy nước phù hợp với điều kiện nguồn nước các hồ chứa và trên các lưu vực sông, suối bảo đảm cấp nước an toàn cho sinh hoạt và sản xuất của nhân dân ở hạ du.

h. Sở KH-ĐT: Phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ban ngành tỉnh và địa phương cân đối nguồn vốn đầu tư công theo quy định ưu tiên thực hiện đẩy nhanh tiến độ các công trình thủy lợi tạo nguồn phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn và các công trình cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt cho người dân.

i. Sở Y tế: Chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng y tế cơ sở chủ động kiểm tra, giám sát bảo đảm an toàn chất lượng nước sinh hoạt, hướng dẫn người dân các kỹ năng để bảo vệ

sức khỏe khi nắng nóng gay gắt; bảo đảm an toàn môi trường, tránh bùng phát dịch bệnh do nắng nóng kéo dài.

j. Sở TT-TT, Đài PT-TH Đồng Nai, Báo Đồng Nai và các cơ quan thông tấn, báo chí đóng trên địa bàn tỉnh: Tiếp tục thực hiện tốt công tác truyền thông, phát sóng các bản tin liên quan đến công tác cảnh báo, dự báo chất lượng nguồn nước, tình hình hạn, thiếu nước, XNM; các giải pháp hay do các cơ quan chuyên ngành, các nghiên cứu khoa học thực tiễn cung cấp để phòng ngừa, ứng phó.

k. Đài KTTV tỉnh Đồng Nai: Theo dõi sát diễn biến về tình hình KTTV, ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo, nhận định sớm về tình hình KTTV, XNM trên địa bàn tỉnh,... kịp thời cung cấp thông tin cho các sở, ngành tỉnh, đơn vị và địa phương chủ động trong chỉ đạo sản xuất nông nghiệp và cấp nước phục vụ sinh hoạt.

l. Các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, chủ động phối hợp với địa phương xây dựng kế hoạch sử dụng nước tại các công trình thủy lợi, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh gây thất thoát, lãng phí nguồn nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt trong mùa khô.

m. Các đơn vị quản lý, vận hành các hồ thủy điện trên địa bàn tỉnh: Tổ chức xây dựng kế hoạch điều tiết, vận hành các hồ thủy điện trong mùa khô và lấy ý kiến các cơ quan, địa phương có liên quan trước khi ban hành kế hoạch, làm cơ sở để phối hợp điều tiết, vận hành nhằm ứng phó nguy cơ thiếu nước, XNM mùa khô.

n. Các sở, ban ngành khác: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp thực hiện các biện pháp phòng ngừa, chống hạn hán, thiếu nước, XNM.

o. Đề nghị Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh Đoàn phối hợp với ngành nông nghiệp và các địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, các giải pháp kỹ thuật phòng, chống hạn, thiếu nước, XNM; tích cực bám sát địa bàn, vận động, hướng dẫn hội viên, đoàn viên thực hiện tốt các giải pháp sản xuất trong điều kiện hạn hán, XNM theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

*** Thời điểm từ có bản tin dài hạn về dự báo cảnh báo hạn hán, XNM đến thời điểm dự báo kết thúc mùa mưa 01 tháng:** Cơ quan dự báo có các bản tin dự báo hạn hán, XNM có độ chính xác cao hơn, các sở ban ngành và địa phương cần tiếp tục thực hiện nghiêm túc các nội dung trên, đồng thời triển khai bổ sung các nội dung sau:

- Thường xuyên theo dõi và thông báo thông tin dự báo, cảnh báo hạn hán cho thành viên Ban Chỉ huy PCTT-TKCN các cấp và người dân.

- Theo dõi, cập nhật tình hình sản xuất; xác định các khu vực có khả năng chịu ảnh hưởng của hạn hán mức độ thiệt hại có thể xảy ra (theo kinh nghiệm và dữ liệu các trận hạn hán đã xảy ra) để có thể xem xét, rà soát phương án ứng phó theo cấp độ hạn hán của từng ban, ngành, địa phương và xác định các công việc cần thực hiện nếu hạn hán xảy ra để chủ động ứng phó.

- Cử cán bộ xuống cơ sở nắm bắt tình hình, nhu cầu và đề nghị hỗ trợ để chủ động xây dựng kế hoạch hỗ trợ về trang thiết bị, chuẩn bị kinh phí để bảo vệ sản xuất, đáp ứng nhu cầu nước sạch cho người dân chống hạn.

- Tăng cường công tác tuyên thông hướng dẫn người dân phương pháp trữ nước, tiết kiệm nước, bảo vệ sản xuất và sức khỏe nếu hạn mặn xảy ra
- UBND huyện, thành phố đảm bảo cân đối ngân sách tránh phát sinh nợ đọng trong quá trình triển khai các giải pháp công trình phòng, chống hạn.
- Thường xuyên thông báo thông tin dự báo, cảnh báo hạn hán cho thành viên Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp xã thuộc huyện.
- Rà soát tình hình sản xuất tại các xã trên địa bàn huyện, xác định thiệt hại có thể xảy ra về sản xuất và thiếu nước sinh hoạt tại các xã nếu hạn hán xảy ra.
- Căn cứ cá dự báo hạn hán, XNM có độ chính xác cao hơn, tổ chức rà soát cập nhật phương án ứng phó hạn hán, xâm nhập mặn của các ngành, các địa phương.

3.4.4.1.2. Thời điểm trước khi kết thúc mùa mưa khoảng 01 tháng đến đầu mùa khô theo bản tin dự báo:

Các cấp, các ngành, địa phương tiếp tục thực hiện các hoạt động mục 3.4.4.1.1, đồng thời, bổ sung và hoàn thành các hoạt động sau:

- Hoàn thành và phê duyệt các kế hoạch, phương án phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn của các ngành, các cấp và địa phương.
- Hoàn thành và phê duyệt phương án PCCC rừng trên địa bàn huyện, tổ chức lực lượng, phương tiện, trang thiết bị PCCC rừng đảm bảo xử lý các tình huống cháy rừng xảy ra;
- Các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh hoàn thành việc ban hành các phương án sử dụng nước và phương án vận hành, điều tiết các hồ trong mùa khô.
- Đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ, gấp rút hoàn thành các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, nhất là ở các vùng thường xuyên có nguy cơ xảy ra hạn hán, thiếu nước, XNM.
- Hoàn thành các dự án nạo vét kênh mương trữ nước phục vụ sản xuất và phòng, cháy, chữa cháy rừng ở các địa phương có nguy cơ hạn hán cao.
- Đóng cống, đập đập trữ nước ngọt, ngăn mặn phục vụ sản xuất và phòng, cháy, chữa cháy rừng.
- Hướng dẫn lịch thời vụ, cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi.

3.4.4.2. Công tác triển khai ứng phó khi xảy ra hạn hán

3.4.4.2.1. Kịch bản 1: Hạn hán, thiếu nước xảy ra ở cấp độ 1:

Các cấp, các ngành, địa phương tiếp tục thực hiện các hoạt động chưa hoàn thành ở mục 3.4.4.1, đồng thời thực hiện các nội dung sau:

a. Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh:

- Triển khai thực hiện nghiêm các nội dung, nhiệm vụ trong các văn bản chỉ đạo trong giai đoạn trước và các văn bản mới (nếu có) của Thủ tướng Chính phủ, Bộ NN-PTNT, Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai.

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh có văn bản cảnh báo và chỉ đạo triển khai các biện pháp cụ thể ứng phó hạn hán;

b. UBND các huyện, thành phố

- Tổ chức kiểm tra, theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến thời tiết, nguồn nước, đánh giá khả năng cung cấp nước phục vụ sản xuất và dân sinh trên địa bàn, rà soát, điều chỉnh, bổ sung phương án phòng, chống hạn hán, XNM, cấp nước sản xuất, sinh hoạt.

- Căn cứ tình hình nguồn nước, khả năng đảm bảo cấp nước, tiếp tục điều chỉnh thời vụ, cơ cấu cây trồng phù hợp (chuyển đổi từ trồng lúa ở vùng thường xuyên bị hạn hán, thiếu nước, sang cây trồng cạn). Tuân thủ các khuyến cáo của các cơ quan chuyên môn liên quan đến thời vụ và tổ chức sản xuất để hạn chế nguy cơ thiệt hại do hạn hán, thiếu nước, XNM.

- Triển khai các biện pháp cần thiết để có thể lấy nước chủ động (nạo vét cửa lấy nước các trạm bơm, cống, kênh mương, lắp đặt và vận hành trạm bơm dã chiến,...); chủ động tích trữ nước trong các hồ, ao, vùng trũng thấp, kênh rạch,... để sử dụng trong thời kỳ cao điểm hạn hán, XNM; đào ao, giếng, đắp đập tạm để trữ nước ngọt và ngăn mặn; đẩy nhanh tiến độ thi công, sớm đưa vào khai thác các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt trong phạm vi quản lý, nhất là ở các vùng có nguy cơ cao xảy ra hạn hán, thiếu nước, XNM (thực hiện xuống giống đồng loạt, tập trung theo từng vùng, từng cánh đồng, trong khung thời vụ, sử dụng các giống lúa chống chịu được mặn, hạn, phèn,... theo hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn).

- Tổ chức lắp đặt, quan trắc, dự báo lượng nước về các hồ chứa và chủ động cung cấp thông tin cho các cơ quan liên quan theo quy định của Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước và Luật Khí tượng thủy văn; rà soát, điều chỉnh việc điều tiết nước tại các hồ chứa, điều chỉnh kế hoạch vận hành từng hệ thống công trình thủy lợi, bảo đảm vận hành an toàn, phù hợp với hiện trạng, diễn biến nguồn nước và nhu cầu sử dụng nước; tổ chức xây dựng phương án, bố trí kế hoạch, thời gian lấy nước phù hợp với lịch vận hành của các hồ chứa.

- Tuyên truyền, hướng dẫn, vận động người dân chủ động thực hiện các biện pháp tích trữ nước như: Đào ao, xây dựng bể chứa nước, bồn tích nước ngọt, sử dụng bạt trữ nước,... đồng thời sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí nước. Trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng, cần ưu tiên nguồn nước để cấp nước sinh hoạt cho người dân, chăn nuôi gia súc và tưới cho cây trồng có giá trị kinh tế cao.

- Tăng cường kết nối, mở rộng mạng lưới cấp nước từ đô thị sang khu vực nông thôn để bảo đảm cấp nước cho người dân. Khi xảy ra nguy cơ thiếu nước sinh hoạt, nhất là tại vùng sâu, vùng xa phải thực hiện các biện pháp cấp nước, không để ảnh hưởng đến đời sống, sức khỏe của người dân do thiếu nước (hỗ trợ thiết bị lọc nước, chứa nước, sử dụng các phương tiện lưu động chuyên chở nước cung cấp cho người dân,...).

- Tập trung nguồn vốn để đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung lồng ghép vào Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Chủ động bố trí ngân sách địa phương và các nguồn vốn xã hội hóa để triển khai thực hiện các giải pháp cấp bách phòng, chống hạn hán, thiếu nước, XNM.

Rà soát, đề xuất bổ sung quy hoạch các dự án tích trữ nước, kiểm soát mặn, giữ ngọt, các dự án cấp nước sinh hoạt cần ưu tiên đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân hợp lý, bố trí diện tích và cơ cấu, thời vụ gieo trồng phù hợp với năng lực nguồn nước hiện có. Đối với những khu vực thiếu nước, vận động người dân không gieo trồng tự phát vượt quá khả năng phục vụ của các công trình thủy lợi; chủ động giảm bớt diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân chuyển sang sản xuất vụ Hè Thu sớm, hoặc gieo trồng loại cây ngắn ngày, chịu hạn tốt, đạt năng suất và sản lượng cao để tránh xảy ra thiệt hại do hạn hán, thiếu nước gây ra.

c. Sở NN-PTNT

- Kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc, hỗ trợ các địa phương thực hiện kế hoạch, giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn (kiểm tra, tổng hợp nguồn nước trong các hệ thống thủy lợi, kế hoạch sử dụng nước, điều chỉnh thời vụ, giống cây trồng phù hợp,...), chỉ đạo triển khai các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Công ty Thủy điện Trị An, và Công ty Cổ phần Aní Power trong việc chỉ đạo thực hiện phương án điều tiết hợp lý hồ thủy điện Trị An và hồ thủy điện Phú Tân 2 để bổ sung nước cho hạ du, bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh.

- Tổ chức rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ cho các đối tượng, địa phương trong trường hợp xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn, bảo đảm phù hợp thực tế và an sinh xã hội.

d. Sở TN-MT:

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn theo dõi, tăng cường dự báo, cung cấp các bản tin nhận định về tình hình khí tượng thủy văn, hạn hán, thiếu nước, XNM cho các cơ quan liên quan và các địa phương để chỉ đạo sản xuất phù hợp với điều kiện nguồn nước và chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống hạn, thiếu nước, XNM;

- Tổ chức điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất để cung cấp nước sinh hoạt ở các vùng sâu, vùng xa, vùng khan hiếm nước; theo dõi, giám sát chặt chẽ việc vận hành các hồ chứa và các hoạt động khai thác, sử dụng nước nhằm phục vụ việc điều hòa, phân bổ nguồn nước theo quy định và hoàn thiện hệ thống giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Phối hợp với Sở NN-PTNT, Sở Công Thương và các địa phương thống nhất kế hoạch điều tiết nước các hồ chứa để bổ sung nước phòng, chống hạn hán, thiếu nước, XNM;

e. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở NN-PTNT và các cơ quan liên quan kịp thời báo cáo cấp thẩm quyền xem xét hỗ trợ kinh phí để thực hiện các giải pháp cấp bách phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn, bảo đảm đúng quy định của pháp luật; rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định pháp luật liên quan đến hỗ trợ kinh phí phòng, chống hạn hán, thiếu nước, XNM.

f. Sở Công thương

- Theo dõi, phối hợp triển khai phương án vận hành hồ chứa thủy điện Trị An bảo đảm nguồn nước phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn cho hạ du, sử dụng nước hiệu quả, tiết kiệm và hài hòa giữa mục tiêu bảo đảm an ninh năng lượng và cấp nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt.

- Chỉ đạo các đơn vị điện lực chủ động xây dựng phương án ưu tiên đảm bảo cung cấp điện cho các trạm bơm chống hạn hoạt động hiệu quả.

g. Sở KH-ĐT: Tiếp tục ưu tiên đầu tư, bố trí nguồn vốn đầu tư, đơn đốc giải ngân vốn đầu tư công để đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành các công trình cấp bách phòng, chống hạn hán, cấp nước sinh hoạt và xâm nhập mặn.

h. Sở Y tế: Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng nước sinh hoạt, phòng, tránh phát sinh dịch bệnh do ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn kéo dài

i. Sở TT-TT, Đài PT-TH Đồng Nai, Báo Đồng Nai và các cơ quan thông tấn, báo chí đóng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai: Tiếp tục thực hiện tốt công tác truyền thông, tăng thời lượng phát sóng các bản tin liên quan đến công tác cảnh báo, dự báo tình hình chất lượng nguồn nước, tình hình hạn, thiếu nước, XNM; các giải pháp hay do các cơ quan chuyên ngành, các nghiên cứu khoa học thực tiễn cung cấp để phòng ngừa, ứng phó.

3.4.4.2.2. Kịch bản 2: Hạn hán, thiếu nước xảy ra ở cấp độ 2:

Khi hạn hán và XNM gay gắt hơn, xảy ra ở cấp độ RRTT cấp 2, các cấp, các ngành, địa phương tiếp tục thực hiện các hoạt động chưa hoàn thành ở các bước nêu trên. Đồng thời thực hiện các nội dung sau:

a. Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh:

+ Tham mưu UBND tỉnh văn bản đề xuất kiến nghị Ban chỉ đạo Quốc gia về phòng chống thiên tai yêu cầu Bộ Công thương chỉ đạo các hồ chứa thượng nguồn ngoài địa bàn tỉnh điều tiết nguồn nước hợp lý để bổ sung nước cho hạ du, bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh cho tỉnh Đồng Nai;

+ Tham mưu UBND tỉnh về việc tổng hợp tình hình hạn hán, XNM, thiệt hại do hạn hán, XNM báo cáo cho Ban chỉ đạo Quốc gia về PCTT tổng hợp kiến nghị hỗ trợ từ Trung ương

b. UBND các huyện, thành phố

- Tăng cường tuyên truyền, khuyến cáo, hướng dẫn người dân sử dụng nước tiết kiệm trong sinh hoạt và sản xuất; tiết kiệm điện, sử dụng điện an toàn; không thực hiện các hoạt động dẫn đến nguy cơ cháy rừng

- Chỉ đạo rà soát, thống kê các hộ dân bị thiếu nước sinh hoạt thực tế, qua đó triển khai phương án hỗ trợ nước sinh hoạt cho người dân; phối hợp với Sở NN-PTNT tuyên truyền đến người dân không được tự ý sên vét, lấy đất lòng sông, kênh rạch khi chưa có sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền để phòng tránh sạt lở; quản lý chặt chẽ tình hình sử dụng nước

- Liên tục cập nhật diễn biến hạn hán, nguồn nước để hướng dẫn người dân chăm sóc cây trồng, vật nuôi, phòng trừ dịch bệnh trong điều kiện hạn hán.

- Cung cấp điện, nhiên liệu cho các trạm bơm; sử dụng các trạm bơm di động cho việc điều tiết nước phục vụ ứng cứu nước cho sản xuất; sử dụng hiệu quả, đúng quy định nguồn quỹ phòng, chống thiên tai các cấp để mua sắm vật tư và phục vụ hậu cần cho công tác ứng phó hạn hán các cấp, các địa phương

- Triển khai các biện pháp bảo vệ sức khỏe, phòng bệnh, đặc biệt là cho trẻ em và người già

- Tổ chức triển khai có hiệu quả phương án PCCC rừng trên địa bàn huyện, tổ chức lực lượng, phương tiện, trang thiết bị PCCC rừng đảm bảo xử lý các tình huống cháy rừng xảy ra; sẵn sàng huy động lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng theo phương châm 4 tại chỗ, kiên quyết không để xảy ra cháy lớn.

*** Ngoài các nội dung chung trên, các huyện, TP triển khai một số nhiệm vụ cụ thể sau:**

- UBND huyện Xuân Lộc:

+ Phối hợp Công ty Cô phần cấp nước Đồng Nai đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án cấp nước sạch 05 xã: Xuân Định, Bảo Hòa, Xuân Thọ, Xuân Bắc, Suối Cao.

+ Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng nhà máy cấp nước Gia Măng, xã Xuân Hiệp.

+ Rà soát, đề xuất xây dựng các công trình thủy lợi trên địa bàn để phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là tập trung đề xuất công trình hệ thống trạm bơm La Ngà phục vụ tưới cho 03 xã Xuân Bắc, Xuân Thọ, Suối Cao.

- UBND huyện Cẩm Mỹ:

+ Khuyến cáo, vận động người dân chủ động cắt giảm diện tích vụ Đông Xuân đối với vùng tưới của đập dâng Suối Sách 1 và Suối Sách 2 xã Xuân Đông.

- UBND huyện Tân Phú:

+ Lắp đặt 03 tổ máy bơm dã chiến tại khu tưới công trình đập dâng Đồng Hiệp bơm nước từ sông La Ngà tưới hỗ trợ cho khoảng 400 ha thuộc xã Phú Điền, phần diện tích tưới còn lại sử dụng nguồn nước đập dâng để tưới.

+ Đối với khu tưới trạm bơm áp 9, 10 (áp 6 mới) xã Đắc Lua: Khi nước sông hạ thấp, sử dụng bơm chuyên khi cần thiết để đảm bảo đủ nước tưới cho diện tích theo kế hoạch.

+ Đối với khu tưới trạm bơm áp 5A (áp 5 mới), áp 11 (áp 4 mới) xã Đắc Lua: Khi nước sông hạ thấp dự phòng phương án đầu nổi, kéo dài đường ống hút để đảm bảo đủ nước tưới cho diện tích tưới theo kế hoạch, nghiên cứu, phối hợp đầu nổi vào hệ thống kênh tưới trạm bơm Đắc Lua để nhằm hạn chế thất thoát nước trong quá trình phục vụ.

+ Đối với khu tưới của đập dâng Vàm Hô xã Tà Lài: Nạo vét lòng hồ, lòng kênh, lắp trạm bơm tạm (dự phòng) bơm nước từ sông Đồng Nai vào suối Vàm Hô để đảm bảo nguồn nước phục vụ cho diện tưới theo kế hoạch.

- UBND TP Long Khánh:

+ Thực hiện điều tiết, tích trữ nước tại Hồ chứa nước Cầu Dầu và Hồ chứa nước Suối Tre để tích trữ nguồn nước mặt phục vụ sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn.

+ Tiếp tục thực hiện các dự án thủy lợi năm 2023 và triển khai kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- UBND huyện Long Thành: Xây dựng kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân hợp lý, bố trí diện tích và cơ cấu, thời vụ gieo trồng phù hợp với năng lực nguồn nước hiện có;

- UBND huyện Nhơn Trạch: Đối với khu vực xã Hiệp Phước, đắp đập dâng tạm để tích nước phục vụ tưới vào mùa khô để phục vụ cho 145 ha lúa trên cánh đồng thị trấn Hiệp Phước nằm trong công trình kênh tiêu Hiệp Phước. Chỉ đạo Trạm khai thác công trình thủy lợi Ông Kèo chủ động giữ nước trong đê ở mức hợp lý để đảm bảo chống hạn và vận chuyển nông sản của người dân trong công trình;

c. Sở NN-PTN

- Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm chủ trì, phối hợp với các chủ rừng và địa phương xác định cấp dự báo cháy rừng và thông tin cảnh báo nguy cơ cháy rừng trên các phương tiện thông tin đại chúng, khoanh vùng trọng điểm cháy trên bản đồ và thực địa, bố trí lực lượng, phương tiện đảm bảo sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống xảy ra. Yêu cầu các chủ rừng, các đơn vị quản lý rừng bố trí lực lượng thường trực 24/24, tăng cường bố trí thêm các máy bơm nước sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống xấu.

- Chỉ đạo Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Công trình đô thị Đồng Nai triển khai phương án tăng sản lượng nguồn nước và giảm tỷ lệ thất thoát nước; tăng công suất và mở rộng tuyến ống cấp nước sinh hoạt đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt cho người dân. Đối với khu vực không có công trình cấp nước tập trung thì triển khai các phương án cấp nước di động theo phương án được duyệt không để hộ dân nào bị thiếu nước.

- Tổng hợp tình hình hạn hán, thiếu nước trên địa bàn tỉnh, chủ động phối hợp với UBND các huyện, thành phố đề xuất UBND tỉnh xem xét, hỗ trợ các địa phương khắc phục thiệt hại thiên tai, nhất là các huyện thường bị ảnh hưởng do hạn hán theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

- Căn cứ tình hình mức độ hạn hán thực tế, tiếp tục chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Công ty Thủy điện Trị An và Công ty Cổ phần Aní Power trong việc chỉ đạo thực hiện phương án điều tiết hợp lý hồ thủy điện Trị An, hồ thủy điện Phú Tân 2 để bổ sung nước cho hạ du, bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh;

- Chỉ đạo Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi:

+ Quản lý chặt chẽ công tác vận hành và có phương án vận hành hợp lý ứng phó với khả năng xảy ra tình trạng hạn hán thiếu nước vào giữa vụ Đông Xuân muộn (từ tháng 1/2024 đến tháng 4/2024) ở 2 công trình: Đập Năm Sao (tổng diện tích tưới 210 ha) và đập Đồng Hiệp (diện tích tưới 750 ha) của huyện Tân Phú.

- Báo cáo định kỳ về tình hình nguồn nước, hạn hán và các hoạt động ứng phó với tình hình hạn hán, thiếu nước, tình hình thiệt hại do thiên tai hạn (nếu có) về UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d. Sở TN-MT:

- Phối hợp với Sở NN-PTNT, Sở Công Thương và các địa phương thống nhất kế hoạch điều tiết nước các hồ chứa để bổ sung nước phòng, chống hạn, thiếu nước, xâm

nhập mặn; trường hợp cần thiết, cho phép các hồ chứa vận hành thấp hơn giới hạn mực nước quy định tại quy trình vận hành liên hồ để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước ở hạ du.

- Chủ trì, phối hợp các địa phương, các ngành liên quan trong việc chỉ đạo khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn nước ở các sông, suối trên địa bàn, để đảm bảo dòng chảy tối thiểu và tránh xảy ra tình trạng tranh chấp nguồn nước giữa thượng nguồn và hạ nguồn.

e. Sở Tài chính: Sở Tài chính căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách tỉnh, trình cấp có thẩm quyền thực hiện các công trình bức xúc để phòng, chống hạn hán, hỗ trợ vật dụng chứa nước sinh hoạt, cứu đói,..

f. Sở Công thương

- Trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng cần ưu tiên sử dụng nước từ hồ Thủy điện Trị An phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và nhu cầu thiết yếu khác theo quy định của Luật Thủy lợi.

- Chỉ đạo các đơn vị điện lực ưu tiên chủ động triển khai thực hiện phương án đảm bảo cung cấp điện cho các trạm bơm chống hạn hoạt động hiệu quả.

- Sở Công thương phối hợp với Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai triển khai kế hoạch cung ứng điện trong mùa khô, đảm bảo cung cấp đủ điện. Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường kiểm tra, sửa chữa, khắc phục kịp thời những vị trí có nguy cơ rò rỉ điện và thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo an toàn lưới điện, đồng thời tăng cường hướng dẫn nhân dân các biện pháp đảm bảo an toàn trong sử dụng điện, chống cháy nổ do chập điện.

g. Sở Y tế: triển khai kế hoạch phòng, chống dịch bệnh trên người trong mùa khô đã xây dựng và phê duyệt.

h. Sở LĐ-TB-XH: Chủ trì, phối hợp với các bên có liên quan tổng hợp nhu cầu hỗ trợ cứu đói cho nhân dân các vùng xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, phối hợp với Sở Tài chính đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ.

i. Đài KTTV tỉnh Đồng Nai: Theo dõi sát diễn biến về tình hình KTTV, tăng cường các bản tin dự báo, cảnh báo, nhận định sớm về tình hình KTTV, XNM trên địa bàn tỉnh.

3.4.4.3. Công tác triển khai sau khi xảy ra hạn hán

- Ban Chỉ huy PCTT-TKCN các cấp báo cáo sơ bộ tình hình thiệt hại, kiến nghị hỗ trợ để giúp nhân dân khắc phục hậu quả, ổn định đời sống. Tổng kết, kiểm kê, đánh giá xác định thiệt hại theo đúng quy định và báo cáo về UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh, Sở LĐ-TB-XH, Sở KH-ĐT: Cân đối nguồn dự phòng ngân sách tỉnh tham mưu, đề xuất chính sách hỗ trợ người dân vùng bị thiệt hại, chi hỗ trợ cho các địa phương khắc phục thiệt hại để sớm khôi phục lại sản xuất, ổn định cuộc sống; đồng thời, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố giải quyết các chính sách, chế độ trợ giúp cho các đối tượng bị thiệt hại do hạn hán gây ra.

3.5. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ XÂM NHẬP MẶN (CẤP ĐỘ RRTT CẤP 1-2)

3.5.1. Thời điểm triển khai các hoạt động ứng phó xâm nhập mặn:

Các thời điểm phải triển khai các hoạt động ứng phó tình hình hạn hán; XNM trên địa bàn tỉnh như sau:

** Trước khi xảy thiên tai*

- Thời điểm có bản tin dự báo thời hạn mùa/bản tin dự báo về hiện tượng El Niño có dự báo cảnh báo về khả năng xảy ra hạn hán, XNM khu vực tỉnh Đồng Nai (triển khai các hành động sớm dựa trên cảnh báo sớm).

- Trước khi kết thúc mùa mưa (khoảng 1 tháng) đến đầu mùa mưa theo dự báo.

** Thời điểm xảy ra XNM:*

- Tin cảnh báo, dự báo XNM xảy ra ở cấp độ RRTT cấp 1.

- Tin cảnh báo, dự báo XNM xảy ra ở cấp độ RRTT cấp 2

** Thời điểm XNM giảm dần và kết thúc.*

3.5.2. Các kịch bản xâm nhập mặn

- Kịch bản 1: Xảy ra XNM trên sông Đồng Nai với độ mặn lớn nhất tại Rạch Giông ở mức khoảng 5‰, tại Cát Lái ở mức khoảng 7‰. Rủi ro thiên tai do XNM cấp độ 1;

- Kịch bản 2: Xảy ra XNM trên sông Đồng Nai với độ mặn tại Rạch Giông ở mức khoảng 7-8‰, tại Cát Lái ở mức khoảng 9-10‰. Rủi ro thiên tai do XNM cấp độ 2.

3.5.3. Phạm vi ảnh hưởng

Căn cứ theo kết quả phân tích dữ liệu thống kê ảnh hưởng do XNM trên địa bàn 02 huyện Nhơn Trạch, Long Thành trong lịch sử và tham vấn các địa phương, xác định có 11 xã/phường ven sông Đồng Nai, sông Thị Vải, sông Đồng Môn rạch Bà Ký thuộc 02 huyện Nhơn Trạch và huyện Long Thành có nguy cơ bị XNM. Đối tượng ảnh hưởng là diện tích sản xuất nông nghiệp, nước sinh hoạt (*Phạm vi và đối tượng ảnh hưởng do hạn hán, xâm nhập mặn chi tiết trong Phụ lục 4.2, Phần phụ lục*).

3.5.4. Công tác triển khai thực hiện ứng phó xâm nhập mặn

3.5.4.1. Công tác triển khai ứng phó trước khi thiên tai

3.5.4.1.1. Thời điểm có bản tin dự báo thời hạn mùa/bản tin dự báo về hiện tượng El Niño có dự báo cảnh báo về khả năng xảy ra hạn hán, XNM khu vực tỉnh Đồng Nai (hành động sớm trên cơ sở cảnh báo sớm).

a. Các cấp, các ngành triển khai thực hiện các nội dung tương tự như công tác triển khai các hành động sớm trên cơ sở cảnh báo sớm đối với hạn hán tại mục 3.4.4.1.1.

b. Ban chỉ huy PCTT&TKCN huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch triển khai các nội dung sau:

- Xây dựng, rà soát cập nhật Kế hoạch ứng phó xâm nhập mặn giai đoạn và hàng năm. Gửi Kế hoạch về Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh tổng hợp.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin dự báo khí tượng thủy văn, thiên tai từ các cơ quan chuyên môn, thông tin rộng rãi đến tận cơ sở, người dân cùng biết để chủ động phòng ngừa, ứng phó.

- Triển khai các biện pháp cần thiết để trữ nước, ngăn mặn; đẩy nhanh tiến độ thi công và phối hợp thi công sớm hoàn thành, đưa vào sử dụng các công trình thủy lợi trữ ngọt, ngăn mặn, cấp nước sinh hoạt; lắp đặt và vận hành trạm bơm dã chiến;

- Phối hợp chặt chẽ với Sở NN-PTNT trong triển khai kế hoạch phòng, chống XNM, thông tin về diễn biến xâm nhập mặn và tổ chức thực hiện các dự án, công trình thủy lợi do tỉnh đầu tư trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố sớm đưa vào sử dụng.

- Căn cứ tình hình thực tế về nguồn nước và khả năng cấp nước, xây dựng kế hoạch điều chỉnh mùa vụ, cơ cấu cây trồng phù hợp. Rà soát, khoanh vùng các khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi XNM; chủ động tích trữ nước ngọt, bảo đảm đủ cung cấp cho nhu cầu tối thiểu, tránh ảnh hưởng đến cây trồng trong thời gian bị ảnh hưởng bởi XNM.

- Chủ động bố trí ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các giải pháp cấp bách phòng, chống XNM. Trong đó, ưu tiên bố trí kinh phí cho các hoạt động truyền thông; thực hiện đầu tư tu bổ, nạo vét hệ thống kênh mương thủy lợi nội đồng để khơi thông dòng chảy, đắp đập tạm ngăn mặn, đào ao trữ nước, sửa chữa nâng cấp các trạm cấp nước tập trung trên địa bàn quản lý.

- Báo cáo định kỳ về tình hình hạn hán, thiếu nước, XNM và các hoạt động triển khai phòng ngừa, ứng phó, thiệt hại do hạn hán, thiếu nước, XNM (nếu có) gửi về Sở NN-PTNT để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ NN-PTNT kịp thời.

3.5.4.1.2. Thời điểm trước khi kết thúc mùa mưa khoảng 01 tháng đến đầu mùa khô theo bản tin dự báo:

Các cấp, các ngành và Ban chỉ huy PCTT-TKCN các huyện Nhơn Trạch, Long Thành hoàn thành các hoạt động sau:

- Hoàn thành và phê duyệt các kế hoạch, phương án phòng, chống XNM của các ngành, các cấp và địa phương.

- Các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh hoàn thành việc ban hành các phương án sử dụng nước và phương án vận hành, điều tiết các hồ trong mùa khô.

- Đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ, gấp rút hoàn thành các công trình ngăn mặn, trữ ngọt, nhất là ở các vùng thường xuyên có nguy cơ xảy ra XNM.

- Đóng cống, đắp đập trữ nước ngọt, ngăn mặn phục vụ sản xuất và PCCC rừng.

- Hướng dẫn lịch thời vụ, cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi.

3.5.4.2. Công tác triển khai ứng phó khi xảy ra xâm nhập mặn

3.5.4.2.1. Kịch bản 1: XNM xảy ra ở cấp độ 1:

Các cấp, các ngành, địa phương tiếp tục thực hiện các hoạt động chưa hoàn thành ở mục 3.5.4.1, đồng thời thực hiện các nội dung sau:

a. *Các cấp, các ngành* triển khai thực hiện các nội dung tương tự như công tác triển khai ứng phó hạn hán cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1 tại mục 3.4.4.2.1

b. UBND các huyện Nhơn Trạch và Long Thành

- Tổ chức kiểm tra, theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến thời tiết, nguồn nước, đánh giá khả năng cung cấp nước phục vụ sản xuất và dân sinh trên địa bàn, rà soát, điều chỉnh, bổ sung phương án XNM, cấp nước phục vụ sản xuất, dân sinh.

- Căn cứ tình hình nguồn nước và XNM tiếp tục điều chỉnh thời vụ, cơ cấu cây trồng phù hợp. Tuân thủ các khuyến cáo của các cơ quan chuyên môn liên quan đến thời vụ và tổ chức sản xuất để hạn chế nguy cơ thiệt hại do XNM.

- Triển khai các biện pháp cần thiết để có thể lấy nước chủ động, chủ động tích trữ nước trong các hồ, ao, vùng trũng thấp, kênh rạch,... để sử dụng trong thời kỳ cao điểm XNM; đào ao, giếng, đắp đập tạm để trữ nước ngọt và ngăn mặn; đẩy nhanh tiến độ thi công, sớm đưa vào khai thác các công trình phòng chống XNM.

- Tuyên truyền, hướng dẫn, vận động người dân chủ động thực hiện các biện pháp tích trữ nước như: Đào ao, xây dựng bể chứa nước, bồn tích nước ngọt, sử dụng bạt trữ nước,... đồng thời sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nước, triệt để chống thất thoát, lãng phí nước.

3.5.4.2.2. *Kịch bản 2: Hạn hán, xâm nhập mặn xảy ra ở cấp độ 2:*

Khi hạn hán và xâm nhập mặn gay gắt hơn, xảy ra ở cấp độ RRTT cấp 2, các cấp, các ngành, địa phương tiếp tục thực hiện các hoạt động chưa hoàn thành ở giai đoạn XNM xảy ra ở cấp độ 1, tại mục 3.5.4.2.1 nêu trên. Đồng thời thực hiện các nội dung sau:

a. Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh: Tham mưu UBND tỉnh về việc tổng hợp tình hình XNM, thiệt hại do XNM báo cáo cho Ban chỉ đạo Quốc gia về PCTT tổng hợp kiến nghị hỗ trợ từ Trung ương

b. Sở NN-PTNT

- Tổng hợp tình hình XNM trên địa bàn tỉnh, chủ động phối hợp với UBND các huyện, thành phố đề xuất UBND tỉnh xem xét, hỗ trợ các địa phương khắc phục thiệt hại thiên tai;

- Căn cứ tình hình mức độ XNM thực tế, tiếp tục chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Công ty Thủy điện Trị An và Công ty Cổ phần Aní Power trong việc chỉ đạo thực hiện phương án điều tiết hợp lý hồ thủy điện Trị An, hồ thủy điện Phú Tân 2 để bổ sung nước cho hạ du, bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh đồng thời phục vụ đẩy mặn trên sông Đồng Nai;

- Chỉ đạo Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi: Quản lý chặt chẽ công tác vận hành các cống ngăn mặn thuộc Hệ thống thủy lợi Ông Kèo. Theo dõi, báo cáo thường xuyên về độ mặn trong đồng và ngoài đồng tại các cống: Ông Kèo, Phước Lý, Câu Khê, Ông Mai. Chủ động phối hợp với địa phương theo dõi diễn biến ảnh hưởng XNM đối với cây trồng; báo cáo kịp thời diện tích bị ảnh hưởng do XNM gây ra và đề xuất biện pháp xử lý.

- Báo cáo định kỳ về tình hình nguồn nước, hạn hán, XNM và các hoạt động ứng phó với tình hình hạn hán, thiếu nước, XNM, tình hình thiệt hại do thiên tai hạn, XNM (nếu có) về UBND tỉnh và Bộ NN-PTNT.

c. Các sở ngành khác: theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn triển khai các nội dung như kịch bản hạn hán RRTT cấp 2 tại mục 3.4.4.2.2.

d. UBND huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch

- *UBND huyện Long Thành*

+ Chỉ đạo theo dõi chặt chẽ tình hình XNM sông Đồng Nai, sông Thị Vải. Do độ mặn đầu các công trình liên tục trong mùa khô để kịp thời báo cho người dân các xã bị ảnh hưởng XNM.

+ Xây dựng kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân hợp lý, bố trí diện tích và cơ cấu, thời vụ gieo trồng phù hợp với năng lực nguồn nước hiện có;

- *UBND huyện Nhơn Trạch:*

+ Đối với khu vực xã Hiệp Phước, đắp đập dâng tạm để tích nước phục vụ tưới vào mùa khô để phục vụ cho 145 ha lúa trên cánh đồng thị trấn Hiệp Phước nằm trong công trình kênh tiêu Hiệp Phước. Chỉ đạo Trạm khai thác công trình thủy lợi Ông Kèo chủ động giữ nước trong đê ở mức hợp lý để đảm bảo chống hạn, XNM và vận chuyển nông sản của người dân trong công trình;

+ Chỉ đạo theo dõi chặt chẽ tình hình XNM sông Đồng Nai, sông Đồng Môn. Do độ mặn đầu các công trình liên tục trong mùa khô để kịp thời báo cho người dân các xã bị ảnh hưởng XNM. Tổ chức đắp bờ bao tiêu vùng để chủ động gieo sạ sớm, ngăn triều cường, dự trữ nước để góp phần né mặn, hạn chế XNM; đóng công ngăn mặn và thay đổi phương thức canh tác từ 02 vụ lúa sang 01 vụ lúa 01 vụ tôm;

*** Một số lưu ý trong công tác ứng phó hạn hán, xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh**

- Độ mặn dùng cho sinh hoạt của con người $< 0,75\text{‰}$ (nếu độ mặn $> 0,75\text{‰}$ sẽ ảnh hưởng đến hệ thống tiêu hóa và tim mạch của con người).
- Nước tưới có độ mặn từ $0,75\text{‰}$ - $1,5\text{‰}$ sẽ làm giảm năng suất các cây trồng nhạy cảm mặn (rau màu các loại).
- Độ mặn từ $1,5\text{‰}$ - $3,5\text{‰}$ sẽ làm giảm năng suất nhiều loại cây trồng (lúa, cây ăn trái, thủy sản nước ngọt).
- Độ mặn từ $3,5\text{‰}$ - $6,5\text{‰}$ chỉ được dùng cho các cây trồng chịu mặn.
- Nước dùng cho sinh hoạt có độ mặn $< 0,75\text{‰}$, nước dùng cho sản xuất nông nghiệp (nước tưới cho các loại cây trồng) có độ mặn $< 1,5\text{‰}$.

3.5.4.3. Công tác triển khai sau khi xảy ra xâm nhập mặn

- Ban Chỉ huy PCTT-TKCN các cấp báo cáo sơ bộ tình hình thiệt hại, kiến nghị hỗ trợ để giúp nhân dân khắc phục hậu quả, ổn định đời sống. Tổng kết, kiểm kê, đánh giá xác định thiệt hại theo đúng quy định và báo cáo về UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh, Sở LĐ-TB-XH, Sở KH-ĐT: Cân đối nguồn dự phòng ngân sách tỉnh tham mưu, đề xuất chính sách hỗ trợ người dân vùng bị thiệt hại, chi hỗ trợ cho các địa phương khắc phục thiệt hại để sớm khôi phục lại sản xuất, ổn định cuộc sống; đồng thời, hướng dẫn UBND

các huyện, thành phố giải quyết các chính sách, chế độ trợ giúp cho các đối tượng bị thiệt hại do XNM gây ra.

3.6. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ NẮNG NÓNG (CẤP ĐỘ RRTT CẤP 1-2)

3.6.1. Thời điểm triển khai các hoạt động ứng phó nắng nóng

a. Giai đoạn phòng ngừa, chuẩn bị trước thiên tai: Thời điểm có bản tin dự báo thời hạn mùa/bản tin dự báo về hiện tượng El Niño có dự báo về khả năng xảy ra nắng nóng, hạn hán, XNM ảnh hưởng đến khu vực Đông Nam bộ đến thời điểm kết thúc mùa mưa bắt đầu mùa khô (triển khai các hành động sớm dựa trên cảnh báo sớm);

b. Giai đoạn ứng phó khi xảy ra nắng nóng

- Thời điểm nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 37°C đến 39°C, kéo dài từ 3 ngày tới 10 ngày; kéo dài từ 05 ngày đến 10 ngày. Tương ứng rủi ro thiên tai do nắng nóng cấp độ 1;

- Thời điểm nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ 37°C đến 39°C, kéo dài từ trên 10 ngày đến 25 ngày; từ 39°C đến 41°C, kéo dài từ 3 đến 10 ngày. Tương ứng rủi ro thiên tai do nắng nóng cấp độ 2.

3.6.2. Xác định kịch bản ứng phó nắng nóng

- Kịch bản 1: Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 37°C đến 39°C, kéo dài từ 3 ngày tới 10 ngày; kéo dài từ 05 ngày đến 10 ngày. Tương ứng rủi ro thiên tai do nắng nóng cấp độ 1.

- Kịch bản 2: Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ 37°C đến 39°C, kéo dài từ trên 10 ngày đến 25 ngày; từ 39°C đến 41°C, kéo dài từ 3 đến 10 ngày. Tương ứng rủi ro thiên tai do nắng nóng cấp độ 2.

3.6.3. Phạm vi ảnh hưởng

Nắng nóng có thể xảy ra trên hầu hết các xã, huyện trên địa bàn tỉnh. Đối tượng tác động là: Con người, cây trồng, vật nuôi, hoạt động sản xuất.

3.6.4. Nội dung các hoạt động ứng phó nắng nóng

3.6.4.1. Công tác triển khai phòng ngừa trước thiên tai

Các sở ban ngành, chính quyền địa phương các cấp triển khai các nội dung như công tác triển khai ứng phó trước khi xảy ra Phương án ứng phó với hạn hán, XNM.

3.6.4.2. Công tác triển khai ứng phó khi thiên tai xảy ra

3.6.4.2.1. Phương án ứng phó khi xảy ra nắng nóng theo kịch bản 1 (RRTT cấp độ 1)

a. Sở NN-PTNT: Phối hợp với Đài KTTV tỉnh Đồng Nai thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình thời tiết, cập nhật các bản tin cảnh báo sớm và tham mưu Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh ban hành các văn bản để chỉ đạo ứng phó với nắng nóng tới các cấp, các ngành và các huyện, xã bị ảnh hưởng để chủ động phòng tránh.

b. Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện, xã:

- Sử dụng hệ thống truyền thanh của địa phương để truyền tải các bản tin dự báo, cảnh báo về nắng nóng và hướng dẫn kiến thức, kỹ năng ứng phó với nắng nóng.

- Chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng y tế cơ sở chủ động kiểm tra, giám sát bảo đảm an toàn chất lượng nước sinh hoạt, hướng dẫn người dân các kỹ năng để bảo vệ sức khỏe khi nắng nóng gay gắt. Bảo đảm an toàn môi trường, tránh bùng phát dịch bệnh do nắng nóng kéo dài. Triển khai các biện pháp bảo vệ sức khỏe, phòng bệnh, đặc biệt là cho trẻ em và người già.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường; chỉ đạo các bệnh viện, các trung tâm y tế đảm bảo tốt nhất việc khám chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu người bệnh trong những ngày nắng nóng.

- Chỉ đạo công tác phòng, chống đuối nước. Tuyên truyền vận động người dân nhất là trẻ em không tắm các nơi nguy hiểm, sông sâu, nước chảy xiết.

- Thực hiện các biện pháp tiết kiệm nguồn nước; xây dựng kế hoạch sản xuất hợp lý, bố trí diện tích và cơ cấu, thời vụ gieo trồng phù hợp với năng lực nguồn nước hiện có, phòng chống sâu bệnh, dịch bệnh, đặc biệt cần chú ý đến tình huống cháy rừng trong thời gian xảy ra nắng nóng.

- Tăng cường công tác nạo vét, gia cố, duy tu sửa chữa hệ thống kênh tưới để đảm bảo đủ cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, NTTS, sinh hoạt. Chuẩn bị phương tiện, trang thiết bị hỗ trợ cấp nước phòng, chống hạn khi cần thiết.

- Tổ chức vận hành các công trình thủy lợi, các công lấy nước, trạm bơm nước tưới đảm bảo điều kiện các công trình thủy lợi vận hành tốt, cung cấp đủ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, NTTS, PCCC rừng, hạn chế ô nhiễm nguồn nước.

- Khuyến khích các tổ chức kinh tế, xã hội, người dân lắp đặt hệ thống thu năng lượng mặt trời, nhằm giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của nắng nóng đồng thời cung cấp năng lượng sạch, phục vụ cho nhu cầu sản xuất, sinh hoạt.

c. Đối với người dân:

- Những người phải làm việc trong thời tiết nắng nóng cần bố trí thời gian làm việc vào lúc trời mát như vào sáng sớm hoặc chiều muộn, hạn chế thời gian làm việc trong môi trường nhiệt độ cao. Nếu bắt buộc phải làm việc, không nên làm việc quá lâu trong môi trường nóng bức, tránh các hoạt động thể lực quá sức. Sau khoảng 45 phút đến 1 giờ làm việc, người dân nên nghỉ ngơi ở nơi thoáng mát trong khoảng từ 15-20 phút.

- Khi phải làm việc trong môi trường nắng nóng, người dân cần hạn chế tối đa diện tích tiếp xúc của ánh nắng lên cơ thể đặc biệt là vùng vai gáy; sử dụng phương tiện bảo hộ cá nhân phù hợp khi làm việc ngoài trời nắng như quần áo bảo hộ lao động, mũ, nón, kính, quần áo rộng, thoáng mát và thấm mồ hôi, sử dụng thêm các loại kem chống nắng.

- Người dân khi làm việc trong môi trường nắng nóng không sử dụng các loại đồ uống có cồn; cần uống nước đều đặn trong suốt thời gian làm việc, uống thêm các loại nước có bổ sung thêm muối và khoáng chất như Oresol đối với những người bị mất nhiều mồ hôi trong quá trình làm việc, khi uống nước cần tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Đối với trẻ em phụ huynh nên chú ý cung cấp đủ nước và chất điện giải cho con trẻ,

tránh uống nước ngọt, nước đá lạnh. Ngoài ra cần bổ sung rau xanh và trái cây có nhiều vitamin A, C... Bên cạnh đó nên cho trẻ mặc đồ thoáng mát, giảm thời gian tham gia các hoạt động ngoài trời quá lâu có thể tiết nhiều mồ hôi, mất nước và dễ gây bệnh.

3.6.4.2.2. Phương án ứng phó khi xảy ra nắng nóng theo kịch bản 2 (RRTT cấp độ 2)

Các đơn vị, tổ chức triển khai các nội dung ứng phó như kịch bản 1, đồng thời bổ sung các nội dung sau:

- Tăng cường cung cấp kịp thời các bản tin nắng nóng đến với các cơ quan, sở ngành, địa phương và người dân và tăng cường công tác truyền thông hướng dẫn người dân các kỹ năng để bảo vệ sức khỏe khi nắng nóng gay gắt.
- Khuyến cáo người dân hạn chế ra đường trong những ngày nắng nóng gay gắt, khi ra đường phải có biện pháp bảo vệ, che tránh.
- Tổ chức phân luồng giao thông, tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định, đảm bảo cho người dân tham gia giao thông thông suốt, nhất là trong những giờ cao điểm nắng nóng.
- Cơ quan điện lực ưu tiên cung cấp điện cho các khu vực nắng nóng. Rà soát điều chỉnh kế hoạch cung cấp điện trong thời gian nắng nóng, tuyệt đối không cắt điện vào các ngày nắng nóng gay gắt.

3.6.4.3. Công tác triển khai sau khi kết thúc đợt nắng nóng

- Ban Chỉ huy PCTT-TKCN các cấp báo cáo sơ bộ tình hình thiệt hại, kiến nghị hỗ trợ để giúp nhân dân khắc phục hậu quả, ổn định đời sống. Tổng kết, kiểm kê, đánh giá xác định thiệt hại theo đúng quy định và báo cáo về UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai.
- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh, Sở LĐ-TB-XH, Sở KH-ĐT: Cân đối nguồn dự phòng ngân sách tỉnh tham mưu, đề xuất chính sách hỗ trợ người dân vùng bị thiệt hại, chi hỗ trợ cho các địa phương khắc phục thiệt hại để sớm khôi phục lại sản xuất, ổn định cuộc sống; đồng thời, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố giải quyết các chính sách, chế độ trợ giúp cho các đối tượng bị thiệt hại do nắng nóng gây ra.

3.7. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ LŨ, NGẬP LỤT (CẤP ĐỘ RRTT CẤP 1, 2, 3)

3.7.1. Xác định kịch bản ứng phó

Căn cứ theo phân cấp RRTT lũ, ngập lụt tại Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; mực nước báo động lũ trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài, Biên Hoà, trên sông La Ngà tại trạm Phú Hiệp; và số liệu mực nước lũ của các trận lũ lịch sử, đề xuất 03 kịch bản ứng phó với lũ, ngập lụt theo 03 cấp độ RRTT như sau:

- Kịch bản 1: Cấp độ RRTT cấp 1 - Mưa lớn kéo dài, nước lũ từ thượng nguồn đổ về và hồ Trị An xả lũ làm mực nước trên sông Đồng Nai và sông La Ngà dâng cao cụ thể như sau:

+ Khu vực thượng lưu hồ Trị An: Mức nước sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài dâng cao vượt mức BĐ1 dao động từ 112m (BĐ1) đến dưới 112,5m (BĐ2). Mức nước sông La Ngà tại trạm Phú Hiệp vượt mức BĐ1 và duy trì từ 104,5m (BĐ1) đến dưới 105,5m (BĐ2).

+ Khu vực hạ du hồ Trị An: Tổng lưu lượng nước hồ Trị An xả về hạ du là $3.000\text{m}^3/\text{s}$ (ứng với lưu lượng xả lũ lịch sử năm 1999) kết hợp triều cường làm mực nước trên sông Đồng Nai tại trạm Biên Hòa vượt mức BĐ1 và duy trì từ 1,8m (BĐ1) đến dưới 2m (BĐ2).

- Kịch bản 2: Cấp độ RRTT cấp 2- Mưa lớn, nước lũ từ thượng nguồn tiếp tục đổ về, hồ Trị An gia tăng mực nước xả lũ khiến mực nước trên sông Đồng Nai và La Ngà tiếp tục dâng cao cụ thể như sau:

+ Khu vực thượng lưu hồ Trị An: Mực nước tại trạm Tà Lài ở mức $\text{BĐ2} \div \text{BĐ3}$ (112,5÷113m); Mực nước tại trạm Phú Hiệp ở mức $\text{BĐ} \div \text{BĐ3}+1\text{m}$ (105,5÷107,5m).

+ Khu vực hạ du hồ Trị An: Tổng lưu lượng nước hồ Trị An xả về hạ du là $6.000\text{m}^3/\text{s}$ (tần suất 10%) kết hợp triều cường làm mực nước trên sông Đồng Nai tại trạm Biên Hòa vượt mức BĐ2 và duy trì từ 2m (BĐ2) đến dưới 3,2m ($\text{BĐ3}+1\text{m}$).

- Kịch bản 3: Cấp độ RRTT cấp 3

+ Khu vực thượng lưu hồ Trị An: Mưa lớn kéo dài phía thượng nguồn, các hồ thủy điện thượng lưu là hồ Đồng Nai 5, hồ Đăk Kar xả lũ với lưu lượng tương ứng trận lũ tháng 8/2019 khiến cho mực nước tại trạm Tà Lài trên 113m (vượt mức BĐ3), mực nước trạm Phú Hiệp trên 107,5m (vượt mức $\text{BĐ3}+1\text{m}$).

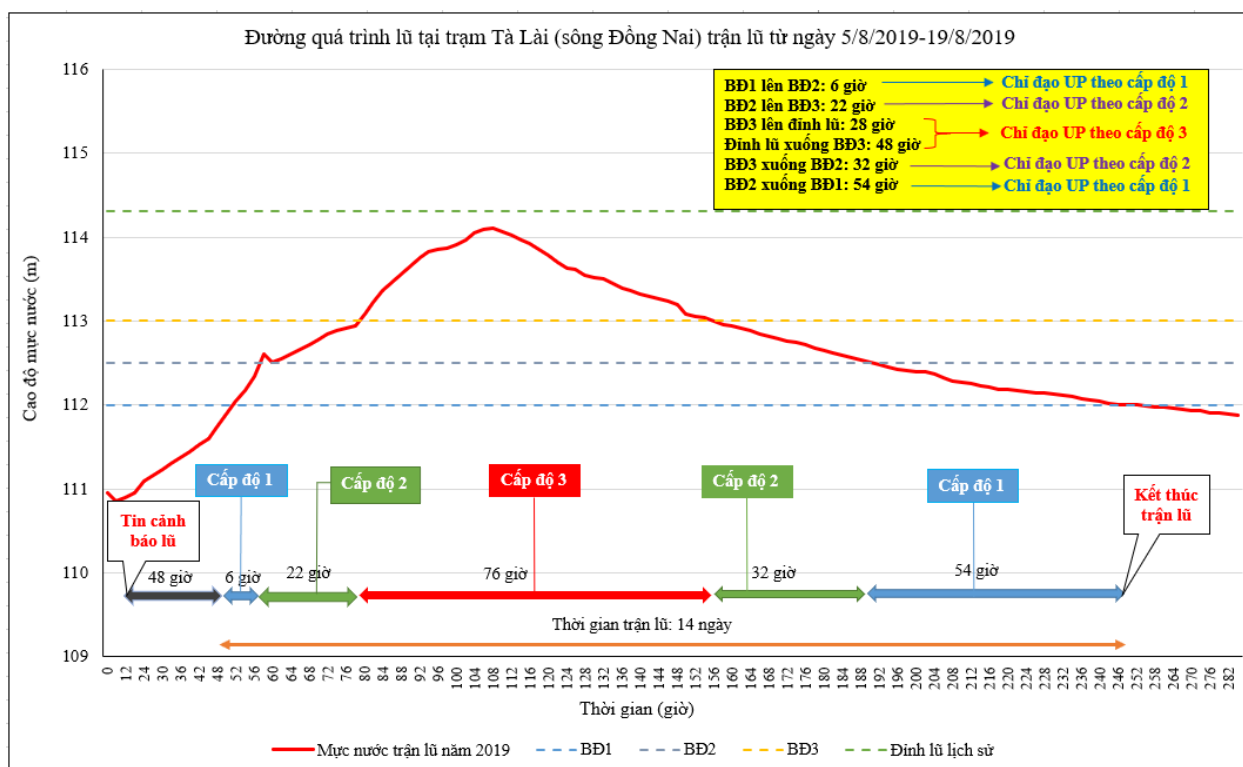
+ Khu vực hạ du hồ Trị An: Tổng lưu lượng nước Hồ Trị An xả về hạ du là $9.500\text{m}^3/\text{s}$ (tần suất 3%) khiến mực nước trạm Biên Hòa vượt trên 3,2m (vượt mức $\text{BĐ3}+1\text{m}$).

3.7.2. Thời điểm ứng phó

Tỉnh Đồng Nai có mạng lưới sông suối dày đặc bao gồm cả các hệ thống sông lớn liên tỉnh (sông Bé, sông Đồng Nai, Sông La Ngà,...) và các sông suối nội vùng. Địa bàn tỉnh Đồng Nai nằm ở hạ du của nhiều hồ thủy điện lớn trên lưu vực như hồ Trị An, Đồng Nai 5, Đa Mi – Hàm Thuận,... Nguy cơ ngập lụt do lũ thượng nguồn và các hồ thủy điện xả lũ là thường trực trong mùa mưa hàng năm. Thực tế, trong vòng 5 năm gần nhất, có 3 năm xuất hiện lũ lớn trên sông Đồng Nai, La Ngà đã gây ra ngập lụt tại một số địa phương nằm dọc sông làm thiệt hại lớn đến sinh hoạt và sản xuất của người dân. Do đó, với phương châm "phòng là chính", trước mùa mưa lũ hàng năm (trước tháng 8), công tác phòng chống lũ, ngập lụt phải được các địa phương, ban, ngành và người dân triển khai nghiêm túc để nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại khi có lũ xảy ra.

Thời điểm cụ thể triển khai phương án ứng phó với một trận lũ, ngập lụt là khi có bản tin cảnh báo lũ trên các sông Đồng Nai, La Ngà có khả năng lên mức báo động 1 và còn tiếp tục lên hoặc xuất hiện lũ bất thường trước 48h. Căn cứ theo diễn biến tiếp theo và xu thế lũ trên sông để xác định cấp độ rủi ro thiên tai lũ, ngập lụt và triển khai nội dung

phương án ứng phó tương ứng. Minh họa quá trình ứng phó với lũ, ngập lụt theo diễn biến trận lũ thể hiện trong hình 3.1 dưới đây.



Hình 3.1: Ví dụ minh họa các giai đoạn ứng phó trong 1 trận lũ theo các cấp độ RRTT (Quá trình lũ tại trạm thủy văn Tà Lài trên sông Đồng Nai, trận lũ tháng 8/2019)

Lưu ý, khi tình huống lũ xảy ra bất ngờ (sự cố công trình hồ đập phía thượng nguồn gây ra lũ lớn) và lũ lên nhanh đột ngột (một số bước đầu trong trình tự trên diễn ra trong thời gian quá ngắn), triển khai luôn phương án ứng phó tương ứng với cấp độ RRTT được xác định tại thời điểm thiên tai xảy ra như trong Phương án này.

Các cấp mực nước báo động (BD) lũ trên sông sử dụng làm căn cứ xác định cấp độ rủi ro thiên tai lũ, ngập lụt và thời điểm ứng phó dựa theo 3 trạm thủy văn gồm:

- Trạm Tà Lài (thuộc khu vực 3): BD1 = 112m; BD2 = 125,5m; BD3 = 113m;
- Trạm Phú Hiệp (thuộc khu vực 2): BD1 = 104,5m; BD2 = 105,5m; BD3 = 106,5m;
- Trạm Biên Hoà (thuộc khu vực 2): BD1 = 1,8m; BD2 = 2,0m; BD3 = 2,2m.

3.7.3. Xác định phạm vi và đối tượng ảnh hưởng

Căn cứ xác định phạm vi và mức độ ảnh hưởng theo 3 kịch bản lũ được dựa trên các yếu tố sau:

- Dữ liệu các trận lũ lịch sử, dữ liệu thống kê ảnh hưởng do lũ, ngập lụt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Kết quả phân tích đặc điểm địa hình, địa vật từ các bản đồ số hóa đã thu thập;

(iii). Kết quả dự báo ngập lụt vùng hạ du hồ thủy điện Trị An theo các kịch bản xả lũ (Nguồn: Phương án phòng, chống lũ lụt vùng hạ du đập thủy điện Trị An năm 2014 do Sở NN-PTNT tỉnh Đồng Nai cung cấp năm 2023).

Phạm vi và mức độ ảnh hưởng do lũ, ngập lụt theo 03 kịch bản dự báo:

- Kịch bản 1: RRTT cấp 1 ảnh hưởng đến 04 huyện/TP gồm Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, gây ngập trên diện tích 18.346 ha và 7.419 căn nhà;
- Kịch bản 2: RRTT cấp 2 ảnh hưởng đến 07 huyện/TP gồm Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, gây ngập trên diện tích 25.476 ha và 21.561 căn nhà;
- Kịch bản 3: RRTT cấp 3 ảnh hưởng đến 07 huyện/TP gồm Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, gây ngập trên diện tích 29.939 ha và 29.149 căn nhà.

Kết quả xác định phạm vi và mức độ ảnh hưởng do lũ, ngập lụt theo 03 kịch bản dự báo được tổng hợp trong Bảng 3.3 (Chi tiết trong Phụ lục 4.3, Phần phụ lục) và số lượng dân cư cần di tản được tổng hợp trong Bảng 3.4 (Phương án di tản chi tiết trong Phụ lục 5.2, Phần phụ lục).

Bảng 3.3: Tổng hợp phạm vi ảnh hưởng lũ, ngập lụt theo các cấp độ RRTT

Huyện/Tp	Số khu vực bị ảnh hưởng	RRTT cấp 1		RRTT cấp 2		RRTT cấp 3	
		Diện tích ngập (ha)	Số nhà bị ngập (căn)	Diện tích ngập (ha)	Số nhà bị ngập (căn)	Diện tích ngập (ha)	Số nhà bị ngập (căn)
Toàn tỉnh		18.346	7.419	25.476	21.561	29.939	29.149
Biên Hòa	23 xã/phường -83 điểm ngập	4.959	5.579	6.063	17.974	6.963	21.944
Long Thành	3 xã/TT – 13 điểm	2.445	140	2.569	273	2.726	713
Nhơn Trạch	10 xã/TT – 15 điểm	9.175	0	9.567	265	9.628	690
Vĩnh Cửu	9 xã - 23 điểm	1.767	1.700	6.283	2.997	7.432	3.033
Tân Phú	8 xã – 19 điểm	0	0	640	35	1.802	926
Định Quán	10 xã – 6 điểm	0	0	94	5	1.208	1.775
Xuân Lộc	2 xã – 2 điểm	0	0	180	12	180	68

Bảng 3.4: Tổng hợp số liệu dân cư cần di tản theo các độ RRTT

TT	Huyện/Tp	RRTT cấp 1		RRTT Cấp 2		RRTT Cấp 3	
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)
1	Xuân Lộc			12	53	68	287
2	Long Thành	140	510	273	822	713	2.557
3	Định Quán	-	-	5	15	1.775	8.875

TT	Huyện/Tp	RRTT cấp 1		RRTT Cấp 2		RRTT Cấp 3	
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)
4	Tân Phú	-	-	35	167	926	3.1018
5	Biên Hòa	5.579	25.098	17.974	74.618	21.944	89.869
6	Vĩnh Cửu	1.700	7.012	2.997	12.097	3.033	12.142
7	Nhon Trạch	-	-	265	1.040	690	2.440
Tổng		7.419	32.620	21.561	88.812	29.149	120.088

3.7.4. Nội dung phương án ứng phó

3.7.4.1. Công tác phòng ngừa, chuẩn bị trước mùa mưa lũ hàng năm

❖ Đối với ban chỉ huy PCTT-TKCN các cấp:

Đề chủ động ứng phó với tình hình thời tiết xấu, thiên tai xảy ra, trước mùa mưa lũ, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN các cấp cần thực hiện một số nội dung sau:

- Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của cấp trên trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của địa phương.

- Tiếp tục rà soát, kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT-TKCN các cấp, các ngành, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên phụ trách địa bàn và lĩnh vực.

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức, với nội dung đa dạng về các văn bản pháp luật, chính sách nhà nước về phòng chống thiên tai, vận động người dân tham gia bảo vệ nguồn nước, môi trường, không lấn chiếm, không trồng cây và đổ rác thải xuống kênh mương, sông suối gây cản trở dòng chảy.

- Chủ động cập nhật diễn biến tình hình thời tiết để chủ động trong công tác phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai.

- Cập nhật, theo dõi thường xuyên các bản tin dự báo trước 10 giờ hàng ngày của Công ty Thủy điện Trị An báo cáo theo quy chế phối hợp đã được ban hành. Nội dung bản tin dự báo gồm lưu lượng đến hồ, mực nước hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới (nếu có).

- Tổ chức tổng kết đánh giá công tác PCTT-TKCN; xây dựng và triển khai phương án PCTT-TKCN hằng năm, chú trọng các vùng trọng điểm thường xảy ra thiên tai theo phương châm “bốn tại chỗ”.

- Chủ động theo dõi diễn biến thời tiết, diễn biến tại các điểm nguy cơ sạt lở trên địa bàn để chủ động phương án, di dời người và tài sản đến nơi an toàn.

- Kiểm tra, đôn đốc việc thi công các dự án về thủy lợi, PCTT đảm bảo tiến độ và an toàn trong mùa mưa bão.

- Rà soát, tổng hợp trang thiết bị hiện có (*xuồng, ca nô, áo phao, phao tròn,...*) phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn; chủ động tu sửa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị đảm bảo hoạt động bình thường; bổ sung trang thiết bị cần thiết.

- Rà soát, thống kê các hộ dân trong khu vực nguy hiểm thường xảy ra ngập lụt sâu, lốc xoáy, sạt lở đất để có phương án di dời đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức đề phòng thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Quán triệt phương châm “Chủ động phòng tránh; ứng phó kịp thời; khắc phục khẩn trương và hiệu quả trong đó lấy phòng tránh là chính trên cơ sở phát huy phương châm “04 tại chỗ”. Chủ động công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức của người dân khắc phục bệnh chủ quan, bị động nhằm giảm thiểu mức thấp nhất hậu quả xảy ra.

- Sở NN-PTNT tỉnh phối hợp với các đơn vị và địa phương tổ chức khảo sát hiện trường, kiểm tra hiện trạng chất lượng và công tác đảm bảo an toàn công trình thủy lợi trên địa bàn; tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá an toàn công trình thủy lợi trước mùa mưa lũ và báo cáo kết quả về UBND tỉnh và Bộ NN-PTNT theo quy định.

- Đối với Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai, Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp các huyện/TP và các đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy lợi khác: Bố trí lực lượng đủ năng lực chuyên môn để quản lý, vận hành các công trình theo quy định. Thường xuyên tổ chức kiểm tra công trình ngay cả khi không có mưa bão. Tăng cường theo dõi, cập nhật dự báo khí tượng thủy văn. Tổ chức vận hành thử các công trình bơm tiêu, cống tiêu, cửa van, thiết bị phục vụ xả lũ các hồ chứa nước và bố trí đầy đủ vật tư, thiết bị dự phòng, bảo đảm kịp thời sửa chữa, thay thế trong trường hợp gặp sự cố. Nạo vét, khơi thông hệ thống kênh tiêu để chủ động tiêu úng, thoát lũ.

- Các ngành, các xã, thị trấn hoàn thiện phương án phòng tránh, ứng phó với thiên tai trong các giai đoạn: trước, trong và sau thiên tai thuộc phạm vi ngành, địa phương phụ trách. Đảm bảo phương án phải phù hợp với đặc điểm tình hình của ngành, địa phương; đồng thời triển khai phương án chi tiết, rộng rãi đến cán bộ, nhân dân được biết và chủ động thực hiện; báo cáo kết quả triển khai thực hiện phương án về Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN huyện để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh.

❖ Đối với cộng đồng:

- Thường xuyên theo dõi các bản tin dự báo, cảnh báo về diễn biến mưa lũ trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thực hiện theo các văn bản của UBND, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh qua sự hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp của chính quyền địa phương.

- Tổ chức gia cố đê bao, bờ bao NTTS, đập, cống, bọng ... để bảo vệ sản xuất, chuẩn bị các phương tiện bơm tát sẵn sàng bơm tiêu chống úng đối với các vùng sản xuất nông nghiệp, vùng trũng, thấp có nguy cơ gây ngập úng.

- Sẵn sàng thực hiện theo các phương án sơ tán, di dời dân dưới sự chỉ đạo của chính quyền địa phương, đồng thời tham gia cùng chính quyền địa phương trong công tác phòng, chống lũ lụt, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội nơi ở và nơi sơ tán đến.

- Thực hiện một số giải pháp cụ thể để bảo vệ sản xuất như sau:

+ Đối với NTTS: Tiến hành bồi trúc, gia cố bờ bao khu vực nuôi, lồng bè làm rào chắn để tránh thất thoát; chủ động di dời các lồng, bè đến nơi an toàn để tránh va đập và dòng chảy mạnh cũng như phải tháo dỡ chòi canh, nhà ở trên lồng, bè để giảm tác động của gió, tuyệt đối không được để cho người ở lại trên lồng, bè; Giảm lượng thức ăn, kiểm tra thường xuyên các yếu tố môi trường để kịp thời xử lý; tiếp tục thu hoạch trước khi lũ về đối với các ao nuôi, lồng bè đã đạt kích cỡ thu hoạch hoặc không đủ điều kiện an toàn khi có mưa, lũ.

+ Đối với sản xuất lúa: Tập trung nhân lực, phương tiện sẵn có để thu hoạch ngay các diện tích lúa đã đến thời kỳ thu hoạch, diện tích còn lại chưa thu hoạch kịp thì bơm tát, rút cạn nước trên mặt ruộng để tránh làm giảm chất lượng hạt gạo do mưa lớn có thể kèm theo gió, lốc mạnh đi qua gây đổ ngã, ngập úng, chờ bão tan thì tiến hành thu hoạch ngay. Riêng các diện tích mới gieo sạ, hoặc đang giai đoạn trổ bông, cần chủ động rút nước ở ruộng, kênh rạch phù hợp với tình hình của từng địa phương, chuẩn bị các phương tiện để tiêu úng kịp thời.

+ Đối với diện tích cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ mùa trên đất chuyên màu, chú trọng tiêu thoát nước khi mưa lớn; tập trung chăm sóc sớm những diện tích đã gieo trồng, bảo đảm cho cây sinh trưởng phát triển tốt.

+ Đối với cây ăn trái: cắt tỉa cành cây để hạn chế đổ ngã, giảm thiệt hại do bão gây ra; chuẩn bị các phương tiện để tiêu úng kịp thời; đối với loại cây thân giả như chuối thì dùng cây chống đỡ, những cây có thân yếu, bộ tán nặng, cây đang ra trái thì cần phải cắm cọc để giữ cây.

+ Đối với chăn nuôi gia súc, gia cầm: kiểm tra, chằng chống lại chuồng trại, đảm bảo vững chắc, mái chuồng phải gia cố để hạn chế bị tốc mái khi có bão, kiểm tra lại rèm che để tránh mưa tạt, gió lùa vào chuồng nuôi; tăng cường chăm sóc vật nuôi để chống dịch bệnh; hạn chế chăn thả; dự trữ thức ăn, một số hóa chất khử trùng nước để đảm bảo đủ nước sạch cho vật nuôi uống, một số vật tư thuốc thú y cần thiết; chủ động phương án thấp sáng và sưởi ấm dự phòng để giữ ấm cho vật nuôi.

3.7.4.2. Công tác ứng phó giai đoạn trước thiên tai

Giai đoạn trước thiên tai tính từ khi Tổng Cục KTTV phát hành bản tin cảnh báo lũ trên sông Đồng Nai, sông La Ngà tại các trạm thủy văn Tà Lài, Phú Hiệp, Biên Hoà, Trị An đến thời điểm mực nước lũ trên sông vượt mức BĐ1. Các hành động cụ thể ứng phó trong giai đoạn này như sau:

- Toàn bộ hoạt động của các sở, ngành, huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn chuyển sang trạng thái sẵn sàng ứng phó.

- Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh tổ chức trực ban liên hệ chặt chẽ với Đài KTTV tỉnh để thường xuyên cập nhật thông tin tình hình thời tiết, khí tượng, thủy văn trong tỉnh, cảnh báo trước đến các sở, ngành, các huyện, thành phố và thông qua

phương tiện truyền thông đến các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, nhất là nhân dân đang sinh sống tại các khu vực xung yếu, ven sông, vùng trũng thấp.

- Sở NN-PTNT:

+ Phối hợp với UBND các huyện, thành phố tiến hành kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện thủy lợi, tháo vở chà nò vật cản trên sông khai thông dòng chảy. Đặc biệt là các tuyến suối, rạch trên địa bàn thành phố Biên Hoà;

+ Chỉ đạo các ngành chuyên môn kiểm tra hiện trạng công trình thủy lợi nhất là trên các tuyến dân cư, các đê bao, cống, bọng bảo vệ vườn cây ăn trái, vùng nuôi trồng thủy sản để xác định các điểm xung yếu, bị lũ tràn, khẩn trương tu bổ, nâng cấp, bồi đắp, sửa chữa gia cố trước khi lũ về.

+ Khuyến cáo người dân khẩn trương thu hoạch lúa, hoa màu chính vụ chạy lũ. Thống kê, rà soát lại số diện tích cây trồng có nguy cơ bị lũ lụt. Chuẩn bị máy bơm dầu hoặc điện sẵn sàng bơm tiêu chống úng khi cần. Chuẩn bị nguồn dự trữ giống khi cần thiết để cấp cho dân khôi phục sản xuất sau lũ.

+ Phối hợp với UBND các huyện tiến hành kiểm tra việc thực hiện các giải pháp phòng, chống lũ cho các bè nuôi thủy sản trên sông và lòng hồ thủy điện Trị An.

- Bộ CHQS tỉnh, Công an tỉnh, Sở GT-VT, Tỉnh Đoàn phối hợp chặt chẽ với các đơn vị tỉnh và chính quyền địa phương trọng điểm sẵn sàng phương án triển khai lực lượng, phương tiện hỗ trợ người dân thu hoạch lúa, hoa màu chạy lũ và tổ chức sơ tán, di dời dân và tài sản của dân tại các khu vực ngập sâu, bị chia cắt đến nơi tạm cư, trợ giúp nhân dân đi lại an toàn.

- Sở Công Thương có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc các doanh nghiệp thuộc ngành (Doanh nghiệp kinh doanh xăng, dầu, lương thực, thực phẩm, hàng hóa tiêu dùng khác...) để phục vụ ứng cứu kịp thời khi có sự cố thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh, không để người dân thiếu đói.

- Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai chuẩn bị phương án kịp thời cắt điện tại những nơi bị ngập sâu; bảo vệ hệ thống truyền tải, thiết bị điện, trạm biến thế, hướng dẫn việc sử dụng điện an toàn trong tình trạng ngập nước, đồng thời xử lý khắc phục nhanh chóng sự cố đường dây tải điện bị hư hỏng để đảm bảo điện sinh hoạt cho khu vực ảnh hưởng.

- Sở GT-VT tổ chức phối hợp với các huyện, thị xã, thành phố kiểm tra các tuyến đường giao thông, phát hiện kịp thời các vị trí đã xuống cấp (chân ta luy đường, mố cầu đã bị sạt lở, v.v...) để tiến hành đưa ra giải pháp duy tu, sửa chữa trước mùa lũ, nhằm đảm bảo thông đường, thông tuyến trong thời gian lũ, lụt, triều cường. Dự trữ vật tư phục vụ bảo vệ các công trình giao thông, chuẩn bị biển báo, biển cấm phương tiện lưu thông trên các tuyến đường không đảm bảo an toàn. Có phương tiện để sẵn sàng phục vụ vận chuyển di dời dân tránh lũ (khi có lệnh).

- UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở TN-MT và các đơn vị liên quan kiểm tra và có giải pháp xử lý an toàn không để phát tán nguồn ô nhiễm, chất độc hại (hóa chất, xăng dầu, rác thải...) ra môi trường.

- Sở Xây dựng phối hợp với UBND huyện, thành phố triển khai thực hiện việc hướng dẫn, kiểm tra, xử lý đảm bảo an toàn công trình, nhà ở, nhà tập thể cũ, xuống cấp, nhất là những công trình ngầm, công trình có dấu hiệu nứt, lún, nghiêng do bị ngập úng.

- Sở Y tế tỉnh chuẩn bị vật tư, thiết bị đảm bảo sẵn sàng triển khai công tác cấp cứu, điều trị cho người bị nạn, phòng chống dịch bệnh do thiên tai gây ra và bảo đảm công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Sở GD-ĐT theo dõi, nắm bắt tình hình ngập úng, chia cắt để thông báo quyết định cho học sinh nghỉ học kịp thời.

- Sở TT-TT chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện phương án, kế hoạch đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, bảo vệ đường dây viễn thông an toàn khi xảy ra ngập úng.

- Đài PT-TH tỉnh kịp thời thông tin và cảnh báo tình hình thời tiết, các bản tin cảnh báo, dự báo lũ và các vùng xung yếu, thông báo hướng dẫn giao thông của cơ quan chức năng để các tổ chức, nhân dân biết và chủ động tự phòng, chống và ứng phó.

- Đối với Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai, Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp các huyện/TP và các đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy lợi khác: Tổ chức lực lượng trực ban tại các công trình hồ chứa nước. Theo dõi, cập nhật dự báo khí tượng thủy văn. Chuẩn bị vật tư, thiết bị sẵn sàng ứng phó sự cố. Thông báo tình trạng hoạt động vận hành của công trình đến Ban chỉ huy PCTT-TKCN của Công ty để báo cáo lên Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp tỉnh hàng ngày.

- UBND huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn trực tiếp quản lý địa bàn phải luôn quán triệt phương châm “Bốn tại chỗ” trong giai đoạn phòng, chống ngay tại cơ sở để có kế hoạch tổ chức tốt công tác kiểm tra thực địa trước mùa mưa lũ. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến kịp thời các phương án, biện pháp chủ động phòng, chống của địa phương đến các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn để sẵn sàng thích ứng, tránh tình trạng bị động, lúng túng hoặc bất ổn, hoang mang khi đối phó, xử lý tình huống sự cố thiên tai, nhất là ngập úng:

+ Chuẩn bị lực lượng, phương tiện: các sở, ngành, các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn khẩn trương chuẩn bị kế hoạch huy động lực lượng, phương tiện, vật tư tại chỗ của đơn vị, địa phương mình, nắm chắc các phương tiện, trang thiết bị hiện có do các đơn vị trực thuộc quản lý và các phương tiện, trang thiết bị trưng dụng trong nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để kịp thời huy động ứng cứu khi cần thiết. Toàn bộ hoạt động của các sở, ngành, huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn chuyển sang trạng thái sẵn sàng ứng phó.

+ Tổ chức trực ban 24/24 giờ để nắm chắc diễn biến tình hình mưa lớn, lũ, ngập lụt và triển khai các phương án ứng phó của địa phương, đơn vị mình. Cơ quan Thường trực

Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh xác định các khu vực bị cô lập, ngập sâu để tập trung huy động lực lượng, phương tiện, vật tư chi viện cho huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn để xử lý tình huống giảm thiểu ngập úng, sơ tán, di dời, cứu trợ khẩn cấp.

+ Chủ động phương án phối hợp với lực lượng vũ trang, lực lượng chi viện, hỗ trợ của cấp trên và huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ tổ chức cứu nạn, cứu hộ, cứu sập, cháy nổ; chủ động sơ tán, di dời dân ở các khu vực ngập sâu, bị chia cắt đến nơi tạm cư an toàn đã được xác định, đảm bảo cung cấp các dịch vụ hậu cần trước hết là lương thực, nhu yếu phẩm, nước sạch, ánh sáng, thuốc men, chăm sóc sức khỏe cho người dân, vệ sinh môi trường, phòng dịch, bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

+ Chỉ đạo các Bệnh viện, Trung tâm Y tế dự phòng huyện, thành phố, Trạm Y tế các xã, phường, thị trấn huy động lực lượng y, bác sỹ tại chỗ, phương tiện, thiết bị, thuốc men để sẵn sàng tham gia công tác ứng phó khi thiên tai xảy ra.

+ Chuẩn bị nhiên liệu, huy động máy bơm nước cơ động của các cơ quan, đơn vị và cá nhân trên địa bàn huyện, TP, xã, phường, thị trấn để thực hiện bơm chống ngập úng.

- Đối với người dân:

+ Theo dõi tình hình khí tượng thủy văn và các thông báo của chính quyền qua Đài phát thanh Truyền hình và hệ thống truyền thanh xã, phường, thị trấn.

+ Đối với các hộ dân trên đất liền: Nhanh chóng thu hoạch lúa, hoa màu chạy lũ. Gia cố chuồng trại, đảm bảo an toàn cho vật nuôi.

+ Đối với các hộ thả nuôi trên lòng hồ, lòng sông: Di chuyển các bè nuôi và khu vực an toàn. Khẩn trương thu hoạch trước khi lũ về đối với các ao nuôi, lồng bè đã đạt kích cỡ thu hoạch hoặc không đủ điều kiện an toàn khi có mưa, lũ.

+ Nhanh chóng gia cố, nâng cấp bờ bao còn thấp trên phần đất của mình. Sẵn sàng đóng góp vật tư, vật liệu được chuẩn bị tại chỗ theo sự phân công của chính quyền để hộ đề khi có yêu cầu.

+ Chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, thuốc và vật dụng cứu thương gia đình. Kiểm tra thiết bị điện trong nhà, di dời các hóa chất, thuốc trừ sâu ra khỏi nơi có nguy cơ bị ngập; tổ chức chằng chống và kê kích nhà cửa.

+ Có trách nhiệm đảm bảo an toàn về người và phương tiện, tuân thủ các quy định về điều kiện an toàn đối với hoạt động của các bến đò ngang, đò dọc. Chủ động dừng hoạt động trên sông khi thấy không an toàn.

+ Đối với người dân ở những vùng nguy hiểm (vùng thấp trũng, vùng nguy cơ sạt lở cao) cần chuẩn bị sơ tán khi có lệnh để đảm bảo an toàn.

+ Báo cáo ngay cho chính quyền địa phương khi phát hiện thấy những sự cố hư hỏng công trình có thể gây nguy hiểm (đê, kè, cống, bơm, trụ điện...).

3.7.4.3. Công tác ứng phó trong giai đoạn thiên tai diễn ra

3.7.4.3.1. Giai đoạn lũ trên các sông ở mức BĐ1 đến BĐ2 (Cấp độ RRTT cấp 1)

a) Tình hình, diễn biến lũ:

Tình hình lũ cụ thể như sau:

- Khu vực thượng lưu hồ Trị An: Mức nước sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài dâng cao vượt mức báo động 1 duy trì từ 112m (BD1) đến dưới 112,5m (BD2). Mức nước sông La Ngà tại trạm Phú Hiệp vượt mức BD1 và duy trì từ 104,5m (BD1) đến dưới 105,5m (BD2);

- Khu vực hạ lưu hồ Trị An: Tổng lưu lượng nước hồ Trị An xả về hạ du là $3.000\text{m}^3/\text{s}$ (ứng với lưu lượng xả lũ lịch sử năm 1999) kết hợp triều cường làm mực nước trên sông Đồng Nai tại trạm Biên Hòa vượt mức BD1 và duy trì từ 1,8m (BD1) đến dưới 2m (BD2).

Với mực nước sông trong tình huống kể trên, khả năng ảnh hưởng tại các khu vực như sau:

- Khu vực thượng lưu hồ Trị An: trên địa bàn các huyện Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc có khả năng bị ngập nhẹ tại một số khu vực trung thấp ven sông nhưng chưa ảnh hưởng tới nhà dân và công trình kiến trúc khác.

- Đối với khu vực hạ du hồ Trị An thuộc địa bàn các huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch và TP Biên Hòa sẽ có nhiều khu vực bị ngập sâu, trong đó:

+ Huyện Vĩnh Cửu: 9/12 xã/thị trấn của huyện bị ảnh hưởng lũ trong đó có 1.700 hộ dân và 7.012 người dân phải sơ tán tập trung

+ Tp Biên Hòa: 21/30 xã/phường bị ảnh hưởng với 5.579 hộ dân cùng 25.098 nhân khẩu cần di tản tập trung.

+ Huyện Long Thành: 2 xã ven sông bị ảnh hưởng nhà dân với 140 hộ và 510 nhân khẩu cần sơ tán tập trung. Thị trấn Long Thành bị ảnh hưởng về đất sản xuất.

+ Huyện Nhơn Trạch: 10/12 xã/thị trấn trên địa bàn huyện bị ảnh hưởng tuy nhiên chưa có nhà dân bị ngập cần sơ tán tập trung.

b) Phương án sơ tán dân

Theo quy tình vận hành hồ Trị An, Trưởng Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm quyết định việc vận hành xả lũ lưu lượng lớn của hồ. Trước thời điểm xả lũ 24h, thường trực Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh Đồng Nai căn cứ phạm vi và mức độ ảnh hưởng đã dự báo để đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh kiêm Trưởng Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh phát lệnh sơ tán dân và kết thúc việc sơ tán dân trước thời điểm hồ vận hành xả lũ.

Các khu vực dân cư bị ngập sâu có số lượng nhà dân bị ngập, số lượng người cần sơ tán và điểm tránh trú được thể hiện chi tiết trong Phụ lục 5.2, Phần phụ lục.

Quy trình sơ tán dân thực hiện tương tự như phương án sơ tán dân trong tình huống Bão/ATNĐ đổ bộ trực tiếp vào địa bàn tỉnh Đồng Nai đã được trình bày chi tiết trong Mục 3.3.4.4.

c) Công tác chỉ huy, chỉ đạo tại chỗ

❖ Đối với Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp tỉnh:

- Tổ chức cán bộ trực ban 24/24h để nắm bắt tình hình, diễn biến lũ tại các địa phương báo về. Cử cán bộ phụ trách theo từng địa bàn đã được phân công xuống trực tiếp tại hiện trường để hỗ trợ chỉ đạo, đôn đốc thực hiện công tác ứng phó cũng như nắm bắt tình hình thực tế để báo cáo với lãnh đạo Ban chỉ huy PCTT-TKCN Tỉnh.

- Cơ quan Thường trực Ban PCTT-TKCN Tỉnh liên hệ chặt chẽ với Đài KTTV tỉnh thường xuyên cập nhật thông tin tình hình thời tiết, và diễn biến lũ trên các sông lớn, phát đi các tin cảnh báo lũ đến các địa phương, đơn vị để thông tin cho người dân trong tỉnh.

- Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh chủ động liên hệ với Công ty Thủy điện Trị An để nắm thông tin lưu lượng vận hành xả lũ để có triển khai các phương án ứng phó hoặc thông tin tới các Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp theo từng tình huống.

❖ Đối với Ban chỉ huy PCTT-TKCN 7 huyện/TP trong vùng ảnh hưởng

- Ban chỉ huy PCTT-TKCN huyện/TP chuyển sang trạng thái ứng phó và trực tiếp chỉ đạo các phường - xã - thị trấn trên địa bàn tập trung huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị phục vụ ứng phó.

- Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN phối hợp với phòng Kinh tế - Hạ tầng, Quản lý đô thị hoặc Phòng NN-PTNT và UBND các xã/phường xác định các khu vực bị cô lập, ngập sâu để tập trung huy động lực lượng, phương tiện, vật tư chi viện đúng mức cho địa phương để xử lý giảm thiểu ngập, sơ tán, di dời, cứu trợ khẩn cấp.

- Các thành viên Ban Chỉ huy PCTT-TKCN trực tiếp xuống địa bàn được phân công phụ trách; lãnh đạo UBND các phường - xã - thị trấn trực tiếp xuống các khu vực xung yếu để kiểm tra và chỉ đạo triển khai công tác ứng phó ngập lụt.

- Tổ chức trực ban 24/24 giờ để nắm chắc diễn biến tình hình mưa lớn, triều cường, xả lũ và triển khai các phương án ứng phó của địa phương, đơn vị mình.

- Ban CHQS các huyện/TP, Công an Huyện/Thành phố, Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng quản lý đô thị, Phòng NN-PTNT, đoàn thanh niên phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trọng điểm triển khai lực lượng, phương tiện (xe tải, xe buýt, ca nô, tàu, thuyền, xuồng...) tổ chức sơ tán, di dời dân và tài sản của nhân dân tại các khu vực ngập sâu, bị chia cắt đến nơi tạm cư, trợ giúp nhân dân đi lại an toàn. Tổ chức trực ban nghiêm túc, tiếp nhận mọi thông tin do người dân cung cấp thông qua tổng đài 114 để triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra ngập lụt kịp thời, hiệu quả, đặc biệt là tại các khu vực bị ngập sâu.

- Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế - Hạ tầng hoặc Phòng NN-PTNT các huyện/TP, Công an huyện/TP (Đội Cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ), Trung tâm dịch vụ nông nghiệp các huyện triển khai lực lượng, vận hành trạm bơm, máy bơm (cố định, cơ động) để bơm chống ngập tại các khu vực bị ngập sâu, chú trọng đến các cánh đồng lúa, khu dân cư tập trung, bệnh viện, trường học, chợ, kho tàng...

- Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện/TP, Công an huyện/TP: Tổ chức kiểm tra lại các tuyến đường giao thông trọng điểm, phát hiện kịp thời các phát hiện các khu vực ngập, sạt lở để tiến hành thực hiện các giải pháp khẩn cấp nhằm đảm bảo thông đường, thông tuyến trong suốt thời gian thiên tai xảy ra. Chỉ đạo các đội duy tu sửa chữa, điều động lực lượng giải quyết nhanh, đặc biệt lưu ý những trục giao thông chính đảm bảo vận chuyển người, lương thực....

- Công an huyện/TP triển khai các lực lượng để bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, các công trình trọng điểm, tài sản của nhân dân, Nhà nước và doanh nghiệp, ngăn ngừa các đối tượng xấu lợi dụng tình hình thiên tai để trộm cắp, cướp giật; chỉ đạo lực lượng Cảnh sát cơ động, Cảnh sát giao thông triển khai lực lượng phân luồng, điều phối, hướng dẫn giao thông tại các tuyến đường nguy hiểm, để người dân biết và hạn chế đi lại; đảm bảo giao thông huyết mạch tại các tuyến đường quan trọng, phục vụ công tác di dời dân, cứu hộ, cứu nạn, cứu sập, cứu trợ xã hội,...

- Điện lực các huyện/TP kịp thời cắt điện tại những nơi bị ngập sâu; bảo vệ hệ thống truyền tải điện, trạm biến thế, hướng dẫn việc sử dụng điện an toàn trong tình trạng ngập nước; đồng thời, xử lý khắc phục nhanh chóng sự cố đường dây tải điện bị hư hỏng để đảm bảo điện sinh hoạt cho khu vực ảnh hưởng.

- Phòng Y tế, Hội Chữ thập đỏ: huy động dụng cụ, trang thiết bị, thuốc men, hóa chất khử trùng, khẩu trang y tế... cho các địa điểm sơ tán dân, các khu vực cách ly, các bệnh viện; sẵn sàng lực lượng và có biện pháp đảm bảo an toàn cho lực lượng được huy động.

- Phòng GD-ĐT khảo sát tình hình ngập lụt, chia cắt để tham mưu UBND ra quyết định cho học sinh nghỉ học kịp thời.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện/TP cùng các xã, thị trấn tổ chức cứu trợ về lương thực, thực phẩm, thuốc men tại các khu vực sơ tán.

❖ **Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp xã/phường/thị trấn:**

+ Tổ chức trực ban 24/24 giờ; nắm bắt diễn biến tình hình bão, lũ, xả lũ hồ Trị An để có báo cáo đề xuất xử lý kịp thời;

+ Thông tin liên tục trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở các xã, phường, thị trấn thông tin kịp thời về tình hình thời tiết, tình hình xả lũ đập tràn Thủy điện Trị An, thông tin tuyên truyền về công tác phòng, chống thiên tai đến người dân biết, chủ động thực hiện phòng tránh thiệt hại;

+ Tổ chức lực lượng, phối hợp với các đơn vị hỗ trợ từ cấp trên triển khai sơ tán đơn tại các khu vực bị ngập tới nơi an toàn.

+ Phối hợp với các cơ quan, đơn vị điều tiết phân luồng giao thông đối với các tuyến đường bị ngập lụt; hỗ trợ người và các phương tiện giao thông khi xảy ra sự cố.

+ Tham gia hỗ trợ các cơ quan, đơn vị ứng trực tại các vị trí xung yếu, các vị trí ngập cục bộ, các tuyến đường bị ngập sâu, đặc biệt là đối với các vị trí cống thoát nước không có tấm lưới chắn rác, hố ga không có nắp hoặc bị hư hỏng.

+ Bố trí biển báo nguy hiểm tại các điểm cầu dân sinh bắc qua các sông suối có dòng nước chảy xiết. Bố trí cán bộ túc trực trong suốt thời gian mưa lũ tại vị trí này để cảnh báo, hướng dẫn người dân không đi vào vùng nguy hiểm có thể bị dòng nước cuốn trôi.

+ Huy động nhiên liệu, máy bơm nước cơ động của các cơ quan, đơn vị và cá nhân trên địa bàn để thực hiện bơm chống ngập lụt.

+ Huy động và bố trí lực lượng xung kích phòng chống thiên tai túc trực tại các khu vực xung yếu, chuẩn bị sẵn sàng các loại vật tư (cừ tràm, bao tải cát - đất, vĩ tre, lưới B40, sắt neo...) và dụng cụ, phương tiện cần thiết để thực hiện gia cố ngay các đoạn bờ bao xung yếu, đê, kè sông, kè suối, khắc phục các đoạn bờ bao bị bể, tràn, không để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân.

+ Đảm bảo cung cấp các nguồn nhu yếu phẩm, vật tư y tế cần thiết cho người dân tại các khu vực sơ tán.

❖ **Công ty Thủy điện Trị An**

- Vận hành Vận hành hồ chứa thủy điện Trị An theo đúng quy trình vận hành hồ chứa đã được Bộ Công Thương ban hành kèm theo Quyết định số 2700/QĐ-BCT ngày 02/8/2018.

- Trước khi vận hành mở các cửa van đập tràn từ trạng thái đóng hoàn toàn, phải thông báo trước 24 giờ cho Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh và Ban Chỉ huy PCTT-TKCN các huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch, TP. Biên Hòa, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Đồng Nai các thông tin sau:

- + Mức nước thượng lưu, mức nước hạ lưu hồ;
- + Lưu lượng vào hồ, lưu lượng xả, lưu lượng tháo qua tuốc bin;
- + Dự tính khả năng gia tăng mực nước hồ khi tính theo lưu lượng đến hồ;
- + Trạng thái làm việc của công trình.

- Phối hợp với Đài Truyền thanh huyện Vĩnh Cửu theo Quy chế phối hợp thông báo cảnh báo lũ cho vùng hạ du đập Thủy điện Trị An khi vận hành xả lũ hồ chứa.

- Tổ chức thu thập, theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến khí tượng thủy văn;
- Tổ chức, huy động lực lượng trực, sẵn sàng triển khai công tác khi cần thiết;

- Phối hợp với Công an đường thủy huyện Vĩnh Cửu và Trạm quản lý đường thủy nội địa Trị An không để tàu thuyền vượt qua khu vực báo hiệu vùng cấm thủy, đảm bảo an toàn cho công trình và tàu thuyền;

- Lực lượng bảo vệ phải tăng cường công tác bảo vệ công trình, chống kẻ phá hoại lấy cắp các thiết bị đo đạc trên đập và các vật liệu gia cố đập, nghiêm cấm các xe trọng tải nặng qua lại trên mặt đập;

- Các đơn vị Phân xưởng Cơ- Thủy lực, Điện- Tự động, Phân xưởng Thủy Công và Vận hành cử người trực tất cả các ngày kể cả ngày lễ và ngày nghỉ, sẵn sàng thực hiện việc sửa chữa sự cố hoặc thao tác đóng mở cửa xả lũ;

- Đội xung kích PCTT Công ty luôn sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ khi có sự cố do mưa lũ gây nên trong khu vực công trình.

❖ ***Đối với người dân***

- Thường xuyên theo dõi thông tin, hướng dẫn của cơ quan chức năng, chính quyền địa phương trên phương tiện truyền thông. Chú ý quản lý, chăm sóc trẻ em, người già, người bệnh, người tàn tật an toàn khi nhà ở và khu vực xung quanh nhà ở bị ngập.
- Cần thận khi đi qua những khu vực ngập nước, kể cả những khu vực quen thuộc, chỉ đi qua khi chắc chắn không có nguy hiểm và có các lực lượng, phương tiện hỗ trợ.
- Tuân theo biển báo nguy hiểm hoặc hướng dẫn của những người có trách nhiệm.
- Không cố cứu vớt tài sản bị nước cuốn trôi, đặc biệt ở ven sông, rạch lớn.
- Ngắt nguồn điện bị ngập nước, cẩn thận kiểm tra khi sử dụng lại đồ điện sau khi bị ngập nước; không tiếp xúc với nguồn điện khi đang ướt hoặc đang đứng dưới nước.
- Sử dụng nước sạch tiết kiệm, phòng khi thiếu nước sạch trong thời gian bị ngập lụt kéo dài.
- Cung cấp thông tin về tình trạng ngập lụt tại khu vực sinh sống cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để được trợ giúp, ứng cứu kịp thời.
- Chủ động cho con em nghỉ học khi thấy không an toàn.
- Chủ động tham gia công tác khắc phục hậu quả ổn định đời sống, phục hồi sản xuất, xử lý môi trường, thực hiện nghiêm túc các quy định, hướng dẫn phòng, chống dịch bệnh trong tình huống đã hết ngập lụt nhưng vẫn còn dịch bệnh.

❖ ***Đối với các cơ quan, đơn vị, công ty, xí nghiệp, bệnh viện, trường học...***

- Di dời thiết bị, hàng hóa, hóa chất, vật dụng... đến nơi an toàn.
- Tạm ngừng sản xuất, hoạt động khi xảy ra ngập sâu, bị cô lập.
- Bảo vệ tài sản, phòng ngừa các đối tượng xấu lợi dụng ngập lụt để trộm cắp, cướp giật.
- Đối với các trường học trên địa bàn: Chủ động cho học sinh, sinh viên nghỉ học khi xảy ra ngập sâu, nguy hiểm.
- Cung cấp kịp thời tình hình thiệt hại cho các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương.

d) Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

Nguồn lực lượng ứng phó tại chỗ được huy động tham gia công tác ứng phó thiên tai trên địa bàn là từ cấp xã và cấp huyện, trong đó nòng cốt là lực lượng xung kích PCTT cấp xã. Lực lượng của huyện được huy động và đặt trong trạng thái sẵn sàng tham gia công tác ứng phó khi có yêu cầu. Thành phần và nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Ban chỉ huy PCTT-TKCN huyện chỉ đạo trực tiếp tại chỗ;
- Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp xã/phường tổ chức thực hiện tại hiện trường;

- Đội xung kích PCTT-TKCN cấp xã/phường là lực lượng nòng cốt tham gia công tác ứng phó dưới sự chỉ đạo của Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã.
- Lực lượng công an xã phụ trách hỗ trợ cứu hộ, cứu nạn và đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực;
- Trạm y tế xã phụ trách sơ cấp cứu cho các nạn nhân tại hiện trường.

Tổng hợp lực lượng huy động phục vụ ứng phó thiên tai trong kịch bản lũ, ngập lụt cấp độ RRTT cấp 1 như sau:

- Thành phố Biên Hòa: Huy động 100% lực lượng với tổng số là 1.686 người
- Huyện Vĩnh Cửu: Huy động 100% lực lượng với tổng số 1.694 người.
- Huyện Long Thành: Huy động 100% lực lượng của huyện với 303 người và 100% lực lượng của 2 xã Tam An, An Phước.
- Các huyện còn lại lực lượng ở trong trạng thái sẵn sàng huy động.

Chi tiết thành phần lực lượng huy động tại các địa phương xem tại Phụ lục 2.1, Phần phụ lục.

Phương tiện và trang thiết bị tại chỗ: Sử dụng phương tiện cứu hộ, cứu nạn hiện cấp xã đang quản lý. Trưng dụng thêm các phương tiện của các cơ quan, đơn vị, cơ sở sản xuất và hộ dân trong khu vực khi cần thiết. Nguồn huy động cụ thể như sau:

- Thành phố Biên Hòa: Huy động 100% trang bị hiện có
- Huyện Vĩnh Cửu: Huy động 100% trang bị hiện có
- Huyện Long Thành: Huy động 100% lực lượng của huyện của 2 xã Tam An, An Phước.
- Các huyện còn lại chưa cần huy động trang bị.

Chi tiết số lượng và chủng loại trang thiết bị và phương tiện có thể huy động tại các địa phương xem tại Phụ lục 2.2, Phần phụ lục.

Lực lượng và phương tiện sẵn sàng huy động: Nguồn lực chi viện từ các ban ngành của tỉnh như Bộ CHQS, Công an, các Sở Y tế, Xây dựng, GT-VT,....

Nguồn lực lượng hiệp đồng: Các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn theo hiệp đồng tác chiến với Bộ CHQS tỉnh.

e) Công tác huy động vật tư, hậu cần tại chỗ

Khi có thiên tai bão, lụt xảy ra UBND các huyện sẽ cung ứng tại chỗ (theo phương châm 4 tại chỗ), trong trường hợp các địa phương cần cung ứng hàng hóa thì Sở Công Thương sẽ phối hợp với Sở GT-VT, chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan để huy động và vận chuyển hàng hóa đến những vùng thiên tai, vùng bị chia cắt do mưa, bão theo chỉ đạo của UBND tỉnh, đảm bảo ứng cứu kịp thời trong các tình huống khẩn cấp, không để xảy ra tình trạng thiếu hụt hàng hóa, nhất là những hàng hóa thiết yếu.

3.7.4.3.2. Giai đoạn lũ trên các sông vượt mức BĐ2 (Cấp độ RRTT cấp 2)

a) Tình hình diễn biến lũ

Tình hình lũ cụ thể như sau:

- Khu vực thượng lưu hồ Trị An: Mức nước lũ trên sông Đồng Nai và sông La Ngà tiếp tục lên cao. Mức nước tại trạm Tà Lài ở mức BĐ2 ÷ BĐ3 (112,5 ÷ 113m). Mức nước tại trạm Phú Hiệp ở mức BĐ2 ÷ BĐ3+1m (105,5 ÷ 107,5m).

- Khu vực hạ lưu hồ Trị An: Thủy điện Trị An tiếp tục xả lũ khẩn cấp bảo vệ công trình với tổng lượng xả về hạ du là 6.000 m³/s. Với lưu lượng xả này, dự báo mực nước trên sông Đồng Nai tại trạm Biên Hòa vượt mức BĐ2 và duy trì từ 2m (BĐ2) đến dưới 3,2m (BĐ3+1m).

- Dự báo mưa lớn còn tiếp diễn, lũ thượng nguồn tiếp tục đổ về, khả năng mực nước trên các sông tiếp tục lên cao trong những ngày tới.

Với mực nước lũ như trên, khả năng ảnh hưởng tại các khu vực như sau:

- Khu vực ven sông Đồng Nai thượng lưu hồ Trị An: trên địa bàn các xã ven sông Đồng Nai thuộc huyện Tân Phú và Định Quán, mực nước lũ vẫn chưa ảnh hưởng tới nhà dân và công trình kiến trúc khác.

- Đối với khu vực ven sông La Ngà: Một số xã ven sông đã có nguy cơ thiệt hại về nhà dân cần di tản tập trung, cụ thể:

+ Huyện Tân Phú: 2 xã Phú Thanh và Phú Bình có 35 hộ dân và 167 nhân khẩu cần di tản tập trung;

+ Huyện Định Quán: xã Gia Canh có 5 hộ dân cần di tản

+ Huyện Xuân Lộc: 2 xã Xuân Bắc và Suối Cao có nguy cơ bị ngập 12 hộ dân với 53 nhân khẩu.

- Đối với khu vực hạ du hồ Trị An thuộc địa bàn các huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch và Tp Biên Hòa sẽ có nhiều khu vực bị ngập sâu, trong đó:

+ Huyện Vĩnh Cửu: số hộ dân bị ngập cần sơ tán tăng lên 2.997 hộ dân với 12.097 người dân phải sơ tán tập trung

+ Tp Biên Hòa: có 17.974 hộ dân cùng 74.618 nhân khẩu cần di tản tập trung.

+ Huyện Long Thành: phát sinh thêm 1 điểm ngập tại TT Long Thành nâng tổng số hộ bị ảnh hưởng là 273 hộ và 822 người cần sơ tán tập trung.

+ Huyện Nhơn Trạch: 10/12 xã/thị trấn trên địa bàn huyện bị ảnh hưởng với 265 nhà dân bị ngập và 1.040 người cần sơ tán tập trung.

b) Phương án sơ tán dân

Khi diễn biến lũ trên các sông tiếp tục lên cao và Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh Đồng Nai quyết định sẽ nâng mức xả lũ của hồ Trị An lên 6.000 m³/s, thường trực Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh Đồng Nai căn cứ phạm vi và mức độ ảnh hưởng đã dự báo để

đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh kiêm Trưởng Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh phát lệnh sơ tán dân tiếp theo và kết thúc việc sơ tán dân trước thời điểm hồ vận hành xả lũ.

Các khu vực dân cư bị ngập sâu có số lượng nhà dân bị ngập, số lượng người cần sơ tán và điểm tránh trú được thể hiện chi tiết trong Phụ lục 5.2, Phần phụ lục.

Quy trình sơ tán dân thực hiện tương tự như phương án sơ tán dân trong tình huống Bão/ATNĐ đổ bộ trực tiếp vào địa bàn tỉnh Đồng Nai đã được trình bày chi tiết trong Mục 3.3.4.4.

c) Công tác chỉ đạo, ứng phó

Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai kiêm Trưởng Ban chỉ huy PCTT-TKCN Tỉnh trực tiếp chỉ huy, điều hành, phân công các lực lượng có mặt trên địa bàn, chỉ đạo hoãn các cuộc họp không cần thiết để tập trung ứng phó thiên tai.

Các Sở, Ban, ngành, địa phương tổ chức trực ban 24/24h, theo dõi chặt chẽ diễn biến lũ; theo chức năng, nhiệm vụ và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện các nội dung sau:

❖ Thường trực Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp tỉnh

- Tổ chức cán bộ trực ban 24/24h để nắm bắt tình hình, diễn biến lũ tại các địa phương báo về. Cử cán bộ phụ trách theo từng địa bàn đã được phân công xuống trực tiếp tại hiện trường để hỗ trợ chỉ đạo, đôn đốc thực hiện công tác ứng phó cũng như nắm bắt tình hình thực tế để báo cáo với lãnh đạo Ban chỉ huy PCTT-TKCN Tỉnh và báo cáo lên Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai.

- Cơ quan Thường trực Ban PCTT-TKCN Tỉnh liên hệ chặt chẽ với Đài KTTV tỉnh để thường xuyên cập nhật thông tin tình hình thời tiết, và diễn biến lũ trên các sông lớn, phát đi các tin cảnh báo lũ đến các địa phương, đơn vị để thông tin cho người dân trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh chủ động liên hệ với Công ty Thủy điện Trị An để nắm thông tin lưu lượng vận hành xả lũ để có triển khai các phương án ứng phó hoặc thông tin tới các Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp theo từng tình huống.

- Chuyển tải văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh đến cơ quan đơn vị thông tin rộng rãi; dự thảo văn bản chỉ đạo về ứng phó; tham mưu tổ chức họp Ban Chỉ huy; dự thảo công điện Ban Chỉ huy; tham mưu chỉ huy huy động nguồn lực theo thẩm quyền; báo cáo nhanh, báo cáo ngày về Văn phòng Ban Chỉ đạo Quốc gia; dự thảo báo cáo tổng hợp thiệt hại.

- Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh phối hợp với Sở Xây dựng, UBND tỉnh và các huyện/TP xác định các khu vực bị cô lập, ngập sâu để tập trung huy động lực lượng, phương tiện, vật tư chi viện đúng mức cho quận huyện, phường - xã - thị trấn để xử lý tình huống giảm thiểu ngập lụt, sơ tán, di dời, cứu trợ khẩn cấp.

❖ Các Sở, ngành cấp tỉnh

- Bộ CHQS tỉnh, Công an Tỉnh, Sở GT-VT, Tỉnh đoàn phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư lệnh Quân khu 7, các đơn vị của UBND tỉnh và chính quyền địa phương trọng điểm triển khai lực lượng, phương tiện (xe tải, xe buýt, ca nô, tàu, thuyền, xuồng...) tổ chức sơ tán, di dời dân và tài sản của nhân dân tại các khu vực ngập sâu, bị chia cắt đến nơi tạm cư, trợ giúp nhân dân đi lại an toàn. Tổ chức trực ban nghiêm túc, tiếp nhận mọi thông tin do người dân cung cấp để triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra ngập lụt kịp thời, hiệu quả, đặc biệt là tại các khu vực bị ngập sâu.

- Sở Xây dựng (Phòng Quản lý hạ tầng kỹ thuật), Các đơn vị phụ trách vệ sinh môi trường và thoát nước đô thị, Công an tỉnh (Phòng Cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ), Công ty TNHH MTV Khai thác các công trình Thủy lợi Tỉnh triển khai lực lượng, vận hành trạm bơm, máy bơm (cố định, cơ động) để bơm chống ngập tại các khu vực bị ngập sâu, chú trọng đến các công trình ngầm, khu dân cư tập trung, bệnh viện, trường học, chợ, kho tàng... để tập trung xử lý.

- Sở Công Thương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh trợ giúp, cung ứng hàng hóa, lương thực, thực phẩm thiết yếu... cho người dân phải sơ tán, di dời tránh ngập, cứu trợ nhân dân vùng ngập sâu, không để người dân thiếu đói.

- Công ty CP Cấp nước Đồng Nai đảm bảo nguồn nước sạch phục vụ cho những vùng bị ngập lụt, chia cắt.

- Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai kịp thời cắt điện tại những nơi bị ngập sâu; bảo vệ hệ thống truyền tải điện, trạm biến thế, hướng dẫn việc sử dụng điện an toàn trong tình trạng ngập nước; đồng thời, xử lý khắc phục nhanh chóng sự cố đường dây tải điện bị hư hỏng để đảm bảo điện sinh hoạt cho khu vực ảnh hưởng.

- Sở GT-VT, Công an tỉnh, triển khai lực lượng phân luồng, điều tiết, hướng dẫn giao thông, nhất là các tuyến đường huyết mạch của tỉnh; cấm biển cảnh báo tại các khu vực, tuyến đường nguy hiểm, bị ngập sâu để người dân biết và hạn chế đi lại. Huy động và cung ứng phương tiện vận tải để vận chuyển người, hàng hóa qua các khu vực nguy hiểm, ra khỏi vùng ngập sâu, bị chia cắt được an toàn, đảm bảo giao thông huyết mạch tại các tuyến đường quan trọng, cửa ngõ ra vào tỉnh, duy trì hiệu quả công tác chỉ đạo, chỉ huy, điều hành thông suốt từ tỉnh đến các TP - huyện, phường - xã - thị trấn, phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ, cứu trợ xã hội, cung ứng các dịch vụ cần thiết cho khu vực bị ngập lụt, chia cắt.

- Sở Tn-MT chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh (Phòng Cảnh sát môi trường) kiểm tra, xử lý bảo đảm an toàn, không để phát tán nguồn ô nhiễm, chất độc hại (hóa chất, xăng dầu, rác thải...) ra môi trường khi xảy ra ngập lụt.

- Sở Xây dựng phối hợp với UBND các huyện/TP triển khai thực hiện việc hướng dẫn, kiểm tra, xử lý đảm bảo an toàn công trình, nhà ở, chung cư cũ, xuống cấp, nhất là những công trình ngầm, công trình có dấu hiệu nứt, lún, nghiêng do bị ngập lụt; chỉ đạo thực hiện thu dọn kịp thời cây xanh ngã, đổ do mưa lớn gây ra.

- Công an Tỉnh triển khai các lực lượng để bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, các công trình trọng điểm, tài sản của nhân dân, nhà nước và doanh nghiệp, ngăn ngừa các đối tượng xấu lợi dụng tình hình ngập lụt để trộm cắp, cướp giật.

- Sở Y tế (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh), Hội Chữ thập đỏ tỉnh: rà soát, điều chỉnh linh hoạt kế hoạch, phương án ứng phó ngập lụt cho phù hợp với tình hình thực tế; sẵn sàng phương án huy động dụng cụ, trang thiết bị, thuốc men, hóa chất khử trùng, khẩu trang y tế... cho các địa điểm sơ tán dân, các khu vực cách ly, các bệnh viện; sẵn sàng lực lượng và có biện pháp đảm bảo an toàn cho lực lượng được huy động. Không để xảy ra gián đoạn, bị động trong quá trình vừa phải ứng phó ngập lụt vừa phải đảm bảo an toàn về dịch bệnh.

- Sở GD-ĐT khảo sát tình hình ngập lụt, chia cắt để thông báo quyết định cho học sinh nghỉ học kịp thời.

- Sở TT-TT chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện phương án, kế hoạch đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, bảo vệ đường dây viễn thông an toàn khi xảy ra ngập lụt. Phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN Tỉnh, Công an tỉnh và các doanh nghiệp viễn thông đóng trên địa bàn tỉnh tổ chức kiểm tra, giám sát và đôn đốc triển khai thực hiện quy trình định vị thuê bao di động phục vụ cứu nạn, cứu hộ cho Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Sở NN-PTNT chỉ đạo:

- + Chi cục Kiểm lâm kiểm tra, bắt buộc các chủ trại, cơ sở nuôi động vật hoang dã hung dữ (cá sấu, gấu...) thực hiện phương án gia cố chuồng, trại đảm bảo an toàn hoặc di chuyển đến nơi an toàn, không để động vật nuôi sống chuồng khi ngập lụt gây nguy hiểm cho cộng đồng.

- + Chi cục Thủy sản chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia phối hợp di dời dân, cứu nạn, cứu hộ; khuyến cáo nhân dân gia cố bờ ao, lồng bè nuôi thủy sản; thu mẫu kiểm tra môi trường nước, kịp thời thông báo các kết quả quan trắc, khuyến cáo các biện pháp kỹ thuật để nhân dân chủ động trong NTTS.

- Đài PT-TH tỉnh và các cơ quan báo chí kịp thời thông tin và cảnh báo tình hình mưa lớn, triều cường, tình trạng ngập lụt tại các khu vực, tuyến đường, thông báo hướng dẫn giao thông của cơ quan chức năng để các tổ chức, nhân dân biết và chủ động tự phòng, tránh và ứng phó.

❖ Đối với Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện/TP và các đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện/TP:

- Tuân thủ và tổ chức thực hiện các nội dung ứng phó theo chỉ đạo của cấp trên.

- Chủ động phối hợp với lực lượng vũ trang, lực lượng chi viện, hỗ trợ của cấp trên và huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ tổ chức cứu nạn, cứu hộ; chủ động sơ tán, di dời dân ở các khu vực ngập sâu, bị chia cắt đến nơi tạm cư an toàn đã được xác định, đảm bảo cung cấp các dịch vụ hậu cần trước hết là lương thực, nhu yếu phẩm, nước sạch,

thuốc men, chăm sóc sức khỏe cho người dân, vệ sinh môi trường, phòng dịch, bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

- Chỉ đạo các Bệnh viện, Trung tâm Y tế huyện/TP, Trạm Y tế các phường - xã - thị trấn huy động lực lượng y bác sỹ tại chỗ, phương tiện, thiết bị, thuốc men để sơ cấp cứu, chữa bệnh cho người dân.

- Chỉ đạo lực lượng xung kích phòng chống thiên tai ở cơ sở:

- + Phối hợp với các cơ quan, đơn vị điều tiết phân luồng giao thông đối với các tuyến đường bị ngập lụt; hỗ trợ người và các phương tiện giao thông khi xảy ra sự cố.

- + Tham gia hỗ trợ các cơ quan, đơn vị ứng trực tại các vị trí xung yếu, các vị trí ngập cục bộ, các tuyến đường bị ngập sâu, đặc biệt là đối với các vị trí cống thoát nước không có tấm lưới chắn rác, hố ga không có nắp hoặc bị hư hỏng.

- + Chuẩn bị nhiên liệu, huy động máy bơm nước cơ động của các cơ quan, đơn vị và cá nhân trên địa bàn các TP - huyện, phường - xã - thị trấn để thực hiện bơm chống ngập lụt.

- + Huy động và bố trí lực lượng Quản lý đô thị nhân dân, lực lượng xung kích phòng chống thiên tai túc trực tại các khu vực xung yếu, chuẩn bị sẵn sàng các loại vật tư (củi, tre, bao tải cát - đất, vĩ tre, lưới B40, sắt neo...) và dụng cụ, phương tiện cần thiết để thực hiện gia cố ngay các đoạn bờ bao xung yếu, khắc phục các đoạn bờ bao bị bể, tràn, không để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân.

- Đối với các đơn vị trực thuộc UBND huyện: tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ như đã trình bày trong giai đoạn ứng phó với RRTT cấp độ 1.

❖ Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp xã/phường/thị trấn:

- + Tuân thủ và tổ chức thực hiện các nội dung ứng phó theo chỉ đạo của cấp trên.

- + Tổ chức lực lượng, phối hợp với các đơn vị hỗ trợ từ cấp trên triển khai sơ tán dân tại các khu vực bị ngập tới nơi an toàn.

- + Phối hợp với các cơ quan, đơn vị điều tiết phân luồng giao thông đối với các tuyến đường bị ngập lụt; hỗ trợ người và các phương tiện giao thông khi xảy ra sự cố.

- + Tham gia hỗ trợ các cơ quan, đơn vị ứng trực tại các vị trí xung yếu, các vị trí ngập cục bộ, các tuyến đường bị ngập sâu, đặc biệt là đối với các vị trí cống thoát nước không có tấm lưới chắn rác, hố ga không có nắp hoặc bị hư hỏng.

- + Bố trí biển báo nguy hiểm tại các điểm cầu dân sinh bắc qua các sông suối có dòng nước chảy xiết. Bố trí cán bộ túc trực trong suốt thời gian mưa lũ tại vị trí này để cảnh báo, hướng dẫn người dân không đi vào vùng nguy hiểm có thể bị dòng nước cuốn trôi.

- + Huy động nhiên liệu, máy bơm nước cơ động của các cơ quan, đơn vị và cá nhân trên địa bàn để thực hiện bơm chống ngập lụt.

- + Huy động và bố trí lực lượng xung kích phòng chống thiên tai túc trực tại các khu vực xung yếu, chuẩn bị sẵn sàng các loại vật tư (củi, tre, bao tải cát - đất, vĩ tre, lưới B40, sắt neo...) và dụng cụ, phương tiện cần thiết để thực hiện gia cố ngay các đoạn bờ

bao xung yếu, đê, kè sông, kè suối, khắc phục các đoạn bờ bảo bị bể, tràn, không để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân.

+ Đảm bảo cung cấp các nguồn nhu yếu phẩm, vật tư y tế cần thiết cho người dân tại các khu vực sơ tán.

❖ **Công ty Thủy điện Trị An**

- Tiếp tục thực hiện theo đúng các nội dung đã trình bày trong giai đoạn ứng phó RRTT cấp 1.

❖ **Đối với người dân**

- Thường xuyên theo dõi thông tin, hướng dẫn của cơ quan chức năng, chính quyền địa phương trên phương tiện truyền thông. Chú ý quản lý, chăm sóc trẻ em, người già, người bệnh, người tàn tật an toàn khi nhà ở và khu vực xung quanh nhà ở bị ngập.

- Cẩn thận khi đi qua những khu vực ngập nước, kể cả những khu vực quen thuộc, chỉ đi qua khi chắc chắn không có nguy hiểm và có các lực lượng, phương tiện hỗ trợ.

- Tuân theo biển báo nguy hiểm hoặc hướng dẫn của những người có trách nhiệm.

- Không cố cứu vớt tài sản bị nước cuốn trôi, đặc biệt ở ven sông, rạch lớn.

- Ngắt nguồn điện bị ngập nước, cẩn thận kiểm tra khi sử dụng lại đồ điện sau khi bị ngập nước; không tiếp xúc với nguồn điện khi đang ướt hoặc đang đứng dưới nước.

- Sử dụng nước sạch tiết kiệm, phòng khi thiếu nước sạch trong thời gian bị ngập lụt kéo dài.

- Cung cấp thông tin về tình trạng ngập lụt tại khu vực sinh sống cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để được trợ giúp, ứng cứu kịp thời.

- Chủ động cho con em nghỉ học khi thấy không an toàn.

- Chủ động tham gia công tác khắc phục hậu quả ổn định đời sống, phục hồi sản xuất, xử lý môi trường, thực hiện nghiêm túc các quy định, hướng dẫn phòng, chống dịch bệnh trong tình huống đã hết ngập lụt nhưng vẫn còn dịch bệnh.

❖ **Đối với các cơ quan, đơn vị, công ty, xí nghiệp, bệnh viện, trường học...**

- Tiếp tục thực hiện theo các nội dung như đã trình bày trong giai đoạn ứng phó RRTT cấp độ 1.

d) Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

Tổng hợp lực lượng huy động phục vụ ứng phó thiên tai trong kịch bản lũ, ngập lụt cấp độ RRTT cấp 2 như sau:

- Lực lượng của Tỉnh: Huy động lực lượng nòng cốt là quân đội, công an và y tế hỗ trợ cho các địa phương bị ngập nặng gồm: Biên Hòa, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch và Long Thành. Tổng số huy động là 974 người.

- Thành phố Biên Hòa: Huy động 100% lực lượng với tổng số là 1.686 người

- Huyện Vĩnh Cửu: Huy động 100% lực lượng với tổng số 1.694 người.
- Huyện Long Thành: Huy động 100% lực lượng của huyện với 303 người và 100% lực lượng của 2 xã Tam An, An Phước và thị trấn Long Thành.
- Huyện Nhơn Trạch: Huy động 100% lực lượng của huyện với 1.627 người.
- Huyện Tân Phú: Huy động 100% lực lượng của xã Phú Thanh (59 người) và Phú Điền (85 người).
- Huyện Định Quán: Huy động lực lượng nòng cốt của xã Gia Canh.
- Huyện Xuân Lộc: Huy động lực lượng của xã Xuân Bắc và Suối Cao.

Chi tiết thành phần lực lượng huy động tại các địa phương xem tại Phụ lục 2.1, Phần phụ lục.

Phương tiện và trang thiết bị tại chỗ: Sử dụng phương tiện cứu hộ, cứu nạn hiện cấp xã đang quản lý. Trưng dụng thêm các phương tiện của các cơ quan, đơn vị, cơ sở sản xuất và hộ dân trong khu vực khi cần thiết. Nguồn huy động cụ thể như sau:

- Trang thiết bị của Tỉnh quản lý: Huy động 100% trang bị hiện có
- Trang thiết bị của các đơn vị quân sự: Huy động theo kế hoạch hiệp đồng.
- Thành phố Biên Hòa, các huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch: Huy động 100% trang bị hiện có
- Các huyện còn lại: Huy động 100% số trang bị tại UBND các xã bị ảnh hưởng.

Chi tiết số lượng và chủng loại trang thiết bị và phương tiện có thể huy động tại các địa phương xem tại Phụ lục 2.2, Phần phụ lục.

Lực lượng và phương tiện sẵn sàng huy động: Nguồn lực chi viện từ các ban ngành của tỉnh như Bộ CHQS, Công an, các Sở Y tế, Xây dựng, GT-VT,...

Nguồn lực lượng hiệp đồng: Các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn theo hiệp đồng tác chiến với Bộ CHQS tỉnh.

e) Công tác huy động vật tư, hậu cần tại chỗ

Nguồn lực lượng ứng phó tại chỗ được huy động tham gia công tác ứng phó thiên tai trên địa bàn là từ cấp xã và cấp huyện, trong đó nòng cốt là lực lượng xung kích PCTT cấp xã. Lực lượng của huyện được huy động và đặt trong trạng thái sẵn sàng tham gia công tác ứng phó khi có yêu cầu.

Khi có thiên tai bão, lụt xảy ra UBND các huyện sẽ cung ứng tại chỗ (theo phương châm 4 tại chỗ), trong trường hợp các địa phương cần cung ứng hàng hóa thì Sở Công Thương Đồng Nai sẽ phối hợp với Sở GT-VT, chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan để huy động và vận chuyển hàng hóa đến những vùng thiên tai, vùng bị chia cắt do mưa, bão theo chỉ đạo của UBND tỉnh, đảm bảo ứng cứu kịp thời trong các tình huống khẩn cấp, không để xảy ra tình trạng thiếu hụt hàng hóa, nhất là hàng hóa thiết yếu.

Sở Công Thương làm việc và đề nghị 12 doanh nghiệp cam kết dự trữ hàng hoá tham gia bình ổn thị trường, với đầy đủ các mặt hàng thiết yếu như: gạo, thịt heo, thịt gà, nước chấm, trứng gia cầm, mì gói, thực phẩm chế biến, nước uống..., gồm các đơn vị: Công ty TNHH TMDV Siêu Thị Coopmart Biên Hòa, Chi nhánh Cty TNHH MM MeGa Market VN tại Biên Hòa, TTTM Big C Đồng Nai; TTTM Big C Tân Hiệp; Vinmart Biên Hòa; siêu thị Hoàng Đức; Công ty Cổ phần CP Đồng Nai; Công ty Anh Hoàng Thy; Công ty Hương Vĩnh Cửu, Công ty TNHH TDVD sản xuất và Chăn nuôi Thanh Đức; Công ty Chăn nuôi Bình Minh; Công ty Sài Gòn Lương thực; Công ty cổ phần đường Biên Hòa, cung ứng hàng hóa dự trữ phục vụ cứu hộ tại các địa phương bị ngập.

7.4.3.3. Giai đoạn lũ trên các sông vượt mức BĐ3 (Cấp độ RRTT cấp 3)

a) Tình hình diễn biến lũ

Tình hình lũ cụ thể như sau:

- Khu vực thượng lưu hồ Trị An: Mưa lớn tiếp diễn, các hồ thủy điện thượng lưu là Đồng Nai 5 và Đăk Kar xả lũ với lưu lượng ứng với trận lũ tháng 8/2019. Mức nước lũ trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài trên 113m (vượt mức BĐ3), mức nước trạm Phú Hiệp trên 107,5m (vượt mức BĐ3 +1m).

- Khu vực hạ lưu hồ Trị An: Hồ Thủy điện Trị An tiếp tục xả lũ khẩn cấp bảo vệ công trình với tổng lượng xả về hạ du là 9.500 m³/s. Với lưu lượng xả này, dự báo mực nước trên sông Đồng Nai tại trạm Biên Hòa trên mức 3,2m (vượt mức BĐ3+1m).

- Trên địa bàn đã hết mưa, dự báo mực nước sẽ rút dần trong những ngày tiếp theo.

Với mực nước các sông đều vượt mức BĐ3, dự báo sẽ gây ngập cho khoảng 29.939ha với 29.149 ngôi nhà bị ngập và 120.088 người dân cần di tản. Tổng cộng có 63 xã/phường/thị trấn thuộc 7 huyện/Tp ven sông Đồng Nai và sông La Ngà bị ảnh hưởng. Chi tiết như trong Bảng 3.3 và Phụ lục 4.3, Phần phụ lục.

b) Phương án sơ tán dân

Khi có tin lũ khẩn cấp trên sông Đồng Nai, Sông La Ngà và Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh Đồng Nai quyết định sẽ nâng mức xả lũ của hồ Trị An lên 9.500 m³/s, thường trực Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh căn cứ phạm vi và mức độ ảnh hưởng đã dự báo để đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh kiêm Trưởng Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh phát lệnh sơ tán dân tiếp theo và kết thúc việc sơ tán dân trước thời điểm hồ vận hành xả lũ.

Phương án sơ tán dân thể hiện chi tiết trong Phụ lục 5.2, Phần phụ lục.

Quy trình sơ tán dân thực hiện tương tự như phương án sơ tán dân trong tình huống Bão/ATNĐ đổ bộ trực tiếp vào địa bàn tỉnh Đồng Nai đã được trình bày chi tiết trong Mục 3.3.4.4.

c) Công tác chỉ đạo, ứng phó

- Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai chỉ đạo triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai; quyết định các biện pháp cấp bách và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để hỗ trợ Tỉnh ứng phó khi có yêu cầu.

- Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn căn cứ tình huống cụ thể chủ trì, phối hợp với UBND tỉnh chỉ đạo, bố trí sẵn sàng lực lượng, phương tiện triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn và tham gia điều phối các hoạt động ứng phó.

- Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện triển khai phương án ứng phó theo chỉ đạo trực tiếp từ đơn vị cấp trên và chịu trách nhiệm huy động nguồn lực theo thẩm quyền, chỉ huy triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn.

- Nội dung và công việc ứng phó của các đơn vị trực thuộc Tỉnh tiếp tục thực hiện theo đúng các nội dung đã trình bày trong giai đoạn ứng phó RRTT cấp độ 2.

- Công ty Thủy điện Trị An, các cơ sở, trường học, xí nghiệp và người dân tiếp tục thực hiện các nội dung như đã trình bày trong giai đoạn ứng phó RRTT cấp 1 và cấp 2.

d) Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

100% lực lượng chuyên trách về công tác PCTT-TKCN của các cấp được huy động phục vụ ứng phó tại hiện trường.

- Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh chỉ đạo trực tiếp tại chỗ;
- Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện tại hiện trường;
- Bộ đội, công an, lực lượng xung kích là lực lượng nòng cốt tham gia công tác ứng phó dưới sự chỉ đạo của Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh.
- Lực lượng công an phụ trách hỗ trợ cứu hộ, cứu nạn và đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực;
- Lực lượng y tế thuộc Sở y tế, các bệnh viện, Trung tâm y tế, Trạm y tế xã phụ trách sơ cấp cứu cho các nạn nhân tại hiện trường;

Phương tiện tại chỗ: Huy động toàn bộ trang thiết bị hiện có.

Nguồn lực lượng hiệp đồng: Các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn theo hiệp đồng tác chiến với Bộ CHQS tỉnh.

Trong trường hợp cần thiết, Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh báo cáo lên cấp trên để xin hỗ trợ về nguồn lực con người phục vụ công tác ứng phó tại địa phương.

e) Công tác huy động vật tư, hậu cần tại chỗ

Nguồn lực lượng ứng phó tại chỗ được huy động tham gia công tác ứng phó thiên tai trên địa bàn là từ cấp xã và cấp huyện, trong đó nòng cốt là lực lượng xung kích PCTT cấp xã. Lực lượng của huyện được huy động và đặt trong trạng thái sẵn sàng tham gia công tác ứng phó khi có yêu cầu.

Khi có thiên tai bão, lụt xảy ra UBND các huyện sẽ cung ứng tại chỗ (theo phương châm 4 tại chỗ), trong trường hợp các địa phương cần cung ứng hàng hóa thì Sở Công Thương sẽ phối hợp với Sở GT-VT, chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan để huy động và vận chuyển hàng hóa đến những vùng thiên tai, vùng bị chia cắt do mưa, bão theo chỉ đạo của UBND tỉnh, đảm bảo ứng cứu kịp thời trong các tình huống khẩn cấp, không để xảy ra tình trạng thiếu hụt hàng hóa, nhất là những hàng hóa thiết yếu.

Sở Công Thương làm việc và đề nghị 12 doanh nghiệp cam kết dự trữ hàng hoá tham gia bình ổn thị trường, với đầy đủ các mặt hàng thiết yếu như: gạo, thịt heo, thịt gà, nước chấm, trứng gia cầm, mì gói, thực phẩm chế biến, nước uống..., gồm các đơn vị: Công ty TNHH TMDV Siêu Thị Coopmart Biên Hòa, Chi nhánh Cty TNHH MM MeGa Market VN tại Biên Hòa, TTTM BigC Đồng Nai; TTTM BigC Tân Hiệp; Vinmart Biên Hòa; siêu thị Hoàng Đức; Công ty Cổ phần CP Đồng Nai; Công ty Anh Hoàng Thy; Công ty Hương Vĩnh Cửu, Công ty TNHH TDVD sản xuất và Chăn nuôi Thanh Đức; Công ty Chăn nuôi Bình Minh; Công ty Sài Gòn Lương thực; Công ty cổ phần đường Biên Hòa, cung ứng hàng hóa dự trữ phục vụ cứu hộ tại các địa phương bị ngập.

3.7.4.4. Công tác ứng phó, phục hồi sau thiên tai

- Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện/thành phố theo chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện các công việc sau:

- + Đưa người dân sơ tán, di dời về nơi ở cũ an toàn, trật tự.
- + Trợ giúp hàng hóa, lương thực, thực phẩm thiết yếu, nước sạch nhằm đảm bảo điều kiện sinh hoạt, đời sống cho nhân dân.
- + Tổ chức lực lượng xung kích phòng chống thiên tai, tình nguyện giúp nhân dân khắc phục hậu quả, bảo vệ trật tự và tài sản của nhân dân trong khu vực bị ngập lụt.
- + Đảm bảo giao thông thông suốt, sửa chữa đường sá, trường học, bệnh viện, công sở, nhà ở, các công trình bị hư hỏng..., tổ chức tiêu độc, khử trùng vệ sinh môi trường, phòng dịch không để dịch bệnh bùng phát, lây lan.
- + Tổ chức thống kê, đánh giá thiệt hại theo đúng quy định và báo cáo về Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp trên.
- + Sở Y tế (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh), Hội Chữ thập đỏ huy động lực lượng y - bác sĩ, các đội cấp cứu, phương tiện, thiết bị để cứu thương, điều trị bệnh nhân, phòng các bệnh thường mắc phải do ngập lụt gây ra.
- + Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai đảm bảo an toàn mạng lưới điện, huy động lực lượng và các phương tiện, thiết bị để khôi phục đường dây tải điện bị hư hỏng trong thời gian sớm nhất.
- + Sở Công thương tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp đầu cơ, nâng giá, nhất là lương thực, thực phẩm thiết yếu, nước sạch, vật liệu xây dựng, nhiên liệu, chất đốt; chỉ đạo các công ty thương mại, siêu thị tổ chức bán hàng lưu động (bình ổn giá) để cung cấp đầy đủ các mặt hàng nhu yếu phẩm cho Nhân dân.
- + Căn cứ vào mức độ thiệt hại, nhu cầu cứu trợ và chế độ, chính sách; UBND các TP - huyện, phường - xã - thị trấn quyết định sử dụng dự phòng ngân sách cấp mình để xử lý nhu cầu khẩn cấp cho việc khắc phục hậu quả do mưa lớn, triều cường và xả lũ gây ra.
- + Trường hợp dự phòng ngân sách địa phương đã sử dụng nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu; UBND phường - xã - thị trấn báo cáo UBND các huyện/TP tổng hợp báo cáo

Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở LD-TB-XH, Sở Tài chính, Sở KH-ĐT tham mưu trình UBND tỉnh xem xét hỗ trợ.

3.8. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI DÔNG, LỐC, SÉT, MƯA ĐÁ (CẤP ĐỘ RRTT CẤP 1)

3.8.1. Thời điểm ứng phó

Lốc, sét, mưa đá là các loại hình thời tiết nguy hiểm thường xảy ra vào giai đoạn chuyển mùa cuối mùa khô và đầu mùa mưa. Trên địa bàn tỉnh, thời điểm thường xuyên xảy ra các hiện tượng thời tiết này từ tháng 3 tới tháng 7 hàng năm. Một số thời điểm khác trong năm vẫn có khả năng xảy ra các hiện tượng này nhưng mức độ không thường xuyên và mang tính cục bộ trong phạm vi nhỏ. Do đó, thời điểm từ tháng 3 tới tháng 7 là giai đoạn cần tập trung các giải pháp phòng ngừa, ứng phó với lốc, sét, mưa đá.

Thời điểm cụ thể chuẩn bị phương án ứng phó căn cứ theo bản tin cảnh báo lốc, sét, mưa đá được ban hành khi phát hiện lốc, sét, mưa đá có khả năng xảy ra trong khu vực do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương phát trên các phương tiện thông tin đại chúng trong phần bản tin dự báo thời tiết trong 24h tới.

3.8.2. Xác định kịch bản ứng phó

Căn cứ vào bản tin dự báo, cảnh báo, tính chất diễn biến thực tế của từng loại thiên tai, để xác định các tình huống cụ thể. Đối với địa bàn tỉnh Đồng Nai, chỉ xây dựng 01 kịch bản ứng phó với lốc, sét, mưa đá theo cấp độ RRTT cấp 1 - Xảy ra khi cảnh báo lốc, sét, mưa đá xảy ra trên phạm vi dưới 1/2 số huyện, xã trong phạm vi 1 tỉnh hoặc nhiều tỉnh không liên kề.

3.8.3. Phạm vi và đối tượng bị ảnh hưởng

Các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lốc, sét, mưa đá là các vị trí thường xuyên xuất hiện và chịu thiệt hại từ mưa lốc trong 5-10 năm gần nhất. Kết quả đánh giá cho thấy, trên địa bàn tỉnh có 84 xã/phường/thị trấn có nguy cơ ảnh hưởng dông, lốc; 4 khu vực có nguy cơ ảnh hưởng do sét và 11 khu vực có nguy cơ xảy ra mưa đá. Tổng hợp các khu vực có nguy cơ cao bị dông lốc sét, mưa đá như trong Bảng 3.5 dưới đây (chi tiết trong **Phụ lục 4.4, Phần phụ lục**).

Bảng 3.5: Tổng hợp các khu vực có nguy cơ xảy ra dông, lốc, sét, mưa đá

STT	Huyện/TP	Xã/phường/thị trấn có nguy cơ xảy ra thiên tai	Số lượng (khu vực)
1	Long Khánh	- Dông, lốc: Bình Lộc, Suối Tre, Bảo Vinh, Bảo Quang, Bàu Trâm, Xuân Trung, Xuân An, Xuân Tân, Xuân Hòa, Bàu Sen Phú Bình, Xuân Thanh, Hàng Gòn, Xuân Lập; - Mưa đá: Bình Lộc, Bảo Vinh	14
2	Xuân Lộc	- Dông, lốc: Xuân Thành, Suối Cao, Tân Thành, Xuân Trường; Xuân Hiệp - Sét: Tân Tân - Mưa đá: Xuân Hiệp	5

STT	Huyện/TP	Xã/phường/thị trấn có nguy cơ xảy ra thiên tai	Số lượng (khu vực)
3	Cẩm Mỹ	- Đông, lốc: Xuân Mỹ, Long Giao, Lâm San, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Quế, Thừa Đức, Bảo Bình, Xuân Tây	12
4	Trảng Bom	Sông Thao, Hố Nai 3, Thanh Bình, Giang Điền, Hưng Thịnh, Sông Trầu	6
5	Thống Nhất	- Đông, lốc: Xã Lộ 25, Gia Tân 3, Xuân Thạnh, Bàu Hàm 2, Quang Trung, Hưng Lộc, Xuân Thiện; - Sét: Xã Lộ 25	7
6	Vĩnh Cửu	- Đông, lốc: Phú Lý, Vĩnh Tân, Tân An, Mã Đà	6
7	Nhơn Trạch	- Đông, lốc: Long Thọ - Sét: Phước Thiện	2
8	Biên Hòa	- Đông, lốc: Hoá An, Long Bình Tân, Tân Biên, Long Hưng, Hố Nai, An Hoà, Long Bình, An Bình; - Sét: Long Bình Tân; - Mưa đá: Long Bình Tân, Long Bình, An Hoà, Tân Vạn, An Bình.	10
9	Long Thành	- Đông, lốc: An Phước, Long Thành, Cẩm Đường; - Sét: Bình An	4
10	Tân Phú	- Đông, lốc: Phú Thanh, Phú Bình, Tà Lài, Phú Thịnh, Phú Lập, Phú Lâm, Trà Cỏ, Phú An, Phú Xuân, Phú Lộc, Nam Cát Tiên, Thanh Sơn, Phú Sơn, Phú Điền; - Mưa đá: Nam Cát Tiên	15
11	Định Quán	- Đông, lốc: Phú Túc, Túc Trung, Phú Cường, Phú Vinh, Gia Canh, Phú Lợi, La Ngà, Suối Nho, Ngọc Định, Phú Ngọc, Thanh Sơn, Phú Tân, TT Định Quán; - Mưa đá: Thanh Sơn	13

3.8.4. Nội dung phương án ứng phó với kịch bản đông, lốc, sét, mưa đá RRTT cấp 1

3.8.4.1. Công tác phòng ngừa, chuẩn bị trước thiên tai

Loại hình thiên tai đông, lốc, sét, mưa đá hiện khó dự báo sớm và chính xác thời điểm và phạm vi xảy ra cho từng khu vực cụ thể, do đó nhận thức và kinh nghiệm của người dân có đối với các loại hình thiên tai này là yếu tố cơ bản giúp hạn chế các thiệt hại về người và tài sản khi có thiên tai diễn ra. Chính vì vậy các giải pháp phòng ngừa thiên tai cần được ưu tiên thiện hiện trong phương án ứng phó với loại hình này. Các biện pháp cụ thể như sau:

❖ Đối với đông, lốc

Rà soát, thống kê các khu vực trên địa bàn huyện, thành phố thường xuyên xảy ra đông lốc. Chính quyền địa phương các cấp cần tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng tại các khu vực thường xuyên xuất hiện loại hình thiên tai này về cách nhận biết

sớm dấu hiệu có khả năng xảy ra dông lốc vào các tháng chuyển mùa và các giải pháp bảo vệ tài sản, tính mạng. Cụ thể như sau:

- Xây dựng các công trình, nhà ở kiên cố, thường xuyên chằng chống, gia cố nhà cửa để tăng độ vững chắc nhằm đề phòng lốc xoáy. Ở khu vực ven sông, nơi trồng trái, nếu nhà lợp tôn tráng kẽm, fibro xi măng, ngói có thể gia cố mái nhà bằng các loại thanh nẹp gỗ, sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi có lốc xoáy.
- Tổ chức chặt tỉa cành, nhánh của các cây cao, dễ gãy đổ, mục rỗng, nằm gần nhà ở, lưới điện, các công trình xây dựng, khu dân cư,....
- Đối với các tàu thuyền trên sông và các nhà bè nuôi thủy sản trên sông, lòng hồ:
 - + Trang bị đầy đủ áo phao cá nhân, phao cứu sinh đầy đủ trên thuyền, bè;
 - + Gia cố chắc chắn nhà trên bè nuôi, thay thế các loại vật liệu gỗ, nhựa bằng sắt, thép để tăng độ chắc chắn cho khung bè, lồng nuôi.
 - + Gia cố bè, lồng nuôi bằng cách thêm dây neo các bè nuôi, bổ sung lớp lưới.
 - + Đối với tàu, thuyền hoạt động trên sông, khi thấy ỏ mây giông thì phải nhanh chóng trở vào bờ hoặc di chuyển tìm nơi tránh, trú an toàn.
 - + Thường xuyên kiểm tra hệ thống, thiết bị thông tin liên lạc, đảm bảo luôn hoạt động hiệu quả để kịp thời thông báo cho cơ quan chức năng khi gặp sự cố, tình huống nguy hiểm, bất lợi.

❖ Đối với sét

- Lắp đặt hệ thống thu, chống sét cho nhà cửa, công trình kiến trúc;
- Theo dõi các thông tin cảnh báo về thời tiết và diễn biến thời tiết thực tế để có phương án tìm nơi trú ẩn;
- Hạn chế và rời khỏi khu vực làm việc ngoài trời khi có thông tin về nguy cơ xảy ra dông, sét.

❖ Đối với mưa đá

- Hiện nay, chưa dự báo chính xác được mưa đá và khu vực xảy ra. Người dân ở các khu vực hay có mưa đá cần thường xuyên theo dõi thông tin thời tiết để sớm biết có khả năng xảy ra mưa đá và luôn chuẩn bị sẵn các phương án trú tránh an toàn cho người, vật nuôi và hạn chế tác hại của mưa đá đối với các vật dụng, đồ dùng, máy móc,....
- Đối với cây trồng hoặc hoa màu dễ bị nát dập, có thể dựng giàn che dọc theo luống, nên làm giàn dạng mái hình tam giác sẽ giúp giảm tác động của hạt mưa đá khi va chạm, đá sẽ rơi xuống hai bên luống cây mà không đâm thủng giàn che, chú ý cọc chống phải chắc chắn.
- Đối với mái nhà, cần thường xuyên kiểm tra tình trạng của mái nhà và gia cố lại mái. Ở những chỗ trọng yếu nên sử dụng các vật liệu có thể chống chịu với va đập. Xây dựng mái nhà dốc xuống hai bên, cách dựng mái nhà này sẽ làm giảm lực tác động từ

mưa đá (mưa đá va vào mái nhà ở một góc độ 90^0 sẽ gây ra thiệt hại nhiều hơn mưa đá rơi xuống mái nhà theo một góc lệch).

3.8.4.2. Công tác ứng phó khi thiên tai xảy ra

a) Lực lượng, phương tiện và vật tư ứng phó tại chỗ

- Lực lượng ứng cứu: Đội xung kích PCTT-TKCN cấp xã, công an xã, dân quân tự vệ và các lực lượng hỗ trợ khác của xã thực hiện ứng cứu tại chỗ khi có tình huống xảy ra trên địa bàn xã. Đối với các tình huống phạm vi ảnh hưởng rộng liên xã hoặc các tình huống khó khăn, nguồn nhân lực tại chỗ không đủ khả năng xử lý, Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp xã báo cáo lên cấp huyện để nghị hỗ trợ lực lượng, phương tiện cần thiết.

- Phương tiện, trang thiết bị: Các loại xe cứu hộ giao thông, máy khoan cắt bê tông, cưa máy và các trang thiết bị thông dụng và chuyên dụng khác. Đối với các tình huống phạm vi ảnh hưởng rộng liên xã hoặc các tình huống khó khăn do thiếu vật tư, trang thiết bị chuyên dụng vượt khả năng ứng cứu của lực lượng cấp xã, Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp xã xem xét báo cáo lên cấp huyện để nghị hỗ trợ phương tiện, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn chuyên dụng cần thiết từ các đơn vị công an, quân sự của huyện hoặc các đơn vị cấp trên nếu cần thiết.

b) Công tác chỉ đạo, chỉ huy ứng phó tại chỗ

Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh: xây dựng kế hoạch, nội dung và chỉ đạo Đài PT-TH tỉnh, Báo Đồng Nai, UBND huyện, thành phố triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về cách thức phòng tránh dông, lốc, sét giúp người dân nâng cao khả năng phòng tránh hiệu quả.

UBND huyện, thành phố thực hiện các nội dung sau:

- Tổ chức thông tin, thông báo kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo có khả năng xảy ra lốc, sét, các khu vực bị ảnh hưởng lốc, sét để nhân dân chủ động phòng, tránh, ứng phó đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi, cây trồng và các tài sản khác.

- Chỉ đạo, hướng dẫn nhân dân:

+ Xây dựng, gia cố chắc chắn nhà cửa, công trình kiến trúc, sản xuất;

+ Chặt tỉa cành, nhánh cây cao, dễ gãy đổ, cây nằm gần nhà ở, lưới điện...; kiểm tra mức độ an toàn, vững chắc của các biển quảng cáo, pano, áp phích; các giàn giáo của công trình đang thi công.

+ Khi có mưa kèm theo giông, cần sơ tán người già và trẻ em ra khỏi những căn nhà tạm đến những nơi an toàn.

c) Phương án phòng tránh trong thiên tai cho người dân

❖ Đối với dông, lốc

- Khi trời mưa lớn kèm theo dông, cần sơ tán người già và trẻ em ra khỏi những căn nhà tạm bợ, đến những nơi an toàn, vững chắc hơn. Khi xảy ra lốc xoáy mọi người phải tìm những nơi trú ẩn an toàn như các nhà kiên cố, tránh núp dưới bóng cây, nhà tạm bợ

dễ bị gây đổ gây tai nạn. Tuyên truyền, vận động đến các hộ dân có nhà kiên cố tiếp nhận những người dân trú ẩn khi xảy ra lốc xoáy với tinh thần tương thân, tương trợ lẫn nhau.

- Trong trường hợp đang làm việc trên cánh đồng hoặc đi trên đường mà gặp lốc xoáy, cần nhanh chóng tìm nơi tránh trú an toàn.

❖ Đối với sét

Tránh sét trong nhà: Khi trời sắp xảy ra dông, biện pháp tránh sét tốt nhất là về nhà. Chỗ an toàn để tránh sét là các tòa nhà kiên cố hay công sở có lắp đặt hệ thống chống sét (đơn giản nhất là cột thu lôi Franklin),.... Khi ở trong nhà thì nên đứng xa cửa sổ, cửa ra vào, các đồ dùng điện, tránh các chỗ ẩm ướt như buồng tắm, bể nước, vòi nước, không nên dùng điện thoại trừ trường hợp rất cần thiết. Nên ngắt toàn bộ nguồn điện của ngôi nhà và hệ thống cáp điện thoại, truyền hình hoặc dây nối ăng ten với vô tuyến,....

Tránh sét ngoài trời:

- Trong trường hợp không kịp tìm nơi tránh trú an toàn, tuyệt đối không tránh trú tại các cây to, tránh các khu vực cao hơn xung quanh, tránh xa các vật dụng kim loại như xe đạp, máy, hàng rào sắt,....

- Tìm chỗ khô ráo, nếu xung quanh có cây cao hơn thì nên tìm chỗ thấp, tìm vị trí cây thấp. Người ở vị trí càng thấp càng tốt, tay ôm cổ; phần tiếp xúc của người với mặt đất là ít nhất; nhón chân, không được nằm xuống đất.

- Sét gây tác hại hệ thần kinh, gãy xương, mất thính giác, thị giác, hay trí nhớ. Người bị sét đánh cần được cứu trợ ngay tức khắc, nếu bị ngất (tìm ngừng đập, tắt thở) phải thực hiện khẩn cấp các động tác hô hấp, trợ tim nhân tạo, đặc biệt cần thận không di dời những nạn nhân nếu nghi ngờ bị gãy cột sống, để những nơi bị bỏng phải khô và tìm cách nhanh nhất để nhân viên y tế cấp cứu.

❖ Đối với mưa đá

- Đối với người: Nếu đang đi ngoài đường mà gặp mưa đá, nên lập tức dừng lại tìm chỗ tránh trú, đội mũ bảo hiểm để tránh đá rơi vào đầu, chờ đá trên đường tan hết mới tiếp tục di chuyển để tránh trơn ngã.

3.8.4.3. Công tác khắc phục hậu quả sau thiên tai

Sau thiên tai, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương huy động lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị để nhanh chóng khắc phục khẩn trương và có hiệu quả, tập trung một số công việc:

- Cứu nạn cho người và bảo vệ tài sản.

- Sửa chữa, khắc phục nhà sập, nhà tốc mái,....

- Dọn dẹp cây ngã, đổ, các vật liệu bị rơi, vỡ gây cản trở giao thông và ảnh hưởng đến các công trình khác.

- Khắc phục sự cố về giao thông (đường, cầu, cống), đường điện (cột điện ngã đổ, đứt đường dây, trạm biến áp bị hư hại,...) và hạ tầng kỹ thuật bị thiệt hại khác.

- Khắc phục các sự cố tàu thuyền bị đánh chìm, trôi dạt, hư hỏng và tổ chức tìm kiếm người, tàu thuyền bị mất liên lạc.

- Cứu trợ các cá nhân, gia đình bị thiệt hại.

- Tổ chức kiểm kê, đánh giá thiệt hại theo đúng quy định và báo cáo Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp trên. Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai và Thủ tướng Chính phủ.

- Các địa phương triển khai các biện pháp phục hồi sản xuất, báo cáo UBND tỉnh hỗ trợ khắc phục thiệt hại theo các quy định hiện hành

3.9. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI MƯA LỚN (CẤP ĐỘ RRTT CẤP 1-2)

3.9.1. Thời điểm triển khai các hoạt động ứng phó

Vào cao điểm mùa mưa hàng năm từ tháng đầu tháng 8 đến cuối tháng 10 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thường xuất hiện các trận mưa lớn có thể kéo dài nhiều ngày gây ngập lụt cục bộ tại nhiều địa phương làm ảnh hưởng đến sinh hoạt và sản xuất của người dân.

Với mạng lưới 11 điểm đo mưa (7 trạm khí tượng, thủy văn và 4 điểm đo mưa nhân dân) trải khắp trên địa bàn 9/11 huyện/Tp của tỉnh, việc dự báo mưa và cảnh báo mưa lớn cho các địa phương trong tỉnh là khá thuận lợi. Hiện tại, khả năng dự báo sớm các trận mưa lớn và phát hành các bản tin cảnh báo, dự báo như sau:

- Bản tin cảnh báo mưa lớn được ban hành khi phát hiện mưa lớn có khả năng xảy ra trước 48 giờ. Các tin cảnh báo mưa lớn tiếp theo được ban hành mỗi ngày 02 bản tin vào lúc 9 giờ 00 và 15 giờ 30.

- Bản tin dự báo mưa lớn được ban hành khi phát hiện mưa lớn có khả năng xảy ra trước 24 giờ. Tin dự báo mưa lớn mỗi ngày ban hành 4 bản tin vào lúc: 3 giờ 30, 9 giờ 00, 15 giờ 30 và 21 giờ 00; trong trường hợp xảy ra mưa đặc biệt lớn hoặc rất nguy hiểm, có thể ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

Như vậy, căn cứ để triển khai phương án ứng phó mưa lớn dự trên các bản tin cảnh báo mưa lớn trước 48h trong các điều kiện cụ thể như sau:

- Tin về Lượng mưa 24h từ 100-200mm/24 giờ hoặc 50-100mm/12 giờ kéo dài từ 1-2 ngày.
- Tin về Lượng mưa 24h từ 100-200mm từ trên 2-4 ngày.

3.9.2. Xác định kịch bản ứng phó

Đối với địa bàn tỉnh Đồng Nai, xây dựng 02 kịch bản ứng phó với mưa lớn theo 02 cấp độ RRTT như sau:

- Kịch bản 1: Mưa lớn cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1. Đặc trưng trận mưa: lưu lượng 100-200mm/24h hoặc 50-100mm/12h. Mưa liên tục từ 1-2 ngày trên toàn tỉnh.

- Kịch bản 2: Mưa lớn cấp độ rủi ro thiên tai cấp 2. Đặc trưng mưa: Lượng mưa 24h từ 100-200mm kéo dài từ trên 2 đến 4 ngày trên địa bàn toàn tỉnh. Các hồ Sông Mây, Đa Tôn, Cầu Mới tuyến V, Cầu Mới tuyến VI xả lũ với tần suất thiết kế.

3.9.3. Xác định phạm vi và đối tượng bị ảnh hưởng

Căn cứ theo kết quả phân tích chế độ mưa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, dữ liệu thống kê ảnh hưởng do mưa lớn trên địa bàn 11 huyện/Tp trong lịch sử và kết quả phân tích đặc điểm địa hình, địa vật từ các bản đồ số hóa đã thu thập, dự kiến ***có khoảng 209 điểm ngập đối với kịch bản mưa lớn RRTT cấp 1 và 249 điểm ngập với kịch bản mưa lớn RRTT cấp 2 kết hợp các hồ Sông Mỹ, Đa Tôn, Cầu Mới tuyến V, Cầu Mới tuyến VI xả lũ với tần suất thiết kế***, được tổng hợp trong Bảng 3.7 dưới đây (Chi tiết trong ***Phụ lục 4.5, Phần phụ lục***).

Trong đó, đối với kịch bản RRTT cấp độ 1, các điểm ngập chủ yếu là ngập cục bộ, trong thời gian ngắn do khả năng thoát nước kém và nước rút nhanh khi hết mưa. Đối với kịch bản RRTT cấp 2 mưa lớn kéo dài khiến nhiều khu vực bị ngập sâu kéo dài trong nhiều ngày ***dự kiến có khoảng 18.324 hộ/82.322 nhân khẩu phải sơ tán tập trung***, cụ thể số liệu trong Bảng 3.6 và phương án di tản Bảng 3.7, chi tiết đính kèm trong Phụ lục 5.3, Phần phụ lục.

Bảng 3.6: Tổng hợp khu vực có nguy cơ ngập do mưa lớn

STT	Huyện/TP	Xã/phường/thị trấn	Số điểm ngập (điểm)	
			RRTT cấp 1	RRTT cấp 2
1	Long Khánh	Bảo Vinh, Bảo Quang, Bàu Trâm, Xuân Hòa, Bàu Sen, Xuân Lập, Xuân Tân, Phú Bình, Xuân Trung	12	18
2	Xuân Lộc	TT. Gia Ray, Lang Minh, Suối Cao, Xuân Hiệp, Xuân Bắc, Tân Thành, Xuân Hưng, Xuân Thọ, Suối Cát, Xuân Định, Xuân Trường	16	23
3	Cẩm Mỹ	Sông Ray, Xuân Mỹ, Xuân Bảo, Xuân Tây, Sông Nhạn, Long Giao, Xuân Đông, Xuân Bảo, Lâm Sơn	17	18
4	Trảng Bom	Trảng Bom, Thanh Bình, Bàu Hàm, Đồi 61, Bắc Sơn, Tây Hòa, An Viễn, Đông Hòa, Giang Điền	13	16
5	Thống Nhất	Gia Tân 2, Gia Kiệm, Hưng Lộc, Lộ 25, Xuân Thiện, Xuân Thạnh, Quang Trung	11	11
6	Vĩnh Cửu	Phú Lý, Thạnh Phú, Hiếu Liêm, Vĩnh An, Mã Đà, Trị An	18	22
7	Nhơn Trạch	Long Thọ, Phước Thiện, Hiệp Phước, Vĩnh Thanh, Đại Phước, Phú Hội, Phú Thạnh, Long Tân, Phú Hữu, Phước An	13	13
8	Biên Hòa	Long Bình Tân, Long Bình, Hoà An, Trung Dũng, Quyết Thắng, Bửu Long, Tam Hiệp, Tân Hiệp, Trảng Dài, An Hoà, Hố Nai, Tân Biên, An Bình, Tam Phước, Tân Vạn, Phước Tân, Tân Mai, Tân Hoà, Tân Tiến, Tân Phong	55	55
9	Long Thành	Phước Thái, Phước Bình, Long An, An Phước, Bàu	16	25

STT	Huyện/TP	Xã/phường/thị trấn	Số điểm ngập (điểm)	
			RRTT cấp 1	RRTT cấp 2
		Cạn, Suối Trầu, Long Đức, Tam An, Lộc An, Long Phước, Long Thành		
10	Tân Phú	Xã Tài Lài, Phú Điền, Trà Cỏ, Phú Lộc, Phú Lâm, Phú Xuân, Phú Sơn, Phú Thịnh	13	23
11	Định Quán	La Ngà, Phú Ngọc, Ngọc Định, Thanh Sơn, Phú Hoà, Phú Tân, Gia Canh, Định Quán, Phú Lợi, Suối Nho, Phú Cường, Phú Túc, Túc Trưng	25	25

Bảng 3.7: Số lượng dân cần sơ tán tập trung do mưa lớn có cấp RRTT cấp độ 2

STT	Huyện/TP	Xã/phường/TT	Số liệu sơ tán	
			Số hộ (hộ)	Số người (người)
	Toàn tỉnh		18.324	82.322
1	Long Khánh	Bảo Vinh, Bảo Quang, Bàu Trâm, Xuân Hòa, Bàu Sen, Xuân Lập, Xuân Tân, Phú Bình, Xuân Trung	1.067	4.425
2	Xuân Lộc	Gia Ray, Lang Minh, Suối Cao, Xuân Hiệp, Xuân Bắc, Tân Thành, Xuân Hưng, Xuân Thọ, Suối Cát, Xuân Định, Xuân Trường	766	3.261
3	Cẩm Mỹ	Xuân Mỹ, Xuân Bảo, Xuân Tây, Sông Nhạn, Long Giao, Xuân Đông, Thừa Đức	210	827
4	Trảng Bom	Thanh Bình, Bàu Hàm, Đồi 61, Bắc Sơn, Hố Nai 3, Đông Hòa, Giang Điền	1.027	4.778
5	Thống Nhất	Gia Tân 2, Gia Kiệm, Hưng Lộc, Lộ 25, Xuân Thiện, Quang Trung	1.378	4.890
6	Long Thành	Phước Thái, Phước Bình, Long An, Long Phước, Bàu Cạn, Suối Trầu, Long Đức, Tam An, Lộc An, Long Phước, Vĩnh Thanh	944	3.706
7	Định Quán	Phú Hoà, Phú Tân, Gia Canh, Suối Nho, Phú Cường, Thanh Sơn, Túc Trưng	1.025	5.125
8	Tân Phú	Xã Tài Lài, Phú Điền, Trà Cỏ, Phú Lộc, Phú Lâm, Phú Xuân, Phú Sơn, Phú Thịnh	1.354	6.110
9	Biên Hòa	Long Bình Tân, Long Bình, Hoà An, Bửu Long, Tân Hiệp, Trảng Dài, Tân Hoà, Tân Hạnh, Hoà An, An Hoà, Hố Nai, Tân Vạn, Phước Tân, Tân Phong, Trung Dũng, An Bình, Bình Đa, Tân Mai, Tân Vạn, Tam Phước, Long Hưng, Hoà Bình, Thống Nhất, Tân Tiến, Quang Vinh, Tam Hoà, Tam Hiệp, Quyết Thắng	7.977	39.580
10	Vĩnh Cửu	Tân An, Vĩnh Tân, Thiện Tân	1.966	7.310
11	Nhơn Trạch	Long Thọ, Phước Thiện, Hiệp Phước, Đại Phước, Phú Thạnh, Long Tân, Phú Hữu	610	2.320

3.9.4. Nội dung phương án ứng phó

3.9.4.1. Công tác phòng ngừa, chuẩn bị trước mùa mưa bão hàng năm

Trước mùa mưa bão hàng năm, Ban chỉ huy PCTT-TKCN các cấp triển khai các công tác rà soát, chuẩn bị ứng phó với thiên tai mưa lũ theo các nội dung đã trình bày chi tiết tại Mục 3.7.4.1. Phương án ứng phó với lũ, ngập lụt.

3.9.4.2. Công tác ứng phó giai đoạn trước khi thiên tai xảy ra

Giai đoạn trước thiên tai tính từ khi Tổng Cục KTTV phát hành bản tin dự báo mưa lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trước 48h hoặc tin cảnh báo mưa lớn trước 24h. Khi nhận được các bản tin trên, Thường trực Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh tham mưu, đề xuất Trưởng Ban chỉ huy ra thông báo triển khai phương án ứng phó với mưa lớn. Các hành động cụ thể ứng phó trong giai đoạn này như sau:

❖ *Đài KTTV tỉnh Đồng Nai:*

- Cung cấp thông tin về diễn biến thiên tai (bản tin).
- Triển khai Phương án bảo đảm thông tin về dự báo, cảnh báo đến lãnh đạo tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh.

❖ *Bộ CHQS tỉnh*

- Triển khai công điện của các cấp về công tác ứng phó với mưa lũ. Tổ chức họp Ban Chỉ huy PCTT-TKCN chỉ đạo cơ quan, đơn vị tăng cường trực trực chỉ huy, trực ban) theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình thời tiết; sẵn sàng lực lượng, phương tiện ứng phó.

- Chỉ đạo kiểm tra các đơn vị bảo đảm vật chất, lương thực, thực phẩm, quân trang, xăng dầu, quân y, phương tiện vận tải phục vụ công tác sẵn sàng ứng phó mưa lũ.

- Tổ chức triển khai lực lượng chằng chống nhà cửa cho cơ quan, đơn vị của Bộ CHQS tỉnh; sử dụng các đơn vị trực thuộc tham gia chằng chống doanh trại, nhà kho, tiếp tục cắt tỉa cây xanh; giúp dân chằng chống nhà cửa, sơ tán người, tài sản, phương tiện theo kế hoạch đã hiệp đồng với các đơn vị của Bộ, Quân khu tham gia PCTT và TKCN trên địa bàn. Sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ khác khi có lệnh.

- Tổ chức các tổ Quân y cơ động sẵn sàng tham gia tìm kiếm cứu nạn, xử lý vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh cho đơn vị, nhân dân ở các vùng trọng điểm khi thiên tai diễn ra.

❖ *Công an tỉnh*

- Tập kết lực lượng, phương tiện, trang thiết bị vào các bến bãi, vị trí khi có tin cảnh báo mưa lớn, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ sơ tán dân khi có lệnh.

- Phối hợp với Sở GT-VT và các địa phương triển khai Phương án bảo đảm an toàn giao thông, chốt chặn các tuyến đường và các khu vực nguy hiểm.

- Rà soát Phương án bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ tài sản nhà nước và nhân dân.

❖ *Sở Xây dựng*

- Hướng dẫn việc chằng chống nhà ở, nhà xưởng, kho tàng, công trình công cộng trước khi mưa lớn.
- Rà soát Phương án phòng, chống lụt, bão cho các công trình, công trình đang thi công dở dang, tháp cầu, cây xanh, hệ thống điện chiếu sáng, cấp nước.
- Phối hợp với Sở GT-VT sẵn sàng triển khai phương án huy động các trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác ứng phó mưa lũ.
- Phối hợp với Sở TT-TT rà soát phương án bảo đảm an toàn các công trình viễn thông, các trụ anten trong khu dân cư.

❖ *Sở NN-PTNT*

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới.
- Rà soát, kiểm tra kế hoạch sơ tán dân vùng có nguy cơ ngập do mưa lớn và báo cáo về Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh.
- Phối hợp UBND cấp huyện triển khai công tác bảo đảm an toàn hồ chứa, đập dâng, đê, kè, kênh mương trên địa bàn.
- Tham mưu Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh, UBND tỉnh vận hành điều tiết hồ thủy lợi do UBND tỉnh quản lý; vận hành điều tiết hồ chứa nước trong các tình huống khẩn cấp, lũ lớn.
- Đôn đốc, chỉ đạo công tác trực ban của Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy PCTT-TKCN các cấp.

❖ *Sở GT-VT*

- Chuẩn bị triển khai Phương án phòng, chống bão đối với các công trình giao thông.
- Phối hợp với chính quyền địa phương rà soát điều động phương tiện bảo đảm sẵn sàng vận chuyển người dân sơ tán đến trú tránh an toàn khi có lệnh.
- Bố trí lực lượng kiểm soát giao thông, bảo vệ cầu trên các tuyến Quốc lộ, Tỉnh lộ và hệ thống giao thông đô thị trong tỉnh.
- Chuẩn bị phương án phối hợp với Bộ CHQS tỉnh trong công tác giải phóng lòng đường phục vụ ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn.
- Phối hợp với Sở Xây dựng rà soát phương án chuẩn bị huy động trang thiết bị, phương tiện, vật tư phục vụ công tác sơ tán, ứng phó.

❖ *Sở Công Thương và Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai*

- Sở Công Thương: Rà soát Phương án chuẩn bị, dự trữ, cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân trước và sau bão; Phối hợp với Chi cục Quản lý thị trường tỉnh quản lý tốt thị trường, giá cả, chất lượng hàng hóa trong thiên tai xảy ra. Triển khai Phương án phòng, chống mưa lũ đối với các công trình, kho tàng, trụ sở của ngành.

- Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai: Chuẩn bị Phương án bảo đảm an toàn hệ thống, mạng lưới điện cho tất cả các cấp điện thế.

❖ *Sở TN-MT*

- Phối hợp với Sở Xây dựng rà soát các khu vực có nguy cơ ngập úng và chuẩn bị Phương án xử lý ngập úng.

- Sẵn sàng Phương án tổ chức khắc phục môi trường sau mưa lũ; phương án xử lý sự cố tràn dầu, phương án bảo đảm an toàn các công trình, xử lý môi trường.

❖ *Sở Y tế*

- Khẩn trương tổ chức công tác chuẩn bị phòng tránh nhằm bảo đảm an toàn các bệnh viện, cơ sở điều trị, kho dự trữ thuốc, trang thiết bị y tế của ngành.

- Triển khai chặt tĩa cây xanh dễ đổ ngã, chằng chống, neo buộc đối với các cơ sở y tế bán kiên cố, lập phương án di dời bệnh nhân, thuốc, trang thiết bị đến nơi an toàn.

- Các đơn vị phải bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị y tế phục vụ cấp cứu, khám chữa bệnh, điều trị bệnh nhân. Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh kiểm tra lại cơ sở thuốc, hóa chất phòng chống lụt bão, sẵn sàng cấp cứu kịp thời các trường hợp bị nạn.

- Tổ chức cung ứng, phân phối vật tư, hóa chất, thiết bị cho các địa phương đã sơ tán dân do thiên tai sử dụng kịp thời, hiệu quả.

- Tham gia cùng với Bộ CHQS tỉnh, Công an tỉnh rà soát công tác cấp cứu của các Đội cứu hộ, cứu nạn.

❖ *Sở GD-ĐT*

- Triển khai công tác phòng, chống lụt bão cho các công trình, cơ sở giáo dục.

- Phối hợp với các địa phương chuẩn bị các cơ sở giáo dục đào tạo làm nơi sơ tán nhân dân.

- Theo dõi tình hình mưa lũ để kịp thời thông báo cho các trường học cho học sinh, sinh viên tạm nghỉ học tránh mưa lũ khi có chỉ đạo của UBND tỉnh hoặc của Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh.

❖ *Sở TT-TT, Đài PT-TH Đồng Nai, Báo Đồng Nai và Cổng thông tin điện tử tỉnh:*

- Triển khai Phương án thông tin truyền thông, kịp thời phát tin bão, các công điện, văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh và Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh cho chính quyền, cộng đồng, người dân.

- Triển khai Phương án phân công phóng viên đến các vùng trọng điểm về thiên tai để kịp thời đưa tin về tình hình thiên tai, ứng phó và khắc phục.

- Triển khai Phương án bảo đảm an toàn các cơ sở phát thanh, truyền hình, các công trình viễn thông, các trụ ăng ten trong khu dân cư; Phương án dự phòng và bảo đảm an toàn, thông suốt liên lạc với Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện.

❖ *Sở VH-TT-DL*

- Triển khai Phương án bảo đảm an toàn cho tất cả các cơ sở văn hóa, thể thao.
- Kiểm tra, xử lý, tháo dỡ, hạ các biển quảng cáo (nếu cần thiết) nhằm bảo đảm an toàn khi có thiên tai.

❖ *Văn phòng UBND tỉnh*

- Triển khai Phương án phòng, chống bão cho trụ sở UBND tỉnh.
- Bố trí nơi làm việc và điều kiện làm việc của Ban Chỉ đạo tiền phương Trung ương Phòng, chống thiên tai (Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT, các Bộ, ngành, ...);
- Bảo đảm kết nối thông tin chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh với Trung ương và các địa phương tại phòng họp UBND tỉnh.
- Đăng tải thông tin mưa, lũ và các văn bản chỉ đạo trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

❖ *Công ty TNHH MTV Khai thác các công trình thủy lợi Đồng Nai:*

Đối với Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai, Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp các huyện/TP và các đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy lợi khác: Bố trí lực lượng đủ năng lực chuyên môn để quản lý, vận hành các công trình theo quy định. Thường xuyên tổ chức kiểm tra công trình ngay cả khi không có mưa bão. Tăng cường theo dõi, cập nhật dự báo khí tượng thủy văn. Tổ chức vận hành thử các công trình bơm tiêu, cống tiêu, cửa van, thiết bị phục vụ xả lũ các hồ chứa nước và bố trí đầy đủ vật tư, thiết bị dự phòng, bảo đảm kịp thời sửa chữa, thay thế trong trường hợp gặp sự cố. Nạo vét, khơi thông hệ thống kênh tiêu để chủ động tiêu úng, thoát lũ.

❖ *UBND các huyện, thị xã, thành phố:*

- Tổ chức trực ban 24/24h, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, thông tin cảnh báo kịp thời đến chính quyền cơ sở và người dân để chủ động phòng, tránh.
- Tổ chức, hướng dẫn di chuyển, chằng buộc, gia cố các lồng bè nuôi trồng thủy sản để bảo đảm an toàn cho người và giảm thiệt hại đối với nuôi trồng thủy sản.
- Tranh thủ thu hoạch, chủ động tháo nước diện tích gieo trồng vụ mùa, kê và đưa lên cao lúa giống gieo sạ; thu hoạch thủy hải sản trên các lồng bè, ao hồ.
- Chỉ đạo, hướng dẫn chằng chống, gia cố nhà cửa, trụ sở, trường học, bệnh viện, kho tàng, ... và các công trình công cộng, đặc biệt đối với công trình cột, tháp cao, biển quảng cáo, nhà cao tầng đang thi công; tổ chức cắt tỉa cành cây tại các khu đô thị, khu dân cư.
- Tổ chức kiểm tra, rà soát lại lực lượng, phương tiện, vật tư sẵn sàng ứng phó khi có yêu cầu; rà soát lại Phương án sơ tán, kiểm tra và thực hiện công tác bảo đảm an toàn nơi sơ tán đến phù hợp
- Sẵn sàng Phương án phòng, chống lũ, lũ quét, vỡ hồ chứa do mưa lớn.
- Bảo đảm lương thực, nước uống, y tế dự trữ sẵn sàng sử dụng khi có thiên tai.

❖ *Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp xã*

- Chỉ đạo đài truyền thanh xã tuyên truyền thông tin về mưa lũ; sẵn sàng kết nối trực tuyến phục vụ các cuộc họp chỉ đạo, điều hành của huyện, tỉnh, trung ương.

- Chuẩn bị nguồn lực, sẵn sàng phương án sơ tán dân; chỉ đạo kê khai ban đầu đối với các hộ chăn nuôi tập trung, nuôi trồng thủy sản.

- Dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc phòng chữa bệnh tại các địa bàn dễ bị chia cắt; tuyên truyền vận động các hộ dân chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm, nước uống trong 05 ngày.

- Huy động lực lượng xung kích sẵn sàng ứng phó, hỗ trợ người dân: chẳng buộc, gia cố các lồng bè nuôi trồng thủy sản; vận động người dân thu hoạch sớm nuôi trồng thủy sản để giảm thiểu thiệt hại; chẳng chống nhà cửa, sơ tán dân, hướng dẫn giao thông tại các vị trí có nguy cơ sạt, trượt, ngập nước.

- Kiểm tra hiện trạng công trình và công tác hậu cần các điểm sơ tán tập trung.

- Tổ chức trực ban 24/24h; rà soát, thống kê, báo cáo tình hình, diễn biến mưa lũ về Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN huyện.

❖ *Đối với người dân:*

+ Theo dõi tình hình khí tượng thủy văn và các thông báo của chính quyền qua Đài phát thanh Truyền hình và hệ thống truyền thanh xã, phường, thị trấn.

+ Đối với các hộ dân trên đất liền: Nhanh chóng thu hoạch lúa, hoa màu chạy lũ. Gia cố chuồng trại, di dời vật nuôi lên các điểm cao, kiên cố để đảm bảo an toàn.

+ Đối với các hộ thả nuôi trên lòng hồ, lòng sông: Di chuyển các bè nuôi và khu vực an toàn. Khẩn trương thu hoạch trước khi lũ về đối với các ao nuôi, lồng bè đã đạt kích cỡ thu hoạch hoặc không đủ điều kiện an toàn khi có mưa, lũ.

+ Nhanh chóng gia cố, nâng cấp bờ bao còn thấp trên phần đất của mình. Sẵn sàng đóng góp vật tư, vật liệu được chuẩn bị tại chỗ theo sự phân công của chính quyền để hộ đề khi có yêu cầu.

+ Chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, thuốc và vật dụng cứu thương gia đình. Kiểm tra thiết bị điện trong nhà, di dời các hóa chất, thuốc trừ sâu ra khỏi nơi có nguy cơ bị ngập; tổ chức chẳng chống và kê kích nhà cửa.

+ Có trách nhiệm đảm bảo an toàn về người và phương tiện, tuân thủ các quy định về điều kiện an toàn đối với hoạt động của các bến đò ngang, đò dọc. Chủ động dừng hoạt động trên sông khi thấy không an toàn.

+ Đối với người dân ở những vùng nguy hiểm (vùng thấp trũng, vùng nguy cơ sạt lở cao) cần chuẩn bị sơ tán khi có lệnh để đảm bảo an toàn.

+ Báo cáo ngay cho chính quyền địa phương khi phát hiện thấy những sự cố hư hỏng công trình có thể gây nguy hiểm (đê, kè, cống, bọng, trụ điện...).

3.9.4.3. Công tác ứng phó trong giai đoạn thiên tai diễn ra

3.9.4.3.1. Giai đoạn mưa lớn trên diện rộng ứng với cấp độ RRTT cấp 1

a) Tình hình, diễn biến mưa:

Mưa lớn trên diện rộng xảy ra tại địa bàn tỉnh với lượng mưa đo được lớn nhất tại một số trạm từ 100-200mm trong 24h. Dự báo trong 24h tiếp theo mưa còn tiếp diễn với cường độ mưa tương tự.

Với lượng mưa lớn, nhiều khu vực trên địa bàn tỉnh xảy ra tình trạng ngập úng cục bộ trong đó, trung tâm TP Biên Hoà có nhiều điểm ngập nhất do hiện trạng hạ tầng thoát nước của địa phương không đảm bảo khả năng tiêu thoát nước ra sông lớn. Các điểm ngập chủ yếu là các tuyến đường giao thông, khu vực ven sông suối lớn và một số cánh đồng trũng, thấp rải rác tại 11 huyện/TP trên địa bàn Tỉnh như đã thống kê trong Bảng 4.6 và phụ lục 4.5. Thời gian ngập tại các điểm ngập cục bộ đô thị không quá dài và nước sẽ rút hết trong khoảng 2-3 giờ sau khi hết mưa. Đối với các khu vực ngập cục bộ tại các điểm ven sông, suối, các cánh đồng trũng thấp thời gian ngập có thể kéo dài 12h đến 1 ngày gây thiệt hại cây trồng. Do đó, trong giai đoạn này chưa cần phương án di tản dân.

b) Công tác chỉ đạo, điều hành ứng phó

Chủ tịch UBND cấp huyện/TP có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai do mưa lớn diễn ra trên diện rộng. Chủ tịch UBND chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng chống thiên tai cấp trên.

Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện và cấp xã căn cứ theo tình hình thực tế khẩn trương triển khai Phương án, kế hoạch phòng, chống, ứng phó với mưa lớn tại địa phương. Thống kê, đánh giá thiệt hại và tổng hợp, báo cáo về Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh. Nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị như sau:

- Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện/TP:
 - + Tổ chức trực ban 24/24 giờ, theo dõi chặt chẽ diễn biến của mưa lũ, tiếp nhận và xử lý các thông báo, chỉ đạo công tác ứng phó của cấp trên.
 - + Cử cán bộ trực tiếp xuống hiện trường phối hợp với địa phương theo dõi và xử lý trực tiếp tại các điểm xung yếu;
 - + Tiếp nhận các thông tin về tình hình, diễn biến ngập và thiệt hại từ cấp xã để chỉ đạo phương án xử lý tại chỗ hoặc báo cáo lên cấp trên;
 - + Chỉ đạo các đơn vị chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện cứu hộ cứu nạn hiện có và phương án huy động tăng cường lực lượng, phương tiện, trang bị khi có yêu cầu.
 - + Căn cứ vào diễn biến thời tiết và tình hình ngập tại hiện trường, triển khai phương án sơ tán dân khi tình hình mưa lũ tiếp tục diễn biến phức tạp.
- Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện/TP, Công an huyện/TP (Đội Cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ), Trung tâm dịch vụ nông nghiệp các huyện

triển khai lực lượng, vận hành trạm bơm, máy bơm (cố định, cơ động) để bơm chống ngập tại các khu vực bị ngập sâu, chú trọng đến các cánh đồng lúa, khu dân cư tập trung, bệnh viện, trường học, chợ, kho tàng... để tập trung xử lý.

- Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện/TP, Công an huyện/TP: Tổ chức kiểm tra lại các tuyến đường giao thông trọng điểm, phát hiện kịp thời các phát hiện các khu vực ngập, sạt lở để tiến hành thực hiện các giải pháp khẩn cấp nhằm đảm bảo thông đường, thông tuyến trong suốt thời gian thiên tai xảy ra. Giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đội duy tu sửa chữa, điều động lực lượng giải quyết nhanh, ưu tiên theo thứ tự Quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ, đặc biệt lưu ý những trục giao thông chính đảm bảo vận chuyển người, lương thực.... Bố trí cụ thể phương tiện để vận chuyển sơ tán dân tránh bão theo kế hoạch, yêu cầu của Ban Chỉ huy PCTT-TKCN của huyện/TP.

- Ban CHQS huyện/TP phối hợp với Công an huyện triển khai lực lượng, phương tiện (xe tải, xe buýt, ca nô, tàu, thuyền, xuồng...) chi viện cho các xã phường trọng yếu di dời, sơ tán dân và tài sản của dân tại các khu vực bị ảnh hưởng, hỗ trợ nhân dân đi lại an toàn và tổ chức việc cứu hộ - cứu nạn trên các địa bàn bị ảnh hưởng; sẵn sàng phối hợp với các đơn vị hỗ trợ, tiếp ứng cho các địa phương khi cần thiết.

- Công an huyện triển khai các lực lượng để bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, các công trình trọng điểm, tài sản của nhân dân, Nhà nước và doanh nghiệp, ngăn ngừa các đối tượng xấu lợi dụng tình hình thiên tai để trộm cắp, cướp giật; chỉ đạo lực lượng Cảnh sát cơ động, Cảnh sát giao thông triển khai lực lượng phân luồng, điều phối, hướng dẫn giao thông tại các tuyến đường nguy hiểm, để người dân biết và hạn chế đi lại; đảm bảo giao thông huyết mạch tại các tuyến đường quan trọng, phục vụ công tác di dời dân, cứu hộ, cứu nạn, cứu sập, cứu trợ xã hội,...

- Điện lực các huyện/TP kịp thời cắt điện tại những nơi bị ngập sâu; bảo vệ hệ thống truyền tải điện, trạm biến thế, hướng dẫn việc sử dụng điện an toàn trong tình trạng ngập nước; đồng thời, xử lý khắc phục nhanh chóng sự cố đường dây tải điện bị hư hỏng để đảm bảo điện sinh hoạt cho khu vực ảnh hưởng.

- Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp xã/phường/thị trấn:

+ Tổ chức trực ban 24/24 giờ;

+ Phối hợp với các cơ quan, đơn vị điều tiết phân luồng giao thông đối với các tuyến đường bị ngập lụt; hỗ trợ người và các phương tiện giao thông khi xảy ra sự cố.

+ Tham gia hỗ trợ các cơ quan, đơn vị ứng trực tại các vị trí xung yếu, các vị trí ngập cục bộ, các tuyến đường bị ngập sâu, đặc biệt là đối với các vị trí cống thoát nước không có tấm lưới chắn rác, hố ga không có nắp hoặc bị hư hỏng.

+ Bố trí biển báo nguy hiểm tại các điểm cầu dân sinh bắc qua các sông suối có dòng nước chảy xiết. Bố trí cán bộ túc trực trong suốt thời gian mưa lũ tại vị trí này để cảnh báo, hướng dẫn người dân không đi vào vùng nguy hiểm có thể bị dòng nước cuốn trôi.

+ Chuẩn bị nhiên liệu, huy động máy bơm nước cơ động của các cơ quan, đơn vị và cá nhân trên địa bàn để thực hiện bơm chống ngập lụt.

+ Huy động và bố trí lực lượng xung kích phòng chống thiên tai túc trực tại các khu vực xung yếu, chuẩn bị sẵn sàng các loại vật tư (cù tràm, bao tải cát - đất, vĩ tre, lưới B40, sắt neo...) và dụng cụ, phương tiện cần thiết để thực hiện gia cố ngay các đoạn bờ bao xung yếu, đê, kè sông, kè suối, khắc phục các đoạn bờ bao bị bể, tràn, không để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân.

+ Chuẩn bị các địa điểm sơ tán dân; Chuẩn bị các nguồn nhu yếu phẩm, vật tư y tế cần thiết trong trường hợp mưa lũ tiếp tục diễn biến phức tạp.

c) Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

Nguồn lực lượng ứng phó tại chỗ được huy động tham gia công tác ứng phó thiên tai trên địa bàn là từ cấp xã và cấp huyện, trong đó nòng cốt là lực lượng xung kích PCTT cấp xã. Lực lượng của huyện được huy động và đặt trong trạng thái sẵn sàng tham gia công tác ứng phó khi có yêu cầu. Thành phần và nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Ban chỉ huy PCTT-TKCN huyện chỉ đạo trực tiếp tại chỗ;
- Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp xã/phường tổ chức thực hiện tại hiện trường;
- Đội xung kích PCTT-TKCN cấp xã/phường là lực lượng nòng cốt tham gia công tác ứng phó dưới sự chỉ đạo của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã.
- Lực lượng công an xã phụ trách hỗ trợ cứu hộ, cứu nạn và đảm bảo an ninh trật tự;
- Trạm y tế xã phụ trách sơ cấp cứu cho các nạn nhân tại hiện trường;

Nguồn lực lượng huy động xem chi tiết trong Phụ lục 2.1, Phần phụ lục.

Phương tiện tại chỗ: Sử dụng phương tiện cứu hộ, cứu nạn hiện cấp xã đang quản lý. Trưng dụng thêm các phương tiện của các cơ quan, đơn vị, cơ sở sản xuất và hộ dân trong khu vực khi cần thiết (chi tiết trong Phụ lục 2.2, Phần phụ lục).

Lực lượng và phương tiện sẵn sàng huy động: Nguồn lực chi viện từ các ban ngành của tỉnh như Bộ CHQS tỉnh, Công an, các Sở Y tế, Xây dựng, GT-VT,...

Nguồn lực lượng hiệp đồng: Các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn theo hiệp đồng tác chiến với Bộ CHQS tỉnh.

d) Công tác về vật tư, hậu cần tại chỗ:

Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp xã trực tiếp huy động các nguồn lại sẵn có tại địa phương để phục vụ công tác ứng phó và khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực tại chỗ trong dân bao gồm cả con người, các vật liệu địa phương sẵn có như để xử lý, khắc phục thiệt hại là hiệu quả nhất.

3.9.4.3.2. Giai đoạn khi xảy ra mưa lớn cấp độ RRTT cấp 2 và một số hồ thủy lợi của tỉnh xả lũ khẩn cấp

a) Tình hình, diễn biến mưa:

Sau 2 ngày mưa lớn liên tiếp với lượng mưa đo được tại một số trạm từ 100-200mm trong 24h, mưa chưa có dấu hiệu giảm. Dự báo trong 24h-48h tiếp theo mưa còn tiếp diễn

với cường độ mưa tương tự.

Với lượng mưa lớn, kéo dài từ 2-4 ngày sẽ khiến các khu vực ngập cục bộ trở thành các điểm ngập sâu. Lượng mưa lớn tập trung dồn về hạ du có khả năng gây ngập sâu cho các điểm dân cư nằm ven sông, ven suối khác.

Ngoài ra, một số hồ thủy lợi như Sông Mây, Đa Tôn, Cầu Mới Tuyền V, tuyền VI sau khi tích đủ nước nhưng lưu lượng lũ về hồ sau 2-4 ngày mưa liên tiếp quá lớn có khả năng ảnh hưởng đến an toàn đập do đó buộc phải xả lũ khẩn cấp với tần suất thiết kế. Căn cứ bản đồ ngập lụt vùng hạ du và phương án phòng lũ hạ du, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp của các công trình kể trên (đã được phê duyệt) có thể xác định được nhiều khu dân cư, khu vực canh tác phía hạ du các hồ chứa sẽ bị ngập sâu do mưa lớn kết hợp với hồ chứa xả lũ. Do đó cần tiến hành phương án sơ tán dân ngay khi kết thúc giai đoạn ứng phó cấp 1 nhưng dự báo tiếp tục mưa lớn trong 48h tiếp theo. Số lượng dân cần sơ tán được thể hiện trong Bảng 3.8 và chi tiết phương án sơ tán xem tại Phụ lục 5.3, Phần phụ lục.

Quy trình sơ tán dân thực hiện tương tự như phương án sơ tán dân trong tình huống Bão/ATNĐ đổ bộ trực tiếp vào địa bàn tỉnh Đồng Nai đã được trình bày chi tiết trong Mục 3.3.4.4.

b) Công tác chỉ huy, chỉ đạo

Chủ tịch UBND cấp tỉnh chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó thiên tai; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương.

Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như trong giai đoạn 1; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

Nhiệm vụ và nội dung ứng phó cụ thể đối với các đơn vị như sau:

❖ Ban chỉ huy PCTT-TKCN và các Sở, Ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh

- Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh trực tiếp chỉ đạo và triển khai các biện pháp phòng, chống, ứng phó theo phương án.

- Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh thường xuyên liên hệ chặt chẽ với Đài KTTV tỉnh để thường xuyên cập nhật thông tin tình hình thời tiết, khí tượng, thủy văn trong tỉnh, cảnh báo trước đến các sở, ngành, các huyện, thành phố và thông qua phương tiện truyền thông đến các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, nhất là nhân dân đang sinh sống tại các khu vực xung yếu, ven sông, vùng trũng thấp.

- Bộ CHQS tỉnh, Công an tỉnh, Sở GT-VT, Tỉnh Đoàn phối hợp chặt chẽ với các đơn vị tỉnh và chính quyền địa phương trọng điểm triển khai lực lượng, phương tiện tổ chức sơ tán, di dời dân và tài sản của dân tại các khu vực ngập sâu, bị chia cắt đến nơi tạm cư, trợ giúp nhân dân đi lại an toàn. Tổ chức trực ban nghiêm túc, tiếp nhận mọi thông tin do

người dân cung cấp để triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn, cứu sập, cháy nổ khi xảy ra ngập úng kịp thời, hiệu quả, đặc biệt là tại các khu vực bị ngập sâu.

- Sở Công Thương có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc các doanh nghiệp thuộc ngành (Doanh nghiệp kinh doanh xăng, dầu, lương thực, thực phẩm, hàng hóa tiêu dùng khác...) để phục vụ ứng cứu kịp thời khi có sự cố thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh, không để người dân thiếu đói.

- Công ty TNHH MTT Điện lực Đồng Nai chuẩn bị phương án kịp thời cắt điện tại những nơi bị ngập sâu; bảo vệ hệ thống truyền tải, thiết bị điện, trạm biến thế, hướng dẫn việc sử dụng điện an toàn trong tình trạng ngập nước, đồng thời xử lý khắc phục nhanh chóng sự cố đường dây tải điện bị hư hỏng để đảm bảo điện sinh hoạt cho khu vực ảnh hưởng.

- Sở GT-VT, Công an tỉnh triển khai lực lượng phân luồng, điều tiết, hướng dẫn giao thông, nhất là các tuyến đường huyết mạch của tỉnh; cấm biển báo tại các khu vực, tuyến đường nguy hiểm, bị ngập sâu để người dân biết và hạn chế đi lại. Huy động và cung ứng phương tiện vận tải để vận chuyển người, hàng hóa qua các khu vực nguy hiểm, ra khỏi vùng ngập sâu, bị chia cắt được an toàn, đảm bảo giao thông huyết mạch tại các tuyến đường quan trọng, cửa ngõ ra vào tỉnh, duy trì hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, chỉ huy thông suốt đến các huyện - thành phố, phường - xã - thị trấn, phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn, cứu sập, cứu trợ xã hội, cung ứng các dịch vụ cần thiết cho khu vực bị ngập úng, chia cắt; khẩn trương thu dọn cây xanh bị ngã, đổ.

- + Sở GT-VT tổ chức phối hợp với các huyện, thành phố kiểm tra các tuyến đường giao thông, phát hiện kịp thời các vị trí đã xuống cấp (chân ta luy đường, mố cầu đã bị sạt lở, v.v...) để tiến hành đưa ra giải pháp duy tu, sửa chữa trước mùa lũ, nhằm đảm bảo thông đường, thông tuyến trong thời gian lũ, lụt, triều cường.

- + Xây dựng Kế hoạch duy tu sửa chữa, điều động lực lượng giải quyết nhanh những nơi có yêu cầu cấp bách để ngăn lũ và triều cường kịp thời. Dự trữ vật tư phục vụ bảo vệ các công trình giao thông, chuẩn bị biển báo, biển cấm phương tiện lưu thông trên các tuyến đường không đảm bảo an toàn. Có phương tiện để sẵn sàng phục vụ vận chuyển di dời dân tránh lũ (khi có lệnh)

- UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở TN-MT và các đơn vị liên quan kiểm tra và có giải pháp xử lý an toàn không để phát tán nguồn ô nhiễm, chất độc hại (hóa chất, xăng dầu, rác thải...) ra môi trường.

- Sở Xây dựng phối hợp với UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện việc hướng dẫn, kiểm tra, xử lý đảm bảo an toàn công trình, nhà ở, nhà tập thể cũ, xuống cấp, nhất là những công trình ngầm, công trình có dấu hiệu nứt, lún, nghiêng do bị ngập úng.

- Công An tỉnh, Tỉnh Đoàn (lực lượng thanh niên tình nguyện) triển khai các lực lượng để bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, các công trình trọng điểm, tài sản của nhân dân, Nhà nước và doanh nghiệp, ngăn ngừa các đối tượng xấu lợi dụng tình hình thiên tai để trộm cắp, cướp giật.

- Sở Y tế tỉnh đảm bảo công tác cấp cứu, điều trị cho người bị nạn, phòng chống dịch bệnh do thiên tai gây ra và bảo đảm công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể khác: Tham gia ứng cứu khi xảy ra tình huống thiên tai. Tập hợp, huy động, kêu gọi các tổ chức, cá nhân tham gia ủng hộ và triển khai hỗ trợ các vùng bị xảy ra thiên tai.

- Sở GD-ĐT phối hợp UBND huyện theo dõi, nắm bắt tình hình ngập úng, chia cắt để thông báo quyết định cho học sinh nghỉ học kịp thời.

- Sở TT-TT chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện phương án, kế hoạch đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, bảo vệ đường dây viễn thông an toàn khi xảy ra ngập úng.

- Đài PT-TH tỉnh kịp thời thông tin và cảnh báo tình hình mưa lớn, tình trạng ngập úng tại các khu vực, tuyến đường, thông báo hướng dẫn giao thông của cơ quan chức năng để các tổ chức, nhân dân biết và chủ động tự phòng, chống và ứng phó.

❖ Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện và các phòng, ban trực thuộc UBND huyện, thành phố:

+ Luôn quán triệt phương châm “Bốn tại chỗ” trong giai đoạn phòng, chống ngay tại cơ sở để có kế hoạch tổ chức tốt công tác kiểm tra thực địa trước mùa mưa lũ. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến kịp thời các phương án, biện pháp chủ động phòng, chống của địa phương đến các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn để sẵn sàng thích ứng, tránh tình trạng bị động, lúng túng hoặc bất ổn, hoang mang khi đối phó, xử lý tình huống sự cố thiên tai, nhất là ngập úng:

+ Chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống hiệu quả: Chuẩn bị lực lượng, phương tiện: các sở, ngành, các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn khẩn trương chuẩn bị kế hoạch huy động lực lượng, phương tiện, vật tư tại chỗ của đơn vị, địa phương mình, nắm chắc các phương tiện, trang thiết bị hiện có do các đơn vị trực thuộc quản lý và các phương tiện, trang thiết bị trưng dụng trong nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để kịp thời huy động ứng cứu khi cần thiết. Toàn bộ hoạt động của các sở, ngành, huyện/TP, các xã, phường, thị trấn chuyển sang trạng thái sẵn sàng ứng phó.

+ Tổ chức trực ban 24/24 giờ để nắm chắc diễn biến tình hình mưa lớn, lũ, ngập lụt và triển khai các phương án ứng phó của địa phương, đơn vị mình. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh xác định các khu vực bị cô lập, ngập sâu để tập trung huy động lực lượng, phương tiện, vật tư chi viện cho huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn để xử lý tình huống giảm thiểu ngập úng, sơ tán, di dời, cứu trợ khẩn cấp (Phương án sơ tán dân chi tiết trong Phụ lục).

+ Chủ động phối hợp với lực lượng vũ trang, lực lượng chi viện, hỗ trợ của cấp trên và huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ tổ chức cứu nạn, cứu hộ, cứu sập, cháy nổ; chủ động sơ tán, di dời dân ở các khu vực ngập sâu, bị chia cắt đến nơi tạm cư an toàn đã được xác định, đảm bảo cung cấp các dịch vụ hậu cần trước hết là lương thực, nhu yếu phẩm, nước sạch, ánh sáng, thuốc men, chăm sóc sức khỏe cho người dân, vệ sinh môi trường, phòng dịch, bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

+ Chỉ đạo các Bệnh viện, Trung tâm Y tế dự phòng, Trạm Y tế huy động lực lượng y, bác sỹ tại chỗ, phương tiện, thiết bị, thuốc men để sơ cấp cứu, chữa bệnh cho người dân.

+ Chuẩn bị nhiên liệu, huy động máy bơm nước cơ động của các cơ quan, đơn vị và cá nhân trên địa bàn huyện/TP, xã, phường, thị trấn để thực hiện bơm chống ngập úng.

+ Điện lực các huyện/TP kịp thời cắt điện tại những nơi bị ngập sâu; bảo vệ hệ thống truyền tải điện, trạm biến thế, hướng dẫn việc sử dụng điện an toàn trong tình trạng ngập nước; đồng thời, xử lý khắc phục nhanh chóng sự cố đường dây tải điện bị hư hỏng để đảm bảo điện sinh hoạt cho khu vực ảnh hưởng.

❖ **Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp xã/phường/thị trấn:**

+ Tổ chức trực ban 24/24 giờ;

+ Phối hợp với các cơ quan, đơn vị điều tiết phân luồng giao thông đối với các tuyến đường bị ngập lụt; hỗ trợ người và các phương tiện giao thông khi xảy ra sự cố.

+ Tham gia hỗ trợ các cơ quan, đơn vị ứng trực tại các vị trí xung yếu, các vị trí ngập cục bộ, các tuyến đường bị ngập sâu, đặc biệt là đối với các vị trí cống thoát nước không có tấm lưới chắn rác, hố ga không có nắp hoặc bị hư hỏng.

+ Bố trí biển báo nguy hiểm tại các điểm cầu dân sinh bắc qua các sông suối có dòng nước chảy xiết. Bố trí cán bộ túc trực trong suốt thời gian mưa lũ tại vị trí này để cảnh báo, hướng dẫn người dân không đi vào vùng nguy hiểm có thể bị dòng nước cuốn trôi.

+ Chuẩn bị nhiên liệu, huy động máy bơm nước cơ động của các cơ quan, đơn vị và cá nhân trên địa bàn để thực hiện bơm chống ngập lụt.

+ Huy động và bố trí lực lượng xung kích phòng chống thiên tai túc trực tại các khu vực xung yếu, chuẩn bị sẵn sàng các loại vật tư (củi tràm, bao tải cát - đất, vĩ tre, lưới B40, sắt neo...) và dụng cụ, phương tiện cần thiết để thực hiện gia cố ngay các đoạn bờ bao xung yếu, đê, kè sông, kè suối, khắc phục các đoạn bờ bao bị bể, tràn, không để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân.

❖ **Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai**

- Phải đảm bảo hệ thống thông tin liên lạc khu vực đập, văn phòng Ban Quản lý các công trình hồ chứa nước luôn duy trì trạng thái hoạt động tốt, các thông tin đi và đến giữa các bên phải nhận được liên tục, đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đảm bảo tổ chức chỉ huy, thông tin liên lạc xuyên suốt 24/24;

- Trưởng trạm Khai thác công trình thủy lợi hồ chứa có trách nhiệm theo dõi sát diễn biến thời tiết và thông báo tình hình đến Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai.

- Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm thông báo lũ khẩn cấp trên lưu vực sông Thao – Rạch Đông và sông Đồng Nai đến các đơn vị (đơn vị chức trách), bao gồm: Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh; Ban chỉ huy PCTT-TKCN huyện Trảng Bom và Vĩnh Cửu; Ban chỉ huy PCTT-TKCN các xã Bình Minh, Bắc Sơn, Hố Nai 3, Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân, Sông Trầu phía hạ lưu biết để chuẩn bị chỉ đạo triển khai công tác ứng phó;

- Liên tục thông báo diễn biến lũ đến UBND các xã vùng hạ du đập để thông báo cho nhân dân hai bên bờ biết, chủ động ứng phó và phối hợp tốt với lực lượng chức năng khi tình huống diễn biến phức tạp;

- Tổ chức tuần tra liên tục đoạn hai bên bờ dòng chính phía sau đập tràn để đảm bảo không có người dân đi lại trong vùng dự kiến ngập nguy hiểm, kịp thời hỗ trợ nhân dân khi cần giúp đỡ di tản. Thời gian tuần tra là liên tục đến khi lũ kết thúc theo thông báo của Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai.

- Thiết lập cầu nối liên lạc, cung cấp thông tin cho các đơn vị chức trách về tình hình diễn biến lũ để chỉ đạo hỗ trợ, phối hợp phòng tránh. Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai liên tục cập nhật số liệu quan trắc mực nước về hồ, lượng mưa đến trên lưu vực và tình hình dự báo thời tiết để chỉ đạo và triển khai các phương án ứng phó và tìm kiếm cứu nạn kịp thời trong trường hợp hình thành thời tiết diễn biến bất thường vượt qua ngưỡng cảnh báo đã được thiết lập.

❖ **Đối với người dân:**

- Chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, thuốc và vật dụng cứu thương gia đình. Kiểm tra thiết bị điện trong nhà, di dời các hóa chất, thuốc trừ sâu ra khỏi nơi có nguy cơ bị ngập; tổ chức chằng chống và kê kích nhà cửa.

- Theo dõi tình hình khí tượng thủy văn và các thông báo của chính quyền qua Đài phát thanh Truyền hình và hệ thống truyền thanh xã, phường, thị trấn.

- Nhanh chóng gia cố, nâng cấp bờ bao còn thấp trên phần đất của mình. Sẵn sàng đóng góp vật tư, vật liệu được chuẩn bị tại chỗ theo sự phân công của chính quyền để hộ đề khi có yêu cầu.

- Có trách nhiệm đảm bảo an toàn về người và phương tiện, tuân thủ các quy định về điều kiện an toàn đối với hoạt động của các bến đò ngang, đò dọc. Chủ động dừng hoạt động trên sông khi thấy không an toàn.

- Đối với người dân ở những vùng nguy hiểm (vùng thấp trũng, vùng nguy cơ sạt lở cao) cần chuẩn bị sơ tán khi có lệnh để đảm bảo an toàn.

- Báo cáo ngay cho chính quyền địa phương khi phát hiện thấy những sự cố hư hỏng công trình có thể gây nguy hiểm (đê, kè, cống, bọng, trụ điện...).

c) Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Lực lượng ứng cứu: Quân đội, công an, dân quân tự vệ và các lực lượng khác của tỉnh. Căn cứ theo tình hình, diễn biến tai nạn thực tế, Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh phân bổ, điều phối các lực lượng tham gia ứng cứu của tỉnh một cách hợp lý chánh chòng chéo.

- Phương tiện, trang thiết bị: Các loại ca nô, tàu thuyền, xuồng, trạm bơm, máy bơm nước, các loại phao, nhà bạt, bè, mảng và các trang thiết bị khác.

- Công việc cần giao cho các lực lượng đã huy động bao gồm:

+ Tuần tra canh gác đê; tổ chức thực hiện phương án hộ đê; phương án đảm bảo an toàn hồ chứa; thực hiện tích nước xả lũ hợp lý nhằm hạn chế ngập lụt vùng hạ du;

+ Hỗ trợ, giúp dân sơ tán dân đối với vùng mưa lớn, bị ngập lũ nặng (Phương án sơ tán đính kèm trong Phụ lục);

+ Hỗ trợ dân thu hoạch lúa, hoa màu; di chuyển các lồng bè nuôi trồng thủy sản đến nơi an toàn;

+ Tổ chức cấm biển báo, bố trí lực lượng ứng trực chốt, chặn, cấm người, phương tiện qua lại ở những đoạn đường bị ngập;

- Các ngành dọc thực hiện các nhiệm vụ của lĩnh vực mình quản lý:

+ Lực lượng công an: Đảm bảo an ninh trật tự khu vực bị ảnh hưởng; Bố trí lực lượng bảo vệ tài sản, cơ sở hạ tầng, ...;

+ Lực lượng thông tin: Duy trì thông tin liên lạc tại các trọng điểm xung yếu bằng hệ thống điện thoại cố định, vô tuyến cố định hiện có; Xử lý kịp thời các sự cố về viễn thông; khi xảy ra sự cố, chỉ đạo ứng cứu, xử lý kịp thời, theo thứ tự ưu tiên.

+ Lực lượng giao thông: Khắc phục, xử lý ách tắc giao thông vùng mưa lớn, ngập lụt; Cấm biển báo hiệu tại khu vực bị ảnh hưởng; bố trí cán bộ điều khiển giao thông; phân luồng giao thông để các phương tiện được lưu thông dễ dàng; Xử lý, khắc phục những tuyến đường bị ách tắc do sạt lở, cây cối gãy đổ hoặc bị các sự cố khác do mưa lớn gây ra; Phân công cụ thể cho các sở, ngành và các đơn vị chuyên ngành giao thông để xử lý các công việc theo nhiệm vụ.

d) Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ

Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp xã trực tiếp huy động các nguồn tại sẵn có tại địa phương để phục vụ công tác ứng phó và khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra. Sự dụng hiệu quả các nguồn lực tại chỗ trong dân bao gồm cả con người, các vật liệu địa phương sẵn có để xử lý, khắc phục thiệt hại hiệu quả nhất.

3.9.4.4. Công tác khắc phục hậu quả sau thiên tai

Nội dung công tác trong giai đoạn này giống với phương án ứng phó với lũ, ngập lụt đã trình bày tại Mục 3.7.4.4.

3.10. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ LŨ QUÉT, SẠT LỎ ĐẤT DO MƯA LŨ, DÒNG CHẢY (CẤP ĐỘ RRTT CẤP 1-2)

3.10.1. Thời điểm triển khai các hoạt động ứng phó

Hiện nay, việc quan trắc lũ quét, sạt lở thường xuyên còn gặp nhiều khó khăn, do đó việc xác định thời điểm xảy ra sạt lở hoàn toàn phụ thuộc vào kinh nghiệm thực tế thông qua một số dấu hiệu cảnh báo như sau:

- Đối với khu vực đã xảy ra sạt lở: có thể cảnh báo sạt lở thông qua điều kiện thời tiết cực đoan do mưa lớn kéo dài nhiều ngày, hoặc có lũ xuất hiện tương ứng với các trận sạt lở lịch sử.

- Đối với khu vực có nguy cơ nhưng chưa từng sạt lở, có thể cảnh báo theo các dấu hiệu sau:

+ Bờ sông, suối tự nhiên: Mưa lớn nhiều ngày; nước lũ lên cao, dòng chảy xiết; xuất hiện vết sạt nhỏ; kết cấu đất bờ sông mềm, toi; vết nứt trên tường nhà hoặc công trình sát bờ sông; cây nghiêng ngã; màu nước sông, suối từ trong chuyển thành đục...;

+ Sườn đồi, núi: Mưa lớn kéo dài nhiều ngày trong khu vực; khu vực mặt đất sườn dốc không có hoặc có thảm thực vật thưa thớt che phủ; có hiện tượng nước mưa kéo theo bùn, đất chảy xuống sườn dốc; có vết rạn, nứt thấy rõ trên sườn dốc; xuất hiện nước thấm từ bên trong sườn dốc chảy ra ngoài.

Do chưa dự báo được lũ quét, sạt lở đất do mưa, lũ hoặc dòng chảy nên chỉ cảnh báo nguy cơ xảy ra; tin cảnh báo lũ quét được phát riêng hoặc lồng ghép trong các Công điện, Thông báo của Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh và được Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện triển khai cho các địa phương.

Thời điểm triển khai phương án ứng phó với sạt lở đất là sau khi có Bản tin cảnh báo sạt lở đất. Bản tin cảnh báo sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy được ban hành ngay sau khi phát hiện các dấu hiệu cảnh báo khả năng xảy ra các hiện tượng sạt lở đất, sụt lún đất trên khu vực cảnh báo. Cơ sở chính để xác định và phát tin cảnh báo sạt lở đất hiện nay được căn cứ theo lưu lượng mưa trong khu vực. Đối với địa bàn tỉnh Đồng Nai, thời điểm triển khai ứng phó với lũ quét, sạt lở đất theo 2 cấp độ rủi ro khi xảy ra mưa lớn trong điều kiện cụ thể sau:

- Cấp độ RRTT cấp 1: Cảnh báo tổng lượng mưa trong 24h từ 200-500mm.

- Cấp độ RRTT cấp 2: Cảnh báo tổng lượng mưa trong 24h từ 200-500mm, nhóm đất đã toi xốp, bờ rời, đất sườn tàn tích; độ dốc trên 25%; thời gian mưa trước đó trên 2 ngày.

3.10.2. Xác định kịch bản ứng phó

Căn cứ vào bản tin dự báo, cảnh báo, tính chất diễn biến thực tế của từng loại thiên tai và từng khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở để xác định các tình huống cụ thể. Đối với địa bàn tỉnh Đồng Nai, xây dựng 02 kịch bản ứng phó với lũ quét và sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy theo các cấp độ RRTT như sau:

- Kịch bản 1: Lũ quét, sạt lở đất bờ sông, suối và đất đồi do mưa lũ và dòng chảy theo cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1 do mưa lớn với lưu lượng từ 200-500mm trong 24h trên địa bàn tỉnh.

- Kịch bản 2: Lũ quét, sạt lở đất bờ sông, suối và đất đồi do mưa lũ và dòng chảy theo cấp độ rủi ro thiên tai cấp 2 do mưa lớn với lưu lượng từ 200-500mm trong 24h trên địa bàn tỉnh, trước đó có mưa 2 ngày liên tiếp, khu vực có kết cấu đất đã toi xốp, bờ rời, đất sườn tàn tích; độ dốc cao trên 25%

3.10.3. Xác định phạm vi và đối tượng bị ảnh hưởng

Căn cứ theo lịch sử các trận lũ quét đã ghi nhận, đặc điểm hiện trạng các điểm có nguy cơ sạt lở, đã sạt lở và đang sạt lở, xác định các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất xảy ra gồm:

- Kịch bản lũ quét, sạt lở đất RRTT cấp 1: Có 29 điểm nguy cơ sạt lở bờ sông, suối trên địa bàn 5 huyện Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch; 12 điểm nguy cơ sạt lở đất đồi núi trên địa bàn 5 huyện Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom, Cẩm Mỹ, Long Khánh, Xuân Lộc; 06 điểm nguy cơ lũ quét trên địa bàn 02 huyện Thống Nhất, Trảng Bom; Có 20 hộ/58 nhân khẩu nguy cơ phải sơ tán do sạt lở trên địa bàn huyện Tân Phú và Định Quán; Có 192 hộ/819 nhân khẩu nguy cơ phải sơ tán do lũ quét trên địa bàn huyện Trảng Bom và Thống Nhất;

- Kịch bản lũ quét sạt lở đất RRTT cấp 2: Ngoài các điểm nguy cơ theo kịch bản RRTT cấp 1, có thêm 17 điểm nguy cơ sạt lở bờ sông, suối trên địa bàn 7 huyện Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch, Long Thành, Trảng Bom; 07 điểm nguy cơ sạt lở đất đồi núi trên địa bàn 4 huyện Nhơn Trạch, Trảng Bom, Thống Nhất, Cẩm Mỹ; Ngoài số lượng cần sơ tán do sạt lở đất kịch bản RRTT cấp 1, có thêm 139 hộ/725 nhân khẩu nguy cơ phải sơ tán do sạt lở đất trên địa bàn huyện Thống Nhất và Cẩm Mỹ;

Các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được tổng hợp trong Bảng 3.9 (chi tiết trong Phụ lục 4.6, Phần Phụ lục) và số lượng dân cư phải sơ tán tập trung được tổng hợp trong Bảng 3.10 (Phương án di tản chi tiết đính kèm trong Phụ lục 5.4, Phần phụ lục).

Bảng 3.8: Tổng hợp khu vực có nguy cơ bị lũ quét và sạt lở đất

STT	Huyện/TP	Khu vực	Số vị trí xung yếu
A	Rủi ro thiên tai cấp 1		
I	Sạt lở bờ sông, suối		
1	Tân Phú	Bờ sông Đồng Nai ấp 1,8 - xã Nam Cát Tiên	3 điểm
		Bờ sông La Ngà khu vực Bến Thuyền, xã Phú Bình	2 điểm
2	Định Quán	Bờ sông Đồng Nai xã Thanh Sơn, Phú Vinh, Ngọc Định	5 điểm
3	Vĩnh Cửu	Bờ sông Đồng Nai xã Tân An, Thiện Tân, Bình Lợi	9 điểm
4	Biên Hoà	Bờ sông Đồng Nai thuộc phường Tân Hạnh, Hiệp Hoà và xã Hưng Long	3 điểm
		Bờ suối Săn Máu phường Tân Hiệp, Tân Phong, Bình Đa	1 điểm
		Bờ suối Bà Lúa tại Tổ 10, KP.11, phường An Bình	1 điểm
5	Nhơn Trạch	Sạt lở bờ sông Nhà Bè thuộc các xã Phú Thạnh, Phú Hữu, Đại Phước	3 điểm
		Sạt lở bờ sông Vàm Môn, xã Phú hội	1 điểm
		Bờ sông Cầu Tàu	1 điểm
II	Sạt lở đất đồi, núi		
1	Tân Phú	Đồi Phú Sơn: ấp Phú Lâm 1, 3, xã Phú Sơn; Xã Phú An; Xã Phú Trung; Xã Phú Xuân	6 điểm
2	Định Quán	Đồi 112, KP Hiệp Lực, TT Định Quán	1 điểm
3	Trảng Bom	Đồi 113, xã Hối Nai 3	1 điểm
4	Cẩm Mỹ	Xã Bào Bình	1 điểm
5	Long Khánh	Đồi Rìu, Xã Hàng Gòn	1 điểm

STT	Huyện/TP	Khu vực	Số vị trí xung yếu
6	Xuân Lộc	Xã Xuân Trường, Xã Suối Cát	2 điểm
III	Lũ quét		
1	Thống Nhất	Xã Lộ 25, Hưng Lộc, Xã Gia Tân 3	điểm
2	Trảng Bom	Xã An Viễn, Xã Đồi 61, Xã Sông Thao	3 điểm
B	Rủi ro thiên tai cấp 2 (bao gồm các điểm ở cấp 1 và thêm các điểm dưới đây)		
I	Sạt lở bờ sông, suối		
1	Tân Phú	Bờ sông Đồng Nai xã Nam Cát Tiên, Núi Tượng, Đăk Lua	10 điểm
		Bờ sông La Ngà, xã Phú Điền	1 điểm
2	Định Quán	Bờ sông Đồng Nai, xã Ngọc Định	1 điểm
		Bờ sông La Ngà, xã Phú Vinh	1 điểm
3	Biên Hòa	Sông Đồng Nai thuộc P.Long Bình Tân, Hoà An	3 điểm
4	Vĩnh Cửu	Sông Đồng Nai thuộc thị trấn Trại An, xã Tân Bình, Hiếu Liêm	3 điểm
		Suối Sa Mách, xã Phú Lý	1 điểm
5	Nhơn Trạch	Sông Nhà Bè tại các xã Long Tân, Phú Đông, Phước Khánh	3 điểm
6	Long Thành	Sông Đồng Nai, xã Tam An	1 điểm
7	Trảng Bom	Sông Mây, xã Bắc Sơn	1 điểm
II	Sạt lở đất đồi, núi		
1	Nhơn Trạch	xã Đại Phước, xã Phước An, Xã Phú Đông	3 điểm
2	Trảng Bom	xã Quảng Tiến, Bắc Sơn	2 điểm
3	Thống Nhất	Xã Quang Trung	1 điểm
4	Cẩm Mỹ	Xã Bảo Bình	1 điểm

Bảng 3.9: Số lượng dân cần sơ tán tập trung do lũ quét, sạt lở đất RRTT cấp độ 2

STT	Huyện/TP	Điểm xung yếu	Số hộ di tản	Số dân di tản
A	Rủi ro thiên tai cấp 1			
I	Sạt lở đất		20	58
1	Tân Phú	Đồi Phú Sơn: ấp Phú Lâm 1, 3, xã Phú Sơn	12	30
		Xã Phú An	2	8
		Xã Phú Trung, ấp Phú Thắng		
2	Định Quán	Đồi 112, KP Hiệp Lực, TT Định Quán	6	20
II	Lũ quét		192	819
1	Thống Nhất	Xã Lộ 25	10	35
		Bàu Hàm 2, Hưng Lộc	86	344
		Ấp Tân Yên, Xã Gia Tân 3	51	193

STT	Huyện/TP	Điểm xung yếu	Số hộ di tản	Số dân di tản
2	Trảng Bom	Xã An Viễn	20	109
		Xã Đồi 61	15	83
		Xã Sông Thao	10	55
B	Rủi ro thiên tai cấp 2 (bao gồm các vị trí như cấp 1 và thêm các điểm dưới đây)			
I	Sạt lở đất		139	725
1	Thống Nhất	Xã Quang Trung	69	375
2	Cẩm Mỹ	Xã Bảo Bình	70	350

3.10.4. Nội dung các hoạt động ứng phó

3.10.4.1. Biện pháp phòng ngừa hiểm họa do lũ quét và sạt lở đất gây ra

Do khả năng dự báo thời điểm và mức độ lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ và dòng chảy còn nhiều hạn chế nên yêu cầu thực hiện các biện pháp phòng ngừa cần được ưu tiên thực hiện đặc biệt là tại các khu vực đã từng xảy ra sạt lở, chưa được xử lý triệt để và các khu vực có nguy cơ cao đã được cảnh báo. Các giải pháp phòng ngừa cụ thể như sau:

❖ Đối với chính quyền các cấp:

- Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh ban hành Công văn về công tác chuẩn bị sẵn sàng ứng phó thiên tai trước mùa mưa bão, bao gồm cả phòng, chống sạt lở trong mùa mưa.

- Sở NN-PTNT tham mưu, đề xuất cấp thẩm quyền ưu tiên gia cố các đoạn đê bao, bờ bao, xử lý các điểm sạt lở chân đê trước mùa mưa bão, đồng thời, dự trữ đầy đủ vật tư hộ đê đảm bảo để sử dụng khi có tình huống xảy ra; cử cán bộ thường xuyên tuần tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện, xử lý sự cố.

- Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện: triển khai thực hiện và phối hợp thực hiện các nội dung thuộc phạm vi, trách nhiệm của địa phương mình, một số hoạt động để phòng, chống sạt lở cần triển khai như:

+ Thường xuyên thông báo thông tin dự báo, cảnh báo thời tiết, thiên tai và tình hình thủy văn cho thành viên Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp xã thuộc huyện.

+ Thường xuyên rà soát, thống kê các vị trí, khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở tại các xã trên địa bàn huyện, từ đó xác định những thiệt hại có thể xảy ra.

+ Rà soát phương án ứng phó sạt lở của huyện.

+ Ban hành văn bản chỉ đạo Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp xã triển khai các hoạt động chuẩn bị ứng phó với mưa bão nói chung và sạt lở trong mùa mưa nói riêng như: Thường xuyên theo dõi và thông báo cho các thành viên Ban Chỉ huy PCTT-TKCN xã, các tổ chức, người dân về thông tin dự báo, cảnh báo bão, ATNĐ, mưa lớn, triều cường,..., những khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở; rà soát phương án ứng phó sạt lở do mưa, dòng chảy; xác định các công việc cần thực hiện; hướng dẫn cho người dân ứng

phó với sạt lở do mưa, dòng chảy nếu xảy ra.

+ Chỉ đạo, kiểm tra ngăn chặn việc xây mới và có kế hoạch để từng bước di chuyển dân ra khỏi vùng bãi bồi ven sông, suối, vùng sườn đồi, núi, vùng ven taluy đường giao thông có nguy cơ sạt lở. Nghiêm cấm việc san lấp sông, suối và đổ chất thải rắn làm ảnh hưởng đến tiêu thoát lũ.

+ Dự trữ đủ lương thực, thực phẩm, thuốc men và các nhu yếu phẩm khác, nhất là đối với những vùng bị chia cắt.

+ Chỉ đạo, kiểm tra, rà soát khả năng tiêu thoát lũ của các cầu, cống; kiểm tra cao độ các ngầm qua sông, suối để đảm bảo thoát lũ.

+ Kiểm tra kết quả thực hiện việc bảo đảm an toàn cho dân ở vùng ven sông, suối, vùng hạ lưu các hồ đập, vùng có nguy cơ bị sạt lở.

+ Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, giáo dục và phổ biến kiến thức về phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai để nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư. - Đầu tư các dự án làm đường giao thông vào đến các thôn, bản đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa, vùng dễ bị chia cắt khi có mưa, lũ.

+ Đầu tư, lắp đặt hệ thống biển cảnh báo đối với vùng có nguy cơ sạt lở đất.

- Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp xã: Sau khi tiếp nhận Công văn chỉ đạo của Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện, tiến hành triển khai thực hiện và phối hợp thực hiện các nội dung chỉ đạo của Ban Chỉ huy PCTT-TKCN huyện thuộc phạm vi, trách nhiệm của địa phương mình. Một số hoạt động cần triển khai như:

+ Thường xuyên thông tin dự báo, cảnh báo sạt lở cho các thành viên Ban Chỉ huy PCTT-TKCN cấp xã, Tiểu ban PCTT cấp khóm/ấp và người dân.

+ Theo dõi, cập nhật, báo cáo đầy đủ tình hình sạt lở trên địa bàn quản lý.

+ Rà soát phương án ứng phó sạt lở của cấp xã; xác định các công việc cần thực hiện khi xảy ra sạt lở, sụt lún đất để chủ động ứng phó.

+ Cử cán bộ xuống khóm/ấp hỗ trợ nếu có yêu cầu về hướng dẫn ứng phó sạt lở, sụt lún đất bảo vệ tính mạng, tài sản cho người dân.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân gia cố bờ bao, đê bao chắc chắn để bảo vệ sản xuất; không thực hiện các hoạt động làm tăng rủi ro sạt lở; vận động người dân cùng tham gia thực hiện gia cố các tuyến lộ giao thông nông thôn để phòng ngừa sạt lở;...

❖ Đối với người dân trong khu vực ven sông, suối và sườn đồi, núi:

- Theo dõi thông tin mưa, lũ, lụt, sạt lở đất và sự chỉ đạo của chính quyền địa phương qua Đài phát thanh, truyền hình và hệ thống truyền thanh cấp xã.

- Tham gia tuyên truyền công tác giáo dục cộng đồng về phòng tránh sạt lở đất; tham gia cắm biển báo và đánh dấu các khu vực nguy hiểm.

- Không xây dựng nhà ở, công trình những nơi không an toàn, thường xảy ra sạt lở

đất đã được chính quyền địa phương và cơ quan chức năng khuyến cáo như: đồi dốc, chân vách núi, bờ bãi thấp ven sông, suối, trên đường đi của dòng chảy lũ, các chân taluy dễ bị sạt lở,....

- Tham gia việc trồng và bảo vệ rừng.
- Chủ động khơi thông lòng sông, suối chảy qua khu vực sinh sống.
- Chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc men và các nhu yếu phẩm cần thiết khác.

3.10.4.2. Công tác ứng phó giai đoạn trước khi thiên tai xảy ra

Từ thời điểm có tin cảnh báo lũ quét, sạt lở đất hoặc phát hiện các dấu hiệu xảy ra sạt lở đất, Chủ tịch UBND cấp huyện trực tiếp chỉ đạo triển khai phương án ứng phó. Giai đoạn trước khi thiên tai xảy ra, nhiệm vụ cụ thể của các bên liên quan như sau:

- UBND cấp huyện:
 - + Tổ chức trực ban 24/24 giờ, theo dõi chặt chẽ diễn biến của mưa lũ, tiếp nhận và xử lý các thông báo, chỉ đạo công tác ứng phó của cấp trên.
 - + Cử cán bộ trực tiếp xuống hiện trường phối hợp với địa phương theo dõi và xử lý trực tiếp tại điểm sạt lở;
 - + Tiếp nhận các thông tin về tình hình, diễn biến sạt lở từ cấp xã để chỉ đạo phương án xử lý tại chỗ hoặc báo cáo lên cấp trên;
 - + Chỉ đạo các đơn vị chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện cứu hộ cứu nạn hiện có và phương án huy động tăng cường lực lượng, phương tiện, trang bị khi có yêu cầu.
 - + Căn cứ vào diễn biến thời tiết và các dấu hiệu cảnh báo sạt lở tại hiện trường, chuẩn bị phương án sơ tán dân khi tình hình sạt lở diễn biến phức tạp.
 - + Đối với khu vực có nguy cơ ảnh hưởng là các trường học (Trường MN Phú Trung, xã Phú Trung, huyện Tân Phú), căn cứ theo tình hình cụ thể để có phương án cho học sinh nghỉ học.
- UBND cấp xã: Tổ chức trực ban 24/24 giờ; Theo dõi, cập nhật các bản tin cảnh báo và các văn bản chỉ đạo từ cấp Tỉnh; Thực hiện khẩn trương, nghiêm túc các chỉ đạo của cấp trên; Phát thanh và thông báo các tin cảnh báo tới các khu dân cư có nguy cơ cao bị ảnh hưởng bởi sạt lở đất; Triển khai chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, các cơ quan chuyên môn đến từng hộ gia đình, qua đó tuyên truyền, vận động người dân thực hiện đúng khuyến cáo; Cử cán bộ trực tiếp giám sát tình hình sạt lở tại hiện trường vào báo cáo thường xuyên với cấp trên để nắm tình hình để xin ý kiến chỉ đạo từ cấp Huyện; Huy động lực lượng, trang bị, phương tiện sẵn sàng triển khai công tác ứng phó; Chuẩn bị các địa điểm sơ tán dân; Chuẩn bị các nguồn nhu yếu phẩm, vật tư y tế cần thiết.

3.10.4.3. Công tác ứng phó trong thiên tai

3.10.4.3.1. Công tác ứng phó khi xảy ra lũ quét, sạt lở đất theo kịch bản RRTT cấp độ 1

a) Công tác chỉ huy, chỉ đạo

- Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai lũ quét và sạt lở đất xảy ra trên địa bàn quản lý. Nội dung thực hiện như sau:

- UBND cấp huyện:

+ Tổ chức chỉ đạo và thực hiện phương án ứng phó: Công tác đảm bảo an toàn cho người dân. Công tác đảm bảo an toàn nhà cửa, công trình cơ sở hạ tầng khu vực bị ảnh hưởng;

+ Chỉ đạo các đơn vị cấp huyện sẵn sàng lực lượng để cứu hộ cứu nạn khi có yêu cầu.

+ Tùy theo tình hình để đưa ra các quyết định ứng phó, phân bổ nguồn lực của Huyện hỗ trợ cho cấp xã.

+ Chỉ đạo lực lượng cảnh sát giao thông huyện hỗ trợ công tác phân luồng và hướng dẫn các phương tiện giao thông lưu thông an toàn qua các điểm sạt lở ảnh hưởng tới các tuyến đường.

+ Báo cáo tình hình thiên tai lên Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh

- UBND cấp xã: Thực hiện các công điện, thông báo, chỉ đạo của cấp trên; Triển khai lực lượng, phương tiện thực hiện các phương án ứng phó về:

+ Thông tin và hướng dẫn các biện pháp ứng phó đến người dân;

+ Tìm kiếm người mất tích, cứu chữa người bị thương;

+ Tổ chức sơ tán các gia đình trong khu vực sạt lở nguy hiểm đến khu vực an toàn

+ Tổ chức lực lượng bảo vệ tài sản của người dân và an ninh trật tự trong khu vực;

+ Cử người canh gác tại các khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng để kịp thời ứng phó;

+ Đảm bảo lương thực, nhu yếu phẩm tại nơi sơ tán.

+ Thường xuyên báo cáo lên cấp trên tình hình thực tế để xin ý kiến chỉ đạo và các hỗ trợ khi cần thiết.

b) Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Lực lượng tại chỗ: lực lượng trực tiếp thực hiện phương án ứng phó thiên tai là lực lượng PCTT-TKCN cấp xã nơi xảy ra thiên tai bao gồm:

+ Ban chỉ huy PCTT-TKCN xã chỉ đạo trực tiếp tại chỗ;

+ Đội xung kích PCTT-TKCN là lực lượng nòng cốt tham gia công tác ứng phó dưới sự chỉ đạo của Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã.

+ Lực lượng công an xã phụ trách hỗ trợ cứu hộ, cứu nạn và đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực;

+ Trạm y tế xã phụ trách sơ cấp cứu cho các nạn nhân tại hiện trường;

- Phương tiện tại chỗ: Sử dụng phương tiện cứu hộ, cứu nạn hiện cấp xã đang quản lý. Trưng dụng thêm các phương tiện của các cơ quan, đơn vị, cơ sở sản xuất và hộ dân trong khu vực khi cần thiết.

- Lực lượng và phương tiện sẵn sàng huy động: Nguồn lực chi viện từ các ban ngành của tỉnh như Bộ CHQS, Công an, các Sở Y tế, Xây dựng, GT-VT,....

- Nguồn lực hiệp đồng: Các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn theo hiệp đồng tác chiến với Bộ CHQS tỉnh.

c) Công tác về vật tư, hậu cần tại chỗ

Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp xã trực tiếp huy động các nguồn lại sẵn có tại địa phương để phục vụ công tác ứng phó và khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra. Sự dụng hiệu quả các nguồn lực tại chỗ trong dân bao gồm cả con người, các vật liệu địa phương sẵn có như: tre, trầm, dừa,...của người dân để xử lý, khắc phục các sự cố lũ quét, sạt lở, sụt lún là hiệu quả nhất;

3.10.4.3.2. Công tác ứng phó khi xảy ra lũ quét, sạt lở đất theo kịch bản RRTT cấp 2

a) Công tác chỉ đạo, chỉ huy

Khi lũ quét và sạt lở đất tiếp tục diễn biến phức tạp hơn và chuyên qua mức độ RRTT cấp độ 2, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó thiên tai; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương.

Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

Nội dung công tác ứng phó của từng đơn vị như sau:

- Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh Đồng Nai:

+ Tổ chức trực ban 24/24h, chỉ đạo cập nhật và phát hành các bản tin cảnh báo thiên tai tới các địa phương;

+ Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra hiện trường để nắm bắt tình hình thực tế nhằm đưa ra các giải pháp chỉ đạo phù hợp;

+ Chỉ đạo các thành viên Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh triển khai công tác chuẩn bị về lực lượng, phương tiện, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn theo nhiệm vụ được phân công.

+ Chỉ đạo các đơn vị lên phương án cho học sinh nghỉ học và cắt điện tạm thời khi có tình huống xảy ra.

+ Ra quyết định cho di tản dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ cao.

- UBND cấp huyện:

+ Tổ chức trực ban 24/24 giờ, theo dõi chặt chẽ diễn biến của mưa lũ, tiếp nhận và xử

lý các thông báo, chỉ đạo công tác ứng phó của cấp trên.

- + Cử cán bộ trực tiếp xuống hiện trường phối hợp với địa phương theo dõi và xử lý trực tiếp tại điểm sạt lở;

- + Tiếp nhận các thông tin về tình hình, diễn biến sạt lở từ cấp xã để báo cáo lên cấp trên xin ý kiến chỉ đạo;

- + Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện cứu hộ cứu nạn hiện có và phương án huy động tăng cường lực lượng, phương tiện, trang thiết bị tại địa phương.

- + Tổ chức thực hiện sơ tán dân cư ra khỏi khu vực nguy hiểm khi có chỉ đạo từ cấp trên. Số lượng và phương án sơ tán đính kèm tại Phụ lục 5.4. Quy trình di tản áp dụng như trong Phương án ứng phó Bão/ATNĐ đổ bộ vào tỉnh Đồng Nai tại Mục 4.4.6.1.

- UBND cấp xã: Tổ chức trực ban 24/24 giờ; Theo dõi, cập nhật các bản tin cảnh báo và các văn bản chỉ đạo từ cấp Tỉnh; Thực hiện khẩn trương, nghiêm túc các chỉ đạo của cấp trên; Phát thanh và thông báo các tin cảnh báo tới các khu dân cư có nguy cơ cao bị ảnh hưởng bởi sạt lở đất; Triển khai chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, các cơ quan chuyên môn đến từng hộ gia đình, qua đó tuyên truyền, vận động người dân thực hiện đúng khuyến cáo; Cử cán bộ trực tiếp giám sát tình hình sạt lở tại hiện trường vào báo cáo thường xuyên với cấp trên để nắm tình hình để xin ý kiến chỉ đạo từ cấp Huyện; Huy động lực lượng, trang bị, phương tiện sẵn sàng triển khai công tác ứng phó sự cố; Chuẩn bị các địa điểm sơ tán dân; Chuẩn bị các nguồn nhu yếu phẩm, vật tư y tế cần thiết.

b) Công tác ứng phó

- Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh Đồng Nai:

- + Tổ chức triển khai các biện pháp ứng phó;

- + Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra hiện trường, khắc phục nhanh để sớm ổn định đời sống của nhân dân vùng bị ảnh hưởng;

- + Tùy theo tình hình để đưa ra các quyết định ứng phó;

- + Lực lượng quân sự tỉnh, Công an tỉnh thực hiện việc ứng phó, cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn.

- + Chỉ đạo các ban, ngành, đơn vị trực thuộc có liên quan chuẩn bị nguồn nhu yếu phẩm sẵn sàng hỗ trợ cho các địa phương khi cần thiết.

- UBND cấp huyện:

- + Trực tiếp triển khai công tác ứng phó sự cố dưới sự chỉ đạo của Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh;

- + Thực hiện phương án ứng phó: huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố, đảm bảo an toàn cho người dân. Công tác đảm bảo an toàn nhà cửa, công trình cơ sở hạ tầng khu vực bị ảnh hưởng;

+ Tùy theo tình hình để đưa ra các quyết định phân bổ nguồn lực của Huyện hỗ trợ cho cấp xã.

+ Chỉ đạo lực lượng cảnh sát giao thông huyện hỗ trợ công tác phân luồng và hướng dẫn các phương tiện giao thông lưu thông an toàn qua các điểm sạt lở ảnh hưởng tới các tuyến đường.

- UBND cấp xã: Thực hiện các công điện, thông báo, chỉ đạo của cấp trên; Triển khai lực lượng, phương tiện thực hiện các phương án ứng phó về:

- + Thông tin và hướng dẫn các biện pháp ứng phó đến người dân;
- + Tìm kiếm người mất tích, cứu chữa người bị thương;
- + Tổ chức sơ tán các gia đình trong khu vực sạt lở nguy hiểm đến khu vực an toàn;
- + Tổ chức lực lượng bảo vệ tài sản của người dân và an ninh trật tự trong khu vực;
- + Cử người canh gác tại các khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng để kịp thời ứng phó;
- + Đảm bảo lương thực, nhu yếu phẩm tại nơi sơ tán.
- + Thường xuyên báo cáo lên cấp trên tình hình thực tế để xin ý kiến chỉ đạo và các hỗ trợ khi cần thiết.

c) Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

Công tác chỉ huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ cũng được xây dựng cho từng cấp (huyện, xã), với các nội dung chính sau:

- Giao nhiệm vụ cho từng đơn vị, lực lượng để sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ;
- Lực lượng tại chỗ: lực lượng trực tiếp thực hiện phương án ứng phó thiên tai là lực lượng PCTT-TKCN cấp xã nơi xảy ra thiên tai bao gồm:
 - Chuẩn bị phương tiện, vật tư của các huyện/xã, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để huy động, trưng dụng khi cần thiết (danh sách, số lượng, vị trí,...).
 - Công việc cần giao cho các lực lượng đã huy động bao gồm:
 - + Chuẩn bị các địa điểm sơ tán với các yêu cầu tối thiểu về chỗ ở, chất đốt, nước sạch, lương thực; dịch vụ y tế, vệ sinh môi trường;
 - + Hỗ trợ, di dời dân đến nơi an toàn trước khi xảy ra thiên tai. Chú ý ưu tiên sơ tán trước các đối tượng dễ bị tổn thương: người già, phụ nữ, trẻ em, người tàn tật, v.v...
 - + Thực hiện hoạt động tìm kiếm, cứu nạn người bị vùi lấp, mất tích; cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị sạt lở; hỗ trợ chỗ ở cho những hộ bị mất nhà ở do lũ quét, sạt lở đất gây ra.
 - + Khôi phục nhà cửa;
 - + Triển khai nhanh các điều kiện tối thiểu theo phương án đã chuẩn bị trước để đảm bảo cuộc sống cho nhân dân tại nơi sơ tán (nhu yếu phẩm, lương thực, nước uống; bố trí

nhà tạm tại nơi an toàn);

- + Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai;

- + Tổ chức cấm biến báo, bố trí lực lượng ứng trực chốt, chặn, cấm người, phương tiện qua lại ở những đoạn đường bị ngập;

- Xử lý các điểm ách tắc giao thông do sạt lở gây ra;

- Điều phối các lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, xung kích,... trên các địa bàn để tránh chồng chéo.

d) Công tác về vật tư, hậu cần tại chỗ

- Xác định các loại vật tư có thể trưng dụng để ứng phó với lũ quét, sạt lở đất: Vật tư, lương thực hỗ trợ cho các khu vực bị có thể bị chia cắt.

- Tiếp tục tuần tra, túc trực tại các điểm xung yếu trên địa bàn; Trong trường hợp phát sinh tình huống khẩn cấp thì tích cực ứng phó, hỗ trợ nhân dân ứng phó;

- Bổ sung, dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân.

- Đảm bảo vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ phòng chống lũ quét, sạt lở đất. Thống kê vật tư, phương tiện, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn của các đơn vị và địa phương; Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị/địa phương sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi có lệnh điều động.

3.10.4.4. Phương án khắc phục hậu quả sau khi xảy ra lũ quét, sạt lở đất

- UBND tỉnh:

- + Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra hiện trường, khắc phục nhanh để sớm ổn định đời sống của nhân dân vùng bị ảnh hưởng;

- + Tiếp nhận các báo cáo thống kê thiệt hại và chỉ đạo các đơn vị liên quan tổ chức hỗ trợ kinh phí khắc phục thiệt hại sau thiên tai cho các địa phương.

- + Rà soát, rút kinh nghiệm trong công tác ứng phó thiên tai để điều chỉnh phương án ứng phó phù hợp hơn trong tương lai;

- + Đề xuất và tổ chức thực hiện các giải pháp xử lý các điểm sạt lở hoặc đề xuất lên cấp trên xin ý kiến chỉ đạo thực hiện.

- UBND cấp huyện, xã:

- + Tổ chức tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu người bị nạn.

- + Thông tin khẩn cấp cho cấp trên và yêu cầu hỗ trợ tìm kiếm cứu nạn khi vượt quá khả năng của địa phương.

- + Tổ chức đưa người sơ tán trở về nhà an toàn.

- + Khẩn trương thống kê, đánh giá thiệt hại, đề xuất nhu cầu hỗ trợ, cứu trợ và khắc phục hậu quả.

- + Tổ chức hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nước uống và các nhu yếu phẩm cần thiết

cho người dân vùng thiệt hại.

+ Tổ chức huy động lực lượng, tu sửa nhà cửa, trường học, trạm y tế, đường giao thông và các công trình công cộng; vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh cho nhân dân vùng bị ảnh hưởng của lũ quét, sạt lở đất.

+ Tổ chức khôi phục sản xuất, ổn định đời sống của nhân dân

3.11. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI CHÁY RỪNG DO TỰ NHIÊN (CẤP ĐỘ RRTT CẤP 1, 2)

3.11.1. Thời điểm triển khai các hoạt động ứng phó

a. Giai đoạn phòng ngừa, chuẩn bị trước thiên tai:

- Thời điểm có bản tin dự báo thời hạn mùa/bản tin dự báo về hiện tượng El Nino có dự báo cảnh báo về khả năng xảy ra nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn ảnh hưởng đến khu vực Đông Nam bộ đến thời điểm kết thúc mùa mưa bắt đầu mùa khô (triển khai các hành động sớm dựa trên cảnh báo sớm);

- Thời điểm khi cơ quan chức năng (Cục Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm Đồng Nai) có bản tin về cảnh báo, dự báo cháy rừng ở cấp độ IV, V.

b. Giai đoạn ứng phó khi xảy ra cháy rừng do tự nhiên

- Cháy rừng do tự nhiên trong điều kiện RRTT cấp độ 1: Đợt nắng nóng kéo dài 3-5 ngày liên tục với nhiệt độ cao từ 35-40 °C, độ ẩm trung bình ngày thấp từ 40-50% và tốc độ gió ở mức 1,5-2 km/s. *Mức độ rủi ro cháy thấp, dễ kiểm soát nên khả năng xảy ra cháy rừng với quy mô nhỏ. Nguy cơ xảy ra trên toàn tỉnh.*

- Cháy rừng do tự nhiên trong điều kiện RRTT cấp độ 2: Đợt nắng nóng kéo dài 5-10 ngày liên tục với nhiệt độ cao từ 30-35 °C, độ ẩm trung bình ngày thấp từ 50-60% và tốc độ gió ở mức 2-2,5 km/s. Nguy cơ cháy như sau:

+ Đối với các loại rừng có nguy cơ cháy trung bình và thấp thuộc Vùng 1 (rừng ngập mặn phèn, rừng ngập nước mặn, ngọt thường xuyên) và Vùng 2 (rừng tự nhiên mưa ẩm nhiệt đới thường xanh, rừng Phi lao chắn cát ven biển.....) thì *mức độ rủi ro cháy trung bình, và vẫn trong khả năng kiểm soát nên khả năng xảy ra cháy rừng với quy mô vừa.*

+ Đối với các loại rừng có nguy cơ cháy cao thuộc Vùng 3 (rừng tự nhiên kín thường xanh, rừng trồng hỗn giao cây bản địa, rừng trồng thuần loài cây khó cháy như: Rừng Mỡ, Rừng Bò đề...) và Vùng 4 (rừng khộp, rừng tràm, rừng giang, tre nứa đã thành thực tự nhiên, rừng núi đá, rừng trồng các loài cây dễ cháy như: Thông, Sa mộc, Pơ mu, Keo, Bạch đàn, Quế ...) thì *mức độ rủi ro cháy cao, nguy hiểm nên khả năng xảy ra cháy rừng với quy mô lớn.*

c. Sau khi kết thúc đám cháy

3.11.2. Xác định kịch bản ứng phó với cháy rừng do tự nhiên

Căn cứ phân cấp RRTT cháy rừng do tự nhiên theo Quyết định 18/2021/QĐ-TTg, xác định 3 kịch bản rủi ro cháy rừng do tự nhiên trên địa bàn tỉnh như sau:

- Kịch bản 1 - Cháy rừng do tự nhiên trong điều kiện RRTT cấp độ 1: Đợt nắng nóng kéo dài 3-5 ngày liên tục với nhiệt độ cao từ 35-40 °C, độ ẩm trung bình ngày thấp từ 40-50% và tốc độ gió ở mức 1,5-2 km/s. Mức độ rủi ro cháy thấp, dễ kiểm soát nên khả năng xảy ra cháy rừng với quy mô diện tích cháy nhỏ hơn 01ha (khả năng xảy ra trên toàn tỉnh).

- Kịch bản 2 - Cháy rừng do tự nhiên trong điều kiện RRTT cấp độ 2: Đợt nắng nóng kéo dài 5-10 ngày liên tục với nhiệt độ cao từ 30-35 °C, độ ẩm trung bình ngày thấp từ 50-60% và tốc độ gió ở mức 2-2,5 km/s. Mức độ rủi ro cháy trung bình, nguy hiểm nhưng vẫn trong khả năng kiểm soát nên khả năng xảy ra cháy rừng với diện tích cháy vừa từ 01ha đến 3ha đối với rừng thuộc Vùng 1 và Vùng 2.

- Kịch bản 3 - Cháy rừng do tự nhiên trong điều kiện RRTT cấp độ 2: Đợt nắng nóng kéo dài 5-10 ngày liên tục với nhiệt độ cao từ 30-35 °C, độ ẩm trung bình ngày thấp từ 50-60% và tốc độ gió ở mức 2-2,5 km/s. Mức độ rủi ro cháy cao, cực kỳ nguy hiểm nên khả năng xảy ra cháy rừng với quy mô lớn diện tích trên 3ha đối với rừng thuộc Vùng 3 và Vùng 4.

3.11.3. Phạm vi ảnh hưởng

Cháy rừng do tự nhiên nguy cơ ảnh hưởng đến các diện tích rừng ở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Theo phân cấp của tỉnh Đồng Nai, các khu vực có rừng phân theo mức độ cháy rừng được chia làm 4 vùng như sau:

- *Vùng I: Vùng trọng điểm cháy (vùng có nguy cơ cháy lớn khi xảy ra cháy tốc độ lan tràn nhanh). Bao gồm 37 xã, phường, thị trấn của 08 huyện, thành phố.*

+ Huyện Tân Phú gồm các xã: Đắc Lua, Phú An, Phú Sơn, Phú Trung, Tà Lài; Huyện Định Quán gồm các xã: Phú Ngọc, Thanh Sơn, Gia Canh, Ngọc Định;

+ Huyện Vĩnh Cửu gồm các xã: Hiếu Liêm, Mã Đà, Phú Lý, Thị trấn Vĩnh An; Huyện Nhơn Trạch gồm các xã: Phước An, Long Tân, Phú Hội, Phước Khánh

+ Thành Phố Biên Hòa gồm các xã, phường: Phường Hố Nai, Tân Biên, Tân Hòa, Trảng Dài và xã Tam Phước;

+ Huyện Trảng Bom gồm các xã: Bắc Sơn và Hố Nai 3; Huyện Thống Nhất gồm xã Gia Tân 1;

+ Huyện Xuân Lộc gồm các xã: Xuân Trường, Suối Cát, Xuân Thọ, Xuân Hiệp và TT Gia Ray (khu vực núi chứa than), Xuân Tâm, Xuân Thành, Xuân Hòa, Xuân Hưng;

+ Huyện Long Thành: Bàu Cạn, Bình Sơn; Long Phước;

- *Vùng II: Vùng dễ xảy ra cháy rừng (vùng có nguy cơ cháy cao khi cháy tốc độ lan tràn vừa). Bao gồm 20 xã, phường, thị trấn của 08 huyện, thành phố.*

+ Huyện Tân Phú gồm các xã: Nam Cát tiên, Núi Tượng, Phú lập, Phú Xuân; Huyện Định Quán gồm các xã: La Ngà, Phú Lợi, Phú Tân;

+ Huyện Vĩnh Cửu gồm các xã: Tân An, Thiện Tân, Trị An Huyện Nhơn Trạch gồm các xã: Phú Thanh, Phú Thạnh;

+ Thành Phố Biên Hòa gồm các xã, phường: Phước Tân, Long Bình;

+ Huyện Trảng Bom gồm các xã: Thị trấn Trảng Bom, Bình Minh, Sông Trầu; Huyện Xuân Lộc gồm các xã: Suối Cao, Xuân Bắc;

+ Huyện Long Thành gồm xã Phước Thái;

- *Vùng III: Vùng có khả năng xảy ra cháy rừng (vùng có nguy cơ xảy ra cháy khi cháy tốc độ lan tràn từ vừa đến nhỏ). Bao gồm 10 xã của 05 huyện.*

+ Huyện Tân Phú gồm các xã: Phú Thịnh, Thanh Sơn; Huyện Vĩnh Cửu gồm các xã: Thanh Phú, Vĩnh Tân; Huyện Nhơn Trạch gồm các xã: Long Thọ, Hiệp Phước;

+ Huyện Trảng Bom gồm các xã: Bình Minh, Đồi 61; Huyện Xuân Lộc gồm các xã: Lang Minh, Xuân Phú;

- *Vùng IV: Vùng ít có khả năng xảy ra cháy rừng (Quy mô đám cháy nhỏ dễ chữa). Bao gồm 8 xã của 03 huyện. (Huyện Tân Phú gồm: Thị trấn Tân Phú, xã Phú Thanh; Huyện Định Quán gồm: Thị trấn Định Quán, xã Phú Vinh và Phú Hòa; Huyện Nhơn Trạch gồm các xã: Đại Phước, Phú Hữu, Phú Đông).*

Trên cơ sở phân vùng theo mức độ cháy của tỉnh Đồng Nai, phạm vi và khu vực nguy cơ cháy rừng hoặc ảnh hưởng từ cháy rừng do tự nhiên theo các kịch bản ứng với cấp độ RRTT trên địa bàn tỉnh như sau

- Kịch bản RRTT cấp 1: Diện tích cháy nhỏ dưới 1 ha. Nguy cơ xảy ra trên tất cả các địa bàn có thảm rừng;
- Kịch bản RRTT cấp 2: có 2 mức độ gồm:
 - + Diện tích cháy trung bình từ 1-3 ha nhưng vẫn trong khả năng kiểm soát. Nguy cơ xảy ra tại các địa phương Vùng III và Vùng IV;
 - + Diện tích đám cháy lớn trên 3 ha, mức độ ảnh hưởng là cực kỳ nguy hiểm có thể vượt khả năng kiểm soát. Nguy cơ xảy ra tại các địa phương thuộc Vùng I, II.

Đối tượng bị ảnh hưởng: Cây rừng, hệ sinh thái rừng, các cơ sở hạ tầng gắn liền với rừng: khu du lịch, khu di tích lịch sử, tâm linh, văn hóa, khu quân sự, nhà dân, ...

3.11.4. Nội dung các hoạt động ứng phó cháy rừng do tự nhiên

3.11.4.1. Công tác triển khai phòng ngừa trước thiên tai

a) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, phổ cập kiến thức về PCCC rừng, thường xuyên, liên tục sâu rộng trong nhân dân ở các vùng rừng, ven rừng về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác bảo vệ, PCCC rừng bằng các hình thức: tuyên truyền lưu động, phát thanh trên đài phát thanh các cấp, tuyên truyền trường học, tổ chức các hội thi, hội nghị các cấp, xây dựng tin, bài, phóng sự gương người tốt, việc tốt, những điển hình tiến tiến để tuyên truyền, nhân rộng.

- Xây dựng, bổ sung và tổ chức thực hiện hiệu quả quy ước bảo vệ rừng, PCCCR cấp ấp, cụm dân cư.

- Xây dựng, sửa chữa biển báo, in ấn và phát tài liệu, tờ rơi, băng đĩa...có nội dung tuyên truyền về công tác bảo vệ rừng, PCCC rừng.

b) Xác định thời gian dễ xảy ra cháy rừng

Dựa trên cơ sở số liệu khí tượng thủy văn tỉnh Đồng Nai, mùa cháy rừng thường diễn ra vào mùa khô tức là từ tháng 12 đến tháng 5 năm sau. Đặc biệt các tháng: 2,3,4 là các tháng khô kiệt cực kỳ nguy hiểm về cháy rừng. Mặt khác theo tập quán của đồng bào vào các tháng 1, 2, 3, 4 hàng năm là thời vụ đốt dọn rẫy, do trình độ canh tác lạc hậu, phát đốt không đúng kỹ thuật, đốt tràn lan và không kiểm soát để lửa cháy lan đã gây ra cháy rừng.

c) Theo dõi, cập nhật thông tin dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng, kiểm tra, đôn đốc công tác PCCC rừng

- Tiếp tục duy trì theo dõi, cập nhật thông tin dự báo thời tiết của Đài KTTV Trung ương và địa phương, thông tin cảnh báo, dự báo nguy cơ cháy rừng, phát hiện sớm điểm cháy rừng và các văn bản chỉ đạo của Bộ NN-PTNT được cập nhật, đăng tải trên trang website của Cục Kiểm lâm, địa chỉ: <http://www.kiemlam.org.vn>; Chi cục kiểm lâm Đồng Nai, địa chỉ: <http://www.kiemlamdongnai.org.vn>.

- Phối hợp với Đài KTTV tỉnh Đồng Nai và Chi cục Kiểm lâm vùng 3, phần mềm cảnh báo cháy rừng của Cục Kiểm lâm, Chi cục kiểm lâm Đồng Nai, thông tin cấp dự báo cháy rừng tới từng khu vực trên địa bàn tỉnh thông qua Đài PT-TH Đồng Nai, Báo Đồng Nai và Đài truyền thanh các huyện, xã có rừng. Dự báo theo tuần khí tượng, theo ngày khi có nguy cơ cháy rừng từ cấp III trở lên.

- Hàng năm, tổ chức các đợt kiểm tra về công tác PCCC rừng đối với các vùng trọng điểm và những địa bàn có nguy cơ cao về cháy rừng.

d) Đào tạo tập huấn và diễn tập phương án PCCC và bảo vệ rừng

Tổ chức các lớp tập huấn về kiến thức, kỹ thuật PCCC rừng; tổ chức diễn tập Phương án, phối hợp các lực lượng tham gia chữa cháy rừng theo phương châm 4 tại chỗ cho lực lượng PCCC rừng các cấp, tổ đội quần chúng bảo vệ rừng, PCCC rừng, qua đó nhằm Nâng cao năng lực chỉ huy PCCC rừng; Nâng cao nhận thức, kiến thức về PCCC rừng cho các cấp, chủ rừng và nhân dân trên địa bàn; Nâng cao kỹ năng chữa cháy rừng cho lực lượng PCCC rừng các cấp, tổ đội quần chúng bảo vệ rừng, PCCC rừng cấp ấp; Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo cháy rừng, phát hiện điểm cháy, tổ chức chữa cháy rừng nhanh chóng, kịp thời hiệu quả.

e) Xây dựng và duy trì các công trình PCCCR

- Hướng dẫn chủ rừng xây dựng đường băng trắng bảo vệ các lâm phận, rừng trồng làm đường băng bao quanh cục bộ hoặc tạo thành các đường băng dọc theo chu vi lâm phận cần thiết để ngăn lửa cháy lan vào rừng. Hàng năm tổ chức hướng dẫn các chủ rừng phát dọn sạch cỏ, cành cây đã chặt hạ, phát tạo đường băng dọn vật liệu về hai phía, chú ý rải mỏng, đều, không để dày, không để phát sinh cháy lan ra xung quanh.

- Duy tu bảo dưỡng đường băng xanh đã xây dựng.

- Huy động các nguồn lực xây dựng đường lâm nghiệp tuần tra bảo vệ rừng, PCCC rừng kết hợp với dân sinh, các bể nước, bến nước, hồ chứa nước chữa cháy tại các khu rừng trọng điểm.

- Duy tu sửa chữa các chòi canh lửa rừng và các hồ chứa nước PCCC rừng.

f) Đầu tư phương tiện, máy móc thiết bị và công cụ PCCC rừng

Phương tiện, dụng cụ PCCC rừng phụ thuộc vào mức độ nguy hiểm cháy và địa hình ở từng vùng, từng đơn vị để trang bị các phương tiện, dụng cụ chữa cháy cho phù hợp; quan điểm nhất quán là: do địa hình phức tạp, xa khu dân cư, đường giao thông, thiếu nước nên các phương tiện, dụng cụ phải gọn, nhẹ, dễ sử dụng và dễ vận chuyển.

g) Xây dựng các giải pháp làm giảm vật liệu cháy cho phù hợp

- Giảm vật liệu cháy trong sản xuất nương rẫy sau vụ thu hoạch tiến hành phát dọn thực bì ngay, vun thành đống nhỏ hoặc rải đều cho khô thực bì rồi tiến hành đốt, trước khi đốt chú ý dọn đường băng cản lửa và phải có người canh gác, đốt trước khi bước vào mùa khô hanh.

- Dọn vệ sinh rừng sau khai thác, băm đập, rải đều cho khô vật liệu có thể đốt trước phòng cháy, nhưng phải được giám sát chặt chẽ...

- Đối với rừng trồng phải thiết kế đường băng cản lửa hoặc xây dựng các công trình phòng cháy trước khi tổ chức trồng, tuân thủ các quy định về PCCC rừng.

3.11.4.2. Công tác triển khai ứng phó khi xảy ra cháy rừng do tự nhiên

a) Kịch bản 1 – RRTT cấp 1: quy mô đám cháy nhỏ

Đám cháy mới phát sinh, quy mô đám cháy dưới 01 ha và không có nguy cơ cháy lan sang các khu vực lân cận; có thể kiểm soát được bởi lực lượng chữa cháy rừng tại chỗ của chủ rừng hoặc của cấp xã.

- Chủ tịch UBND xã, phường và chủ rừng nơi xảy ra cháy rừng, tổ chức huy động ngay lực lượng tại chỗ tiến hành các biện pháp chữa cháy rừng, thực hiện phương châm 4 tại chỗ, kiên quyết dập tắt đám cháy rừng.

- Khi phát hiện cháy rừng, chủ rừng phải huy động ngay lực lượng, công cụ để chữa cháy.

+ Đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân thì trường hợp nơi xảy ra cháy rừng phải huy động lực lượng, phương tiện cần thiết của ấp để chữa cháy. Đồng thời với việc tổ chức chữa cháy phải báo cáo ngay cho Kiểm lâm địa bàn, UBND cấp xã để có phương án hỗ trợ kịp thời. Chủ tịch UBND xã khẩn trương đến hiện trường đám cháy, trực tiếp chỉ đạo chữa cháy rừng và huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị của tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý để chữa cháy rừng.

+ Đối với chủ rừng là tổ chức, khi phát hiện đám cháy, chủ rừng phải khẩn trương huy động lực lượng, phương tiện thiết bị của chủ rừng để chữa cháy rừng; chủ rừng trực tiếp là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng. Đồng thời với việc tổ chức chữa cháy phải báo cáo ngay cho Kiểm lâm địa bàn, UBND cấp xã để có phương án hỗ trợ kịp thời.

- Kiểm lâm địa bàn có trách nhiệm báo cáo ngay cho Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm tình hình diễn biến cháy rừng, tình hình tổ chức cứu chữa, để có phương án hỗ trợ kịp thời và trực tiếp tham gia chữa cháy rừng.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng kiểm soát của cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện, Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện để huy động lực lượng hỗ trợ chữa cháy rừng (báo cáo rõ địa điểm, đường đi và hướng lan tràn của đám cháy).

b) Kịch bản 2 – RRTT cấp 2: quy mô đám cháy vừa

Đám cháy có quy mô từ 01 ha đến 03 ha, chủ rừng, UBND xã chưa kiểm soát, dập tắt được, có nguy cơ cháy lan sang các khu vực lân cận; cần huy động lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng của cấp huyện.

- Sau khi nhận được báo cáo của Chủ tịch UBND cấp xã Chủ tịch UBND cấp huyện huy động ngay lực lượng cơ động của huyện (Hạt Kiểm lâm; Công an PCCC huyện và Ban CHQS huyện) khẩn trương tiếp cận hiện trường để chỉ đạo chữa cháy rừng; và huy động lực lượng phương tiện trên địa bàn các xã lân cận để tham gia hỗ trợ chữa cháy.

- Chủ tịch UBND cấp huyện có mặt tại hiện trường là người trực tiếp chỉ đạo chữa cháy rừng. Lực lượng Kiểm lâm là lực lượng nòng cốt hướng dẫn chữa cháy, chỉ đường cho lực lượng chữa cháy rừng.

- Khi có có nhiều lực lượng tham gia chữa cháy rừng, người chỉ huy chữa cháy của từng lực lượng chịu sự chỉ đạo chung của Chủ tịch UBND cấp huyện;

- Người chỉ huy chữa cháy rừng của từng lực lượng như sau:

- + Đối với lực lượng Quân đội, Cảnh sát PCCC, thủ trưởng đơn vị là người chỉ huy chữa cháy rừng.

- + Đối với lực lượng bảo vệ rừng của chủ rừng là tổ chức, người đứng đầu tổ chức là người chỉ huy hoặc ủy quyền người chỉ huy chữa cháy rừng.

- + Đối với các lực lượng khác tham gia chữa cháy rừng thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

- Khi triển khai chữa cháy hoặc phân tích, đánh giá vụ cháy xảy ra ở nơi khó khăn, phức tạp và các lực lượng trên địa bàn huyện không tự giải quyết được, vượt quá khả năng kiểm soát của cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh để huy động chữa cháy rừng.

c) Kịch bản 2 – RRTT cấp 2: quy mô đám cháy lớn

Đám cháy có quy mô trên 03ha, chủ rừng, UBND cấp huyện không kiểm soát, dập tắt được, có nguy cơ cháy lan sang các khu vực lân cận; cần huy động lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng của cấp tỉnh.

Sau khi nhận được báo cáo của Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức huy động tối đa lực lượng, phương tiện, thiết bị của tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý để chữa cháy rừng; khẩn trương tiếp cận đám cháy để chỉ đạo chữa cháy rừng; cụ thể:

- Sở NN-PTNT: Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm huy động tối đa lực lượng, phương tiện đến khu vực xảy ra cháy rừng để hướng dẫn các lực lượng và tham gia chữa cháy rừng.

- Bộ CHQS tỉnh: Huy động đơn vị quân đội của địa phương tham gia chữa cháy rừng theo yêu cầu của Ban phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh.

- Công an tỉnh: Điều động lực lượng, phương tiện của Cảnh sát PCCC tham gia chữa cháy rừng (bao gồm cả xe chữa cháy ở những nơi có thể tiếp cận được mục tiêu); nhanh chóng triển khai phương án bảo vệ an ninh, trật tự, tăng cường tại các khu vực xảy

ra cháy rừng và triển khai các phương án bảo vệ các công trình trọng điểm.

- Sở TT-TT: Bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt ở các khu vực xảy ra cháy rừng theo yêu cầu của Ban phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh; quy định chế độ ưu tiên về thông tin, truyền tin, các dịch vụ bưu chính phục vụ chữa cháy rừng đảm bảo nhanh chóng, an toàn, chính xác, thông suốt trong mọi tình huống.

- Sở Y tế: Cơ động các tổ y tế đến các địa bàn xảy ra cháy rừng theo sự phân công của Ban phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh, để sẵn sàng cấp cứu người bị nạn, bảo đảm nguồn nước sinh hoạt cho các lực lượng tham gia chữa cháy rừng.

- Sở GT-VT: sẵn sàng các xe chuyên chở để chở người và thiết bị khi có yêu cầu. Triển khai ngay việc sửa chữa khắc phục các đoạn đường bị hư hại trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm giao thông để cơ động lực lượng đến khu vực xảy ra cháy rừng; đồng thời tìm đường vòng vượt, phối hợp với Công an để ứng cứu, giải tỏa ách tắc giao thông.

- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị liên quan, tùy theo chức năng của mình cơ động lực lượng tham gia chữa cháy, sẵn sàng chi viện cho các đơn vị khác khi có yêu cầu của Ban phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh.

- Khi có nhiều lực lượng tham gia chữa cháy rừng, thì người đứng đầu của từng lực lượng là người chỉ huy chữa cháy rừng, chịu sự chỉ đạo chung của Chủ tịch UBND tỉnh;

Trường hợp đám cháy lớn vượt quá khả năng kiểm soát của tỉnh hoặc đám cháy quy mô không lớn nhưng có nguy cơ ảnh hưởng đến người dân, đến an ninh quốc phòng, Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn và Bộ trưởng Bộ NN-PTNT để huy động chữa cháy rừng.

d) Kỹ thuật chữa cháy rừng

Khi xảy ra cháy rừng, tùy tình hình thực tế có thể quyết định sự dụng biện pháp chữa cháy thích hợp:

- Chữa cháy trực tiếp: Huy động tất cả các phương tiện từ thủ công đến cơ giới tác động trực tiếp vào đám cháy để nhanh chóng dập tắt đối với đám cháy nhỏ có diện tích dưới 01 ha, chủ yếu đám cháy dưới mặt đất, dưới tán rừng, vật liệu cháy ít, địa hình không phức tạp, tốc độ cháy lan chậm.

- Chữa cháy gián tiếp: Huy động lực lượng và phương tiện, tạo vật chướng ngại ngăn cản cháy lan; để giới hạn đám cháy, được áp dụng cho các đám cháy lớn diện tích trên 01 ha, tính chất, mức độ cháy phức tạp và diện tích của khu rừng còn lại rất lớn.

e) Bố trí lực lượng chữa cháy

Trong mọi tình huống các lực lượng tham gia chữa cháy luôn được phân thành những bộ phận chủ yếu, gồm bộ phận chữa cháy, bộ phận hỗ trợ, bộ phận cứu hộ và bộ phận hậu cần với các nhiệm vụ cụ thể:

- Bộ phận chữa cháy: Có nhiệm vụ trực tiếp sử dụng mọi công cụ, phương tiện và biện pháp cần thiết để khống chế và dập tắt đám cháy được triển khai thành đội hình để tác nghiệp theo sự phân công của người chỉ huy hiện trường tại thời điểm;

- Bộ phận hỗ trợ: Có nhiệm vụ hỗ trợ cùng bộ phận chữa cháy trong việc dẫn đường, vận chuyển máy móc, thiết bị chữa cháy đến hiện trường, bảo vệ trật tự, dẫn đường cho lực lượng tiếp ứng, giúp đưa người và tài sản nhân dân nếu có ra khỏi khu vực cháy;

- Bộ phận cứu hộ: Có nhiệm vụ cứu hộ, cấp cứu người bị nạn gồm nhân viên y tế của đơn vị chủ rừng và cán bộ, nhân viên của Trung tâm Y tế của địa phương được điều động đến đảm trách;

- Bộ phận hậu cần: Làm nhiệm vụ tiếp nước, lương thực, nhiên liệu cho lực lượng tham gia chữa cháy rừng trong trường hợp thời gian chữa cháy kéo dài.

3.11.4.3. Công tác khắc phục hậu quả sau khi dập tắt đám cháy rừng

a) Xử lý triệt để tàn lửa và bảo vệ hiện trường

Sau khi không chế được đám cháy, chủ rừng có trách nhiệm chủ trì trong công tác phân công người xử lý triệt để tàn lửa, tránh để đám cháy bùng phát trở lại.

Lực lượng Kiểm lâm, Chính quyền địa phương phân công người phối hợp với chủ rừng để trực giám sát đám cháy sau khi được dập tắt; tổ chức bảo vệ hiện trường nhằm phục vụ cho công tác điều tra, xác minh tìm nguyên nhân gây cháy rừng.

b) Xác định thiệt hại do cháy rừng và giải pháp phục hồi rừng sau khi cháy

Chủ rừng có trách nhiệm xác định mức độ thiệt hại do cháy rừng gây ra theo quy định: xác định diện tích, loại rừng, trạng thái rừng bị cháy, đánh giá mức độ thiệt hại và xác định diện tích rừng bị thiệt hại do cháy rừng; khả năng phục hồi rừng sau khi cháy; những thiệt hại về người, tài sản, và các thiệt hại khác (nếu có); Tổng hợp báo cáo vụ cháy rừng cho các cơ quan chức năng theo quy định.

Chủ rừng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phục hồi rừng sau khi cháy theo quy định. Cơ quan Kiểm lâm sở tại có trách nhiệm hỗ trợ chủ rừng và kiểm tra, giám định khi cần thiết về kết quả xác định thiệt hại do cháy rừng gây ra do chủ rừng báo cáo. Giám sát việc thực hiện phục hồi rừng của chủ rừng.

3.12. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ MỘT SỐ LOẠI HÌNH THIÊN TAI ÍT KHẢ NĂNG XẢY RA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

3.12.1. Động đất (cấp độ RRTT cấp 1)

- Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh: Trực ban 24/24, theo dõi nắm bắt thông tin về Tin động đất từ Viện Vật lý địa cầu, thông tin kịp thời đến các sở ngành, địa phương để chủ động các biện pháp ứng phó;

- Sở LD-TB-XH: Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương và các đoàn thể khẩn trương tổ chức thực hiện cứu trợ cho nhân dân ở khu vực bị ảnh hưởng của động đất; thăm viếng, động viên và giải quyết chính sách kịp thời cho những người bị chết, bị thương; tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ lương thực, thực phẩm (gạo, mì tôm, nhu yếu phẩm khác) cho người dân vùng bị ảnh hưởng động đất.

- Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với Hội Chữ thập đỏ cấp cứu và đảm bảo các dụng cụ y tế, thuốc, dược phẩm thực hiện công tác sơ cứu tại chỗ người bị nạn và chăm sóc sức khỏe người dân vùng bị ảnh hưởng động đất. Đồng thời, có kế hoạch ưu tiên bố trí xe cấp

cứu vận chuyển người bị thương về Trung tâm Y tế huyện để cấp cứu những người bị thương nặng được chuyển đến.

- Sở TNMT: Phối hợp với UBND các cấp xử lý môi trường khu vực bị động đất.
- Sở GT-VT: Chỉ đạo khẩn trương xử lý khẩn cấp các tuyến đường bị sạt lở, cầu cống bị hư trong thời gian sớm nhất để phục vụ công tác cứu nạn và di lại của nhân dân.
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai: Tổ chức khắc phục sự cố về điện phục vụ cho nhân dân vùng động đất.
- Các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể có liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm điều động, bố trí phương tiện, lực lượng phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ và khắc phục hậu quả.
- Đối với UBND cấp huyện và các cơ quan chức năng ở địa phương:
 - + Khảo sát, xác định và chuẩn bị các khu vực sơ tán an toàn cho nhân dân.
 - + Chủ động xây dựng kế hoạch sơ tán dân của từng ấp, tổ dân phố và sẵn sàng triển khai thực hiện khi có động đất.
 - + Dự trữ lương thực, thực phẩm, các nhu yếu phẩm, thuốc y tế đảm bảo cho công tác cứu trợ nhân dân trong khu vực bị động đất.
 - + Có kế hoạch chuẩn bị lực lượng tại chỗ (Đội xung kích PCTT) để hỗ trợ kịp thời nhân dân bị thương vong, mất tích trong vùng bị động đất. Đồng thời, có kế hoạch hiệp đồng với các lực lượng vũ trang để hỗ trợ trong công tác tìm kiếm cứu nạn khi động đất có cường độ lớn, xảy ra trên phạm vi rộng.
 - + Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thường xuyên cho nhân dân các kỹ năng phòng, tránh động đất.

3.12.2. Rét hại (cấp độ RRTT cấp 1)

- Phương án phòng chống rét cho người, đặc biệt lưu ý đối tượng dễ bị tổn thương như người già, trẻ em, người khuyết tật.
 - + Đảm bảo an toàn cho người già, trẻ nhỏ.
 - + Kiểm tra, rà soát các hoạt động sưởi ấm.
- Phương án đảm bảo an toàn cho gia súc, gia cầm:
 - + Tổ chức che chắn, làm chuồng cho gia súc, gia cầm.
 - + Bảo đảm nguồn thức ăn cho gia súc.
- Phương án đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất:
 - + Che chắn, bảo vệ cây trồng và vật nuôi khi cần thiết.
 - + Thu hoạch sớm mùa vụ.
 - + Ổn định sản xuất; hỗ trợ gạo cứu đói cho các hộ bị mất mùa do thiên tai,...
 - + Hỗ trợ vật tư, giống cây trồng, vật nuôi cho các hộ dân bị thiệt hại.
- Phương án khắc phục và phục hồi sản xuất sau thiên tai (chuẩn bị đủ cơ sở về giống cây trồng, vật nuôi).

- Xây dựng kế hoạch dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm, thức ăn chăn nuôi.
- Bố trí lực lượng, phương tiện để xử lý, khắc phục thiên tai.

3.12.3. Sương mù (cấp độ RRTT cấp 1)

- Cập nhật các bản tin cảnh báo sớm đến cơ quan ban ngành, địa phương và nhân dân để chủ động phòng tránh.
- Lực lượng cảnh sát giao thông và thanh tra giao thông hướng dẫn, phân luồng giao thông, đảm bảo an toàn giao thông.
- Thông báo cho người điều khiển phương tiện giao thông, tàu thuyền về diễn biến của sương mù để chú ý quan sát, giảm tốc độ đảm bảo lưu thông an toàn; giữ liên lạc với các tàu thuyền để xử lý kịp thời các tình huống xấu có thể xảy ra.
- Duy trì lực lượng, phương tiện cứu hộ, cứu nạn để ứng cứu khi có yêu cầu.

3.13. NGUỒN LỰC ỨNG PHÓ THIÊN TAI

3.13.1. Lực lượng

Lực lượng dự kiến huy động từ các sở, ban ngành, tỉnh đến cấp huyện, cấp xã tham gia công tác phòng, tránh, ứng phó khi xảy ra thiên tai. Tùy theo tình hình diễn biến và mức độ ảnh hưởng, thiệt hại của thiên tai, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh quyết định việc điều động và phân công, bố trí lực lượng để chi viện cho các địa phương theo yêu cầu.

(Chi tiết lực lượng huy động ứng phó thiên tai xem Phụ lục 2.1, Phần phụ lục).

3.13.2. Phương tiện, trang thiết bị, vật tư

Chủ tịch UBND - Trưởng Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện chủ động huy động phương tiện, trang thiết bị của địa phương để tham gia ứng phó; trường hợp phương tiện, trang thiết bị không đáp ứng thì báo cáo Trưởng Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh huy động phương tiện, trang thiết bị của các sở, ngành, đoàn thể tỉnh.

(Chi tiết xem Phụ lục 2.2, Phần phụ lục).

3.13.3. Dự trữ nhu yếu phẩm

Sở Công Thương tổ chức phương án hiệp đồng dự trữ các hàng hóa nhu yếu phẩm thiết yếu để tỉnh điều động khi có tình huống thiên tai xảy ra.

Ngoài ra, các địa phương hướng dẫn người dân các vùng sâu, vùng xa, vùng bị ngập lụt chủ động tự dự trữ hàng hoá, nhu yếu phẩm... tối thiểu 7 ngày cho gia đình mình, không để thiếu thực phẩm khi thiên tai lớn xảy ra

(Chi tiết xem Phụ lục 2.3, Phần phụ lục đính kèm).

3.13.4. Trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính

- Các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các cấp, hằng năm, cùng thời điểm lập dự toán ngân sách Nhà nước cho năm sau, dự trù kinh phí thực hiện Phương án ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hàng năm, gửi cơ quan chuyên môn thẩm định theo đúng quy định.

- Sở KH-ĐT có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh nguồn vốn thực hiện Phương án ứng phó thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện hàng năm.

- Sở Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối ngân sách tham mưu cấp có thẩm quyền cân đối nguồn lực thực hiện phòng, chống thiên tai theo quy định hiện hành.

3.13.5. Nguồn lực tài chính thực hiện

- Kêu gọi sự hỗ trợ của Trung ương, các cấp các ngành, các tổ chức xã hội và sử dụng ngân sách tỉnh để đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai, thủy lợi, giao thông thực hiện dự án di dời dân, triển khai thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

- Cân đối Ngân sách được giao các sở, ngành, đơn vị, huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn: đầu tư, mua sắm các phương tiện, trang thiết bị phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo phương châm “Bôn tại chỗ”, trang bị những điều kiện cần thiết phục vụ công tác tập huấn, thông tin, tuyên truyền, phòng, chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn.

- Lồng ghép nguồn kinh phí từ các dự án khác thực hiện hoạt động phòng chống giảm nhẹ thiên tai ứng phó biến đổi khí hậu.

- Vận động các tổ chức, cá nhân hỗ trợ cho dự án phòng chống thiên tai ứng phó biến đổi khí hậu.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí trung ương, kinh phí địa phương, Quỹ Phòng chống thiên tai, quỹ cứu trợ,... và các nguồn đóng góp tự nguyện theo quy định của Chính phủ và của tỉnh trong phòng chống và ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

- Ngoài ra, công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn còn được thực hiện theo phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

3.14. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

- Các Sở, ngành, đơn vị, tỉnh và huyện, thành phố thực hiện nghiêm chế độ báo cáo về Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh.

- Nội dung, chế độ báo cáo và kết quả báo cáo thống kê, đánh giá thiệt hại thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLTBNNPTNT-BKHĐT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Các Sở, Ban, ngành, đơn vị, địa phương thực hiện lập báo cáo phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn gửi về Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh để tổng hợp, báo cáo Trung ương theo quy định.

IV. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. PHÂN CẤP CHỈ ĐẠO, CHỈ HUY ĐIỀU HÀNH ỨNG PHÓ THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

4.1.1. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó RRTT cấp độ 1

a) Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời ngay khi thiên tai xảy ra; hỗ trợ công tác ứng phó khi có đề nghị của các địa phương lân cận; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, chỉ huy của các cơ quan phòng chống thiên tai cấp trên; đồng thời được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

- Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện.

- Vật tư dự trữ do nhân dân chuẩn bị, vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp xã và tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn.

b) Các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ theo sự chỉ huy của Chủ tịch UBND cấp xã hoặc người được ủy quyền.

c) Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị UBND cấp huyện hỗ trợ.

d) Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ hai xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch UBND cấp xã; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng chống thiên tai cấp trên.

đ) Chủ tịch UBND cấp huyện được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

- Lực lượng quân đội, công an, dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện theo quy định của pháp luật.

- Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp huyện và các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn.

e) Các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn huyện có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ theo sự chỉ huy của Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc người được ủy quyền.

4.1.2. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó RRTT cấp độ 2

a) Chủ tịch UBND cấp tỉnh chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó thiên tai; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

b) Chủ tịch UBND cấp tỉnh được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

- Lực lượng quân đội, công an, dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân, lực lượng tìm kiếm cứu nạn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện.
- Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp tỉnh, vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai và của tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn.

c) Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại Mục 1, Chương III của Phương án này; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

d) Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

đ) Các lực lượng tham gia hỗ trợ phòng, chống thiên tai tại địa phương phải phối hợp chặt chẽ và theo sự chỉ huy thống nhất của Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc người được ủy quyền.

4.1.3. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó RRTT cấp độ 3

a) Chủ tịch UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm huy động nguồn lực theo thẩm quyền, chỉ huy triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn. Tuân thủ sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

b) Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm c, Mục 2, Chương III của Phương án này phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

4.1.4. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó RRTT cấp độ 4 và tình trạng khẩn cấp về thiên tai

a) Chủ tịch UBND cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn, tuân thủ sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

b) Chủ tịch UBND cấp huyện và cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm c, Mục 2, Chương III của Phương án này phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

c) Việc phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

4.2. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.2.1. Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh

- Là cơ quan điều hành thống nhất mọi hoạt động về công tác ứng phó với thiên tai trên địa bàn tỉnh; là cơ quan thường trực điều phối công tác ứng phó với thiên tai của các cấp, các ngành trong tỉnh với Trung ương.

- Tiếp nhận các bản tin dự báo, cảnh báo của cơ quan dự báo Trung ương, của Đài KTTV tỉnh Đồng Nai về thiên tai và công điện, văn bản chỉ đạo của Trung ương tổ chức triển khai thực hiện; ban hành các công điện và các văn bản chỉ đạo yêu cầu các cấp, các ngành sẵn sàng, chủ động ứng phó với các tình huống thiên tai xảy ra.

- Tổ chức trực ban, kịp thời thông tin, cảnh báo cho các sở, ngành, huyện, thành phố triển khai các biện pháp phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

4.2.2. UBND các huyện, thành phố

- Xây dựng, phê duyệt, cập nhật, bổ sung và hoàn chỉnh các phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn phù hợp với từng loại thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai thường xảy ra tại địa phương;

- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai công tác ứng phó theo phương án đã lập và yêu cầu các cơ quan, đơn vị trên địa bàn phải triển khai công tác phòng chống thiên tai của đơn vị; trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng chống thiên tai cấp trên.

- Phổ biến Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai cấp huyện, cấp xã đến tận người dân.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định hiện hành.

4.2.3. Đài KTTV tỉnh Đồng Nai

Cung cấp số liệu khí tượng thủy văn kịp thời cho Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh phục vụ công tác điều hành; dự báo, cảnh báo, thông báo kịp thời về tình hình diễn biến thời tiết, bão, lũ, thiên tai, đặc biệt là cảnh báo sớm các nguy cơ mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất; cung cấp kịp thời các bản tin dự báo bão, lũ lụt trên địa bàn tỉnh cho Đài PT-TH tỉnh, Đài Truyền thanh huyện, thành phố để thông báo đến nhân dân trong tỉnh.

4.2.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Thực hiện nhiệm vụ thường trực công tác phòng chống thiên tai của Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh; tham mưu chỉ đạo kịp thời các phương án ứng phó khi thiên tai xảy ra; đôn đốc tổng hợp, báo cáo về thiệt hại và những diễn biến của thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố chỉ đạo thực hiện phương án sản xuất nông nghiệp phù hợp với từng vùng để hạn chế thiệt hại, dự phòng đủ các loại giống, vật tư nông nghiệp, thuốc phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm ở những địa bàn

xung yếu, vùng có nguy cơ xảy ra ngập lụt, thiên tai nhằm khôi phục sản xuất, kịp thời dập tắt các ổ dịch bệnh phát sinh.

- Tổng hợp tình hình thiệt hại về nông, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản theo quy định, đề xuất các biện pháp khôi phục sản xuất; phối hợp với các ngành đề xuất cơ chế chính sách, phương án khắc phục hậu quả thiên tai xảy ra trên địa bàn với Ủy ban nhân dân tỉnh và các Bộ, Ngành Trung ương; xây dựng kế hoạch phục hồi sản xuất, ổn định đời sống nhân dân.

- Chỉ đạo đảm bảo công tác trực ban của Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT- TKCN tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

- Phân công lãnh đạo Sở, lãnh đạo các Chi cục, phòng ban chuyên môn xuống các địa bàn chỉ đạo ứng phó, khắc phục hậu quả phục hồi sản xuất ổn định đời sống nhân dân.

4.2.5. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan Thường trực Tìm kiếm cứu nạn; kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn UBND huyện, thành phố các ngành các đơn vị chuẩn bị đầy đủ lực lượng và phương tiện sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố, thiên tai xảy ra trong từng tình huống.

- Hàng năm, Bộ CHQS tỉnh lập Kế hoạch hiệp đồng công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh;

- Khi có dự báo thiên tai xảy ra tổ chức thường trực rà soát lại Kế hoạch hiệp đồng công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Triển khai công tác hỗ trợ sơ tán, ứng phó cho các huyện, thành phố, xã, phường; Triển khai công tác bố trí lực lượng, phương tiện ứng phó, xử lý tình huống khẩn cấp và tìm kiếm cứu nạn tại các khu vực trọng điểm; thực hiện công tác ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn thiên tai trong điều kiện có thể theo kế hoạch hiệp đồng đã đề ra.

- Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan Thường trực Tìm kiếm cứu nạn có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở GTVT, UBND huyện, thành phố xây dựng Phương án cứu hộ, tìm kiếm cứu nạn ứng với từng loại hình thiên tai, tình huống, cấp độ thiên tai để tổ chức thực hiện hiệu quả khi có thiên tai xảy ra; bảo đảm quân đội là lực lượng chủ lực, nòng cốt trong công tác tìm kiếm cứu nạn. Kiểm tra đôn đốc hướng dẫn các huyện, thành phố, rà soát thống kê các phương tiện vật tư cần thiết phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; bố trí phương tiện, lực lượng sẵn sàng, hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng tìm kiếm cứu nạn của các huyện, thành phố, các ngành, các đơn vị thuộc Trung ương đóng trên địa bàn để tham gia cứu hộ và tìm kiếm cứu nạn khi cần thiết, bảo đảm sát với thực tế của từng vùng, khu vực trong tỉnh và phù hợp với diễn biến thiên tai, sự cố, tai nạn; chủ động phòng ngừa, đối phó, giải quyết tốt hậu quả trong mọi tình huống.

- Bảo dưỡng vật tư thiết bị, vận hành phương tiện để chủ động ứng phó bão lũ; lập kế hoạch trang bị, bổ sung phương tiện, vật tư thiết bị. Tranh thủ sự chỉ đạo và hỗ trợ về nguồn lực của các cấp chính quyền và Bộ, ngành để tăng cường năng lực, nâng cao hiệu quả công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Chủ trì phối hợp UBND các huyện, thành phố tìm kiếm người bị nạn, sơ cấp cứu và đưa về cơ sở y tế điều trị; cùng lực lượng xung kích phòng chống thiên tai, dân quân tự vệ địa phương giúp nhân dân sửa chữa nhà cửa, ổn định đời sống và sản xuất.

- Khi có lệnh huy động chi viện, hỗ trợ nhanh chóng huy động nhân lực phương tiện, vật tư để tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn, sơ tán dân và khắc phục hậu quả thiên tai kịp thời.

- Phối hợp với cơ sở y tế tại địa phương để tham gia cứu chữa người bị thương; thực hiện vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh sau thiên tai.

4.2.6. Sở Giao thông vận tải

- Phối hợp với UBND huyện, thành phố các đơn vị quản lý giao thông kiểm tra, xử lý bảo đảm giao thông thông suốt phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn, di dời dân chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư cần thiết để ứng cứu và xử lý kịp thời khi các công trình giao thông bị hư hỏng.

- Phối hợp với Công an tỉnh tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các phương tiện giao thông hoạt động trên sông kênh rạch; kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các quy định về quản lý, đăng ký đăng kiểm phương tiện đường thủy, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho người và phương tiện.

- Có phương án huy động phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy nội địa phù hợp với địa hình khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai để kịp thời đáp ứng yêu cầu di chuyển dân cư, lực lượng cứu nạn, cứu hộ, cứu trợ; đánh giá thiệt hại các tuyến đường QL, TL, bến thủy; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và đề xuất hỗ trợ khắc phục thiên tai.

- Chỉ đạo tu bổ những đoạn đường bị sạt lở, các cầu, cống bị hư hỏng, đảm bảo giao thông bước đầu cho người và phương tiện. Đối với đoạn đường nguy hiểm, tổ chức cắm biển cảnh báo cho người và phương tiện biết để chủ động phòng tránh; lập kế hoạch nâng cấp hệ thống quốc lộ, tỉnh lộ, giao thông đô thị, giao thông nông thôn sau thiên tai. Xây dựng mới hệ thống cầu, cống đảm bảo kết nối giao thông và tiêu thoát lũ.

- Triển khai phương án bảo đảm an toàn giao thông vận tải trước, trong và sau thiên tai. Phối hợp với Công an tỉnh và các địa phương chốt chặn các đoạn đường các khu vực nguy hiểm.

- Phối hợp chặt chẽ với các huyện, thành phố quản lý nắm bắt toàn bộ phương tiện vận tải đường thủy, đường bộ về số lượng, vị trí tập kết phục vụ cho công tác ứng cứu, giải tỏa hành khách khi có thiên tai. Chỉ đạo các hạt giao thông làm tốt công tác bảo đảm giao thông trên các tuyến đường; có kế hoạch chuẩn bị lực lượng, phương tiện để thường trực đảm bảo giao thông tại các vị trí thường bị ngập lụt, sạt lở đất trên các tuyến đường quan trọng.

4.2.7. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Đài KTTV khu vực Nam bộ và Đài KTTV tỉnh Đồng Nai thực hiện quản lý các quy định về quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo phòng ngừa, ứng phó với thiên tai trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố kiểm tra thực tế khu vực có thiên tai xảy ra; hướng dẫn công tác vệ sinh môi trường đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho nhân dân khi có thiên tai.

4.2.8. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông, thông tin di động kiểm tra các trạm tiếp sóng viễn thông, bảo đảm cho mạng thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, tiếp nhận, xử lý thông tin trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thông suốt trong mọi tình huống; có kế hoạch phối hợp sử dụng hệ thống thông tin nội bộ của lực lượng vũ trang trong tỉnh khi cần thiết.

- Phối hợp, chỉ đạo các cơ quan thông tin kịp thời thông tin cảnh báo, dự báo thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho nhân dân trong tỉnh biết và chủ động phòng, tránh an toàn.

4.2.9. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

Cân đối ngân sách tham mưu cho UBND tỉnh kịp thời hỗ trợ khẩn cấp, cứu đói cho nhân dân, cho công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai, ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân.

4.2.10. Công An tỉnh

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Công an tỉnh, Công an huyện, thành phố phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành liên quan tổ chức thực hiện phương án bảo đảm an ninh trật tự khi xảy ra thiên tai, nhất là tại các công trình trọng điểm; bảo vệ tài sản của nhà nước, nhân dân và các doanh nghiệp khi có rủi ro thiên tai xảy ra; bố trí lực lượng phương tiện thường trực 24/24 giờ để sẵn sàng tham gia cứu hộ, cứu nạn kịp thời theo chỉ đạo của UBND tỉnh và Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh.

- Phối hợp với Sở GT-VT giải tỏa kịp thời hành khách, đảm bảo giao thông thông suốt; đồng thời phối hợp với các địa phương triển khai Phương án đảm bảo an toàn giao thông, chốt chặn các tuyến đường và các khu vực nguy hiểm; phối hợp cùng chính quyền cơ sở đảm bảo an ninh trật tự, chống âm mưu phá hoại hồ, đập...

- Chuẩn bị lực lượng xuống máy phục vụ công tác kiểm tra chỉ đạo của tỉnh. Lập phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tài sản của nhà nước và nhân dân tại các điểm nút giao thông tắc nghẽn, các khu vực bị ngập lụt nặng.

4.2.11. Sở Công Thương

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thuộc ngành quản lý dự trữ đủ lương thực, xăng, dầu, muối và các nhu yếu phẩm khác; bố trí các điểm bán hàng phù hợp để đảm bảo cung ứng thuận tiện cho nhân dân khi có thiên tai, lũ lụt xảy ra. Phối hợp chặt chẽ với Cục dự trữ Nhà nước khu vực trong việc dự trữ bảo quản một số mặt hàng nhằm giữ vững ổn định kinh tế, hỗ trợ kịp thời nhân dân trong khu vực bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh.

- Chỉ đạo Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai triển khai Phương án đảm bảo an toàn cho hệ thống, mạng lưới điện kịp thời xử lý các sự cố điện để phục vụ đời sống và sản xuất.

4.2.12. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Kiểm tra, thống kê báo cáo thiệt hại về người, nhà cửa nhân dân. Nắm rõ số người chết, người mất tích, người bị thương; số hộ và số người bị ảnh hưởng thiên tai; số nhà sập đổ, nhà bị hư hỏng, nhà bị ngập nước... Trên cơ sở đánh giá thiệt hại về người và nhà ở phối hợp Sở Tài chính xem xét cân đối nguồn ngân sách báo cáo UBND tỉnh chi hỗ trợ, cứu trợ khẩn cấp cho gia đình bị thiệt hại, đặc biệt là các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo; đồng thời, hướng dẫn UBND cấp huyện giải quyết các chính sách, chế độ trợ giúp đột xuất cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi thiên tai theo quy định hiện hành.

4.2.13. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo các nhà trường tích cực tuyên truyền biện pháp phòng chống và ứng phó với thiên tai thông qua các giờ ngoại khóa, tích hợp kiến thức chuyên môn giảng dạy trong các giờ học chính khóa nhất là tại một số huyện, khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai.

- Thực hiện sửa chữa, nâng cấp trường học sau thiên tai. Ưu tiên nâng cấp trường học đối với vùng trũng, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai.

- Triển khai công tác phòng chống thiên tai cho các công trình, cơ sở giáo dục đào tạo làm nơi sơ tán khi cần thiết.

- Thông báo kịp thời cho các trường học trên địa bàn tỉnh khi có lệnh cho học sinh, sinh viên tạm nghỉ học phòng, tránh thiên tai.

4.2.14. Sở Y tế

- Chuẩn bị đủ vật tư, cơ sở thuốc chữa bệnh, thuốc khử trùng vệ sinh môi trường và các thiết bị y tế phục vụ công tác phòng và chữa bệnh cho nhân dân. Triển khai khám chữa bệnh cho nhân dân bị ảnh hưởng thiên tai; cung cấp thuốc chữa bệnh, thuốc tiêu độc, khử trùng và hướng dẫn nhân dân thực hiện các biện pháp xử lý kịp thời không để dịch bệnh xảy ra.

- Củng cố kiện toàn các đội cấp cứu lưu động, đội phòng chống dịch bệnh vệ sinh môi trường; thông báo số máy thường trực ở bệnh viện tỉnh, huyện và các khu vực khi có thiên tai xảy ra; đảm bảo khám, chữa và cấp cứu trong mọi tình huống.

4.2.15. Sở Xây dựng

- Kiểm tra các chủ đầu tư và UBND cấp huyện trong việc triển khai Phương án phòng chống thiên tai cho các công trình nhất là các công trình đang thi công dở dang, các nhà cao tầng, tháp cầu, cây xanh,....

- Đánh giá thiệt hại các trụ sở cơ quan, trường học, bệnh viện, kho tàng, nhà máy,... theo lĩnh vực quản lý ngành; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và đề xuất giải pháp khắc phục.

4.2.16. Đài PT-TH tỉnh, các cơ quan thông tấn, báo chí đóng trên địa bàn tỉnh

- Phối hợp với Đài KTTV tỉnh Đồng Nai, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến thiên tai, tăng thời lượng cung cấp thông tin, dự báo tình hình

diễn biến thời tiết, thiên tai nhanh chóng, kịp thời, chính xác; hướng dẫn người dân ứng phó với các sự cố có thể phát sinh khi thời tiết xấu hoặc thiên tai bất thường xảy ra để nhân dân biết và chủ động phòng, tránh đạt hiệu quả. Thực hiện chế độ phát tin cảnh báo, thông báo, truyền tin khi xảy ra thiên tai theo quy định.

- Triển khai Phương án đảm bảo an toàn các cơ sở phát thanh, truyền hình, các công trình viễn thông, các trụ ăng ten trong khu dân cư; phương án dự phòng và đảm bảo an toàn, thông suốt liên lạc với Trung ương và địa phương.

4.2.17. Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai

- Xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, trong đó có phương án cụ thể đối với các khu vực đô thị, trong trường hợp thiên tai làm đổ, ngã cây, lưới điện quốc gia gây nguy hiểm đến tính mạng con người. Đồng thời, chủ trì xây dựng quy chế phối hợp với Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Môi trường Đô thị Đồng Nai trong tổ chức thực hiện.

- Chuẩn bị đầy đủ các trang thiết bị, vật tư dự phòng và nhân lực để khắc phục nhanh các sự cố, hư hỏng của hệ thống lưới điện.

- Tổ chức kiểm tra hệ thống cung cấp điện, đặc biệt là các vị trí xung yếu có nguy cơ sạt lở gây sự cố để có biện pháp khắc phục, sửa chữa trước mùa mưa bão, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do thiên tai gây ra. Chỉ đạo công tác vận hành an toàn lưới điện trong mùa mưa lũ; chuẩn bị phương án đảm bảo duy trì cung cấp điện cho các đối tượng ưu tiên đặc biệt như: Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, Đài PT-TH tỉnh, Bệnh viện, trụ sở Thường trực Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh, huyện, thành phố.

4.2.18. Các thành viên Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh, các ngành liên quan

- Trực tiếp kiểm tra công tác chuẩn bị phòng, chống, ứng phó trước khi thiên tai xảy ra theo lĩnh vực mình phụ trách. Chủ trì, phối hợp cùng Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh và các Sở, ngành liên quan lập Đoàn kiểm tra công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại một số huyện, huyện thành phố theo lĩnh vực mình phụ trách.

- Các Sở, ngành, đơn vị theo lĩnh vực quản lý đánh giá, thống kê thiệt hại do thiên tai, báo cáo UBND tỉnh. Sau 03 ngày khi kết thúc thiên tai, các sở, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện phải báo cáo thiệt hại về UBND tỉnh, Thường trực Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh.

4.2.19. Các tổ chức đoàn, hội

Đề nghị Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai, Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh:

- Phối hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức và vận động cán bộ, hội viên, đoàn viên thực hiện nhiệm vụ phòng chống và ứng phó kịp thời khi có thiên tai xảy ra.

- Phối hợp với Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức cứu trợ, phân phối hàng, tiền cho người dân bị thiệt hại do thiên tai, sớm ổn định đời sống, sản xuất.

4.2.20. Các tổ chức, cá nhân

Thường xuyên theo dõi thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về tình hình rủi ro thiên tai, chủ động phòng chống; chuẩn bị sẵn sàng phương tiện, vật tư, lực lượng để tham gia vào công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai khi được sự huy động của Ban Chỉ huy PCTT-TKCN các cấp.

Trên đây là Phương án ứng phó thiên tai theo các cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, yêu cầu Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện./.

MỤC LỤC

MỤC LỤC	I
DANH MỤC BẢNG BIỂU	V
DANH MỤC HÌNH ẢNH	VI
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	VII
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU CHUNG	1
1.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ DÂN SINH – KINH TẾ - XÃ HỘI	1
1.1.1 Vị trí địa lý.....	1
1.1.2. Đặc điểm địa hình	2
1.1.3. Đặc điểm địa chất, thổ nhưỡng.....	3
1.1.3. Đặc điểm khí tượng, thủy văn	4
1.1.4. Đặc điểm dân sinh.....	12
1.1.5. Đặc điểm kinh tế - xã hội	13
1.1.6. Đặc điểm kết cấu hạ tầng.....	14
1.2. ĐẶC ĐIỂM VÀ TÌNH HÌNH THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN	16
1.2.1. Bão, áp thấp nhiệt đới	17
1.2.2. Đông, lốc, sét, mưa đá.....	18
1.2.3. Mưa lớn, ngập lụt do mưa lớn.....	19
1.2.4. Sạt lở đất	20
1.2.6. Lũ, ngập lụt	22
1.2.7. Nắng nóng	26
1.2.8. Hạn hán, xâm nhập mặn	27
1.2.9. Lũ quét.....	29
1.2.10. Triều cường	31
1.2.11. Cháy rừng do tự nhiên	31
1.3. ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RRTT	32
1.3.1. Đánh giá thiên tai.....	32
1.3.2. Đánh giá năng lực ứng phó thiên tai	40
1.3.3. Đánh giá về tình trạng dễ bị tổn thương.....	51
1.3.4. Tổng hợp kết quả đánh giá RRTT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.....	56
1.4. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ NƯỚC BIỂN DÂNG.....	61
1.4.1. Kịch bản BĐKH tỉnh Đồng Nai	61
1.4.2. Nhận định tình hình thiên tai trong tương lai	62
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.....	63
2.1. CƠ SỞ PHÁP LÝ	63
2.2. MỤC ĐÍCH	63
2.3. YÊU CẦU CỦA PHƯƠNG ÁN.....	64
CHƯƠNG 3: NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ.....	65
3.1. MỤC TIÊU.....	65
3.2. PHƯƠNG CHÂM ỨNG PHÓ.....	65

3.3. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI BÃO, ÁP THẤP NHIỆT ĐỐI (CẤP ĐỘ RRTT CẤP 3-4)	65
3.3.1. Thời điểm ứng phó với Bão, Áp thấp nhiệt đới	65
3.3.2. Xác định kịch bản ứng phó	66
3.3.3. Phạm vi ảnh hưởng	66
3.3.4. Nội dung phương án ứng phó	66
3.4. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ HẠN HÁN (CẤP ĐỘ RRTT CẤP 1-2)	85
3.4.1. Thời điểm triển khai các hoạt động ứng phó hạn hán	85
3.4.2. Các kịch bản hạn hán	85
3.4.3. Phạm vi ảnh hưởng	85
3.4.4. Công tác triển khai thực hiện ứng phó hạn hán	86
3.5. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ XÂM NHẬP MẶN (CẤP ĐỘ RRTT CẤP 1-2)	98
3.5.1. Thời điểm triển khai các hoạt động ứng phó xâm nhập mặn	98
3.5.2. Các kịch bản xâm nhập mặn	98
3.5.3. Phạm vi ảnh hưởng	98
3.5.4. Công tác triển khai thực hiện ứng phó xâm nhập mặn	98
3.6. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ NẮNG NÓNG (CẤP ĐỘ RRTT CẤP 1-2)	102
3.6.1. Thời điểm triển khai các hoạt động ứng phó nắng nóng	102
3.6.2. Xác định kịch bản ứng phó nắng nóng	102
3.6.3. Phạm vi ảnh hưởng	102
3.6.4. Nội dung các hoạt động ứng phó nắng nóng	102
3.7. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ LŨ, NGẬP LỤT (CẤP ĐỘ RRTT CẤP 1, 2, 3)	104
3.7.1. Xác định kịch bản ứng phó	104
3.7.2. Thời điểm ứng phó	105
3.7.3. Xác định phạm vi và đối tượng ảnh hưởng	106
3.7.4. Nội dung phương án ứng phó	108
3.8. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI DÔNG, LỐC, SÉT, MƯA ĐÁ (CẤP ĐỘ RRTT CẤP 1)	130
3.8.1. Thời điểm ứng phó	130
3.8.2. Xác định kịch bản ứng phó	130
3.8.3. Phạm vi và đối tượng bị ảnh hưởng	130
3.8.4. Nội dung phương án ứng phó với kịch bản dông, lốc, sét, mưa đá RRTT cấp 1	131
3.9. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI MƯA LỚN (CẤP ĐỘ RRTT CẤP 1-2)	135
3.9.1. Thời điểm triển khai các hoạt động ứng phó	135
3.9.2. Xác định kịch bản ứng phó	135
3.9.3. Xác định phạm vi và đối tượng bị ảnh hưởng	136
3.9.4. Nội dung phương án ứng phó	138
3.10. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ LŨ QUÉT, SẠT LỎ ĐẤT DO MƯA LŨ, DÒNG CHẢY (CẤP ĐỘ RRTT CẤP 1-2)	151
3.10.1. Thời điểm triển khai các hoạt động ứng phó	151
3.10.2. Xác định kịch bản ứng phó	152

3.10.3. Xác định phạm vi và đối tượng bị ảnh hưởng	152
3.10.4. Nội dung các hoạt động ứng phó	155
3.11. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI CHÁY RỪNG DO TỰ NHIÊN (CẤP ĐỘ RRTT CẤP 1, 2)	163
3.11.1. Thời điểm triển khai các hoạt động ứng phó	163
3.11.2. Xác định kịch bản ứng phó với cháy rừng do tự nhiên	163
3.11.3. Phạm vi ảnh hưởng	164
3.11.4. Nội dung các hoạt động ứng phó cháy rừng do tự nhiên	165
3.12. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ MỘT SỐ LOẠI HÌNH THIÊN TAI ÍT KHẢ NĂNG XẢY RA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI	170
3.12.1. Động đất (cấp độ RRTT cấp 1)	170
3.12.2. Rét hại (cấp độ RRTT cấp 1)	171
3.12.3. Sương mù (cấp độ RRTT cấp 1)	172
3.13. NGUỒN LỰC ỨNG PHÓ THIÊN TAI	172
3.13.1. Lực lượng	172
3.13.2. Phương tiện, trang thiết bị, vật tư	172
3.13.3. Dự trữ nhu yếu phẩm	172
3.13.4. Trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính	172
3.13.5. Nguồn lực tài chính thực hiện	173
3.14. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO	173
CHƯƠNG 4: PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	174
4.1. PHÂN CẤP CHỈ ĐẠO, CHỈ HUY ĐIỀU HÀNH ỨNG PHÓ THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI	174
4.1.1. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó RRTT cấp độ 1	174
4.1.2. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó RRTT cấp độ 2	174
4.1.3. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó RRTT cấp độ 3	175
4.1.4. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó RRTT cấp độ 4 và tình trạng khẩn cấp về thiên tai	175
4.2. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	176
4.2.1. Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh	176
4.2.2. UBND các huyện, thành phố	176
4.2.3. Đài KTTV tỉnh Đồng Nai	176
4.2.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	176
4.2.5. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	177
4.2.6. Sở Giao thông vận tải	178
4.2.7. Sở Tài nguyên và Môi trường	178
4.2.8. Sở Thông tin và Truyền thông	179
4.2.9. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư	179
4.2.10. Công An tỉnh	179
4.2.11. Sở Công Thương	179
4.2.12. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	180

4.2.13. Sở Giáo dục và Đào tạo	180
4.2.14. Sở Y tế.....	180
4.2.15. Sở Xây dựng	180
4.2.16. Đài PT-TH tỉnh, các cơ quan thông tấn, báo chí đóng trên địa bàn tỉnh	180
4.2.17. Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	181
4.2.18. Các thành viên Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh, các ngành liên quan.....	181
4.2.19. Các tổ chức đoàn, hội	181
4.2.20. Các tổ chức, cá nhân.....	182

DANH MỤC BẢNG BIỂU

<i>Bảng 1.1: Diện tích tự nhiên phân theo độ dốc địa hình tỉnh Đồng Nai.....</i>	<i>2</i>
<i>Bảng 1.2: Phân phối dòng chảy năm tại một số trạm vùng nghiên cứu (đơn vị:mm).....</i>	<i>6</i>
<i>Bảng 1.3: Đặc trưng dòng chảy kiệt tháng (trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất).....</i>	<i>8</i>
<i>Bảng 1.4: Bảng độ mặn tại một số vị trí trên sông Đồng Nai một số năm gần đây.....</i>	<i>12</i>
<i>Bảng 1.5: Tổng hợp số cơn bão, ATNĐ từ 2016 – 2022</i>	<i>17</i>
<i>Bảng 1.6: Các cơn bão lớn ảnh hưởng trực tiếp đến Đồng Nai trong nhiều năm qua</i>	<i>17</i>
<i>Bảng 1.7: Tổng thiệt hại do dông lốc, sét, mưa đá gây ra</i>	<i>19</i>
<i>Bảng 1.8: Tổng thiệt hại do lũ, ngập lụt mưa lớn gây ra</i>	<i>20</i>
<i>Bảng 1.9: Mức nước đỉnh lũ tại các trạm thủy văn trên sông chính tỉnh Đồng Nai.....</i>	<i>23</i>
<i>Bảng 1.10: Tổng thiệt hại do các trận lũ lớn điển hình từ 2000 đến 2023</i>	<i>26</i>
<i>Bảng 1.11: Các trận lũ quét lớn đã xảy ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai</i>	<i>30</i>
<i>Bảng 1.12: Kết quả phân cấp RTTT cho các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai</i>	<i>33</i>
<i>Bảng 1.13: Tổng hợp khu vực và đối tượng bị ảnh hưởng theo các loại hình thiên tai.....</i>	<i>35</i>
<i>Bảng 1.14: Tổng hợp kết quả đánh giá thiên tai</i>	<i>37</i>
<i>Bảng 1.15: Kết quả thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2017 – 2020</i>	<i>40</i>
<i>Bảng 1.16: Tổng hợp các lực lượng chuyên trách PCTT-TKCN tỉnh Đồng Nai</i>	<i>42</i>
<i>Bảng 1.17: Thống kê danh mục và phân cấp kỹ thuật hiện trạng các tuyến đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh (đơn vị: km).....</i>	<i>46</i>
<i>Bảng 1.18: Quy mô và số lượng nhà tránh trú thiên tai cộng đồng tại Đồng Nai.....</i>	<i>48</i>
<i>Bảng 1.19: Danh mục phương tiện, thiết bị phục vụ PCTT-TKCN của các đơn vị quân sự trên địa bàn tỉnh.....</i>	<i>50</i>
<i>Bảng 1.20: Tổng hợp công trình nhà sơ để bị tổn thương do thiên tai trên địa bàn tỉnh</i>	<i>53</i>
<i>Bảng 1.21: Tổng hợp kết quả đánh giá RRTT theo từng loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai</i>	<i>56</i>
<i>Bảng 3.1: Phương án sơ tán dân trong tình huống ATNĐ, bão cấp 8, cấp 9 đổ bộ vào địa bàn tỉnh Đồng Nai</i>	<i>79</i>
<i>Bảng 3.2: Phương án sơ tán dân kịch bản ATNĐ, bão cấp 10, cấp 11 đổ bộ vào địa bàn tỉnh Đồng Nai</i>	<i>79</i>
<i>Bảng 3.3: Tổng hợp phạm vi ảnh hưởng lũ, ngập lụt theo các cấp độ RRTT</i>	<i>107</i>
<i>Bảng 3.4: Tổng hợp số liệu dân cư cần di tản theo các độ RRTT.....</i>	<i>107</i>
<i>Bảng 3.5: Tổng hợp các khu vực có nguy cơ xảy ra dông, lốc, sét, mưa đá</i>	<i>130</i>
<i>Bảng 3.6: Tổng hợp khu vực có nguy cơ ngập do mưa lớn.....</i>	<i>136</i>
<i>Bảng 3.7: Số lượng dân cần sơ tán tập trung do mưa lớn có cấp RRTT cấp độ 2.....</i>	<i>137</i>
<i>Bảng 3.8: Tổng hợp khu vực có nguy cơ bị lũ quét và sạt lở đất</i>	<i>153</i>
<i>Bảng 3.9: Số lượng dân cần sơ tán tập trung do lũ quét, sạt lở đất RRTT cấp độ 2</i>	<i>154</i>

DANH MỤC HÌNH ẢNH

<i>Hình 1.1: Bản đồ hành chính tỉnh Đồng Nai.....</i>	<i>1</i>
<i>Hình 1.2: Bản đồ địa hình tỉnh Đồng Nai</i>	<i>3</i>
<i>Hình 1.3: Biểu đồ nhiệt độ bình quân năm và cực trị nhiệt độ giai đoạn 2010-2023 trạm Long Khánh (Nguồn: Đài KTTV tỉnh Đồng Nai cung cấp năm 2024)</i>	<i>4</i>
<i>Hình 1.4: Biểu đồ lượng mưa bình quân năm giai đoạn 2010-2023 trạm Long Khánh.....</i>	<i>5</i>
<i>Hình 1.5: Bản đồ đẳng trị mưa trung bình nhiều năm tỉnh Đồng Nai</i>	<i>5</i>
<i>Hình 1.6: Bản đồ hệ thống sông suối trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.....</i>	<i>9</i>
<i>Hình 1.7: Bản đồ các xã dễ bị tổn thương do thiên tai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.....</i>	<i>52</i>
<i>Hình 3.1: Ví dụ minh họa các giai đoạn ứng phó trong 1 trận lũ theo các cấp độ RRTT (Quá trình lũ tại trạm thủy văn Tà Lài trên sông Đồng Nai, trận lũ tháng 8/2019)</i>	<i>106</i>

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Ý nghĩa
1	ATNĐ	Áp thấp nhiệt đới
2	BĐ	Báo động
3	BĐKH	Biến đổi khí hậu
4	CCN	Cụm công nghiệp
5	CHQS	Chỉ huy quân sự
6	CSHT	Cơ sở hạ tầng
7	GT-VT	Giao thông – Vận tải
8	HĐND	Hội đồng nhân dân
9	IWER	Viện Thủy lợi và Môi trường
10	KCN	Khu công nghiệp
11	KH-ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
12	KTTV	Khí tượng thủy văn
13	KT-XH	Kinh tế xã hội
14	LĐ-TB-XH	Lao động, Thương binh và Xã hội
15	NN-PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
16	NTTS	Nuôi trồng thủy sản
17	PCCC	Phòng cháy, chữa chữa
18	PCTT	Phòng chống thiên tai
19	PCTT-TKCN	Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn
20	PT-TH	Phát thanh - Truyền hình
21	QL	Quốc lộ
22	RRTT	Rủi ro thiên tai
23	TKCN	Tìm kiếm cứu nạn
24	TL	Tỉnh lộ
25	TNNH MTV	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
26	TNMT	Tài nguyên và môi trường
27	TT-TT	Thông tin và Truyền thông
28	TW	Trung ương
29	TP	Thành phố
30	TH	Tiểu học
31	THCS	Trung học sơ sở
32	THPT	Trung học phổ thông
33	UBND	Ủy ban nhân dân
34	UPTT	Ứng phó thiên tai
35	VH-TT-DL	Văn hoá – Thể thao – Du lịch
36	XNM	Xâm nhập mặn

PHỤ LỤC 1: CƠ SỞ HẠ TẦNG PHỤC VỤ PCTT

Danh mục:

Phụ lục 1.1: Danh mục hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Phụ lục 1.2: Danh mục công trình cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Phụ lục 1.3: Danh mục công trình hạ tầng kết hợp làm điểm tránh trú thiên tai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Phụ lục 1.4: Danh mục công trình quan trắc khí tượng, thủy văn và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

PHỤ LỤC 1.1: DANH MỤC HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

TT	Tên công trình	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích tưới thiết kế (ha)	Diện tích tưới thực tế (ha)	Hiệu quả phục vụ (%)	Ghi chú
I	Huyện Tân Phú		8.347	10.044	120,33	
1	Hồ Đa Tôn	Thanh Sơn	1.403	2.084	148,54	Công ty TNHH MTV KTTL Đồng Nai quản lý
2	Đập Năm Sao	Phú Bình	250	460	184,00	
3	Đập Đồng Hiệp	Phú Điền	1.600	3.266	204,13	
4	TB Tà Lài	Tà Lài	410	423	103,17	
5	Trạm bơm áp 4 Đắc Lua	Đắc Lua	198	195	98,48	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Tân Phú quản lý
6	Trạm bơm áp 5a Đắc Lua	Đắc Lua	100	156	156,00	
7	Trạm bơm áp 8 Đắc Lua	Đắc Lua	132	89	67,42	
8	Trạm bơm áp 9,10 Đắc Lua	Đắc Lua	186	185	99,46	
9	Trạm bơm áp 11 Đắc Lua	Đắc Lua	120	174	145,00	
10	Trạm bơm áp 6 Phú An	Phú An	60	45	75,00	
11	Trạm bơm áp 2 Nam Cát Tiên	Nam Cát Tiên	70	64	91,43	
12	Trạm bơm áp 8 Nam Cát Tiên	Nam Cát Tiên	160	198	123,75	
13	Trạm bơm 6a,6b Núi Tượng	Núi Tượng	150	144	96,00	
14	Trạm bơm 1,2 Phú Thịnh	Phú Thịnh	41	25	60,98	
15	Trạm bơm Bến Thuyền	Phú Bình	207	139	67,15	
16	Trạm bơm Giang Điền	Phú Thanh	450	410	91,11	
17	Trạm bơm áp 4 Tà Lài	Tà Lài	60	60	100,00	
18	Đập Vàm Hô	Tà Lài	50	65	130,00	
19	Kênh tiêu Núi Tượng	Núi Tượng	800	788	98,50	
20	Đê bao ngăn lũ Đắc Lua	Đắc Lua	800	534	66,75	
21	Cổng tiêu áp 9 Đắc Lua	Đắc Lua	600	190	31,67	
22	Đập dâng Trà Cỏ	Phú Thanh	20	24	120,00	
23	Suối Trà Cỏ-Phú Thanh	Phú Thanh	180	124	68,89	
24	Mương tiêu cánh đồng áp 4, 5, 6a, 6b Núi Tượng	Núi Tượng	300	202	67,33	

TT	Tên công trình	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích tưới thiết kế (ha)	Diện tích tưới thực tế (ha)	Hiệu quả phục vụ (%)	Ghi chú
II	Huyện Định Quán		1.917	1.802	94,00	
1	Hệ thống trạm bơm Ba Giọt	Phú Vinh	500	634	126,80	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Định Quán quản lý
2	Đập dâng ấp 5	Phú Tân	110	115	104,55	
3	Trạm bơm ấp 2	Thanh Sơn	230	219	95,22	
4	Trạm bơm ấp 8	Thanh Sơn	187	183	97,86	
5	Trạm bơm Ngọc Định	Ngọc Định	240	185	77,08	
6	Đập Cầu Ván	Phú Túc	28	20	71,43	
7	Trạm bơm ấp 1	Thanh Sơn	102	124	121,57	
8	Hệ thống kênh tiêu ấp 8	Thanh sơn	500	312	62,40	
9	Đập Cần Đu	Phú Túc	20	10	50,00	UBND xã Phú Túc quản lý
III	Huyện Xuân Lộc		2.355	1.441	61,19	
1	Hồ Gia Ui	Xuân Tâm	680	645	94,85	Công ty TNHH MTV KTTL Đồng Nai quản lý
2	Đập Lang Minh	Xuân Phú	200	388	194,00	
3	Hồ Núi Le	TT Gia Ray	400			
4	Hồ Gia Măng	Xuân Hiệp	590			
5	Đập Gia Liêu 1	Xuân Phú	30	20	66,67	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Xuân Lộc quản lý
6	Đập Gia Liêu 2	Xuân Phú	62	61	98,39	
7	Đập Bưng Càn	Xuân Phú	100	140	140,00	
8	Trạm bơm Mu Rùa	Xuân Tâm	25	25	100,00	
9	Đập tràn Tân Bình 1	Lang Minh	69	60	86,96	
10	Đập tràn Tân Bình 2	Lang Minh	199	102	51,26	
IV	Huyện Cẩm Mỹ		1.978	1.436	72,60	
1	Đập Cù Nhí 1+2	Sông Ray	436	448	102,75	Công ty TNHH MTV KTTL Đồng Nai quản lý
2	Đập Suối Nước Trong	Xuân Bảo	385	167	43,38	
3	Hồ Suối Vọng	Xuân Bảo	300	300	100,00	
4	Đập Suối Sáu	Sông Nhạn	100	69	69,00	
5	Đập ấp 6	Sông Nhạn	43	42	97,67	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Cẩm Mỹ quản lý
6	Hồ Suối Đồi	Lâm San	440	145	32,95	
7	Hồ Giao Thông	Lâm San	20	33	165,00	

TT	Tên công trình	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích tưới thiết kế (ha)	Diện tích tưới thực tế (ha)	Hiệu quả phục vụ (%)	Ghi chú
8	Đập áp 4	Sông Ray	22	21	95,45	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Cẩm Mỹ quản lý
9	Đập áp 1	Lâm San	23	25	108,70	
10	Đập áp 5	Sông Nhạn	30	35	116,67	
11	Đập Suối Sách 1	Xuân Đông	30	16	53,33	
12	Đập Suối Sách 2	Xuân Đông	25	22	88,00	
13	Hồ Suối Ran	Xuân Tây	50	35	70,00	
14	Đập dâng áp Tự Túc	Thừa Đức	35	39	111,43	
15	Đập tràn khu 4 áp 5	Sông Nhạn	39	39	100,00	
V	Thành phố Long Khánh		565	560	99,12	
1	Hồ Suối Tre	Phường Suối Tre	50	66	132,00	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp TP. Long Khánh quản lý
2	Đập dâng Sân Bay	Xã Bàu Trâm	46	45	97,83	
3	Đập dâng Hoà Bình	Xã Bàu Trâm	41	36	87,80	
4	Đập dâng Đồng Háp	Phường Bảo Vinh	138	142	102,90	
5	Đập dâng Suối Chồn	Phường Bảo Vinh	40	67	167,50	
6	Kênh mương Ruộng Lớn	Phường Bảo Vinh	110	92	83,64	
7	Đập dâng Lát Chiếu	Xã Bảo Quang	80	58	72,50	
8	Đập Bàu Đục	Phường Sầu Sen	30	28	93,33	
9	Đập Bàu Tra	Phường Xuân Tân	30	26	86,67	
VI	Huyện Thống Nhất		1.222	952	77,91	
1	Đập Cây Da	Xuân Thiện	50	64	128,00	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Thống Nhất quản lý
2	Đập Ba Cao	Xuân Thiện	80	23	28,75	
3	Đập Tín Nghĩa 1	Xuân Thiện	10	6	60,00	
4	Đập Tín Nghĩa 2	Xuân Thiện	120	110	91,67	
5	Đập Cầu Cường	Gia Kiệm	94	65	69,15	
6	Đập Cầu Máng	Bàu Hàm 2	42	25	59,52	
7	Đập Ông Công	Bàu Hàm 2	45	12	26,67	
8	Đập Ông Nhì	Bàu Hàm 2	20	14	70,00	
9	Đập Ông Sinh	Bàu Hàm 2	45	20	44,44	
10	Đập Bình	Gia Tân 3	45	54	120,00	

TT	Tên công trình	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích tưới thiết kế (ha)	Diện tích tưới thực tế (ha)	Hiệu quả phục vụ (%)	Ghi chú
11	Đập Ông Thọ	Gia Tân 3	70	93	132,86	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Thống Nhất quản lý
12	Đập Tân Yên	Gia Tân 3	80	42	52,50	
13	Đập Cầu Quay	Gia Tân 3	30	59	196,67	
14	Đập Suối Mủ	Hung Lộc	45	39	86,67	
15	Kênh tiêu 52/54	Xuân Thạnh	39	38	97,44	
16	Kênh tiêu 97	Xuân Thạnh	23	23	100,00	
17	Kênh tiêu Phú Dòng	Gia Tân 2	326	208	63,80	
18	Kênh tiêu Cống Trắng	Gia Tân 2	58	57	98,28	
VII	Huyện Trảng Bom		1.620	1.174	72,47	
1	Hồ Sông Máy	Bắc Sơn	1.100	776	70,55	Công ty TNHH MTV KTTL Đồng Nai quản lý
2	Hồ Bà Long	Hố Nai 3	50	50	100,00	
3	Đập Gia Tôn	Sông Trầu	33	21	63,64	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Trảng Bom quản lý
4	Đập Suối Dầu	Trung Hòa	25	30	120,00	
5	Đập Hưng Long	Hưng Thịnh	41	37	90,24	
6	Đập Bàu Hàm	Sông Thao	128	127	99,22	
7	Hồ Thanh Niên	Hố Nai 3	70	40	57,14	
8	Đập Đòn Gánh	Bình Minh	23	25	108,70	
9	Hồ Suối Đầm	Bàu Hàm	150	68	45,33	
VIII	Huyện Vĩnh Cửu		1.239	1.124	90,72	
1	TB Bình Hòa 1	Bình Hòa	95	95	100,00	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Vĩnh Cửu quản lý
2	TB Bình Hòa 2	Bình Hòa	50	60	120,00	
3	TB Bình Hòa 3	Bình Hòa	15	15	100,00	
4	TB Bình Phước	Tân Bình	78	79	101,28	
5	TB Bình Lục	Tân Bình	49	49	100,00	
6	TB Tân Triều	Tân Bình	52	52	100,00	
7	TB Lợi Hòa	Bình Lợi	130	157	120,77	
8	TB Long Chiến	Bình Lợi	106	85	80,19	
9	TB Thiện Tân 1	Thiện Tân	90	135	150,00	
10	TB Thiện Tân 2	Thiện Tân	45	45	100,00	

TT	Tên công trình	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích tưới thiết kế (ha)	Diện tích tưới thực tế (ha)	Hiệu quả phục vụ (%)	Ghi chú
11	TB Thiện Tân 3	Thiện Tân	25	25	100,00	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Vĩnh Cửu quản lý
12	TB Tân An	Tân An	86	86	100,00	
13	TB Đại An	Tân An	47	68	144,68	
14	TB Trị An 1	Trị An	55	56	101,82	
15	TB Trị An 2	Trị An	30	12	40,00	
16	TB Hiếu Liêm	Hiếu Liêm	230	49	21,30	
17	Đập Suối Sâu	Vĩnh Tân	10	10	100,00	
18	Hồ Mo Nang	Tân An	46	46	100,00	
19	Hồ Bà Hào	Mã Đà	PCCC rừng			Khu bảo tồn thiên nhiên văn hoá Đồng Nai
IX	Huyện Long Thành		3.293	2.976	90,37	
1	Đập Long An	Long An	400	385	96,25	Công ty TNHH MTV KTTL Đồng Nai quản lý
2	Hồ Cầu Mới tuyến V	Bàu Cạn	1.200	913	76,08	
3	Hồ Cầu Mới tuyến VI	Cẩm Đường				
4	Đập Phước Thái	Phước Bình				
5	Đập ngăn mặn Bà Ký	Long Phước	662	662	100,00	
6	Hồ Lộc An	Lộc An	306	306	100,00	
7	Đập Sa Cá	Bình An	90	120	133,33	Công trình do huyện Long Thành quản lý (giao cho các xã)
8	Đập Bàu Tre	Bình An	75	40	53,33	
9	Đập áp 3,4 Phước Bình	Phước Bình	10			
10	Kênh tiêu Bàu Cá	Long Đức	100	100	100,00	
11	Kênh thoát lũ Suối Trầu	Suối Trầu	400	400	100,00	
12	Đê ngăn mặn Long Phú	Phước Thái	50	50	100,00	
X	Huyện Nhơn Trạch		5.841	3.709	63,50	
1	HTTL Ông Kèo	Phú Hữu, Phú Đông, Vĩnh Thanh, Phước Khánh, Đại Phước	4.609	2.386	51,77	Công ty TNHH MTV KTTL Đồng Nai quản lý
2	Đê Hiệp Phước - Long Thọ	Long Thọ	445	445	100	
1	Đập Vũng Gấm	Phước An	90			Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Nhơn Trạch quản lý
2	Bờ bao Phú Hội	Phú Hội	84	189	225	

TT	Tên công trình	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích tưới thiết kế (ha)	Diện tích tưới thực tế (ha)	Hiệu quả phục vụ (%)	Ghi chú
3	Bờ bao Phú Hữu	Phú Hữu	47	65	138,30	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Nhơn Trạch quản lý
4	Bờ bao Phú Thạnh	Phú Thạnh	17	16	94,12	
5	Bờ bao Đại Phước	Đại Phước	103	98	95,15	
6	Bờ bao Ven Lò-Xẻo Lát	Long Tân	148	148	100,00	
7	Kênh Mả Vôi	Long Tân	93	110	118,28	
8	Kênh tạo nguồn Long Thọ	Long Thọ	57	49	85,96	
9	Kênh tiêu Hiệp Phước	Hiệp Phước	106	174	164,15	
10	Hệ thống tiêu thoát nước vùng rau sạch Long Thọ	Long Thọ	42	29	69,05	
XI	TP. Biên Hòa		65	87	133,85	
1	TB. Hiệp Hòa 1	Hiệp Hòa	15	24	160	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp TP. Biên Hòa quản lý
2	TB. Phước Tân	Phước Tân	50	63	126	
Tổng			28.442	25.305	88,97	

PHỤ LỤC 1.2: DANH MỤC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năm hoàn thành	Nguồn nước	Công suất thiết kế (m ³ /ngđ)	Công suất thực tế (m ³ /ngđ)	Số người cấp theo thiết kế (người)	Số người cấp theo thực tế (người)	Tỷ lệ số người được cấp thực tế so với thiết kế (%)	Tỷ lệ công suất thực tế so với công suất thiết kế (%)
I	Huyện Tân Phú				8.140	1.810	75.990	12.160	16,00	22,24
1	Công trình CNTT xã Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh	2012	Nước ngầm	900	350	7.500	2.000	26,67	38,89
2	Công trình CNTT xã Phú Lộc	Xã Phú Lộc	2017	Nước ngầm	650	230	5.254	2.535	48,25	35,38
3	Nâng cấp, mở rộng HT CNTT xã Tà Lài	Xã Tà Lài	2017	Nước ngầm	220		1.200			0,00
4	Công trình CNTT xã Phú Điền,	Xã Phú Điền	2018	Nước ngầm	1.870	200	16.980	1.950	11,48	10,70
5	Công trình CNTT xã Phú An	xã Phú An	2020	Nước ngầm	600	0	4.600	0	0,00	0,00
6	Công trình CNTT Ấp 6 xã Phú An	xã Phú An	2009	Nước ngầm	100		1.400			0,00
7	Trạm cấp nước ấp Phú Kiên	Xã Phú Bình	2009	Nước ngầm	60	20	860	395	45,93	33,33
8	Công trình CNTT xã Phú Bình	Xã Phú Bình	2009	Nước ngầm	700	500	7.000	2.673	38,19	71,43
9	Công trình CNTT xã Phú Lập	Xã Phú Lập	2009	Nước ngầm	960	280	7.680	2.227	29,00	29,17
10	Công trình CNTT ấp 1, xã Núi Tượng	Xã Núi Tượng	2009	Nước ngầm	80	30	700	200	28,57	37,50
11	Công trình CNTT Nam Cát Tiên	Xã Nam Cát Tiên	2020	Nước ngầm	800	200	7.000	180	2,57	25,00
12	Công trình CNTT Phú Lợi	Xã Phú Lợi	2020	Nước ngầm	1.200		15.816			
II	Huyện Định Quán				5.050	2.402	77.998	40.040	51,33	47,57
1	Công trình CNTT sinh hoạt ấp Cây Xăng	Xã Phú Túc	2012	Nước ngầm	800	318	9.000	5.295	58,83	39,71
2	Công trình CNTT ấp Cầu Ván	Xã Phú Túc	2005	Nước ngầm	40	2	667	30	4,50	4,50
3	Công trình CNTT ấp Suối Sơn	Xã Phú Túc	2004	Nước ngầm	50	8	833	125	15,01	15,00
4	Công trình CNTT sinh hoạt ấp Chợ	Xã Suối Nho	2012	Nước ngầm	440	305	5.500	5.090	92,55	69,41
5	Trạm cấp CNTT ấp 5 xã Suối Nho	Xã Suối Nho	2016	Nước ngầm	30	35	500	580	116,00	116,00
6	Công trình CNTT xã Phú Vinh	Xã Phú Vinh	2010	Nước mặt	1.500	1.124	25.000	18.740	74,96	74,96
7	Công trình CNTT ấp 9 xã Gia Canh	Xã Gia Canh	2010	Nước ngầm	50	11	833	175	21,00	21,00
8	Công trình CNTT ấp 1	Xã Phú Tân	2011	Nước ngầm	50	6	833	100	12,00	12,00
9	Công trình CNTT ấp 5 xã Phú Tân	Xã Phú Tân	2009	Nước ngầm	80	11	1.333	190	14,25	14,25
10	Công trình CNTT khu dân cư tổ 3, ấp 7	Xã Phú Tân	2006	Nước ngầm	70	6	1.166	100	8,58	8,57
11	Công trình CNTT khu dân cư tổ 11, ấp 7	Xã Phú Tân	2014	Nước ngầm	42	14	700	225	32,14	32,14
12	Công trình CNTT khu dân cư tổ 2, ấp 8	Xã Phú Tân	2002	Nước ngầm	30	16	500	260	52,00	52,00

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năm hoàn thành	Nguồn nước	Công suất thiết kế (m ³ /ngđ)	Công suất thực tế (m ³ /ngđ)	Số người cấp theo thiết kế (người)	Số người cấp theo thực tế (người)	Tỷ lệ số người được cấp thực tế so với thiết kế (%)	Tỷ lệ công suất thực tế so với công suất thiết kế (%)
13	Công trình CNTT khu dân cư tổ 4+5, ấp 8	Xã Phú Tân	2002	Nước ngầm	30	5	500	75	15,00	15,00
14	Công trình CNTT ấp Đức Thắng 1	Xã Túc Trung	2014	Nước ngầm	400	140	6.666	2.340	35,10	35,10
15	Trạm CNTT ấp Suối Dzui, xã Túc Trung	Xã Túc Trung	2009	Nước ngầm	50	20	833	340	40,82	40,80
16	Công trình CNTT trung ấp 2/97	Xã Là Ngà	2006	Nước ngầm	40	32	667	530	79,46	79,50
17	Công trình CNTT ấp Vĩnh An	Xã Là Ngà	2010	Nước ngầm	40	26	667	435	65,22	65,25
18	Công trình CNTT KDC 3 ấp 5	Xã Thanh Sơn	2019	Nước ngầm	18	18	300	300	100,00	100,00
19	Công trình CNTT nhỏ ấp 2	Xã Thanh Sơn	2003	Nước ngầm	70	1	1.167	10	0,86	0,86
20	Công trình CNTT KDC 4 ấp 5	Xã Thanh Sơn	2019	Nước ngầm	20	20	333	325	97,60	97,50
21	Công trình CNTT ấp 4 xã Thanh Sơn	Xã Thanh Sơn	2010	Nước ngầm	120	30	2.000	500	25,00	25,00
22	Công trình CNTT ấp 5 (Điểm bà Điều Lan)	Xã Thanh Sơn	2005	Nước ngầm	100	0	1.666	0	0,00	0,00
23	Công trình CNTT Ấp 5 (điểm ông Điều Cung)	Xã Thanh Sơn	2005	Nước ngầm	120	20	2.000	340	17,00	17,00
24	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Cường	Xã Phú Cường	2016	Nước ngầm	440	122	7.333	2.030	27,68	27,68
25	Công trình CNTT Ấp Bến Nôm 2	Xã Phú Cường	2018	Nước ngầm	120	17	2.000	285	14,25	14,25
26	Công trình CNTT ấp Hiệp Nghĩa	TT. Định Quán	2007	Nước ngầm	120	24	2.000	400	20,00	20,00
27	Công trình CNTT ĐBDT ấp Hiệp Nhất	TT. Định Quán	2007	Nước ngầm	60	4	1.000	70	7,00	7,00
28	Công trình CNTT khu TĐC ấp Hiệp Nhất	TT. Định Quán	2007	Nước ngầm	120	24	2.000	400	20,00	20,00
29	Công trình CNTT xã Phú Điền cấp nước cho xã Phú Hoà	xã Phú Điền	2018	Nước ngầm		45		750		
III	Huyện Long Thành				1.546	930	8.900	6.000	67,42	60,16
1	Công trình CNTT xã Bình An	Xã Bình An	2012	Nước ngầm	960	450	6.000	3.304	55,07	46,88
2	Công trình CNTT xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn	2001	Nước ngầm	460	480	2.400	2.696	112,33	104,35
3	Công trình CNTT xã Bàu Cạn	Xã Bàu Cạn	2002	Nước ngầm	126		500	0	0,00	0,00
IV	Huyện Vĩnh Cửu				1.508	647	12.397	5.676	45,79	42,90
1	Công trình CNTT xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2018	Nước mặt	420	185	3.069	1.444	47,05	44,05
2	Công trình CNTT xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2018	Nước mặt	580	150	4.398	1.304	29,65	25,86

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năm hoàn thành	Nguồn nước	Công suất thiết kế (m ³ /ngđ)	Công suất thực tế (m ³ /ngđ)	Số người cấp theo thiết kế (người)	Số người cấp theo thực tế (người)	Tỷ lệ số người được cấp thực tế so với thiết kế (%)	Tỷ lệ công suất thực tế so với công suất thiết kế (%)
3	Trạm CNTT khu đồng bào dân tộc	Xã Phú Lý	2006	Nước ngầm	60	46	750	574	76,53	76,67
4	Trạm cấp nước ấp Bàu Phụng	Xã Phú Lý	2012	Nước ngầm	48	15	500	155	31,00	31,25
5	Trạm cấp nước ấp Lý Lịch 1	Xã Phú Lý	2006	Nước ngầm	160	110	1.500	1.020	68,00	68,75
6	Công trình CNTT xã Trị An	Xã Trị An	2019	Nước mặt	240	141	2.180	1.179	54,08	58,75
V	Huyện Thống Nhất				3.112	1.954	27.790	12.972	46,68	62,79
1	Công trình CNTT xã Xuân Thạnh	Xã Xuân Thạnh	2012	Nước ngầm	900	527	8.100	3.772	46,57	58,56
2	Công trình CNTT xã Lộ 25	Xã Lộ 25	2017	Nước ngầm	872	667	7.890	2.780	35,23	76,49
3	Công trình CNTT xã Hưng Lộc	Xã Hưng Lộc	2008	Nước ngầm	800	530	7.000	3.668	52,40	66,25
4	Công trình CNTT xã Xuân Thiện	Xã Xuân Thiện	2008	Nước ngầm	540	230	4.800	2.752	57,33	42,59
VI	Huyện Trảng Bom				1.280	450	14.723	4.602	31,26	35,16
1	Công trình CNTT xã Đồi 61	Xã Đồi 61	2016	Nước ngầm	640	150	5.023	820	16,32	23,44
2	Công trình CNTT xã Sông Thao	Xã Sông Thao	2005	Nước ngầm	640	300	5.800	3.782	65,21	46,88
VII	Huyện Nhơn Trạch				2.250	2.010	27.317	23.000	84,20	89,33
1	Công trình CNTT xã Phước Khánh	Xã Phước Khánh	1996	Nước ngầm	1.500	1.440	15.000	13.345	88,97	96,00
2	Công trình CNTT xã Phú Đông	Xã Phú Đông	2002	Nước ngầm	700	570	11.667	9.655	82,75	81,43
3	Công trình Trạm cấp nước ấp Đất Mới	Xã Phước Đại	2002	Nước ngầm	50		650		0,00	0,00
VIII	Huyện Cẩm Mỹ				2.519	1.321	29.602	16.199	54,72	52,44
1	Xí nghiệp nước Xuân Lộc- TCN Sông Ray	Xã Sông Ray	2000	Nước ngầm	250	124	2.500	1.551	62,04	49,60
2	Công trình CNTT ấp La Hoa	Xã Xuân Đông	2009	Nước ngầm	170	0	2.500	0	0,00	0,00
3	Công trình CNTT sinh hoạt cộng đồng ấp 10	Xã Sông Ray	2009	Nước ngầm	160	20	2.000	257	12,85	12,50
4	Công trình CNTT sinh hoạt cộng đồng ấp 3 (CT 134)	Xã Sông Ray	2009	Nước ngầm	170	30	2.550	387	15,18	17,65
5	Công trình CNTT ấp 3, xã Thừa Đức	Xã Thừa Đức	2004	Nước ngầm	30	5	350	60	17,14	16,67
6	Công trình CNTT ấp 4, xã Thừa Đức	Xã Thừa Đức	2004	Nước ngầm	30	17	350	110	31,43	56,67
7	Công trình CNTT ấp Suối Đục	Xã Sông Nhạn	2009	Nước ngầm	75	20	910	250	27,47	26,67
8	Hệ thống CNTT nhỏ ấp 2, Sông Nhạn	Xã Sông Nhạn	2004	Nước ngầm	30		350		0,00	0,00
9	Hệ thống CNTT nhỏ ấp 3, Sông Nhạn	Xã Sông Nhạn	2004	Nước ngầm	30		350		0,00	0,00

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năm hoàn thành	Nguồn nước	Công suất thiết kế (m ³ /ngđ)	Công suất thực tế (m ³ /ngđ)	Số người cấp theo thiết kế (người)	Số người cấp theo thực tế (người)	Tỷ lệ số người được cấp thực tế so với thiết kế (%)	Tỷ lệ công suất thực tế so với công suất thiết kế (%)
10	Công trình CNTT ấp Trung Hậu	Xã Xuân Quế	2002	Nước ngầm	64	45	900	550	61,11	70,31
11	Công trình CNTT xã Nhân Nghĩa	Xã Nhân Nghĩa	2006	Nước ngầm	650	430	8.000	5.159	64,49	66,15
12	Công trình trạm cấp nước xã Xuân Mỹ	Xã Xuân Mỹ	2004	Nước ngầm	860	630	8.842	7.875	89,06	73,26
IX	Huyện Xuân Lộc				16.880	10.723	138.216	80.734	58,41	63,52
1	Trạm cấp nước xã Lang Minh	Xã Lang Minh	2011	Nước ngầm	640	480	7.500	3.470	46,27	75,00
2	Công trình CNTT xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	2018	Nước ngầm	800	200	8.016	2.120	26,45	25,00
3	Nhà máy cấp nước Núi Le, thị trấn Gia Ray	TT. Gia Ray	1245	Nước mặt	5.000	4.200	50.000	37.924	75,85	84,00
4	Nhà máy cấp nước Tâm - Hưng - Hòa	Xã Xuân Tâm	2001	Nước mặt	10.000	5.500	70.000	35.680	50,97	55,00
5	Trạm cấp nước Xuân Thọ	Xã Xuân Thọ	2013	Nước ngầm	320	320	1.000	1.244	124,40	100,00
6	Trạm cấp nước Gia Ty	Xã Suối Cao	2006	Nước ngầm	120	23	1.700	296	17,41	19,17
X	Thành phố Long Khánh				2.026	888	21.816	9.065	41,55	43,83
1	Công trình CNTT ấp Đồi Riu	Xã Hàng Gòn	2013	Nước ngầm	180	180	1545	1530	99,03	100,00
2	Công trình CNTT xã Bình Lộc	Xã Bình Lộc	2016	Nước ngầm	840	440	6908	3270	47,34	52,38
3	Công trình CNTT ấp Bàu Cối	Xã Bảo Quang	2019	Nước ngầm	220	38	2200	615	27,95	17,27
4	Công trình CNTT Hàng Gòn	Xã Hàng Gòn	2001	Nước ngầm	400	215	6700	3650	54,48	53,75
5	Công trình CNTT ấp Bàu Trâm	Xã Bàu Trâm	2008	Nước ngầm	100	15	1153		0,00	15,00
	Tổng cộng 82 công trình				44.311	23.135	434.749	210.448	49,7	52,0

PHỤ LỤC 1.3: DANH MỤC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KẾT HỢP TRÁNH TRÚ THIÊN TẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m²)	Sức Chứa (người)
I	Thành phố Biên Hòa	2.689.889	336.251
1	UBND phường	3.282	410
2	Trạm y tế phường	934	117
3	Trường THCS An Bình	5.198	650
4	Trường TH An Bình	2.195	274
5	Trường MN An Bình	693	87
6	Trường MN ABI-ĐNai 2	1.495	187
7	Trường mầm non An Bình	9.418	1.177
8	Nhà thờ Ngọc Hiệp	1.978	247
9	Nhà thờ An Bình	4.516	565
10	UBND phường	2.178	272
11	Trạm y tế phường	1.284	161
12	Trường THCS Bình Đa	2.541	318
13	Trường TH Trần Quốc Tuấn	1.392	174
14	Trường tiểu học Bình Đa	4.390	549
15	Trường mầm non Bình Đa	891	111
16	Trường mầm non Bình Đa	1.332	167
17	Trường Đh Đồng Nai CS3	16.624	2.078
18	UBND phường	1.741	218
19	Trạm y tế phường	2.893	362
20	Trường THCS Ngô Gia Tự	3.079	385
21	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	3.999	500
22	Trường MN Song Khuê	2.647	331
23	Trường MN Bửu Hòa	588	74
24	Quan Âm Tu viện	13.090	1.636
25	Đền thờ Nguyễn Tri Phương	3.493	437
26	Chùa Thanh Lương	2.633	329
27	Chùa Long Thiện	3.990	499
28	UBND phường	774	97
29	Trạm y tế phường	571	71
30	Trường THCS Tân Bửu	5.219	652
31	Trường tiểu học Tân Thành	1.742	218
32	Trường song ngữ Lạc Hồng	12.212	1.527
33	Trường ĐH Lạc Hồng CS6	6.504	813
34	Trường ĐH Lạc Hồng CS3	1.348	169
35	Trường ĐH Lạc Hồng CS2	3.523	440
36	Trường ĐH Lạc Hồng CS1	5.502	688
37	Trường ĐH Lạc Hồng CS 5	2.578	322
38	Chùa Bửu Long	16.439	2.055
39	UBND phường	638	80
40	Trạm y tế phường	212	27
41	Trường TH Nguyễn Khắc Hiếu	1.306	163
42	Trường MN Hòa Bình	2.643	330
43	UBND phường	3.884	486
44	Trạm y tế phường	969	121
45	Trường THPT Lê Hồng Phong	7.913	989
46	Trường THCS Hoàng Diệu	3.031	379

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
47	Trường THCS Bùi Hữu Nghĩa	7.749	969
48	Trường TH Nguyễn Tri Phương	2.012	252
49	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu	5.762	720
50	Trường TH Hoàng Hoa Thám	2.225	278
51	Trường TC nghề 26/3	18.355	2.294
52	Nhà thờ Lộc Lâm	10.373	1.297
53	Nhà thờ Bắc Hải	7.843	980
54	Nhà thờ Ba Đông	1.445	181
55	UBND phường	1.089	136
56	Trạm y tế phường	1.095	137
57	Trường THCS Long Bình	6.615	827
58	Trường TH Phan Đình Phùng	2.589	324
59	Trường Th Phan Bội Châu	15.355	1.919
60	UBND phường	1.763	220
61	Bệnh viện ĐH Y Dược	90.930	11.366
62	Trường THCS Long Bình Tân	4.978	622
63	Trường MN Long Bình Tân	746	93
64	Trạm y tế phường	352	44
65	Nhà thờ Tân Vinh	2.267	283
66	Nhà thờ Bến Gố	6.645	831
67	Chùa Phong Phú	2.195	274
68	UBND phường	3.097	387
69	Trạm y tế phường	167	21
70	Trường THCS Hùng Vương	7.058	882
71	Trường TH Quang Vinh	2.860	358
72	Trường TH Lê Văn Tám	6.984	873
73	UBND phường	1.628	204
74	Trạm y tế phường	749	94
75	Bệnh viện Đa Khoa ĐN	13.915	1.739
76	Trường THPT Chu Văn An	2.028	254
77	Trường THCS, THPT Lê Quý Đôn	12.442	1.555
78	Trường tiểu học Nguyễn Du	4.775	597
79	Trường MN Hướng Dương	7.151	894
80	Trường MN Hoa Mai	3.203	400
81	Nhà thờ Biên Hòa	6.654	832
82	UBND phường	1.087	136
83	Trạm y tế phường	1.010	126
84	Bệnh viện đa khoa Đồng Nai	68.298	8.537
85	Trường THCS Tam Hòa	2.575	322
86	Trường TH Tam Hòa	2.368	296
87	Trường tiểu học Tam Hòa CS2	1.925	241
88	Trường MN Tam Hòa	1.038	130
89	Nhà thờ Trinh Vương	6.598	825
90	Nhà thờ Bùi Thượng	2.945	368
91	Nhà thờ Bùi Thái	9.538	1.192
92	Nhà thờ Bùi Đức	9.549	1.194
93	UBND phường	1.136	142
94	Trạm y tế phường	785	98
95	Trường THPT Tam Hiệp	2.485	311
96	Trường THCS Tam Hiệp	6.184	773

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m²)	Sức Chứa (người)
97	Trường tiểu học Tam Hiệp A	2.284	286
98	Trường tiểu học Tam Hiệp A	6.031	754
99	Nhà thờ Đa Minh	6.012	752
100	Nhà thờ Bùi Hiệp	1.965	246
101	UBND phường	5.436	680
102	Trạm y tế phường	554	69
103	Bệnh viện phụ sản Âu Cơ	3.206	401
104	Bệnh viện ĐK Thống Nhất	22.085	2.761
105	Trường THPT Nguyễn Trãi	9.605	1.201
106	Trường THCS Lý Tự Trọng	7.490	936
107	Trường TH Võ Thị Sáu	3.645	456
108	Trường TH Trần Quốc Toản	2.613	327
109	Trường CD Y tế Đồng Nai	32.235	4.029
110	Nhà thờ Kê Sắt	4.041	505
111	Nhà thờ Hà Nội	4.089	511
112	UBND phường	2.531	316
113	Trạm y tế phường	400	50
114	Trường THCS Võ Trường Toản	5.379	672
115	Trường THCS Hòa Bình	1.772	222
116	Trường TH Nguyễn Công Trứ	2.048	256
117	Trường TH Hòa Bình	4.104	513
118	Trường TH Chu Văn AN	69.625	8.703
119	Trường mẫu giáo Tân Hòa	1.145	143
120	UBND phường	1.438	180
121	Trạm y tế phường	287	36
122	Bệnh viện Nhi Đồng ĐN	32.133	4.017
123	Trường THPT Lương Thế Vinh	26.733	3.342
124	Trường THPT Đức Trí	3.252	407
125	Trường THCS Lê Quang Định	6.384	798
126	Trường TH,THCS,THPT Đinh Tiên Hoàng	16.203	2.025
127	Trường TH Lý Thường Kiệt	3.670	459
128	Trường MN Hoa Sen	2.248	281
129	Trường MN Đinh Tiên Hoàng	4.163	520
130	Trường Đại học Đồng Nai	74.464	9.308
131	Trường CD Thống kê 2	5.737	717
132	UBND phường	939	117
133	Trạm y tế phường	392	49
134	Bệnh viện quốc tế Đồng Nai	5.075	634
135	Bệnh viện đa khoa Biên Hòa	3.161	395
136	Trường THPT Lê Quý Đôn	1.698	212
137	Trường THCS Lê Lợi	2.665	333
138	Trường TH Nguyễn An Ninh	7.448	931
139	Trường tiểu học Tân Mai	1.985	248
140	Trường mẫu giáo Tân Mai	1.718	215
141	Trường mầm non Ngọc Thành	1.111	139
142	UBND phường	715	89
143	Trạm y tế phường	2.153	269
144	Bệnh viện YDCT Đồng Nai	9.428	1.179
145	Trường TH Tân Phong B	5.316	665
146	Trường TH Phan Chu Trinh	1.202	150

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
147	Trường mầm non QTreo	755	94
148	Nhà thờ Thuận Hòa	3.142	393
149	UBND phường	1.889	236
150	Trạm y tế phường	489	61
151	Bệnh viện quân y 7B	35.093	4.387
152	Trường THPT Bùi Thị Xuân	3.707	463
153	Trường THCS Tân Tiến	4.852	607
154	Trường tiểu học Tân Tiến A	1.333	167
155	UBND phường	3.751	469
156	Trạm y tế phường	115	14
157	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	7.689	961
158	Trường tiểu học Kim Đồng	4.240	530
159	Trường mầm non Vàng Anh	308	39
160	Chùa Vạn Lịch	466	58
161	UBND tỉnh	11.392	1.424
162	UBND phường	357	45
163	Trạm y tế phường	564	71
164	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	1.329	166
165	Trường MN Thanh Bình	1.273	159
166	UBND phường	1.935	242
167	Trạm y tế phường	645	81
168	Trường THPT Nguyễn Khuyến	3.209	401
169	Trường THCS Thống Nhất	9.646	1.206
170	Trường TH Thống Nhất B	1.468	184
171	Trường CD Kỹ Thuật ĐN	361.230	45.154
172	UBND phường	2.206	276
173	Trạm y tế phường	728	91
174	Bệnh viện da liễu ĐN	9.107	1.138
175	Trường THCS Trảng Dài	5.634	704
176	Trường MN Trảng Dài	823	103
177	Trường ĐH Công Nghệ ĐN	14.276	1.785
178	Nhà thờ Thái An	7.727	966
179	UBND thành phố Biên Hòa	1.468	184
180	UBND phường	926	116
181	Trạm y tế phường	251	31
182	Trường THPT Ngô Quyền	7.474	934
183	Trường THCS Trịnh Hoài Đức	5.636	705
184	Trường TH Trịnh Hoài Đức	5.817	727
185	Trường MN Trung Dũng	3.072	384
186	Trường CD trang trí mỹ thuật	6.654	832
187	UBND phường	4.131	516
188	Trạm y tế phường	576	72
189	Trường THCS Hòa Hưng	6.283	785
190	Trường TH An Hòa	1.806	226
191	Trường mẫu giáo An Hòa	548	69
192	Trường mầm non Hoa Sen	544	68
193	UBND phường	1.424	178
194	Trạm y tế phường	666	83
195	Trường THCS Hóa An	3.703	463
196	Trường Tiểu học Hóa An	5.967	746

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
197	Trường MN Hóa An	1.053	132
198	Chùa Tân Quang	2.245	281
199	Chùa Hiền Lâm Sơn Tự	9.808	1.226
200	UBND xã	3.442	430
201	Trạm y tế xã	2.323	290
202	Trường THPT Nam Hà	5.749	719
203	Trường THCS Hiệp Hòa	6.062	758
204	Trường tiểu học Hiệp Hòa	3.988	499
205	Chùa Tinh hội	3.710	464
206	Chùa Hoàng Ân	2.755	344
207	Chùa Đại Giác	1.664	208
208	UBND xã	3.643	455
209	Trạm y tế xã	3.800	475
210	Trường tiểu học Long Hưng	3.882	485
211	Trường MN Long Hưng	1.863	233
212	UBND phường	1.871	234
213	Trạm y tế phường	980	123
214	Trường THCS Phước Tân 1	6.877	860
215	Trường TH Tân Mai 2	5.041	630
216	Trường TH Tân Càng	3.049	381
217	Trường Th Phước Tân	1.606	201
218	Trường TH Phước Tân	4.585	573
219	Trường TH Phước Tân	1.036	130
220	Trường mầm non Thái Bình	1.004	126
221	Trường ĐH Nguyễn Huệ	1.547	193
222	Chùa Viên Thông	7.583	948
223	Chùa Pháp Quang	8.101	1.013
224	UBND phường	3.976	497
225	Trạm y tế phường	597	75
226	Trường THPT Tam Phước	12.366	1.546
227	Trường THCS Tam Phước	4.038	505
228	Trường TH Tam Phước 3	6.386	798
229	Trường TH Tam Phước 2	2.447	306
230	Trường tiểu học Tam Phước 1	2.486	311
231	Trường Sĩ Quan lục quân 2	895.403	111.925
232	Trường mầm non Âu Cơ	2.450	306
233	Trường ĐH Tài Nguyên MT	34.072	4.259
234	Trường CĐ An Ninh ND2	80.622	10.078
235	Chùa Tam Phước	2.567	321
236	Chùa Phước Long	3.454	432
237	UBND phường	1.334	167
238	Trạm y tế phường	1.632	204
239	Trường MN TG Ánh Dương	338	42
II	TP Long Khánh	471.586	58.961
1	UBND phường	2.657	332
2	Trạm y tế phường	824	103
3	Trường tiểu học Phú Bình	1.701	213
4	Trường mầm non Phú Bình	820	103
5	Chùa Long Phú	1.192	149
6	Chùa Hoa Sơn (Kiripupharam)	760	95

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
7	UBND TX. Long Khánh	8.212	1.027
8	UBND phường	477	60
9	Trạm y tế phường	1.416	177
10	Trường THPT dân lập văn Hiến	6.510	814
11	Trường THCS Lê Quý Đôn	8.235	1.029
12	Trường tiểu học Trần Phú	1.150	144
13	Trường tiểu học Quang Trung	477	60
14	Trường tiểu học Phan Chu Trinh	2.310	289
15	Trường tiểu học Nguyễn Thái Bình	2.285	286
16	Trường tiểu học Kim Đồng	7.421	928
17	Trường mầm non Thanh An	3.104	388
18	Tỉnh xá Ngọc Khánh	476	60
19	Chùa Xuân Hòa	1.745	218
20	UBND phường	1.586	198
21	Trạm y tế phường	702	88
22	Trường THCS Nguyễn Trãi	6.256	782
23	Trường THCS Hồ Thị Hương	9.938	1.242
24	Trường tiểu học Hòa Bình	6.950	869
25	Trường mầm non Họa Mi	4.986	623
26	Tòa giám mục Xuân Lộc	18.789	2.349
27	Chùa Long Thọ	16.925	2.116
28	UBND phường	859	107
29	Trạm y tế phường	845	106
30	Trường THPT Long Khánh	11.180	1.398
31	Trường tiểu học Long Khánh	4.820	603
32	Trường mầm non Hoa Hồng	3.362	420
33	Trường mầm non An Bình	4.213	527
34	Chùa Ngọc Ấn Tông Lâm	5.819	727
35	UBND phường	1.398	175
36	Trạm y tế phường	150	19
37	Trường THPT Xuân Thanh	17.031	2.129
38	Trường THCS Xuân Thanh	1.745	218
39	Trường tiểu học Lê Văn Tám	3.507	438
40	Trường mầm non Xuân Thanh	1.130	141
41	Nhà thờ Cha Đàm (Giáo xứ Tân Phú)	4.522	565
42	UBND phường	723	90
43	Trạm y tế phường	356	45
44	Trường THPT Trương Vĩnh Ký	6.418	802
45	Trường THCS Quang Chánh	2.588	324
46	Trường tiểu học Xuân Trung	7.240	905
47	Trường mầm non Sơn Ca - Phân hiệu	205	26
48	Trường mầm non Sơn Ca	1.400	175
49	Chùa Quan Âm	688	86
50	UBND xã	2.130	266
51	Trạm y tế xã	746	93
52	Trường THCS Bảo Quang	6.870	859
53	Trường tiểu học Nguyễn Huệ	2.200	275
54	Trường tiểu học Nguyễn Huệ	10.376	1.297
55	Trường tiểu học Bảo Quang	2.030	254
56	Trường mầm non Thọ An	190	24

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
57	Trường mầm non Bảo Quang	640	80
58	Chùa Quảng hạnh	3.518	440
59	UBND phường	1.882	235
60	Trạm y tế phường	1.870	234
61	Trường THCS Ngô Quyền	11.410	1.426
62	Trường THCS Ngô Quyền	3.490	436
63	Trường THCS Bùi Thị Xuân	4.485	561
64	Trường tiểu học Xuân Vinh	3.969	496
65	Trường tiểu học Lý Tự Trọng	4.150	519
66	Trường tiểu học Bảo Vinh B - Phân hiệu	590	74
67	Trường tiểu học Bảo Vinh B	2.145	268
68	Trường tiểu học Bảo Vinh - Phân hiệu	11.720	1.465
69	Trường mầm non Bảo Vinh	1.435	179
70	Trường mầm non Ánh Dương	150	19
71	Chùa Hiền Mật	3.965	496
72	UBND phường	2.225	278
73	Trạm y tế phường	680	85
74	Trường tiểu học Bàu Sen - Phân hiệu	5.400	675
75	Trường tiểu học Bàu Sen	1.600	200
76	Trường mầm non Bàu Sen	1.124	141
77	Chùa Phổ Minh	531	66
78	UBND xã	5.293	662
79	Trạm y tế xã	3.934	492
80	Trường tiểu học Đinh Bộ Lĩnh	3.196	400
81	Trường mầm non Xuân Thanh	602	75
82	Trường mầm non Vành Khuyên	618	77
83	Trường mầm non Vành Khuyên	1.908	239
84	UBND xã	4.165	521
85	Trạm y tế xã	942	118
86	Trường THCS Lê A	6.169	771
87	Trường tiểu học Xuân Bình - Phân hiệu	3.024	378
88	Trường tiểu học Xuân Bình - Phân hiệu	1.272	159
89	Trường tiểu học Xuân Bình	3.491	436
90	Trường mầm non Xuân Bình	872	109
91	Trường mầm non Tuổi Thân Tiên	3.396	425
92	UBND xã	1.685	211
93	Trạm y tế xã 2	120	15
94	Trạm y tế xã	790	99
95	Trường THPT Nguyễn Huệ	4.920	615
96	Trường THCS Hàng Gòn	5.150	644
97	Trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	2.565	321
98	Trường tiểu học Hùng Vương	8.680	1.085
99	Trường mầm non Hàng Gòn	7.620	953
100	UBND phường	6.949	869
101	Trạm y tế phường	420	53
102	Trường THPT Trần Phú	7.734	967
103	Trường THPT Cao Su	745	93
104	Trường THCS Chu Văn An	15.845	1.981
105	Trường tiểu học Lê Lợi - Phân hiệu Xuân An	2.790	349
106	Trường tiểu học Lê Lợi	5.175	647

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
107	Trường mầm non Suối Tre	2.091	261
108	Trường mầm non Sen Hồng - Cơ sở 2	1.650	206
109	Trường mầm non An Lộc	1.400	175
110	Trường mầm non 3/2	180	23
111	Tịnh thất Tung Sơn	925	116
112	UBND phường	8.265	1.033
113	Trạm y tế phường	760	95
114	Trường THCS Xuân Lập	10.092	1.262
115	Trường tiểu học Xuân Lập	2.440	305
116	Trường mầm non Xuân Lập	1.350	169
117	Trường mầm non 19/5	9.965	1.246
118	Chùa Phước Ân	2.874	359
119	UBND phường	4.393	549
120	Trạm y tế phường	591	74
121	Trường THCS Xuân Tân	3.557	445
122	Trường tiểu học Trung Vương	5.844	731
123	Trường mầm non Xuân Tân	1.015	127
124	Trường mầm non Cẩm Tân	152	19
125	Chùa Long Ứng	11.883	1.485
126	Chùa Long Hòa	2.465	308
III	Huyện Trảng Bom	923.169	115.416
1	UBND xã	1.034	129
2	UBND huyện	5.751	719
3	Trung tâm y tế huyện	1.760	220
4	Bệnh viện ĐK huyện Trảng Bom	14.325	1.791
5	Trạm y tế xã	844	106
6	Trường THPT Thống Nhất A	15.500	1.938
7	Trường THPT Ngô Sĩ Liên	7.423	928
8	Trường THCS Hùng Vương	10.284	1.286
9	Trường TH Trảng Bom	2.832	354
10	Trường TH Cao Bá Quát	2.955	369
11	Trường MN Tuổi Thơ	3.740	468
12	Trường ĐH Cao Bá Quát	8.574	1.072
13	PH Trường ĐH Lâm Nghiệp	67.885	8.486
14	Chùa Phước Huệ	4.921	615
15	Chùa Đà La Ni	8.242	1.030
16	UBND xã	1.420	178
17	Tạm y tế xã	4.300	538
18	Trường THCS Trịnh Hoài Đức	14.500	1.813
19	Trường tiểu học An Viễn	27.700	3.463
20	Trường mẫu giáo An Viễn	11.430	1.429
21	Giáo xứ An Viễn	2.502	313
22	UBND xã	3.845	481
23	Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ	2.951	369
24	Trường THCS Minh Đức	6.495	812
25	Trường TH Sông Mây	5.594	699
26	Trường TH Đình Bộ Lĩnh (PH)	1.028	129
27	Trường TH Đình Bộ Lĩnh	1.176	147
28	Trường TH Diên Hồng	6.345	793
29	Trường mầm non Thạch Thảo	1.780	223

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
30	Trường mầm non Sông Mây	695	87
31	Nhà thờ Phú Sơn	1.113	139
32	Nhà thờ Mâm Côi	1.310	164
33	Giáo xứ Bùi Chu	2.047	256
34	UBND xã	1.600	200
35	Trạm y tế xã	1.100	138
36	Trường THPT Bàu Hàm	17.700	2.213
37	Trường TH Nguyễn Trung Trực	1.700	213
38	Trường TH Nguyễn Thái Bình	6.300	788
39	Trường mẫu giáo Hoa Sen (ấp Tân Việt)	300	38
40	Trường Mẫu giáo Hoa Sen	2.500	313
41	UBND xã	3.200	400
42	Trạm y tế xã	500	63
43	Trường THCS Đình Tiên Hoàng	11.900	1.488
44	Trường TH Tân Bình	6.000	750
45	Trường TH Kim Đồng	5.000	625
46	Trường TH Bình Minh	2.500	313
47	Trường mẫu giáo Anh Đào	1.200	150
48	Nhà thờ Trà Cổ	3.243	405
49	Nhà thờ Tân Bình	2.567	321
50	Giáo xứ Tân Bắc	1.820	228
51	UBND xã	2.487	311
52	Trạm y tế xã	1.000	125
53	Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh	8.563	1.070
54	Trường tiểu học Cây Diệp	13.730	1.716
55	Trường Mẫu giáo Phong Lan	1.977	247
56	Trường Mẫu giáo Cây Gáo	3.968	496
57	Nhà thờ Bình Minh	1.493	187
58	UBND xã	1.164	146
59	Trạm y tế xã	778	97
60	Trường THCS Phan Chu Trinh	13.300	1.663
61	Trường TH Nguyễn Khuyến	3.271	409
62	Trường tiểu học Trần Quý Cáp	4.411	551
63	Trường mẫu giáo Sao Mai (cs2)	1.050	131
64	Trường mẫu giáo Sao Mai (cs1)	1.332	167
65	Nhà thờ giáo xứ Tâm Hòa	2.583	323
66	Nhà thờ giáo xứ Quảng Tâm	1.902	238
67	UBND xã	3.272	409
68	Trạm y tế xã	876	110
69	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc	8.054	1.007
70	Trường TH Đồi 61 (PH)	765	96
71	Trường TH Đồi 61	1.892	237
72	Trường MN Ánh Dương	1.119	140
73	Trường mẫu giáo Đồi 61	1.053	132
74	Giáo xứ Xuân Thịnh	1.578	197
75	Chùa Liên Phước	2.879	360
76	UBND xã	2.709	339
77	Trạm y tế xã	525	66
78	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	6.547	818
79	Trường TH Giang Điền	4.267	533

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
80	Trường mẫu giáo Giang Điền	2.200	275
81	Nhà thờ Giang Điền	4.227	528
82	Chùa Pháp Lạc	2.714	339
83	Chùa Đền Cây	32.775	4.097
84	UBND xã	1.454	182
85	Trạm y tế xã	300	38
86	Trường THPT Trần Đại Nghĩa	26.661	3.333
87	Trường THCS Lê Đình Chinh	3.756	470
88	Trường THCS Hòa Bình	4.475	559
89	Trường TH Lý Thường Kiệt	3.352	419
90	Trường tiểu học Trần Phú	2.528	316
91	Trường tiểu học Đức Trí	4.852	607
92	Trường TC nghề Hòa Bình	24.510	3.064
93	Trường mẫu giáo Hồ Nai 3	5.078	635
94	Trường mẫu giáo Hoa Hồng	1.992	249
95	Trường mẫu giáo Bình Minh	611	76
96	Trường CĐ cơ giới và TLĐNB	73.136	9.142
97	Nhà thờ Ngũ Phúc	3.649	456
98	Giáo xứ Lai Ôn	3.119	390
99	UBND xã	4.960	620
100	Trạm y tế xã	2.416	302
101	Trường THPT Văn Lang	6.370	796
102	Trường THCS Nguyễn Thượng Hiền	4.423	553
103	Trường TH Nguyễn Trãi (cs2)	2.374	297
104	Trường tiểu học Nguyễn Trãi	6.035	754
105	Trường mẫu giáo Hoa Hồng	5.969	746
106	Giáo xứ Thanh Bình	1.399	175
107	UBND xã	1.400	175
108	Trạm y tế xã	900	113
109	Trường THCS Lý Tự Trọng	11.500	1.438
110	Trường TH Quảng Tiến	11.650	1.456
111	Trường TH-THCS-THPT Trịnh Hoài Đức	8.000	1.000
112	Trường mẫu giáo Quảng Tiến	4.200	525
113	Nhà thờ Tin Lành Trảng Bom	979	122
114	Nhà thờ Quảng Biên	3.017	377
115	Nhà thờ Đồng Phát	1.408	176
116	UBND xã	1.600	200
117	Trạm y tế xã	5.300	663
118	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	5.300	663
119	Trường tiểu học Sông Thao	1.900	238
120	Trường Mẫu giáo Hoàng Yến	2.000	250
121	UBND xã	3.186	398
122	Trạm y tế xã	1.183	148
123	Trường THCS Võ Thị Sáu	2.619	327
124	Trường TH Nguyễn Bình Khiêm	1.653	207
125	Trường TH Lê Văn Tám	3.139	392
126	Trường mẫu giáo Tân Lập	2.246	281
127	Tịnh xã Ngọc Tâm	6.145	768
128	Nhà thờ Gia Tôn	1.384	173
129	UBND xã	4.080	510

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
130	Trạm y tế xã	900	113
131	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	9.812	1.227
132	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	9.812	1.227
133	Trường TH Nguyễn Tri Phương	4.628	579
134	Trường MN Hoa Phượng (cs2)	3.794	474
135	Trường MN Hoa Phượng (cs1)	969	121
136	Nhà thờ Lộc Hòa	2.459	307
137	UBND xã	2.236	280
138	Trạm y tế xã	1.773	222
139	Trường THCS Việt Hoa	4.456	557
140	Trường THCS Quang Vinh	8.425	1.053
141	Trường TH Trung Tâm	4.396	550
142	Trường TH Tân Lập	6.300	788
143	Trường PTTH Văn Lang	3.948	494
144	Trường Mẫu giáo Thanh Bình	14.217	1.777
145	Nhà thờ Cây Gáo	1.088	136
146	Giáo xứ Lôi Ha	2.590	324
147	UBND xã	4.762	595
148	Tạm y tế xã	1.357	170
149	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	8.235	1.029
150	Trường THCS Nguyễn Công Trứ	19.497	2.437
151	Trường TH Nam Cao	2.773	347
152	Trường TH An Bình	4.814	602
153	Trường mẫu giáo Hòa Anh Đào (PH)	954	119
154	Trường mẫu giáo Hoa Anh Đào	1.954	244
155	Trường dân tộc nội trú tỉnh Đồng Nai	31.582	3.948
156	Nhà thờ giáo xứ Tâm An	3.783	473
157	UBND xã	3.186	398
158	Trạm y tế xã	1.183	148
159	Trường THCS Võ Thị Sáu	2.619	327
160	Trường TH Nguyễn Bình Khiêm	1.653	207
161	Trường TH Lê Văn Tám	3.139	392
162	Trường mẫu giáo Tân Lập	2.246	281
163	Tịnh xá Ngọc Tâm	6.145	768
164	Nhà thờ Gia Tôn	1.384	173
IV	Huyện Long Thành	266.461	33.311
1	UBND TT	1.021	128
2	UBND huyện	7.137	892
3	Trạm y tế thị trấn	2.137	267
4	Bệnh viện đa khoa huyện Long Thành	15.498	1.937
5	Trường THPT Long Thành	7.755	969
6	Trường THCS Tri Thúc	6.077	760
7	Trường THCS Nguyễn Đức Ứng	4.531	566
8	Trường tiểu học Long Thành A	4.684	586
9	Chùa Bửu Thiện	1.692	212
10	UBND xã	1.128	141
11	Trạm y tế xã	919	115
12	Trường THCS An Phước	3.622	453
13	Trường tiểu học An Lợi (điểm chính ấp 5)	1.028	129
14	Trường tiểu học An Lợi (phân hiệu ấp 1)	2.111	264

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
15	Trường mẫu giáo An Phước (điểm chính áp 5)	951	119
16	Trường mầm non Thành Nghĩa	4.923	615
17	UBND xã	1.740	218
18	Trạm y tế	1.141	143
19	Trường THCS Tân Thành	4.656	582
20	Trường tiểu học Tân Thành	1.223	153
21	Trường mầm non Tân Thành	1.068	134
22	Giáo xứ Thiên An	1.539	192
23	UBND xã	2.987	373
24	Trạm y tế xã	953	119
25	Trường THCS Bình An	4.038	505
26	Trường tiểu học Bình An	1.152	144
27	Trường mẫu giáo Bình An	1.106	138
28	Giáo xứ Minh Long	1.027	128
29	UBND xã	1.234	154
30	Trạm y tế xã	1.685	211
31	Trường THPT Bình Sơn	5.465	683
32	Trường tiểu học Bình Sơn	2.224	278
33	Giáo xứ Bình Sơn	961	120
34	UBND xã	1.179	147
35	Trạm y tế xã	904	113
36	Trường THCS Cẩm Đường	7.616	952
37	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn	3.581	448
38	Trường tiểu học Cẩm Đường	2.817	352
39	UBND xã	978	122
40	Trạm y tế xã	1.048	131
41	Trường tiểu học Long An	3.546	443
42	Trường mầm non Long An (phân hiệu Xóm Trầu)	1.242	155
43	Tịnh xã Ngọc Y	2.960	370
44	Chùa Quang Minh	1.027	128
45	UBND xã	1.672	209
46	Trạm y tế xã	1.013	127
47	Trường THPT Long Phước	7.626	953
48	Trường tiểu học Long Phước	2.884	361
49	Trường mầm non Long Phước	1.088	136
50	Chùa Quốc An Khải Tường	47.309	5.914
51	UBND xã	1.165	146
52	Trạm y tế xã	995	124
53	Trường tiểu học Long Đức	4.420	553
54	Trường tiểu học Long Đức	1.079	135
55	Trường mầm non Long Đức	938	117
56	Chùa Phật Ân	3.856	482
57	Chùa Bửu Lâm	1.477	185
58	UBND xã	1.239	155
59	Trạm y tế xã	911	114
60	Trường tiểu học Lộc An	1.208	151
61	Trường mầm non Lộc An	726	91
62	Viện chuyên tu 2	1.616	202
63	UBND xã	3.705	463
64	Trạm y tế xã	1.214	152

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
65	Trường tiểu học Phước Bình	1.613	202
66	Thiền Viện Viên Chiến	4.796	600
67	Chùa Phước Bình	1.049	131
68	Chùa Phước Bình	1.080	135
69	Chùa Nam Mô A Di Đà Phật	898	112
70	UBND xã	1.482	185
71	Trạm y tế xã	916	115
72	Trường THCS Phước Thái	3.716	465
73	Trường mầm non Phước Thái	2.801	350
74	Thiền Viện Thường Chiếu	5.021	628
75	Thiền Viện Linh Chiếu	4.697	587
76	UBND xã	2.372	297
77	Trạm y tế xã	1.385	173
78	Trường THCS Tam An	3.442	430
79	Chùa An Ninh	1.281	160
80	UBND xã	2.080	260
81	Trạm y tế xã	1.169	146
82	Trường THCS Tân Hiệp	7.130	891
83	Trường tiểu học Tân Hiệp	5.574	697
84	Giáo xứ Tân Hiệp	1.507	188
V	Huyện Nhơn Trạch	511.742	63.974
1	UBND xã	1.055	132
2	Trạm y tế xã	500	63
3	Trường THCS Đại Phước	11.332	1.417
4	Trường TH Đại Phước	12.090	1.511
5	Trường MN Đại Phước (PH)	530	66
6	Trường MN Đại Phước	4.655	582
7	Giáo Xứ Phước Lý	4.187	523
8	Chùa Pháp Hoa	1.160	145
9	UBND xã	2.153	269
10	Trạm y tế xã	1.297	162
11	Trường THCS Hiệp Phước (PH)	3.252	407
12	Trường THCS Hiệp Phước	10.535	1.317
13	Trường TH Phước Lai	9.384	1.173
14	Trường TH Hiệp Phước (PH)	1.117	140
15	Trường TH Hiệp Phước	2.329	291
16	Trường MN Hiệp Phước	4.033	504
17	Trường MN Hiệp Phước (PH)	477	60
18	Đình Thần Phước Lai	246	31
19	Đình Thần Hiệp Phước	478	60
20	UBND xã	2.891	361
21	Trạm y tế xã	981	123
22	Trường THCS Long Tân	10.912	1.364
23	Trường TH Long Tân (PH)	491	61
24	Trường TH Long Tân	9.283	1.160
25	Trường MN Long Tân	878	110
26	Trường MN Hoa Sen	13.953	1.744
27	Chùa Long Hương	8.273	1.034
28	UBND xã	2.891	361
29	Trạm y tế xã	1.000	125

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
30	Trường THCS Long Thọ	7.509	939
31	Trường TH Long Thọ (PH)	1.915	239
32	Trường TH Long Thọ (PH)	1.581	198
33	Trường TH Long Thọ	3.528	441
34	Trường MN Long Thọ	2.093	262
35	Trung tâm giáo dục thường xuyên	9.112	1.139
36	Miếu Bà	1.201	150
37	UBND xã	6.900	863
38	Trạm y tế xã	427	53
39	Trường THPT Nhơn Trạch (PH)	7.901	988
40	Trường THCS Phú Đông	8.400	1.050
41	Trường TH Phú Đông (PH)	4.700	588
42	Trường TH Phú Đông	4.900	613
43	Trường MN Phú Đông (PH)	605	76
44	Trường MN Phú Đông	800	100
45	Chùa Pháp Thường 1	1.993	249
46	UBND xã	3.721	465
47	UBND huyện	4.966	621
48	Trạm y tế xã	1.000	125
49	Bệnh viện Đa Khoa Nhơn Trạch	9.090	1.136
50	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	14.035	1.754
51	Trường TH Phú Hội	8.788	1.099
52	Trường MN Phú Hội	854	107
53	Trường MN Nhơn Nghĩa	6.611	826
54	Trường MN Hoa Sen	989	124
55	Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Đồng Nai	11.870	1.484
56	Nhà thờ Mỹ Hội	5.924	741
57	Chùa Thọ Quang	1.722	215
58	Chùa Phú Qang	2.693	337
59	UBND xã	4.437	555
60	Trạm y tế xã	962	120
61	Trường THCS Dương Văn Thi	10.956	1.370
62	Trường TH Phú Hữu (PH)	423	53
63	Trường TH Phú Hữu	10.191	1.274
64	Trường MN Phước Lương	1.105	138
65	Trường MN Phú Hữu (PH)	139	17
66	Trường MN Phú Hữu	1.789	224
67	Thánh Thất Phú Hữu	1.200	150
68	Đền Thờ Phật Mẫu Phú Hữu	835	104
69	UBND xã	3.123	390
70	Trạm y tế xã	564	71
71	Trường THPT Nhơn Trạch	5.298	662
72	Trường TH Phú Thạnh	7.357	920
73	Trường MN Phú Thạnh	2.531	316
74	Chùa Khánh Lâm	2.749	344
75	UBND xã	4.800	600
76	Trạm y tế xã	1.170	146
77	Trường THCS Phước An	10.133	1.267
78	Trường TH Phước An (PH)	6.402	800
79	Trường TH Phước An	8.324	1.041

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
80	Trường Mn Phước An	2.607	326
81	UBND xã	1.873	234
82	Trạm y tế xã	978	122
83	Trường THCS Phước Khánh	7.509	939
84	Trường TH Phước Khánh (PH)	1.556	195
85	Trường tiểu học Phước Khánh	11.782	1.473
86	Trường mầm non Phước Khánh	9.691	1.211
87	Giáo xứ Phước Khánh	780	98
88	UBND xã	4.768	596
89	Trạm y tế xã	1.354	169
90	Trường THPT Phước Thiện	9.449	1.181
91	Trường THCS Phước Thiện	12.399	1.550
92	Trường TH Phước Thiện 2	10.000	1.250
93	Trường TH Phước Thiện 1	8.456	1.057
94	Trường MN Phước Thiện	1.600	200
95	UBND xã	5.450	681
96	Trạm y tế xã	1.218	152
97	Trường THCS Vĩnh Thanh	20.000	2.500
98	Trường THCS Vĩnh Thanh	20.000	2.500
99	Trường TH Vĩnh Thanh 2 (PH)	1.086	136
100	Trường TH Vĩnh Thanh 2	6.474	809
101	Trường TH Vĩnh Thanh (PH)	2.559	320
102	Trường TH Vĩnh Thanh (PH)	2.845	356
103	Trường TH Vĩnh Thanh	20.000	2.500
104	Trường MN Vĩnh Thanh (PH)	496	62
105	Trường MN Vĩnh Thanh	1.700	213
106	Chùa Phước Lâm Cổ Tự	2.433	304
VI	Huyện Vĩnh Cửu	478.554	59.830
1	UBND Thị Trấn	1.612	202
2	UBND huyện Vĩnh Cửu	3.340	418
3	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Cửu	7.447	931
4	Trường THPT Trị An	2.563	320
5	Trường THCS Vĩnh An	2.494	312
6	Trường THCS Lê Quý Đôn	3.218	402
7	Trường THCS - THPT Hùng Vương	3.006	376
8	Trường tiểu học Kim Đồng	2.720	340
9	Trường tiểu học Cây Gáo B (PH1)	915	114
10	Trường tiểu học Cây Gáo A (cs2)	1.092	137
11	Trường tiểu học Cây Gáo A	4.284	536
12	Trường mầm non Phong Lan	4.476	560
13	Nhà thờ Thuận An	1.477	185
14	Nhà thờ Thiện An	1.347	168
15	Chùa Vĩnh An	1.782	223
16	UBND xã	6.994	874
17	Trạm y tế xã	597	75
18	Trường THCS Võ Trường Toản	13.899	1.737
19	Trường tiểu học Bình Hòa	2.810	351
20	Trường mầm non Bình Hòa	2.210	276
21	Đình thần Thới Sơn	611	76
22	Chùa Phổ Tịnh	958	120

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
23	Chùa Phô Quang	6.277	785
24	Chùa Bửu Lâm	1.189	149
25	Chùa Bình Sơn	518	65
26	UBND xã	2.935	367
27	Trạm y tế xã	957	120
28	Trường tiểu học Bình Lợi	11.670	1.459
29	Trường tiểu học ấp 5	3.402	425
30	Trường mẫu giáo ấp 5 Lợi Hòa	402	50
31	Trường mầm non Bàu Tre ấp 1	832	104
32	Trường mầm non (điểm chính)	1.352	169
33	Trường mầm non	656	82
34	Đình Bình Lợi	651	81
35	Đình Bình Hòa	502	63
36	Chùa Long Vân	1.425	178
37	Chùa Bửu Phước	2.170	271
38	UBND xã	1.850	231
39	Trạm y tế xã	1.330	166
40	Trường THCS Hiếu Liêm	9.612	1.202
41	Trường tiểu học Hiếu Liêm	8.968	1.121
42	Trường mầm non Hiếu Liêm (PH ấp 1)	1.000	125
43	Trường mầm non Hiếu Liêm	2.770	346
44	Nhà thờ Hiếu Liêm	860	108
45	UBND xã	1.356	170
46	Trạm y tế xã	673	84
47	Trường THCS Mã Đà (cơ sở chính)	5.216	652
48	Trường TH Mã Đà PH Suối Tượng	1.000	125
49	Trường TH Mã Đà PH Cây Sung	3.974	497
50	Trường TH Mã Đà PH C3	1.500	188
51	Trường tiểu học Mã Đà PH Bà Hào	2.000	250
52	Trường MN Mã Đà PH Suối Trao	273	34
53	Trường MN Mã Đà PH Suối Boon	1.724	216
54	Trường MN Mã Đà PH Bờ Hào	598	75
55	Trường mầm non Mã Đà (cơ sở chính)	2.670	334
56	UBND xã	8.335	1.042
57	Trạm y tế xã	911	114
58	Trường THCS-THPT Huỳnh Văn Nghệ	30.022	3.753
59	Trường tiểu học Phú Lý	10.024	1.253
60	Trường tiểu học Bàu Phụng	2.096	262
61	Trường mầm non Phú Lý	8.800	1.100
62	Phòng khám đa khoa khu vực Phú Lý	3.060	383
63	Nhà thờ Phú Lý	2.534	317
64	Chùa Pháp Bảo	2.998	375
65	Chùa Bửu Đức	3.000	375
66	UBND xã	2.228	279
67	Trạm y tế xã	672	84
68	Trường THCS Tân An	13.261	1.658
69	Trường tiểu học Tân An (phân hiệu Tân Định)	8.058	1.007
70	Trường tiểu học Tân An (phân hiệu Đại An)	5.628	704
71	Trường tiểu học Tân An (phân hiệu Cây Xoài)	1.446	181
72	Trường MN Tân An (phân hiệu Vườn Xoài)	1.067	133

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
73	Trường mầm non Tân An (phân hiệu ấp 2)	3.370	421
74	Giáo Xứ Đại An	1.111	139
75	UBND xã	2.591	324
76	Trạm y tế xã	742	93
77	Trường tiểu học Tân Triều	8.056	1.007
78	Trường mầm non Tân Bình	2.900	363
79	Tổ Đình Quốc Ân Kim Cang	2.538	317
80	Nhà thờ Giáo xứ Tân Triều	2.106	263
81	Chùa Xuân Quang	975	122
82	Chùa Vĩnh Hưng	1.008	126
83	Chùa Phổ Tịnh	802	100
84	Chùa Kim Long Cổ Tự	1.457	182
85	Chùa Hội Phước	868	109
86	UBND xã	2.596	325
87	Trạm y tế xã	743	93
88	Trường THPT Vĩnh Cửu	15.059	1.882
89	Trường THCS Thanh Phú	4.030	504
90	Trường tiểu học Thanh Phú	5.040	630
91	Trường tiểu học Tân Phú (cơ sở 2)	2.792	349
92	Trường tiểu học Tân Phú (cơ sở 1)	1.439	180
93	Trường mầm non Thanh Phú	4.344	543
94	Trường mầm non Hòa Mi	8.056	1.007
95	Thánh thất Thanh Phú	460	58
96	Miếu Bà Chúa Xứ	369	46
97	Đình Tân Huệ	511	64
98	Đền thờ Phật Mẫu Thanh Phú	249	31
99	Chùa Tân Sơn	950	119
100	Chùa Lâm Bửu	1.767	221
101	Bệnh viện đa khoa Thống Nhất (CS2)	19.737	2.467
102	UBND xã	6.638	830
103	Trạm y tế xã	350	44
104	Trường THCS Thiện Tân	14.400	1.800
105	Trường THCS Thiện Tân	10.089	1.261
106	Trường tiểu học Thiện Tân (cs 2)	3.169	396
107	Trường tiểu học Thiện Tân (cs 1)	8.027	1.003
108	Trường mầm non Thiện Tân (cs1)	8.027	1.003
109	UBND xã	5.451	681
110	Trạm y tế xã	1.625	203
111	Trường THCS Nguyễn Du	14.334	1.792
112	Trường tiểu học Trị An	3.087	386
113	Trường mầm non Trị An (cơ sở 2)	360	45
114	Trường mầm non Trị An	2.030	254
115	UBND xã	3.700	463
116	Trạm y tế xã	500	63
117	Trường THCS Vĩnh Tân	16.300	2.038
118	Trường tiểu học Vĩnh Tân	10.100	1.263
119	Trường tiểu học Sông Mây	11.400	1.425
120	Trường mầm non Vĩnh Tân	847	106
121	Trường mầm non Thanh Tâm	1.900	238
122	Nhà Thờ Thạch An	1.993	249

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
123	Chùa Hội An	1.257	157
VII	Huyện Xuân Lộc	692.441	86.570
1	UBND thị trấn	2.380	298
2	UBND huyện	11.531	1.441
3	Trạm y tế thị trấn	370	46
4	Trường THPT Xuân Lộc	16.057	2.007
5	Trường THPT Hồng Bàng	7.021	878
6	Trường THCS Trần Phú	18.700	2.338
7	Trường THCS Phan Bội Châu	13.822	1.728
8	Trường TH Gia Ray	7.332	917
9	Trường MN Xuân Lộc	2.073	259
10	Trung tâm dạy nghề Gia Ray	8.037	1.005
11	UBND xã	1.875	234
12	Trạm y tế xã	1.025	128
13	Trường THCS Lê Thánh Tôn	9.250	1.156
14	Trường TH Phù Đồng	7.845	981
15	Trường TH Hoàng Văn Thụ	3.084	386
16	Trường TH Bảo Hòa	640	80
17	Trường MN Bưng Càn	890	111
18	Trường MN Bảo Hòa (PH)	430	54
19	Trường MN Bảo Hòa (PH)	1.100	138
20	Trường MN Bảo Hòa	5.000	625
21	UBND xã	1.506	188
22	Trạm y tế xã	1.895	237
23	Trường THCS Phan Châu Trinh	8.301	1.038
24	Trường TH Lang Minh	13.010	1.626
25	Trường MN Lang Minh	1.088	136
26	Trường MN Lang Minh	4.653	582
27	UBND xã	1.070	134
28	Trạm y tế xã	600	75
29	Trường THCS Suối Cao	7.700	963
30	Trường TH Lam Sơn (PH)	2.994	374
31	Trường TH Lam Sơn	6.700	838
32	Trường TH Lam Sơn	1.979	247
33	Trường MN Suối Cao (PH)	431	54
34	Trường MN Suối Cao	9.600	1.200
35	Trường MN Suối Cao	980	123
36	UBND xã	2.396	300
37	Trạm y tế xã	1.471	184
38	Trường THCS Nguyễn Hiền	7.200	900
39	Trường TH Mạc Đĩnh Chi (PH)	5.300	663
40	Trường TH Mạc Đĩnh Chi	2.000	250
41	Chùa Thiên Quang	1.479	185
42	Chùa Bảo Quang	2.100	263
43	Chùa Minh Hiệp	3.900	488
44	UBND xã	500	63
45	Trạm y tế xã	1.000	125
46	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	8.000	1.000
47	Trường TH Nguyễn Viết Xuân (PH)	4.891	611
48	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	3.032	379

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
49	Trường TH Lê Hồng Phong	2.555	319
50	Trường TH Đinh Tiên Hoàng (PH)	724	91
51	Trường TH Đinh Tiên Hoàng	1.500	188
52	Trường TH 3 tháng 2 (PH)	1.897	237
53	Trường TH 3 tháng 2	2.752	344
54	Trường MN Thọ Vực (PH)	1.240	155
55	Trường MN Thọ Vực	871	109
56	UBND xã	5.314	664
57	Trạm Y tế xã	1.824	228
58	Trường THCS Nguyễn Du	10.487	1.311
59	Trường THCS dân tộc nội trú Điều Xiển	13.800	1.725
60	Trường TH Hùng Vương	6.045	756
61	Trường tiểu học Xuân Định	6.045	756
62	Trường MN Xuân Định (PH)	550	69
63	Trường MN Xuân Định (PH)	1.679	210
64	Trường MN Xuân Định	5.500	688
65	Trường MN Xuân Định	718	90
66	UBND xã	2.019	252
67	Trạm y tế xã	2.323	290
68	Trường THCS Trung Vương	6.673	834
69	Trường TH Trịnh Hoài Đức	3.000	375
70	Trường TH Chu Văn An	1.700	213
71	Trường MN Xuân Hiệp	1.700	213
72	UBND xã	2.464	308
73	Trạm y tế xã	1.300	163
74	Trường THCS Xuân Hòa	10.086	1.261
75	Trường TH Xuân Hòa (PH)	1.541	193
76	Trường TH Xuân Hòa	11.080	1.385
77	Trường TH Hòa Hiệp	11.944	1.493
78	Trường MN Xuân Hòa	4.200	525
79	Tịnh xá Ngọc Long	2.923	365
80	Chùa Khánh Long	2.200	275
81	UBND xã	4.317	540
82	Trạm y tế xã	2.708	339
83	Trường THPT Xuân Hưng	13.500	1.688
84	Trường THCS Nguyễn Công Trứ	16.342	2.043
85	Trường TH Xuân Hưng	8.360	1.045
86	Trường TH Triệu Thị Trinh (PH)	2.500	313
87	Trường TH Triệu Thị Trinh	7.954	994
88	Trường TH Trần Hưng Đạo	5.239	655
89	Trường MN Xuân Hưng	1.683	210
90	Tịnh xá Ngọc Hưng	2.300	288
91	Giáo xứ Quảng Xuân	11.541	1.443
92	Chùa Hưng Pháp	8.800	1.100
93	Chùa Bát Nhã	4.861	608
94	Chùa Bảo Lâm	4.073	509
95	UBND xã	10.346	1.293
96	Trạm y tế xã	3.461	433
97	Trường THCS Lý Thường Kiệt	18.055	2.257
98	Trường TH Nguyễn Huệ (PH)	8.643	1.080

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
99	Trường TH Nguyễn Huệ	707	88
100	Trường TH Nguyễn Bình Khiêm	7.920	990
101	Trường TH Lạc Long Quân	4.924	616
102	Trường MN Xuân Phú (PH)	1.824	228
103	Trường MN Xuân Phú (PH)	561	70
104	Trường MN Xuân Phú (PH)	2.570	321
105	Trường MN Xuân Phú (PH)	439	55
106	Trường MN Xuân Phú	6.932	867
107	UBND xã	4.000	500
108	Trạm y tế xã	548	69
109	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	11.082	1.385
110	Trường TH Xuân Tâm 2	10.352	1.294
111	Trường TH Xuân Tâm 1	11.202	1.400
112	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	12.630	1.579
113	Trường Mầm non Xuân Tâm	9.400	1.175
114	UBND xã	3.740	468
115	Trạm y tế xã	1.952	244
116	Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh	9.260	1.158
117	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	5.436	680
118	Trường TH Nguyễn Khuyến	8.144	1.018
119	Trường TH Nguyễn Hữu Cánh	9.491	1.186
120	Trường TH Lý Tự Trọng	5.165	646
121	Trường MN Xuân Thành	2.250	281
122	UBND xã	2.104	263
123	Trạm y tế xã	574	72
124	Trường THPT Xuân Thọ	28.800	3.600
125	Trường TH Trần Quốc Toản	6.212	777
126	Trường TH Lê Lai	3.300	413
127	Trường MN Xuân Thọ (PH)	425	53
128	Trường MN Xuân Thọ	2.187	273
129	Trường MN Xuân Thọ	3.403	425
130	UBND xã	3.200	400
131	Trạm y tế xã	679	85
132	Trường THCS Lê Lợi	6.038	755
133	Trường TH Lê Văn Tám	17.415	2.177
VIII	Huyện Định Quán	437.963	54.756
1	UBND thị trấn	1.324	166
2	Bệnh viện huyện	1.862	233
3	UBND xã	2.709	339
4	Trạm y tế xã ấp 3	859	107
5	Trường THCS Lê Thánh Tông	14.029	1.754
6	Trường tiểu học Trần Quốc Tuấn	4.160	520
7	Trường tiểu học Thanh Tùng ấp 9	4.896	612
8	Trường mầm non Sơn Ca điểm ấp 3	4.739	592
9	UBND xã	9.700	1.213
10	Trạm y tế xã	3.988	499
11	Trường THCS Trần Hưng Đạo	9.102	1.138
12	Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	1.855	232
13	Trường tiểu học Lê Quý Đôn	8.676	1.085
14	Trường tiểu học La Ngà	6.000	750

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
15	Trường mầm non Bé Ngoan	3.356	420
16	UBND xã	4.000	500
17	Trạm y tế xã	2.384	298
18	Trường THCS Ngọc Định	10.000	1.250
19	Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	4.052	507
20	Trường tiểu học Liên Ngọc	13.154	1.644
21	Trường tiểu học Hùng Vương	26.760	3.345
22	Trường mầm non Ngọc Lan	5.772	722
23	UBND xã	3.094	387
24	Trạm y tế xã	1.414	177
25	Trường tiểu học Phù Đồng	14.740	1.843
26	Trường tiểu học Phú Cường	5.501	688
27	Trường mầm non Bình Minh	8.733	1.092
28	UBND xã	3.006	376
29	Trạm y tế xã	1.410	176
30	Trường mầm non ấp 3	1.674	209
31	Trường mầm non ấp 2 (điểm chính)	3.661	458
32	Trường mầm non ấp 1	970	121
33	UBND xã	1.983	248
34	Trạm y tế xã	1.993	249
35	Trường THPT DL Lạc Long Quân	6.625	828
36	Trường tiểu học Trần Quốc Toản	2.997	375
37	UBND xã	3.231	404
38	Trạm y tế xã	2.152	269
39	Trường THPT phú Ngọc	2.568	321
40	Trường tiểu học Quang Trung	19.204	2.401
41	Trường tiểu học Phú Ngọc B	8.764	1.096
42	Trường tiểu học Suối Soong	1.822	228
43	Trường mầm non Phú Ngọc	11.102	1.388
44	Chùa Thiên Tịnh	1.235	154
45	Chùa pháp quang	1.687	211
46	UBND xã	895	112
47	Trạm y tế	1.164	146
48	THCS Phú Tân	1.224	153
49	Mầm non Phú Tân	1.116	140
50	Đền mẫu Linh Sơn	1.004	126
51	UBND xã	2.783	348
52	Trạm y tế xã	479	60
53	Trường tiểu học ĐTH phân hiệu Tam Bung	3.390	424
54	Trường tiểu học Đình Tiên Hoàng	8.956	1.120
55	UBND xã	4.599	575
56	Trạm y tế xã	687	86
57	Trường THCS Lý Thường Kiệt	16.418	2.052
58	Trường tiểu học Nguyễn Huệ	9.719	1.215
59	Trường tiểu học Lê Văn Tám	8.411	1.051
60	Trường mầm non Phú Vinh	6.038	755
61	Trường mầm non ấp Ba Tầng	2.328	291
62	UBND xã	3.148	394
63	Trạm y tế xã	1.257	157
64	Trường THCS Suối Nho	20.000	2.500

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
65	Trường TH Võ Thị Sáu	5.687	711
66	Trường TH Suối Nho	11.096	1.387
67	Trường MN Suối Nho	5.290	661
68	UBND xã	15.148	1.894
69	Trạm y tế xã	1.093	137
70	Trường THCS Tây Sơn	6.523	815
71	Trường tiểu học Thanh Sơn	1.597	200
72	Trường tiểu học Liên Sơn	8.530	1.066
73	Trường tiểu học Hoàng Hoa Thám	7.041	880
74	Trường mầm non Thanh Sơn	3.000	375
75	Chùa kiên sơn	1.458	182
76	UBND xã	1.709	214
77	Trạm y tế xã	6.649	831
78	Trường TH Mạc Đình Chi	12.000	1.500
79	Trường TH Lê Lợi điểm chính	4.583	573
IX	Huyện Tân Phú	638.522	79.826
1	UBND xã	885	111
2	UBND Huyện Tân Phú	2.712	339
3	Trạm y tế TT Tân Phú	1.190	149
4	Bệnh viện đa khoa huyện Tân Phú	11.366	1.421
5	Trường THPT Đoàn Kết	4.470	559
6	Trường THCS Quang Trung	5.421	678
7	Trường tiểu học Nguyễn Huệ (PH)	1.614	202
8	Trường tiểu học Nguyễn Huệ	2.672	334
9	Trường PT dân tộc nội trú liên huyện Tân Phú	4.522	565
10	Trường mầm non Sơn Ca	2.396	300
11	Nhà thờ Bích Lâm	2.758	345
12	Chùa Bửu Long	2.014	252
13	UBND xã	5.640	705
14	Trạm y tế xã	2.619	327
15	Trường THPT Đăk Lua(cấp 2,3)	10.841	1.355
16	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc (ấp 5a)	8.041	1.005
17	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc (ấp 2)	8.665	1.083
18	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc(ấp 10)	6.399	800
19	Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân	1.279	160
20	Trường MN Đăk Lua (ấp 5b)	8.193	1.024
21	Trường MN Đăk Lua (ấp 12)	9.778	1.222
22	Trường MN Đăk Lua (ấp 10)	1.210	151
23	Trường mầm non Đăk Lua (ấp 9)	1.751	219
24	Trường mầm non Đăk Lua (ấp 4)	425	53
25	UBND xã	5.193	649
26	Trạm y tế xã	11.742	1.468
27	Trường THCS Nam Cát Tiên	14.224	1.778
28	Trường TH Nam Cát Tiên	10.111	1.264
29	Trường tiểu học Nam Cát Tiên (cs2)	3.631	454
30	Trường MN Nam Cát Tiên	7.743	968
31	Nhà thờ Tiên Lâm	871	109
32	Chùa Hồng Liên Sơn	4.174	522
33	UBND xã	1.552	194
34	Trạm y tế xã	830	104

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
35	Trường THCS Núi Tượng	417	52
36	Trường tiểu học Suối Gầm	851	106
37	Trường tiểu học Núi Tượng	2.663	333
38	Trường mẫu giáo Núi Tượng	296	37
39	Chùa Phước Tượng	684	86
40	UBND xã	4.010	501
41	Trạm y tế xã	1.200	150
42	Trường THCS Phú An	6.656	832
43	Trường TH Phú An ấp 6	2.308	289
44	Trường tiểu học Phú An(ấp 2)	7.577	947
45	Trường tiểu học Phú An (PH)	920	115
46	Trường tiểu học Phú An	9.282	1.160
47	Trường tiểu học ấp 3	2.635	329
48	Trường mầm non Phú An	3.621	453
49	Trường mầm non ấp 2	1.374	172
50	Nhà thờ Phú An	1.070	134
51	Chùa Gia Trang Tự	3.566	446
52	UBND xã	2.642	330
53	Trạm y tế xã	864	108
54	Trường THPT Thanh Bình	2.510	314
55	Trường THCS Phú bình	1.796	225
56	Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi	1.403	175
57	Trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng (PH)	792	99
58	Trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng	1.296	162
59	Trường mẫu giáo Hoa Anh Đào	864	108
60	Trường mầm non Phú Bình	1.478	185
61	Giáo xứ Bình Lâm	1.821	228
62	Giáo xứ An Lâm	1.357	170
63	UBND xã	1.105	138
64	Trạm y tế xã	1.635	204
65	Trường THCS Đồng Hiệp	7.873	984
66	Trường Tiểu học Phú Điền	13.056	1.632
67	Trường mầm non Phú Điền	10.419	1.302
68	Đền thờ Đức Thánh Trần	365	46
69	Chùa Phước Điền	1.461	183
70	UBND xã	382	48
71	Trạm y tế xã	512	64
72	Trường THCS Phú Lâm	1.509	189
73	Trường TH và THCS Lê Quý Đôn	8.978	1.122
74	Trường tiểu học Phú Lâm	10.317	1.290
75	Trường tiểu học Phù Đồng	3.746	468
76	Trường mầm non Phú Lâm	2.370	296
77	Giáo xứ Phương Lâm	2.420	303
78	UBND xã	1.386	173
79	Trạm y tế xã	528	66
80	Phòng khám ĐKKV Phú Lập	1.183	148
81	Trường THPT Tôn Đức Thắng	13.427	1.678
82	Trường THCS Hòa Bình	7.960	995
83	Trường tiểu học Phú Lập (PH)	1.132	142
84	Trường tiểu học Phú Lập	3.084	386

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
85	Trường mầm non Phú Lập	5.314	664
86	Giáo xứ Thạch Lâm	1.462	183
87	Chùa Hồng Liên	1.956	245
88	UBND xã	1.984	248
89	Trạm y tế xã	512	64
90	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	9.354	1.169
91	Trường TH Phạm Văn Đồng	13.804	1.726
92	Trường tiểu học Phú Lộc	1.038	130
93	Trường mầm non Phú Lộc	1.171	146
94	Trường học Phạm Văn Đồng (PH)	880	110
95	UBND xã	1.203	150
96	Trạm y tế xã	1.453	182
97	Trường THCS Phú Sơn	8.602	1.075
98	Trường tiểu học Nguyễn Du	5.769	721
99	Trường mẫu giáo Phú Sơn	804	101
100	Giáo xứ Phú Lâm	2.732	342
101	Chùa Linh Phú	1.057	132
102	UBND xã	961	120
103	Trạm y tế xã	526	66
104	Trường THCS Phương Lâm	11.811	1.476
105	Trường THCS & PTTH Ngọc Lâm	11.387	1.423
106	Trường tiểu học Phú Thanh	6.321	790
107	Trường tiểu học Giang Điền	3.213	402
108	Trường tiểu học Bầu Mây	6.233	779
109	Trường mẫu giáo Hoa Phượng	1.424	178
110	Trường mầm non Phú Thanh	3.216	402
111	Phân hiệu trường TH Bầu Mây	10.076	1.260
112	Giáo xứ Thọ Lâm	4.247	531
113	UBND xã	2.085	261
114	Trạm y tế xã	571	71
115	Trường THCS Phú Thịnh	4.524	566
116	Trường TH Lộc Thịnh	7.679	960
117	Trường Tiểu học Lộc Thịnh (PH)	1.703	213
118	Trường tiểu học Kim Đồng 2	3.276	410
119	Trường tiểu học Kim Đồng 1	7.500	938
120	Trường mẫu giáo Phú Thịnh (PH)	839	105
121	Trường mẫu giáo Phú Thịnh	2.273	284
122	Giáo xứ Thạch Lâm	512	64
123	Chùa Bửu Tân Tự	1.147	143
124	UBND xã	1.832	229
125	Trạm y tế xã	510	64
126	Trường THCS Trường Sơn	9.625	1.203
127	Trường TH Phú Trung	5.940	743
128	Trường tiểu học Phú Trung (PH)	712	89
129	Trường mầm non Phú Trung	3.750	469
130	Nhà thờ Hòa Lâm	800	100
131	Giáo xứ Kim Lâm	3.487	436
132	UBND xã	16.755	2.094
133	Trạm y tế xã	1.000	125
134	Trường THCS Phú Xuân	18.920	2.365

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
135	Trường TH Trần Quốc Toản	3.714	464
136	Trường tiểu học Huỳnh Tấn Phát	11.533	1.442
137	Trường mầm non Phú Xuân	1.000	125
138	PH trường mầm non Phú Xuân (Bàu Chim)	1.500	188
139	Nhà thờ Ngọc Lâm	7.611	951
140	Chùa Phước Lập	2.798	350
141	Chùa Pháp Trụ	1.587	198
142	UBND xã	1.115	139
143	Trạm y tế xã	684	86
144	Trường THCS Tà Lài	3.890	486
145	Trường tiểu học Tà Lài (PH)	1.455	182
146	Trường tiểu học Tà Lài (PH)	904	113
147	Trường tiểu học Tà Lài	1.265	158
148	Trường tiểu học Nguyễn trung Trực	2.746	343
149	Trường mầm non Tà Lài	468	59
150	Chùa Hưng Thạnh	1.640	205
151	UBND xã	3.539	442
152	Trạm y tế xã	1.562	195
153	Trường THCS Trường Chinh	7.495	937
154	Trường tiểu học Thanh Sơn	9.214	1.152
155	Trường mầm non Thanh sơn	6.521	815
156	Giáo xứ Quang Lâm	2.343	293
157	UBND xã	3.197	400
158	Trạm y tế xã	968	121
159	Trường THCS Trà Cỏ	6.620	828
160	Trường tiểu học Lê Văn Tám (PH ấp 4)	1.574	197
161	Trường tiểu học Lê Văn Tám ấp 5	1.316	165
162	Trường tiểu học Lê Văn Tám	3.576	447
163	Trường mẫu giáo Trà Cỏ (PH ấp 4)	502	63
164	Trường mẫu giáo Trà Cỏ	1.615	202
165	Thánh thất Tân Phú	920	115
166	Chùa Suối Mơ	1.274	159
167	Chùa Pháp Lạc	693	87
X	Huyện Thống Nhất	458.587	57.330
1	UBND xã	2.568	321
2	Trạm y tế xã	960	120
3	Bệnh viện Đa Khoa Dầu Giây	25.680	3.210
4	Trường THCS Ngô Quyền	10.706	1.338
5	Trường TH Trần Bình Trọng	11.250	1.406
6	Trường TH Phan Bội Châu (PH)	314	39
7	Trường TH Phan Bội Châu (PH)	612	77
8	Trường Th Phan Bội Châu	4.342	543
9	Trường MN Sơn Ca	5.441	680
10	Trường MN Dầu Giây	2.947	368
11	Trường MN Bình Minh	1.503	188
12	UBND xã	1.280	160
13	Trạm y tế xã	440	55
14	Trường THCS Lam Sơn	3.193	399
15	Trường THCS Gia Kiệm	2.381	298
16	Trường TH Phù Đồng	5.317	665

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
17	Trường TH Nguyễn Du	2.252	282
18	Trường TH Lê Quý Đôn	2.530	316
19	Trường MN Tuổi Thơ	1.107	138
20	Trường MN Gia Kiệm	1.067	133
21	UBND xã	870	109
22	Trạm y tế xã	330	41
23	Trường THCS Đông Du	4.410	551
24	Trường TH Trần Văn Ôn	250	31
25	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	3.590	449
26	Trường MN Phong Lan	2.680	335
27	Trường MN Hoa Phượng	1.940	243
28	Trường MN Gia Tân 1	1.550	194
29	Trường MN Dốc Mơ 2	1.940	243
30	Nhà thờ Dốc Mơ	13.897	1.737
31	UBND xã	1.709	214
32	Trạm y tế xã	507	63
33	Trường THPT Kiệm Tân	9.277	1.160
34	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	2.860	358
35	Trường TH Trần Quốc Toàn	4.295	537
36	Trường TH Bạch Lâm	5.308	664
37	Trường MN Gia Tân 2 (PH)	1.010	126
38	Trường MN Gia Tân 2	1.129	141
39	UBND xã	948	119
40	Trạm y tế xã (CS2)	563	70
41	Trạm y tế xã	444	56
42	Trường THCS Duy Tân	2.587	323
43	Trường THCS Bán công Trần Quang Khải	2.312	289
44	Trường TH Hoàng Hoa Thám	2.335	292
45	Trường TH Chu Văn An	5.252	657
46	Trường MN Gia Tân 3	1.280	160
47	UBND xã	19.128	2.391
48	Trạm y tế xã	6.498	812
49	Trường THCS Trần Hưng Đạo	10.733	1.342
50	Trường TH Lê Hồng Phong	2.792	349
51	Trường TH Hưng Lộc	3.337	417
52	Trường MN Hoa Cúc	1.654	207
53	UBND xã	5.725	716
54	Trạm y tế xã	2.757	345
55	Trường TH Nguyễn Viết Xuân (Cs1)	1.600	200
56	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	5.870	734
57	Trường TH Lý Tự Trọng	4.300	538
58	Trường TH Hoàng Văn Thụ (cũ)	1.412	177
59	Trường TH Hoàng Văn Thụ (Ấp 6)	4.025	503
60	Trường TH Hoàng Văn Thụ	3.300	413
61	Trường MN xã Lộ 25	920	115
62	Trường MN Hòa Mi	1.570	196
63	UBND xã	5.613	702
64	Trạm y tế xã	1.200	150
65	Phòng khám ĐKKV Quang Trung	360	45
66	Bệnh viện Kiệm Tân	4.933	617

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
67	Trường THPT Thống Nhất	16.766	2.096
68	Trường THCS Thăng Long	8.747	1.093
69	Trường THCS Quang Trung	11.742	1.468
70	Trường TH Quang Trung (PH)	820	103
71	Trường TH Quang Trung	10.000	1.250
72	Trường TH Nguyễn Huệ	10.215	1.277
73	Trường TH Lê Lợi	8.472	1.059
74	Trường TH ấp Nam Sơn	13.243	1.655
75	Trường PTTH Thống Nhất B	16.766	2.096
76	Trường MN Quang Trung B	2.491	311
77	Trường MN Quang Trung A	1.115	139
78	Trường MN Lê Lợi	1.255	157
79	UBND xã	4.147	518
80	Trạm y tế xã	1.342	168
81	Trạm y tế xã (Cs2)	464	58
82	Trạm y tế xã (Cs3)	699	87
83	Trường THCS Xuân Thiện	5.009	626
84	Trường THCS Trần Phú	3.515	439
85	Trường TH Tín Nghĩa	3.553	444
86	Trường TH Lê Văn Tám	3.853	482
87	Trường MN Xuân Thiện	1.825	228
88	Trường MN Đội C	1.621	203
89	Trường MN Bình Lộc	4.964	621
90	Chùa Từ Ân	3.223	403
91	UBND huyện	7.800	975
92	Trạm y tế xã	1.200	150
93	Trạm y tế xã (Cs2)	680	85
94	Trường THPT Dầu Giây	10.761	1.345
95	Trường THCS Hùng Vương	10.000	1.250
96	Trường THCS Hùng Vương	6.138	767
97	Trường TH Xuân Thạnh (PH)	668	84
98	Trường TH Xuân Thạnh	1.214	152
99	Trường TH Kim Đồng	2.900	363
100	Trường MN Tuổi Ngọc	3.256	407
101	Trường MN Hướng Dương	9.320	1.165
102	Trung tâm y tế huyện Thống Nhất	9.699	1.212
103	Trung tâm dạy nghề huyện Thống Nhất	12.214	1.527
XI	Huyện Cẩm Mỹ	297.422	37.182
1	UBND xã	3.232	404
2	UBND huyện	6.588	824
3	Trường THPT Cẩm Mỹ	8.783	1.098
4	Trường mầm non Long Giao	880	110
5	Trường mầm non Hoa Hồng	986	123
6	Trạm y tế xã	1.280	160
7	Trạm y tế xã	6.588	824
8	Trường tiểu học Mỹ Hạnh	1.061	133
9	Bệnh viện đa khoa huyện	13.053	1.632
10	UBND xã	1.043	130
11	Trạm y tế xã	1.024	128
12	Trường THCS Trần Hưng Đạo	9.070	1.134

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
13	Trường tiểu học Nguyễn Du	6.842	855
14	Trường mầm non Bảo Bình	7.411	926
15	Chùa Việt Hoa	869	109
16	UBND xã	6.361	795
17	Trạm y tế xã	2.380	298
18	Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh	6.547	818
19	Trường tiểu học Ngô Mây	2.655	332
20	Trường tiểu học Lâm San	2.711	339
21	Trường mầm non Lâm San	2.521	315
22	UBND xã	3.568	446
23	Trạm y tế xã	1.073	134
24	Trường THCS Chu Văn An	8.230	1.029
25	Trường tiểu học Nhân Nghĩa	3.568	446
26	Nhà thờ Duyên Lăng	2.281	285
27	UBND xã	1.632	204
28	Trường THCS Sông Nhạn	3.815	477
29	Trường tiểu học Sông Nhạn	1.807	226
30	Giáo xứ Xuân Triệu	3.105	388
31	Chùa Pháp Linh	1.176	147
32	UBND xã	3.217	402
33	Trạm y tế xã	1.128	141
34	Trường THCS Sông Ray	7.150	894
35	Trường THCS Ngô Quyền	11.238	1.405
36	Trường tiểu học Trương Định (ấp 7)	2.399	300
37	Trường tiểu học Hòa Bình (ấp 10)	3.871	484
38	UBND xã	1.890	236
39	Trạm y tế xã	1.672	209
40	Trường THCS Thừa Đức	3.633	454
41	Trường tiểu học Thừa Đức 1	1.768	221
42	Trường mầm non Thừa Đức	1.347	168
43	Chùa Thừa Đức	1.875	234
44	Chùa Quan Âm	1.130	141
45	Chùa Bảo Minh	691	86
46	UBND xã	1.233	154
47	Trạm y tế xã	1.357	170
48	Trường THCS Xuân Bảo	5.207	651
49	Trường mầm non Xuân Bảo	1.258	157
50	Đền liệt sĩ	1.330	166
51	UBND xã	3.557	445
52	Trạm y tế xã	1.788	224
53	Trường THCS Trần Phú	7.663	958
54	Trường tiểu học Xuân Đông	4.268	534
55	Trường tiểu học Võ Thị Sáu	5.920	740
56	Trường tiểu học Nguyễn Tri Phương	4.457	557
57	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	4.623	578
58	Trường mầm non Xuân Đông	2.618	327
59	UBND xã	2.617	327
60	Trạm y tế xã	1.710	214
61	Trường THCS Xuân Đường	7.710	964
62	Trường tiểu học Xuân Đường	3.471	434

TT	Địa điểm (Xã/Phường/TT)	Diện tích (m ²)	Sức Chứa (người)
63	Giáo xứ Xuân Đường	1.539	192
64	Chùa Bảo Quang	1.617	202
65	UBND xã	2.827	353
66	Trạm y tế xã	1.020	128
67	Trường THCS Xuân Mỹ	3.156	395
68	Trường tiểu học Xuân Mỹ I	6.015	752
69	Chùa Long Sơn	1.597	200
70	UBND xã	1.293	162
71	Trạm y tế xã	1.293	162
72	Trường THCS Xuân Quế	5.351	669
73	Trường tiểu học Xuân Quế	4.059	507
74	Chùa Lịch Sơn	1.216	152
75	UBND xã	1.981	248
76	Trạm y tế xã	1.271	159
77	Trường THPT Võ Trường Toản	7.548	944
78	Trường THPT Sông Ray	6.412	802
79	Trường THCS Lê Quý Đôn	7.627	953
80	Trường tiểu học Xuân Tây	2.987	373
81	Trường mầm non Hoa Sen	3.496	437
82	Nhà thờ Giáo xứ Xuân Tây	9.181	1.148

PHỤ LỤC 1.4: DANH MỤC CÔNG TRÌNH QUAN TRẮC KHÍ TƯỢNG - THỦY VĂN - MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

TT	Tên trạm	Vị trí	Ghi Chú
I	Các trạm khí Tượng		
1	Trạm Biên Hòa	Thành phố Biên Hòa	
2	Trạm Trị An	Lòng hồ Trị An	
3	Trạm Long Khánh	Thị xã Long Khánh	
4	Trạm La Ngà	Xã La Ngà, huyện Định Quán	
5	Trạm Tà Lài	Xã Tà Lài, huyện Tân Phú	trạm tự động
II	Các trạm thủy văn		
1	Trạm Phú Hiệp	Xã Phú Hiệp, huyện Định Quán	
2	Trạm Tà Lài	Xã Tà Lài, huyện Tân Phú	
3	Trạm Trị An	Xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu	
4	Trạm Biên Hòa	Thành phố Biên Hòa	
III	Các trạm đo mưa		
1	Trạm Sông Ray	Xã Sông ray, huyện cảm Mỹ	trạm tự động
2	Trạm Bàu Hàm	Xã Bàu Hàm, huyện Trảng bom	trạm tự động
3	Phước Bình	Xã Phước Bình, huyện Long thành	trạm tự động
4	Phú Thành	Xã Phú Thành, huyện Nhơn Trạch	trạm tự động
5	Trạm thị trấn Định Quán	Thị trấn Định Quán, huyện Định Quán	trạm tự động
6	Trạm thị trấn Tân Phú	Thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú	
7	Trạm Xuân Lộc (Ông Đồn)	Thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc	
8	Trạm Đắc Lua	Xã Đắc Lua, huyện Tân Phú	
9	Trạm Xã Lộ 25	Xã Lộ 25, huyện Thống Nhất.	
10	Trạm Bình Sơn	xã Bình Sơn, huyện Long Thành	
11	Hàng Gòn	Xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh	
12	Tà Lài	Xã Tà Lài, huyện Tân Phú	
13	Phú Hiệp	Xã Phú Hiệp, huyện Định Quán	
14	Túc Trung	Xã Túc Trung, huyện Định Quán	
15	La Ngà	Xã La Ngà, huyện Định Quán	
16	Trị An	Lòng hồ Trị An	
17	Thị xã Long Khánh	Thị xã Long Khánh	
18	Cảm Mỹ	Xã Xuân Mỹ, huyện cảm Mỹ	
19	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom	
20	Long Thành	Thị trấn Long Thành, huyện Long Thành	
21	Thành phố Biên Hòa	Thành phố Biên Hòa	
IV	Trạm đo chất lượng nước		
1	Tà Lài	Sông Đồng Nai, Tà Lài, Tân Phú	
2	Lá Buông	Sông Lá Buông, Phước Tân, Biên Hòa	
3	Phú Điền	Sông La Ngà, Phú Ngọc, Định Quán	
4	Vedan	Sông Thị Vải, Phước Thái, Long Thành	
5	Hoá An	Sông Đồng Nai, Hòa An, Biên Hòa	
6	Bến Gỗ	Sông Đồng Nai, Long Bình Tân, Biên Hòa	
7	Nhà Bè	Sông Đồng Nai, Phước Khánh, Nhơn Trạch	

PHỤ LỤC 2: NGUỒN LỰC PCTT-TKCN CÁC CẤP, ĐƠN VỊ

Danh mục:

Phụ lục 2.1: Nguồn nhân lực tham gia công tác PCTT-TKCN

Phụ lục 2.2: Nguồn phương tiện, trang thiết bị, vật tư phục vụ công tác PCTT-TKCN

Phụ lục 2.3: Nguồn nhu yếu phẩm dự trữ phục vụ công tác PCTT-TKCN

Phụ lục 2.4: Số lượng thuốc, vật tư y tế dự phòng phục vụ công tác PCTT-TKCN

Phụ lục 2.5: Danh sách và thông tin liên lạc khẩn cấp các thành viên Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp tỉnh và cấp huyện/Thành phố

PHỤ LỤC 2.1: NGUỒN NHÂN LỰC THAM GIA CÔNG TÁC PCTT-TKCN

Danh mục:

Phụ lục 2.1: Tổng hợp nguồn nhân lực PCTT-TKCN toàn tỉnh

Phụ lục 2.1.1: Tổng hợp nguồn nhân lực PTCT-TKCN phân theo các huyện/TP

Phụ lục 2.1.2: Tổng hợp nguồn nhân lực PCTT-TKCN thuộc Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đồng Nai

Phụ lục 2.1.3: Tổng hợp nguồn nhân lực PCTT-TKCN thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai

PHỤ LỤC 2.1: TỔNG HỢP NGUỒN NHÂN LỰC PCTT&TKCN TOÀN TỈNH

TT	Lực lượng	Số lượng (người)			
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tổng
1	Quân sự (bộ đội + Dân quân tự vệ)	155	277	6.456	6.888
2	Công an	122	225	1.187	1.534
3	Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy	32	10		42
4	Hội chữ thập đỏ		46	619	665
5	Lực lượng dự bị động viên	450	1.210	100	1.760
6	Lực lượng quân sự hiệp đồng	1.720			1.720
7	Y tế	330	109	946	1.385
8	Các đội cấp cứu lưu động	115	3	30	148
9	Các đội chống dịch cơ động	115	2	30	147
10	Các lực lượng khác	100		5.156	5.256
11	Thanh niên xung kích		65	4.491	4.556
Tổng lực lượng các cấp		3.139	1.947	19.015	24.101

**PHỤ LỤC 2.1.1: TỔNG HỢP NGUỒN NHÂN LỰC PCTT-TKCN PHÂN THEO
CẤP HUYỆN/THÀNH PHỐ**

STT	Lực lượng	Số lượng (người)		
		Cấp huyện	Cấp xã	Toàn huyện/Tp
I	TP Biên Hoà	62	1.624	1.686
2	Quân sự (Bộ đội + Dân quân tự vệ)	27	1.104	1.131
2	Công an	20	200	220
3	Lực lượng dự bị động viên		100	100
4	Lực lượng quân sự hiệp đồng		100	100
5	Y tế	10	60	70
6	Các đội cấp cứu lưu động	3	30	33
7	Các đội chống dịch cơ động	2	30	32
II	Huyện Cẩm Mỹ	312	1.620	1.932
1	Quân sự (bộ đội + Dân quân tự vệ)	27	535	562
2	Công an	50	200	250
3	Trung đoàn 88+ sư Đoàn 302	200		200
4	Y tế + Trung tâm Y tế	35	85	120
5	Thanh niên xung kích		800	800
III	TP Long Khánh	0	4.435	4.435
1	Quân sự (bộ đội + dân quân tự vệ)		533	533
2	Công An		139	139
3	Cán bộ xã		339	339
4	Đoàn thanh niên		556	556
5	Hội cựu chiến binh		308	308
6	Hội nông dân	0	403	403
7	Tại các ấp, khu phố		977	977
8	Lực lượng khác		1.180	1.180
IV	Huyện Định Quán	298	1.302	1.600
1	Quân sự (Bộ đội + Dân quân tự vệ)	25	510	535
2	Công an	40	280	320
3	Y tế	10	70	80
4	Hội Chữ thập đỏ	3	14	17
5	Trung tâm Dịch vụ NN huyện	20	8	28
6	Thanh niên xung phong	50	140	190
7	Lực lượng khác	150	280	430
V	Huyện Long Thành	303	1.865	2.168
1	Quân sự (Bộ đội + Dân quân tự vệ)	28	500	528
2	Công an	45	120	165

STT	Lực lượng	Số lượng (người)		
		Cấp huyện	Cấp xã	Toàn huyện/Tp
3	Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy	10		10
4	Các đơn vị quân đội đóng chân trên địa bàn huyện	200		200
5	Y tế	20	45	65
6	Thanh niên xung kích		1.200	1.200
VI	Huyện Nhơn Trạch	140	1.487	1.627
1	Quân sự	25	424	449
2	Công an	30	165	195
3	Y tế	15	67	82
4	Hội chữ thập đỏ	5	177	182
5	Thanh niên xung kích	15	302	317
6	Lực lượng khác	50	352	402
VII	Huyện Tân Phú	119	2.445	2.564
1	Quân sự (Bộ đội + Dân quân tự vệ)	25	680	705
2	Công an	60	283	343
3	Y tế	29	131	160
4	Hội chữ thập đỏ	5	218	223
5	Thanh niên xung kích		559	559
6	Lực lượng khác		574	574
VIII	Huyện Thống Nhất	120	1.436	1.556
1	Quân sự (Quân sự + dân quân tự vệ)	26	510	536
2	Công an	60	148	208
3	Y tế	29	68	97
4	Hội chữ thập đỏ	5	114	119
5	Thanh niên xung kích		294	294
6	Lực lượng khác		302	302
IX	Huyện Trảng Bom	183	1.739	1.922
1	Quân sự (Bộ đội + Dân quân tự vệ)	27	644	671
2	Công an	60	170	230
3	Y tế	35	255	290
4	Hội Chữ thập đỏ	5	51	56
5	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện	20	17	37
6	Thanh niên đội xung kích		340	340
7	Lực lượng khác	36	262	298
X	Huyện Vĩnh Cửu	566	1.128	1.694
1	Quân sự (Bộ đội + Dân quân tự vệ)	20	224	244

STT	Lực lượng	Số lượng (người)		
		Cấp huyện	Cấp xã	Toàn huyện/Tp
2	Công an	22	150	172
3	Y tế	1		1
4	Hội Chữ thập đỏ	15		15
5	Hành chính	290	305	595
6	Đoàn thể	218	449	667
7	Lực lượng khác			0
XI	<i>Huyện Xuân Lộc</i>	126	1.543	1.669
1	Quân sự (bộ đội + dân quân tự vệ)	26	508	534
2	Công an	50	150	200
3	Y tế	25	225	250
4	Hội Chữ thập đỏ	5	45	50
5	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện	20	15	35
6	Thanh niên xung phong		300	300
7	Lực lượng khác		300	300

**PHỤ LỤC 2.1.2: TỔNG HỢP NGUỒN NHÂN LỰC PCTT-TKCN THUỘC CÔNG TY
TNHH MTV KHAI THÁC CTTL ĐỒNG NAI**

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI			
Họ và tên	Chức danh	Chức vụ BCH	Điện thoại
Dương Xuân Sơn	Giám đốc		0913.183.492
Lê Xuân Toàn	Phó Giám đốc		0357.738.066
Huỳnh Dũng Thắng	Phụ trách phòng QLN&CT		0912.233.295
Phòng QLN&CT			02516.566.864
TRẠM KTTL B.HÒA - T.NHẤT-V.CỦU-T.BOM			
Họ và tên	Chức danh	Điểm trực	số điện thoại
Nguyễn Hưng	Trưởng trạm	Nhà quản lý hồ Sông Mây, Bắc Sơn,Trảng Bom	0905.438.767
Mai Ngọc Tinh	Trạm phó		0913.610.417
			02516.273.763
TRẠM KTTL TÂN PHÚ - ĐỊNH QUÁN			
Họ và tên	Chức danh	Điểm trực	số điện thoại
Phạm Thị Tuyết	Trưởng trạm	Nhà quản lý hồ Đa Tôn	0978.353.218
Nguyễn Trung Thành	Trạm phó		0365.164.593
			02516.296.863
TRẠM KTTL XUÂN LỘC - LONG KHÁNH - CẨM MỸ			
Họ và tên	Chức danh	Điểm trực	số điện thoại
Hồ Văn Chiến	Trưởng trạm	Nhà quản lý hồ Gia Ui – xã Xuân Tâm – huyện Xuân Lộc	0978.417.151
Phạm Quang Trung	Trạm phó		0913.615.906
Nguyễn Văn Quang	Cán bộ trạm		0918.089.959
			02516.596.268
TRẠM KTTL LONG THÀNH			
Họ và tên	Chức danh	Điểm trực	số điện thoại
Phạm Văn Hào	Trưởng trạm	Nhà Quản lý hồ tuyến V	0917.692.447
Lê Tiến Vượng	Trạm phó		0989.047.542
			02513.844.817 - 02516.273.263
TRẠM KTTL XUÂN LỘC - LONG KHÁNH - CẨM MỸ			
Họ và tên	Chức danh	Điểm trực	số điện thoại
Hồ Văn Chiến	Trưởng trạm	Nhà quản lý hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp - huyện Xuân Lộc	0978.417.151
Phạm Quang Trung	Trạm phó		0913.615.906
Nguyễn Văn Quang	Cán bộ trạm		0918.089.959
TRẠM KTTL XUÂN LỘC - LONG KHÁNH - CẨM MỸ			
Họ và tên	Chức danh	Điểm trực	số điện thoại
Hồ Văn Chiến	Trưởng trạm		0978.417.151
Phạm Quang Trung	Trạm phó		0913.615.906
Nguyễn Văn Quang	Cán bộ trạm		0918.089.959
			02516.512.906

TRẠM KTTT XUÂN LỘC - LONG KHÁNH - CẨM MỸ			
Họ và tên	Chức danh	Điểm trực	số điện thoại
Hồ Văn Chiến	Trưởng trạm	Nhà quản lý hồ Suối Vọng	0978.417.151
Phạm Quang Trung	Trạm phó		0913.615.906
Nguyễn Văn Quang	Cán bộ trạm		0918.089.959
			0918.629.428
TRẠM KTTT BIÊN HÒA - THỐNG NHẤT - VĨNH CỬU - TRẢNG BOM			
Họ và tên	Chức danh	Điểm trực	số điện thoại
Nguyễn Hưng	Trưởng trạm	Nhà quản lý hồ Bà Long, phường Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom.	0905.438.767
Mai Ngọc Tình	Trạm phó		0913.610.417
			02516.286.555

PHỤ LỤC 2.1.3: TỔNG HỢP NGUỒN NHÂN LỰC PCTT-TKCN THUỘC KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN - VĂN HOÁ ĐỒNG NAI

STT	Thành viên	Chức vụ	Chức vụ
A	Ban chỉ huy PCTT-TKCN Khu Bảo tồn		
1	Ông. Tô Bá Thanh	Phó giám đốc	Trưởng ban
2	Ông Nguyễn Hữu Phước	Hạt trưởng HKL	Phó ban
3	Ông Đoàn Văn Hoàn	Trưởng phòng TC-HC	Thành viên
4	Ông Phan Trung Liệt	Trưởng phòng BTTN&HT	Thành viên
5	Ông Nguyễn Văn Hà	GĐ Trung tâm ST-VH-LS CKĐ	Thành viên
6	Ông Trần Đình Hùng	Trưởng phòng KTLS&ĐĐ	Thành viên
7	Ông Trương Đình Minh	Phó Hạt trưởng HKL	Thành viên
8	Ông Võ An Giang	Phó Hạt trưởng HKL	Thành viên
9	Trạm trưởng các trạm Kiểm lâm	Thành viên	Thành viên
B	Tổ trực vận hành hồ	5 người	
C	Tổ thông tin truyền thông	3 người	
B	Tổ hậu cần	5 người	

Phụ lục 2.2: Nguồn phương tiện, trang thiết bị, vật tư phục vụ công tác PCTT-TKCN

Danh mục:

Phụ lục 2.2: Tổng hợp số lượng phương tiện, trang thiết bị huy động phục vụ công tác PCTT-TKCN toàn tỉnh

Phụ lục 2.2.1 đến Phụ lục 2.2.11: Tổng hợp số lượng phương tiện, trang thiết bị huy động phục vụ công tác PCTT-TKCN của 11 huyện/TP

Phụ lục 2.2.12: Tổng hợp nguồn vật tư dự trữ tại chỗ phục vụ ứng phó, xử lý sự cố tại các công trình hồ đập

**PHỤ LỤC 2.2: TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ TRANG THIẾT BỊ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC PCTT&TKCN TOÀN TỈNH**

TT	Phương tiện, trang thiết bị	Đơn vị	Cấp			Tổng
			Tỉnh	Huyện	Xã	
1	Xe tải các loại	chiếc	15	468	278	761
2	Xe cứu thương	chiếc	8	16	10	34
3	Xe chuyên dùng các loại	chiếc	109	18	32	159
4	Cano	chiếc	59	25	9	93
5	Phà	chiếc	131	22	38	191
6	Máy bơm	máy	48	7	296	351
7	Máy bộ đàm	máy	29	4.473		4.502
8	Máy phát điện	máy	48	27	87	162
9	Máy khoan cắt bê tông	máy	8	11	29	48
10	Phao tròn	cái	8.997	2.345	795	12.137
11	Áo phao	cái	11.089	3.260	1.661	16.010
12	Nhà bạt các loại	cái	782	87	27	896
13	Cửa tay, cửa máy	cái	318	68	191	577
14	Loa cầm tay	cái	157	74	40	271
15	Bộ dây cứu hộ - cứu nạn chuyên dụng	mét	2	5.954	14.120	20.076
16	Thang cứu hộ	cái	12			12
17	Đèn pin	cái	1.237	845	159	2.241
18	Ống nhôm	cái	9	1		10

**PHỤ LỤC 2.2.1: TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ TRANG THIẾT BỊ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC PCTT&TKCN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CẨM MỸ**

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng		
			Huyện	Xã, TT	Cộng
1	Áo phao	cái	126	208	334
2	Phao cứu sinh	cái	91	92	183
3	Loa tay	cái	3	17	20
4	Dây dù	m	300	620	920
5	Dây thùng	m		700	700
6	Đèn pin	cái	9	159	168
7	Dây cứu hộ	cuộn	20		20
8	Áo mưa	cái		174	174
9	Ủng cao su	cái		171	171
10	Cửa máy	cái	2	13	15
11	Dù lớn	cái	1		1
12	Nhà bạt	cái	9		9
13	Dao phát cây	cái		65	65
14	Cửa tay	cái		65	65
15	Quần áo cách nhiệt	bộ	3		3
16	Quần áo chống hóa chất	bộ	1		1
17	Quần áo tiêu độc đồng bộ	bộ	2		2
18	Máy bơm	cái	5		5
19	Bình CO2	cái	10		10
20	Dây chữa cháy	mét	150		150
21	Xe chữa cháy	cái	1		1
22	Đồ sơ cứu, máy tạo oxy	bộ	1		1
23	Camera phát hiện nhiệt	bộ	2		2
24	Bình thở dự phòng	bộ	3		3
25	Mặt nạ phòng độc	bộ	2		2
TỔNG CỘNG			741	2284	3025

**PHỤ LỤC 2.2.2: TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ TRANG THIẾT BỊ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC PCTT&TKCN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng		
			Huyện	Xã, TT	Tổng
1	Xe tải các loại	chiếc	10	14	24
2	Xe cứu thương	chiếc	3	3	6
3	Xe mô tô	chiếc	10	28	38
4	Xe lăn	chiếc	20		20
5	Xe chuyên dùng các loại	chiếc	5	10	15
6	Cano	chiếc	1		1
7	Phà	chiếc		10	10
8	Máy bơm	máy	1		1
9	Máy bộ đàm	máy	5		5
10	Máy phát điện	máy	2		2
11	Máy khoan cắt bê tông	máy	5	14	19
12	Phao tròn	cái	257	311	568
13	Áo phao	cái	217	237	454
14	Nhà bạt các loại	cái	19		19
15	Cửa tay	cái	3	31	34
16	Cửa máy	Cái	12	4	16
17	Loa pin cầm tay	cái	2	20	22
18	Bộ dây cứu hộ - cứu nạn chuyên dụng	M	900	2970	3870
Tổng cộng			1472	3652	5124

**PHỤ LỤC 2.2.3: TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ TRANG THIẾT BỊ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC PCTT&TKCN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LONG THÀNH**

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng		
			Huyện	Xã, TT	Tổng
1	Xe tải các loại	chiếc	8	20	28
2	Xe cứu thương	chiếc	5	4	9
3	Xe mô tô	chiếc	4	300	304
4	Xe lăn	chiếc		20	20
5	Xe chuyên dùng các loại	chiếc	3		3
6	Ca nô	chiếc	3		3
7	Ghe cứu hộ	chiếc		5	5
8	Xuồng máy các loại	chiếc	6	20	26
9	Trạm bơm	trạm			
10	Máy bơm	máy			
11	Máy phát điện	máy	3		3
12	Cửa máy các loại	máy	4	15	19
13	Phao tròn	cái	160	389	549
14	Phao bè	cái		6	6
15	Áo phao	cái	265	633	898
16	Dây dù	máy	3.400	11.000	14.400
17	Nhà bạt các loại	bộ	5	15	20
18	Xà beng các loại	cái		20	20
19	Cuốc và xẻng	cái		120	120
20	Cưa tay	cái	4	15	19
Tổng cộng			3.870	12.582	16.452

**PHỤ LỤC 2.2.4: TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ TRANG THIẾT BỊ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC PCTT&TKCN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NHƠN TRẠCH**

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng		
			Huyện	Xã, TT	Tổng
1	Xe tải các loại	chiếc		129	129
2	Xe cứu thương	chiếc	3	2	5
3	Xe mô tô	chiếc	70	271	341
4	Xe lăn	chiếc	30	12	42
5	Xe chuyên dùng các loại	chiếc	2	17	19
6	Ca nô	chiếc	6	6	12
7	Tàu các loại	chiếc			
8	Tàu kiểm ngư	chiếc			
9	Ghe cứu hộ	chiếc	3	154	157
10	Xuồng cứu hộ	chiếc		30	30
11	Phà	chiếc	3		3
12	Xà lan	chiếc			
13	Trạm bơm	trạm			
14	Máy bơm	máy		150	150
15	Máy bộ đàm	máy			
16	Máy phát điện	máy	4	21	25
17	Cửa các loại	máy	5	51	56
18	Máy khoan cắt bê tông	máy	2		2
19	Phao tròn	cái	15	80	95
20	Phao bè	cái			0
21	Áo phao	cái	50	148	198
22	Phao dây	cái			
23	Nệm phao cứu hộ	cái			
24	Thuyền phao	cái			
25	Nhà bạt các loại	bộ	4		
26	Ống nhôm	cái			
27	Súng bắn pháo hiệu	cái			
28	Xe ben các loại	chiếc		200	200
29	Búa các loại	cái			
30	Cuốc và xẻng	cái		565	565
31	Cưa tay	cái		20	20

**PHỤ LỤC 2.2.5: TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ TRANG THIẾT BỊ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC PCTT&TKCN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂN PHÚ**

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng		
			Huyện	Xã, TT	Tổng
1	Xe tải các loại	chiếc	3	109	112
2	Xe cứu thương	chiếc	1	1	2
3	Xe mô tô	chiếc	8	742	750
4	Xe lăn	chiếc	0	43	43
5	Xe chuyên dùng các loại	chiếc	3	0	3
6	Ca nô	chiếc	1	3	4
7	Xuồng máy các loại	chiếc	7	21	28
8	Ghe, xuồng chèo tay	chiếc	19	74	93
9	Phà, xà lan	chiếc	1	2	3
10	Máy bơm	máy	0	146	146
11	Máy bộ đàm	máy	18	0	18
12	Máy phát điện	máy	5	66	71
13	Cửa máy các loại	máy	2	59	61
14	Máy khoan, cắt bê tông	máy	0	15	15
15	Phao tròn	cái	242	70	312
16	Áo phao	cái	214	72	286
17	Phao khác các loại	cái	22	10	32
18	Nhà bạt các loại	bôh	24	3	27
19	Ống nhôm	cái	2	9	11
20	Búa các loại	cái	4	226	230
21	Cuốc, xẻng các loại	cái	15	864	879
22	Vật tư, phương tiện khác	cái	165	280	445
Tổng			756	2815	3571

PHỤ LỤC 2.2.6: TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CÔNG TÁC PCTT&TKCN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THỐNG NHẤT

STT	Danh mục phương tiện, trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Xe ô tô	chiếc	1
2	Xe cứu thương	chiếc	1
3	Xe chữa cháy	chiếc	2
4	Áo phao cứu sinh	cái	100
5	Loa phóng thanh cầm tay	cái	3
5	Áo mưa	cái	30
7	Ứng bảo hộ	đôi	20
8	Võng cá nhân	cái	10
9	Dây cứu hộ	cuộn	4
10	Nhà bạt trung	cái	1
11	Nhà bạt tiểu	cái	1
12	Máy bơm	cái	1
13	Máy phát điện	cái	1
14	Máy cưa cầm tay	cái	3
15	Xuồng Tam Bản	cái	1
Tổng cộng			179

PHỤ LỤC 2.2.7: TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CÔNG TÁC PCTT&TKCN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRẢNG BOM

STT	Danh mục phương tiện, trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Xe tải các loại	chiếc	9
2	Xe bán tải	chiếc	2
3	Xe 16 chỗ	chiếc	1
4	Xe con	chiếc	4
5	Xe chuyên dùng các loại	chiếc	2
6	Xuồng máy các loại	chiếc	6
7	Cưa máy các loại	máy	6
8	Cưa tay	máy	156
9	Dao phát	cái	8
10	Phao tròn	cái	328
11	Áo phao	cái	363
12	Áo phao 3 đai	cái	
13	Áo mưa	cái	227
14	Bao tải	cái	1.000
15	Nhà bạt các loại	cái	9
16	Dây dù	mét	2.100
17	Xà beng các loại	cái	45
18	Cuộc bàn	cái	55
19	Xềng	cái	55
20	Ứng	cái	126
21	Cưa tay	cái	80
22	Đèn chiếu sáng xách tay	cái	93
23	Loa pin cầm tay	cái	3
24	Dây thùng	m	850
25	Móc sắt	cái	32
26	Móc phao	cái	19
27	Bộ dây cứu hộ - cứu nạn chuyên dụng	bộ	200
	TỔNG CỘNG		5.779

PHỤ LỤC 2.2.8: TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CÔNG TÁC PCTT&TKCN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VĨNH CỬU

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Áo mưa	Bộ	603
2	Áo phao	cái	811
3	Bạt che	Tấm 100 m2	700
4	Ca nô	chiếc	9
5	Còi hú	cái	1
6	Cửa máy	cái	8
7	Dây cứu nạn nổi	Cuộn 100m	900
8	Dây dù nhỏ	Cuộn 50m	1.310
9	Dây dù bẹ	Cuộn 50m	450
10	Dù đại in loang	Bộ	1
11	Đèn pin cầm tay dùng pin cục		20
12	Đèn pin sạc cầm tay	cái	313
13	Đèn xạc chiếu sáng khẩn cấp	Cái	2
14	Giường xếp	Cái	1
15	Loa tay	cái	67
16	Máy bộ đàm	Bộ	4.450
17	Máy đào	chiếc	1
18	Máy định vị	cái	1
19	Máy phát cò	cái	1
20	Máy phát điện	cái	6
21	Máy tính bảng Sam Sung	Cái	1
22	Móc phao	cái	22
23	Nhà bạt hầm thùng	cái	1
24	Nhà bạt trung cọc 30m2	Bộ	2
25	Nhà bạt 16,5m2	bộ	10
26	Nón bảo hộ	cái	189
27	Ống nhôm	cái	1
28	Ống nhôm chống thấm - XW13	Cái	1
29	Phao tròn	cái	638
30	Tàu TKCN	chiếc	4
31	Tăng cá nhân	Cái	45
32	Ứng	Đôi	198
33	Võng dù	Cái	25
34	Võng liên mừng	Cái	5
35	Xe cứu hộ các loại	chiếc	5
36	Xe cứu thương	chiếc	3
37	Xe tải tự đổ	chiếc	1
38	Xăng	chiếc	97
39	Xăng gấp USA	cái	6
40	Xuồng nhôm/Composite	chiếc	8
41	Xuồng Composite gắn động cơ	Bộ	1

**PHỤ LỤC 2.2.9: TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ TRANG THIẾT BỊ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC PCTT&TKCN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN XUÂN LỘC**

STT	Danh mục phương tiện, trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Xuồng máy các loại	cái	1
2	Phao tròn	cái	122
3	Nhà bạt 16,5 m ²	cái	2
4	Áo phao	cái	169
5	Móc phao	cái	20
5	Đèn pin	cái	173
7	Máy cưa	cái	11
8	Ủng cao su	cái	60
9	Loa phóng thanh	cái	2
	Tổng cộng	cái	560

**PHỤ LỤC 2.2.10: TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ TRANG THIẾT BỊ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC PCTT&TKCN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

STT	Danh mục phương tiện, trang thiết bị	Đơn vị tính	Ban chỉ huy quân sự	Công an thành phố	Các phường, xã	Tổng cộng
1	Xe tải các loại	chiếc				439
2	Ca nô	chiếc	2	1		3
3	Ghe máy	chiếc			6	6
4	Tàu kéo	chiếc				0
5	Xuồng máy các loại	chiếc	1		2	6
6	Cưa máy các loại	máy	2			20
7	Máy khoan cắt bê tông	máy				1
8	Áo phao	cái	30	50	476	829
9	Nón	cái			130	130
10	Áo mưa	cái	40	40	453	533
11	Ủng nhựa	đôi	40	60	356	456
12	Đèn pin	cái	40	10	275	325
13	Áo phao	cái	175	150	789	1114
14	Phao tròn cứu sinh					790
15	Áo phao 3 đai	cái	75			75
16	Nhà bạt các loại	cái	4			4
17	Búa các loại	cái				9
18	Cuốc và xẻng	cái				10
19	Dây thừng	m	600	150	6040	6790
20	Kèm cộng lực	cái				2
21	Dao rựa	cái				18

**PHỤ LỤC 2.2.11: TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ TRANG THIẾT BỊ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC PCTT&TKCN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH**

STT	Danh mục phương tiện, trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Xe ô tô chở người dưới 16 chỗ	chiếc	3
2	Xe ô tô vận tải	chiếc	1
3	Xe ô tô bán tải	chiếc	3
4	Xe chỉ huy Phòng chống bão lũ	chiếc	3
5	Ca nô	chiếc	2
11	Máy xúc	máy	1
12	Máy ủi, húc	máy	1
14	Máy phát điện	máy	12
15	Cưa máy các loại	máy	11
16	Máy khoan cắt bê tông	máy	4
17	Thiết bị banh, tách bê tông thủy lực	bộ	2
18	Máy đo điện trở chống sét	chiếc	1
19	Thiết bị đo nhiệt	chiếc	4
20	Máy đo dò khí ga	chiếc	2
21	Máy đo chiều dài bằng laze	chiếc	1
22	Phao tròn	cái	281
23	Phao bè	cái	4
24	Áo phao	cái	479
27	Nhà bạt các loại	cái	28
32	Cuốc và xẻng	cái	26
33	Cưa tay	cái	14
34	Bộ đồ lặn	bộ	1
35	Bộ đồ chống cháy	bộ	3
36	Đèn chiếu sáng xách tay	cái	39
37	Đèn pin CHCN dưới nước	cái	25

**PHỤ LỤC 2.2.12: TỔNG HỢP NGUỒN VẬT TƯ DỰ TRỮ PHỤC VỤ CÔNG TÁC UPTT
VÀ SỰ CỐ TẠI CÁC CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA**

Chủng loại vật tư	đơn vị	Vật tư dự trữ cần thiết	Vật tư hiện còn	Vật tư bổ sung
CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA SÔNG MÂY				
Cát	m ³	20	20	
Đá 1x2	m ³	20	20	
Đá hộc	m ³	200	200	
Rọ đá	Cái	100	100	
Bao xác rắn	Bao	500	500	
Vải lọc TS 40	m ²	300	0	300
CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA ĐÀ TÔN				
Cát	m ³	20	20	
Đá 1x2	m ³	20	20	
Đá hộc	m ³	200	200	
Rọ đá	Cái	100	100	
Bao xác rắn	Bao	500	500	
Vải lọc TS 40	m ²	300	300	
CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA GIA UI				
Cát	m ³	20	20	
Đá 1x2	m ³	20	20	
Đá hộc	m ³	200	200	
Rọ đá	Cái	100	100	
Bao xác rắn	Bao	500	250	250
Vải lọc TS 40	m ²	300	300	
CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA CẦU MỐI TUYẾN V				
Cát	m ³	20	20	
Đá 1x2	m ³	20	20	
Đá hộc	m ³	200	200	
Rọ đá	Cái	100	100	
Bao xác rắn	Bao	500	300	200
Vải lọc TS 40	m ²	300	300	
CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA CẦU MỐI TUYẾN VI				
Cát	m ³	20	20	
Đá 1x2	m ³	20	20	
Đá hộc	m ³	200	200	
Rọ đá	Cái	100	100	
Bao xác rắn	Bao	500	200	300
Vải lọc TS 40	m ²	300	140	160
CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA NƯỚC LỘC AN				
Cát	m ³	10	5	5
Đá 1x2	m ³	10	7	3
Đá hộc	m ³	50	50	
Rọ đá	Cái	10	10	
Bao xác rắn	Bao	500	500	
Vải lọc TS 40	m ²	100	76	24
CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA NƯỚC GIA MĂNG				
Cát	m ³	10	10	
Đá 1x2	m ³	10	10	
Đá hộc	m ³	70	70	

Chủng loại vật tư	đơn vị	Vật tư dự trữ cần thiết	Vật tư hiện còn	Vật tư bổ sung
Rọ đá	Cái	10	10	
Bao xác rắn	Bao	500	500	
Vải lọc TS 40	m ²	100	100	
CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA NƯỚC NÚI LE				
Cát	m ³	10	10	
Đá 1x2	m ³	10	10	
Đá hộc	m ³	70	70	
Rọ đá	Cái	10	10	
Bao xác rắn	Bao	500	250	250
Vải lọc TS 40	m ²	85	85	
CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA NƯỚC SUỐI VỌNG				
Cát	m ³	10	10	
Đá 1x2	m ³	10	10	
Đá hộc	m ³	66	66	
Rọ đá	Cái	10	10	
Bao xác rắn	Bao	500	250	250
Vải lọc TS 40	m ²	300	300	
CÔNG TRÌNH HỒ BÀ LONG				
Cát	m ³	10	10	
Đá 1x2	m ³	10	10	
Đá hộc	m ³	50	50	
Rọ đá	Cái	10	10	
Bao xác rắn	Bao	500	500	
Vải lọc TS 40	m ²	0	0	
CÔNG TRÌNH HỒ BÀ HẠO				
Cát	m ³	20	20	
Đá 1x2	m ³	20	20	
Đá hộc	m ³	200	200	
Rọ đá	Cái	100	100	
Bao xác rắn	Bao	500	500	
Vải lọc TS 40	m ²	300	300	

Phụ lục 2.3: Nguồn nhu yếu phẩm dự trữ phục vụ công tác PCTT-TKCN

Danh mục:

Phụ lục 2.3: Tổng hợp nguồn vật tư, nhu yếu phẩm dự trữ phục vụ công tác PCTT-TKCN toàn tỉnh

Phụ lục 2.3.1: Nguồn vật tư, nhu yếu phẩm dự trữ phục vụ công tác PCTT-TKCN của TP Biên Hoà

Phụ lục 2.3.2: Nguồn vật tư, nhu yếu phẩm dự trữ phục vụ công tác PCTT-TKCN trên địa bàn huyện Long Thành

Phụ lục 2.3.3: Nguồn vật tư, nhu yếu phẩm dự trữ phục vụ công tác PCTT-TKCN trên địa bàn Tp Long Khánh

Phụ lục 2.3.4: Danh sách các điểm dự trữ, cung ứng hàng hóa, nhu yếu phẩm thiết yếu trên địa bàn Tỉnh

**PHỤ LỤC 2.3: TỔNG HỢP NGUỒN NHU YẾU PHẨM THIẾT YẾU PHỤC VỤ
CÔNG TÁC PCTT&TKCN TOÀN TỈNH**

STT	Nhu yếu phẩm	Đơn vị tính	Số lượng		
			Tỉnh	Huyện	Tổng
1	Mì ăn liền	Thùng	150.000	19.229	169.229
2	Lương khô	Thùng	120.000	5.400	125.400
3	Gạo	Tấn	200.000	4.785	204.785
4	Nước uống đóng chai	Thùng	40.000	3.350	43.350
5	Thực phẩm khác	Tấn	200		200
6	Xăng	Lít	200.000	22.500	222.500
7	Dầu	Lít	220.000	29.300	249.300
8	Thuốc trị bệnh	Viên		17.600	17.600

**PHỤ LỤC 2.3.1: THÔNG TIN VỀ NHU YẾU PHẨM THIẾT YẾU PHỤC VỤ CÔNG
TÁC PCTT&TKCN CỦA THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

STT	Chủng loại	Đơn vị	Số lượng	Đơn vị chủ trì
1	Thuốc phục vụ phòng chống thiên tai	Cơ số	45	Phòng Y tế TP. Biên Hoà
2	Thuốc gia đình	Cơ số	450	
3	Thuốc chống dịch	Cơ số	45	
4	Thuốc Clomin B	Kg	150	
5	Vật tư y tế cho tuyến thành phố	Cơ số	3	
6	Vật tư y tế cho tuyến xã	Cơ số	62	
7	Hoá chất vệ sinh môi trường	Lít	300	
	Tổng		1.055	

**PHỤ LỤC 2.3.2: THÔNG TIN VỀ NHU YẾU PHẨM THIẾT YẾU PHỤC VỤ CÔNG TÁC
PCTT&TKCN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LONG THÀNH**

STT	Đơn vị	Lương thực, thực phẩm						
		Mỹ ăn liền (thùng)	Đường + sữa (kg)	Gạo (kg)	Thịt (kg)	Muối (kg)	Trứng (quả)	Dầu thắp sáng (lít)
1	Các doanh nghiệp trên địa bàn huyện	2.879	207	4.607	1.612	47	6.407	4.607

2. Vật tư, hóa chất, thiết bị ngành Y.

2.1. Hóa chất:

- Cloramin B: 65 kg.

2.2. Thuốc:

- Biodroxil 45g: 3.000 viên; Azithromycin 200g: 1.000 viên; Ciprofloxacin 45g: 500 viên; Paracetamol 0,5g: 3.000 viên; Berberin 100mg: 100 lọ; Terpin codein: 2000 viên; Decolgen: 2.000 viên; Danzen 10g: 2.000 viên; Neomycin: 100 chai; Oresol: 100 gói; Iodine 2,5g: 100 lọ; Smecta: 700 gói; Antibio 1g: 700 gói; dầu trướng sơn: 300 chai.

2.3. Dụng cụ, vật tư:

- Gạc vô khuẩn loại lớn (300 bịch); Gạc vô khuẩn loại nhỏ (300 bịch); Băng cá nhân (500 miếng); Băng cuộn vải (100 cuộn); Bông gòn 200gr (10 bịch); Que khám miệng (1.000 que); Ống nghe, máy huyết áp (2 bộ); Găng tay vô khuẩn 7,5cm (100 bộ); Găng tay thương (05 hộp); băng cuộn (50 cuộn); Dây ga rô (10 sợi); Nẹp gỗ các loại (10 bộ).

**PHỤ LỤC 2.3.3: THÔNG TIN VỀ NHU YẾU PHẨM THIẾT YẾU PHỤC VỤ CÔNG TÁC PCTT&TKCN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH**

TT	Xã/Phường	Lương thực, thực phẩm						Thuốc y tế (cơ sở)	Nhiên liệu		
		Mỹ ăn liền (thùng)	Lương khô (Thùng)	Gạo (tấn)	Nước uống đóng chai (thùng)	Muối (kg)	Cá hộp (hộp)		Xăng (lít)	Dầu diezen (lít)	Dầu hỏa (lít)
1	Suối Tre	400	400	3	150	1.000	500	Đảm bảo	1.000	500	500
2	Xuân Lập	500	500	5	200	1.000	500	Đảm bảo	1.000	500	500
3	Bàu Sen	200	200	2	100	200	400	Đảm bảo	2.000	1.000	500
4	Hàng Gòn	900	0	6	750	450	750	Đảm bảo	2.000	1.000	1.500
5	Bàu Trâm	5.000	100	50	150	2.000	200	đảm bảo	1.500	700	700
6	Bảo Vinh	3.000	200	30	200	200	100	Đảm bảo	1.500	1.000	300
7	Bảo Quang										
8	Bình Lộc	200	200	2	200	200	400	Đảm bảo	2.000	1.000	500
9	Xuân Hòa	3.500	3.500	40	100	200	200	Đảm bảo	1.500	1.500	1.500
10	Xuân Thanh	100		2	200						
11	Xuân An	150		2	200	100	500	Đảm bảo	200l	500	100
12	Xuân Bình	1.000		3	300				2.500	1.500	1.500
13	Xuân Trung	800		25	500	2.000	500	Bảo đảm	5.000	2.000	1.000
14	Xuân Tân	400	200	6	200	100	100	Đảm bảo	1.000	1.000	500
15	Phú Bình	200	100	2	100	100	200	Đảm bảo	1.500	1.000	7.000
TỔNG CỘNG		16.350	5.400	178	3.350	7.550	4.350	Đảm bảo	22.500	13.200	16.100

PHỤ LỤC 2.3.4: DANH SÁCH CÁC ĐIỂM DỰ TRỮ, CUNG ỨNG HÀNG HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
I	TP Biên Hoà								
1	Công ty TNHH MM Martket Việt Nam TP Biên Hoà	Trần Đình Quyền - Giám đốc Trung tâm - 0905.117.552	47.841	277.515	11.038	38.903	31.553	41.003	15.561
2	Công ty TNHH TMDV ST Coop Mart Biên Hoà	Chị Uyên - Phó Giám đốc - 0911.867.301	38.267	160.000	8.400	32.545	25.000	51.563	11.229
3	Chi nhánh Đồng Nai – Công ty CP siêu thị Vinmart Biên Hòa	Phạm Văn Thuận, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	2.000	12.000	1.800	1.700	2.200	6.000	2.000
4	Công ty TNHH TMDV Quốc tế BigC Đồng Nai	Nguyễn Lê Thanh Thuý - 0978.784.834	14.000	2.034.150	38.910	49.360	53.910	186.510	119.640
5	BigC Tân Hiệp	Thanh Loan - 0343717778	35.000	16.200.000	14.000	52.000	38.000	235.000	125.000
6	Hệ thống cửa hàng Winmart+	Anh Thiết	1.468.440	4.347.356	43.474	270.502	43.474	154.573	115.930
8	Công ty TNHH TMDV Phần mềm Sắc Màu	Bạch Ngọc Tú - 0888203456			30.000	30.000	30.000	30.000	60.000
13	Công ty TNHH Thực phẩm Đồng nai (D&F)	Như Đông - 0986,995,543	1.000						
14	Công ty CP Sài Gòn Lương thực	A Đình - 0909,239,346	20.000						
15	Siêu thị Hoàng Đức - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hoàng Đức	Nguyễn Thị Kim Hoàng - 02513,782,888	5.000	5.000	2.000	5.000	3.000	2.500	8.000
16	Công ty Cổ phần hữu hạn Vedan						13.300		
17	Chuỗi Bách Hóa Xanh	TP Biên Hòa	77.800	48.183	12.788	38.747	82.318	200.095	82.522
18	Chuỗi cửa hàng Winmart+	TP Biên Hòa 0938933453	16.000	3.000	800	1.500	600	1.200	1.200
19	Chuỗi cửa hàng GS25 VietNam	TP Biên Hòa 0937539488	59.000	70.200	18.000	18.000	18.000	18.000	2.400
20	HTX KD TH Dầu Giây	Ông Trương Trung - 0986577090	1.000	100	0	0	100	100	100

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
21	HTX TMDV Phương Lâm			310		900	1.400	8.000	860
22	Lê Thị Thu Minh	K14, chợ Biên Hòa	8.000						190
23	Nguyễn Thanh Hồng	K2,K3,K4 chợ Biên Hòa	9.500						
25	Lê Văn Nguyên	11; 12 khu phố chợ Tân Hiệp	1.000						
27	Đoàn Thị Hồng Cúc	75 Sạp lồng phụ chợ Tân Hiệp		300	15	10	5	10	10
31	Hồ Văn Thơm	H1-G1chợ Hóa An				2.000	500	1.000	
32	Lê Khắc Uyên	K4, chợ Hóa An							
34	Trần Minh Trung	H11 chợ Hóa An		2.000					
38	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Chợ Tân Phong	35.000						
39	Đào Thị Phượng	Chợ Tân Phong							400
40	Trần Thị Thu	188, Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng	30.000	3.000	200	1.000	500	300	400
41	Lương Thị Mai	Kiot 36, chợ Tam Hòa				700	1.300	1.100	750
42	Đào Thị Mừng	Sạp 133, chợ Tam Hòa				700	1.300	1.100	750
43	Bùi Thị Hòa	23/5 tổ 17, KP1, phường Tam Hòa				600	1.300	1.000	700
II	Huyện Vĩnh Cửu								
4	Cửa hàng tạp hóa Cô Mỹ	ấp 2, xã Vĩnh Tân				200	100	100	100
5	Cửa hàng tạp hóa Thuận Phong	ấp 3, xã Vĩnh Tân				100	50	50	50
6	Cửa hàng tạp hóa Thu Hùng	KP5, TT Vĩnh An				100	50	50	50
7	Cửa hàng tạp hóa Liên Phương	KP5, TT Vĩnh An				200	100	100	100
8	Cơ sở xay xát Đức Thuận	KP3, TT Vĩnh An	10.000						
9	Cửa hàng tạp hóa Tổ Ngân	ấp 1, xã Mã Đà				100	50	100	80
10	Cửa hàng tạp hóa Sơn Nhung	ấp 1, xã Trị An				200	100	150	200
11	Cửa hàng tạp hóa Minh Hạnh	ấp Bình Chánh, xã Tân An				100	50	50	50
12	Cửa hàng tạp hóa Sứu	ấp 6-7, xã Thiện Tân				100	50	100	100
13	Cửa hàng tạp hóa Phú Hương	ấp 2, xã Thạnh Phú				200	100	200	150

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
14	Cửa hàng tạp hóa Kim Chi	ấp Bình Thạch, xã Bình Hòa				200	100	200	150
15	Vĩnh Cửu -Chợ Phú Lý	Ấp Lý Lịch 1, xã Phú Lý	5.000	100	300	2.000	400	500	300
16	Vĩnh Cửu -Chợ Mã Đà	ấp 1, xã Mã Đà	2.000	50	100	200	200	300	200
17	Vĩnh Cửu - Chợ Hiếu Liêm	ấp 3, xã Hiếu Liêm	2.000	80	100	300	300	300	300
18	Vĩnh Cửu -Chợ Khu phố 1	KP1, TT Vĩnh An	1.000	100	100	200	100	200	300
19	Vĩnh Cửu -Chợ Bình Lợi	ấp 3, xã Bình Lợi	1.000	100	100	200	100	200	200
20	12 Điểm bán hàng bình ổn giá	11 xã, thị trấn Vĩnh An				1.500	1.200	1.600	1.000
21	Hệ thống 06 cửa hàng Bách Hóa Xanh	Xã Tân Bình, Thạnh Phú, Vĩnh An, Phú Lý	6.000	300	600	1.200	1.200	1.200	1.200
22	Cơ sở xay xát Đức Thuận	Khu phố 3, thị trấn Vĩnh An	30.000						
23	Cơ sở xay xát Diệp Văn Hòa	ấp 6-7, xã Thiện Tân	100.000						
24	Cơ sở xay xát Nguyễn Văn Cọp	Ấp Vàm, xã Thiện Tân	10.000						
25	CS xay xát Nguyễn Văn Danh	Ấp Vàm, xã Thiện Tân	30.000						
26	CS xay xát Nguyễn Văn Vàng	Ấp Vàm, xã Thiện Tân	180.000						
35	Hệ thống 600 cửa hàng tạp hóa	12 xã, thị trấn	100.000	1.800	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000
III	Huyện Long Thành								
1	Cơ sở Tấn Phước	ấp 1, xã Long An: 0918 563 896	22.000	0	0	0	0	0	0
2	Bách hóa xanh	TT Long thành -ĐT: 0909007067	4.500	450.000	6.750	135.800	4.500	22.500	22.500
3	Vinmart	Số 251 Lê Duẩn, TT Long Thành, ĐT: 0907 285 238	2.500	14.000	1.900	2.000	2.300	6.700	2.300
4	Công ty CP DVTH Vincom Merce-ST Vinmart Long Thành		14.200	77.000	10.500	12.200	12.500	36.000	12.000
IV	Huyện Tân Phú								
	Xã Phú Lâm								
9	Nguyễn T T Hồng				100	300	150	300	200
10	Hoàng Thị Dậu	0971090327			100	300	150	300	200

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
11	Phạm Thị Hoa	0797382871			100	300	150	300	200
12	Lương Thị Hồng	0379900417			100	300	150	300	200
13	Trần T Mai Hằng	0368530749			100	300	150	300	200
14	Nguyễn Hồng	038507983			100	300	150	300	200
15	Nguyễn Thị Chi				100	300	150	300	200
16	Võ Thị Tình	0976303252			100	300	150	300	200
17	Phạm Văn Đồng	0394203050			100	300	150	300	200
18	Nguyễn Thị Châu	0369377543			100	300	150	300	200
19	Lê T Kim Anh	0917661227			100	300	150	300	200
20	Vòng Thị Nhung	0975822741			100	300	150	150	200
21	Nguyễn Thị Dung	0978519591			100	300	150	150	200
22	Nguyễn Thị Mai	02513661072			100	300	150	150	200
23	Nguyễn Thị Kiều Linh	0835352005			100	300	150	150	200
24	Lương Thị Hồng Nga	0379900417			100	300	150	150	200
25	Nguyễn Từ Dung	0393352232			100	300	150	150	200
	Các Cửa hàng BHX								
26	Bách hóa xanh thị trấn Tân Phú	khu 5, thị trấn Tân Phú			50	100	50	100	50
27	Bách hóa xanh Phương Lâm	Ấp Phương Mai 1, Xã Phú Lâm			50	100	50	50	50
28	Bách hóa xanh Phú Điền	Ấp 3, xã Phú Điền			50	100	50	50	50
29	Bách hóa xanh Phú Lộc	Ấp 6, xã Phú Lộc			50	100	50	50	50
30	Bách hóa xanh Phú Lập	Ấp 3, xã Phú Lập			50	100	50	50	50
31	Bách hóa xanh Phú Xuân	Ấp Ngọc Lâm 1, xã Phú Xuân			50	100	50	50	50
	Cửa hàng bán hàng Việt								
32	Vĩnh Thịnh	Đường Thanh Sơn-Phú An			20	300	100	50	100
33	Bảy Nhanh	Đường 600A			20	300	100	50	100
34	Phương phượng	Đường Tà Lài			20	300	100	50	100
35	Khánh Dung	Đường Phú Lập-Núi Tượng			20	300	100	50	100
36	Nhật Vy	Đường Tà Lài			20	300	100	50	100

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
37	Cát Tường	Đường 30-4			20	300	100	50	100
38	Long Khâm	Đường Trà Cỏ			20	300	100	50	100
39	Huyền Vũ	Đường Quốc lộ 20			20	300	100	50	100
	TT Tân Phú								
40	Tạp hóa Thống Bình	0,844445556			30	500	300	50	200
41	Tạp hóa Xuân Thu	0975572979			30	500	300	50	200
42	Tạp hóa Trung Hiếu	02513696083			30	500	300	50	200
43	Tạp hóa Chiêu Hà	0978343080			30	500	300	50	200
44	Tạp hóa Huệ	Ấp Phú Lâm 3 -Phú Sơn				200	100	100	100
45	Tạp hóa Quang Vinh	Ấp Phú Lâm 3 -Phú Sơn				100	50	50	50
46	Tạp hóa Tăng	Ấp Phú Lâm 5 -Phú Sơn				100	50	50	50
47	Tạp hóa Phương Uyên	Ấp Phú Lâm 5 -Phú Sơn				200	100	100	100
48	Tạp hóa Thu Lại	Ấp Phú Lâm 5 -Phú Sơn							
49	Tạp hóa Thanh Liêm	Ấp Phú Lâm 5 -Phú Sơn				100	50	100	80
50	Tạp hóa Việt Lan	Ấp Phú Lâm 5 -Phú Sơn				200	100	150	200
51	Tạp hóa Kim Tuyến	Ấp Phú Lâm 5 -Phú Sơn				100	50	50	50
52	Tạp hóa Kim Dung	Ấp Phú Lâm 5 -Phú Sơn				100	50	100	100
53	Tạp hóa Thu Sương	Ấp Phú Lâm 5 -Phú Sơn				200	100	200	150
54	Cửa hàng tạp hóa Kim Chi	Ấp Phú Lâm 4 -Phú Sơn				200	100	200	150
V	Huyện Trảng Bom								
1	BHX - 15 Bình Minh	ấp Trà Cỏ, Xã Bình Minh	5.000	200	150		200	200	
2	BHX595 An Chu	595 An Chu, Xã Bắc Sơn	6.000	200	1.000	1.000	500	500	50.000
3	BHX 67 Đường 2/9	Số 67 Đường 2/9, TT Trảng Bom	5.000	100	1.334	1.000	1.000	700	50.000
4	BHX - 10 Phú Sơn	Số 10 Phú Sơn, Xã Bắc Sơn	4.000	150					
5	BHX 54/4 Hồ Nai 3	Ấp Thanh Hóa, Xã Hồ Nai 3	6.000	200					
6	BHX 219 Đường 3 Tháng 2	219 đường 3/2, TT Trảng Bom	4.000	200	250		500	500	20.000
7	BHX 97 Hùng Vương	97 Hùng Vương, TT Trảng Bom	5.000	200	300	600	1.000	500	10.000
8	BHX DON TBO - Đường 767	Đường 767, Tổ 17, Ấp An Chu, Xã	5.000	100					10.000
9	BHX 02/1 Nhân Hòa	02/1, Ấp Nhân Hòa, Xã Tây Hòa	4.500	150	250	500	500	100	15.000

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
10	BHX 483 QL1A Đông Hòa	483 Quốc lộ 1A, Xã Đông Hòa	4.000	200			500		15.000
11	BHX 209 Tổ 10 Sông Trầu	209 Tổ 10, Ấp 5, Xã Sông Trầu	3.500	150	450	400	500	300	10.000
12	BHX Cây Gáo (Thanh Bình)	Đường Cây Gáo - Xã Thanh Bình	3.500	150	250	300	500	300	30.000
13	BHX 344 Xây Dựng	344 Ấp Xây Dựng, Xã Giang Điền	3.000	150					25.000
14	BHX 235 Yên Thế	235 Yên Thế, Xã Hồ Nai 3	3.000	200	240	200	400	200	25.000
15	BHX Hưng Thịnh	Ấp Hưng Long, Xã Hưng Thịnh	2.700	200	240	200	400	100	30.000
16	BHX Tân Hưng	355 Tổ 2, Ấp Tân Hưng, Xã Đồi 61	2.900	150	250	300	500	100	30.000
17	HTX Hòa Phát	ấp Lộc Hòa xã Tây Hòa	40.000	300	100	30.000			500
18	Bùi Thị Quyên	234 ấp Thái Hòa, Hồ Nai 3	28.000						
19	Mai Văn Hiếu	ấp Thanh Hóa, Hồ Nai 3	28.000						
20	Trần Sướng	ấp Thanh Hóa, Hồ Nai 3	50.000						
21	Mai Văn Hiếu	ấp Thanh Hóa, Hồ Nai 3	40.000						
22	DĐường Thị Thủy	ấp Thanh Hóa, Hồ Nai 3	35.000						
23	Vũ Thị Nhài	ấp Thanh Hóa, Hồ Nai 3	35.000						
24	HTX Hòa Phát	ấp Lộc Hòa xã Tây Hòa	40.000						
25	HTX Hòa Phát	ấp Nhân Hòa xã Tây Hòa	50.000						
26	01 Điểm bán hàng Việt	K2, ấp An Bình xã Trung Hòa	40.000						
27	Hà Ngọc Lan	ấp Tân Thịnh xã Đồi 61	60.000						
28	Ngô Thị Ngọc Hân	ấp Tân Thịnh xã Đồi 61	40.000						
29	Vũ Thị Thu Nga	ấp Tân Thịnh xã Đồi 61	30.000						
30	Nguyễn Thị Kim Hậu	ấp Tân Thịnh xã Đồi 61	40.000						
31	Nguyễn Thị Cẩm Tú	ấp Tân Thịnh xã Đồi 61	50.000						
32	Nguyễn Thị Hoa	ấp Tân Thịnh xã Đồi 61	35.000						
33	Lê Thị Đào	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn	45.000						
34	Nguyễn Bích Hồng	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn	45.000						
35	Hoàng Thị Khuyên	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn	50.000						
36	Nguyễn T Tảo	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn	40.000	560	200				
37	Nguyễn Thị Hương	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn	35.000	500	150				
38	Trần Văn Thành	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn	43.000		150				

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
39	Nguyễn Tiến Dũng	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	45.000		150				
40	Nguyễn Thị Hà	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	50.000		150				
41	Dương Phúc Hưng	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	50.000		200				
42	Nguyễn T Kim Thư	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	45.000		200				
43	Nguyễn Thị Thân	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	35.000		200				
44	Dương Kim Thảo	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	25.000		200				
45	Đặng Thị Hạnh	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	40.000		200				
46	Trần T Kim Nhung	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	45.000		200				
47	Phan Đình Hiền	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	45.000		150				
48	Phạm Văn Thành	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	35.000	300	150				
49	Nguyễn Thị Tho	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	45.000	100	100				
50	Trần T Bích trâm	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	40.000		100				
51	Nguyễn Thị Như	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	35.000		100				
52	Đỗ Cao Cường	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	35.000		100				
53	Nguyễn Như Quân	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	40.000		200				
54	Trần Thị Ngoan	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	40.000		250				
55	Trần Thị Hoa	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	40.000		250				
56	Nguyễn Ngọc Thanh	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	30.000		250				
57	Nguyễn T Thùy Trang	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	25.000		200				
58	Bùi Thị Nhân	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	40.000		200				
59	Trần T Thanh Thảo	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	40.000		200				
60	Đặng Văn Thủy	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn	25.000		200				
61	Hoàng Đặng T Dương	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn			200				
62	Trần T Thu Thủy	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn			250				
63	Trần Thị Sửu	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn			300				
64	Nguyễn Văn Toàn	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn		90	250				
65	Nguyễn Thị Duyên	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn			250				
66	Nguyễn Thị Yên	Chợ Sông mây, xã Bắc Sơn			200				

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
67	Mai Văn Dương	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn			100				
68	Phan Thị Hường	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn			100				
69	Tạ Thị Tơ	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn			150				
70	Trần Thị Hằng	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn			150				
71	Đào Thị Hà	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn			250				
72	Lâm Thị Thê	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn			250				
73	Hà Văn Cảnh	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn			100				
74	Vũ Thị Tuyết	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn			100				
75	Phan T Mỹ Phúc	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn			100				
76	Phạm Văn Thuột	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn			250				
77	Nguyễn Văn Lâm	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn			250				
78	Nguyễn Hữu Phước	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn			250				
79	Nguyễn Thị Nhung	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn			150				
80	Lý T Sang Đông	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn			150				
81	Ngô T Mỹ Lộc	Chợ Sông Mây, xã Bắc Sơn			250				
82	Hoàng Thị Nụ		40.000						
83	Nguyễn Văn Thắng (Dung)		60.000						
84	Nguyễn Đức Tam		40.000						
85	Nguyễn Quang Thịnh		30.000						
86	Nguyễn Thị Diễm	Cây xăng Kiện Bình xã Bắc Sơn	40.000						
87	Hoàng Văn Lập	PH trường TH Diên Hồng xã Bắc Sơn	50.000						
88	Nguyễn Văn Vụ		35.000						
89	Hoàng Hữu Lập		45.000						
90	Vũ Văn Lâm		45.000						
91	Phạm Thị Tươi		50.000						
92	Lê Văn Bình		40.000						
93	Đặng Thị Kim Duyên		35.000						
94	Đồng Thị Lắm		43.000						
95	Bùi Thị Nhài		45.000						

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
96	Bùi Thị Sao		50.000						
97	Khu vực mái ấm Phan Xinh		50.000						
98	Trương Hùng Dũng	Ấp An Bình, xã Trung Hòa	45.000						
99	Nguyễn Đức Dũng	Ấp An Bình, xã Trung Hòa	35.000						
100	Nguyễn Văn Điều	Ấp An Bình, xã Trung Hòa	25.000						
101	Nguyễn Đức Lượng	Ấp An Bình, xã Trung Hòa	40.000						
102	Nguyễn Văn Sở	Nguyễn Huệ, TT Trảng Bom	45.000						
103	Trần Hoàng Việt	Ấp An Bình, xã Trung Hòa	45.000						
104	Đào Quang Tuyên	Ấp An Bình, xã Trung Hòa	35.000						
105	Tô Thanh Tuấn	Ấp An Bình, xã Trung Hòa	45.000						
106	Trần Minh Sơn	Ấp An Bình, xã Trung Hòa	40.000						
107	Trần Thị Bích Thủy	Chợ Sông Thao, xã Sông Thao	35.000						
108	Nguyễn Ngọc Yến	Chợ Sông Thao, xã Sông Thao	35.000						
109	Thân Thị Tới	Chợ Sông Thao, xã Sông Thao	40.000						
110	Vũ Thị Hường	Đường 7Km xã Đông Hòa				150		200	200
111	Nguyễn Thị Nghi	Đường 7Km xã Đông Hòa				1.000	1.000	500	500
112	Đại lý gạo Thành Phát	Đường 7Km xã Đông Hòa				1.334	1.000	1.000	700
113	Nguyễn Thị Cẩm Thi	Đường 7Km xã Đông Hòa							
114	Hoàng Khánh	52 (Đông Hòa 5 QĐ)							
115	Huỳnh Thị Giang	Đường Đông Hòa 5 QĐ				250		500	500
116	Nguyễn Thị Thương	Khu 3 Quảng Đà xã Đông Hòa				300	600	1.000	500
117	Hoàng Viêt Chiêu	Khu 3 Quảng Đà xã Đông Hòa							
118	Nguyễn Khánh Phước	Khu 3 Quảng Đà xã Đông Hòa				250	500	500	100
119	Phạm Hoàng Quỳnh	Khu 3 Quảng Đà xã Đông Hòa						500	
120	Lê Thanh Trúc	Khu 3 Quảng Đà xã Đông Hòa				450	400	500	300
121	Nguyễn Quốc Tuấn	Khu 3 Quảng Đà xã Đông Hòa				250	300	500	300

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
122	Bùi Trường Doan	Khu 3 Quảng Đà xã Đông Hòa							
123	Lương Thị Hồng	Khu 3 - Trung Hòa				240	200	400	200
124	Nguyễn Thị Thủy	An Bình- Trung Hòa				240	200	400	100
125	Nguyễn Thị Tầm	An Bình- Trung Hòa				250	300	500	100
126	Nguyễn Thành Trung	An Bình- Trung Hòa				100	30.000		
127	Tạ Thị Phương	An Bình- Trung Hòa					150		200
128	Nguyễn Thị Thảo Oanh	An Bình- Trung Hòa					1.000	1.000	500
129	Phạm Thị Hương	An Bình- Trung Hòa					1.334	1.000	1.000
130	Trần Thị Tuyết Hạnh	ĐH 11A-Hòa Bình							
131	Phan Thị Lỗi	An Bình- Trung Hòa							
132	Lê Thị Mộng Hiền	Đường Sau chợ					250		500
133	Võ Thị Bích Dân	An Bình- Trung Hòa					300	600	1.000
134	Nguyễn Anh Vũ	An Bình- Trung Hòa							
135	Đỗ Thị Bích Thuận	Khu 1 An Bình- Trung Hòa					250	500	500
136	Bùi Thị Tuyết	An Bình- Trung Hòa							500
137	Nguyễn Thị Bằng	Đường 7Km-Hòa Bình					450	400	500
138	Vũ Thị Gia	An Bình- Trung Hòa					250	300	500
139	Phạm Thị Mỹ Diệu	Đường 7Km-Hòa Bình							
140	Mai Thị Thu Thùy	Bàu Cá-Trung Hòa					240	200	400
141	Lê Thị Hương	Hòa Bình-Đông Hòa					240	200	400
142	Nguyễn Thị Huệ	Quảng Đà - Đông Hòa					250	300	500
143	Vũ Thị Duyên	Quảng Đà - Đông Hòa					100	30.000	
144	Ngô Thị Truyền	An Bình- Trung Hòa			150		200	200	
145	Trần Thị Minh Hiếu	An Bình- Trung Hòa			1.000	1.000	500	500	50.000
146	Đinh Ngọc Bi	An Bình- Trung Hòa			1.334	1.000	1.000	700	50.000

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
147	Nguyễn Thị Liên	An Bình- Trung Hòa			250		500	500	20.000
148	Nguyễn Thị Rở	An Bình- Trung Hòa			300	600	1.000	500	10.000
149	Nguyễn Quyền Trang	An Bình- Trung Hòa							10.000
150	Nguyễn Thị Thúy Oanh	An Bình- Trung Hòa			250	500	500	100	15.000
151	Trần Thị Sao	An Bình- Trung Hòa					500		15.000
152	Nguyễn Thị Hường	An Bình- Trung Hòa			450	400	500	300	10.000
153	Vũ Thị Sợi	An Bình- Trung Hòa			250	300	500	300	30.000
154	Lê Thị Thanh Hà	An Bình- Trung Hòa							25.000
155	Lê Thị Kiều Loan	An Bình- Trung Hòa			240	200	400	200	25.000
156	Lê Thị Kiều Tiên	Trung Hòa			240	200	400	100	30.000
157	Hồ Thị Bưởi	Trung Hòa			250	300	500	100	30.000
158	Ngô Thị Kim Tiến	Quảng Đà - Đông Hòa			100	30.000			500
159	Phạm Thị Loan	Quảng Đà - Đông Hòa			150		200	200	
160	Hà Thị Kim Oanh	An Bình- Trung Hòa			1.000	1.000	500	500	50.000
161	Bùi Thị Thúy Hằng	Quảng Đà - Đông Hòa			1.334	1.000	1.000	700	50.000
162	Trần Thị Hường	Quảng Đà - Đông Hòa			250		500	500	20.000
163	Nguyễn Thị Thu Nhị	Quảng Đà - Đông Hòa			300	600	1.000	500	10.000
164	Hà Thị Kim Phượng	Quảng Đà - Đông Hòa							10.000
165	Lê Thị Tuyết Tâm	Quảng Đà - Đông Hòa			250	500	500	100	15.000
166	Nguyễn Thị Lan	Quảng Đà - Đông Hòa					500		15.000
167	Võ Thị Ngọc Trinh	Quảng Đà - Đông Hòa			450	400	500	300	10.000
168	Nguyễn Thị Thanh	Quảng Đà - Đông Hòa			250	300	500	300	30.000
169	Đinh Bình An	Quảng Đà - Đông Hòa							25.000
170	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Quảng Đà - Đông Hòa			240	200	400	200	25.000
171	Phạm Thị Dung	Quảng Đà - Đông Hòa			240	200	400	100	30.000

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
172	Lê Thị Thùy	Quảng Đà - Đông Hòa			250	300	500	100	30.000
173	Nguyễn Thị Vân	Quảng Đà - Đông Hòa			100	30.000			500
174	Chu Thị Lộc	Quảng Đà - Đông Hòa			240	200	400	100	30.000
175	Nguyễn Thị Quốc Khánh	Quảng Đà - Đông Hòa			250	300	500	100	30.000
VI	Huyện Định Quán								
1	Chợ Phú Lợi	Ấp 2, xã Phú Lợi	200	2.000	5.000	10.000	7.500	25.000	5.000
2	Chợ trung tâm TT Định Quán	KP Hiệp Đồng, TT Định Quán	400	4.000	10.000	20.000	1.000	30.000	20.000
3	Chợ Ngã ba Gia Canh	KP Hiệp Quyết, TT Định Quán	100	1.000	1.000	5.000	1.000	1.000	1.000
4	Chợ xã Gia Canh	Ấp 2, xã Gia Canh	100	1.000	1.000	5.000	1.000	1.000	1.000
5	Chợ Suối Nho	Ấp chợ, xã Suối Nho	100	1.000	1.000	5.000	1.000	1.000	1.000
6	Chợ Phú Túc	Ấp chợ, xã Phú Túc	100	1.000	1.000	5.000	1.000	1.000	1.000
7	Chợ Túc Trung	Ấp Hòa Bình, xã Túc Trung	100	1.000	1.000	5.000	1.000	1.000	1.000
8	Chợ Phú Hòa	Ấp 3, xã Phú Hòa	100	1.000	1.000	5.000	1.000	1.000	1.000
9	Chợ Phú Cường	Ấp Phú Tân, xã Phú Cường	100	1.000	1.000	5.000	1.000	1.000	1.000
10	Chợ La Ngà 102	Ấp 1, xã La Ngà	100	1.000	1.000	5.000	1.000	1.000	1.000
11	Chợ 105 Phú Ngọc	Ấp 2, xã Phú Ngọc	100	1.000	1.000	5.000	1.000	1.000	1.000
12	Chợ Thanh Sơn	Ấp 1, xã Thanh Sơn	100	1.000	1.000	5.000	1.000	1.000	1.000
13	Chợ ngã ba 107	Ấp Hòa Trung, xã Ngọc Định	100	1.000	1.000	5.000	1.000	1.000	1.000
14	Chợ Phú Vinh	Ấp 4, xã Phú Vinh	100	1.000	1.000	5.000	1.000	1.000	1.000
15	HTX NN Thanh Sơn	Ấp 1 xã Thanh Sơn	100	1.000	1.000	5.000	1.000	1.000	1.000
16	Bách hóa xanh số 58	Số 14, phố 1, ấp 3, xã Phú Vinh	290	237	44	32	53	63	63
17	Bách hóa xanh số 37	KP Hiệp Quyết, thị trấn Định Quán	300	222	44	34	54	66	64
18	Bách hóa xanh 72	222 Nguyễn Trãi, TT Định Quán	210	163	35	24	38	54	57
19	Bách hóa xanh Đồng Nai số 119	Số 40/4, ấp 1, xã La Ngà	210	166	41	25	37	52	57
20	Cửa hàng Bách hóa xanh số 40	Số 1, ấp Chợ, xã Phú Túc	220	167	41	18	46	56	55
21	Cửa hàng Bách hóa xanh số 56	Số 1, DT 763, ấp 3, xã Suối Nho	210	178	40	18	41	60	54
22	Cửa hàng Bách hóa xanh số 66	ấp Phú Tân, xã Phú Cường	195	135	36	19	43	49	49

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
23	Cửa hàng Bách hóa xanh số 86	Số 13,QL 20, xã Phú Ngọc	215	168	40	26	41	64	60
24	Cửa hàng Bách hóa xanh số 160	Ấp 1 xã Thanh Sơn	195	135	36	19	43	49	49
25	Công ty CP Mía đường La Ngà	Xã La Ngà				50.000			
26	Cửa hàng Bảo An	Thị trấn Định Quán	20					2.000	700
27	Cửa hàng Hùng Thu	Ấp 5 xã Phú Tân	20	50	100	500		1.500	500
28	Cửa hàng Thùy Loan	Thị trấn Định Quán						1.000	700
29	Cửa hàng Quang Hùng	Ấp 3 xã Thanh Sơn	20					1.000	400
30	Hộ KD Nguyễn Thị Bé Trâm	Chợ 107 Phú Ngọc	20					1.000	400
31	Hộ KD Hồ Thị Kim Dung	Chợ La Ngà	20					1.000	400
32	Hộ KD Trương Bảo Hà	Ấp Hòa Trung, xã Ngọc Định	20					1.000	400
33	Hộ KD Vũ Thị Thu Hương	Ấp 2 Xã Phú Tân	20					1.000	400
34	Nm xay xát Tuấn Thảo	Ấp 1, xã Phú Hòa	200						
35	Nhà máy xay xát Đào Văn Lệ	Ấp 2, xã Phú Hòa	100						
36	NM xay xát Nguyễn Đức Hiền	Ấp 2, xã Phú Hòa	100						
37	Nhà máy xay xát Tân Phú	Khu phố 114, thị trấn Định Quán	300						
VII	Huyện Cẩm Mỹ								
1	HTX TMDV NN Quyết Tiến	0907670369	5	500	50	70	70	100	150
2	HTX TMDV NN Bình Minh	0907617599	3	450	30	50	50	80	100
3	Tạp hóa Cúc Bửu	0978252721	3	500	30	50	50	80	100
4	CHTL Phúc Khang	0977096776	2	500	30	50	50	80	100
5	Bách hóa Phát Lộc	0907934141	1	300	30	50	50	80	100
6	HTX TMDVNN Sông Ray	0903990404	3.000	1.000	10	15	10	500	300
7	HTX TMDVNN Bảo Bình	0918744225	3.000	1.000	10	15	10	500	300
8	CH Võ Văn Hiệp	0978313858		1.000	15	20	15	1.000	850
9	CH Hà Mỹ Trinh	0793850256		100	5	5	5	150	50
10	Tạp hóa Sơn Liên	0764290481	1.000	1.000	20	30	20	1.000	850

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
11	Tạp hóa Cúc Bửu	0978252721	1.000	1.000	20	30	20	1.000	850
12	Tạp hóa Ánh Linh	0907564368	1.000	1.500	25	30	25	1.000	850
13	Châu Xuân Thành	0973674491	1.000	1.700	25	30	25	950	700
14	Lê Thị Kiều Loan	0937641263	88.000			30			
15	Nguyễn Công Hạnh	0335267745		1.800	25	30	25	950	700
16	Lò mổ Xuân Phương (10 điểm)	0909259278				30			
17	Cầm Mỹ - Các chợ		125.000	3.000	150	200	150	35.000	30.000
18	Các điểm kinh doanh gạo		1.250.000						
19	Các điểm tạp hóa		81.000	245.000	23.500	30.000	23.500	50.000	40.000
VIII	Huyện Nhơn Trạch								
1	Chợ Đại Phước	ấp Phước Lý, xã Đại Phước	18.000	550	100	1.000	750	1.000	890
2	Chợ Long Thọ	Ấp 1, xã Long Thọ. 0938711920	2.500	900	250	400	150	450	300
3	Điểm Mua Bán TMDV Ấp 4	Ấp 4, xã Long Thọ. 0937201459							
4	Tạp Hóa Thanh Thảo	Ấp 3, xã Long Thọ. 0906923894	200	300	170	160	220	225	170
5	Tạp Hóa Thanh Hồng	Ấp 5, xã Long Thọ. 0937965769	300	65	60	85	55	90	60
6	Tạp Hóa Trang	Ấp 1, xã Long Thọ. 0902885957	500	25	40	60	35	55	45
7	Huỳnh Thị Em	Ấp 4 xã Long Thọ. 0784339345	350	30	55	75	20	40	30
8	Trứng gà 7 ben	Ấp 2, xã Long Thọ. 0784170667							
9	Huỳnh Thị Nhiều	Ấp 2, xã Long Thọ. 0908906711		35	55	40	32	55	25
10	Nguyễn Thị Bích Phượng	Ấp 3, xã Long Thọ. 0907869961		30	50	80	40	55	40
12	Hoàng Thị Tân	Ấp 3, xã Long Thọ. 0792675538	1.200						
13	Nguyễn Văn Hoàng	Ấp 3, xã Long Thọ	600	25	35	55	35	40	40
14	Võ Thanh Tòng	Ấp 1, xã Long Thọ.: 0938939601	4.000						
15	Đoàn Thị Ba	ấp 5 - 0374268525	120	30	45	60	45	60	27
16	Nguyễn Thị Nhụy	Ấp 2, xã Long Thọ. 0933824403		25	27	32	10	35	22

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
17	Nguyễn Thị Minh Thanh	Ấp 3, xã Long Thọ: 0982528618	4.000						
18	Nguyễn Thị Duyên	ấp Trầu, Phước Thiện; 0938145922	1200	50	100	100	50	50	60
19	Nguyễn Văn Trương	ấp Trầu, Phước Thiện; 0251849002	580	50	50	100	60	40	40
20	Hoàng văn Hiền	ấp Bến cam xã Phước Thiện;	360	30	60	100	40	50	60
21	Lê Hà Hải	ấp Bến sắn xã Phước Thiện;		30	50	150	40	60	60
22	Cửa hàng Bảo Ngọc	ấp Bến Bền sắn xã Phước Thiện		120	100	300	100	300	250
23	Cửa hàng Hoàng Ân	ấp Bến cam xã Phước Thiện		100	150	200	200	120	120
24	Cửa hàng Vinh Quang	ấp Bến sắn xã Phước Thiện		150	100	200	100	200	100
25	Chợ Phước Khánh	Ấp 2, xã Phước Khánh		200	1.800	2.500	300	550	350
26	Cửa hàng Nguyễn Thị Kim Loan	Ấp 2, xã Phước Khánh	4.000						
27	Cửa hàng Nguyễn Thị Hà	Ấp 2, xã Phước Khánh	6.000						
28	Cửa hàng Tạ Văn Đen	Ấp 2, xã Phước Khánh	7.000						
29	Cửa Hàng Võ Hoàng Trung	Ấp 2, xã Phước Khánh		200	1.000	500	100	200	400
30	Cửa hàng Bùi Nghĩa Vân	Ấp 2, xã Phước Khánh		30	300	300	100	150	
31	Cửa Hàng Nguyễn Thị Kim Thu	Ấp 2, xã Phước Khánh		5	100	100	40	60	30
32	Cửa hàng Nguyễn Thị Hồng Đào	Ấp 2, xã Phước Khánh	1.500						
33	Cửa hàng Trịnh Thị Lan	Ấp 2, xã Phước Khánh		2	10	10	15	10	7
36	Cửa hàng tạp hóa Khánh Linh	Ấp 2, 0366039439	300	100	35	50	15	20	25
37	Cửa hàng tạp hóa Hải Minh	Ấp 3, 0925667088		50	30	40	10	20	35
38	Cửa hàng tạp hóa Hai Thuận	Ấp 3, 02513582123	500	150	40	50	20	25	50
39	Cửa hàng tạp hóa Thanh Thu	Ấp 3, 0933770021		70	26	45	15	20	20
40	Cửa hàng gạo Thu Huệ	Ấp 2, 0978513799	25.000						
41	Cửa hàng tiện ích Xuân Thảo	Ấp 2, 0985888312		120	650	700	12	50	60
42	Cửa hàng tạp hóa Thanh Nhã	Ấp 2, 0933770026		40	200	330	6	20	25
43	Cửa hàng Quỳnh Anh A9	Ấp 3, 0366729356		100	330	250	7	45	50
44	Chợ Giồng Ông Đông	ấp Giồng Ông Đông, xã Phú Đông	5.000	100	600	550	350	250	300
45	Nguyễn Thành Nam	ấp Bến Đình, xã Phú Đông		20	20	100	10	30	30
46	Tạp hóa Cổ 10	ấp Bến Đình xã Phú Đông		100	20	70	7	25	25

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
47	Tạp hóa Cô The	ấp Bến Ngự, xã Phú Đông		100	20	50	7	20	20
48	Tạp hóa Trúc Phương	ấp Giồng Ông Đông, xã Phú Đông		25	25	30	12	25	25
49	Tạp hóa Minh Thư	ấp Giồng Ông Đông, xã Phú Đông		15	120	250	60	150	100
50	Tạp hóa Kim Huệ	ấp Giồng Ông Đông, xã Phú Đông		60	555	100	200	150	110
51	Tạp hóa Ngọc Trang	ấp Thị Cầu, xã Phú Đông		30				100	100
52	Tạp hóa An Thịnh	ấp Bến Đình, xã Phú Đông		17	200	250	100	120	150
53	Tạp Hóa Thanh Biệt	ấp Bến Ngự, xã Phú Đông		50	150	500	460	350	200
54	Cửa hàng gạo Lan Thịnh	ấp Bến Đình, xã Phú Đông	20.000						
55	Cửa hàng tạp hóa Mỹ Châu	ấp Thị Cầu, xã Phú Đông		125	90	100	120	200	250
56	Tạp hóa Lê Thanh	ấp Bàu Bông, xã Phước An	3.000	200	100	300	200	200	300
57	Cửa hàng gạo Tạ Thị Nga	ấp Bàu Bông, xã Phước An	5.000						
58	CH tạp hóa Đặng Thị Hạnh	ấp Bà Trường, xã Phước An	3.500	80	200	100	90	100	100
59	Cửa hàng tạp hóa Bình Minh	ấp Bàu Bông, xã Phước An	2.500	400	150	200	150	150	300
60	Phạm Thị Oanh	ấp Bà Trường, xã Phước An							
61	Nguyễn Thanh Sơn	ấp Quới Thạnh, Phước An	1.000						
64	Trương Văn Nhựt	ấp Bàu Bông, xã Phước An		300	150	200	100	150	350
65	Hồ Thị Vụ	ấp Vũng Gấm, 0912120016		200	200	200	50	120	200
70	Hồ Thị Lượm	ấp Bà Trường, xã Phước An		200	150	180	110	150	300
71	Tạp hóa Út Phụng	xã Vĩnh Thanh	350	400	100	200	300	300	300
72	Tạp Hóa KUNMAK	xã Vĩnh Thanh		400	100	200	300	300	300
73	Tạp hóa Chị Hạnh	xã Vĩnh Thanh	1.200	300	100	400	200	400	100
74	Tạp Hóa Đắc	xã Vĩnh Thanh	470	300	200	200	100	150	250
75	Tạp hóa Quốc Hưng	xã Vĩnh Thanh	650	400	200	200	200	150	200
76	Tạp Hóa cô Lan	xã Vĩnh Thanh		500			100	100	
77	Tạp hóa Tùng Dương	xã Vĩnh Thanh	500	200	200	200	100	200	200
78	Chợ Sơn Hà	ấp Sơn Hà, xã Vĩnh Thanh	13.000	350		360	450	350	300
79	Chợ Hòa Bình	ấp Hòa Bình, xã Vĩnh Thanh	15.000	320		305	250	300	280
80	Tạp hóa Thanh Nguyên	ấp Thành Công, xã VĩnhThanh	500	400	200	200	200	200	500

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
81	Gạo Trường	ấp Hòa Bình, xã Vĩnh Thanh	22.000				200		
82	Gạo Thiên	ấp Hòa Bình, xã Vĩnh Thanh	12.000						
83	Tạp hóa Sơn Bo	ấp Hòa Bình, xã Vĩnh Thanh		2.000	400	500	500	200	500
84	Gạo Minh Châu	ấp Sơn Hà, xã Vĩnh Thanh	25.000						
85	Lê Văn Mãi	ấp Chính Nghĩa, xã Vĩnh Thanh	500.000						
86	Tạp hóa Tuyết	ấp Sơn Hà, xã Vĩnh Thanh		400	200	500	400	500	300
87	Tạp hóa Thành Tài	ấp Sơn Hà, xã Vĩnh Thanh	500	400	200	200	400	200	500
88	Cửa hàng tạp hóa Mỹ Dung	Ấp Bình Phú, 0366039439	300	100	35	50	15	20	25
89	Cửa hàng tạp hóa Thu	Ấp Long Hiệu, 0925667088		50	30	40	10	20	35
90	Cửa hàng Tiệm Lợi	Ấp Vĩnh Tuy, 0925667089	800	150	40	50	20	25	50
91	Cửa hàng tạp hóa Tuyển AN	Ấp Vĩnh Tuy, 0925667090		70	26	45	15	20	20
92	Cửa hàng gạo Minh Thiện	Ấp Vĩnh Tuy, 0963390336	25						
93	Cửa hàng tiệm ích Mỹ Sang	Ấp Vĩnh Tuy, 0985888312	10	120	650	700	12	50	60
94	Cửa hàng tạp hóa 5 Cưng	ấp Bình Phú, 0906393026	5	100	330	250	7	45	50
95	Cửa hàng tạp hóa Dân	ấp Câu Khê, 0903137762		40	35	30	10	20	25
96	Cửa hàng tạp hóa Liên	ấp Câu Khê, 0902083225		50	30	20	10	20	20
97	Cửa hàng tạp hóa Kim Chi	ấp Câu Khê, 0898458036		50	20	20	20	25	20
98	Cửa hàng tạp hóa Công Thái	ấp Câu Khê,		100	40	30	20	25	20
99	Cửa hàng tạp hóa Ngọc Bích	ấp Cát Lái, 0909467303		150	20	10	20	25	20
100	Cửa hàng tạp hóa Ngọc Thu	Ấp P.Lương, 0932029397		70	15	45	15	20	20
101	Cửa hàng Gạo	ấp Cát Lái, 0909210119	25.000						
102	Cửa hàng tiệm lợi Pikachu	Ấp Cát Lái, 0977078249		120	650	700	12	50	60
103	Cửa hàng tạp hóa Cô Nhung	Ấp Cát Lái, 0907237642		100	200	330	15	20	25
104	Cửa hàng tạp hoá Tư Ảnh	ấp Câu Khê, 0937959814		50	150	330	8	20	25
105	Cửa hàng tạp hoá Hai Tốt	ấp Câu kê, 0907714566		40	120	330	6	20	25
106	Cửa hàng tạp hoá Cẩm Nhung	ấp Câu Khê, 0902941569		40	130	150	7	45	50
107	Tạp hóa Ngọc Minh	0902910664 - Mỹ Khoan		60	100	200	150	300	300

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
108	Tạp hóa Ông Hồ	02513848702 - Phước Mỹ		80	150	250	200	400	400
109	Chợ Hiệp Phước	Phước Kiểng	5.600	120	200	300	250	300	300
110	Bách hóa xanh	Phước Kiểng	5.000	200	150	200	150	250	250
111	Tạp hóa Sáu Măng	0345292811 - Phước Lại	3.500	70	100	100	130	150	120
112	Tạp hóa Tám Được	0938729746 - Phước Lại		130	150	150	150	200	200
113	Tạp hóa Kim Sang	02513846146 - Phước Hiệp		150	160	200	150	200	200
114	Tạp hóa Cô Khù	xã Đại Phước: 0903254673		110	60	200	120	280	230
115	Tạp hóa Đông Sương	xã Đại Phước: 0933614309		100	50	150	100	250	220
116	Tạp hóa tuyết Phượng	xã Đại Phước: 0907147847		200					
117	Tạp hóa chị hằng	xã Đại Phước: 0936030301		100	50	120	100	150	170
118	Tạp hóa Xương ký	xã Đại Phước: 0372464146		80	50	130	100	150	170
119	Tạp hóa Bé hai	xã Đại Phước: 02513518084		110	60	250	120	280	230
120	Gạo Gái Hưng	xã Đại Phước: 02513518926	2.000						
121	Gạo Giang Thuận	ấp Phước Lý, xã Đại Phước	3.000						
126	Tạp hóa cô Hồng	ấp Xóm Hổ, xã Phú Hội		250	220	280	300	250	240
127	Tạp hóa Pháp	ấp Phú Mỹ 1, xã Phú Hội	2.200		300	380	350	350	300
128	Tạp hóa Ngọc Ánh	ấp Đất Mới, xã Phú Hội			250	200	350	400	450
IX	Huyện Thống Nhất								
1	HTX KD TH Dầu Giây	Ông Trương Trung - 0986577090	1.000	100	0	0	100	100	100
	Các chợ, siêu thị		1.385.640	2.734.815	27.348	127.625	54.696	72.928	54.696
X	Huyện Xuân Lộc								
1	HTX DV-TM Suối Cát	Xã Suối Cát. ĐT: 0985859027	300.000	10.000	1.000	15.000	5.000	12.000	10.000
2	HTX DV TM Bảo Hòa	xã Bảo Hòa. ĐT: 0973861659	300.000	300	1.000	2.000	1.477	2.500	1.675
3	Cửa hàng Bách Hóa Xanh	xã Bảo Hòa. ĐT: 0393415975	200.000	700	1.000	3.000	2.000	3.000	3.000
4	Xuân Lộc - Chợ Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray. ĐT:0965687539	2.000	600	1.200	1.500	1.000	1.000	1.500
5	Xuân Lộc - Cửa hàng Bách hóa xa	Thị trấn Gia Ray. ĐT:0349547894	1.000	150	1.000	1.500	1.500	500	650

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
6	Bách hóa tự chọn Kinabi	Thị trấn Gia Ray. ĐT: 0908552206	1.500	200	500	500	650	450	350
7	Cửa hàng Gạo Phát Tài	TT Gia Ray. ĐT:02513740021	10.000						
8	Tạp hóa Thủy phương	TT Gia Ray, ĐT: 0908885383	0	300	350	400	550	400	400
9	Xuân Lộc - Chợ Xuân Đà	X, Xuân Tâm. ĐT: 0367093437	20.000	1.000	2.000	3.000	4.500	1.000	1.000
10	Cửa hàng Bách Hóa Xanh	xã Xuân Tâm. ĐT: 096418687	2.000	1.000	500	500	400	300	250
11	Công ty Doãn Thị Vân Anh	xã Xuân Tâm. ĐT: 0978174791	0	100.000				5.000	
12	HTX DVTM Suối Cát	Ấp Suối Cát 1, xã Suối Cát	5.000	2.000	2.500	1.875	2.750	25.000	300
13	HTX DVTM Bảo Hòa	ấp Hòa Hợp, xã Bảo Hòa		1.500	4.800	1.525	500	22.500	
XI	Tp Long Khánh								
1	Cửa hàng gạo Liễu	2A Nguyễn Văn Cừ, P. Xuân An	90.000						
2	Nguyễn Thị Kiện	23 Trần Phú, P. Xuân An	60.000						
3	Trần Minh Hạnh	14 Nguyễn Văn Cừ, P. Xuân An	50.000						
4	Võ Quang Vinh	Nguyễn Bình Khiêm, P. Xuân An	40.000						
5	Cơ sở gạo Hữu Thanh	07 CMT8, P. Xuân An	60.000						
6	Cửa hàng gạo Hoàng Kiều	Tổ 8 Hồ Thị Hương, P. Xuân An	40.000						
7	Phan Thị Cẩm Thúy	116 Trần phú, P. Xuân An	50.000						
8	Nguyễn Thị Thu Sương	Nguyễn Tri Phương, P. Xuân An	50.000						
9	Đại lý gạo Song An	119 N.T.Minh Khai, P. Xuân An	45.000						
10	Phan Thị Thu Thủy	34 Nguyễn Văn Cừ, P. Xuân An	40.000						
11	Nguyễn Thị Sương	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen	35.000						
12	Hoàng Thị Thúy	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen	35.000						
13	Trương Tuyết Bửu	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen	30.000						
14	Lê Ngọc Chiến	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen	30.000						
15	Nguyễn Thị Hạnh	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen	27.000						
16	Trần Thị Phi	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen	29.000						
17	Lê Thị Quyên	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen	40.000						

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
18	Dương Văn Bình	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen	28.000						
19	Trần Thị Thu Phương	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen	28.000						
20	Phạm Hoàng Long	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen	50.000						
21	Ngô Thị Thanh Thúy	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen	40.000						
22	Nguyễn Văn Định	KP Tân Thủy, P. Bàu Sen	35.000						
23	Lê Thị Ngọc Diễm	KP Tân Thủy, P. Bàu Sen	35.000						
24	Hồ Sấm Hội	KP Bàu Sen, P. Bàu Sen	40.000						
25	Nguyễn Thị Phương	KP Bàu Sen, P. Bàu Sen	50.000						
26	Phan Văn Kiển	ấp Đồi Riu, xã Hàng Gòn	40.000						
27	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn	60.000						
28	Bế Thị Kim Hương	ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn	40.000						
29	Lê Thị Mỹ Châu	Chợ Xuân Thanh, P. Xuân Thanh	30.000						
30	Lã Quốc Khanh	Chợ Xuân Thanh, P. Xuân Thanh	40.000						
31	Cửa hàng gạo Hiền Mụi	Nguyễn Văn Cừ, P. Xuân Hòa	50.000						
32	Nguyễn Thị Kim Thoa	23 Quang Trung, P. Xuân Hòa	35.000						
33	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Quang Trung, P. Xuân Hòa	45.000						
34	Đỗ Thị Mỹ Hương	Quang Trung, P. Xuân Hòa	45.000						
35	Đỗ Thị Thu Hương	2 Hai Bà Trưng, P. Xuân Hòa	50.000						
36	Cửa hàng gạo Đính Vân	Nguyễn Trãi, P. Xuân Hòa	40.000						
37	Gạo miền Tây	Đường số 01, KP. Trung Tâm, P.	45.000						
38	Đại lý gạo Thành Phát	Xuân Lập	50.000						
39	Nguyễn Thị Bộ	KP Suối Tre, P. Suối Tre	50.000						
40	Nguyễn Thị Lanh	KP Suối Tre, P. Suối Tre	45.000						
41	Trần Thị Mỹ Ngọc	KP Suối Tre, P. Suối Tre	35.000						
42	Bùi Thị Kim Ánh	KP Núi Tung, P. Suối Tre	25.000						
43	Trương Thị Mỹ Chi	KP Núi Tung, P. Suối Tre	40.000						

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
44	Phan Thị Trang	KP Núi Tung, P. Suối Tre	45.000						
45	Ngô Thị Diệu	KP Suối Tre, P. Suối Tre	45.000						
46	Nguyễn Thị Tươi	KP Cấp Rang, P. Suối Tre	35.000						
47	Nguyễn Hữu Tài	KP Cấp Rang, P. Suối Tre	45.000						
48	Lê Quang Thám	KP Suối Tre, P. Suối Tre	40.000						
49	Lưu Thế Phúc	KP Suối Tre, P. Suối Tre	35.000						
50	Trần Văn Trung	Tổ 21 Duy Tân, P. Bảo Vinh	35.000						
51	Lê Ngọc Trung	Tổ 3c Duy Tân, P. Bảo Vinh	40.000						
52	Đinh Thị Nhung	Tổ 5 Ngô Quyền, P. Bảo Vinh	40.000						
53	Nguyễn Thị Xuân	Tổ 5 Ngô Quyền, P. Bảo Vinh	40.000						
54	Phạm Thị Hoàng	Tổ 6 Ngô Quyền, P. Bảo Vinh	30.000						
55	Nguyễn Ngọc Hiếu	Tổ 24 N T Trục, P. Bảo Vinh	25.000						
56	Nguyễn Thị Bích Phượng	Tổ 21 Hàm Nghi, P. Bảo Vinh	40.000						
57	Nguyễn Thị Phượng	Tổ 9 Hàm Nghi, P. Bảo Vinh	40.000						
58	Lê Thiện	102 Chu Văn An, P. Xuân Bình	25.000						
59	Lộc Sập Muối	Nguyễn Văn Cừ, KP1, P. Xuân An			200	500	150		200
60	Cửa hàng tự chọn Xuân An	264, Hồ Thị Hương, P. Xuân An		50.000	200	600	1.000	1.000	500
61	Bùi Thị Thanh Vân	04 Nguyễn Du, P. Xuân An		50.000	100	14.000	1.334	1.000	1.000
62	Bùi Văn Hùng	1A Nguyễn Du, P. Xuân An		85.000	150				
63	Tạp hóa Tuyết Anh	Nguyễn Bình Khiêm, P. Xuân An			200				
64	Tạp hóa Thanh Vân	44 Nguyễn Thái Học, P. Xuân An		65.000	200	850	250		500
65	Lý Thông	103 Hùng Vương, P. Xuân An		50.000	200	350	300	600	1.000
66	Lê Thị Ngà	28 Thích Quảng Đức, P. Xuân An		30.000	100	200			
67	Nguyễn Ngọc Chiêu	34 Nguyễn Văn Cừ, P. Xuân An		60.000	150	475	250	500	500
68	Vũ Xuân Bắc	102 Thích Quảng Đức, P. Xuân An		30.000	200				500
69	Nguyễn Thị Kiều	264B Hồ Thị Hương, P. Xuân An		50.000	150	356	450	400	500

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
70	Đới Thị Mùi	86 NT Minh Khai, P. Xuân An		50.000	150	314	250	300	500
71	Tạp hóa Hồng Nhung	Trần Phú, P. Xuân An		45.000	150				
72	Nguyễn Thị Châu	Nguyễn Tri Phương, P. Xuân An		45.000	200	374	240	200	400
73	Nguyễn Thị Đông	Nguyễn Tri Phương, P. Xuân An		45.000	200	400	240	200	400
74	Tạp hóa khánh	Nguyễn Thái Học, P. Xuân An		200	150	401	250	300	500
75	Phạm Thò Mai Hoa	01 Nguyễn Du, P. Xuân An		30.000	200				
76	Công ty TNHH Thảo Đệ	hẻm Phan Chu Trinh, P. Xuân An		80.000	200	3.000	500	1.000	400
77	Đại lý Thanh Hằng	134 NTMK. 0965423839		50.000					
78	Đại lý Thủy Tin	36 TQĐ		50.000	200				
79	Đại lý Chiến Thắng	180 NTP. 0985735767							
80	Nguyễn Thị Sương	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen		40.000	100	390	200	200	90
81	Hoàng Thị Thúy	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen		25.000	100	390	250	250	100
82	Trương Tuyết Bửu	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen		25.000	100	390	350	250	250
83	Lê Ngọc Chiến	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen		30.000	300	345		560	250
84	Nguyễn Thị Hạnh	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen		15.000	100	365	350	500	300
85	Trần Thị Phi	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen		17.000	100	350	400	450	300
86	Lê Thị Quyên	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen		19.000	150	321	350	450	250
87	Dương Văn Bình	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen		11.000	150	345	350	400	200
88	Trần Thị Thu Phương	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen		13.000	150	356	450	500	200
89	Phạm Hoàng Long	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen		14.000	150	321	450	300	150
90	Ngô Thị Thanh Thúy	KP Núi Đỏ, P. Bàu Sen		16.000	150	312	450	300	150
91	Nguyễn Văn Định	KP Tân Thủy, P. Bàu Sen		15.000	150	345	250	300	150
92	Lê Thị Ngọc Diễm	KP Tân Thủy, P. Bàu Sen		11.000	200	347	250	300	200
93	Hồ Sâm Hội	KP Tân Thủy, P. Bàu Sen		14.000	100	358	260	100	200
94	Nguyễn Thị Phương	KP Bàu Sen, P. Bàu Sen		15.000	100	450	260	100	150
95	Cửa hàng Bách Hóa Xanh	Thửa 428 Hàng Gòn, Xã Hàng Gòn		15.000	150	490	1.000	300	200

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
96	Phạm Thị Mỹ Dung	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		1.000	150	480	100	100	100
97	Lê Thị Trúc Hương	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		1.000	200	412	100	50	100
98	TRẦN Thị Kim Oanh	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		3.000	200	413	50	30	100
99	Nguyễn Thị Thiên Hương	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		1.000	250	450	50	300	100
100	Tăng Thị Quý	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		1.000	250	420	80	50	150
101	Nguyễn Văn Dũng	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		1.000	350	450	90	50	250
102	Võ Thanh Thủy	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		1.000	350	412	90	70	200
103	Doãn Thị Danh	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		1.500	150	423	80	80	200
104	Nguyễn Ngọc Yến	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		2.000	200	421	80	80	250
105	Lê Thị Cẩm Trinh	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		2.500	200	432	70	80	300
106	Huỳnh Phi Thân	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		2.500	150	380	70	70	100
107	Phùng Thị Nga	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		1.800	350	370	70	70	100
108	Nguyễn Phùng Phúc Huyền	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		14.000	100	340	80	70	150
109	Nguyễn Thị Hồng Quyên	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		18.000	100	350	80	80	250
110	Trần Thị Dậm	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		18.000	50	320	90	80	80
111	Nguyễn Thị Ngãi	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		18.000	70	312	90	90	100
112	nguyễn thị Thu Vân	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		17.000	80	326	70	90	150
113	Mai Tuấn Anh	Ấp Đồi Riu, xã Hàng Gòn		16.000	90	450	70	80	100
114	Lê Thị Dung	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		15.000	80	365	70	80	100
115	Lê Thị Phương Thảo	ấp Tân Phong, xã Hàng Gòn		14.000	80	412	50	80	90
116	Lê Thị Diên	Ấp Đồi Riu, xã Hàng Gòn		15.000	40	411	50	80	90
117	Đỗ Viết Tân	Ấp Đồi Riu, xã Hàng Gòn		15.000	50	422	60	80	150
118	Lê Thị Diên	Ấp Đồi Riu, xã Hàng Gòn		15.000	50	420	60	70	150
119	Lê Ngọc Thu	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		16.000	60	410	50	50	120
120	Nguyễn Thành Đô	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		16.000	60	412	60	50	100
121	Phan Thị Minh Tâm	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn		16.000	60	421	40	60	100

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
122	Cửa hàng Bách Hóa Xanh	Số 3 Hoàng Diệu, P. Xuân Thanh		15.000	100	431	40	400	100
123	Lê Thị Mỹ Huyền	Chợ Xuân Thanh, P. Xuân Thanh		14.000	100	360	30	540	150
124	Trịnh Minh Hòa	Chợ Xuân Thanh, P. Xuân Thanh		14.000	100	390	35	540	100
125	Đoàn Thị Diệp	Chợ Xuân Thanh, P. Xuân Thanh		14.000	100	380	40	520	100
126	Phan Thị Kim Châu	Chợ Xuân Thanh, P. Xuân Thanh		15.000	100	378	40	200	100
127	Võ Thị Hà	Chợ Xuân Thanh, P. Xuân Thanh		15.000	150	370	40	520	100
128	Hồ Thị kim Yến	Chợ Xuân Thanh, P. Xuân Thanh		15.000	150	359	40	520	100
129	Nguyễn Đình Việt	Chợ Xuân Thanh, P. Xuân Thanh		18.000	100	320	40	400	100
130	Phạm Thị Bích Xuân	Hoàng Diệu, P. Xuân Thanh		18.000	100	319	50	300	100
131	Vũ Xuân Tuyên	Số 82c, 9/4, KP 2, P. Xuân Thanh		19.000	100	326	50	400	150
132	Nguyễn Thị Cẩm	Hoàng Diệu, KP 1, P. Xuân Thanh		15.000	100	324	40	300	150
133	Nguyễn Thị Phương	Hoàng Diệu, KP 1, P. Xuân Thanh		15.000	100	328	250	300	100
134	Mỹ Dung	Tô Hiến Thành, P. Xuân Hòa		15.000	100	378	350	560	150
135	Phan Thị Trúc Linh	Nguyễn Văn Cừ, P. Xuân Hòa		17.000	100	320	350	650	300
136	Nguyễn Thị Bích Trâm	Quang Trung, P. Xuân Hòa		17.000	100	321	250	650	200
137	Nguyễn Thị Liên	Quang Trung, P. Xuân Hòa		16.000	150	451	240	540	200
138	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	Quang Trung, P. Xuân Hòa		16.000	150	465	240	540	200
139	Phan Thị Thu Nga	Quang Trung, P. Xuân Hòa		18.000	150	432	240	250	250
140	Lã Thị Hồng Nga	Quang Trung, P. Xuân Hòa		18.000	150	421	250	250	250
141	Nguyễn Ngọc Phúc	Quang Trung, P. Xuân Hòa		16.000	100	421	250	500	250
142	Ngô Thị Bạch Dương	34 Nguyễn Trãi, P. Xuân Hòa		16.000	100	432	240	500	150
143	Lê Thị Ngọc Liên	116 Nguyễn Trãi, P. Xuân Hòa		16.000	100	432	250	500	150
144	Bùi Đức Hùng	163 Nguyễn Trãi, P. Xuân Hòa		18.000	120	410	240	500	150
145	Nguyễn Thị Bích Thủy	187 Nguyễn Trãi, P. Xuân Hòa		18.000	50	421	240	500	150
146	Nguyễn Thị Thu	Nguyễn Trãi, P. Xuân Hòa		19.000	100	423	200	500	150
147	Từ Thị Bảy	Nguyễn Trãi, P. Xuân Hòa		13.000	100	421	100	400	150

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
148	Nguyễn Đình Quý	Hai Bà Trưng, P. Xuân Hòa		14.000	100	420	100	400	150
149	Nguyễn Thị Kiêm	Quang Trung, P. Xuân Hòa		15.000	100	430	150	400	150
150	Lê Thị Trúc Mai	Quang Trung, P. Xuân Hòa		16.000	100	460	150	400	200
151	Trần Thị Kim Ngân	Nguyễn Văn Cừ, P. Xuân Hòa		17.000	200	350	150	250	200
152	Phạm Thị Dịu	Nguyễn Văn Cừ, P. Xuân Hòa		17.000	200	320	200	350	200
153	Tạ Thị Thêu	Nguyễn Văn Cừ, P. Xuân Hòa		17.000	200	320	200	350	200
154	Lê Thị Thu Nga	Quang Trung, P. Xuân Hòa		18.000	150	310	200	350	150
155	Trần Thị Nghi	Quang Trung, P. Xuân Hòa		18.000	150	319	150	250	150
156	Triệu Kim Ngoan	Quang Trung, P. Xuân Hòa		19.000	150	300	150	250	150
157	Nguyễn Thị Oanh	Nguyễn Văn Cừ, P. Xuân Hòa		17.000	100	310	150	250	300
158	Thông Lục Mai	Ấp 1, Xã Bình Lộc	50.000						
159	Lê Thị Thanh Thúy	Ấp 1, Xã Bình Lộc	70.000						
160	Trần Thị Thu Trang	Ấp 1, Xã Bình Lộc		5.000	100	200	500	500	500
161	Lư Thị Hường	Ấp 1, Xã Bình Lộc		8.000	100	300	500	300	500
162	Hoàng Thu Hương	Ấp 2, Xã Bình Lộc		8.000	200	300	500	300	500
163	Vòng Minh Thành	Ấp 1, Xã Bình Lộc		3.000	200	350	500	400	500
164	Nguyễn Thị Ngọc Loan	Ấp 1, Xã Bình Lộc		4.000	100	200	300	500	200
165	Lìu Tăng Bấu	Ấp 1, Xã Bình Lộc		4.000	150	250	500	300	300
166	Nguyễn Thị Bích Loan	Ấp 1, Xã Bình Lộc		7.000	150	200	500	400	300
167	Đào Thị Bích Thảo	Ấp 1, Xã Bình Lộc		5.000	120	200	500	400	300
168	Trần Thị Thanh Khuyến	Ấp 1, Xã Bình Lộc		5.000	120	200	300	500	250
169	Phạm Thị Minh Tuyết	Ấp 1, Xã Bình Lộc		5.000	150	200	500	500	250
170	Đồng Văn Hà	Ấp 3, Xã Bình Lộc		5.000	150	150	250	500	200
171	Lý Hồng Vân	Ấp Cây Da, Xã Bình Lộc		5.000	200	200	500	500	100
172	Cao Thị Hiền	Ấp 1, Xã Bình Lộc		5.000	200	100	500	400	100
173	Phạm Khả Hùng	Ấp 1, Xã Bình Lộc		5.000	150	100	300	500	100

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
174	Phạm Văn Hoan	Ấp 1, Xã Bình Lộc		4.000	200	100	400	400	100
175	Nguyễn Thị Kim Uyên	Ấp 1, Xã Bình Lộc		5.000	200	100	300	400	100
176	Trần Anh Đợi	Ấp 1, Xã Bình Lộc		5.000	200	150	500	400	100
177	Nguyễn Thị Minh Phượng	Ấp 4, Xã Bình Lộc		8.000	150	100	150	300	100
178	Nguyễn Văn Hồng	Ấp 1, Xã Bình Lộc		2.000	150	200	500	500	300
179	Hưng Ký	Ấp 1, Xã Bình Lộc		2.000	150	250	500	500	300
180	Liu Mỹ Lầy	Ấp 1, Xã Bình Lộc	30.000						
181	Nguyễn Văn Tiền	Chợ Bình Lộc		20.000					
182	Cửa hàng Bách hóa xanh	Ấp 1, Xã Bình Lộc	50.000	20.000	150	1.000		700	200
183	Nguyễn Ngọc Khôi	Ấp 3, xã Bình Lộc		5.000	100	310	150	500	200
184	Phạm Thị Thủy Ngân	Ấp 1, xã Bình Lộc		5.000	100	290	200	300	200
185	Hồ Viết Quang	Ấp 1, xã Bình Lộc		1.200	100	230	200	400	250
186	Nguyễn Văn Hồng	Ấp 1, xã Bình Lộc		3.000	100	350	150	200	250
187	TH Hoàng Liêm	Ấp 1, xã Bình Lộc		2.000	100	320	150	100	250
188	TH Vàng	Ấp 1, xã Bình Lộc		3.000	100	321	150	100	300
189	Bách Hóa xanh	Ấp 1, xã Bình Lộc		1.000	100	340	250	100	300
190	Chợ Xuân Lập	KP. Trung Tâm, P. Xuân Lập		9.000	80	326	30	70	300
191	Cửa hàng Hoa Đình	Đường số 01, KP. Trung Tâm, P. Xuân Lập		9.000	80	345	100	500	300
192	Cửa hàng Lý Ngọc Phước			9.000	80	316	100	600	250
193	Tạp hóa Hạnh			9.000	80	324	100	300	250
194	Tạp hóa Thủy Ninh			8.000	80	328	200	300	250
195	Tạp hóa Hồng Thống			7.000	80	321	200	250	320
196	Nguyễn Thanh Quang	Tổ 03, KP. Phú Mỹ, P. Xuân Lập		6.000	80	350	200	350	320
197	Trần Thị Mỹ Ngọc	KP Suối Tre, P. Suối Tre		6.000	80	320	150	350	350
198	Bùi Thị Kim Ánh	KP Núi Tung, P. Suối Tre		6.000	80	321	100	350	200
199	Trương Thị Mỹ Chi	KP Núi Tung, P. Suối Tre		6.000	80	317	50	350	200

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
200	Phan Thị Trang	KP Núi Tung, P. Suối Tre		6.000	80	312	50	450	100
201	Ngô Thị Diệu	KP Suối Tre, P. Suối Tre		5.000	80	329	60	100	100
202	Nguyễn Thị Tươi	KP Cấp Rang, P. Suối Tre		6.000	80	330	70	100	100
203	Nguyễn Hữu Tài	KP Cấp Rang, P. Suối Tre		6.000	80	339	70	150	100
204	Lê Quang Thám	KP Suối Tre, P. Suối Tre		5.000	80	310	70	150	150
205	Nguyễn Thị Phụng	KP Suối Tre, P. Suối Tre		5.000	80	310	70	150	150
206	Lưu Thế Phúc	KP Suối Tre, P. Suối Tre		5.000	80	432	60	250	150
207	Cửa hàng Bách Hóa Xanh	29 Suối Tre Bình Lộc, P. Suối Tre		5.000	70	432	60	400	150
208	Trần Đức Chiến	Tổ 21 Duy Tân, P. Bảo Vinh		5.000	70	410	60	150	200
209	Hồ Thị Mai	Tổ 21 Duy Tân, P. Bảo Vinh		6.000	70	421	50	100	200
210	Trần Thị Huynh	Tổ 8 Duy Tân, P. Bảo Vinh		6.000	90	423	50	110	250
211	Tạp Hóa Loan	Tổ 8 Duy Tân, P. Bảo Vinh		6.000	90	421	50	110	250
212	Đinh Thị Thúy	Tổ 8 Duy Tân, P. Bảo Vinh		5.000	80	420	65	120	100
213	Phan Thị Kiều Mi	Tổ 8 Duy Tân, P. Bảo Vinh		6.000	70	430	62	120	100
214	Hồ Thị Cẩm Tuyết	Tổ 18 Duy Tân, P. Bảo Vinh		6.000	80	460	60	120	100
215	Lâm Hoàng Vĩnh	Tổ 18 Duy Tân, P. Bảo Vinh		6.000	70	350	60	250	200
216	Vương Thanh Nga	Tổ 18 Duy Tân, P. Bảo Vinh		6.000	70	320	60	250	300
217	Nguyễn Thị Kim Chung	Tổ 5 Duy Tân, P. Bảo Vinh		5.000	70	320	50	250	200
218	Võ Thị Kim Mai	Tổ 5 Duy Tân, P. Bảo Vinh		7.000	100	310	40	300	100
219	Nguyễn Khánh Đôn	Tổ 6 Duy Tân, P. Bảo Vinh		8.000	50	319	350	350	100
220	Mai Thị Thu Thủy	Tổ 6 Duy Tân, P. Bảo Vinh		8.000	50	300	350	350	100
221	Phan Duy Lâm	Tổ 13 Hàm Nghi, P. Bảo Vinh		7.000	60	310	350	350	250
222	Nguyễn Thị Ai	Tổ 15 Hàm Nghi, P. Bảo Vinh		7.000	60	420	60	260	250
223	Lê Thị Hoàng Yến	Tổ 15 Hàm Nghi, P. Bảo Vinh		7.000	60	410	60	260	200
224	Phan Thị xuân	Tổ 6 Ngô Quyền, P. Bảo Vinh		8.000	60	350	60	250	200
225	Trần Thị Lệ Kiều	Tổ 7 Ngô Quyền, P. Bảo Vinh		7.000	50	320	60	240	300

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
226	Trần Đình Nhật	Tổ 15 Ngô Quyền, P. Bảo Vinh		7.000	50	321	70	240	100
227	Nguyễn Thị Năm	Tổ 12 Ngô Quyền, P. Bảo Vinh		8.000	50	345	70	250	100
228	Đinh Công Chức	Tổ 6 T N Tông, P. Bảo Vinh		8.000	50	356	70	250	100
229	Nguyễn Thị Ngọc Phương	Tổ 24 T N Tông, P. Bảo Vinh		6.000	50	314	60	250	250
230	Võ Nguyễn Hồng Châu	Tổ 24 T N Tông, P. Bảo Vinh		6.000	50	324	60	230	200
231	Chợ Bàu Cối	ấp Bàu Cối, xã Bảo Quang		7.000	40	374	450	500	100
232	Võ Văn Nho	Tổ 5, ấp Thọ An, X Bảo Quang		7.000	40	400	45	120	100
233	Nguyễn Hữu Đức	Tổ 2, ấp Thọ An, X Bảo Quang		7.000	40	401	50	130	100
234	Lê Thị Lý	Tổ 2, ấp Thọ An, X Bảo Quang		4.000	40	314	50	120	100
235	Ngô Hữu Thọ	Tổ 2, ấp Thọ An, X Bảo Quang		5.000	40	480	30	130	300
236	Vũ Văn Quyền	Tổ 1, ấp Thọ An, X Bảo Quang		5.000	40	390	20	130	100
237	Ngô Văn Tấn	Tổ 4, ấp Ruộng Tre, X Bảo Quang		5.000	40	390	30	250	300
238	Phạm Thị Cúc	Tổ 3, ấp Ruộng Tre, X Bảo Quang		600	40	490	30	250	100
239	Tạ Văn Lễ	Tổ 2, ấp Ruộng Tre, X Bảo Quang		600	40	480	50	250	300
240	Dương Thị Gái	Tổ 2, ấp Ruộng Tre, X Bảo Quang		6.000	40	412	50	150	100
241	Dương Văn Tiến	Tổ 1, ấp Ruộng Tre, X Bảo Quang		4.000	50	413	50	150	300
242	Nguyễn Thị Lệ Thu	Tổ 1, ấp Ruộng Tre, X Bảo Quang		4.000	50	450	40	150	200
243	Lê Thị Cẩm Hường	Tổ 1, ấp Ruộng Tre, X Bảo Quang		5.000	50	420	40	100	200
244	Triệu Thị Đẹt	Tổ 1, ấp Ruộng Tre, X Bảo Quang		8.000	50	450	30	100	200
245	Hồ Sỹ Tâm	Tổ 3, ấp Ruộng Tre, X Bảo Quang		700	50	412	50	100	200
246	Nguyễn Thị Hoa	Tổ 4, ấp Ruộng Tre, X Bảo Quang		900	50	423	70	100	200
247	Lê Văn Khải	Tổ 4, ấp Ruộng Tre, X Bảo Quang		1.000	50	421	70	100	100
248	Tạ Văn Đăng	Tổ 5, ấp Ruộng Tre, X Bảo Quang		700	50	432	100	100	100
249	Võ Minh Thủy	Tổ 5, ấp Ruộng Tre, X Bảo Quang		980	50	345	90	150	100
250	Ngô Thị Hạnh	Tổ 6, ấp Ruộng Tre, X Bảo Quang		990	50	316	80	150	100
251	Trần Thái Phong	Tổ 6, ấp Ruộng Tre, X Bảo Quang		850	50	324	70	150	400

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
252	Nguyễn Thị Kim Linh	Tổ 9, ấp Ruộng Tre, X Bảo Quang		850	50	328	50	100	100
253	Bùi Kim Thoa	Tổ 7, ấp Ruộng Tre, X Bảo Quang		850	50	321	60	100	100
254	Lê Văn Biết	Tổ 7, ấp Ruộng Tre, X Bảo Quang		650	80	350	50	100	300
255	Trần Văn Ái	Tổ 7, ấp Ruộng Tre, X Bảo Quang		650	50	320	65	100	100
256	Nguyễn Văn Huống	Tổ 7, ấp Ruộng Tre, X Bảo Quang		650	50	321	65	100	100
257	Phạm Thị Thu Trang	Tổ 1, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		650	50	317	60	100	300
258	Nguyễn Thị Ngọc Văn	Tổ 2, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		650	50	312	60	100	300
259	Đỗ Thị Hoa	Tổ 2, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		750	50	329	65	100	100
260	Nguyễn Thị Liên	Tổ 3, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		850	50	330	90	100	100
261	Lê Thị Thu Hiếu	Tổ 3, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		850	50	339	100	150	100
262	Nguyễn Thị Lương	Tổ 3, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		850	50	310	100	250	300
263	Nông Thị Hoa	Tổ 3, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		950	50	310	150	250	100
264	Trương Thị Năm	Tổ 3, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		950	50	432	200	250	100
265	Nguyễn Thị Lan	Tổ 3, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		950	50	432	200	250	200
266	A.Tính (C.Hương)	Tổ 4, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		490	50	410	250	250	300
267	Nguyễn Thị Liễu	Tổ 5, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		890	50	421	250	150	100
268	Nguyễn Duy Việt	Tổ 7, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		890	50	420	250	150	100
269	Nguyễn Thị Yến	Tổ 7, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		850	50	430	300	150	200
270	Nguyễn Văn Tôn	Tổ 10, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		850	50	460	300	150	300
271	Lê Thị Bồng	Tổ 10, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		850	50	350	450	250	200
272	Phan Trung Hiếu	Tổ 7, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		650	50	320	450	230	200
273	Nguyễn Thị Phụng	Tổ 7, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		1.000	50	320	100	250	400
274	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Tổ 10, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		1.500	60	310	150	250	100
275	Nguyễn Bé	Tổ 11, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		900	60	319	250	250	100
276	Nguyễn Thọ	Tổ 11, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		900	60	300	250	250	200
277	Trần Thị Bích Liên	Tổ 12, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		900	60	310	300	200	200

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
278	Nguyễn Thị Mùi	Tổ 12, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		900	60	380	400	200	300
279	Điền Văn Thắng	Tổ 12, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		850	60	370	500	150	300
280	Nguyễn Thị Hạnh	Tổ 13, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		850	60	340	400	150	200
281	Nguyễn Văn Sáu	Tổ 13, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		1.000	60	350	300	240	100
282	Trương Duy Tòa	Tổ 5, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		850	60	320	300	150	100
283	Lê Thị Dỹ	Tổ 7, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		650	60	312	300	150	300
284	Võ Thị Thanh Tuyền	Tổ 7, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		800	60	326	300	100	400
285	Hoàng Thị Mùi	Tổ 9, ấp 18 GĐ, X Bảo Quang		1.200	60	450	350	100	100
286	Nguyễn Thị Sâm	Tổ 5, Ấp Lác Chiểu, X Bảo Quang		1.100	60	365	350	50	300
287	Lâm Khi On	Tổ 3, Ấp Lác Chiểu, X Bảo Quang		1.500	70	412	350	90	100
288	Phan Thị Lê Thu	Tổ 1, Ấp Lác Chiểu, X Bảo Quang		650	70	411	90	80	100
289	Nguyễn Văn Hùng	Tổ 2, Ấp Lác Chiểu, X Bảo Quang		650	70	422	100	80	100
290	Lê Quốc Công	Tổ 2, ấp Bàu Cối, X Bảo Quang		650	70	420	150	80	100
291	Trương Đình Toàn	Tổ 2, ấp Bàu Cối, X Bảo Quang		850	70	410	150	80	200
292	Vũ Thị Bích Hồng	Tổ 2, ấp Bàu Cối, X Bảo Quang		750	70	412	150	80	100
293	Nguyễn Trí Trung	Tổ 4, ấp Bàu Cối, X Bảo Quang		750	70	421	90	70	100
294	Nguyễn Thị Vân	Tổ 6, ấp Bàu Cối, X Bảo Quang		750	70	431	110	70	100
295	Lê Hữu Dũng	Tổ 7, ấp Bàu Cối, X Bảo Quang		680	70	360	120	70	100
296	Hoàng Thị Kim Nga	Tổ 7, ấp Bàu Cối, X Bảo Quang		680	70	390	120	70	100
297	Huỳnh Thị Kim Hồng	Tổ 7, ấp Bàu Cối, X Bảo Quang		750	70	420	120	70	300
298	Bùi Thị Kim Thủy	Tổ 3 ấp Bàu Cối, X Bảo Quang		750	70	410	200	80	100
299	Lại Văn Linh	Tổ 4, ấp Bàu Cối, X Bảo Quang		840	70	350	200	80	200
300	Nguyễn Thị Kinh	Tổ 4, ấp Bàu Cối, X Bảo Quang		840	70	320	300	80	300
301	Nguyễn Thị Chung	Tổ 7, ấp Bàu Cối, X Bảo Quang		650	55	321	250	80	400
302	Nguyễn Thị Diệu Thiện	Tổ 7, ấp Bàu Cối, X Bảo Quang		650	55	345	250	80	100
303	Nguyễn Thị Đơn	Tổ 9, ấp Bàu Cối, X Bảo Quang		650	54	356	350	80	200

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
304	Phạm Thị Minh khoa	Tổ 6, ấp Bàu Cối, X Bảo Quang		590	55	314	350	80	100
305	Từ Tộ	Tổ 11 ấp Bàu Cối, X Bảo Quang		590	55	324	300	90	200
306	Trần Thị Thay	Tổ 11 ấp Bàu Cối, X Bảo Quang		560	55	374	200	90	200
307	Cửa hàng Bách hóa Xanh	240 Hùng Vương, P. Xuân Bình		580	55	400	500	400	400
308	Đào Nguyễn Minh Thư	Hùng Vương, P. Xuân Bình		1.000	55	401	500	400	100
309	Nguyễn Thị Bích Vân	G43 - Hùng Vương, P. Xuân Bình		1.000	55	314	400	500	100
310	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	662 - Đường 21/4, P. Xuân Bình		1.000	55	480	400	500	100
311	Vũ Thị Yên	38 Hồng Thập Tự, P. Xuân Bình		1.500	55	390	500	500	300
312	Nguyễn Thị Kim Hoàng	196 Hùng Vương, P. Xuân Bình		2.000	55	390	500	500	100
313	Huỳnh Thị Minh Thủy	Đường 21/4, P. Xuân Bình		700	55	390	400	600	100
314	Ngô Đức Hạnh	Phạm Ngũ Lão, P. Xuân Bình		900	40	421	600	600	200
315	Cửa hàng Bách Hóa Xanh	80 Hồ Thị Hương, P. Xuân Trung		500	40	431	700	600	100
316	Chợ Long Khanh	Hùng Vương, P. Xuân Trung		5.000	40	360	500	400	200
317	Trương Thị Bạch Loan	18 Khổng Tử, P. Xuân Trung		800	40	390	100	400	100
318	Nguyễn Hồng Nhan	Hồng Thập Tự, P. Xuân Trung		1.200	40	420	500	300	250
319	Phan Thị Lân	36 Hồng Thập Tự, P. Xuân Trung		950	40	410	400	300	200
320	Nguyễn Thị Thu Hà	268 Hồng Thập Tự, P. Xuân Trung		950	40	350	400	60	150
321	Nguyễn Thị Quý	1 Khổng Tử - KP3, P. Xuân Trung		850	40	320	200	300	100
322	Huỳnh Vũ Hiếu Hạnh	Hẻm 50 Khổng Tử, P. Xuân Trung		820	40	321	300	300	150
323	Nguyễn Văn Hưng	Nguyễn Trường Tộ, P. Xuân Trung		700	40	345	300	300	100
324	Trương T.Bích Lan	18b Khổng Tử, P. Xuân Trung		1.200	40	356	300	500	100
325	Phạm Thị Thu Sang	123/34 Khổng Tử, P. Xuân Trung		1.100	40	314	300	500	300
326	Đồng Thị Hạnh	Hẻm 50 Khổng Tử, P. Xuân Trung		780	40	324	300	500	200
327	Lý Thị Cúc	134 Hồng Thập Tự, P. Xuân Trung		10.000	40	374	200	400	300
328	Nguyễn Ng. Thùy Anh	Hẻm 50 Khổng Tử, P. Xuân Trung		9.000	40	400	150	400	200
329	Trần Thị Tuyết Nga	32 Khổng Tử, kp1, P. Xuân Trung		8.000	35	401	150	400	200

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
330	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	142 Khổng Tử, P. Xuân Trung		7.000	35	420	250	400	200
331	Dương Thị Thanh Tuyền	172 Hồng Thập Tự, P. Xuân Trung		5.000	35	430	150	400	100
332	Phạm Thị Phương Mai	94 Hồng Thập Tự, P. Xuân Trung		4.000	35	460	250	400	100
333	Thống Phương Hồng	99 Khổng Tử, P. Xuân Trung		6.000	35	350	230	500	100
334	Võ Thị Huệ	Hồng Thập Tự, P. Xuân Trung		4.500	35	320	250	300	200
335	Nguyễn Thị Nhung	Nguyễn Trường Tộ, P. Xuân Trung		4.500	35	320	250	300	200
336	Bùi Thị Hạnh	Nguyễn Trường Tộ, P. Xuân Trung		6.500	35	310	250	250	200
337	Trần Thị Lệ Thúy	Hồng Thập Tự, P. Xuân Trung		7.500	35	319	250	250	100
338	Ngô Thị Lựu	109 Hồng Thập Tự, P. Xuân Trung		2.300	35	300	250	250	100
339	Hoàng Thị Liệu	Nguyễn Trường Tộ, P. Xuân Trung		4.500	35	310	120	260	200
340	Lê Thị Thanh Yến	Hồng Thập Tự, P. Xuân Trung		3.500	35	420	120	260	300
341	Nguyễn Thị Hồng Việt	84- Hồng Thập Tự, P. Xuân Trung		4.800	35	410	250	260	200
342	Hoàng Thị Cận	90 Hồng Thập Tự, P. Xuân Trung		4.500	35	350	50	570	300
343	Đào văn Nga	50/74 KP 4, P. Xuân Trung		3.500	35	320	60	570	150
344	Phạm Thị Phương Mai	94 Hồng Thập Tự, P. Xuân Trung		6.500	35	321	70	450	150
345	Lê Thị Tuyết	34-Hồng Thập Tự, P. Xuân Trung		4.500	35	345	70	450	150
346	Huyền Thị Kim Vân	34-Hồng Thập Tự, P. Xuân Trung		4.000	35	356	74	450	150
347	Tạp hóa Hoa Cúc	KP 2, P. Phú Bình		4.000	35	314	400	650	100
348	Đặng Hoàng Thị	Q11,kp1,PB, P Phú Bình		3.500	35	314	250	250	100
349	Nguyễn T.Bích Thủy	Q11,kp2,PB, P Phú Bình		3.500	35	480	250	600	100
350	Lý Mẫn In	Q11,kp2, P Phú Bình		7.900	35	390	250	600	200
351	Lý Anh	KP 2, P Phú Bình		4.500	35	390	250	600	200
352	Võ Trường An	KP 2, P Phú Bình		3.500	25	490	200	600	150
353	Nguyễn Thượng Sơn	KP1, P Phú Bình		4.500	25	480	200	600	150
354	Cửa hàng Bách Hóa Xanh	chợ Cẩm Tân, P. Xuân Tân		2.600	25	412	800	800	150
355	Chợ Xuân Tân	Cẩm Tân, P. Xuân Tân		7.000	25	413	500	800	200

TT	Tên Doanh nghiệp /HTX/HKD	Địa chỉ, số điện thoại	Tên mặt hàng						
			Gạo (kg)	Mì gói (Thùng)	Muối (kg)	Đường (kg)	Bột ngọt - bột nêm (kg)	Dầu ăn (lít)	Nước mắm (lít)
356	Tạp hóa Hằng Năng	QL56 KP Cẩm Tân, P Xuân Tân		7.500	25	450	200	300	100
357	Tạp hóa Thanh Xuân	chợ Xuân Tân KP Cẩm Tân, P Xuân Tân		8.000	25	420	150	300	100
358	Tạp hóa Út Hoa			8.000	25	450	150	300	180
359	Tạp hóa Nhật Hạnh			7.000	25	412	150	150	200
360	Tạp hóa Liên Hiệp			6.000	25	423	250	150	250
361	Tạp hóa Cô Yến	Đường 21/4 KP Cẩm Tân, P Xuân Tân		4.500	25	421	250	150	100
362	Tạp hóa Dưỡng Cúc	Đường số 5 KP Cẩm Tân, P Xuân Tân		5.600	25	432	250	150	100
363	Tạp hóa Thúy			3.500	25	345	230	150	100
364	Tạp hóa Minh Trung			7.800	25	316	230	250	150
365	Tạp hóa Tâm Thủy			1.200	25	390	100	250	150
366	Tạp hóa Ni Na	Quốc lộ 56 KP Tân Phong, P Xuân Tân		4.500	25	320	100	250	100
367	Tạp Hóa Thủy			3.500	25	311	100	250	200
368	Tạp hóa Hoa Liên	Đường 21/4, P Xuân Tân		4.600	25	345	500	250	200
369	Cửa hàng tự chọn Xuân An	264, Hồ Thị Hương, P. Xuân An		4.800					
370	Nguyễn Thị Nga	Số 01, Hùng Vương				50.000	4.102	7.980	5.592
371	Huỳnh Thị Kim Loan	Số 02, Phạm Thế Hiển				1.600	1.600	2.050	595

PHỤ LỤC 2.4: SỐ LIỆU THUỐC VÀ VẬT TƯ Y TẾ DỰ PHÒNG PHỤC VỤ CÔNG TÁC PCTT-TKCN

Danh mục:

Phụ lục 2.4: Tổng hợp số liệu thuốc và vật tư y tế phục vụ công tác PCTT-TKCN toàn tỉnh

Phụ lục 2.4.1: Cơ sở thuốc dự trữ phục vụ công tác PCTT-TKCN

Phụ lục 2.4.2: Cơ sở vật tư, trang thiết bị, hóa chất, sinh phẩm trang bị cho Đội đáp ứng nhanh

**PHỤ LỤC 2.4: TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ VẬT TƯ Y TẾ PHỤC VỤ CÔNG TÁC
PCTT&TKCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

TT	Trang nhu yếu phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
1	Thuốc phục vụ phòng chống lụt bão (cơ số)	Cơ số	750
2	Thuốc gia đình	Cơ số	7.500
3	Thuốc chống dịch	Cơ số	6.500
4	Thuốc clomin B	Kg	4.000
5	Vật tư y tế cho tuyến tỉnh	Cơ số	100
6	Vật tư y tế cho tuyến huyện	Cơ số	80
7	Vật tư y tế cho tuyến xã	Cơ số	780
8	Hóa chất vệ sinh môi trường	Lít	5.000

PHỤ LỤC 2.4.1: CƠ SỞ THUỐC DỰ TRÙ PHỤC VỤ CÔNG TÁC PCTT

STT	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đóng gói	Số lượng	Ghi chú
1	Amoxicilin 0,25g	Viên	100	
2	Amoxicilin 0,5g	Viên	100	
3	Băng xô 2,5 x 0,055 m	Cuộn	20	
4	Berinthepham	Viên	100	
5	Bông hút Túi*400 cuộn	Cuộn	20	
6	Cao sao vàng 4g	Hộp	20	
7	Cephalexin 250 mg	Viên	100	
8	Chloramphenicol 0,4%	Lọ	10	<i>Hoạt chất chính là Cloramphenicol.</i>
9	CloraminB 250mg	Viên	500	
10	Cotriseptol 480mg	Viên	400	<i>Hoạt chất chính là Sulfamethoxazol + Trimethoprim</i>
11	Cotrmoxazol 480 mg	Viên	200	
12	Dung dịch DEP	Lọ	24	<i>Diethyl phtalate 9.5g (bôi ngoài da)</i>
13	Gạc y tế 8cm x 9cm	Gói	20	
14	Hương liên Yba	Viên	200	<i>Thuốc điều trị tiêu chảy, có thành phần là Hoàng Liên (Becherin).</i>
15	Loratidine SPM 5 mg	Viên	100	
16	Mỡ tra mắt Tetracyclin 1%/5g	Tuýp	10	
17	Nacova DT 228,5mg	Viên	200	<i>Hoạt chất chính là Amoxicilin và Clavunalic acid</i>
18	Paracetamol 0,1g	Viên	500	
19	Paracetamol 0,5g	Viên	200	
20	Povidol Iod 10%	Lọ	10	
21	Tetracyclin 1%	Lọ	5	
22	Theresol 5,63g	Gói	60	<i>Là ORS</i>
23	Thuốc ho bổ phế Trường Bách Diệp	Viên	240	<i>Thuốc giảm ho, thay Terpincodein.</i>
24	Vingen	Viên	200	<i>Thuốc chữa cảm cúm, thay cảm xuyên hương; hoạt chất chính Paracetamol và Chlopheniramin.</i>
25	Vitamin B1+ B6+B12	Viên	200	
26	XanhMethylen 1% 20 ml	Lọ	10	

**PHỤ LỤC 2.4.2: CƠ SỞ TRANG THIẾT BỊ, VẬT TƯ, HÓA CHẤT, SINH PHẨM TRẠNG
BỊ CHO ĐỘI ĐÁP ỨNG NHANH**

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	
			Tuyến huyện	Tuyến tỉnh
A	Trang thiết bị			
1	Máy phun hóa chất	Chiếc	1	1
2	Dụng cụ phun thuốc khử môi trường	Chiếc	1	1
3	Cabinet	Chiếc	1	1
4	Bình chữa cháy cầm tay	Chiếc	5	10
5	Huyết áp	Chiếc	2	4
6	Nhiệt kế	Chiếc	2	4
7	Ống nghe	Chiếc	2	4
8	Búa phản xạ	Chiếc	1	2
9	Hộp đựng dụng cụ	Hộp	1	2
10	Máy tính để bàn (tại văn phòng)	Chiếc	1	1
11	Vợt bọt gậy cán dài	Chiếc	2	4
12	Khay đựng bọt gậy	Chiếc	2	4
13	Bộ lọc lưới tách bọt gậy	Chiếc	2	4
14	Đèn pin không thấm nước	Chiếc	1	2
15	Máy hút muỗi cầm tay	Chiếc	1	2
16	Pipet nhỏ 3ml	Chiếc	2	4
17	Pipet lớn 50 ml	Chiếc	1	2
18	Máy phun ULV trên ô tô	Chiếc	1	2
19	Máy phun ULV đeo vai	Chiếc	1	2
20	Máy phun tồn lưu	Chiếc	1	2
21	Bình bơm tay	Chiếc	1	2
22	Thùng đựng nước 100l	Chiếc	1	2
23	Xô nhựa 20l	Chiếc	1	2
24	Gáo nhựa 20l	Chiếc	1	2
25	Chậu nhựa to	Chiếc	1	2
26	Thùng inox bảo quản dụng cụ	Chiếc	1	1
27	Phích lạnh bảo quản mẫu	Chiếc	1	2
28	Bình tích lạnh	Chiếc	2	4
29	Nhà bạt	Chiếc	0	1
30	Ô tô chuyên dụng	Chiếc	1	1
31	Cáng cứu thương	Chiếc	3	2
B	Trang phục, dụng cụ bảo hộ cá nhân			
1	Đồng phục, phù hiệu	Bộ	15	15
2	Bộ quần áo chống dịch dùng một lần	Bộ	15	15
3	Ủng chống hóa chất	Chiếc	15	15
4	Trang phục bảo vệ các nguy cơ sinh học loại A	Bộ	15	15
5	Mặt nạ khử trùng	Chiếc	15	15
6	Mặt nạ hô hấp	Chiếc	15	15

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	
			Tuyển huyện	Tuyển tỉnh
7	Mặt nạ hô hấp có bộ lọc	Chiếc	15	15
8	Mũ	Chiếc	15	15
9	Kính	Chiếc	15	15
10	Ủng	Chiếc	15	15
C	Vật tư tiêu hao			
1	Bơm kim tiêm	Chiếc	10	20
2	Bơm kim tiêm 5ml	Chiếc	10	20
3	Đệm cao su	Chiếc	1	2
4	Túi rác an toàn sinh học	Gói	1	2
5	Khẩu trang y tế	Hộp	1	2
6	Găng tay y tế	Hộp	1	2
7	Đề lưỡi gỗ dùng 1 lần	Hộp	2	2
8	Băng cuộn	Chiếc	2	2
9	Sổ ghi chép chịu nước	Quyển	2	4
10	Lọ đựng mẫu	Lọ	2	4
11	Chai rửa 500ml có vòi phun	Chai	1	2
12	Ống tuýp thủy tinh đựng muối	Ống	5	10
13	Bông mỡ	Gram	100	100
14	Bút đánh dấu	Chiếc	2	4
15	Tấm bông lấy mẫu phân	Gói	5	10
16	Tấm bông lấy mẫu da, niêm mạc	Gói	5	10
17	Tấm bông ngoáy mũi họng	Gói	5	10
18	Giá đựng ống nghiệm	Chiếc	1	2
19	Hộp đựng mẫu phân	Hộp	5	10
20	Hộp inox đựng bông khô	Hộp	1	2
21	Hộp inox đựng bông cồn	Hộp	1	2
22	Dây garo	Chiếc	1	2
23	Ống tube đựng máu	Chiếc	5	10
24	Giá inox đựng ống tube	Chiếc	1	2
25	Túi nilon đựng mẫu có khóa zip	Gói	5	10
26	Hộp hủy bơm kim tiêm	Hộp	1	2
27	Giấy thấm	Túi (1kg)	1	2
28	Bình xít cồn 70°C	Chiếc	1	2
29	Panh kẹp inox	Chiếc	1	2
30	Túi nilon đựng rác thải	Túi (1kg)	1	1
31	Bông thấm vô trùng	Gói	5	10
32	Gạc miếng vô trùng	Gói	5	10
33	Gạc cuộn vô trùng	Gói	5	10
34	Cồn 70°C	Lít	50	100
35	Betadine	Lít	50	100
36	Oxi già	Lít	50	100
37	Nước muối sinh lý nhỏ mắt	Lít	50	100

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	
			Tuyển huyện	Tuyển tỉnh
38	Nước súc họng	Chai	50	100
39	Băng dính y tế	Hộp	2	2
40	Băng dính urgo	Hộp	2	2
41	Nẹp cổ định	Chiếc	2	4
42	Bình nước cất rửa mắt	Chai	5	10
43	Gel rửa tay	Lít	5	10
D	Ông môi trường bảo quản (vận chuyển vi khuẩn)			
1	Carry Blair	Ổng	10	500
2	Peptol kiềm	Ổng	10	500
E	Hóa chất, sinh phẩm			
1	Chloramin B 200g	Kg	Số lượng đề xuất tùy theo nhu cầu, nguồn lực của đơn vị quản lý Đội đáp ứng nhanh	
2	Hóa chất diệt côn trùng	Lít		
3	Abate	Kg		
4	Dung dịch sát trùng	Lít		
5	Dung dịch rửa tay	Lít		
6	Xét nghiệm Clo trong nước	Bộ		
F	Vắc xin			
1	Dại	Liều	Số lượng đề xuất tùy theo nhu cầu, nguồn lực của đơn vị quản lý Đội đáp ứng nhanh	
2	Quai bị - Sởi - Rubella	Liều		
3	Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván	Liều		
4	Bạch hầu - Uốn ván	Liều		
5	Thủy đậu	Liều		
6	Viêm não	Liều		
7	Haemophilus influenzae B	Liều		
8	Sốt vàng	Liều		
9	Chicken Pox	Liều		
10	Than	Liều		
11	Cúm mùa	Liều		
G	Thuốc thiết yếu			
1	Ciprofloxacin 500mg	Viên	Số lượng đề xuất tùy theo nhu cầu, nguồn lực của đơn vị quản lý Đội đáp ứng nhanh	
2	Azithromycin 250 mg	Gói		
3	Thuốc hạ sốt, giảm đau: Paracetamol	Viên		
4	Oresol	Gói		
5	Thuốc sát khuẩn nhỏ mắt, mũi	Lọ		
6	Thuốc kháng vi rút Tamiflu	Viên		

PHỤ LỤC 2.5: DANH SÁCH VÀ THÔNG TIN LIÊN LẠC KHẨN CẤP CÁC THÀNH VIÊN BAN CHỈ HUY PCTT&TKCN CẤP TỈNH VÀ CẤP HUYỆN/THÀNH PHỐ

STT	Họ và tên	Chức vụ-Đơn vị	Chức vụ trong BCH	Số ĐT
I	Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh			
1	Cao Tiến Dũng	Chủ tịch UBND tỉnh	Trưởng BCH	0912169378
2	Võ Văn Phi	Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Phó Trưởng Ban Thường trực	0918274718
3	Trần Đình Minh	GĐ Sở NN-PTNT	Phó Trưởng Ban	0919512888
4	Trần Anh Sơn	Phó GĐ Công an tỉnh	Phó Trưởng Ban	0913981743
5	Nguyễn Tấn Linh	Phó Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Phó Trưởng Ban	0974966979
6	Nguyễn Phong An	Phó Chánh VP UBND tỉnh	Ủy viên	0916979939
7	Nguyễn Bôn	Phó GĐ Sở GT-VT	Ủy viên	0918809149
8	Trần Vũ Hoài Hạ	Phó GĐ Sở KH-ĐT	Ủy viên	0918235244
9	Nguyễn Ngọc Hưng	Phó GĐ Sở TN-MT	Ủy viên	0918217639
10	Nguyễn Hữu Tài	Phó GĐ Sở Y tế	Ủy viên	0918383440
11	Trương Thị Hương Bình	GĐ Sở Tài chính	Ủy viên	0918608781
12	Nguyễn Thị Mộng Thu	Phó GĐ Sở LĐ-TB-XH	Ủy viên	0913077279
13	Đỗ Thanh Phương	Phó GĐ Sở Xây dựng	Ủy viên	0989169447
14	Bùi Thanh Nam	Phó GĐ Sở VH-TT-DL	Ủy viên	0918739922
15	Võ Hoàng Khai	Phó GĐ Sở TT-TT	Ủy viên	0907174171
16	Nguyễn Ngọc Phương	Phó GĐ Sở KH-CN	Ủy viên	0918561814
17	Thái Thanh Phong	Phó GĐ Sở Công thương	Ủy viên	0913729138
18	Đỗ Huy Khánh	Phó GĐ Sở GD-ĐT	Ủy viên	0975167225
19	Lê Văn Danh	Phó Trưởng BQL các KCN tỉnh	Ủy viên	0976770999
20	Trần Nam Đông	GĐ Đài PT-TH tỉnh	Ủy viên	0913171284
21	Nguyễn Tất Độ	Phó Chủ tịch UBMTTQVN tỉnh	Ủy viên	0946335379
22	Nguyễn Phước Huy	GĐ Đài KT-TV tỉnh	Ủy viên	0986566051

STT	Họ và tên	Chức vụ-Đơn vị	Chức vụ trong BCH	Số ĐT
23	Đỗ Thị Phước Thiện	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh	Ủy viên	0918191429
24	Nguyễn Xuân Tĩnh	GD Cảng vụ Hàng hải	Ủy viên	0934578999
25	Võ Tấn Nhân	GD Công ty TĐ Trị An	Ủy viên	0963942389
26	Lê Thị Thái	Chủ tịch Hội Phụ nữ tỉnh	Ủy viên	0909867206
27	Đỗ Hữu Hoàng	Phó GD KT SX - Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	Ủy viên	0963940750
28	Nguyễn Minh Kiên	Bí thư tỉnh đoàn	Ủy viên	0917517787
29	Vũ Quốc Việt	Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt, BVTT và Thuỷ lợi tỉnh	Chánh VP Ban chỉ huy - Ủy viên	0913126384
II	Thành phố Biên Hòa			
1	Đỗ Khôi Nguyên	Chủ tịch UBND TP. Biên Hòa	Trưởng BCH	0908.271.672
2	Nguyễn Duy Tân	Phó Chủ tịch UBND TP. Biên Hòa	Phó Trưởng Ban Thường trực	0826.559.466
3	Nguyễn Thị Duyên	Trưởng phòng kinh tế - UBND		0918.630.268
4	Nguyễn Thành Trường	Phó Trưởng phòng kinh tế - UBND		0889.557.171
5	Đỗ Hữu Tuyền	Phó Trưởng Công an Tp. Biên Hòa	Phó Trưởng Ban	0989.347.777
6	Phạm Tiến Thọ	Phó chỉ huy trưởng BCH Quân sự TP	Phó Trưởng Ban	0915.308.970
7	Lại Ngọc Dậu	Phó hạt trưởng Hạt kiểm lâm	Phó Trưởng Ban	0914.619.519
8	Nguyễn Thanh Phú	Phó trưởng phòng Quản lý đô thị	Phó trưởng ban	0913.857.939
9	Võ Phương Tùng	Trưởng phòng TNMT	Thành viên BCH	0934.841.763
10	Nguyễn Hữu Tâm	Phó Chánh VP HĐND	Thành viên BCH	0908.412.968
11	Nguyễn Văn Đức	Phó trưởng phòng LĐTBXH	Thành viên BCH	0919.916.706
12	Hà Thị Dung	Phó trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	Thành viên BCH	0908.780.233
13	Trần Hùng	Phó trưởng phòng Y tế	Thành viên BCH	0916.789.949
14	Lưu Thị Hằng	Phó trưởng phòng GD&ĐT	Thành viên BCH	0949.460.288
15	Trương Ngọc Thanh	Phó trưởng phòng VH&TT	Thành viên BCH	0918.569.100
16	Nguyễn Thị Doan	Chi cục phó Chi cục Thống kê	Thành viên BCH	0918.925.232
17	Văn Quang Mỹ	Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án	Thành viên BCH	0902.979.198
18	Đỗ Minh Quang	Giám đốc TT Y tế	Thành viên BCH	0918.928.604

STT	Họ và tên	Chức vụ-Đơn vị	Chức vụ trong BCH	Số ĐT
19	Lê Tấn Bình	Phó GD TT VH TT	Thành viên BCH	0918.573.507
20	Nguyễn Tấn Hải	Phó GD TT Dịch vụ công ích	Thành viên BCH	0903.666.324
21	Nguyễn Thị Hồng Xoan	Phó GD XN Dịch vụ Đô thị Công ty CP Môi trường Sonidezi	Thành viên BCH	0986.363.832
22	Nguyễn Mạnh Tiến	Ủy viên UBMTTQ	Thành viên BCH	0907.865.496
23	Trần Phạm Quốc Dũng	Ủy viên BCH Liên đoàn lao động	Thành viên BCH	0946.646.668
24	Nguyễn Quốc Thắng	UVTV Thành đoàn	Thành viên BCH	0939.341.379
25	Huỳnh Thị Kim Kiên	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	Thành viên BCH	0919.549.777
26	Đặng Thị Phương	Phó Chủ tịch Hội chữ thập đỏ	Thành viên BCH	0907.298.978
27	Trần Văn Triều	Ủy viên BCH Hội Cựu chiến binh	Thành viên BCH	0914.496.949
28	Trần Thanh Cảnh	Chủ tịch Hội Nông dân	Thành viên BCH	0908.857.809
29	Hồ Chiến Thắng	Phó GD Điện lực Biên Hòa	Thành viên BCH	0963.941.947.
30	Hồ Thanh Thiệp	Phó GD Điện lực Biên Hòa 2	Thành viên BCH	0918.808.038
31	Trần Ngọc Thái	Giám đốc Điện lực Long Thành	Thành viên BCH	02512.214.214
32	Đỗ Xuân Thường	Phó GD TT Viễn thông Biên Hòa 1	Thành viên BCH	0913.757.040
33	Trần Đình Quý	Phó GD TT Viễn thông Biên Hòa 2	Thành viên BCH	0912.402.040
34	Nguyễn Thành Trường	Cơ quan TT BCH (phòng Kinh tế)		0916.511.541
35	Chủ tịch UBND 30 phường, xã		Thành viên BCH	
III	Thành phố Long Khánh			
1	Đỗ Chánh Quang	Chủ tịch UBND	Trưởng ban	0982994545
2	Bùi Quốc Thế	Phó Chủ tịch UBND	Phó Trưởng ban thường trực	0941942666
3	Nguyễn Bích Hạnh	Trưởng Phòng Kinh tế	Phó trưởng ban	0918058010
4	Trần Phương Đông	Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự thành phố	Phó trưởng ban	0913980417
5	Phạm Hồng Minh	Phó Trưởng Công an thành phố	Phó trưởng ban	0919.157777
6	Trần Thanh Tân	Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố	Thành viên	933.924.462
7	Trần Huỳnh Dũ	Phó Trưởng Phòng Quản lý đô thị	Thành viên	0987195159
8	Lâm Thị Ngọc Thảo	Phó Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch	Thành viên	0968032547

STT	Họ và tên	Chức vụ-Đơn vị	Chức vụ trong BCH	Số ĐT
9	Nguyễn Ngọc Mai	Phó Trưởng phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	Thành viên	0948626777
10	Lương Hồng Quân	Phó Trưởng phòng Y tế	Thành viên	0918807899
11	Trần Văn Kim	Trưởng Phòng Nội vụ	Thành viên	0918.797061
12	Trần Công Nghị	Trưởng Phòng Giáo dục – Đào tạo	Thành viên	0913199063
13	Trương Thị Hương	Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin	Thành viên	0919246989
14	Nguyễn Minh Tuấn	Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường	Thành viên	919.302.229
15	Nguyễn Văn Mẫn	Phó Giám đốc Điện lực Long Khánh	Thành viên	0914606049
16	Võ Thị Thủy	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ thành phố	Thành viên	0916756861
17	Nguyễn Thị Thanh Uyên	Phó GD Trung tâm VH-TT-TT thành phố	Thành viên	0946201175
18	Hồ Minh Thế	Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm liên huyện Xuân Lộc	Thành viên	918.742.310
19	Đặng Hoàng Nhân	Giám đốc Trung tâm Viễn thông khu vực Long Khánh	Thành viên	0913940766
20	Nguyễn Đức Đới	Giám đốc Trung tâm DVNN thành phố	Thành viên	0907498310
21	Mai Văn Thành	Trưởng Trạm Khí tượng nông nghiệp Long Khánh	Thành viên	0907924742
22	Phạm Minh Tâm	Ủy viên Thường trực UBMTTQVN thành phố	Thành viên	0949252499
23	Phan Thị Minh Hiếu	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố	Thành viên	0909366037
24	Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch Hội Nông dân thành phố	Thành viên	0832400199
25	Bùi Khánh Nam	Phó Bí thư Thành đoàn	Thành viên	0972456144
26	Nguyễn Văn Phước	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần KCN Long Khánh	Thành viên	0918089399
27	Lê Thị Kim Chi	Phó Giám đốc Xí nghiệp Hạ tầng Khu công nghiệp Suối Tre	Thành viên	0987894557
IV	Huyện Cẩm Mỹ			
1	Huỳnh Tấn Thín	Chủ tịch UBND huyện	Trưởng ban	0979890189
2	Nguyễn Văn Tường	Phó chủ tịch UBND huyện	Phó Trưởng ban thường trực	0918308307
3	Nguyễn Tường Linh	Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện	Phó Trưởng ban phụ trách TKCN	
4	Nguyễn Văn Mạnh	Phó Trưởng Công an huyện	Phó Trưởng ban phụ trách TKCN và ANTT	

STT	Họ và tên	Chức vụ-Đơn vị	Chức vụ trong BCH	Số ĐT
5	Nguyễn Tô Ngọc Hoàng	Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện	Phó Trưởng ban phụ trách PCTT	0982243486
6	Trần Phúc Thuận	Phó Trưởng phòng Nội vụ huyện	Thành viên	0938277168
7	Lê Ngọc Thành	Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	Thành viên	0913720318
8	Phạm Thị Chiên	Phó Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện	Thành viên	0964691878
9	Nguyễn Duy Hưng	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	Thành viên	0938447779
10	Bá Ngọc Sơn	Phó Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện	Thành viên	0918925950
11	Hồ Viết Ân	Phó Trưởng phòng Y tế huyện	Thành viên	0972327479
12	Nguyễn Thanh Không	Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Thành viên	0984791317
13	Trần Như Hoành	Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	Thành viên	0937024638
14	Đoàn Văn Hùng	Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin huyện	Thành viên	0984890138
15	Trần Khánh Nam	Chi cục Trưởng Chi cục thống kê huyện	Thành viên	
16	Trịnh Minh Mẫn	Phó Giám đốc TTVHTT&TT huyện	Thành viên	
17	Lê Đình Thiện	Phó Giám đốc BQL Dự án huyện	Thành viên	
18	Trần Văn Lương	Phó Giám đốc Trung Tâm dịch vụ nông nghiệp huyện	Thành viên	
19	Trần Văn Thiêm	Phó Giám đốc điện lực Cẩm Mỹ	Thành viên	
20	Lê Thị Minh Tuyết	Giám đốc Bưu điện Đồng Nai - Chi nhánh Cẩm Mỹ	Thành viên	
21	Hoàng Văn Tuyền	Phó Chủ tịch Hội CTĐ huyện	Thành viên	
22	Cổ Tuấn Huy	Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm liên huyện Long Thành – Cẩm Mỹ	Thành viên	
23	Ngô Hữu Phụng	Phó Chủ tịch UBMTTQ huyện	Thành viên	
24	Nguyễn Thị Thùy Linh	Bí thư Huyện đoàn huyện	Thành viên	
V	Huyện Định Quán			
1	Trần Nam Biên	Chủ tịch UBND	Trưởng ban	0918.537.079
2	Ngô Tấn Tài	Phó Chủ tịch UBND	Phó Trưởng ban thường trực	0918.848.897
3	Trần Ngọc Quang	Phó trưởng Công an huyện	Phó trưởng ban	0948.812.277
4	Cao Văn Dũng	Phó Chỉ huy Trưởng Ban chỉ huy Quân sự	Phó trưởng ban	0974.316.197

STT	Họ và tên	Chức vụ-Đơn vị	Chức vụ trong BCH	Số ĐT
5	Nguyễn Trường Giang	Phó Trưởng phòng NN&PTNT	Phó trưởng ban	0944.206.000
6	Nguyễn Văn Minh	Phó Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch	Thành viên	0917.927.007
7	Nguyễn Đình Xảo	Chánh VP HĐND&UBND	Thành viên	0918.345.524
8	Lê Thanh Tuấn	Trưởng phòng Kinh tế hạ tầng	Thành viên	0913.757.003
9	Nguyễn Tấn Đức	Phó Trưởng phòng LĐTB&XH	Thành viên	0908.757.871
10	Đinh Ngọc Nhân	Trưởng phòng Y tế	Thành viên	0982.498.699
11	Ngô Hồng Phúc	Trưởng phòng TN&MT	Thành viên	0913.835.522
12	Thiều Quang Tân	Phó Trưởng phòng VH&TT	Thành viên	0933.257.373
13	Nguyễn Mạnh Khỏe	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	Thành viên	0917.393.349
14	Nguyễn Văn Tùng	GD TT Y tế huyện	Thành viên	0918.384.799
15	Võ Ngọc Xuân Huyền	GD Bưu điện	Thành viên	0916.669.555
16	Võ Văn Minh	GD TT Viễn thông	Thành viên	0918.520.004
17	Đinh Đức Tường	GD Điện lực Định Quán	Thành viên	0963.795.796
18	Lê Xuân Nghĩa	Phó Trưởng phòng GD&ĐT	Thành viên	0915.753.349
19	Thạch Thị Ngọc Thanh	Trưởng phòng Dân tộc	Thành viên	0977.829.45
20	Bùi Thanh Cảnh	Phó GD TT VH&TT	Thành viên	0911.613.989
21	Đặng Trọng Dũng	Phó GD TT Dịch vụ Nông nghiệp	Thành viên	0909.183.198
22	Vũ Thế Quảng	Chi cục Phó Chi cục Thuế khu vực Định Quán, Tân Phú	Thành viên	0961.601.070
23	Lê Thanh Sơn	Chủ tịch UBMTTQVN	Thành viên	0909.687.079
24	Nguyễn Thị Hương Giang	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ	Thành viên	0975.693.201
25	Đoàn Gương Mầu	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	Thành viên	0913.991.454
26	Hoàng Xuân Mẫn	Chủ tịch Hội CCB	Thành viên	0908.539.673
27	Bùi Thị Minh Ngọc	Bí thư Huyện đoàn	Thành viên	0971.301.508
28	Đỗ Thị Vân Thư	Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động	Thành viên	0944.418.347
VI	Huyện Long Thành			
1	Nguyễn Minh Tiếp	Chủ tịch UBND	Trưởng ban	0903.706.768

STT	Họ và tên	Chức vụ-Đơn vị	Chức vụ trong BCH	Số ĐT
2	Trần Văn Thân	Phó Chủ tịch UBND	Phó Trưởng ban thường trực	0937.588.979
3	Lâm Văn Minh	Trưởng phòng Kinh tế hạ tầng	Phó trưởng ban	0946.838.918
4	Cao Hữu Nguyên	Phó trưởng Công an huyện	Phó trưởng ban	0948.812.277
5	Nguyễn Văn Trọng	Phó Chỉ huy Trưởng Ban chỉ huy Quân sự	Phó trưởng ban	0977.166.169
6	Huỳnh Thị Kim Loan	Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch	Thành viên	0918.444.088
7	Lê Đỗ Chung	Chánh VP HĐND&UBND	Thành viên	0938.750.393
8	Phạm Anh Dũng	Trưởng phòng Quản lý đô thị	Thành viên	0918.169.352
9	Lê Thanh Long	Phó Trưởng phòng LĐTB&XH	Thành viên	0919.255.455
10	Lê Vĩnh Thịnh	Trưởng phòng Y tế	Thành viên	0939.011.677
11	Phan Công Minh	Phó Trưởng phòng TN&MT	Thành viên	0902.788.399
12	Lê Khắc Toàn	Trưởng phòng VH&TT	Thành viên	0918.448.906
13	Phạm Ngọc Vinh	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	Thành viên	0784.180.481
14	Nguyễn Thị Văn Vãn	GD TT Y tế huyện	Thành viên	0908.411.308
15	Nguyễn Văn Hai	GD BV Đa khoa Long Thành	Thành viên	0935.293.038
16	Võ Đình Việt	GD BQL dự án	Thành viên	0913.126.348
17	Trần Ngọc Thái	GD Điện lực Long Thành	Thành viên	0963.202.303
18	Nguyễn Văn Toàn	Trưởng phòng GD&ĐT	Thành viên	0913.101.193
19	Nguyễn Đức Hiệp	Phó GD TT VH&TT	Thành viên	0913.073.181
20	Võ Văn Huân	Phó GD TT Dịch vụ Nông nghiệp	Thành viên	0918.538.159
21	Phạm Ngọc Toàn	GD TT dịch vụ công ích	Thành viên	0936.146.646
22	Nguyễn Thị Kiều Loan	Chủ tịch UBMTTQVN	Thành viên	083.456.1768
23	Nguyễn Thị Thu Hiền	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ	Thành viên	0937.355.983
VII	Huyện Nhơn Trạch			
1	Nguyễn Thị Hương Giang	Chủ tịch UBND	Trưởng ban	0909.507.578
2	Nguyễn Hữu Thành	Phó Chủ tịch UBND	Phó Trưởng ban thường trực	0913.786.311

STT	Họ và tên	Chức vụ-Đơn vị	Chức vụ trong BCH	Số ĐT
3	Nguyễn Văn Nhân	Trưởng phòng Kinh tế	Phó trưởng ban	0918.984.722
4	Trần Văn Thuận	Phó trưởng Công an huyện	Phó trưởng ban	0994.373.219
5	Lại Như Thanh	Chỉ huy Trưởng Ban chỉ huy Quân sự	Phó trưởng ban	0979.988.979
6	Cao Văn Thành	Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch	Thành viên	0918.222.375
7	Hồ Quốc Tân	Chánh VP HĐND&UBND	Thành viên	0987.809.977
8	Nguyễn Văn Luận	Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị	Thành viên	0918.536.775
9	Lưu Thanh Bình	Trưởng phòng LĐTB&XH	Thành viên	0918.599.527
10	Phạm Hoàng An	Trưởng phòng TN&MT	Thành viên	0914.496.789
11	Hồ Nguyễn Trung Trinh	Phó Trưởng phòng VH&TT	Thành viên	0907.365.906
12	Phan Thị Hiệp	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	Thành viên	0917.776.911
13	Hồ Minh Văn	Phó GD TT Y tế huyện	Thành viên	0908.562.948
14	Lê Văn Vượng	GD Điện lực Nhơn Trạch	Thành viên	0968.170.468
15	Lê Minh Hùng	Trưởng phòng GD&ĐT	Thành viên	0908.356.411
16	Huỳnh Trung Dũng	Phó GD TT VH&TT	Thành viên	0918.608.272
17	Đặng Phi Hùng	Phó GD TT Dịch vụ Nông nghiệp	Thành viên	0908.251.642
18	Lê Quán Khang	Trưởng Trạm khai thác công trình thủy lợi Nhơn Trạch	Thành viên	0903.486.928
19	Nguyễn Thanh Hòa	Phó Chủ tịch UBMTTQVN	Thành viên	0903.168.739
20	Hồ Thị Kim Ngân	Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ	Thành viên	0818.381.789
21	Bùi Phước Đức	Chủ tịch Hội Nông dân	Thành viên	0933.199.555
22	Châu Thành Phương	Bí thư Huyện đoàn	Thành viên	0902.949.133
23	Đỗ Thị Vân Thư	Chủ tịch Liên đoàn lao động	Thành viên	0908.264.959
VIII Huyện Tân Phú				
1	Nguyễn Hữu Ký	Chủ tịch UBND	Trưởng ban	0972888168
2	Phạm Ngọc Hưng	Phó Chủ tịch UBND	Phó Trưởng ban thường trực	0387969007
3	Phạm Hồng Chính	Trưởng Công an Huyện	Phó Trưởng ban	0904444640
4	Đào Quốc Tấn	Chỉ huy Trưởng BCH quân sự huyện	Phó Trưởng ban	0981734418

STT	Họ và tên	Chức vụ-Đơn vị	Chức vụ trong BCH	Số ĐT
5	Nguyễn Nhật Hồng	Trưởng Phòng NN&PTNT huyện	Phó Trưởng ban	0919656298
6	Nguyễn Văn Cường	Phó Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện	Thành viên	0913591963
7	Phạm Thanh Hải	Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin	Thành viên	0933002822
8	Đinh Văn Ân	Trưởng phòng Lao động, Thương binh và xã hội	Thành viên	0918871504
9	Ngô Ngọc Anh	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	Thành viên	0919125172
10	Nguyễn Quốc Đồng	Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường	Thành viên	0888517618
11	Mai Hữu Lân	Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng	Thành viên	0913442379
12	Lưu Văn Luận	Chi cục Trưởng chi cục Thống kê	Thành viên	0909856398
13	Phạm Thị Tuyết	Trưởng trạm khai thác CTTL Tân Phú – Định Quán	Thành viên	0978353218
14	Nguyễn Xuân Sang	Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện	Thành viên	0918232667
15	Đinh Tuấn Đạt	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc huyện	Thành viên	0332080298
16	Phạm Công Gia	Chủ tịch Hội chữ thập đỏ huyện	Thành viên	0913103399
17	Lê Thị Tuyết Minh	Chủ tịch hội Phụ nữ huyện	Thành viên	0938188566
18	Phan Thế Công	Bí Thư - Huyện Đoàn	Thành viên	0977530609
IX	Huyện Thống Nhất			
1	Mai Văn Hiền	Chủ tịch UBND huyện	Trưởng ban	0918773630
2	Nguyễn Đình Cường	Phó Chủ tịch UBND huyện	Phó TB thường trực	0918.620999
3	Ngô Thanh Tùng	Trưởng phòng NN&PTNT	Phó trưởng ban	0913104878
4	Lê Khắc Tuấn	Phó Chỉ huy trưởng BCH Quân sự	Phó trưởng ban	0989299161
5	Đỗ Văn Lượng	Phó Trưởng Công an huyện	Phó trưởng ban	0978996272
6	Trần Quang Tuấn	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Thành viên	0913107197
7	Trần Thị Minh Hải	Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường	Thành viên	0903101720
8	Phạm Hữu Tài	GD TT dịch vụ nông nghiệp	Thành viên	0937475239
X	Huyện Trảng Bom			
1	Vũ Thị Minh Châu	Chủ tịch UBND	Trưởng ban	0918.926.144
2	Lê Ngọc Tiên	Phó Chủ tịch UBND	Phó Trưởng ban thường trực	0989.393.307

STT	Họ và tên	Chức vụ-Đơn vị	Chức vụ trong BCH	Số ĐT
3	Nguyễn Văn Dũng	Trưởng phòng Kinh tế	Phó trưởng ban	0948.894.134
4	Lê Văn Duẩn	Phó trưởng Công an huyện	Phó trưởng ban	0913.612.597
5	Nguyễn Đức Tính	Phó Chỉ huy Trưởng Bọn chỉ huy Quân sự	Phó trưởng ban	0938.558.516
6	Trần Mạnh Hà	Phó Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch	Thành viên	0903.028.096
7	Lâm Quang Huy	Chánh VP HĐND&UBND	Thành viên	0918.522.666
8	Nguyễn Hải Triều	Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị	Thành viên	0918.235.749
9	Trần Văn Thành	Phó Trưởng phòng LĐTB&XH	Thành viên	0918.926.617
10	Ngô Đức Vượng	Phó Trưởng phòng TN&MT	Thành viên	0918.926.057
11	Phạm Văn Trọng	Phó Trưởng phòng VH&TT	Thành viên	0918.285.196
12	Hoàng Đức Tuấn	Phó GD TT dịch vụ hạ tầng	Thành viên	0919.312.170
13	Lê Văn Cường	Phó Trưởng phòng Y tế	Thành viên	0342.791.945
14	Trần Minh Trung	Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	Thành viên	0919.473.603
15	Phạm Đức Thiện	Trưởng phòng kế hoạch nghiệp vụ- TT Y tế huyện	Thành viên	0918.538.313
16	Nguyễn Minh Hoàng	GD TT viễn thông khu vực Trảng Bom	Thành viên	0913.757.040
17	Lê Minh Luân	Phó GD Điện lực Trảng Bom	Thành viên	0963.719.794
18	Nguyễn Văn Hoàng	Phó Trưởng phòng GD&ĐT	Thành viên	0918.926.096
19	Lê Đình Khải	Phó GD TT VH&TT	Thành viên	0933.534.938
20	Nguyễn Ngọc Chung	GD TT Dịch vụ Nông nghiệp	Thành viên	0913.166.083
21	Nguyễn Văn Hải	Phó Chủ tịch UBND	Thành viên	0907.211.077
22	Trần Thị Thu Hường	Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ	Thành viên	0903.549.174
23	Lê Thanh Tùng	Bí thư Huyện đoàn	Thành viên	0937.999.275
XI Huyện Vĩnh Cửu				
1	Nguyễn Quang Phương	Chủ tịch UBND	Trưởng ban	0913982471
2	Nguyễn Cao Tài	Phó Chủ tịch UBND	Phó Trưởng ban thường trực	0948727997
3	Phạm Đức Tâm	Phó trưởng Công an huyện	Phó trưởng ban	0933993368
4	Nguyễn Văn An	Chỉ huy Trưởng Bọn chỉ huy Quân sự	Phó trưởng ban	0919350768

STT	Họ và tên	Chức vụ-Đơn vị	Chức vụ trong BCH	Số ĐT
5	Nguyễn Trần Phước Lộc	Trưởng phòng NN&PTNT	Phó trưởng ban	0978.109.990
6	Lê Anh Tuấn	Chánh VP H&ND&UBND	Ủy viên	0912.214.960
7	Huỳnh Văn Gắt	Trưởng phòng GD-ĐT	Ủy viên	0909.794.720
8	Lê Quang Hiền	Trưởng phòng KT-HT	Ủy viên	0838448109
9	Quách Vĩnh Tài	Trưởng phòng LĐTB&XH	Ủy viên	0907.301.404.
10	Trần Gia Song	Trưởng phòng TC-KH	Ủy viên	0918142549
11	Nguyễn Thị Thanh Nguyên	Trưởng phòng TNMT	Ủy viên	0973677515
12	Lê Văn Hoàng	Trưởng Phòng Nội vụ	Ủy viên	0908047777
13	Trương Thị Ngọc Anh	Trưởng phòng VH-TT	Ủy viên	0908879715
14	Nguyễn Ngọc Thạch	Trưởng phòng y tế	Ủy viên	0854.668.908.
15	Nguyễn Đức Nam	Phó Trưởng phòng NN&PTNT	Ủy viên	0987252668
16	Đỗ Thị Tuyết Hồng	Chủ tịch Hội chữ thập đỏ huyện	Ủy viên	
17	Trần Viết Huy	GD TT dịch vụ nông nghiệp	Ủy viên	
18	Võ Tấn Nhẫn	GD Công ty TĐ Trĩ An	Ủy viên	0963942389
19	Huỳnh Dũng Tiến	GD Điện lực Trĩ An	Ủy viên	
20		GD VNPT địa bàn huyện Vĩnh Cửu	Ủy viên	
21	Nguyễn Hoàng Hào	GD Khu Bảo tồn TN-VH Đồng Nai	Ủy viên	
22	Nguyễn Thị Hương Giang	GD TT Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện	Ủy viên	0973687562
23	Hồ Văn Hoài	GD TT Y tế huyện	Ủy viên	0337333223
24		Chủ tịch UBND các xã, thị trấn Vĩnh An	Ủy viên	
25	Nguyễn Văn Hóa	Chủ tịch UBMTTQVN huyện	Ủy viên	0949231988
26	Đàm Quốc Đạt	Bí thư Đoàn TNCS huyện	Ủy viên	
27	Nguyễn Thị Minh Châu	Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện	Ủy viên	
28	Trần Mỹ Ngọc	Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ	Ủy viên	
XII	Huyện Xuân Lộc			
1	Nguyễn Thị Cát Tiên	Chủ tịch UBND	Trưởng ban	0918154483

STT	Họ và tên	Chức vụ-Đơn vị	Chức vụ trong BCH	Số ĐT
2	Nguyễn Văn Linh	Phó Chủ tịch UBND	Phó Trưởng ban thường trực	0985255052
3	Lê Thị Hiệp	Trưởng phòng NN&PTNT	Phó trưởng ban	0904428294
4	Lê Anh Việt	Trưởng phòng Kinh tế hạ tầng	Thành viên	0988866658
5	Đặng Doãn Thành	Phó trưởng Công an huyện	Phó trưởng ban	0918153814
6	Trần Quy	Chỉ huy Trưởng Ban chỉ huy Quân sự	Phó trưởng ban	
7	Nguyễn Thị Bích Vân	Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch	Thành viên	0983871944
8	Trần Sơn Kim	Chánh VP HĐND&UBND	Thành viên	0903926573
9	Hồ Quang Toàn	Đội trưởng Đội phòng cháy chữa cháy	Thành viên	0917243107
10	Nguyễn Ngọc Dũng	Trưởng phòng LĐTB&XH	Thành viên	919403071
11	Triệu Thị Loan	GD Bưu điện	Thành viên	
12	Trịnh Văn Cường	Trưởng phòng VH TT	Thành viên	0846820193
13	Nguyễn Minh Hiền	Trưởng phòng Y tế	Thành viên	0918805027
14	Bùi Thái Chiến	GD TT Y tế huyện	Thành viên	0984076960
15	Phạm Quang Vĩnh Phú	GD Điện lực Xuân Lộc	Thành viên	
16	Thân Anh Thiết	Trưởng phòng GD&ĐT	Thành viên	0919 407 745
17	Vi Hữu Đông	GD TT VH TT&TT	Thành viên	
18	Trần Văn Tâm	GD TT Dịch vụ Nông nghiệp	Thành viên	0909761404
19	Trần Đình Dung	Chủ tịch UBMTTQVN huyện	Thành viên	0916669667
20	Nguyễn Thiện Bình	Bí thư Huyện đoàn	Thành viên	
21	Phan Thanh Xứng	Chủ tịch Hội Nông dân	Thành viên	
22	Nguyễn Tự Do	Chủ tịch Hội chữ thập đỏ huyện	Thành viên	0913659124

PHỤ LỤC 3:

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

Danh mục:

Phụ lục 3.1: Danh sách các xã/phường/thị trấn dễ bị tổn thương do thiên tai

Phụ lục 3.2: Thống kê đối tượng dân số dễ bị tổn thương do thiên tai

Phụ lục 3.3: Các công trình xung yếu, cần bảo vệ trước thiên tai

Phụ lục 3.4: Thống kê công trình nhà ở dễ bị tổn thương do thiên tai

Phụ lục 3.5: Kết quả tổng hợp đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng loại hình thiên tai gây ra theo địa bàn cấp huyện và cấp xã

PHỤ LỤC 3.1: DANH SÁCH CÁC XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN DỄ BỊ TÔN THƯƠNG DO THIÊN TAI

STT	Tên xã, thị trấn, phường	Huyện, thành phố	Phân theo loại hình Thiên tai							
			Bão/ ATNĐ	Sạt lở	Hạn hán - XNM	Mưa lớn	Lũ, ngập lụt	Lốc, sét	Lũ quét	Triều cường
1	Phường Hiệp Hòa	Thành phố Biên Hòa	X			X	X	X		
2	Phường Hóa An		X			X	X			
3	Phường Tân Hạnh		X			X	X			
4	Phường Phước Tân		X			X	X			
5	Xã Long Hưng		X			X	X			
6	Phường An Hòa		X			X	X			
7	Phường Tam Phước		X			X	X			
8	Phường Tân Vạn		X			X	X			X
9	Phường Bửu Hòa		X			X	X			
10	Phường Bửu Long		X			X	X			X
11	Phường Quyết Thắng		X			X	X			
12	Phường Long Bình Tân		X			X	X			X
13	Phường Thống Nhất		X			X	X			X
14	Phường Tân Mai		X	X		X	X			X
15	Phường An Bình		X			X	X			X
16	Phường Tân Phong		X			X	X			
17	Phường Tân Tiến		X			X	X			
18	Phường Trảng Dài		X			X	X	X		
19	Phường Hồ Nai		X			X	X			
20	Phường Long Bình		X			X	X			
21	Phường Bình Đa		X			X	X			X
22	Phường Thanh Bình		X			X	X			
23	Phường Tam Hiệp		X			X	X			X
24	Phường Quang Vinh		X			X	X			
25	Phường Trung Dũng		X			X	X			X

STT	Tên xã, thị trấn, phường	Huyện, thành phố	Phân theo loại hình Thiên tai							
			Bão/ ATNĐ	Sạt lở	Hạn hán - XNM	Mưa lớn	Lũ, ngập lụt	Lốc, sét	Lũ quét	Triều cường
26	Phường Xuân Lập	Thành phố Long Khánh	X		X	X	X	X	X	
27	Xã Hàng Gòn		X		X	X	X	X	X	
28	Phường Bảo Vinh		X		X	X	X	X		
29	Xã Bình Lộc		X		X	X	X	X	X	
30	Phường Suối Tre		X		X	X	X	X		
31	Xã Bảo Quang		X		X	X	X	X		
32	Xã Bàu Trâm		X		X	X	X	X		
33	Phường Xuân Trung		X			X	X	X		
34	Phường Xuân Hòa		X			X	X	X		
35	Phường Bàu Sen		X		X	X	X	X		
36	Phường Xuân Tân		X		X	X	X	X		
37	Xã Cẩm Đường	Huyện Long Thành	X			X	X	X		
38	Xã Bàu Cạn		X			X	X	X		
39	Xã Phước Thái		X			X	X	X		X
40	Xã Bình Sơn		X			X		X	X	
41	Xã Long An		X			X		X	X	X
42	Xã Lộc An		X			X	X	X	X	
43	Xã Phước Bình		X			X	X	X		
44	Xã Tam An		X		X	X	X	X		X
45	Thị trấn Long Thành		X		X	X	X	X		
46	Thị trấn Hiệp Phước	Huyện Nhơn Trạch	X		X	X	X	X		
47	Xã Phước Thiện		X	X	X	X	X	X		X
48	Xã Long Thọ		X		X	X	X	X		X
49	Xã Phước An		X			X	X	X		X
50	Xã Phước Khánh		X	X		X	X	X		
51	Xã Phú Đông		X			X	X	X		
52	Xã Đại Phước		X	X	X	X	X	X		X

STT	Tên xã, thị trấn, phường	Huyện, thành phố	Phân theo loại hình Thiên tai							
			Bão/ ATNĐ	Sạt lở	Hạn hán - XNM	Mưa lớn	Lũ, ngập lụt	Lốc, sét	Lũ quét	Triều cường
53	Xã Phú Hữu	Huyện Nhơn Trạch	x	x		x	x	x		x
54	Xã Long Tân		x	x	x	x	x	x		
55	Xã Phú Hội		x		x	x	x	x		
56	Xã Vĩnh Thanh		x			x	x	x		
57	Xã Phú Thạnh		x	x	x	x	x	x		x
58	Xã Sông Ray	Huyện Cẩm Mỹ	x			x	x	x		
59	Xã Xuân Đông		x			x	x	x		
60	Xã Sông Nhạn		x			x	x	x		
61	Xã Long Giao		x			x	x	x		
62	Xã Xuân Hưng	Huyện Xuân Lộc	x			x	x			
63	Xã Lang Minh		x		x	x	x			
64	Xã Suối Cát		x			x	x	x		
65	Xã Xuân Thọ		x			x	x	x		
66	Xã Suối Cao		x			x	x			
67	Xã Xuân Bắc		x			x	x	x		
68	Xã Xuân Thành		x			x		x		
69	Xã Xuân Phú		x		x	x		x		
70	Xã Bàu Hàm 2	Huyện Thống Nhất	x			x	x	x		
71	Xã Gia Kiệm		x			x	x	x		
72	Xã Lộ 25		x			x	x	x		
73	Xã Đồi 61	Huyện Trảng Bom	x			x	x	x		
74	Xã An Viễn		x			x	x			
75	Xã Giang Điền		x			x	x			
76	Xã Sông Thao		x			x	x	x	x	
77	Xã Bình Minh		x			x	x		x	
78	Xã Sông Trầu		x			x	x			
79	Xã Bắc Sơn		x			x	x		x	

STT	Tên xã, thị trấn, phường	Huyện, thành phố	Phân theo loại hình Thiên tai							
			Bão/ ATNĐ	Sạt lở	Hạn hán - XNM	Mưa lớn	Lũ, ngập lụt	Lốc, sét	Lũ quét	Triều cường
80	Thị trấn Trảng Bom	Huyện Trảng Bom	x			x		x		
81	Xã Hố Nai 3		x	x						
82	Xã Bình Hòa	Huyện Vĩnh Cửu	x			x		x		
83	Xã Phú Lý		x	x		x	x			
84	Xã Trị An		x			x		x		
85	Xã Thiện Tân		x	x		x		x		
86	Xã Vĩnh Tân		x			x	x	x		
87	Xã Bình Lợi		x	x		x	x			
88	Xã Thạnh Phú		x			x	x			
89	Xã Tân An		x	x		x	x	x		
90	Thị trấn Vĩnh An		x			x		x		
91	Xã Tân Bình		x			x		x		
92	Xã Hiếu Liêm		x	x		x				
93	Xã Đắc Lua	Huyện Tân Phú	x			x	x	x		
94	Xã Nam Cát Tiên		x	x		x	x	x		
95	Xã Núi Tượng		x			x	x	x		
96	Xã Phú Thịnh		x			x	x	x		
97	Xã Phú Điền		x		x	x	x	x		
98	Xã Phú Bình		x		x	x		x		
99	Xã Phú Sơn		x			x		x		
100	Xã Thanh Sơn		x			x	x	x		
101	Xã Phú An		x	x		x		x		
102	Xã Phú Cường	Huyện Định Quán	x			x	x	x		
103	Xã Thanh Sơn		x			x	x	x		
104	Xã Ngọc Định		x			x	x	x		
105	Xã Phú Ngọc		x			x	x	x		
106	Xã La Ngà		x			x	x	x		
107	Thị trấn Định Quán		x	x		x	x	x		

**PHỤ LỤC 3.2: THỐNG KÊ CÁC ĐỐI TƯỢNG DÂN SỐ DỄ BỊ TỔN THƯƠNG DO THIÊN TAI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

TT	Huyện/Thành phố	Dân số (Người)	Đối tượng						
			Hộ nghèo (Hộ)	Hộ cận nghèo (Hộ)	Người cao tuổi (Người)	Người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội (Người)	Học sinh mẫu giáo (Người)	Học sinh tiểu học (Người)	Học sinh THCS (Người)
1	TP. Biên Hòa	1.117.037	497	218	54.394	8.688	33.532	102.753	67.107
2	TP. Long Khánh	163.899	102	190	12.035	2.326	7.487	13.032	9.373
3	Long Thành	26.163	578	163	16.282	2.085	7.150	23.731	15.225
4	Nhơn Trạch	281.933	1.048	667	11.792	2.027	10.898	21.586	13.243
5	Định Quán	190.034	906	616	18.346	3.850	9.716	18.547	12.883
6	Thống Nhất	169.323	963	289	11.987	2.013	8.227	15.921	10.423
7	Cẩm Mỹ	144.269	351	726	13.041	1.725	7.137	11.043	7.842
8	Tân Phú	154.244	1.035	1.858	15.358	2.944	8.421	14.647	11.101
9	Trảng Bom	369.207	596	665	17.500	2.343	9.443	36.846	22.714
10	Vĩnh Cửu	169.147	298	417	11.231	1.947	7.824	15.244	10.002
11	Xuân Lộc	235.083	683	1.107	16.412	2.496	12.037	21.840	15.002
	TỔNG	3.020.339	7.057	6.916	198.378	32.444	121.872	295.190	194.915

PHỤ LỤC 3.3: CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM, XUNG YẾU CẦN BẢO VỆ KHI CÓ THIÊN TAI

STT	Tên công trình	Vị trí	Đánh giá sơ bộ tác động	Phương án ứng phó thiên tai	
				Có phương án	Chưa có phương án
1	Nạo vét suối Sắn Máu (đoạn đầu nhánh suối chính)	TP. Biên Hòa	Gây ngập lụt khoảng 1.570 ha và ảnh hưởng giao thông tại các phường: Tân Hòa, Hồ Nai và Trảng Dài thuộc thành phố Biên Hòa	x	
2	Nạo vét chống ngập úng khu vực Suối chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan	TP. Biên Hòa	Gây ngập úng và ảnh hưởng giao thông tại khu vực Suối chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan, thành phố Biên Hòa	x	
3	Đê Ông Kèo (đoạn từ K0+000 đến K7+500)	Nhon Trạch	Mất an toàn mặt đê, ảnh hưởng cho hệ thống công trình thủy lợi Ông Kèo, giảm hiệu quả quản lý và vận hành hệ thống. Đồng thời ảnh hưởng đến giao thông nội vùng, vận chuyển hàng hóa, nông sản của người dân ở khu vực	x	
4	Hồ chứa nước Sông Mây	Trảng Bom	Nguy cơ mất an toàn đập, gây ngập lụt và ảnh hưởng đến giao thông cho vùng hạ du hồ, thuộc các xã: Bắc Sơn, Bình Minh, huyện Trảng Bom và các xã: Vĩnh Tân, Tân An, Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu; không có nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân	x	
5	Hồ chứa nước Đa Tôn	Tân Phú	Nguy cơ mất an toàn đập, gây ngập lụt và ảnh hưởng đến giao thông cho vùng hạ du hồ, thuộc các xã: Thanh Sơn, Phú Bình, Phú Lâm, Phú Xuân, Phú Thanh, Phú Điền thuộc huyện Tân Phú; không có nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt cho người dân	x	
6	Hồ chứa nước Gia Ui	Xuân Lộc	Nguy cơ mất an toàn đập, gây ngập lụt và ảnh hưởng đến giao thông cho vùng hạ du hồ, thuộc các xã: Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc; không có nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt cho người dân	x	
7	Hồ chứa nước Cầu Dầu, xã Hàng Gòn	TP. Long Khánh	Nguy cơ mất an toàn công trình, gây ngập lụt và ảnh hưởng đến giao thông tại khu vực xã Hàng Gòn, thành phố Long Khánh và xã Xuân Quế, huyện Cẩm Mỹ	x	

STT	Tên công trình	Vị trí	Đánh giá sơ bộ tác động	Phương án ứng phó thiên tai	
				Có phương án	Chưa có phương án
8	Hồ chứa nước Suối Tre	TP. Long Khánh	Nguy cơ mất an toàn công trình, gây ngập lụt và ảnh hưởng đến giao thông tại khu vực các xã: Suối Tre, Bình Lộc và thành phố Long Khánh		
9	Hồ chứa nước Suối Đầm	Trảng Bom	Nguy cơ mất an toàn, gây ngập lụt phần diện tích sản xuất nông nghiệp của người dân trong khu vực (khoảng 150ha); đảm bảo tiêu thoát lũ hạ du công trình, giúp đảm bảo an toàn cho vùng hạ lưu.	x	
10	Sạt lở đất đồi tại khu vực ấp Phú Lâm 3, xã Phú Sơn	Tân Phú	Sạt lở khoảng 1000 m đồi đất, ảnh hưởng đến 68 hộ dân sinh sống tại khu vực và giao thông trên tuyến Quốc lộ 20	x	
11	Kè chống sạt lở bờ sông Vàm Mương – Lòng Tàu đoạn qua khu vực ấp 2, xã Phước Khánh	Nhon Trạch	Sạt lở bờ sông khoảng 580m, gây ảnh hưởng đến nhà ở, cuộc sống người dân trong khu vực dọc bờ sông	x	
12	Kè gia cố sông Đồng Nai đoạn từ khu dân cư cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp (dự án đối ứng theo cam kết với Jica khi triển khai dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa giai đoạn 1 từ vốn ODA).	TP. Biên Hòa	Sạt lở bờ sông Đồng Nai dài khoảng 3.208,5m đoạn từ khu dân cư dọc sông Rạch Cái, Phường Thống Nhất đến nhà máy xử lý nước thải số 2, Phường Tam Hiệp, Thành phố Biên Hòa; ảnh hưởng cơ sở hạ tầng, các hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của khu dân cư	x	

**PHỤ LỤC 3.4: BẢNG THỐNG KÊ CÔNG TRÌNH NHÀ Ở DỄ BỊ TỒN THƯƠNG
DO THIÊN TAI**

STT	Địa bàn	Số lượng (căn nhà)			
		Nhà tạm, dễ bị hư hại	Nhà ven sông, suối	Nhà ven sườn dốc đồi, núi	Tổng
	Toàn tỉnh	6.410	1.465	334	8.209
I	TP Biên Hòa	257	880	55	1.192
1	Phường Tân Phong	-	75	-	75
2	Phường Tân Biên	-	40	-	40
3	Phường Hồ Nai	-	25	-	25
4	Phường Tân Hòa	30	10	20	60
5	Phường Tân Hiệp	-	-	-	-
6	Phường Bửu Long	50	35	25	110
7	Phường Tân Tiến	10	25	-	35
8	Phường Tam Hiệp	-	20	-	20
9	Phường Long Bình	-	15	-	15
10	Phường Tân Mai	-	35	-	35
11	Phường Thống Nhất	-	30	-	30
12	Phường Tam Hòa	-	25	-	25
13	Phường Bình Đa	-	10	-	10
14	Phường An Bình	10	40	-	50
15	Phường Bửu Hòa	-	-	-	-
16	Phường Long Bình Tân	88	120	10	218
17	Phường Tân Vạn	-	20	-	20
18	Phường Tân Hạnh	-	50	-	50
19	Phường Hiệp Hòa	15	55	-	70
20	Phường Hóa An	44	155	-	199
21	Phường An Hòa	-	10	-	10
22	Phường Tam Phước	10	25	-	35
23	Phường Phước Tân	-	50	-	50
24	Xã Long Hưng	-	10	-	10
II	TP Long Khánh	55	75	7	137
1	Xã Bàu Sen	-	5	-	5
2	Xã Bảo Quang	25	18	-	43
3	Xã Bảo Vinh	30		-	30
4	Xã Bình Lộc	-	45	-	45
5	Xã Hàng Gòn	-	-	7	7
6	Xã Xuân Lập	-	7	-	7
III	Huyện Long Thành	21	-	-	21
1	Xã Bình An	8			8
2	Xã Cẩm Đường	5			5
3	Xã Tam Hiệp	8			8
IV	Huyện Nhơn Trạch	44	99	54	197
1	TT Hiệp Phước	5	-	2	7
2	Xã Phước Thiện	5	15	-	20

STT	Địa bàn	Số lượng (căn nhà)			
		Nhà tạm, dễ bị hư hại	Nhà ven sông, suối	Nhà ven sườn dốc đồi, núi	Tổng
3	Xã Long Thọ	5	5	5	15
4	Xã Phước An	4	10	-	14
5	Xã Phước Khánh	2	5	-	7
6	Xã Phú Đông	3	-	10	13
7	Xã Đại Phước	5	4	12	21
8	Xã Phú Hữu	5	10	-	15
9	Xã Long Tân	-	20	10	30
10	Xã Phú Hội	-	10	10	20
11	Xã Vĩnh Thanh	5	5	-	10
12	Xã Phú Thạnh	5	15	5	25
V	Huyện Định Quán	5.452	-	-	5.452
1	TT Định Quán	-			-
2	Gia Canh	1.002			1.002
3	La Ngà	224			224
4	Ngọc Định	523			523
5	Phú Cường	71			71
6	Phú Hòa	364			364
7	Phú Ngọc	2			2
8	Phú Túc	34			34
9	Phú Vinh	109			109
10	Suối Nho	349			349
11	Thanh Sơn	2.556			2.556
12	Túc Trung	218			218
VI	Huyện Thống Nhất	5	148	100	253
1	Gia Tân 2		15		15
2	Gia Tân 3	5	10		15
3	Xuân Thiện		13		13
4	Quang Trung			100	100
5	Lộ 25		10		10
6	Hưng Lộc		100		100
7	TT. Dầu Giây				-
VII	Huyện Cẩm Mỹ	13	183	118	314
1	Xã Xuân Mỹ	4	-	-	4
2	Xã Xuân Quế	-	23	-	23
3	Xã Thừa Đức	-	-	-	-
4	Xã Bảo Bình	-	100	100	200
5	Xã Nhân Nghĩa	-	13	18	31
6	Xã Sông Ray	-	42	-	42
7	Xã Xuân Tây	5	5	-	10
8	Xã Lâm San	4	-	-	4
VIII	Huyện Tân Phú	361	-	-	361
1	TT Tân Phú	-			-
2	Xã Đắc Lua	58			58
3	Xã Nam Cát Tiên	138			138

STT	Địa bàn	Số lượng (căn nhà)			
		Nhà tạm, dễ bị hư hại	Nhà ven sông, suối	Nhà ven sườn dốc đồi, núi	Tổng
4	Xã Phú Lâm	157			157
5	Xã Phú Xuân	8			8
IX	Huyện Trắng Bom	12	-	-	12
1	Xã Thanh Bình	12			12
X	Huyện Vĩnh Cửu	190	-	-	190
1	Xã Mã Đa	20			20
2	Xã Phú Lý	120			120
3	Xã Vĩnh Tân	50			50
XI	Huyện Xuân Lộc	-	80	-	80
1	Xã Xuân Bắc	-	56	-	56
2	Xã Suối Cao	-	12	-	12
3	Xã Xuân Thành	-	12	-	12

**PHỤ LỤC 3.5: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI
THEO ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN**

TT	Huyện/TP	Bão, ATNĐ	Hạn hán	Xâm nhập mặn	Triều cường	Sạt lở đất	Lốc, sét, mưa đá	Lũ, Ngập lụt	Mưa lớn	Lũ quét	Nắng nóng
1	TP. Biên Hòa	Cao	Không	Thấp	TB	TB	Thấp	TB	TB	Thấp	TB
2	TP. Long Khánh	Cao	TB	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	TB	TB	Thấp
3	Long Thành	Cao	Thấp	Trung bình	TB	TB	Thấp	TB	TB	TB	Thấp
4	Nhon Trạch	Cao	Thấp	Cao	cao	TB	Thấp	TB	TB	TB	Thấp
5	Định Quán	Cao	TB	Không	Không	TB	Thấp	Cao	TB	TB	TB
6	Thống Nhất	Cao	Thấp	Không	Không	thấp	Thấp	Thấp	TB	TB	Thấp
7	Cẩm Mỹ	Cao	Thấp	Không	Không	thấp	Thấp	TB	TB	Thấp	Thấp
8	Tân Phú	Cao	TB	Không	Không	TB	Thấp	Cao	TB	TB	TB
9	Trảng Bom	Cao	Thấp	Không	Không	TB	Thấp	TB	TB	TB	Thấp
10	Vĩnh Cửu	Cao	Thấp	Không	Không	TB	Thấp	TB	TB	TB	Thấp
11	Xuân Lộc	Cao	TB	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	TB	Thấp

Ghi chú: Kết quả đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng loại hình thiên tai chi tiết cho cấp xã/phường/thị trấn của 11 huyện/thành phố được thể hiện từ Phụ lục 3.5.1 đến Phụ lục 3.5.11

**BẢNG 3.5.1: ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ**

* Các mức đánh giá: Không - Thấp - Trung bình – Cao - Rất cao

* Dựa vào tiêu chí: Cường độ, phạm vi, thiệt hại

STT	Xã phường	Mức độ ảnh hưởng theo loại hình thiên tai									
		Bão, ATNĐ	Hạn hán	Xâm nhập mặn	Triều cường	Sạt lở	Lốc sét	Lũ, Ngập lụt	Mưa lớn	Lũ quét	Nắng nóng
1	P. Trảng Dài	Cao	Không	Không	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	Không	TB
2	P. Tân Phong	Cao	Không	Không	Không	Không	Không	Thấp	TB	Không	TB
3	P. Tân Biên	Cao	Không	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Không	TB
4	P. Hồ Nai	Cao	Không	Không	Không	Không	Không	Thấp	TB	Không	TB
5	P. Tân Hòa	Cao	Không	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Không	TB
6	P. Tân Hiệp	Cao	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	TB
7	P. Bửu Long	Cao	Không	Không	TB	TB	Thấp	Thấp	TB	Không	TB
8	P. Tân Tiến	Cao	Không	Không	Không	Không	Không	Thấp	TB	Không	TB
9	P. Tam Hiệp	Cao	Không	Không	Không	Không	Không	Thấp	TB	Không	TB
10	P. Long Bình	Cao	Không	Không	Không	Không	Không	Thấp	TB	Không	TB
11	P. Quang Vinh	Cao	Không	Không	Không	Không	Không	Thấp	TB	Không	TB
12	P. Tân Mai	Cao	Không	Không	Thấp	Không	Không	Thấp	TB	Không	TB
13	P. Thống Nhất	Cao	Không	Không	Thấp	Không	Không	Thấp	TB	Không	TB
14	P. Trung Dũng	Cao	Không	Không	Không	Không	Không	Thấp	TB	Không	TB
15	P. Tam Hòa	Cao	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	TB
16	P. Hòa Bình	Cao	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	TB
17	P. Quyết Thắng	Cao	Không	Không	Không	Không	Không	Thấp	TB	Không	TB
18	P. Thanh Bình	Cao	Không	Không	Không	Không	Không	Thấp	TB	Không	TB
19	P. Bình Đa	Cao	Không	Không	Không	Không	Không	Thấp	TB	Không	TB

STT	Xã phường	Mức độ ảnh hưởng theo loại hình thiên tai									
		Bão, ATNĐ	Hạn hán	Xâm nhập mặn	Triều cường	Sạt lở	Lốc sét	Lũ, Ngập lụt	Mưa lớn	Lũ quét	Nắng nóng
20	P. An Bình	Cao	Không	Không	Thấp	Không	Không	Thấp	TB	Không	TB
21	P. Bửu Hòa	Cao	Không	Không	Không	Không	Không	Thấp	TB	Không	TB
22	P. Long Bình Tân	Cao	Không	Không	TB	TB	TB	TB	TB	Thấp	TB
23	P. Tân Vạn	Cao	Không	Không	Thấp	Không	Không	Thấp	TB	Không	TB
24	P. Tân Hạnh	Cao	Không	Không	Không	Không	Không	Thấp	TB	Không	TB
25	P. Hiệp Hòa	Cao	Không	Không	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	Không	TB
26	P. Hóa An	Cao	Không	Không	TB	Không	Thấp	TB	TB	Không	TB
27	P. An Hòa	Cao	Không	Không	Không	Không	Không	Thấp	TB	Không	TB
28	P. Tam Phước	Cao	Không	Không	Không	Thấp	Không	Thấp	TB	Không	TB
29	P. Phước Tân	Cao	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	TB
30	Xã Long Hưng	Cao	Không	Không	Không	Thấp	Không	Thấp	TB	Không	TB

**PHỤ LỤC 3.4.2: ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH**

* Các mức đánh giá: Không - Thấp - Trung bình – Cao - Rất cao

* Dựa vào tiêu chí: Cường độ, phạm vi, thiệt hại

STT	Xã phường	Mức độ ảnh hưởng theo loại hình thiên tai									
		Bão, ATNĐ	Hạn hán	Xâm nhập mặn	Triều cường	Sạt lở	Lốc sét	Lũ, Ngập lụt	Mưa lớn	Lũ quét	Nắng nóng
1	Phường Xuân Trung	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Không	Thấp
2	Phường Xuân Thanh	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Không	Thấp
3	Phường Xuân Bình	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Không	Thấp
4	Phường Xuân An	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Không	Thấp
5	Phường Xuân Hoà	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
6	Phường Phú Bình	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Không	Thấp
7	Xã Bình Lộc	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	TB	Thấp
8	Xã Bảo Quang	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
9	Phường Suối Tre	Cao	TB	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Không	Thấp
10	Phường Bảo Vinh	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
11	Phường Xuân Lập	Cao	TB	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	TB	Thấp
12	Phường Bàu Sen	Cao	TB	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Không	Thấp
13	Xã Bàu Trâm	Cao	TB	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
14	Phường Xuân Tân	Cao	TB	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Không	Thấp
15	Xã Hàng Gòn	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	TB	Thấp

**PHỤ LỤC 3.5.3: ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LONG THÀNH**

* Các mức đánh giá: Không - Thấp - Trung bình (TB) – Cao - Rất cao

* Dựa vào tiêu chí: Cường độ, phạm vi, mức độ thiệt hại

STT	Xã phường	Mức độ ảnh hưởng theo loại hình thiên tai									
		Bão, ATNĐ	Hạn hán	Xâm nhập mặn	Triều cường	Sạt lở	Lốc sét	Lũ, Ngập lụt	Mưa lớn	Lũ quét	Nắng nóng
1	Thị trấn Long Thành	Cao	Thấp	TB	TB	Thấp	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
2	Xã An Phước	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
3	Xã Bình An	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
4	Xã Long Đức	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
5	Xã Lộc An	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	TB	TB	Thấp
6	Xã Bình Sơn	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	TB	TB	Thấp
7	Xã Tam An	Cao	Thấp	TB	TB	Thấp	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
8	Xã Cẩm Đường	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
9	Xã Long An	Cao	Thấp	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	TB	TB	Thấp
10	Xã Bàu Cạn	Cao	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
11	Xã Long Phước	Cao	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
12	Xã Phước Bình	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
13	Xã Tân Hiệp	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
14	Xã Phước Thái	Cao	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	TB	TB	Không	Thấp

**PHỤ LỤC 3.5.4: ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NHƠN TRẠCH**

* Các mức đánh giá: Không - Thấp - Trung bình (TB)– Cao - Rất cao

* Dựa vào tiêu chí: Cường độ, phạm vi, mức độ thiệt hại

STT	Xã phường	Mức độ ảnh hưởng theo loại hình thiên tai									
		Bão, ATNĐ	Hạn hán	Xâm nhập mặn	Triều cường	Sạt lở	Lốc sét	Lũ, Ngập lụt	Mưa lớn	Lũ quét	Nắng nóng
1	Thị trấn Hiệp Phước	Cao	TB	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	TB	TB	Thấp
2	Xã Phước Thiện	Cao	TB	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	TB	TB	Thấp
3	Xã Long Thọ	Cao	TB	Thấp	Cao	Thấp	Thấp	TB	TB	TB	Thấp
4	Xã Phước An	Cao	TB	TB	Cao	Thấp	Thấp	TB	TB	TB	Thấp
5	Xã Phước Khánh	Cao	TB	TB	Thấp	Cao	Thấp	Thấp	TB	TB	Thấp
6	Xã Phú Đông	Cao	TB	Thấp	Thấp	TB	Thấp	Thấp	TB	TB	Thấp
7	Xã Đại Phước	Cao	TB	TB	Cao	Cao	Thấp	TB	TB	TB	Thấp
8	Xã Phú Hữu	Cao	TB	TB	Cao	Thấp	Thấp	TB	TB	TB	Thấp
9	Xã Long Tân	Cao	TB	TB	Cao	TB	Thấp	TB	TB	TB	Thấp
10	Xã Phú Hội	Cao	TB	TB	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	TB	TB	Thấp
11	Xã Vĩnh Thanh	Cao	TB	TB	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	TB	TB	Thấp
12	Xã Phú Thạnh	Cao	TB	TB	Cao	TB	Thấp	TB	TB	TB	Thấp

**PHỤ LỤC 3.5.5: ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CẨM MỸ**

* Các mức đánh giá: Không - Thấp - Trung bình (TB) – Cao - Rất cao

* Dựa vào tiêu chí: Cường độ, phạm vi, mức độ thiệt hại

STT	Xã phường	Mức độ ảnh hưởng theo loại hình thiên tai									
		Bão, ATNĐ	Hạn hán	Xâm nhập mặn	Triều cường	Sạt lở	Lốc sét	Lũ, Ngập lụt	Mưa lớn	Lũ quét	Nắng nóng
1	Xã Sông Nhạn	Cao	Không	Không	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	Không	Thấp
2	Xã Xuân Quế	Cao	Không	Không	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	Không	Thấp
3	Xã Nhân Nghĩa	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Không	Thấp
4	Xã Xuân Đường	Cao	Không	Không	Không	Không	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
5	Xã Long Giao	Cao	Thấp	Không	Không	Không	Thấp	Không	TB	Không	Thấp
6	Xã Xuân Mỹ	Cao	Không	Không	Không	Không	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
7	Xã Thừa Đức	Cao	Không	Không	Không	Không	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
8	Xã Bảo Bình	Cao	Thấp	Không	Không	Không	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
9	Xã Xuân Bảo	Cao	Thấp	Không	Không	Không	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
10	Xã Xuân Tây	Cao	Thấp	Không	Không	Không	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
11	Xã Xuân Đông	Cao	Thấp	Không	Không	Không	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
12	Xã Sông Ray	Cao	Thấp	Không	Không	Không	Thấp	TB	TB	Không	Thấp
13	Xã Lâm San	Cao	Không	Không	Không	Không	Thấp	TB	TB	Không	Thấp

**PHỤ LỤC 3.5.6: ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN XUÂN LỘC**

* Các mức đánh giá: Không - Thấp - Trung bình (TB)– Cao - Rất cao

* Dựa vào tiêu chí: Cường độ, phạm vi, mức độ thiệt hại

STT	Xã phường	Mức độ ảnh hưởng theo loại hình thiên tai									
		Bão, ATNĐ	Hạn hán	Xâm nhập mặn	Triều cường	Sạt lở	Lốc sét	Lũ, Ngập lụt	Mưa lớn	Lũ quét	Nắng nóng
1	Thị trấn Gia Ray	Cao	Không	Không	Không	Thấp	Thấp	Không	TB	Không	Thấp
2	Xã Xuân Bắc	Cao	TB	Không	Không	Không	Thấp	Không	TB	Không	Thấp
3	Xã Suối Cao	Cao	TB	Không	Không	Không	Thấp	Không	TB	Không	Thấp
4	Xã Xuân Thành	Cao	Không	Không	Không	Không	Thấp	Không	TB	Không	Thấp
5	Xã Xuân Thọ	Cao	TB	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Không	Thấp
6	Xã Xuân Trường	Cao	Không	Không	Không	Không	Thấp	Không	TB	Không	Thấp
7	Xã Xuân Hòa	Cao	TB	Không	Không	Không	Thấp	Không	TB	Không	Thấp
8	Xã Xuân Hưng	Cao	Không	Không	Không	Không	Thấp	Không	TB	Không	Thấp
9	Xã Xuân Tâm	Cao	Không	Không	Không	Không	Thấp	Không	TB	Không	Thấp
10	Xã Suối Cát	Cao	Không	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Không	Thấp
11	Xã Xuân Hiệp	Cao	Không	Không	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	Không	Thấp
12	Xã Xuân Phú	Cao	Thấp	Không	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	Không	Thấp
13	Xã Xuân Định	Cao	Không	Không	Không	Không	Thấp	Không	TB	Không	Thấp
14	Xã Bảo Hoà	Cao	Không	Không	Không	Không	Thấp	Không	TB	Không	Thấp
15	Xã Lang Minh	Cao	Thấp	Không	Không	Không	Thấp	TB	TB	Không	Thấp

**PHỤ LỤC 3.5.7: ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THỐNG NHẤT**

* Các mức đánh giá: Không - Thấp - Trung bình (TB)– Cao - Rất cao

* Dựa vào tiêu chí: Cường độ, phạm vi, mức độ thiệt hại

STT	Xã phường	Mức độ ảnh hưởng theo loại hình thiên tai									
		Bão, ATNĐ	Hạn hán	Xâm nhập mặn	Triều cường	Sạt lở	Lốc sét	Lũ, Ngập lụt	Mưa lớn	Lũ quét	Nắng nóng
1	Xã Gia Tân 1	TB	Không	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Thấp	Thấp
2	Xã Gia Tân 2	TB	Không	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Thấp	Thấp
3	Xã Gia Tân 3	TB	Không	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Thấp	Thấp
4	Xã Gia Kiệm	TB	Không	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Thấp	Thấp
5	Xã Quang Trung	TB	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Thấp	Thấp
6	Xã Bàu Hàm 2	TB	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Thấp	Thấp
7	Xã Hưng Lộc	TB	Không	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Thấp	Thấp
8	Xã Lộ 25	TB	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Thấp	Thấp
9	Xã Xuân Thiện	TB	Không	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Thấp	Thấp
10	Thị trấn Dầu Giây	TB	Không	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	TB	Thấp	Thấp

**PHỤ LỤC 3.5.8: ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRẢNG BOM**

* Các mức đánh giá: Không - Thấp - Trung bình (TB) – Cao - Rất cao

* Dựa vào tiêu chí: Cường độ, phạm vi, mức độ thiệt hại

STT	Xã phường	Mức độ ảnh hưởng theo loại hình thiên tai									
		Bão, ATNĐ	Hạn hán	Xâm nhập mặn	Triều cường	Sạt lở	Lốc sét	Lũ, Ngập lụt	Mưa lớn	Lũ quét	Nắng nóng
1	Thị trấn Trảng Bom	Cao	Không	Không	Không	Thấp	TB	Thấp	TB	Không	Thấp
2	Xã Thanh Bình	Cao	Không	Không	Không	Thấp	TB	Thấp	TB	Không	Thấp
3	Xã Cây Gáo	Cao	Không	Không	Không	Thấp	TB	Thấp	TB	Không	Thấp
4	Xã Bàu Hàm	Cao	Không	Không	Không	Thấp	TB	Thấp	TB	Không	Thấp
5	Xã Sông Thao	Cao	Không	Không	Không	Thấp	TB	Thấp	TB	TB	Thấp
6	Xã Sông Trầu	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	TB	TB	TB	TB	Thấp
7	Xã Đông Hoà	Cao	Không	Không	Không	Thấp	TB	Thấp	TB	Không	Thấp
8	Xã Bắc Sơn	Cao	Không	Không	Không	Thấp	TB	Cao	TB	TB	Thấp
9	Xã Hố Nai 3	Cao	Không	Không	Không	Cao	TB	Thấp	TB	TB	Thấp
10	Xã Tây Hoà	Cao	Không	Không	Không	Thấp	TB	Thấp	TB	Không	Thấp
11	Xã Bình Minh	Cao	Không	Không	Không	Thấp	TB	Cao	TB	TB	Thấp
12	Xã Trung Hoà	Cao	Không	Không	Không	Thấp	TB	Thấp	TB	Không	Thấp
13	Xã Đồi 61	Cao	Không	Không	Không	TB	TB	Thấp	TB	TB	Thấp
14	Xã Hưng Thịnh	Cao	Không	Không	Không	TB	TB	Thấp	TB	Không	Thấp
15	Xã Quảng Tiến	Cao	Không	Không	Không	Thấp	TB	Thấp	TB	TB	Thấp
16	Xã Giang Điền	Cao	Không	Không	Không	Thấp	TB	TB	TB	TB	Thấp
17	Xã An Viễn	Cao	Không	Không	Không	Thấp	TB	Thấp	TB	TB	Thấp

**PHỤ LỤC 3.5.9: ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VĨNH CỬU**

* Các mức đánh giá: Không - Thấp - Trung bình (TB) – Cao - Rất cao

* Dựa vào tiêu chí: Cường độ, phạm vi, mức độ thiệt hại

STT	Xã phường	Mức độ ảnh hưởng theo loại hình thiên tai									
		Bão, ATNĐ	Hạn hán	Xâm nhập mặn	Triều cường	Sạt lở	Lốc sét	Lũ, Ngập lụt	Mưa lớn	Lũ quét	Nắng nóng
1	Thị trấn Vĩnh An	Cao	Thấp	Không	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	TB	Thấp
2	Xã Phú Lý	Cao	Thấp	Không	Không	TB	Thấp	Thấp	TB	TB	Thấp
3	Xã Trị An	Cao	Thấp	Không	Không	TB	Thấp	TB	TB	TB	Thấp
4	Xã Tân An	Cao	Thấp	Không	Không	Không	Thấp	TB	TB	TB	Thấp
5	Xã Vĩnh Tân	Cao	Thấp	Không	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	TB	Thấp
6	Xã Bình Lợi	Cao	Thấp	Không	Không	Không	Thấp	TB	TB	TB	Thấp
7	Xã Thạnh Phú	Cao	Thấp	Không	Không	Không	Thấp	TB	TB	TB	Thấp
8	Xã Thiện Tân	Cao	Thấp	Không	Không	Không	Thấp	TB	TB	TB	Thấp
9	Xã Tân Bình	Cao	Thấp	Không	Không	TB	Thấp	Thấp	TB	TB	Thấp
10	Xã Bình Hòa	Cao	Thấp	Không	Không	Không	Thấp	TB	TB	TB	Thấp
11	Xã Mã Đà	Cao	Thấp	Không	Không	Không	Thấp	Thấp	TB	TB	Thấp
12	Xã Hiếu Liêm	Cao	Thấp	Không	Không	TB	Thấp	Thấp	TB	TB	Thấp

**PHỤ LỤC 3.5.10: ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

* Các mức đánh giá: Không - Thấp - Trung bình – Cao - Rất cao

* Dựa vào tiêu chí: Cường độ, phạm vi, mức độ thiệt hại

STT	Xã phường	Mức độ ảnh hưởng theo loại hình thiên tai									
		Bão, ATNĐ	Hạn hán	Xâm nhập mặn	Triều cường	Sạt lở	Lốc sét	Lũ, Ngập lụt	Mưa lớn	Lũ quét	Nắng nóng
1	Thị trấn Định Quán	Cao	Thấp	Không	Không	TB	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
2	Xã Thanh Sơn	Cao	TB	Không	Không	TB	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
3	Xã Phú Tân	Cao	TB	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
4	Xã Phú Vinh	Cao	TB	Không	Không	TB	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
5	Xã Phú Lợi	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
6	Xã Phú Hòa	Cao	Cao	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
7	Xã Ngọc Định	Cao	Thấp	Không	Không	TB	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
8	Xã La Ngà	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
9	Xã Gia Canh	Cao	TB	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
10	Xã Phú Ngọc	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
11	Xã Phú Cường	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
12	Xã Túc Trung	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
13	Xã Phú Túc	Cao	TB	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	TB	TB
14	Xã Suối Nho	Cao	TB	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB

**PHỤ LỤC 3.5.11: ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂN PHÚ**

* Các mức đánh giá: Không - Thấp - Trung bình – Cao - Rất cao

* Dựa vào tiêu chí: Cường độ, phạm vi, mức độ thiệt hại

STT	Xã phường	Mức độ ảnh hưởng theo loại hình thiên tai									
		Bão, ATNĐ	Hạn hán	Xâm nhập mặn	Triều cường	Sạt lở	Lốc sét	Lũ, Ngập lụt	Mưa lớn	Lũ quét	Nắng nóng
1	Thị trấn Tân Phú	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
2	Xã Dak Lua	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
3	Xã Nam Cát Tiên	Cao	Thấp	Không	Không	TB	Thấp	Cao	TB	TB	TB
4	Xã Phú An	Cao	Thấp	Không	Không	TB	Thấp	Cao	TB	TB	TB
5	Xã Núi Tượng	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
6	Xã Tà Lài	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
7	Xã Phú Lập	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
8	Xã Phú Sơn	Cao	Thấp	Không	Không	Cao	Thấp	Cao	TB	TB	TB
9	Xã Phú Thịnh	Cao	Thấp	Không	Không	TB	Thấp	Cao	TB	TB	TB
10	Xã Thanh Sơn	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
11	Xã Phú Trung	Cao	Thấp	Không	Không	TB	Thấp	Cao	TB	TB	TB
12	Xã Phú Xuân	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
13	Xã Phú Lộc	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
14	Xã Phú Lâm	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
15	Xã Phú Bình	Cao	TB	Không	Không	TB	Thấp	Cao	TB	TB	TB
16	Xã Phú Thanh	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
17	Xã Trà Cỏ	Cao	Thấp	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB
18	Xã Phú Điền	Cao	TB	Không	Không	Thấp	Thấp	Cao	TB	Thấp	TB

PHỤ LỤC 4: PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG BỊ ẢNH HƯỞNG DO THIÊN TAI

Danh mục:

Phụ lục 4.1: Phạm vi và mức độ ảnh hưởng do bão/ATNĐ đổ bộ trực tiếp

Phụ lục 4.2: Phạm vi và mức độ ảnh hưởng do hạn hán, xâm nhập mặn

Phụ lục 4.3: Phạm vi và mức độ ảnh hưởng do lũ, ngập lụt

Phụ lục 4.4: Phạm vi và mức độ ảnh hưởng do lở, sét, mưa đá

Phụ lục 4.5: Phạm vi và mức độ ảnh hưởng do mưa lớn

Phụ lục 4.6: Phạm vi và mức độ ảnh hưởng do lũ quét, sạt lở đất

Phụ lục 4.1: Phạm vi và mức độ ảnh hưởng do Bão/ATNĐ đổ bộ trực tiếp vào tỉnh Đồng Nai

STT	Huyện, Thành phố	Phạm vi ảnh hưởng	Tổng dân số có nguy cơ bị ảnh hưởng	
			Số hộ (hộ)	Số khẩu (người)
I	Tình huống 1: ATNĐ hoặc Bão cấp 8-9 đổ bộ trực tiếp vào địa bàn tỉnh			
	Toàn tỉnh		40.886	160.828
1	TP. Biên Hòa	13 phường: Hiệp Hòa, Tân Vạn, Hóa An, Bửu Hòa, Tân Hạnh, Bửu Long, Long Bình Tân, An Bình, Thanh Bình, Quyết Thắng, Hòa Bình, Tân Phong, Tân Hòa	3.908	15.598
2	TP. Long Khánh	14 xã/phường: Suối Tre, Xuân Bình, Xuân Lập, Hàng Gòn, Bàu Trâm, Bảo Vinh, Bảo Quang, Bình Lộc, Xuân Hòa, Xuân Thanh, Xuân An, Xuân Trung, Xuân Tân, Phú Bình	5.757	24.332
3	Long Thành	73 khu phố/ấp thuộc 14 xã/thị trấn bị ảnh hưởng	10.349	40.237
4	Nhơn Trạch	36 khu phố/ấp thuộc 12 xã/thị trấn bị ảnh hưởng	1.190	4.405
5	Định Quán	03 xã/thị trấn (3 ấp/KP): Thanh Sơn, Ngọc Định, Định Quán	356	1.780
6	Thống Nhất	8 xã/thị trấn (33 ấp): Lộ 25, Dầu Giây, Gia Kiệm, Gia Tân 3, Quang Trung, Hưng Lộc, Gia Tân 2, Xuân Thiện	7.285	26.546
7	Cẩm Mỹ	Toàn bộ 13 xã/thị trấn của huyện bị ảnh hưởng	516	2.068
8	Tân Phú	14 xã (30 ấp): Phú An, Phú Bình, Phú Thanh, Phú Trung, Phú Thịnh, Thanh Sơn, Phú Sơn, Trà Cỏ, Phú Lâm, Núi Tượng, Phú Điền, Nam Cát Tiên, Tà Lài, Đắc Lua	1.054	4.223
9	Trảng Bom	67 ấp/khu phố thuộc 17 xã/thị trấn trên toàn huyện bị ảnh hưởng	5.679	20.818
10	Vĩnh Cửu	21 ấp thuộc 9 xã trên toàn huyện bị ảnh hưởng	4.006	17.532
11	Xuân Lộc	12 xã/thị trấn (32 ấp/KP): Gia Ray, Xuân Phú, Xuân Hòa, Xuân Hưng, Xuân Trường, Xuân Thành, Xuân Hiệp, Suối Cao, Suối Cát, Bảo Hòa, Xuân Tâm, Xuân Bắc	786	3.289
II	Tình huống 2: Bão cấp độ 10-11 đổ bộ trực tiếp vào địa bàn huyện			
	Toàn tỉnh		53.959	214.392
1	TP. Biên Hòa	17 phường/xã: Hiệp Hòa, Tân Vạn, Hóa An, Bửu Hòa, Tân Hạnh, Bửu Long, Long Bình Tân, An Bình, Thanh Bình, Quyết Thắng, Hòa Bình, Tân Phong, Tân Hòa, Tân Phong, An Hòa, Tam Phước, Long Hưng	7.737	32.026
2	TP. Long Khánh	14 xã/phường: Suối Tre, Xuân Bình, Xuân Lập, Hàng Gòn, Bàu Trâm, Bảo Vinh, Bảo Quang, Bình Lộc, Xuân Hòa, Xuân Thanh, Xuân An, Xuân Trung, Xuân Tân, Phú Bình	5.757	24.332
3	Long Thành	73 khu phố/ấp thuộc 14 xã/thị trấn trên toàn huyện bị ảnh hưởng	13.646	51.937

STT	Huyện, Thành phố	Phạm vi ảnh hưởng	Tổng dân số có nguy cơ bị ảnh hưởng	
			Số hộ (hộ)	Số khẩu (người)
4	Nhon Trạch	36 khu phố/ấp thuộc 12 xã/thị trấn trên toàn huyện bị ảnh hưởng	1.190	4.405
5	Định Quán	12 xã/thị trấn (19 ấp/KP): Thanh Sơn, Ngọc Định, Đình Quán, Phú Tân, Phú Cường, Là Ngà, Phú Ngọc, Gia Canh, Phú Hòa, Suối Nho, Túc Trung, Phú Vinh	2.081	10.405
6	Thống Nhất	8 xã/thị trấn (33 ấp): Lộ 25, Dầu Giây, Gia Kiệm, Gia Tân 3, Quang Trung, Hưng Lộc, Gia Tân 2, Xuân Thiện	7.780	28.214
7	Cẩm Mỹ	Toàn bộ 13 xã/thị trấn của huyện bị ảnh hưởng	516	2.068
8	Tân Phú	14 xã (30 ấp): Phú An, Phú Bình, Phú Thanh, Phú Trung, Phú Thịnh, Thanh Sơn, Phú Sơn, Trà Cỏ, Phú Lâm, Núi Tượng, Phú Điền, Nam Cát Tiên, Tà Lài, Đắc Lua	1.054	4.223
9	Trảng Bom	68 ấp/khu phố thuộc 17 xã/thị trấn trên toàn huyện bị ảnh hưởng	7.684	29.344
10	Vĩnh Cửu	21 ấp thuộc 9 xã trên toàn huyện bị ảnh hưởng	5.728	24.149
11	Xuân Lộc	12 xã/thị trấn (32 ấp/KP): Gia Ray, Xuân Phú, Xuân Hòa, Xuân Hưng, Xuân Trường, Xuân Thành, Xuân Hiệp, Suối Cao, Suối Cát, Bảo Hòa, Xuân Tâm, Xuân Bắc	786	3.289

Phụ lục 4.2: Phạm vi và mức độ ảnh hưởng do hạn hán, xâm nhập mặn

TT	Huyện/Tp	Khu vực xung yếu			Đối tượng bị ảnh hưởng
		Số điểm	Ấp/Khu vực	Xã/Phường/TT	
Phạm vi và đối tượng nguy cơ cao bị ảnh hưởng do hạn hán					
1	Cẩm Mỹ	2	Khu 3,4- Ấp Suối Râm	Long Giao	Nước sinh hoạt
		1	Khu đồi 57	Long Giao	Nước sinh hoạt + sản xuất
		1	Ấp Tân Bảo	Bảo Bình	Nước tưới tưới Diện tích cây lâu năm
		1	Ấp Bể Bạc	Xuân Đông	Nước tưới sản xuất nông nghiệp, nước sinh hoạt
		1	Ấp Tân Hòa	Bảo Bình	Nước tưới tưới Diện tích cây lâu năm
		2	Ấp Láng Me 1,2	Xuân Đông	Nước tưới sản xuất nông nghiệp, nước sinh hoạt
		3	Ấp 10,11,12	Xuân Tây	Nước tưới sản xuất nông nghiệp, nước sinh hoạt
		2	Ấp 2,8	Sông Ray	Nước tưới sản xuất nông nghiệp
		1	Ấp Thoại Hương	Xuân Đông	Nước tưới sản xuất nông nghiệp, nước sinh hoạt
		1	Ấp Tân Mỹ	Xuân Bảo	Nước sinh hoạt
		1	Ấp 1	Nhân Nghĩa	Nước sinh hoạt
		1	Ấp 7	Nhân Nghĩa	Nước sinh hoạt
2	Định Quán	1	Kênh 3 Tầng	Phú Vinh	Nước tưới cho diện tích sản xuất nông nghiệp
		1	Phú Tân	Phú Tân	Nước tưới cho diện tích sản xuất nông nghiệp
		1	Gia Canh	Gia Canh	Nước tưới cho diện tích sản xuất nông nghiệp
		1	Suối Nho	Suối Nho	Nước tưới cho diện tích sản xuất nông nghiệp
		1	Phú Túc	Phú Túc	Nước tưới cho diện tích cây lâu năm
		1	Thanh Sơn	Thanh Sơn	Nước tưới cho diện tích cây lâu năm
		1	Cánh đồng Cao Cang	xã Phú Hòa	Nước tưới cho diện tích lúa
3	Thống Nhất	1	Cánh đồng Cây Khô	Lộ 25	Nước tưới cho diện tích sản xuất nông nghiệp
		1	Khu vực núi	Xã Bàu Hàm 2	Thiếu nước SXNN
		2	Khu vực núi	Xã Quang Trung	Thiếu nước SXNN

TT	Huyện/Tp	Khu vực xung yếu			Đối tượng bị ảnh hưởng
		Số điểm	Ấp/Khu vực	Xã/Phường/TT	
4	Trảng Bom	1	Sông Trầu	Sông Trầu	Nước tưới cho diện tích sản xuất nông nghiệp
5	TP Long Khánh	1	Ấp Tân Phong	Xuân Tân	Thiếu nước SH, nước ngầm bị tụt nước
		1	Ấp Cẩm Tân	Suối Tre	Thiếu nước SH, nước ngầm bị tụt nước
		1	Tổ 3- Ấp Bàu Sen	Bàu Sen	Thiếu nước SXNN
		1	KV Cầu Be Ấp Phú Mỹ	Xuân Lập	Thiếu nước SXNN
		1	Ấp Nụng Doanh	Suối Tre	Thiếu nước SH, nước ngầm bị tụt nước
		1	Ấp Cáp Rang	Suối Tre	Thiếu nước SH, nước ngầm bị tụt nước
		1	Cánh đồng Ruộng Dầu	Bàu Trâm	Thiếu nước SXNN
6	Xuân Lộc	3	Tổ 7,8,9 Ấp Tây Minh	Lang Minh	Nước tưới cho diện tích sản xuất nông nghiệp
		1	Ấp Chà Rang	Suối Cao	Nước tưới cho diện tích sản xuất nông nghiệp
		1	Ấp Tân Bình 1	Lang Minh	Nước tưới cho diện tích sản xuất nông nghiệp
		1	Tổ 18 ấp 2	Xuân Hòa	Nước tưới cho diện tích sản xuất nông nghiệp
		2	Tổ 4,11 Ấp Đông Minh	Lang Minh	Nước tưới cho diện tích sản xuất nông nghiệp
		2	Ấp 1, 8	Xuân Bắc	Nước tưới cho diện tích sản xuất nông nghiệp
		1	Tổ 1- ấp Thọ Lộc	Xuân Thọ	Nước tưới sản xuất nông nghiệp, nước sinh hoạt
		1	Đồi Bằng Lăng	Xuân Tâm	Nước tưới diện tích cây ăn trái
		1	Ấp Gia Hòa	Xuân Trường	Nước sinh hoạt
		4	Ấp 1,2,3,4	Xuân Hòa	Nước sinh hoạt
7	Tân Phú	1	Cánh đồng lúa Cao Cang	Xã Phú Hòa	Nước tưới cho diện tích sản xuất nông nghiệp
		1	khu tưới của đập Đồng Hiệp	xã Phú Điền	Nước tưới cho diện tích sản xuất nông nghiệp
		1	khu tưới đập Năm Sao	xã Phú Bình	Nước tưới cho diện tích sản xuất nông nghiệp
8	Vĩnh Cửu	1	Khu vực đồng 4	xã Mã Đà	Nước sinh hoạt
		1	Khu bảo tồn TN - VH Đồng Nai	xã Mã Đà	Nước tưới sản xuất

TT	Huyện/Tp	Khu vực xung yếu			Đối tượng bị ảnh hưởng
		Số điểm	Ấp/Khu vực	Xã/Phường/TT	
Phạm vi và đối tượng nguy cơ cao bị ảnh hưởng do xâm nhập mặn					
1	Nhơn Trạch	1	Các khu vực ven sông Đồng Môn	xã Đại Phước	Diện tích nông nghiệp nguy cơ bị xâm nhập mặn
		1	Các khu vực ven sông Đồng Môn	xã Phú Thạnh	Diện tích nông nghiệp nguy cơ bị xâm nhập mặn
		1	Các khu vực ven sông Đồng Môn	xã Phú Hội	Diện tích nông nghiệp nguy cơ bị xâm nhập mặn
		1	Các khu vực ven sông Đồng Môn	xã Phước Thiện	Diện tích nông nghiệp nguy cơ bị xâm nhập mặn
		1	KV thuộc kênh tiêu Hiệp Phước	TT Hiệp Phước	Diện tích lúa nguy cơ bị xâm nhập mặn (145ha lúa)
		1	Các khu vực ven sông Đồng Môn	xã Long Tân	Diện tích nông nghiệp nguy cơ bị xâm nhập mặn
		1	Các khu vực ven sông Đồng Môn	xã Long Thọ	Diện tích nông nghiệp nguy cơ bị xâm nhập mặn
2	Long Thành	1	Các khu vực ven sông Đồng Nai	Xã Tam An	Diện tích nông nghiệp nguy cơ bị xâm nhập mặn
		1	Các khu vực ven sông Đồng Nai	TT Long Thành	Diện tích nông nghiệp nguy cơ bị xâm nhập mặn
		1	Các khu vực ven sông Thị Vải	Xã Long Phước	Diện tích nông nghiệp nguy cơ bị xâm nhập mặn
		1	Các khu vực ven sông Thị Vải	Xã Phước Thái	Diện tích nông nghiệp nguy cơ bị xâm nhập mặn

Phụ lục 4.3: Phạm vi và mức độ ảnh hưởng do lũ, ngập lụt

TT	Phường/xã/ thị trấn	Khu vực bị ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng theo RRTT cấp 1			Mức độ ảnh hưởng theo RRTT cấp 2			Mức độ ảnh hưởng theo RRTT cấp 3		
			Diện tích (ha)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Diện tích (ha)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Diện tích (ha)	Số hộ (hộ)	Số người (người)
	Toàn tỉnh		18.346	7.419	32.620	25.396	21.561	88.812	29.819	29.099	119.838
I	Biên Hòa (83 khu vực bị ngập)		4.959	5.579	25.098	6.063	17.974	74.618	6.963	21.944	89.869
1	Bình Đa	KP3,4	5	120	600	5	315	836	5	703	1.893
2	Bửu Hòa	KP1,2,3,4,5	102	460	2.410	144	543	2.520	191	910	4.372
3	Bửu Long	KP1,2,3,4,5	396	189	804	396	1.127	3.883	437	1.127	3.883
4	Hòa Bình	KP1,2,3,5	40	355	2.066	40	892	3.609	45	1.020	4.639
5	Long Bình Tân	KP 1, 2, 3, Long Điền, Bình Dương, Thái Hòa	144	600	3.500	167	708	4.274	172	830	4.480
6	Tân Mai	KP1,3,4,5,6	52	119	500	52	535	3.490	53	535	3.490
7	Tân Tiến	Khu phố 5, 6	3	12	46	3	32	92	4	40	113
8	Tân Vạn	KP1,2,3,4	252	244	850	288	856	2.888	398	856	2.888
9	Tam Hiệp	Tổ 1,3,7-Kp2; Tổ 13-Kp3; Tổ 3,6-KP4; Tổ 2-KP5	46	146	916	46	923	4.402	46	923	4.402
10	Thống Nhất	KP1,2,4,6,7	120	103	415	120	2.072	7.354	148	2.060	7.354
11	Thanh Bình	KP1	11	20	120	11	63	242	14	63	242
12	Hóa An	KP Đồng Nai, Bình Hóa, An Hòa	150	150	620	221	3.402	11.892	126	4.390	14.890
13	Hiệp Hòa	KP Nhất Hòa, Tam Hòa	475	321	1.375	621	830	3.482	696	1.477	6.083
14	Long Hưng	Ấp Phước Hội, An Xuân	1.036	114	448	1.154	1.618	6.268	1.164	1.618	6.268
15	Tân Hạnh	KP1a,1b,2,3,4	266	465	2.540	512	930	5.580	581	1.720	8.350

TT	Phường/xã/ thị trấn	Khu vực bị ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng theo RRTT cấp 1			Mức độ ảnh hưởng theo RRTT cấp 2			Mức độ ảnh hưởng theo RRTT cấp 3		
			Diện tích (ha)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Diện tích (ha)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Diện tích (ha)	Số hộ (hộ)	Số người (người)
16	An Hòa	KP 1,2,3,4	454	100	364	539	410	1.710	565	410	1.710
17	Tam Phước	Đồng Gò Cát, Xóm Đăng, Gò Trọc, Suối Bà Bồng	881	102	458	932	108	486	1.080	108	486
18	Phước Tân	KP Tân Lập, Tân Cang, Vườn Dừa, Hương Phước, Miếu, Đồng	349	500	2.500	614	722	3.916	858	722	3.916
19	An Bình	KP1,2, 7,8, 9,10,12	106	1.459	4.566	124	1.772	7.124	125	1.781	7.124
20	Quyết Thắng	KP 2,3	49			52	116	570	52	116	570
21	Quang Vinh	Khu phố 2, 3,4							150	535	2.716
22	Tam Hòa	Chợ Tam Hòa	0			0			18		
23	Tân Phong	Khu vực đất quân sự	24			24			35		
II	Long Thành (13 khu vực bị ngập)		2.445	140	510	2.569	273	822	2.726	713	2.557
1	Tam An	Ấp 1- Xóm Bà Chèo, Ông Tú, Bờ Dừa	1.791	24	63	1.821	36	97	1.858	36	97
		Ấp 2 - xóm Rẫy		22	60		53	106		56	115
		Ấp 3 - khu đồng vườn câu		16	75		32	74		56	108
		Ấp 4 - Khu Giếng nước					2	8		2	8
		Ấp 5 - Khu Lò Trà, Năm Hương					25	105		54	136
		Ấp 6 - Khu An Định		16	85		16	85		16	85
2	An Phước	Ấp 1 - Tổ 6,7,8,10,11	539	30	120	561	60	180	604	86	343
		Ấp 2 - Tổ 5,6,7,10,11,12		20	80		30	110		57	217
		Ấp 3 - Tổ Ruộng		12	27		12	27		12	27

TT	Phường/xã/ thị trấn	Khu vực bị ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng theo RRTT cấp 1			Mức độ ảnh hưởng theo RRTT cấp 2			Mức độ ảnh hưởng theo RRTT cấp 3		
			Diện tích (ha)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Diện tích (ha)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Diện tích (ha)	Số hộ (hộ)	Số người (người)
3	TT Long Thành	Khu Kim Sơn	115			186	7	30	264	93	379
		Khu Phước Long								87	385
		Khu Cầu Xéo								61	205
		Khu Phước Thuận								97	452
III	Nhơn Trạch (15 khu vực bị ngập)		9.175	0	0	9.567	265	1.040	9.628	690	2.440
1	Đại Phước	Ấp Bến Cộ - Cánh đồng Vàm Ô	1.431			1.529	30	100	1.588	30	100
2	Phú Hữu	Cánh đồng Cát Lái - Ấp Cát Lái	2.104			2.128	50	200	2.132	250	1.000
3	Phú Đông	Ấp Giồng Ông Đông, Bến Ngự, Phú Tân	1.786			1.914			1.817		
4	Phước Khánh	Ấp 1,3	195			195			195		
5	Long Tân	Ấp Bình Phú, Long Hiệu	2.147			2.183	70	280	2.184	240	720
6	Phú Thạnh	Cánh đồng ấp 1	222			238	50	200	238	50	200
7	Phú Hội	Khu vực ven sông ấp 3	328			353	20	80	399	70	220
8	Phước Thiện	Khu vực ven sông ấp 4	932			975	20	80	995	25	100
9	Hiệp Phước	KP Phước Lai, Phước Hiệp	0			11	25	100	37	25	100
10	Vĩnh Thanh	Ấp Chính Nghĩa	30			42			42		
IV	Vĩnh Cửu (23 khu vực bị ngập)		1.767	1.700	7.012	6.283	2.997	12.097	7.432	3.033	12.142
1	Thanh Phú	ấp 7	0			199	2	6	263	5	20
2	Thiện Tân	Ấp: 6,7, Ông Hường, Vàm	550	30	120	1.030	156	624	1.283	160	640
3	Bình Hòa	Ấp: Bình Thạch, Thới Sơn	48			508	37	148	522	40	160

TT	Phường/xã/ thị trấn	Khu vực bị ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng theo RRTT cấp 1			Mức độ ảnh hưởng theo RRTT cấp 2			Mức độ ảnh hưởng theo RRTT cấp 3		
			Diện tích (ha)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Diện tích (ha)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Diện tích (ha)	Số hộ (hộ)	Số người (người)
4	Bình Lợi	Ấp: 2,4,5	4			822	150	600	973	153	612
5	Tân An	Ấp: 2,3, Bình Chánh, Cây Xoài	769	1.497	6.230	2.144	1.991	8.039	2.536	1.995	7.980
6	Trị An	Ấp: 1,2	199	104	460	521	305	1.220	638	305	1.220
7	Vĩnh Tân	Ấp 6,7	0			41	100	440	104	110	450
8	Hiếu Liêm	Ấp 3,4	63	69	202	211	25	96	290	30	120
9	Tân Bình	Ấp Bình Lục, Tân Triều, Vĩnh Hiệp	134			808	231	924	825	235	940
IV	Tân Phú (19 khu vực bị ngập)		0	0	0	640	35	167	1.802	926	3.918
1	Đắc Lua	4 ấp: 2,4,6,11							50	219	1.060
2	Tà Lài	2 ấp: 4,5							244	110	440
3	Nam Cát Tiên	2 ấp: 4,8							154	270	968
4	Phú Điền	2 ấp: 4,5				250			358	16	58
5	Núi Tượng	2 ấp: 6a,6b							56	150	622
6	Phú Thanh	3 ấp: Bàu Mây, Thọ Lâm 1, Thọ Lâm 2				295	3	17	602	80	440
7	Phú Bình	Ấp Phú Hợp B				95	32	150	278	40	200
8	Phú An	3 ấp: 2,5,6							60	41	130
IV	Định Quán (16 khu vực bị ngập)		0	0	0	94	5	15	1.088	1.725	8.625
1	Thanh Sơn	Ấp 1,2,3,6,7,8							200	450	2.250
2	Phú Tân	Ấp 6,7							13	50	250

TT	Phường/xã/ thị trấn	Khu vực bị ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng theo RRTT cấp 1			Mức độ ảnh hưởng theo RRTT cấp 2			Mức độ ảnh hưởng theo RRTT cấp 3		
			Diện tích (ha)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Diện tích (ha)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Diện tích (ha)	Số hộ (hộ)	Số người (người)
3	Phú Vinh	Suối Soong 1							50	50	250
4	Ngọc Định	Hoà Hiệp, Hoà Thành							125	200	1.000
5	Phú Ngọc	Ấp 7							100	200	1.000
6	Gia Canh	Ấp 10				94	5	15	120	100	500
7	Suối Nho	Ấp 5							80	75	375
8	Túc Trung	Suối Dzui							200	300	1.500
9	La Ngà	Ấp 4							200	300	1.500
10	Phú Hòa	Cánh đồng Cao Cang				80			120	50	250
IV	<i>Xuân Lộc (2 khu vực bị ngập)</i>		<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>180</i>	<i>12</i>	<i>53</i>	<i>180</i>	<i>68</i>	<i>287</i>
1	Xuân Bắc	Ấp 7 (ven sông La Ngà)				50	7	31	50	56	235
2	Suối Cao	Ấp Chà Rang (ven sông La Ngà)				130	5	22	130	12	52

Phụ lục 4.4: Phạm vi và mức độ ảnh hưởng do lốc, sét, mưa đá

TT	Huyện/TP	Khu vực			Loại hình thiên tai có nguy cơ xảy ra		
		Số điểm	Xã/ Phường/ Thị trấn	Ấp/Khu phố	Lốc	Sét	Mưa đá
1	Long Khánh	Toàn xã	Bình Lộc		X		X
		Toàn xã	Suối Tre		X		
		Toàn xã	Bảo Vinh	ấp Bảo Vinh B (mưa đá)	X		X
		Toàn xã	Bảo Quang		X		
		Toàn xã	Bàu Trâm		X		
		Toàn xã	Xuân Trung		X		
		Toàn xã	Xuân An		X		
		1	Xuân Tân	KP Tân Phong	X		
		Toàn xã	Xuân Hòa		X		
		1	Bàu Sen	Ấp Núi Đỏ	X		
		Toàn xã	Phú Bình		X		
		Toàn xã	Xuân Thanh		X		
		Toàn xã	Hàng Gòn		X		
		Toàn xã	Xuân Lập		X		
2	Xuân Lộc	1	Xuân Thành	Ấp Tân Hưng	X		
		1	Suối Cao	Ấp Chà Rang	X		
		1	Tân Thành	Ấp Tân Hợp	X		
		1	Xuân Trường	Ấp Trung Sơn	X		
		Toàn xã	Xuân Hiệp		X		X
		1	Xuân Tâm	KV hồ Gia Ui		X	
3	Cẩm Mỹ	3	Xuân Mỹ	Ấp Láng Lớn, Suối Sóc, Đồng Tâm	X		
		1	Long Giao	KP Suối Cà	X		
		2	Lâm San	Ấp 3, Ấp 4	X		
		1	Sông Ray	Ấp 10	X		
		Toàn xã	Xuân Đông		X		
		Toàn xã	Xuân Quế		X		
		Toàn xã	Thừa Đức		X		
		Toàn xã	Bảo Bình		X		
		Toàn xã	Xuân Tây		X		
4	Trảng Bom	Toàn xã	Sông Thao		X		
		Toàn xã	Hố Nai 3		X		
		1	Thanh Bình	Ấp Trường An	X		
		1	Giang Điền	Ấp Hòa Bình	X		
		1	Hung Thịnh	Ấp Hưng Bình	X		
		1	Sông Trầu	Ấp 6	X		
5	Thống Nhất	Toàn xã	Xã Lộ 25	Ấp 1, 4 (có mưa đá)	X		X
		Toàn xã	Gia Tân 3		X		
		Toàn xã	Xuân Thạnh		X		
		Toàn xã	Bàu Hàm 2		X		
		Toàn xã	Quang Trung		X		
		Toàn xã	Hưng Lộc		X		
		Toàn xã	Xuân Thiện		X		

TT	Huyện/TP	Khu vực			Loại hình thiên tai có nguy cơ xảy ra		
		Số điểm	Xã/ Phường/ Thị trấn	Ấp/Khu phố	Lốc	Sét	Mưa đá
6	Long Thành	Toàn xã	An Phước		X		
		Toàn xã	TT Long Thành		X		
		Toàn xã	Cầm Đường		X		
		1	Bình An	Ấp Sa Cá		X	
7	Định Quán	Toàn xã	Phú Túc		X		
		Toàn xã	Túc Trung		X		
		Toàn xã	Phú Cường		X		
		Toàn xã	Phú Vinh		X		
		Toàn xã	Gia Canh		X		
		Toàn xã	Phú Lợi		X		
		Toàn xã	La Ngà		X		
		Toàn xã	Suối Nho		X		
		Toàn xã	Ngọc Định		X		
		Toàn xã	Phú Ngọc		X		
		Toàn xã	Thanh Sơn	Ấp 7 (có mưa đá)	X		X
		Toàn xã	Phú Tân		X		
		6	TT Định Quán	KP Hiệp Nghĩa, Hiệp Thuận, Hiệp Nhất, Hiệp Tâm, Hiệp Thượng, Hiệp Đồng	X		
8	Tân Phú	Toàn xã	Phú Thanh		X		
		Toàn xã	Phú Bình		X		
		Toàn xã	Tà Lài		X		
		Toàn xã	Phú Thịnh		X		
		Toàn xã	Phú Lập		X		
		Toàn xã	Phú Lâm		X		
		Toàn xã	Trà Cỏ		X		
		1	Phú An	Ấp 2	X		
		3	Phú Xuân	Ấp Ngọc Lâm 1, Ngọc Lâm 2, Bàu Chim	X		
		Toàn xã	Phú Lộc		X		
		1	Nam Cát Tiên	Ấp 4 mới	X		X
		Toàn xã	Thanh Sơn		X		
		Toàn xã	Phú Sơn		X		
		Toàn xã	Phú Điền		X		
9	Biên Hòa	2	Hoá An	KP Cầu Hang, Bình Hòa	X		
		Toàn phường	Long Bình Tân		X	X	X
		Toàn phường	Tân Biên		X		
		Toàn phường	Long Hưng		X		
		Toàn phường	Hố Nai		X		
		Toàn phường	An Hoà		X		X
		Toàn phường	Long Bình		X		X
		Toàn phường	Tân Vạn				X
		1	An Bình	KCN Biên Hoà 2	X		X

TT	Huyện/TP	Khu vực			Loại hình thiên tai có nguy cơ xảy ra		
		Số điểm	Xã/ Phường/ Thị trấn	Ấp/Khu phố	Lốc	Sét	Mưa đá
10	Vĩnh Cửu	3	Phủ Lý	Ấp Cây Cày, Bàu Phụng, Lý Lịch	X		
		1	Vĩnh Tân	Ấp 5	X		
		1	Tân An	Ấp Thái An	X		
		1	Mã Đà	Ấp 4	X		
11	Nhơn Trạch	Toàn xã	Long Thọ		X		
		1	Phước Thiện	Cánh đồng Bến Sắn		X	

Phụ lục 4.5: Phạm vi và mức độ ảnh hưởng do mưa lớn

TT	Huyện/Tp	Khu vực xung yếu			Mức độ ảnh hưởng	Đối tượng cần bảo vệ
		Số điểm	Ấp/Khu phố	Xã/Phường/TT		
Kịch bản rủi ro thiên tai cấp 1						
1	Long Khánh	1	Đ. Hùng Vương	P. Xuân Hoà	Ngập cục bộ	Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	Đ. Nguyễn Thị Minh Khai			Nhà dân
		1	Đ. Nguyễn Trãi			Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	Hẻm 102, tổ 6, KP2			Nhà dân
		1	Ấp Bàu Trâm, tổ 12, Đ. Hoa Sen	X. Bàu Trâm		Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	KP2: đường hẻm tổ 10	P. Xuân Hoà		Nhà dân
		1	Ấp Bàu Trâm	X. Bàu Trâm		Cây cối, hoa màu
		1	Đồng Bàu Đục	X. Bàu Sen		Cây cối, hoa màu
		1	Ấp Lác Chiếu: tổ 2	X. Bảo Quang		Cây cối, hoa màu
		1	Ấp Bàu Cối: tổ 11			Cây cối, hoa màu
		1	Tổ 11-Ấp Bảo Vinh	P. Bảo Vinh		Nhà dân
		1	KP Suối Chồn, tổ 1			Nhà dân
		2	Xuân Lộc	1		Cầu Suối Rết
2	Cánh đồng Tây Minh, Đông Minh			Lang Minh	Cây cối, hoa màu	
2	Ấp Chà Ran, Bàu Sinh			Suối Cao	Cây cối, hoa màu	
1	Ấp Bình Minh			Xuân Hiệp	Cây cối, hoa màu	
3	Ấp 7, 2B, đập tràn ấp 2B			Xuân Bắc	Người và phương tiện tham gia giao thông	
1	Ấp Tân Hợp			Tân Thành	Cây cối, hoa màu	
2	Ấp 5, cánh đồng suối Gia Tô			Xuân Hưng	Cây cối, hoa màu	
1	Cánh đồng Thọ Chánh			Xuân Thọ	Cây cối, hoa màu	
1	Vùng trũng			Suối Cát	Nhà dân	
1	Cầu Suối Gia Liêu			Xuân Định	Người và phương tiện tham gia giao thông	
1	Ấp Trung Sơn			Xuân Trường	Cây cối, hoa màu	

TT	Huyện/Tp	Khu vực xung yếu			Mức độ ảnh hưởng	Đối tượng cần bảo vệ
		Số điểm	Ấp/Khu phố	Xã/Phường/TT		
3	Cẩm Mỹ	1	Ấp 3	Sông Ray	Ngập cục bộ	Nhà dân và cây cối, hoa màu
		3	Ấp Suối Lức, Suối Sóc, Cọ Dầu 2	Xuân Mỹ		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp Tân Hạnh	Xuân Bảo		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	Ấp 10, ấp 12	Xuân Tây		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		4	Ấp 1,4,5, cầu Quân Y	Sông Nhạn		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	Ấp Suối Râm, Ấp 57	Long Giao		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp Cọ Dầu 2	Xuân Đông		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp Tân Hạnh	Xuân Bảo		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Tổ 6 ấp Cọ Dầu 2	Xuân Đông		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		3	Suối Minh Tàu, suối Cây Gia, ấp 3	Lâm Sơn		Nhà dân và cây cối, hoa màu
4	Trảng Bom	2	Khu phố 2, 3	TT Trảng Bom	Ngập cục bộ	Người và phương tiện tham gia giao thông
		2	Khu phố 6, 7	Thanh Bình		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	Khu phố 1, 2	Bầu Hàm		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Đồi 61	Đồi 61		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	ấp sông Mây	Bắc Sơn		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Quốc lộ 1A	Tây Hòa		Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	Khu phố 2	An Viễn		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp Quảng Đà	Đông Hòa		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	ấp Đoàn Kết, khu phố 2	Giang Điền		Nhà dân và cây cối, hoa màu
5	Thống Nhất	1	Cầu suối Cổng Trắng	Gia Tân 2	Ngập cục bộ	Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	Tây Kim	Gia Kiệm		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp 94	xã Hưng Lộc		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp 1, ấp 2, ấp 3	Xã Lộ 25		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Tổ 6 Ấp Tín Nghĩa	Xã Xuân Thiện		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Tổ 24 ấp Tín Nghĩa			Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	Tổ 5 Ấp 94, ấp Trần Hưng Đạo	Xuân Thạnh		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp Lạc Sơn	Xã Quang Trung		Nhà dân và cây cối, hoa màu

TT	Huyện/Tp	Khu vực xung yếu			Mức độ ảnh hưởng	Đối tượng cần bảo vệ
		Số điểm	Ấp/Khu phố	Xã/Phường/TT		
6	Long Thành	1	Tổ 1 Ấp 1	Xã Phước Thái	Ngập cục bộ	Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp 8	Phước Bình		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp Xóm Trầu	Long An		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	Ấp 2, 3	An Phước		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp 3	Bầu Cạn		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp 1	Suối Trầu		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Khu phố 12	Long Đức		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp 2	Tam An		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	Ấp Hàng Gòn, ấp Bình Lâm	Xã Lộc An		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	ấp 5	Xã Long Phước		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	ấp Phước Hòa			Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	ấp Tập Phước			Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	ấp Xóm Gò - Bà Ký			Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	cầu Quán Thủ	TT Long Thành		Người và phương tiện tham gia giao thông
		7	Định Quán	2		Khu vực cầu La Ngà, chợ La Ngà
2	Khu vực cầu La Ngà			Phú Ngọc	Người và phương tiện tham gia giao thông	
1	Bàu cá Sáu			Ngọc Định	Cây cối, hoa màu	
1	Cổng Lâu năm			Thanh Sơn	Cây cối, hoa màu	
1	Cổng Ba Nây				Cây cối, hoa màu	
1	Cầu Hùng Phà				Cây cối, hoa màu	
1	Ấp 8- cánh đồng Bào Kiên				Cây cối, hoa màu	
1	Ấp 1			Phú Hoà	Cây cối, hoa màu	
1	Cánh đồng 200ha			Phú Tân	Cây cối, hoa màu	
1	Ấp 7				Cây cối, hoa màu	
1	Ấp 5				Cây cối, hoa màu	
1	Khu rừng Ấp 4				Cây cối, hoa màu	
1	Khu rừng Ấp 3				Cây cối, hoa màu	

TT	Huyện/Tp	Khu vực xung yếu			Mức độ ảnh hưởng	Đối tượng cần bảo vệ
		Số điểm	Ấp/Khu phố	Xã/Phường/TT		
7	Định Quán	1	Một số tuyến giao thông	TT. Định Quán	Ngập cục bộ	Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	Ấp 2,3,4	Phú Lợi		Người và phương tiện tham gia giao thông
		2	Ấp 1, 5	Xã Suối Nho		Cây cối, hoa màu
		1	KDC ven hồ Trị An	Phú Cường		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Cầu Tam Bung	Phú Túc		Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	Cánh đồng Tam Bung			Cây cối, hoa màu
		2	Ấp Đồn Điền, Đức Thắng	Túc Trung		Cây cối, hoa màu
8	Tân Phú	1	ấp 5	Xã Tài Lại	Ngập cục bộ	Cây cối, hoa màu
		1	Khu vực ngã 3 sông	Phú Điền		Cây cối, hoa màu
		1	Ấp 4	Trà Cỏ		Cây cối, hoa màu
		1	Bàu Minh - Ấp 5			Cây cối, hoa màu
		1	Khu vực Suối Mơ			Cây cối, hoa màu
		1	Ấp 6			Cây cối, hoa màu
		2	Ấp 5, 8	Phú Lộc		Cây cối, hoa màu
		1	KDC ven QL 20	Phú Lâm		Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	Đập 10 cửa			Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	Bàu Chim	Phú Xuân		Cây cối, hoa màu
		1	Cổng đường số 4	Phú Sơn		Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	Cánh đồng Láng Bò	Phú Thịnh		Cây cối, hoa màu
9	Biên Hòa	6	Khu phố 1, 2, 3, Bình Dương	P. Long Bình Tân	Ngập cục bộ	Nhà dân
		1	Cầu Long Bình Tân			Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	KV suối Bà Lúa			Người và phương tiện tham gia giao thông
		2	Khu phố 6, 7	P. Long Bình		Nhà dân
		4	KP Đồng Nai, Cầu Hang, An Hòa, Bình Hóa	P. Hoà An		Nhà dân
		1	Khu suối Xiệp			Nhà dân
		1	Ngã 5 Biên Hùng	P. Trung Dũng		Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	Đ. Võ Thị Sáu	P. Quyết Thắng		Người và phương tiện tham gia giao thông
		2	Khu phố Cầu Hang, Khu phố 2	P. Bửu Long		Nhà dân

TT	Huyện/Tp	Khu vực xung yếu			Mức độ ảnh hưởng	Đối tượng cần bảo vệ
		Số điểm	Ấp/Khu phố	Xã/Phường/TT		
9	Biên Hòa	1	Đ. Phạm Văn Thuận, KP2	P. Tam Hiệp	Ngập cục bộ	Người và phương tiện tham gia giao thông
		3	Khu phố 1, 2, 3	P. Tân Hiệp		Nhà dân
		1	Đường Đồng Khởi	P. Trảng Dài		Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	Khu phố 5A			Nhà dân
		1	KP 4C: tổ 31, 40			Nhà dân
		1	KP 4A: tổ 28			Nhà dân
		1	KP 2: tổ 22			Nhà dân
		1	Đường Nguyễn Phúc Chu, KP5			Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	Đường đầu cầu Lộc Lâm, KP4			Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	Khu TĐC Sơn Tiên	P. An Hoà		Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	KV suối Cầu Ván			Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	KV cầu Kim Bích	P. Hồ Nai		Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	KP 3,5,8 ven suối Săn Máu			Người và phương tiện tham gia giao thông
		3	KV cầu An Khiển, cầu Đại Lộ, cầu Bản	P. Tân Biên		Người và phương tiện tham gia giao thông
		2	Cổng chào Tân Biên, Cổng Năm Sèn			Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	Đ. Trần Quốc Toàn, cầu Ông Gia	P. An Bình		Người và phương tiện tham gia giao thông
		2	KV cầu Bà Bồng và Đ. Phùng Hưng	P. Tam Phước		Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	Kho ngoại quan TBS	P. Tân Vạn		Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	KV cổng Lang Xèng			Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	BVĐK Thống Nhất			Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	Đ. Võ Nguyên Giáp-KV Vườn Xoài	P. Phước Tân		Người và phương tiện tham gia giao thông
		5	KP Tân Cang, Vườn Dừa, Hương Phước, Tân Lập, Miếu			Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	KV cầu Vạt	P. Tân Mai		Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	QL1A	P. Tân Hoà		Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	Khu phố 1	P. Tân Tiến		Nhà dân
		1	Hầm chui ngã tư Tân Phong	P. Tân Phong		Người và phương tiện tham gia giao thông
10	Vĩnh Cửu	4	ấp 2, 3, 4, Lý Lịch 2	Phủ Lý	Ngập cục bộ	Cây cối, hoa màu
		1	Ngập cánh đồng kênh tổng phố Thạch Phú - Bình Lợi	Thạnh Phú		Cây cối, hoa màu
		1	Trường Mầm non Sao Mai - Ấp 1			Người và phương tiện tham gia giao thông

TT	Huyện/Tp	Khu vực xung yếu			Mức độ ảnh hưởng	Đối tượng cần bảo vệ
		Số điểm	Ấp/Khu phố	Xã/Phường/TT		
10	Vĩnh Cửu	1	Khu suối Voi- Phần trường 4	Hiếu Liêm	Ngập cục bộ	Cây cối, hoa màu
		1	Điểm ngập 2- Phần trường 2			Cây cối, hoa màu
		1	Điểm ngập 1- Phần trường 2			Cây cối, hoa màu
		1	Cầu 1			Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	Cánh đồng 30 ha	TT. Vĩnh An		Cây cối, hoa màu
		1	Khu vực Đồng 4	Mã Đà		Cây cối, hoa màu
		1	Tổ 7 Ấp 2 (Trảng B)			Cây cối, hoa màu
		1	Khu vực Rang Rang			Cây cối, hoa màu
		1	Khu vực Bàu Điền			Cây cối, hoa màu
		1	Bàu Lộc	Trị An		Cây cối, hoa màu
		1	Bàu Lớn			Cây cối, hoa màu
		1	Bàu Thủy Hội			Cây cối, hoa màu
		11	Nhơn Trạch	2		Ấp 2, 4
2	ấp Bến Cam			xã Phước Thiện	Cây cối, hoa màu	
2	KP Phước Hiệp, Cty Hưng Nghiệp Formosa			TT Hiệp Phước	Người và phương tiện tham gia giao thông	
2	Ấp Chính Nghĩa, Cánh đồng			xã Vĩnh Thanh	Cây cối, hoa màu	
1	Ấp Bến Cộ			Đại Phước	Cây cối, hoa màu và dê bao Đại Phước	
1	4 cánh đồng xã Phú Hội			Phú Hội	Cây cối, hoa màu và dê bao Phú Hội	
1	Ấp 3			Phú Thạnh	Cây cối, hoa màu và dê bao Phú Thạnh	
1	Ấp Vĩnh Tuy			Long Tân	Cây cối, hoa màu	
1	Ấp Cát Lái			Phú Hữu	Cây cối, hoa màu và dê bao Phú Hữu	
1	Cổng Vũng Gấm			Phước An	Người và phương tiện tham gia giao thông	
Kịch bản rủi ro thiên tai cấp 2 (Các điểm ngập theo mức độ RRTT cấp 1 và các khu vực khác dưới đây)						
1	Long Khánh	1	KP2: đường hẻm tổ 10	P. Xuân Hoà	Ngập sâu	Nhà dân
		1	Ấp Bàu Trâm	X. Bàu Trâm		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp Lác Chiếu: tổ 2	X. Bảo Quang		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp Bàu Cối: tổ 11			Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Tổ 11-Ấp Bảo Vinh	P. Bảo Vinh		Nhà dân
		1	KP Suối Chồn, tổ 1			Nhà dân

TT	Huyện/Tp	Khu vực xung yếu			Mức độ ảnh hưởng	Đối tượng cần bảo vệ
		Số điểm	Ấp/Khu phố	Xã/Phường/TT		
1	Long Khánh	4	KP Trung Tâm - KV Suối Mũ; KP Phú Mỹ - KV Bàu Sao, KV Suối Phên, KV Suối Hôn,	Xuân Lập	Ngập sâu	Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Bàu Tra	Xuân Tân		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	KP 1 - Tổ 8	Phú Bình		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	KP2- KV dọc cầu Suối Cài	Xuân Trung		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		3	Ấp Hàng Gòn - KV ven hồ Cầu Dầu, tổ 35,36; Ấp Tân Phong - Khu vực ven hồ Cầu Dầu tại tổ 6, 7; Ấp Tân Phong - Khu vực ven hồ Bàu Môn tại tổ 8, 9,10	Hàng Gòn		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	KP Suối Tre - Đường số 11; KP Cấp Rang - Đường 15	Suối Tre		Nhà dân và cây cối, hoa màu
2	Xuân Lộc	1	Ấp Bình Minh	Xuân Hiệp	Ngập sâu	Cây cối, hoa màu
		3	Ấp 7, 2B, đập tràn ấp 2B	Xuân Bắc		Người và phương tiện tham gia giao thông
		1	Ấp Tân Hợp	Tân Thành		Cây cối, hoa màu
		1	Vùng trũng	Suối Cát		Nhà dân
		1	Ấp Trung Sơn	Xuân Trường		Cây cối, hoa màu
3	Cẩm Mỹ	3	Ấp Suối Lức, Suối Sóc, Cọ Dầu 2	Xuân Mỹ	Ngập sâu	Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp Tân Hạnh	Xuân Bảo		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	Ấp 10, ấp 12	Xuân Tây		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		4	Ấp 1,4,5, cầu Quân Y	Sông Nhạn		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	Ấp Suối Râm, Ấp 57	Long Giao		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp Cọ Dầu 2	Xuân Đông		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp Tân Hạnh	Xuân Bảo		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Tổ 6 ấp Cọ Dầu 2	Xuân Đông		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		3	Ấp 8 (Hạ du hồ Cầu Mới tuyến V, VI)	Thừa Đức		Nhà dân và cây cối, hoa màu
4	Trảng Bom	2	Khu phố 6, 7	Thanh Bình	Ngập sâu	Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	Khu phố 1, 2	Bàu Hàm		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Đồi 61	Đồi 61		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp Sông Mây (Hạ du hồ Sông Mây)	Bắc Sơn		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp Lộ Đức, Đông Hải 2 (Hạ du hồ Sông Mây)	Hố Nai 3		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp Quảng Đà	Đông Hòa		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	ấp Đoàn Kết, khu phố 2	Giang Điền		Nhà dân và cây cối, hoa màu

TT	Huyện/Tp	Khu vực xung yếu			Mức độ ảnh hưởng	Đối tượng cần bảo vệ
		Số điểm	Ấp/Khu phố	Xã/Phường/TT		
5	Thống Nhất	1	Cầu suối Cống Trắng	Gia Tân 2	Ngập sâu	Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Tây Kim	Gia Kiệm		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp 94	xã Hưng Lộc		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp 1, ấp 2, ấp 3	Xã Lộ 25		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Tổ 6 Ấp Tín Nghĩa	Xã Xuân Thiện		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Tổ 24 ấp Tín Nghĩa			Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	Tổ 5 Ấp 94, ấp Trần Hưng Đạo	Xuân Thạnh		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp Lạc Sơn	Xã Quang Trung		Nhà dân và cây cối, hoa màu
6	Long Thành	1	Tổ 1 Ấp 1	Xã Phước Thái	Ngập sâu	Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp 8	Phước Bình		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		3	Ấp Bà Ký, Xóm Trầu, Sáu Hoàng (Hạ du hồ Cầu Mới tuyến V, VI)	Long An		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		5	Ấp 5, Phước Hoà, Đất Mới (Hạ du hồ Cầu Mới tuyến V, VI), ấp Tập Phước, ấp Xóm Gò - Bà Ký	Long Phước		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		4	Ấp 1,3,8, Suối Cả (Hạ du hồ Cầu Mới tuyến V, VI)	Bầu Cạn		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		4	Ấp 1,2,3, Suối Trầu (Hạ du hồ Cầu Mới tuyến V, VI)	Suối Trầu		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		3	Ấp 1,2, Suối Quýt (Hạ du hồ Cầu Mới tuyến V, VI)	Cầm Đường		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Khu phố 12	Long Đức		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp 2	Tam An		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	Ấp Hàng Gòn, ấp Bình Lâm	Xã Lộc An		Nhà dân và cây cối, hoa màu
7	Định Quán	1	Ấp 1	Phú Hoà	Ngập sâu	Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp 7	Phú Tân		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp 5	Gia Canh		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	Ấp 1, 5	Xã Suối Nho		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	KDC ven hồ Trị An	Phú Cường		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Cầu Tam Bung	Phú Túc		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	Ấp Đồn Điền, Đức Thắng	Túc Trưng		Nhà dân và cây cối, hoa màu
8	Tân Phú	1	ấp 5	Xã Tài Lài	Ngập sâu	Nhà dân và cây cối, hoa màu
		3	Ấp 2,4,5 (Khu vực hạ du hồ Đa Tôn)	Phú Điền		Nhà dân và cây cối, hoa màu

TT	Huyện/Tp	Khu vực xung yếu			Mức độ ảnh hưởng	Đối tượng cần bảo vệ
		Số điểm	Ấp/Khu phố	Xã/Phường/TT		
8	Tân Phú	3	Ấp 4, 5, 6 (Khu vực hạ du hồ Đa Tôn)	Trà Cỏ	Ngập sâu	Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	Ấp 5, 8	Phú Lộc		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	Ấp Thanh Thọ, Thanh Thọ 3 (Khu vực hạ du hồ Đa Tôn)	Phú Lâm		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp Thọ Lâm (Khu vực hạ du hồ Đa Tôn)	Phú Xuân		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	Ấp Suối Đá, Thanh Trung (Khu vực hạ du hồ Đa Tôn)	Thanh Sơn		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		4	Ấp Bàu Mây, Thọ Lâm 1, Thọ Lâm 2, Ngọc Lâm 2 (Khu vực hạ du hồ Đa Tôn)	Phú Thanh		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	Ấp Phú Hợp B, Phú Tân (Khu vực hạ du hồ Đa Tôn)	Phú Bình		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	Ấp 2,4,5 (Khu vực hạ du hồ Đa Tôn)	Phú Điền		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp Phú Thạch (Khu vực hạ du hồ Đa Tôn)	Phú Trung		Cây cối, hoa màu
9	Biên Hòa	4	Khu phố 1, 2, 3, Bình Dương	P. Long Bình Tân	Ngập sâu	Nhà dân
		1	KV suối Bà Lúa			Nhà dân
		2	Khu phố 6, 7			Nhà dân
		4	KP Đồng Nai, Cầu Hang, An Hòa, Bình Hóa	P. Hoà An	Ngập sâu	Nhà dân
		1	Khu suối Xiệp			Nhà dân
		2	Khu phố Cầu Hang, Khu phố 2			Nhà dân
		3	Khu phố 1, 2, 3	P. Tân Hiệp		Nhà dân
		1	Khu phố 5A			Nhà dân
		1	KP 4C: tổ 31, 40			Nhà dân
		1	KP 4A: tổ 28			Nhà dân
		1	KP 2: tổ 22			Nhà dân
		1	Khu TĐC Sơn Tiên	P. An Hoà		Nhà dân
		1	KP 3,5,8 ven suối Sắn Máu	P. Hồ Nai		Nhà dân
		1	Kho ngoại quan TBS	P. Tân Vạn		Nhà dân
		5	KP Tân Cang, Vườn Dừa, Hương Phước, Tân Lập, Miếu	P. Phước Tân		Nhà dân
		1	Khu phố 1	P. Tân Tiến		Nhà dân
10	Vĩnh Cửu	4	ấp 2, 3, 4, Lý Lịch 2	Phú Lý	Ngập sâu	Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	Ấp 2, 3, Cây Xoài, Bình Chánh (Hạ du hồ Sông Mỹ)	Tân An		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp 6 (Hạ du hồ Sông Mỹ)	Vĩnh Tân		Nhà dân và cây cối, hoa màu

TT	Huyện/Tp	Khu vực xung yếu			Mức độ ảnh hưởng	Đối tượng cần bảo vệ
		Số điểm	Ấp/Khu phố	Xã/Phường/TT		
10	Vĩnh Cửu	1	Ấp Vàm (Hạ du hồ Sông Mây)	Thiện Tân	Ngập sâu	Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Khu suối Voi- Phần trường 4	Hiếu Liêm		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Tổ 7 Ấp 2 (Trăng B)	Mã Đà		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Khu vực Rang Rang			Nhà dân và cây cối, hoa màu
11	Nhơn Trạch	2	Ấp 2, 4	Long Thọ	Ngập sâu	Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	ấp Bến Cam	xã Phước Thiện		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		2	KP Phước Hiệp, KCN Nhơn Trạch 3	TT Hiệp Phước		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp Bến Cộ	Đại Phước		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp 3	Phú Thạnh		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp Vĩnh Tuy	Long Tân		Nhà dân và cây cối, hoa màu
		1	Ấp Cát Lái	Phú Hữu		Nhà dân và cây cối, hoa màu

Phụ lục 4.6: Phạm vi và mức độ ảnh hưởng do lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ và dòng chảy

STT	Huyện/TP	Điểm xung yếu	Phạm vi ảnh hưởng	Đối tượng trọng điểm cần bảo vệ
A	Rủi ro thiên tai cấp 1			
I	Sạt lở bờ sông, suối			
1	Tân Phú	Bờ sông Đồng Nai ấp 1, xã Nam Cát Tiên	- Bờ sông đoạn tiếp giáp giữa công ty Thế giới hoang dã và VQG Nam Cát Tiên	Các công trình trong Khu du lịch
		Bờ sông Đồng Nai ấp 8 xã Nam Cát Tiên	- Bờ sông khu vực trạm bơm ấp 8	Đất canh tác ven sông;
		Bờ sông La Ngà khu vực Bến Thuyền, xã Phú Bình	- 2000ha đất trồng lúa cánh đồng Năm Sao, xã Phú Bình	Đường Phú Lập – Nam Cát Tiên
				Diện tích lúa Đê bao ven sông và cánh đồng lúa
2	Định Quán	Bờ sông Đồng Nai xã Thanh Sơn	- Ấp 1, khu vực nhập lưu vào lòng hồ Trị An;	Ấp 1: đất sản xuất và 1 số nhà dân ven sông;
			- Ấp 2, đoạn bờ sông thuộc tổ 11	Ấp 2: nhà dân
			- Ấp 7, thượng lưu thác Thượng khoảng 1,2km	Ấp 7: đất sản xuất
		Bờ sông Đồng Nai xã Phú Vinh	Bờ sông KV thác Ba Giọt, ấp Suối Soong 1	Đất sản xuất ven sông
		Bờ sông Đồng Nai xã Ngọc Định	Đối diện điểm sạt lở ấp 2, xã Thanh Sơn	Đất sản xuất ven sông
3	Vĩnh Cửu	Bờ sông Đồng Nai xã Tân An	- Điểm 1: KV cầu Bà Giá;	Đền thờ các Vua Hùng và Đại tướng Võ Nguyên Giáp
			- Điểm 2: KV tổ 4, ấp Thái An;	Đất ven sông và đường ĐT768
			- Điểm 3: KV Ấp Bình Chánh đoạn ngã 3 đường DT786 và đường Cộ - Cây Xoài.	Đất trồng cây lâu năm
			- Điểm 4: KV cầu Rạch Đông	Đất trồng cây lâu năm ven sông và đường ĐT768
		Bờ sông Đồng Nai xã Thiện Tân	- Điểm 1: Thượng lưu trạm bơm Thiện Tân 2	Đất sản xuất
			- Điểm 2: KV trạm bơm Thiện Tân 3	
		Bờ sông Đồng Nai xã Bình Lợi	- Điểm 1: Bờ sông Ấp 2, đối diện UBND xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, Bình Dương;	Đất đai và đường giao thông ven sông
			- Điểm 2: Tổ 3, ấp 4, thượng lưu bến đò đi Tân Uyên;	Đất đai và đường giao thông ven sông
			- Điểm 3: KV trạm bơm Lợi Hoà	Đất đai và đường giao thông ven sông
			- Điểm 4: KV Trạm bơm Bình Hoà 2	Đất đai và đường giao thông ven sông

STT	Huyện/TP	Điểm xung yếu	Phạm vi ảnh hưởng	Đối tượng trọng điểm cần bảo vệ
4	Biên Hoà	Bờ sông Đồng Nai thuộc phường Tân Hạnh	Đoạn từ cửa rạch Ông Tiếp tới chợ Tân Hạnh	Đất đai và công trình kiến trúc ven sông
		Bờ sông Đồng Nai thuộc phường Hiệp Hòa	Ấp Nhất Hoà, Nhị Hoà, Tam Hoà	Đất đai và công trình kiến trúc ven sông
		Bờ sông Đồng Nai thuộc phường Hưng Long	Ấp An Xuân	Đất đai và công trình kiến trúc ven sông
		Bờ suối Sắn Máu phường Tân Hiệp, Tân Phong, Bình Đa	Khu phố 1, phường Tân Hiệp; KP4 phường Bình Đa	- Bờ kè; - đường giao thông dọc bờ suối
		Bờ suối Bà Lúa tại Tổ 10, KP.11, phường An Bình	Khu vực kè cầu Bà Lúa	- Bờ kè; - đường giao thông dọc bờ suối
5	Nhơn Trạch	Sạt lở bờ sông Nhà Bè, xã Phú Thạnh	Đoạn thuộc cánh đồng Ấp 1	- Bờ bao Phú Thạnh - Diện tích sản xuất
		Sạt lở bờ sông Nhà Bè, xã Phú Hữu	Đoạn thuộc cánh đồng ấp Cát Lái	- Bờ bao Phú Hữu - Diện tích sản xuất
		Sạt lở bờ sông Nhà Bè, xã Đại Phước	Đoạn bờ bao ấp Bến Cội, đối diện cảng Cát Lái	- Bờ bao; - Đất sản xuất
		Sạt lở bờ sông Vàm Môn, xã Phú Hội	Đoạn thuộc cánh đồng xã Phú Hội	- Bờ bao Phú Hội - Diện tích cây trồng
		Bờ sông Cầu Tàu	Ấp Giồng Ông Đồ, xã Phước Đông	- Diện tích cây trồng
II	Sạt lở đất đồi, núi			
1	Tân Phú	Đồi Phú Sơn: ấp Phú Lâm 3, xã Phú Sơn	- Điểm 1: Phía sau nhà ông Đoàn Văn Thắng. Điểm sạt lở có chiều dài khoảng 40m, dốc đứng cao 15m.	- Điểm 1: 3 hộ dân;
			- Điểm 2: khu vực phía sau nhà ông Phạm Văn Toàn ấp Phú lâm 3 xã Phú Sơn. Chiều dài sạt lở khoảng 20m, cao khoảng 7m cách nhà dân khoảng 1m.	- Điểm 2: 2 hộ dân;
			- Điểm 3: khu vực phía sau nhà hộ ông Trần Việt Hà ấp Phú lâm 3. Chiều dài khoảng 40m, cao khoảng 20m.	- Điểm 3: 4 hộ dân

STT	Huyện/TP	Điểm xung yếu	Phạm vi ảnh hưởng	Đối tượng trọng điểm cần bảo vệ
1	Tân Phú	Đồi Phú Sơn: ấp Phú Lâm 1, xã Phú Sơn	- Điểm 4: khu vực phía sau hộ ông Nguyễn Văn Doanh, ấp Phú Lâm 1. Điểm sạt lở có độ cao 10m, rộng 25m.	- Điểm 4: 3 hộ dân; - Đường QL20
		Xã Phú An	- Điểm 1: Đất rừng dọc đường 600A phía bên trái hướng từ đường QL20 vào.	- Hệ thống thoát nước và giao thông trên đường 600A
			- Điểm 2: Đất rừng dọc đường 600A phía bên phải hướng từ đường QL20 vào. Chiều dài sạt lở 30m, cao 20m.	- 2 hộ dân tiếp giáp khu vực sạt lở điểm 2.
		Xã Phú Trung, ấp Phú Thắng	- Sạt lở đất đồi phía sau Trường MN Phú Trung.	- Trường MN Phú Trung
		Xã Phú Xuân	- Dốc 300 - Đường 600B. Chiều dài sạt lở khoảng 40m, cao khoảng 12m.	- Hệ thống thoát nước và giao thông trên đường 600B;
2	Định Quán	Đồi 112, KP Hiệp Lực, TT Định Quán	- Khu dân cư dưới chân đồi	- 6 hộ dân
3	Trảng Bom	Đồi 113, xã Hối Nai 3	- Sạt lở phía chân đồi khu vực Đài tưởng niệm các chiến sĩ đặc công 113 thuộc tổ 2, ấp Lộ Đức Xã	- Các Nhà dân và nhà xưởng sản xuất phía chân đồi
4	Cẩm Mỹ	Xã Bào Bình	- Sạt lở phía chân đồi Mặt Trăng	- Các nhà dân Phía chân đồi
5	Long Khánh	Đồi Riu, Xã Hàng Gòn	Khu vực nghĩa trang Đồi Riu	Mồ, mã
6	Xuân Lộc	Xã Xuân Trường	KV núi Chứa Chan	Sạt lở KV núi và đường xung quanh khu du lịch núi Chứa Chan
		Xã Suối Cát	Đồi Bình Minh - Ấp Bình Minh	- Các nhà dân phía chân đồi
III	Lũ quét			
1	Thống Nhất	Xã Lộ 25	- Khu vực ven suối, sông Nhạn thuộc các ấp 1,2,3,6	Đất sản xuất ven sông, suối
		Bàu Hàm 2, Hưng Lộc	- Khu vực ven tuyến suối Mù	Đất sản xuất ven suối
		Ấp Tân Yên, Xã Gia Tân 3	- Khu dân cư ven suối Reo	Khu dân cư ven suối
2	Trảng Bom	Xã An Viễn	Ấp 1,2,6 dọc sông Buông	- 20 Nhà dân và đất canh tác ven sông
		Xã Đồi 61	Ấp Tân Thịnh, dọc sông Buông	- 15 Nhà dân và đất canh tác ven sông
		Xã Sông Thao	Ấp Thuận Hòa, dọc sông Thao	- 10 Nhà dân và đất canh tác ven sông

STT	Huyện/TP	Điểm xung yếu	Phạm vi ảnh hưởng	Đối tượng trọng điểm cần bảo vệ
B	Rủi ro thiên tai cấp 2 (bao gồm các vị trí như RRTT cấp 1 và thêm các điểm dưới đây)			
I	Sạt lở bờ sông, suối			
1	Tân Phú	Bờ sông Đồng Nai xã Nam Cát Tiên	Ấp 3	Đất canh tác ven sông;
			Ấp 2	
		Bờ sông Đồng Nai, xã Núi Tượng	Ấp 6a	Đất canh tác ven sông;
			Ấp 6b	
		Bờ sông Đồng Nai, xã Đăk Lua	Ấp 9	Đất canh tác ven sông
			Ấp 6	
			Ấp 5b	
			Ấp 5a	
			Ấp 1	
			Ấp 2	
		Bờ sông La Ngà, xã Phú Điền	Ấp 4	Đất sản xuất ven sông
2	Định Quán	Bờ sông Đồng Nai, xã Ngọc Định	Ấp Hòa Hiệp	Đất canh tác ven sông;
		Bờ sông La Ngà, xã Phú Vinh	Ấp Suối Soong	
3	Biên Hòa	Sông Đồng Nai, P.Long Bình Tân	Long Điền	Đất canh tác và nhà dân ven sông;
		Sông Đồng Nai, P.Long Bình Tân	Cù lao Ba Xê	
		Hóa An	Ấp An Hòa	
4	Vĩnh Cửu	Trị An	Sau NM Trị An	Đất canh tác và nhà dân ven sông;
		Tân Bình	Ấp Bình Lục	
		Hiếu Liêm	Ấp 2	
		Phú Lí	Suối Sa Mách	
5	Nhơn Trạch	Long Tân	Vĩnh Tuy	Đất canh tác
		Phú Đông	Ngã 3 sông Nhà Bè	
		Phước Khánh	Ấp 2	
6	Long Thành	Tam An	Tam An	Đất sản xuất ven sông
7	Trảng Bom	Xã Bắc Sơn	ấp Sông Mây, ven sông Mây	Đất sản xuất

STT	Huyện/TP	Điểm xung yếu	Phạm vi ảnh hưởng	Đối tượng trọng điểm cần bảo vệ
II	Sạt lở đất đồi, núi			
1	Nhơn Trạch	xã Đại Phước	đồi áp Phước Lý	Đất sản xuất
		xã Phước An	Mỏ đá Hang Nai giáp đường Lê Hồng Phong	Đường giao thông
		Xã Phú Đông	Khu vực chân đồi áp Bến Đình (cây xăng Trang Khoa)	Nhà dân, công trình
2	Trảng Bom	xã Quảng Tiến	Khu vực sạt lở từ bờ suối vào đất của dân chiều sâu bờ suối khoảng 6-8 m	Đất canh tác
		xã Bắc Sơn	Áp Sông Mây	Đất canh tác
3	Thống Nhất	Xã Quang Trung	Áp Lê Lợi	Nhà dân và Đất canh tác
4	Cẩm Mỹ	Xã Bảo Bình	Sạt lở khu vực đồi Mặt Trăng	Các nhà dân phía chân đồi

PHỤ LỤC 5: PHƯƠNG ÁN DI TẢN

Danh mục:

Phụ lục 5.1: Phương án di tản khi bão/ATNĐ đổ bộ trực tiếp (Bảng tổng hợp của tỉnh và 11 bảng chi tiết theo cấp huyện/TP)

Phụ lục 5.2: Phương án di tản theo các kịch bản lũ, ngập lụt

Phụ lục 5.3: Phương án di tản với các kịch bản mưa lớn

Phụ lục 5.4: Phương án di tản theo các kịch bản lũ quét, sạt lở đất

**PHỤ LỤC 5.1: PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN TRONG TÌNH HUỐNG BÃO, BẢO MẠNH ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN
TỈNH ĐỒNG NAI**

STT	Huyện, Thành phố	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán					Ghi chú
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung			
		Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Sức chứa các điểm tránh trú tập trung (người)	
I	Tình huống 1: ATNĐ hoặc Bão cấp 8-9 đổ bộ trực tiếp vào địa bàn tỉnh								
	Toàn tỉnh	40.886	160.828	16.434	56.380	26.153	105.350	1.014.696	
1	TP. Biên Hòa	3.908	15.598	215	980	3.693	14.618	336.251	
2	TP. Long Khánh	5.757	24.332			5.757	24.332	58.961	
3	Long Thành	10.349	40.237	6.395	21.254	5.641	20.754	64.600	
4	Nhơn Trạch	1.190	4.405	275	880	925	3.021	63.974	
5	Định Quán	356	1.780			356	1.780	54.756	
6	Thống Nhất	7.285	26.546	5.842	20.633	1.447	5.548	57.330	
7	Cẩm Mỹ	516	2.068	-	-	516	2.068	37.182	
8	Tân Phú	1.054	4.223	-	-	1.054	4.223	79.826	
9	Trảng Bom	5.679	20.818	3.707	12.633	1.972	8.185	115.416	
10	Vĩnh Cửu	4.006	17.532	-	-	4.006	17.532	59.830	
11	Xuân Lộc	786	3.289	-	-	786	3.289	86.570	

STT	Huyện, Thành phố	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán					Ghi chú
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung			
		Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Sức chứa các điểm tránh trú tập trung (người)	
II	Tình huống 2: Bão trên cấp 10 đổ bộ trực tiếp vào địa bàn huyện								
	Toàn tỉnh	53.959	214.392	19.582	71.813	35.753	147.166	996.607	
1	TP. Biên Hòa	7.737	32.026	230	1.095	7.417	30.651	336.251	
2	TP. Long Khánh	5.757	24.332	-	-	5.757	24.332	58.961	
3	Long Thành	13.646	51.937	7.742	28.707	6.351	25.502	46.511	
4	Nhon Trạch	1.190	4.405	275	880	925	3.021	63.974	
5	Định Quán	2.081	10.405			2.081	10.405	54.756	
6	Thống Nhất	7.780	28.214	6.532	23.628	2.257	7.685	57.330	
7	Cẩm Mỹ	516	2.068	-	-	516	2.068	37.182	
8	Tân Phú	1.054	4.223	-	-	1.054	4.223	79.826	
9	Trảng Bom	7.684	29.344	4.803	17.503	2.881	11.841	115.416	
10	Vĩnh Cửu	5.728	24.149	-	-	5.728	24.149	59.830	
11	Xuân Lộc	786	3.289	-	-	786	3.289	86.570	

**PHỤ LỤC 5.1.1: PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN TRONG TÌNH HUỐNG BẢO, BẢO MẠNH ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

STT	Xã, phường	Tổng số cần di dời và sơ tán		Phương án sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Địa điểm	Sức chứa (người)
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)		
I	Tình huống 1: ATNĐ hoặc Bảo cấp 8-9 đổ bộ trực tiếp vào địa bàn TP								
	Toàn TP	3.908	15.598	215	980	3.693	14.618		35.900
1	P. Hiệp Hòa	185	726			185	726	Trường TH Hiệp Hòa và chùa Phước Hội	2.000
2	P. Tân Vạn	18	53			18	53	Miếu Đắc Phước; chùa Cao Đài và trụ sở UBND phường	2.500
3	P. Hóa An	1.226	3.680			1.226	3.680	Nhà máy nước Hóa An và chùa Phước Kiến	4.100
4	P. Bửu Hòa	200	950			200	950	Trường THCS Ngô Gia Tự; chùa Quan Âm, chùa Tân Sơn	3.000
5	P. Tân Hạnh	390	1.980			390	1.980	Mỏ đá Đồng Tân và chùa Phật (ấp 3)	4.000
6	P. Bửu Long	185	1.110	95	570	90	540	Chùa Bửu Phong; trụ sở UBND phường, miếu Bình Thiện	2.500
7	P.Long Bình Tân	208	1.012			208	1.012	NVH phường và đình Bình Dương (tổ 4)	2.000
8	P. An Bình	866	3.031			866	3.031	Trường Lê Thị Vân và trường mẫu giá An Bình	3.000
9	P. Thanh Bình	20	120			20	120	TT Răng hàm mặt và trụ sở UBND phường	2.500
10	P. Quyết Thắng	80	250			80	250	Nhà trẻ Hoa Mai và trường MN Thánh Tâm	500
11	P. Hòa Bình	355	2.066			355	2.066	Trụ sở UBND phường; Vp Kp 5 và Cục thuế tỉnh (cũ)	2.500
12	P. Tân Phong	75	300	40	160	35	140	NVH Kp 1, Kp 4; Trường MN Tân Phong	5.800
13	P. Tân Hòa	100	320	80	250	20	70	Trường THCS Nguyễn Công Trứ tại Kp4	1.500

STT	Xã, phường	Tổng số cần di dời và sơ tán		Phương án sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Địa điểm	Sức chứa (người)
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)		
II	Tình huống 2: Bảo cấp độ 10-11 đổ bộ trực tiếp vào địa bàn TP								
	Toàn TP	7.737	32.026	230	1.095	7.417	30.651		40.170
1	P. Hiệp Hòa	1.477	6.083			1.477	6.083	Theo PA tình huống 1 và trường THPT Nam Hà; các đình: Bình Tự, Hòa Quới, Tân Mỹ và các chùa: Cao Đài, Chúc Thọ	5.500
2	P. Tân Vạn	244	850			244	850	Theo PA tình huống 1 và trạm Y tế phường; trường Kim Đồng; chùa Vạn Linh Tự; XN Lắp máy vận tải, Cty Sông Đà	3.000
3	P. Hóa An	1.226	3.680			1.226	3.680	Theo PA tình huống 1 và trường TH Hóa An; các chùa: Hiền Lâm Sơn Tự, Tân Quang	4.100
4	P. Bửu Hòa	543	2.520			543	2.520	Theo PA tình huống 1 và trường trẻ khuyết tật; tịnh xá Ngọc Uyển; nhà hát Bửu Hòa; chùa Cao Đài; đình Tân Bản	3.000
5	P. Tân Hạnh	465	2.540			465	2.540	Theo PA tình huống 1 và trường tiểu học Tân Hạnh, UBND xã Tân Bình (Bình Dương)	3.500
6	P. Bửu Long	250	1.500	100	600	150	900	Theo PA tình huống 1 và đình Tân Lại; trường THCS Tân Bửu; TT du lịch Bửu Long, Cty XD Đồng Nai; trường trung học Viễn thông; chùa Long Sơn Thạch động	2.500
7	P. Quyết Thắng	116	570			116	570	Theo PA tình huống 1 và trường mẫu giáo Thánh Tâm	570
8	P. Long Bình Tân	208	1.012			208	1.012	Theo PA tình huống 1, trường cấp II (sau UBND phường)	2.000
9	P. Thống Nhất	103	415			103	415	Trụ sở UBND phường; trường TH Thống Nhất B	1.500
10	P. Tân Mai	535	3.490			535	3.490	Nhà thờ Tân Mai; trụ sở UBND phường và trường Lê Lợi	4.000
11	P. An Bình	1459	4566			1.459	4.566	Trường Lê Thị Vân; trường mẫu giáo An Bình; trường cấp I An Bình, An Hảo	5.500
12	P. Phước Tân	500	2.500			500	2.500	Trường TH Tân Cang; VP Kp: Tân Cang, Vườn Dừa, Hương Phước; đình Phước Tân và trường TH Phước Tân	3.000
13	P. Tân Hòa	200	650	90	300	20	70	Giáo xứ Ngọc Đồng tại khu phố 9	2.000
14	P. Tân Phong	95	380	40	195	55	185	Nhà văn hóa Kp 1, Kp 4; Trường mầm non Tân Phong	5.800
15	X. Long Hưng	114	448			114	448	Chùa Long Bửu và ấp Phước Hội	2.000
16	P. An Hòa	100	364			100	364	NVH ấp 1; khu xóm Cau tổ 1, 2, 3 KP 2; NVH Kp 3; khu Cầu Quan tổ 1, 2 và 9 Kp 4 và NVH Kp 4	2.500
17	P. Tam Phước	102	458			102	458	Khu bò sữa	5.000

**PHỤ LỤC 5.1.2: PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN TRONG TÌNH HUỐNG BÃO, BẢO MẠNH ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN
HUYỆN THỐNG NHẤT**

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Tên điểm tránh trú tập trung	Sức chứa (người)
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)		
I	Tình huống 1: ATNĐ hoặc Bão cấp 8-9 đổ bộ trực tiếp vào địa bàn huyện								
	Toàn huyện	7.285	26.546	5.842	20.633	1.447	5.648		18.670
1	Xã Xuân Thiện								
	Ấp Tín Nghĩa	13	35			13	35	Trường THCS Trần Phú	300
	Ấp Xuân Thiện	2	5			2	5	Trường THCS Xuân Thiện	300
2	Xã Gia Tân 2								
	Ấp Đức Long 1	307	1200	200	760	100	440	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu, VP ấp	1500
	Ấp Đức Long 2	74	300	30	114	44	186	TT Học Tập Cộng Đồng, Văn phòng ấp,	400
	Ấp Đức Long 3	234	900	100	400	134	500	Trường THCS Trần Quốc Toàn,	1000
	Ấp Bạch Lâm 1	100	380	40	120	60	160	Mẫu Giáo Gia Tân 2, VP ấp Bạch Lâm 1	400
	Ấp Bạch Lâm 2	180	700	100	400	80	300	Trường Tiểu học Bạch Lâm	800
3	Xã Hưng Lộc								
	Ấp Hưng Nghĩa	817	3490	817	3490			Trường TH Trần Hưng Đạo (2 cơ sở), nhà văn hóa ấp, Trường MN Hoa Mai (02 cơ sở)	2000
	Ấp Hưng Thạnh	783	2779	783	2779			Trung tâm văn hóa xã, Đình Hưng Lộc	1000
	Ấp Hưng Nhơn	584	2224	584	2224			NVH ấp, trường MN Hoa Mai (cs chính)	200
	Ấp Hưng Hiệp	713	2643	713	2643			Nhà văn hóa ấp, trường MN Hoa Cúc	200
	Ấp 9/4	1118	4053	1018	3553	100	500	Nhà văn hóa ấp, trường Hùng Vương	1000
	Ấp Lộ 25	553	1899	553	1899			Nhà văn hóa ấp	50
4	Xã Quang Trung								
	Ấp Nam Sơn	200	800	100	200	200	800	Trường THPT Thống Nhất, THCS Thăng Long	800
	Ấp Bắc Sơn	100	300	100	200	100	300	Trường MN Quang Trung B	300
	Ấp Lạc Sơn	150	500	80	160	150	500	Trường Tiểu học Quang Trung	500
	Ấp Nguyễn Huệ 1	200	600	100	200	100	400	Trường MN Quang Trung A	400
	Ấp Nguyễn Huệ 2	400	1000	200	400	150	600	Trường TH Nguyễn Huệ	600
	Ấp Lê Lợi 2	300	800	150	400	150	600	Trường THCS Quang Trung, TH Lê Lợi	600

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Tên điểm tránh trú tập trung	Sức chứa (người)
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)		
5	Xã Gia Tân 3								
	Ấp Gia Yên	35	220	55	220			Nhà Văn hóa xã	500
	Ấp Tân Yên	40	160	40	160			Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám	500
	Ấp Phúc Nhạc 1	30	120	30	120			Nhà Văn hóa xã	500
	Ấp Phúc Nhạc 2	20	80	20	80			Nhà văn hóa Phúc Nhạc 2	300
6	Xã Gia Kiệm								
	Ấp Tây Nam	21	78	4	17	15	60	Nhà văn hóa ấp Tây Nam	350
	Ấp Đông Bắc	12	51	4	19	08	32	Nhà văn hóa ấp Đông Bắc	300
	Ấp Đông Kim	21	74	7	18	14	56	Nhà văn hóa ấp Đông Kim	350
	Ấp Tây Kim	32	142	10	42	25	100	Nhà giáo lý Giáo xứ Kim Thượng	400
	Đội 3 Võ Đồng 1	13	52	4	15	09	37	Nhà văn hóa ấp Võ Đồng 1	300
7	Thị trấn Dầu Giây								
	KP Lập Thành	50	192					Trường TH Xuân Thạnh	600
	KP Trần Hưng Đạo	60	230					Trường ĐH Công nghệ Miền Đông	1100
	KP Phan Bội Châu	50	205					Trường MN Dầu Giây	420
	KP Trần Cao Vân	75	297					Trường TH Phan Bội Châu	600
8	Xã Lộ 25								
	Ấp 1	10	37			10	37	Nhà văn hóa ấp 1	100
II	Tình huống 2: Bão cấp độ 10-11 đổ bộ trực tiếp vào địa bàn huyện								
	Toàn huyện	7.770	28.177	6.532	23.628	2.247	7.648		20.670
1	Xã Xuân Thiện								
	Ấp Tín Nghĩa	13	35			13	35	Trường THCS Trần Phú	300
	Ấp Xuân Thiện	2	5			2	5	Trường THCS Xuân Thiện	300
2	Xã Gia Tân 2								
	Ấp Đức Long 1	307	1200	200	760	100	440	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu, VP ấp	1500
	Ấp Đức Long 2	74	300	30	114	44	186	TT Học Tập Cộng Đồng, Văn phòng ấp	400
	Ấp Đức Long 3	234	900	100	400	134	500	Trường THCS Trần Quốc Toàn,	1000
	Ấp Bạch Lâm 1	100	380	40	120	60	160	Trường MN Gia Tân 2, VP ấp Bạch Lâm 1	400
	Ấp Bạch Lâm 2	180	700	100	400	80	300	Trường Tiểu học Bạch Lâm	800

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Tên điểm tránh trú tập trung	Sức chứa (người)
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)		
3	Xã Hưng Lộc								
	Ấp Hưng Nghĩa	817	3490	817	3490			Trường TH Trần Hưng Đạo (2 cơ sở), nhà văn hóa ấp, Trường MN Hoa Mai (02 cơ sở)	2000
	Ấp Hưng Thạnh	783	2779	783	2779			TT văn hóa xã, Đình Hưng Lộc	1000
	Ấp Hưng Nhơn	584	2224	584	2224			NVH ấp, trường MN Hoa Mai	200
	Ấp Hưng Hiệp	713	2643	713	2643			Nhà văn hóa ấp, trường MN Hoa Cúc	200
	Ấp 9/4	1118	4053	1018	3553	100	500	Nhà văn hóa ấp, trường Hùng Vương	1000
	Ấp Lộ 25	553	1899	553	1899			Nhà văn hóa ấp	50
4	Xã Quang Trung								
	Ấp Nam Sơn	300	1000	150	400	400	1000	Trường THPT Thống Nhất, THCS Thăng Long	1000
	Ấp Bắc Sơn	200	600	200	600	200	800	Trường MN Quang Trung B, Giáo xứ Thanh Sơn	800
	Ấp Lạc Sơn	200	600	100	400	200	800	Trường TH Quang Trung, Giáo xứ Lạc Sơn	800
	Ấp Nguyễn Huệ 1	200	600	100	400	150	600	Trường MN Quang Trung A, NVH ấp	600
	Ấp Nguyễn Huệ 2	400	1100	250	500	500	1100	Trường TH Nguyễn Huệ, Giáo xứ Ninh Phát	1100
	Ấp Lê Lợi 2	300	800	150	400	200	1000	Trường THCS Quang Trung, TH Lê Lợi, MN Lê Lợi	1000
5	Xã Gia Tân 3								
	Ấp Gia Yên	35	220	55	220			Nhà Văn hóa xã	500
	Ấp Tân Yên	40	160	40	160			Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám	500
	Ấp Phúc Nhac 1	30	120	30	120			Nhà Văn hóa xã	500
	Ấp Phúc Nhac 2	20	80	20	80			Nhà văn hóa Phúc Nhac 2	300
6	Xã Gia Kiệm								
	Ấp Tây Nam	21	78	4	17	15	60	Nhà văn hóa ấp Tây Nam	350
	Ấp Đông Bắc	12	51	4	19	08	32	Nhà văn hóa ấp Đông Bắc	300
	Ấp Đông Kim	21	74	7	18	14	56	Nhà văn hóa ấp Đông Kim	350
	Ấp Tây Kim	32	142	10	42	25	i	Nhà giáo lý Giáo xứ Kim Thượng	400
	Đội 3 Võ Đồng 1	13	52	4	15	09	37	Nhà văn hóa ấp Võ Đồng 1	300
7	Xã Lộ 25								
	Ấp 1	10	37			10	37	Nhà văn hóa ấp 1	100

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Tên điểm tránh trú tập trung	Sức chứa (người)
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)		
8	Thị trấn Dầu Giây								
	KP Lập Thành	100	390	100	390			Trường TH Xuân Thạnh	600
	KP Trần Hưng Đạo	120	475	120	475			Trường ĐH Công nghệ Miền Đông	1100
	KP Phan Bội Châu	100	410	100	410			Trường MN Dầu Giây	420
	KP Trần Cao Vân	150	580	150	580			Trường TH Phan Bội Châu	500

PHỤ LỤC 5.1.3: PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN TRONG TÌNH HUỐNG BÃO, BÃO MẠNH ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

STT	Xã, thị trấn	Ấp	Sơ tán, di dời		Vị trí an toàn sơ tán đến	Sức chứa (người)
			Số hộ (hộ)	Số người (người)		
I	Tình huống 1: ATNĐ hoặc Bão cấp 8-9 đổ bộ trực tiếp vào địa bàn huyện					
	Toàn huyện		356	1780		3.316
1	Thanh Sơn	Ấp 8	150	750	Trường THCS Sơn Tây, Tiểu Học Liên Sơn	1066
2	Ngọc Định	Ấp Hoà Đồng	200	1000	UBND xã,	1250
3	TT. Định Quán	Chân đồi 112	6	30	TT GD hướng nghiệp huyện, UBND TT	1000
II	Tình huống 2: Bão cấp độ 10-11 đổ bộ trực tiếp vào địa bàn huyện					
	Toàn huyện		2.081	10.405		20.515
1	Thanh Sơn	Ấp 1,2,3,6,7,8	450	2250	Trường TH, THCS tại ấp 6, ấp 7	5984
2	Phú Tân	Ấp 6,7	50	250	NVH ấp, Trường TH Nguyễn Bình Khiêm	1000
3	Phú Cường	Bến Nôm 2	300	1500	Trường TH Phù Đồng, trường THCS Nguyễn Trãi	2000
4	Ngọc Định	Hoà Hiệp, Hoà Thành	200	1000	UBND xã	1250
5	La Ngà	Ấp 4	300	1500	Trường TH La Ngà, Trường MN La Ngà, UBND xã	3000
6	Phú Ngọc	Ấp 7	200	1000	Trường MN Hoa Phượng	800
7	Gia Canh	Ấp 10	100	500	NVH ấp 10, ấp 5, Trường MN Sơn Ca	900
8	Phú Hoà	Ấp 1	50	250	UBND xã, NVH ấp, TT văn hoá xã	845
9	Suối Nho	Ấp 5	75	375	NVH ấp, Giáo xứ Na Goa, UBND xã	736
10	Túc Trưng	Suối Dzui	300	1500	UBND xã, Nhà thờ Tin lành CH Suối Dzui	2000
11	TT. Định Quán	KP Hiệp Lực	6	30	UBND thị trấn	1000
12	Phú Vinh	Suối Soong 1	50	250	Trường Lê Văn Tám	1000

PHỤ LỤC 5.1.4: PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN TRONG TÌNH HUỐNG BÃO, BÃO MẠNH ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN HUYỆN CẨM MỸ

STT	Xã, thị trấn	Số hộ bị ảnh hưởng		Số hộ cần sơ tán tập trung		Vị trí an toàn sơ tán đến		Phương tiện sơ tán
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Địa điểm	Sức chứa (người)	
	Toàn huyện	516	2.068	516	2.068			
1	Thị trấn Long Giao	3	17	3	17	Trường MN Long Giao, NVH	900	Xe ô tô, xe tải
2	Xã Xuân Mỹ	10	40	10	40	Trường cấp II Xuân Mỹ	1500	Xe ô tô, xe tải
3	Xã Nhân Nghĩa	31	98	31	98	Trường TH Nhân Nghĩa, THCS Chu Văn An, Giáo xứ Duyên Lăng	900	Xe ô tô, xe tải
4	Xã Sông Nhạn	50	205	50	205	Trường Tiểu học Quang Trung, Giáo xứ Sông Nhạn	1200	Xe ô tô, xe tải
5	Xã Thừa Đức	46	184	46	184	Trường tiểu học Thừa Đức 1	1000	Xe ô tô, xe tải
6	Xã Xuân Quế	23	85	23	85	Trường THCS Lý Tự Trọng	1500	Xe ô tô, xe tải
						Trường tiểu học Xuân Quế	1000	
7	Xã Xuân Đường	47	144	47	144	Trường cấp II Xuân Đường	1500	Xe ô tô, xe tải
8	Xã Sông Ray	100	420	100	420	Trường TH Hồng Bàng, trường TH Trương Định, Trụ sở UBND xã	2300	Xe ô tô, xe tải
9	Xã Bảo Bình	10	33	10	33	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1500	Xe ô tô, xe tải
10	Xã Xuân Đông	35	165	35	165	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc ấp Suối Lức, Trường TH Nguyễn Tri Phương, Trường THCS Nguyễn Trãi	2700	Xe ô tô, xe tải
11	Xã Lâm San	40	148	40	148	Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh	1500	Xe ô tô, xe tải
12	Xã Xuân Bảo	51	179	51	179	Trường TH Mỹ Hạnh I, Mỹ Hạnh II, Trường THCS Xuân Bảo	2500	Xe ô tô, xe tải
13	Xã Xuân Tây	70	350	70	350	Trường THPT Sông Ray, Trường cấp 2, 3 Xuân Mỹ, Trường THCS Nguyễn Trãi	5000	Xe ô tô, xe tải

PHỤ LỤC 5.1.5: PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN TRONG TÌNH HUỐNG BẢO, BẢO MẠNH ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN HUYỆN TÂN PHÚ

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí an toàn sơ tán đến		Ghi chú
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Địa điểm	Sức chứa (người)	
	Toàn huyện	1.054	4.223			1.054	4.223		12.597	
1	Xã Đắc Lua	219	1.060			219	1.060		3.000	Do ngập lụt
1.1	Ấp 6	18	100			18	100	Khu vực đồi ấp 2	500	
1.2	Ấp 2 (tràng Ba xe)	12	60			12	60	Khu vực đồi ấp 2	500	
1.3	Ấp 4	100	500			100	500	Khu tái định cư ấp 4	1.000	
1.4	Ấp 11	89	400			89	400	Khu tái định cư ấp 4	1.000	
2	Tà Lài	110	440			110	440		750	Do ngập lụt
2.1	Ấp 4	82	328			82	328	NVH và trường học Bù Cháp 2 ấp 4	500	
2.2	Ấp 5	28	112			28	112	Nhà cộng đồng ấp 5	250	
3	Nam Cát Tiên	270	968			270	968		1.778	Do ngập lụt
3.1	Ấp 4	76	242			76	242	Nhà lồng chợ xã, Trường THCS xã	778	
3.2	Ấp 8	194	726			194	726	Khu vực đồi tượng ấp 8, xưởng chế biến hạt điều ấp 5	1.000	
4	Phú Điền	16	58			16	58		300	Do ngập lụt
4.1	Ấp 4	11	43			11	43	Khu nhà văn hóa xã (ấp 3)	150	
4.2	Ấp 5	5	15			5	15	Khu nhà văn hóa xã (ấp 3)	150	
5	Núi Tượng	150	622			150	622		1.578	Do ngập lụt
5.1	Ấp 6a	70	265			70	265	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp, TT văn hóa xã, trường THCS xã	789	
5.2	Ấp 6b	80	357			80	357	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp 6b, Trường mẫu giáo, trường TH xã	789	
6	Phú Lâm	174	635			174	635		2.191	Do ngập lụt
6.1	Ấp Thanh Thọ 3	48	170			48	170	Khu vực nhà thờ, trường TH Thanh thọ 3	789	
6.2	Ấp Phương Lâm 1,2,3	126	465			126	465	Khu vực UBND xã, trường học	1.402	

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí an toàn sơ tán đến		Ghi chú
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Địa điểm	Sức chứa (người)	
7	Trà Cổ	45	100			45	100		1.488	
7.1	Ấp 6	20	45			20	45	UBND xã, Trường THCS	1.228	Do ngập lụt
7.2	Ấp 5	10	25			10	25	Trường TH Lê Văn Tám (KM4)	197	
7.3	Ấp 4	15	30			15	30	Trường mẫu giáo trà cổ (ấp 4)	63	
8	Thanh Sơn	40	200			40	200		1.257	
8.1	Khu vực Hồ Đa Tôn	40	200			40	200	Trung tâm học tập công đồng, trường mẫu giáo xã	1.257	Do ngập lụt
9	Phú Thịnh	30	140			30	140		255	
9.1	Ấp 3	30	140			30	140	Trường học khu vực ấp 3, Chùa	255	Do ngập lụt
9.2	Ấp 1	22	102			22	102	Trường học ấp 1	114	
10	Phú Sơn	7	32			7	32		1075	
10.1	Ấp Phú Lâm 2, tổ 8	7	32			7	32	Trường THCS xã Phú Sơn	1.075	Thiên tai khác
11	Phú Trung	129	674			129	674		2471	
11.1	Ấp Phú Lợi, tổ 8	30	175			30	175	Điểm trường TH, MN Năm Miên	743	Thiên tai khác
11.2	Ấp Phú Ngọc	47	187			47	187	Khu nhà nguyện giáo xứ Bình Lâm (tổ 1, tổ 4)	436	
11.3	Ấp Phú Thạch	52	312			52	312	Điểm trường tiểu học, khu nhà nguyện giáo họ	1.292	
12	Phú Thanh	80	440			80	440		1181	
12.1	Ấp Bàu Mây	30	190			30	190	Trường tiểu học Bàu Mây	779	Do ngập lụt
12.2	Ấp Giang Điền	50	250			50	250	Trường tiểu học Giang Điền	402	
13	Phú Bình	40	200			40	200		221	
13.1	Ấp Phú Hợp B	40	200			40	200	Trường tiểu học Đình Tiên Hoàng	221	Do ngập lụt
14	Phú An	41	130			41	130		1336	
14.1	Ấp 6	25	80			25	80	Trường tiểu học cơ sở ấp 6	289	Thiên tai khác
14.2	Ấp 5	6	20			6	20	Sân bóng ấp 5	100	
14.3	Ấp 2	10	30			10	30	Khu vực nhà cộng đồng ấp	947	

**PHỤ LỤC 5.1.6: PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN TRONG TÌNH HUỐNG BÃO, BẢO MẠNH ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN
HUYỆN LONG THÀNH**

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Địa điểm	Sức chứa (người)
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)		
I	Tình huống 1: ATNĐ hoặc Bão cấp 8-9 đổ bộ trực tiếp vào địa bàn huyện								
	Toàn huyện	10.349	40.237	6.395	21.254	5.641	20.754		27.258
1	TT. Long Thành	365	1.460	217	868	148	592		592
	Khu Cầu Xéo	81	324	48	192	33	132	Nhà văn hóa khu Cầu Xéo	400
	Khu Phước Long	72	288	43	172	29	116	NVH; Trung tâm học tập cộng đồng	200
	Khu Phước Hải	45	180	27	108	18	72	Nhà văn hóa khu Phước Hải	400
	Khu Phước Thuận	79	316	47	188	32	128	Trường mầm non Hoa Mai (cũ)	200
	Khu Kim Sơn	57	228	34	136	23	92	Nhà văn hóa khu Kim Sơn	300
	Khu Văn Hải	31	124	18	72	13	52	Nhà văn hóa khu Văn Hải	150
2	Xã Long An	375	1.805	175	880	200	925		925
	Ấp 1	30	130	18	75	12	55	Nhà văn hóa ấp 1; Miếu bà ấp 1	400
	Ấp 2	50	200	20	95	30	105	NVH ấp 2, trường tiêu học Lộc An	800
	Ấp 3	20	110	10	60	10	50	Nhà VH ấp 3, trường THCS Lộc An	500
	Ấp 4	40	220	15	80	25	140	Nhà VH ấp An Lâm, nhà thờ Thái Lạc	500
	Ấp An Lâm	40	210	17	100	23	110	TTVH xã	500
	Ấp Bưng Môn	100	520	40	220	60	300	TTVH xã	500
	Ấp Xóm Trầu	35	165	20	100	15	65	Nhà VH ấp Xóm Trầu	100
	Ấp Xóm Gốc	60	250	35	150	25	100	Trường Đình Tiên Hoàng	1.000
3	Xã Phước Thái	1.130	2.702	1.268	2.099	1.569	2.732		2.732
	Ấp 1A	160	362	109	227	80	182	Nhà VH ấp 1	250
	Ấp 1B	200	523	230	369	120	361	Trường tiểu học Phước Thái	1.200
	Ấp 1C	220	469	189	395	296	429	Trường tiểu học Tam Thiện	1.200
	Ấp Long Phú	120	452	190	189	265	672	Trường tiểu học Thái Thiện	15.000
	Ấp Hiền Đức	50	109	90	246	168	228	Trường mầm non Phước Thái	600
	Ấp Phước Hòa	180	359	260	321	358	499	Trường tiểu học Tam Thiện	1.250
	Ấp 3	200	428	200	452	282	352	Trường tiểu học Tam Thiện	900

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Địa điểm	Sức chứa (người)
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)		
4	Xã Long Đức	815	3.685	396	1.495	419	2.190		2.190
	Khu 12	301	1.001	177	451	124	550	VP khu 12: TT giáo dục thường xuyên	800
	Khu 13	212	1.250	112	512	100	738	Trung tâm văn hóa HTCD xã Long Đức	1.000
	Khu 14	152	712	56	265	96	447	Kho sửa chữa nông trường cao su huyện Long Thành	700
	Khu 15	150	722	51	267	99	455	VP khu 15: Trường TH Long Đức	600
5	Xã Tân Hiệp	744	3.275	367	1.587	377	1.688		1.688
	Ấp 1	200	856	120	513	80	343	VP ấp 1; Trường TH phân hiệu ấp 1; VP ấp 5 cũ	400
	Ấp 2	226	959	105	420	121	539	Nhà văn hóa xã; Trường THCS Tân Hiệp	700
	Ấp 3	148	671	50	225	98	446	Văn phòng ấp 3; Trường TH Tân Hiệp	600
	Ấp 4	76	328	35	150	41	178	VP ấp 4; NVH dân tộc Stiêng; Trường Tiểu học phân hiệu Khu Dân tộc	300
	Ấp 5	94	461	57	279	37	182	VP ấp 5; Văn phòng Khu Quảng Ngãi	200
6	Xã Bàu Cạn	875	2.802	472	1.534	403	1.268		1.268
	Ấp 1	180	450	100	250	80	200	NVH ấp 1, Trường TH Thái Hiệp Thành	600
	Ấp 2	126	310	72	192	54	118	NVH ấp 2, Trường TH Thái Hiệp Thành	350
	Ấp 3	70	210	30	86	40	124	NVH ấp 3, trường TH Thái Hiệp Thành	250
	Ấp 4	50	156	25	79	25	77	NVH ấp 4, Trường TH Thái Hiệp Thành	600
	Ấp 5	45	160	23	85	22	75	NVH ấp 5, trường THCS Tân Thành	600
	Ấp 6	111	420	79	290	32	130	NVH ấp 6; TT học tập cộng đồng xã	400
	Ấp 7	125	486	66	280	59	206	NVH ấp 7; Trường tiểu học Tân Thành	600
	Ấp 8	89	320	41	152	48	168	Nhà văn hóa ấp 8; Nhà thờ Truyền tin	500
	Ấp Suối Cả	79	290	36	120	43	170	NVH ấp Suối Cả; Trường TH Tân Thành	400
7	Xã Cẩm Đường	1.927	8.646	1.293	4.291	634	4.355		6.700
	Ấp Cẩm Đường	537	3.161	324	1.693	213	1.468	Nhà văn hóa xã Cẩm Đường	2.500
	Ấp I	660	2.324	457	1.256	203	1.068	Trường THCS Cẩm Đường	3.000
	Ấp Suối Quýt	730	3.161	512	1.342	218	1.819	Trường TH Trần Quốc Toàn	1.200

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Địa điểm	Sức chứa (người)
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)		
8	Xã Lộc An	759	2.985	384	1.547	375	1.438		1.438
	Ấp Bình Lâm	212	927	126	527	94	358	NVH ấp; Trường Tiểu học Lộc An	800
	Ấp Hàng Gòn	210	781	112	400	119	527	NVH ấp Hàng Gòn; chùa Liên Trì	600
	Ấp Bung Cơ	199	623	88	326	92	386	Nhà văn hóa ấp Bung Cơ	600
	Ấp Thanh Bình	138	454	58	294	52	167	NVH ấp Thanh Bình, TTVH xã Lộc An.	1.200
9	Xã Tam An	180	540	60	180	120	360		360
	Ấp 1	60	180	20	60	40	120	NVH Ấp 1; Trường Tiểu học Tam An	1.100
	Ấp 2	35	105	15	45	20	60	NVH Ấp 2; Trường Tiểu học Tam An	1.100
	Ấp 3	40	120	15	45	25	75	NVH Ấp 3; Trường THCS Tam An	1.200
	Ấp 4	20	60	5	15	15	45	Nhà văn óa Ấp 4; Trường THCS Tam An	1.200
	Ấp 5	25	75	5	15	20	60	NVH Ấp 5; Trung TVHHTCĐ xã	300
10	Xã Long Phước	793	3.172	386	1.544	407	1.628		1.628
	Ấp Xóm gò- Bà ký	250	1.000	130	520	57	228	NVH ấp, Trường MN Long phước CS2	300
	Ấp Tập Phước	175	700	75	300	96	384	NVH ấp, trường TH ấp Tập phước	500
	Ấp Đất Mới	107	428	55	220	105	420	TT học tập cộng đồng xã; Trường TH Long Phước	600
	Ấp Phước Hòa	200	800	80	320	100	400	NVH ấp; Trường THCS, THPT Long Phước	700
	Ấp 5	61	244	46	184	41	164	NVH ấp 5, Trường mầm non Sin việt	300
11	Xã Bình Sơn	1.436	5.614	908	3.437	575	2.087		2.087
	Ấp 1	249	996	149	590	100	406	NVH Ấp 1; TT VH xã; Trường THPT Bình Sơn.	1.500
	Ấp 6	159	636	95	380	64	156	NVH Ấp 6; Nhà văn hoá dân tộc Chăm.	800
	Ấp 7	130	455	125	335	52	120	NVH ấp 7; Trường TH Bình Sơn phân hiệu Bàu Tre	700
	Ấp 8	57	221	34	147	23	74	Nhà Văn hoá ấp 8; Nhà Văn hoá ấp 5 cũ	400
	Ấp 9	170	655	102	387	68	278	NVH ấp 9; Trường TH Bình Sơn PH Nguyễn Thành A	800
	Ấp 10	480	1.897	288	1.146	192	751	NVH ấp 10; Trường tiểu học Bình Sơn cũ; Trường TH, THCS Bình Sơn.	3.000
	Ấp Xóm Đình	191	754	115	452	76	302	NVH ấp Xóm Đình; NVH ấp 2 cũ; Trường MN cũ.	1.000

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Địa điểm	Sức chứa (người)
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)		
12	Xã Bình An	155	465	55	165	100	300		3.500
	Ấp An Viềng	60	180	20	60	40	120	Trường tiểu học An Viềng	500
	Ấp An Bình	35	105	15	45	20	60	Trường THCS An Viềng	1.000
	ấp Sa Cá	40	120	15	45	25	75	Trường tiểu học Bình An	1.000
	ấp Bàu Tre	20	60	5	15	15	45	Trường THCS An Viềng	1.000
13	Xã An Phước	370	1.386	209	807	161	579		1.150
	Ấp 1	45	160	23	85	22	75	NVH ấp 1, Trường Tiểu học An Phước	200
	Ấp 2	111	420	79	290	32	130	NVH ấp 2; Trường THCS An Phước	500
	Ấp 5	125	486	66	280	59	206	NVH ấp 5	200
	Ấp 6	89	320	41	152	48	168	NVH ấp 6, Trường Tiểu học An Lợi	250
14	Xã Phước Bình	425	1.700	205	820	153	612		1.000
	Ấp 1	250	1.000	130	520	57	228	Trường mầm non Phước Bình	500
	Ấp 2	175	700	75	300	96	384	Trường Mẫu giáo Phước Bình	500
II	Tình huống 2: Bảo cấp độ 10-11 đổ bộ trực tiếp vào địa bàn huyện								
	Toàn huyện	13.646	51.937	7.742	28.707	6.351	25.502		48.661
1	Xã Bàu Cạn	970	3.063	519	1.695	451	1.368		4.300
	Ấp 1	190	495	109	279	81	216	NVH ấp 1, Trường TH Thái Hiệp Thành	600
	Ấp 2	140	315	76	199	64	116	NVH ấp 2, Trường TH Thái Hiệp Thành	350
	Ấp 3	70	231	32	97	38	134	NVH ấp 3, trường TH Thái Hiệp Thành	250
	Ấp 4	62	179	31	89	31	90	NVH ấp 4, Trường TH Thái Hiệp Thành	600
	Ấp 5	49	175	29	92	20	83	NVH ấp 5, trường THCS Tân Thành	600
	Ấp 6	122	445	85	320	37	125	NVH ấp 6; TT học tập cộng đồng xã	400
	Ấp 7	132	502	72	312	60	190	NVH ấp 7; Trường tiểu học Tân Thành	600
	Ấp 8	95	401	46	168	49	233	Nhà văn hóa ấp 8; Nhà thờ Truyền tin	500
	Ấp Suối Cả	110	320	39	139	71	181	NVH ấp Suối Cả; Trường TH Tân Thành	400

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Địa điểm	Sức chứa (người)
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)		
2	Xã Long Đức	1.086	4.913	565	2.656	521	2.257		3.100
	Khu 12	400	1.428	241	756	159	672	VP khu 12, TT giáo dục thường xuyên	800
	Khu 13	283	1.761	112	927	171	834	Trung tâm văn hóa HTCD xã Long Đức	1.000
	Khu 14	203	761	86	410	117	351	Kho sửa chữa nông trường cao su huyện Long Thành	700
	Khu 15	200	963	126	563	74	400	VP khu 15: Trường TH Long Đức	600
3	Xã Tân Hiệp	994	4.366	520	2.279	474	2.087		2.300
	Ấp 1	267	1.141	178	761	89	380	VP ấp 1; Trường TH phân hiệu ấp 1; VP ấp 5 cũ	400
	Ấp 2	302	1.278	156	665	146	610	Nhà văn hóa xã; Trường THCS Tân Hiệp	700
	Ấp 3	197	895	73	331	124	564	VP ấp 3; Trường Tiểu học Tân Hiệp	600
	Ấp 4	102	437	48	205	54	235	VP ấp 4; NVH dân tộc Stiêng; Trường TH phân hiệu Khu Dân tộc	300
	Ấp 5	126	615	65	317	61	298	VP ấp; VP Khu Quảng Ngãi; Trường THCS Tân Hiệp	300
4	Xã Cẩm Đường	2.135	9.781	1.363	4.723	772	5.058		1.020
	Ấp Cẩm Đường	637	3.976	338	1.761	299	2.215	Nhà văn hóa xã Cẩm Đường	100
	Ấp I	720	2.537	469	1.435	251	1.102	Trường THCS Cẩm Đường	120
	Ấp Suối Quýt	778	3.268	556	1.527	222	1.741	Trường TH Trần Quốc Toàn	800
5	Xã Lộc An	1.010	4.828	520	2.312	481	2.292		3.200
	Ấp Bình Lâm	349	1.239	187	854	108	432	NVH ấp Bình Lâm; Trường TH Lộc An	800
	Ấp Hàng Gòn	327	1.277	162	774	133	781	NVH ấp Hàng Gòn; chùa Liên Trì	600
	Ấp Bung Cơ	231	1.213	99	422	130	697	Nhà văn hóa ấp Bung Cơ;	600
	Ấp Thanh Bình	103	1.099	72	262	110	382	NVH ấp Thanh Bình, TTVH xã Lộc An	1.200
6	Xã Tam An	360	1.080	120	360	240	720		4.900
	Ấp 1	120	360	40	120	80	240	NVH Ấp 1; Trường Tiểu học Tam An	1.100
	Ấp 2	70	210	30	90	40	120	NVH Ấp 2; Trường Tiểu học Tam An	1.100
	Ấp 3	80	240	30	90	50	150	NVH Ấp 3; Trường THCS Tam An	1.200
	Ấp 4	40	120	10	30	30	90	NVH Ấp 4; Trường THCS Tam An	1.200
	Ấp 5	50	150	10	30	40	120	NVH Ấp 5; Trung TVHHTCD xã	300

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Địa điểm	Sức chứa (người)
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)		
7	TT Long Thành	598	2.392	356	1.424	242	968		1.650
	Khu Cầu Xéo	150	600	90	360	60	240	Nhà văn hóa khu Cầu Xéo	400
	Khu Phước Long	103	412	61	244	42	168	NVH; Trung tâm học tập cộng đồng	200
	Khu Phước Hải	88	352	52	208	36	144	Nhà văn hóa khu Phước Hải	400
	Khu Phước Thuận	100	400	60	240	40	160	Trường mầm non Hoa Mai (cũ)	200
	Khu Kim Sơn	89	356	53	212	36	144	Nhà văn hóa khu Kim Sơn	300
	Khu Vắn Hải	68	272	40	160	28	112	Nhà văn hóa khu Vắn Hải	150
8	Xã long An	375	1.805	175	880	200	925		4.300
	Ấp 1	30	130	18	75	12	55	NVH ấp 1; Miếu bà ấp 1	400
	Ấp 2	50	200	20	95	30	105	NVH ấp 2; Trường cấp 1 (điểm cũ)	800
	Ấp 3	20	110	10	60	10	50	Nhà VH ấp 3; Trường Tiểu học ấp 3	500
	Ấp 4	40	220	15	80	25	140	Nhà VH ấp 4; Nhà thờ Thái Lạc	500
	An Lâm	40	210	17	100	23	110	Nhà VH An Lâm, Trung tâm VH xã	500
	Bưng Môn	100	520	40	220	60	300	Nhà VH Bưng môn, TTVH xã	500
	Xóm Trầu	35	165	20	100	15	65	Nhà VH Xóm trầu	100
	Xóm Gốc	60	250	35	150	25	100	Nhà VH Xóm gốc, Đình thần Long Thuận, Trường Đình Tiên Hoàng	1.000
9	Xã Phước Thái	1.566	2.091	1.104	2.403	1.140	2.192		7.641
	Ấp 1A	120	269	80	261	59	206	Nhà văn hoá ấp 1A	231
	Ấp 1B	230	259	156	355	102	308	NVH ấp; TrườngTiểu Học phước Thái	1.250
	Ấp 1C	276	369	168	455	296	341	NVH ẤP; Trường Tiểu Học Tam Thiện	1.500
	Ấp Long Phú	189	322	232	326	221	421	NVH ấp; Trường Tiểu Học Thái Thiện	1.560
	Ấp Hiền đức	362	288	112	223	231	302	Nhà văn hóa; Trường Mầm Non.	800
	Ấp Hiền Hoà	262	333	155	421	123	421	NVH ấp; Trường Tiểu Học Tam Thiện	1.300
	Ấp 3	127	251	201	362	108	193	NVH ấp; Trường Tiểu Học Tam Thiện	1.000
10	Xã Long Phước	1.002	4.008	520	2.080	482	1.928		2.400
	Ấp Xóm gò- Bà ký	267	1.068	156	624	65	260	NVH ấp, Trường MN Long Phước CS2	300

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Địa điểm	Sức chứa (người)
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)		
	Ấp Tập Phước	126	504	65	260	105	420	NVH ấp, trường TH ấp Tập Phước	500
	Ấp Đất Mới	197	788	73	292	124	496	TT học tập cộng đồng xã; Trường TH Long Phước	600
	Ấp Phước Hòa	305	1.220	178	712	146	584	VNH ấp; Trường THPT, THCS Long Phước	700
	Ấp 5	107	428	48	192	50	200	NVH ấp 5, Trường mầm non Sin Việt	300
11	Xã Bình Sơn	1.860	7.427	1.208	4.686	632	2.741		8.200
	Ấp 1	309	1.236	209	836	100	400	NVH Ấp 1; Trung tâm văn hoá xã	1.500
	Ấp 6	220	889	150	605	70	284	NVH Ấp 6; Nhà văn hoá dân tộc Chăm.	800
	Ấp 7	192	770	120	482	72	290	NVH ấp 7; Trường TH Bình Sơn phân hiệu Bàu Tre	700
	Ấp 8	117	470	77	308	40	162	NVH ấp 8; NVH ấp 5 cũ.	400
	Ấp 9	230	905	170	670	60	235	NVH ấp; Trường TH Bình Sơn (PH Nguyễn Thành A)	800
	Ấp 10	540	2.160	340	1.215	200	943	NVH ấp 10; Trường tiểu học Bình Sơn cũ; Trường TH, THCS Bình Sơn.	3.000
	Ấp Xóm Đình	252	997	142	570	90	427	NVH ấp Xóm Đình; NVH ấp 2 cũ; Trường MN cũ	1.000
12	Xã Bình An	827	3.225	342	1.518	385	1.707		3.500
	Ấp An Viễn	302	1.278	156	665	146	610	Trường tiểu học An Viễn	500
	Ấp An Bình	197	895	73	331	124	564	Trường THCS An Viễn	1.000
	Ấp Sa Cá	102	437	48	205	54	235	Trường tiểu học Bình An	1.000
	Ấp Bàu Tre	226	615	65	317	61	298	Trường THCS An Viễn	1.000
13	Xã An Phước	470	1.386	209	807	161	579		1.150
	Ấp 1	145	160	23	85	22	75	NVH ấp 1, Trường Tiểu học An Phước	200
	Ấp 2	111	420	79	290	32	130	NVH ấp 2; Trường THCS An Phước	500
	Ấp 5	125	486	66	280	59	206	NVH ấp 5	200
	Ấp 6	89	320	41	152	48	168	NVH ấp 6, Trường Tiểu học An Lợi	250
14	Xã Phước Bình	393	1.572	221	884	170	680		1.000
	Ấp 1	267	1.068	156	624	65	260	Trường mầm non Phước Bình	500
	Ấp 2	126	504	65	260	105	420	Trường Mẫu giáo Phước Bình	500

**PHỤ LỤC 5.1.7: PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN TRONG TÌNH HUỐNG BÃO, BẢO MẠNH ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN
HUYỆN TRĂNG BOM**

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Địa điểm	Sức chứa (người)
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)		
I	Tình huống 1: ATNĐ hoặc Bão cấp 8-9 đổ bộ trực tiếp vào địa bàn huyện								
	Toàn huyện	5.619	20.578	3.677	12.513	1.942	8.065		20.245
1	An Viễn	44	180	-	-	44	180		900
	Ấp 1	18	89	-	-	18	89	Văn phòng ấp 1	150
	Ấp 2	19	68	-	-	19	68	Trường THCS Trịnh Hoài Đức	600
	Ấp 6	7	23	-	-	7	23	Văn phòng ấp 6	150
2	Bắc Sơn	300	1.200	150	600	150	600		1.800
	Ấp Tân Thành	50	200	25	100	25	100	Văn phòng ấp, Trung tâm Văn hóa xã	300
	Ấp Bắc Hòa	50	200	25	100	25	100	Văn phòng ấp, Trung tâm Văn hóa xã	300
	Ấp Bùi Chu	50	200	25	100	25	100	Văn phòng ấp, Trung tâm Văn hóa xã	300
	Ấp Phú Sơn	50	200	25	100	25	100	Văn phòng ấp, Trung tâm Văn hóa xã	300
	Ấp An Chu	50	200	25	100	25	100	Văn phòng ấp, Trung tâm Văn hóa xã	300
	Ấp Sông Mây	50	200	25	100	25	100	Văn phòng ấp, Trung tâm Văn hóa xã	300
3	Bàu Hàm	80	320	40	160	40	160	Trường THCS Bàu Hàm	1.000
	Ấp Cây Điều	20	80	10	40	10	40		
	Ấp Tân Việt	20	80	10	40	10	40		
	Ấp Tân Hợp	20	80	10	40	10	40		
	Ấp Tân Hoa	20	80	10	40	10	40		
4	Bình Minh	771	3.084	342	1.368	429	1.716		3.000
	Ấp Tân Bình	277	1.108	121	484	156	624	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng	1.000
	Ấp Tân Bắc	254	1.016	112	448	142	568	Trường TH Kim Đồng	1.000
	Ấp Trà Cỏ	240	960	109	436	131	524	Trường TH Bình Minh	1.000
5	Cây Gáo	120	480	60	240	60	240	Trung tâm Văn hóa xã	500
	Ấp Tân Lập 1	30	120	15	60	15	60		
	Ấp Tân Lập 2	30	120	15	60	15	60		
	Ấp Cây Diệp	30	120	15	60	15	60		
	Ấp Suối Tiên	30	120	15	60	15	60		

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Địa điểm	Sức chứa (người)
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)		
6	Đồi 61	100	400	60	240	40	160	Trường TH Đồi 61	1.000
	Ấp Tân Hưng	25	100	15	60	10	40		
	Ấp Tân Thịnh	25	100	15	60	10	40		
	Ấp Tân Phát	25	100	15	60	10	40		
	Ấp Tân Đạt	25	100	15	60	10	40		
7	Đông Hòa	65	285	17	87	48	198		225
	Ấp Hòa Bình	45	185			45	185	Trường tiểu học Trần Quý Cáp	200
	Ấp Quảng Đà	20	100	17	87	3	13	Nhà văn hoá ấp Quảng Đà	25
8	Giang Điền	150	600	50	200	100	400	TTVH xã, Trường THCS Trần Quốc Tuấn	1.000
	Ấp Xây Dựng	30	120	10	40	20	80		
	Ấp Bảo Vệ	30	120	10	40	20	80		
	Ấp Độc Lập	30	120	10	40	20	80		
	Ấp Hòa Bình	30	120	10	40	20	80		
	Ấp Đoàn Kết	30	120	10	40	20	80		
9	Hố Nai 3	123	451	101	351	22	100		
	Ấp Lộ Đức	22	68	22	68	-	-		1.650
	Ấp Đồng Hải	52	212	35	127	17	85	Nhà Văn Hóa ấp Đồng Hải	300
	Ấp Ngũ Phúc	22	72	17	57	5	15	Nhà Văn Hóa ấp Ngũ Phúc	150
	Ấp Thái Hòa	12	46	12	46	-	-		
	Ấp Thanh Hóa	15	53	15	53	-	-		
10	Hưng Thịnh	250	1.050	100	450	150	600		1.200
	Ấp Hưng Bình	80	350	30	150	50	200	Trường THCS Nguyễn Thượng Hiền	300
	Ấp Hưng Long	130	570	50	250	80	320	Trung tâm nghiên cứu Hưng Lộc	700
	Ấp Hưng Phát	40	130	20	50	20	80	Trung tâm Văn hóa xã	200
11	Quảng Tiến	120	480	40	160	80	320	Trường TH Quảng Biên	1.000
	Ấp Quảng Phát	30	120	10	40	20	80		
	Ấp Quảng Lộc	30	120	10	40	20	80		
	Ấp Quảng Hòa	30	120	10	40	20	80		
	Ấp Quảng Biên	30	120	10	40	20	80		

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Địa điểm	Sức chứa (người)
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)		
12	Sông Thao	799	3.325	589	2.375	210	950		950
	Ấp Thuận Trường	217	860	164	610	53	250	Trường Phân hiệu 2 TH Sông Thao	250
	Ấp Thuận Hòa	268	1.114	174	714	94	400	Trường TH Sông Thao, MG Hoàng Yến	400
	Ấp Thuận An	314	1.351	251	1.051	63	300	Trung tâm Văn hóa xã	300
13	Sông Trầu	1.973	5.275	1.844	4.784	129	491		3.900
	Ấp 1	850	2.368	850	2.368	-	-		
	Ấp 2	281	800	235	615	46	185	Nhà văn hóa ấp 2, TT Văn hoá xã	1.200
	Ấp 3	156	495	108	317	48	178	Trường TH Lê Văn Tám, TT văn hoá xã	1.500
	Ấp 4	314	687	314	687	-	-		
	Ấp 5	159	361	159	361	-	-		
	Ấp 6	155	399	120	271	35	128	Nhà văn hóa ấp 6, TT văn hoá xã	1.200
	Ấp 7	35	87	35	87	-	-		
	Ấp 8	23	78	23	78	-	-		
14	Tây Hòa	90	360	30	120	60	240	Trung tâm Văn hóa xã	500
	Ấp An Hòa	30	120	10	40	20	80		
	Ấp Nhân Hòa	30	120	10	40	20	80		
	Ấp Lộc Hòa	30	120	10	40	20	80		
15	Thanh Bình	325	1.325	75	325	250	1.000	Nhà văn hóa xã, trường TH Trung Tâm	1.000
	Ấp Trường An	65	265	15	70	50	195		
	Ấp Lợi Hà	60	245	10	40	50	205		
	Ấp Trung Tâm	200	815	50	215	150	600		
16	Trung Hòa	91	455	21	105	70	350		1.100
	Ấp An Bình	52	260	12	60	40	200	Trường TH An Bình	400
	Ấp Bàu Cá	39	195	9	45	30	150	Trường TH Nam Cao, Trường THCS Nguyễn Công Trứ	700
17	T.Trăng Bom	218	1.308	158	948	60	360		1.170
	Khu phố 1	30	180	25	150	5	30	Trường Tiểu học Trăng Bom	120
	Khu phố 2	45	270	36	216	9	54	Chùa Từ Quang, Tịnh xá Ngọc Nhẫn, Đình Thần	250
	Khu phố 3	53	318	45	270	8	48	Trung tâm Giáo Dục Thường xuyên	150
	Khu phố 4	36	216	23	138	13	78	Trường TH Trung Vương, THCS Hùng Vương	250
	Khu phố 5	54	324	29	174	25	150	Trường TH Cao Bá Quát, ĐH Lâm Nghiệp CS2	400

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Địa điểm	Sức chứa (người)
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)		
II	Tình huống 2: Bảo cấp độ 10-11 đổ bộ trực tiếp vào địa bàn huyện								
	Toàn huyện	7.684	29.344	4.803	17.503	2.881	11.841		20.695
1	An Viễn	44	180	-	-	44	180		900
	Ấp 1	18	89	-	-	18	89	Văn phòng ấp 1	150
	Ấp 2	19	68	-	-	19	68	Trường THCS Trịnh Hoài Đức	600
	Ấp 6	7	23	-	-	7	23	Văn phòng ấp 6	150
2	Bắc Sơn	600	2.400	300	1.200	300	1.200		1.800
	Ấp Tân Thánh	100	400	50	200	50	200	Văn phòng ấp, Trung tâm Văn hóa xã	300
	Ấp Bắc Hòa	100	400	50	200	50	200	Văn phòng ấp, Trung tâm Văn hóa xã	300
	Ấp Bùi Chu	100	400	50	200	50	200	Văn phòng ấp, Trung tâm Văn hóa xã	300
	Ấp Phú Sơn	100	400	50	200	50	200	Văn phòng ấp, Trung tâm Văn hóa xã	300
	Ấp An Chu	100	400	50	200	50	200	Văn phòng ấp, Trung tâm Văn hóa xã	300
	Ấp Sông Mây	100	400	50	200	50	200	Văn phòng ấp, Trung tâm Văn hóa xã	300
3	Bàu Hàm	160	640	80	320	80	320	Trường THCS Bàu Hàm	1.000
	Ấp Cây Điều	40	160	20	80	20	80		
	Ấp Tân Việt	40	160	20	80	20	80		
	Ấp Tân Hợp	40	160	20	80	20	80		
	Ấp Tân Hoa	40	160	20	80	20	80		
4	Bình Minh	1.258	5.032	580	2.320	678	2.712		3.000
	Ấp Tân Bình	452	1.808	207	828	245	980	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng	1.000
	Ấp Tân Bắc	391	1.564	181	724	210	840	Trường TH Kim Đồng	1.000
	Ấp Trà Cỏ	415	1.660	192	768	223	892	Trường TH Bình Minh	1.000
5	Cây Gáo	240	960	120	480	120	480	Trung tâm Văn hóa xã	500
	Ấp Tân Lập 1	60	240	30	120	30	120		
	Ấp Tân Lập 2	60	240	30	120	30	120		
	Ấp Cây Diệp	60	240	30	120	30	120		
	Ấp Suối Tiên	60	240	30	120	30	120		

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Địa điểm	Sức chứa (người)
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)		
6	Đồi 61	200	800	100	400	100	400	Trường TH Đồi 61	1.000
	Ấp Tân Hưng	50	200	25	100	25	100		
	Ấp Tân Thịnh	50	200	25	100	25	100		
	Ấp Tân Phát	50	200	25	100	25	100		
	Ấp Tân Đạt	50	200	25	100	25	100		
7	Đông Hòa	65	285	17	87	48	198		225
	Ấp Hòa Bình	45	185			45	185	Trường tiểu học Trần Quý Cáp	200
	Ấp Quảng Đà	20	100	17	87	3	13	Nhà văn hoá ấp Quảng Đà	25
8	Giang Điền	300	1.200	150	600	150	600	TTVH xã, Trường THCS Trần Quốc Tuấn	1.000
	Ấp Xây Dựng	60	240	30	120	30	120		
	Ấp Bảo Vệ	60	240	30	120	30	120		
	Ấp Độc Lập	60	240	30	120	30	120		
	Ấp Hòa Bình	60	240	30	120	30	120		
	Ấp Đoàn Kết	60	240	30	120	30	120		
9	Hố Nai 3	123	451	101	351	22	100		450
	Ấp Lộ Đức	22	68	22	68	-	-		
	Ấp Đồng Hải	52	212	35	127	17	85	Nhà Văn Hóa ấp Đồng Hải	300
	Ấp Ngũ Phúc	22	72	17	57	5	15	Nhà Văn Hóa ấp Ngũ Phúc	150
	Ấp Thái Hòa	12	46	12	46	-	-		
	Ấp Thanh Hóa	15	53	15	53	-	-		
10	Hưng Thịnh	650	2.720	300	1.420	350	1.300		1.200
	Ấp Hưng Bình	200	1.100	100	550	100	550	Trường THCS Nguyễn Thượng Hiền	300
	Ấp Hưng Long	350	1.320	150	720	200	600	Trung tâm nghiên cứu Hưng Lộc	700
	Ấp Hưng Phát	100	300	50	150	50	150	Trung tâm Văn hóa xã	200
11	Quảng Tiến	240	960	120	480	120	480	Trường TH Quảng Biên	1.000
	Ấp Quảng Phát	60	240	30	120	30	120		
	Ấp Quảng Lộc	60	240	30	120	30	120		
	Ấp Quảng Hòa	60	240	30	120	30	120		
	Ấp Quảng Biên	60	240	30	120	30	120		500

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Số liệu sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Địa điểm	Sức chứa (người)
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)		
12	Sông Thao	799	3.325	589	2.375	210	950		950
	Ấp Thuận Trường	217	860	164	610	53	250	Trường Phân hiệu 2 TH Sông Thao	250
	Ấp Thuận Hòa	268	1.114	174	714	94	400	Trường TH Sông Thao, MG Hoàng Yến	400
	Ấp Thuận An	314	1.351	251	1.051	63	300	Trung tâm Văn hóa xã	300
13	Sông Trầu	1.973	5.275	1.844	4.784	129	491		3.900
	Ấp 1	850	2.368	850	2.368	-	-		
	Ấp 2	281	800	235	615	46	185	Nhà văn hóa ấp 2, Trung tâm Văn hóa xã	1.200
	Ấp 3	156	495	108	317	48	178	Trường TH Lê Văn Tám, Trung tâm Văn hóa xã	1.500
	Ấp 4	314	687	314	687	-	-		
	Ấp 5	159	361	159	361	-	-		
	Ấp 6	155	399	120	271	35	128	Nhà văn hóa ấp 6, TT văn hoá xã	1.200
	Ấp 7	35	87	35	87	-	-		
	Ấp 8	23	78	23	78	-	-		
14	Tây Hòa	180	720	90	360	90	360	Trung tâm Văn hóa xã	500
	Ấp An Hòa	60	240	30	120	30	120		
	Ấp Nhân Hòa	60	240	30	120	30	120		
	Ấp Lộc Hòa	60	240	30	120	30	120		
15	Thanh Bình	325	1.325	75	325	250	1.000	Nhà văn hóa xã, trường TH Trung Tâm	1.000
	Ấp Trường An	65	265	15	70	50	195		
	Ấp Lợi Hà	60	245	10	40	50	205		
	Ấp Trung Tâm	200	815	50	215	150	600		
	Ấp Tân Thành	-	-						
16	Trung Hòa	91	455	21	105	70	350		1.100
	Ấp An Bình	52	260	12	60	40	200	Trường TH An Bình	400
	Ấp Bàu Cá	39	195	9	45	30	150	Trường TH Nam Cao, Trường THCS Nguyễn Công Trứ	700
17	T.Trăng Bom	436	2.616	316	1.896	120	720		1.170
	Khu phố 1	60	360	50	300	10	60	Trường Tiểu học Trăng Bom	120
	Khu phố 2	90	540	72	432	18	108	Chùa Từ Quang; Tịnh xá Ngọc Nhẫn; Đình Thần	250
	Khu phố 3	106	636	90	540	16	96	Trung Tâm Giáo Dục Thường xuyên	150
	Khu phố 4	72	432	46	276	26	156	Trường TH Trung Vương, THCS Hùng Vương	250
	Khu phố 5	108	648	58	348	50	300	Trường TH Cao Bá Quát, ĐH Lâm Nghiệp CS2	400

**PHỤ LỤC 5.1.8: PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN TRONG TÌNH HUỐNG BÃO, BÃO MẠNH ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN
HUYỆN NHƠN TRẠCH**

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Phương án sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung			
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Địa điểm	Sức chứa (người)
	Toàn huyện	1.150	4.240	90	340	1.070	3.890		6.490
1	Tt. Hiệp Phước	25	100			25	100		200
	Kp Phước Lai	10	40			10	40	Nhà văn hóa TT	100
	Kp Phước Hiệp	15	60			15	60	Hội trường UBND TT	100
2	Xã Phước Thiện	50	200			50	200		300
	ấp Trầu								
	ấp Bến Sắn	50	200			50	200	Nhà văn hóa xã, hội trường UBND xã	300
3	Xã Long Thọ	30	100	10	20	30	80		200
	ấp 5	30	100	10	20	30	80	Nhà văn hóa xã	200
4	Xã Phước An	150	600			150	600		1.300
	ấp Bàu Trường	50	200			50	200	Trường tiểu học Phước An	500
	ấp Bàu Bông	50	200			50	200	Trường THCS Phước An	500
	ấp Vũng Gấm	30	120			30	120	Nhà văn hóa xã	200
	ấp Quới Thạnh	20	80			20	80	Nhà văn hóa ấp Quế Thạnh	100
5	Xã Phước Khánh	100	400			100	400		600
	ấp 1	50	200			50	200	Nhà văn hóa xã	300
	ấp 3	50	200			50	200	Trường THCS xã Phước Khánh	300
6	Xã Phú Đông	160	600	30	120	130	470		1.300
	ấp Giồng Ông Đông	60	300			60	300	NVH, UBND xã, Trường TH xã Phú Đông	500
	ấp Bến Ngự	40	120	40	120				
	ấp Phú Tân	60	180			60	180	Trường trung học cơ sở xã	300
7	Xã Đại Phước	40	160			40	160		
	ấp Bến Cộ	40	160			40	160	Hội trường UBND xã; Trường TH xã Đại Phước	500

STT	Xã, thị trấn	Tổng số cần di dời và sơ tán		Phương án sơ tán				Vị trí an toàn sơ tán tập trung	
				Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung			
		Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Địa điểm	Sức chứa (người)
8	Xã Phú Hữu	300	1.200	50	200	250	1.000		1.200
	ấp Phước Lương	50	200	50	200				
	ấp Rạch Bãy	100	400			100	400	Trường tiểu học xã Phú Hữu	600
	ấp Câu Kê	150	600			150	600	Trường THCS xã Phú Hữu; Nhà văn hóa xã	600
9	Xã Long Tân	100	300			100	300		360
	ấp Bình Phú	50	150			50	150	Nhà văn hóa UBND xã	200
	ấp Long Hiệu	20	60			20	60	Nhà văn hóa ấp	60
	ấp Vĩnh Tuy	30	90			30	90	Hội trường UBND xã	100
10	Xã Phú Hội	30	100			30	100		180
	ấp Xóm Hố	10	10			10	10	Nhà văn hóa ấp	60
	ấp Phú Mỹ I	10	50			10	50	Nhà văn hóa ấp	60
	ấp Phú Mỹ II	10	50			10	50	Nhà văn hóa ấp	60
11	Xã Vĩnh Thanh	180	540			180	540		600
	ấp Hòa Bình	20	60			20	60	Nhà văn hóa ấp	60
	ấp Thanh Minh	20	60			20	60	Nhà văn hóa ấp	60
	ấp Vĩnh Cửu	20	60			20	60	Nhà văn hóa ấp	60
	ấp Sơn Hà	20	60			20	60	Nhà văn hóa ấp	60
	ấp Thành Công	20	60			20	60	Nhà văn hóa ấp	60
	ấp Chính Nghĩa	20	60			20	60	Nhà văn hóa ấp	60
	ấp Đại Thắng	20	60			20	60	Nhà văn hóa ấp	60
	ấp Thống Nhất	20	60			20	60	Nhà văn hóa ấp	60
	ấp Nhất Trí	10	30			10	30	Nhà văn hóa ấp	60
	ấp Đoàn Kết	10	30			10	30	Nhà văn hóa ấp	60
12	Xã Phú Thạnh	25	100			25	100		250
	ấp 1	10	40			10	40	Hội trường UBND xã	100
	ấp 3	15	60			15	60	Nhà văn hóa xã	150

**PHỤ LỤC 5.1.9: PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN TRONG TÌNH HUỐNG BÃO, BÃO MẠNH ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN
HUYỆN VĨNH CỬU**

STT	Xã, thị trấn	Ấp	Tổng số cần di dời và sơ tán		Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí an toàn sơ tán đến	
			Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Địa điểm	Sức chứa (người)
I	Tình huống 1: ATNĐ hoặc Bão cấp 8-9 đổ bộ trực tiếp vào địa bàn huyện									
	Tổng		4.006	17.532	0	0	4.006	17.532		48.392
1	Thanh Phú	Ấp 7	8	27			8	27	Trường Tiểu học Thanh Phú; Trường tiểu học Tân Phú; trường THPT Vĩnh Cửu; KDC Miền Đông; Khu vực công ty DoNa Quế Bằng; trụ sở UBND xã; Đình Phú Trạch	8.519
2	Thiện Tân	Ấp 6-7, Ông Hường, Vàm	200	800			200	800	Trường Cơ điện, HTX Vĩnh Thành, Công ty Havas Bùn Bình, xưởng cơ khí Thanh Tùng, công ty Khải Phàm	6.336
3	Bình Hòa	Ấp Bình Thạch, Thới sơn	70	280			70	280	UBND xã Bình Hòa; Trường Mầm Non Bình Hòa (cơ sở mới); Chùa Phổ Quang.	4.508
4	Bình Lợi	Ấp 2, 4, 5	250	1.000			250	1.000	Trường tiểu học Bình lợi, Trạm Y tế, UBND xã Bình Lợi, Các địa điểm trên địa bàn xã Thanh Phú	3.369
5	Tân An	Ấp 2, 3, Bình Chánh, Cây Xoài	2.082	9.340			2.082	9.340	- Khu vực ấp 3; - Ấp 1,2,3: khu vực Gò Đại Hàn; - Ấp Bình Chánh: khu quy hoạch cụm công nghiệp VLXD; - Ấp Cây Xoài; Khu Đồi Trọc, Ông Tạ - Ấp Bình Trung, Thái An, khu Đồi Mỹ	10.000
6	Trị An	Ấp 1, 2	500	2.000			500	2.000	- Trường THCS Nguyễn Du; - Công ty TNHH Phương Phú	3.361
7	Vĩnh Tân	Ấp 6	300	1.259			300	1.259	Trường THCS Vĩnh Tân, Trường TH Sông Mây, Trường Tiểu Học Vĩnh Tân.	6.000
8	Hiếu Liêm	Ấp 3, 4	60	205			60	205	Đồi Thông; Trạm Y tế xã; Trường THCS Hiếu Liêm; trường MN; Trường TH; đường HL; nhà ông Các; nhà ông Mùi; nhà ông Tổng; đồi Tượng; trục lộ phân trường 3; phân trường 4	3.299
9	Tân Bình	Ấp Tân Triều, Vĩnh Hiệp, Bình Lục	536	2.621			536	2.621	- Trường THCS Võ Trường Toản; - Nhà văn hóa ấp Bình Phước; - Nhà Văn hóa ấp Bình Ý; - Công ty TNHH Cẩm Thiên; - UBND xã Tân Bình; - Công ty TNHH Thuốc lá Sao Vàng; - Công ty TNHH Kim Đồng Tiến	3.000

STT	Xã, thị trấn	Ấp	Tổng số cần di dời và sơ tán		Di dời tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí an toàn sơ tán đến	
			Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Địa điểm	Sức chứa (người)
II	Tình huống 2: Bảo cấp 10-11 đồ bộ trực tiếp vào địa bàn huyện									
	Tổng		5.728	24.149	-	-	5.728	24.149		51.892
1	Thanh Phú	Ấp 7	10	33			10	33	Trường Tiểu học Thanh Phú; Trường tiểu học Tân Phú; trường THPT Vĩnh Cửu; KDC Miền Đông; Khu vực công ty DoNa Quế Bằng; trụ sở UBND xã; Đình Phú Trạch	8.519
2	Thiện Tân	Ấp 6-7, Ông Hường, Vàm	273	1.092			273	1.092	Trường Cơ điện, HTX Vĩnh Thành, Công ty Havas Bùn Bình, xưởng cơ khí Thanh Tùng, công ty Khải Phàm	6.336
3	Bình Hòa	Ấp Bình Thạch, Thới sơn	200	800			200	800	UBND xã Bình Hòa; Trường Mầm Non Bình Hòa (cơ sở mới); Chùa Phổ Quang.	4.508
4	Bình Lợi	Ấp 2, 4, 5	320	1.280			320	1.280	Trường tiểu học Bình lợi, Trạm Y tế, UBND xã Bình Lợi, Các địa điểm trên địa bàn xã Thanh Phú	3.369
5	Tân An	Ấp 2, 3, Bình Chánh, Cây Xoài	2.186	9.879			2.186	9.879	- Khu vực ấp 3; - Ấp 1,2,3: khu vực Gò Đại Hân; - Ấp Bình Chánh: khu quy hoạch cụm công nghiệp VLXD; - Ấp Cây Xoài; Khu Đồi Trọc, Ông Tạ - Ấp Bình Trung, Thái An, khu Đồi Mỹ	10.000
6	Trị An	Ấp 1, 2	650	2.600			650	2.600	- Trường THCS Nguyễn Du; - Công ty TNHH Phương Phú	3.361
7	Vĩnh Tân	Ấp 6	400	1.689			400	1.689	Trường THCS Vĩnh Tân, Trường TH Sông Mây, Trường Tiểu Học Vĩnh Tân.	6.000
8	Hiếu Liêm	Ấp 3, 4	103	432			103	432	Đồi Thông; Trạm Y tế xã; Trường THCS Hiếu Liêm; trường MN; Trường TH; đường HL; nhà ông Các; nhà ông Mùi; nhà ông Tổng; đồi Tượng; trục lộ phân trường 3; phân trường 4	3.299
9	Tân Bình	Ấp Tân Triều, Vĩnh Hiệp, Bình Lục	1.586	6.344			1.586	6.344	- Trường THCS Võ Trường Toản; - Nhà văn hóa ấp Bình Phước; - Nhà Văn hóa ấp Bình Ý; - Công ty TNHH Cẩm Thiên; - UBND xã Tân Bình; - Công ty TNHH Thuốc lá Sao Vàng; - Công ty TNHH Kim Đồng Tiến	6.500

**PHỤ LỤC 5.1.10: PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN TRONG TÌNH HUỐNG BẢO, BẢO MẠNH ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN
TP LONG KHÁNH**

TT	Địa phương bị ảnh hưởng		Số lượng cần di tản tập trung		Công trình, khu vực dự kiến sơ tán đến		Phương tiện di chuyển
	Xã/phường	Khu phố/ấp	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Địa điểm	Sức chứa (người)	
	Toàn TP		5.757	24.332		44.650	
1	Suối Tre	KP Suối Tre - Đường số 11; KP Cấp Rang - Đường số 15	182	654	Trường TH Lê Lợi, THCS Chu Văn An, NVH KP Cấp Rang, Trường MN Sen Hồng	5.740	05 xe ô tô các loại
2	Xuân Lập	KP Trung Tâm - KV Suối Mũ	15	59	Trạm Y tế Phường	95	2 xe ô tô
		KP Phú Mỹ - KV Suối Hôn	25	108	Nhà Văn hóa phường	150	2 Xe ô tô tải
		KP Phú Mỹ - KV Suối Phên	67	274	Trường Tiểu Học Xuân Lập	305	4 Xe ô tô
		KP Phú Mỹ - KV Bàu Sao	93	345	Trường Trung Học cơ Sở Xuân Lập	1.262	7 Xe ô tô
3	Bàu Sen						
4	Hàng Gòn	Khu vực ven đò Rìu	39	156	NVH ấp Đồi Rìu	200	7 ô tô 4 chỗ + 2 ô tô
		Ấp Đồi Rìu - KV ven hồ Cầu Dầu, tổ 13, 15	0	0	Trường TH Hùng Vương ấp Đồi Rìu Phong.	1.085	16 chỗ + 3 ô tô tải
		Ấp Hàng Gòn - Khu vực ven hồ Cầu Dầu tại tổ 35, 36	29	116	NVH ấp, Mộ Cụ Thạch TTVH xã Hàng Gòn	650	5 xe 4 chỗ + 1 xe 29 chỗ + 2 xe 16 chỗ + 2 xe tải
		Ấp Tân Phong - Khu vực ven hồ Cầu Dầu tại tổ 6, 7	49	196	NVH ấp; Nhà ông Nguyễn Văn Tuyên	250	7 xe 4 chỗ + 1 xe 29 chỗ + 2 xe 16 chỗ + 3 xe tải
		Ấp Tân Phong - Khu vực ven hồ Bàu Môn tại tổ 8, 9, 10	11	44	Nhà ông Đỗ Phục Hưng, ấp Tân Phong	100	5 ô tô 4 chỗ + 1 ô tô 16 chỗ + 1 ô tô tải
5	Bàu Trâm	Ấp Bàu Trâm - Tổ 11,12	55	215	Công ty Hoàn Gia Luân; Khu căn cứ tổ 12, 13; NVH ấp	350	Xe 16 chỗ: 02 chiếc
		Ấp Bàu Sầm - Tổ 8	16	60	UBND xã; TTVHTT xã, Trường MN Vành Khuyên	901	1 xe 4-7 chỗ; 1 xe 16 chỗ
6	Bảo Vinh	KP Bảo Vinh B - tổ 20, tổ 22	100	550	Trường Tiểu học Bảo Vinh	1.465	3 xe 4-7 chỗ, 4 xe 16 chỗ
		KP Suối Chồn - Tổ 2	40	200	Trường TH Bảo Vinh, Trường MN Ánh Dương, Trụ sở Khu phố Suối Chồn	272	2 xe 4-7 chỗ; 2 xe 16 chỗ

TT	Địa phương bị ảnh hưởng		Số lượng cần di tản tập trung		Công trình, khu vực dự kiến sơ tán đến		Phương tiện di chuyển
	Xã/phường	Khu phố/ấp	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Địa điểm	Sức chứa (người)	
7	Bảo Quang	Ấp 18 Gia Đình	65	325	Trường THCS Bảo Quang, Trường MN Bảo Quang, TT Văn hóa xã, NVH ấp	534	05 ô tô và 80 xe máy
		Ấp Lác Chiểu	85	400	Trường TH Nguyễn Huệ, NVH ấp, Trung tâm Văn hóa HTCD xã	1.547	04 ô tô và 35 xe máy
		Ấp Bàu Cối	30	165	Trường TH Nguyễn Huệ, NVH ấp	275	06 ô tô và 50 xe máy
		Ấp Ruộng Tre	45	170	NVH ấp, Trường TH Nguyễn Du	300	04 ô tô và 25 xe máy
		ấp Thọ An	20	85	NVH ấp, Trường TH Nguyễn Du	300	02 ô tô và 15 xe máy
8	Bình Lộc	Ấp 1	140	570	Trường MN Tuổi Thơ, Trường THCS Lê A, TTVH xã, NVH ấp 1	880	04 ô tô và 40 xe máy
		Ấp 3	100	430	Trường TH Nguyễn Hữu Cánh, NVH ấp 3	600	03 ô tô và 35 xe máy
		Ấp 4	50	210	Trường MN Tuổi thơ ấp 4, NVH ấp 4	500	02 ô tô và 20 xe máy
		Ấp Cây Đa	10	40	NVH ấp Cây Đa	100	01 ô tô và 05 xe máy
9	Xuân Hòa	KP 2 - Tổ 02,12	20	34	Trường Tiểu học Long Khánh	603	13 ô tô và 100 xe máy
		Tổ 4, khu phố 5	0	0	Trường mẫu giáo An Bình	527	
10	Xuân Thanh	Kp 1 - Tổ 2, 20	40	150	Trường MN Xuân Thanh, Trường TH Lê Văn Tám	656	Huy động ô tô từ các doanh nghiệp vận tải
		KP4 - Tổ 11	25	80			
11	Xuân An	Khu phố 1	702	4.116	Trường TH Kim Đồng, NVH Khu phố 1, UBND TP Long Khánh, nhà kiên cố	5.000	02 ô tô và 40 xe máy
		Khu phố 2	356	2.003	Trường TH Lê Quý Đôn, NVH Khu phố 2	2.056	02 ô tô và 35 xe máy
		Khu phố 3	488	2.347	Trường MN Thanh An, NVH Khu phố	2.500	01 ô tô và 20 xe máy
		Khu phố 4	425	2.629	NVH Khu phố 4, Nhà kiên cố	3.000	01 ô tô và 05 xe máy
		Khu phố 5	190	836	NVH Khu phố 5, nhà kiên cố	1.000	01 ô tô và 05 xe máy
		Khu phố 6	450	2.100	Trường Inschool, nhà kiên cố	2.500	03 ô tô và 40 xe máy
12	Xuân Bình	KP1	100	300	Hội trường UBND phường Xuân Bình	500	Xe gắn máy, xe ô tô
			500	1.000	Trường THCS Hồ Thị Hương	1.242	Xe gắn máy, xe ô tô
			10	50	Trụ sở Khu Phố 1	100	Xe gắn máy, xe ô tô

TT	Địa phương bị ảnh hưởng		Số lượng cần di tản tập trung		Công trình, khu vực dự kiến sơ tán đến		Phương tiện di chuyển
	Xã/phường	Khu phố/ấp	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Địa điểm	Sức chứa (người)	
12	Xuân Bình	KP2	50	200	Trường Mẫu giáo Bình Minh	500	Xe gắn máy, xe ô tô
			50	200	Trạm Y tế phường, nhà kiên cố	300	Xe gắn máy, xe ô tô
			300	800	Trường Nguyễn Trãi, nhà kiên cố	1.082	Xe gắn máy, xe ô tô
			10	50	Trụ sở Khu Phố 2	100	Xe gắn máy, xe ô tô
		KP3	200	500	Trường Hòa Bình	869	Xe gắn máy, xe ô tô
			100	300	Trường Mẫu giáo Hòa Mi	623	Xe gắn máy, xe ô tô
			10	50	Trụ sở Khu Phố 3	100	Xe gắn máy, xe ô tô
		KP5	10	50	Trụ sở Khu Phố 5	100	Xe gắn máy, xe ô tô
			100	200	Siêu thị Hoàng Đức	300	Xe gắn máy, xe ô tô
			200	400	Giáo xứ Chính Tòa	1.000	Xe gắn máy, xe ô tô
13	Xuân Trung	KP2- KV dọc cầu Suối Cái	45	180	Trường THPT Trương Vĩnh Ký, Trường TH Xuân Trung	802	02 xe 52 chỗ; 03 xe 16 chỗ
		KP3 - Đường Hùng Vương	35	140	Trường TH Việt Hoa Quang Chánh, NVH KP3	324	02 xe 29 chỗ; 02 xe 7 chỗ
14	Xuân Tân	Bàu Tra	45	175	TTVH phường, Trường THCS Xuân Tân	905	07 xe 4-7 chỗ, 1 xe 16 chỗ
15	Phú Bình	KP 1 - Tổ 8	30	70	Trụ sở UBND phường	100	03 xe 4-7 chỗ, 2 xe 16 chỗ

**PHỤ LỤC 5.1.11: PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN TRONG TÌNH HUỐNG BÃO, BÃO MẠNH ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN
HUYỆN XUÂN LỘC**

TT	Xã, Thị trấn	Ấp, KP	Địa điểm cụ thể	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Địa điểm dự kiến sơ tán đến
	Toàn huyện			786	3.289	
1	Xuân Bắc	Ấp 2B	Tổ 1, 2, 3, 4, 11	105	392	Trụ sở ấp 2B, UBND xã Xuân Bắc
2	Xuân Bắc	Ấp 2B	Tổ 1, 2, 3	110	411	Trụ sở ấp, 7 UBND xã Xuân Bắc
3	Xuân Tâm	Ấp 1	Khu B, khu C	20	78	Nhà thờ Xuân Tâm
4	Xuân Tâm	Ấp Suối Đục	Tổ 1, vùng hạ lưu suối đục	25	102	Trạm khai thác CTTL
5	Bảo Hòa	Ấp Chiến Thắng	Tổ 4	25	132	Trụ sở ấp Chiến Thắng
6	Bảo Hòa	Ấp Hòa Hợp	Tổ 6	22	120	Trụ sở ấp Hòa Hợp
7	Bảo Hòa	Ấp Hòa Bình	Tổ 11, tổ 12	28	144	Trụ sở ấp Hòa Bình
8	Suối Cát	Ấp Bình Minh	Tổ 1, tổ 6	5	23	Trường THCS Nguyễn Hiền, trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi
9	Suối Cát	Ấp Suối Cát 2	Tổ 16	7	30	Trường THCS Nguyễn Hiền
10	Xuân Hiệp	Ấp Bình Minh	Tổ 1, tổ 5	30	96	Trụ sở ấp Bình Minh
11	Xuân Thành	Ấp Tân Hữu	Tổ 1	12	50	Trụ sở ấp Tân Hữu
12	Suối Cao	Ấp Chà Rang	Tổ 3, tổ 5, tổ 6	10	48	Trụ sở ấp Chà Rang
13	Suối Cao	Ấp Bàu Sinh	Tổ 4, tổ 7	12	50	Trụ sở ấp Bàu Sinh
14	Xuân Trường	Ấp Trung Hiếu	Tổ 9, tổ 12	6	30	Trụ sở UBND xã Xuân Trường
15	Xuân Trường	Ấp Bàu Sen	Tổ 3	8	36	Các trường học trên địa bàn xã Xuân Trường
16	Xuân Trường	Ấp Trung Sơn	Tổ 19	7	32	Các trường học trên địa bàn xã Xuân Trường
17	Xuân Trường	Ấp Gia Hòa	Tổ 13	11	71	Các trường học trên địa bàn xã Xuân Trường
18	Xuân Hưng	Ấp 1	Tổ 3, tổ 20	14	52	Trụ sở ấp 1
19	Xuân Hưng	Ấp 4	Lô D	13	50	Trụ sở ấp 4
20	Xuân Hưng	Ấp 5	Tổ 19	16	54	Các trường học trên địa bàn xã Xuân Hưng
21	Xuân Hòa	Ấp 2	Tổ 21, tổ 22, tổ 24	6	24	Trụ sở ấp, Các trường học trên địa bàn xã Xuân Hòa
22	Xuân Hòa	Ấp 3	Tổ 8, tổ 18	8	28	Trụ sở ấp, Các trường học trên địa bàn xã Xuân Hòa
23	Xuân Hòa	Ấp 4	Tổ 5, tổ 9	9	41	Trụ sở ấp, Các trường học trên địa bàn xã Xuân Hòa

TT	Xã, Thị trấn	Ấp, KP	Địa điểm cụ thể	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Địa điểm dự kiến sơ tán đến
24	TT. Gia Ray	Khu phố 7	Tổ 2	45	235	Trụ sở khu phố 7, UBND TT. Gia Ray
25	TT. Gia Ray	Khu phố 3	Tổ 1, tổ 2, tổ 4	50	236	Trụ sở khu phố 3, UBND TT. Gia Ray
26	TT. Gia Ray	Khu phố 2	Tổ 3, tổ 4, tổ 5	52	252	Trụ sở khu phố 2, UBND TT. Gia Ray
27	TT. Gia Ray	Khu phố 1	Tổ 4, tổ 5, tổ 9	45	200	Trụ sở khu phố 1, UBND TT. Gia Ray
28	Xuân Phú	Ấp Bình Xuân 2		17	54	Trụ sở ấp Bình Xuân 2, các trường học thuộc xã Xuân Phú
29	Xuân Phú	Ấp Bình Xuân 1		15	50	Trụ sở ấp Bình Xuân 1, các trường học thuộc xã Xuân Phú
30	Xuân Phú	Ấp Bình Tiến		16	52	Trụ sở ấp Bình Tiến, các trường học thuộc xã Xuân Phú
31	Xuân Phú	Ấp Bình Tân		18	60	Trụ sở ấp Bình Tân, các trường học thuộc xã Xuân Phú
32	Xuân Phú	Ấp Bình Hòa		19	56	Trụ sở ấp Bình Hòa các trường học thuộc xã Xuân Phú

PHỤ LỤC 5.2: PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN THEO CÁC KỊCH BẢN THIÊN TAI LŨ, NGẬP LỤT

TT	Huyện/Tp	Xã/Phường/ Thị trấn	Số hộ/Số người cần di tản						Điểm sơ tán tập trung			
			RRTT Cấp 1		RRTT Cấp 2		RRTT Cấp 3		Vị trí công trình/khu vực			Sức chứa (người)
			Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	RRTT Cấp 1	RRTT Cấp 2	RRTT Cấp 3	
	Toàn tỉnh		7.141	31.058	20.025	82.391	25.787	106.106				182.330
1	Xuân Lộc	Tổng			12	53	68	287				879
		Xuân Bắc			7	31	56	235	Trường TH Lê Hồng Phong, TH Đình Tiên Hoàng			507
		Suối Cao			5	22	12	52	Trường TH Lam Sơn (PH)			372
2	Long Thành	Tổng	140	510	273	822	713	2.557				5.846
		Tam An	78	283	164	475	220	549	Trường Tiểu học Tam An, Trạm y tế xã, UBND Xã			1.470
		Long Thành			7	30	338	1.421	UBND Thị trấn, Trạm y tế và các trường học trên địa bàn			3.276
		An Phước	62	227	102	317	155	587	NVH ấp 1,2, 5, TT Văn hóa xã, Đình ấp 2 và các trường học trên địa bàn			1.100
3	Định Quán	Tổng	-	-	5	15	1.775	8.875				18.891
		Thanh Sơn					450	2.250	Trường cấp 1, 2 trên địa bàn ấp 7, Trường Tiểu học và trụ sở UBND Xã			5.367
		Phú Tân					50	250	NVH ấp, Trường TH Nguyễn Bình Khiêm			500
		Phú Vinh					50	250	Trường TH Lê Văn Tám			1.051
		Ngọc Định					200	1.000	Nhà văn hóa xã Ngọc Định, UBND xã, Trường THCS Ngọc Định			2.048
		Phú Ngọc					200	1.000	Trường MN Hoa Phượng, Trường TH Phú Ngọc B			1.596
		Gia Canh			5	15	100	500	NVH ấp 10, ấp 5, Trường MN Sơn Ca			692
		Suối Nho					75	375	NVH ấp, Giáo xứ Na Goạ			500
		Túc Trưng					300	1.500	UBND xã, Nhà thờ Tin lành CH Suối Dzui, các trạm dừng nghỉ trên QL20			1.500
		La Ngà					300	1.500	UBND xã, Trạm y tế xã và các trường học trên địa bàn			5.337
		Phú Hòa					50	250	NVH ấp, TT văn hoá xã			300
4	Tân Phú	Tổng	-	-	35	167	926	3.918				6.570
		Đắc Lua					219	1.060	Khu vực đồi ấp 2, Khu tái định cư ấp 4			1.500
		Tà Lài					110	440	Nhà cộng đồng ấp, trường TH Tà Lài ấp 4, trường TH Nguyễn Trung Trực			551
		Nam Cát Tiên					270	968	Chợ xã, Trường THCS xã, Đồi Tượng ấp 8, xưởng chế biến hạt điều ấp 5			1.778
		Phú Điền					16	58	Khu nhà văn hóa xã (ấp 3)			150
		Núi Tượng					150	622	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp, Trung tâm văn hóa xã, trường THCS xã			789
		Phú Thanh			3	17	80	440	Trường tiểu học Bàu Mây, Trường tiểu học Giang Điền			1.181
		Phú Bình			32	150	40	200	Trường tiểu học Đình Tiên Hoàng, Giáo xứ An Lâm			332
		Phú An					41	130	Trường tiểu học cơ sở ấp 6			289

TT	Huyện/Tp	Xã/Phường/ Thị trấn	Số hộ/Số người cần di tản						Điểm sơ tán tập trung			
			RRTT Cấp 1		RRTT Cấp 2		RRTT Cấp 3		Vị trí công trình/khu vực			Sức chứa (người)
			Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	RRTT Cấp 1	RRTT Cấp 2	RRTT Cấp 3	
5	Biên Hòa	Tổng	5.301	23.536	16.704	69.288	19.743	80.745				134.831
		Hiệp Hòa	321	1.375	830	3.482	1.477	6.083	Trường tiểu học Hiệp Hòa và chùa Phước Hội Thọ	Theo cấp 1 và trường cấp III Nam Hà; các đình: Bình Tự, Hòa Quới, Tân Mỹ, các chùa: Cao Đài, Chúc Thọ	Địa điểm di dời: Sân vận động Đồng Nai; Quảng trường tỉnh; Núi Bửu Long và các khu vực cao trên địa bàn thành phố	7.500
		Tân Vạn	244	850	856	2.888	856	2.888	Miếu Đắc Phước; chùa Cao Đài và trụ sở UBND phường	Theo cấp 1 và trạm Y tế phường; trường Kim Đồng; chùa Vạn Linh Tự; XN Lắp máy vận tải và Vp Cty Sông Đà		5.500
		Hóa An	150	620	3.402	11.892	4.390	14.890	NM nước Hóa An và chùa Phước Kiến	Theo cấp 1 và trường TH Hóa An; các chùa: Hiền Lâm Sơn Tự, Tân Quang		8.200
		Bửu Hòa	460	2.410	543	2.520	910	4.372	Trường cấp II Ngô Gia Tự; chùa Quan Âm tu viện và chùa Tân Sơn	Theo cấp 1 và trường trẻ khuyết tật; tịnh xá Ngọc Uyển; nhà hát Bửu Hòa; chùa Cao Đài; đình Tân Bản		6.000
		Tân Hạnh	465	2.540	930	5.580	1.720	8.350	Mỏ đá Đồng Tân và chùa Phật (ấp 3)	Theo cấp 1 và trường TH Tân Hạnh, UBND xã Tân Bình (Bình Dương)		7.500
		Bửu Long	189	804	1.127	3.883	1.127	3.883	Chùa Bửu Phong; trụ sở UBND phường và miếu Bình Thiện	Theo cấp 1 và đình Tân Lại; trường THCS Tân Bửu; Khu du lịch Bửu Long, Cty XD Đồng Nai; trường trung học Viễn thông; chùa Long Sơn Thạch động		5.000
		Long Bình Tân	600	3.500	708	4.274	830	4.480	UBND phường, các trường học, Bệnh viện ĐH Y dược, Nhà thờ Tân Vinh, Bến Gỗ, chùa Phong Phú			13.733
		An Bình	1.459	4.566	1.772	7.124	1.781	7.124	Trường Lê Thị Vân và trường mẫu giá An Bình	Trường Lê Thị Vân; trường mẫu giáo An Bình; trường cấp I An Bình, An Hảo		5.500
		Thanh Bình	20	120	63	242	63	242	Trung tâm Răng hàm mặt và trụ sở UBND phường			2.500
		Quyết Thắng			116	570	116	570	Nhà trẻ Hoa Mai và trường MN Thánh Tâm			1.070

TT	Huyện/Tp	Xã/Phường/ Thị trấn	Số hộ/Số người cần di tản						Điểm sơ tán tập trung			
			RRTT Cấp 1		RRTT Cấp 2		RRTT Cấp 3		Vị trí công trình/khu vực			Sức chứa (người)
			Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	RRTT Cấp 1	RRTT Cấp 2	RRTT Cấp 3	
5	Biên Hòa	Hòa Bình	355	2.066	892	3.609	1.020	4.639	Trụ sở UBND phường; Vp KP 5 và Cục thuế tỉnh (cũ), TT VH-TT thành phố Biên Hoà	Địa điểm di dời: Sân vận động Đồng Nai; Quảng trường tỉnh; Núi Bửu Long và các khu vực cao trên địa bàn thành phố	4.000	
		Thống Nhất	103	415	2.072	7.354	2.060	7.354	Trụ sở UBND phường; các trường phổ thông và trường CĐ Kỹ thuật Đồng Nai		47.268	
		Tân Mai	119	500	535	3.490	535	3.490	Nhà thờ Tân Mai; trụ sở UBND phường và trường Lê Lợi		4.000	
		Phước Tân	500	2.500	722	3.916	722	3.916	Trường TH Tân Cang; VP Kp: Tân Cang, Vườn Dừa, Hương Phước; đình Phước Tân; trường TH Phước Tân		5.912	
		Long Hưng	114	448	1.618	6.268	1.618	6.268	UBND xã, Trạm Y tế, các trường học, Chùa Long Bửu và KDC mới ấp Phước Hội		3.648	
		An Hòa	100	364	410	1.710	410	1.710	Nhà văn hóa ấp 1; khu xóm Cau tổ 1, 2, 3 KP 2; NVH KP 3; khu Cầu Quan tổ 1,2,9 KP 4, NVH KP 4		2.500	
		Tam Phước	102	458	108	486	108	486	Khu bò sữa Long Thành		5.000	
		Bình Đa	120	600	315	836	703	1.893	UBND phường, Trạm y tế, Trường TH Bình Đa, TH Trần Quốc Tuấn, Trường MN Bình Đa (2 cơ sở), Trường THCS Bình Đa		3.830	
		Tân Tiến	12	46	32	92	40	113	Đền thờ Trương Công Định, Chi cục QLTT		200	
		Tam Hiệp	146	916	923	4.402	923	4.402	Trường TH Tam Hiệp A, các giáo xứ: Bùi Hưng, Bùi Hiệp, Bùi Vĩnh		4.462	
Quang Vinh					535	2.716	VP khu phố, Trường TH Quang Vinh, Trường THCS Hùng Vương, Trạm y tế phường	1.648				
6	Vĩnh Cửu	Tổng	1.700	7.012	2.766	11.173	2.798	11.202				17.553
		Thanh Phú			2	6	5	20	Trường Tiểu học Thanh Phú			630
		Thiện Tân	30	120	156	624	160	640	Trường Cơ điện, HTX Vĩnh Thành, Công ty Havas Bùn Bình, xưởng cơ khí Thanh Tùng, công ty Khai Phàm			1.000
		Bình Hòa			37	148	40	160	UBND xã, TT văn hoá xã và trường TH Bình Hoà			1.300
		Bình Lợi			150	600	153	612	Trường tiểu học Bình lợi, Trạm Y tế, UBND xã Bình Lợi			1.946
		Tân An	1.497	6.230	1.991	8.039	1.995	7.980	Khu vực Gò Đại Hân; Ấp Bình Chánh: khu quy hoạch CCN VLXD; Ấp Bình Trung, Thái An, khu Đồi Mỹ; Ấp Cây Xoài: Đồi ông Trụ, Đồi 20			8.000
		Trị An	104	460	305	1.220	305	1.220	UBND xã Trị An; Trường THCS Nguyễn Du			2.473

TT	Huyện/Tp	Xã/Phường/ Thị trấn	Số hộ/Số người cần di tản						Điểm sơ tán tập trung			
			RRTT Cấp 1		RRTT Cấp 2		RRTT Cấp 3		Vị trí công trình/khu vực			Sức chứa (người)
			Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Số hộ (hộ)	Số người (người)	RRTT Cấp 1	RRTT Cấp 2	RRTT Cấp 3	
6	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân			100	440	110	450	Trường THCS Vĩnh Tân			2.038
		Hiếu Liêm	69	202	25	96	30	120	Trạm Y tế xã			166
		Tân Bình			231	924	235	940	UBND xã, Trường TH Võ Trường Toản, NVH ấp Bình Phước, Bình Ý			2.686
7	Nhơn Trạch	Tổng	-	-	265	1.040	690	2.440				4.330
		Phước Thiện			20	80	25	100	Nhà văn hóa xã, Hội trường UBND xã, THCS Phước Thiện 1			300
		Đại Phước			30	100	30	100	Hội trường UBND xã, Tiểu học xã Đại Phước			232
		Phú Hữu			50	200	250	1.000	Nhà văn hóa xã, Tiểu học và THCS Phú Hữu			1.200
		Long Tân			70	280	240	720	Nhà văn hóa xã, Hội trường UBND xã, Trường THCS Long Tân			1.848
		Phú Hội			20	80	70	220	Nhà văn hóa ấp, xã			300
		Phú Thạnh			50	200	50	200	Nhà văn hóa xã, Hội trường UBND xã			250
		Hiệp Phước			25	100	25	100	UBND thị trấn, NVH thị trấn			200

PHỤ LỤC 5.3: PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN THEO KỊCH BẢN MƯA LỚN VỚI MỨC ĐỘ RRTT CẤP 2

TT	Huyện/Tp	Vị trí xung yếu cần sơ tán		Số liệu sơ tán		Điểm sơ tán tập trung	
		Xã/Phường/ Thị trấn	Áp/Khu phố/Khu vực	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Vị trí	Sức chứa (người)
	Toàn tỉnh			18.324	82.332		214.221
1	Long Khánh	Tổng huyện		1.067	4.425		11.171
		Xuân Hoà	KP 2 - Tổ 02,12	20	34	Trường tiểu học Long Khánh, Trường mẫu giáo An Bình	527
		Bàu Trâm	Áp Bàu Trâm - Tổ 11,12; Áp Bàu Sầm - Tổ 8	71	275	Công ty Hoàn Gia Luân; Khu căn cứ tổ 12, 13; NVH áp	500
		Bảo Quang	4 áp: 18 Gia Đình, Lác Chiểu, Bàu Cối; Ruộng Tre, Thọ An	245	1.145	Trường TH Nguyễn Huệ, NVH áp, Trung tâm Văn hóa HTCTĐ xã	1.500
		Bảo Vinh	KP Bảo Vinh B - tổ 20, tổ 22; KP Suối Chồn - Tổ 2	140	750	Trường TH Bảo Vinh, Trường MN Ánh Dương, Trụ sở KP Suối Chồn	1.465
		Xuân Lập	KP Trung Tâm - KV Suối Mũ; KP Phú Mỹ - KV Bàu Sao, KV Suối Phên, KV Suối Hôn	200	786	Nhà văn hóa, trạm y tế phường, Trường TH Xuân Lập, THCS Xuân Lập	1.567
		Xuân Tân	Bàu Tra	45	175	TTVH phường, Trường THCS Xuân Tân	445
		Phú Bình	KP 1 - Tổ 8	30	70	UBND phường	332
		Xuân Trung	KP2- KV dọc cầu Suối Cái	45	180	Trường THPT Trương Vĩnh Ký, Trường TH Xuân Trung	1.707
		Hàng Gòn	Áp Hàng Gòn - KV ven hồ Cầu Dầu, tổ 35,36 Áp Tân Phong - Khu vực ven hồ Cầu Dầu tại tổ 6, 7; Áp Tân Phong -Khu vực ven hồ Bàu Mồn tại tổ 8, 9,10	89	356	NVH áp, Mộ Cự Thạch, TTVH xã, Nhà ông Nguyễn Văn Tuyên	500
		Suối Tre	KP Suối Tre - Đường số 11; KP Cấp Rang - Đường số 15	182	654	Trường TH Lê Lợi, THCS Chu Văn An, NVH KP, Trường MN Sen Hồng	2.628
2	Xuân Lộc	Tổng huyện		766	3.261		24.366
		Xuân Hiệp	Áp Bình Minh	30	96	Trụ sở ấp Bình Minh	100
		Xuân Bắc	Áp 7, 2B, đập tràn áp 2B	215	803	Trường TH Lê Hồng Phong, TH Đình Tiên Hoàng, THCS Nguyễn Thái Bình	1.598
		Xuân Thành	Áp Tân Hợp - tổ 1	12	50	Trụ sở ấp	100
		Suối Cát	Áp Bình Minh, Suối Cát 2	12	53	Trường THCS Nguyễn Hiền, trường TH Mạc Đình Chi	1.150
		Xuân Trường	Áp Trung Sơn, Trung Hiếu, Bàu Sen, Gia Hoà	32	219	Các trường học trên địa bàn xã Xuân Trường	2.932
		Xuân Tâm	Áp Suối Đục - Tổ 1, hạ lưu suối Đục	25	102	Trạm Khai thác CTTTL	150
		Suối Cao	Áp Trà Rang, ấp Bàu Sinh	22	98	Văn phòng ấp	100
		Xuân Hoà	Áp 2,3,4	23	93	Trụ sở ấp, Các trường học trên địa bàn xã Xuân Hòa	4.857

TT	Huyện/Tp	Vị trí xung yếu cần sơ tán		Số liệu sơ tán		Điểm sơ tán tập trung	
		Xã/Phường/ Thị trấn	Ấp/Khu phố/Khu vực	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Vị trí	Sức chứa (người)
2	Xuân Lộc	Xuân Hưng	Ấp 1,4,5	43	156	Trụ sở ấp và các trường học trên địa bàn xã	6.948
		Xuân Phú	Bình Hoà, Bình Tân, Bình Tiến, Bình Xuân 1,2	85	272	Trụ sở ấp và các trường học trên địa bàn xã	5.031
		Bảo Hoà	Ấp Hoà Hợp, Hoà Bình, Chiến Thắng	75	396	Trụ sở các ấp	450
		Gia Ray	Khu phố 1,2,3,7	192	923	Trụ sở khu phố và UBND thị trấn	950
3	Cẩm Mỹ	Tổng huyện		210	827		7.370
		Xuân Mỹ	Ấp Suối Lức, Suối Sóc, Cọ Dầu 2	10	40	Trường cấp II Xuân Mỹ	395
		Xuân Bảo	Ấp Tân Hạnh	51	179	Trường TH Mỹ Hạnh I, II, Trường THCS Xuân Bảo	808
		Xuân Tây	Ấp 10, ấp 12	30	150	Trường cấp II Xuân Mỹ, Trường THPT Sông Ray, Trường THCS Nguyễn Trãi	1.755
		Sông Nhạn	Ấp 1,4,5, cầu Quân Y	31	123	Giáo xứ Sông Nhạn, Trường Tiểu học Quang Trung	614
		Long Giao	Ấp Suối Râm, Ấp 57	30	120	Trường mầm non Long Giao, nhà văn hóa	210
		Xuân Đông	Ấp Cọ Dầu 2	40	160	Trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương, Phân hiệu trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, Trường THCS Nguyễn Trãi	3.367
		Thừa Đức	Ấp 8 (Hạ du hồ Cầu Mới tuyến V, VI)	18	55	Trường TH Thừa Đức 1	221
4	Trảng Bom	Tổng huyện		1.027	4.778		14.649
		Thanh Bình	Trường An, Lợi Hà, Trung Tâm	250	1.000	Nhà văn hóa xã, trường TH Trung Tâm	1.000
		Bàu Hàm	Cây Điều, Tân Việt, Tân Hợp, Tân Hoa	40	160	Trường THCS Bàu Hàm	1.000
		Đồi 61	Tân Hưng, Tân Thịnh, Tân Phát, Tân Đạt	40	160	Trường TH Đồi 61	1.000
		Bắc Sơn	Ấp Sông Mây (Hạ du hồ Sông Mây)	393	1.965	Trường TH Sông Mây, UBND xã, Trạm y tế, Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ, trường THCS Minh Đức	2.361
		Hố Nai 3	Ấp Lộ Đức, Đông Hải 2 (Hạ du hồ Sông Mây)	281	1.400	UBND xã, Trạm Y tế và các trường học trên địa bàn xã	8.988
		Đông Hòa	Ấp Quảng Đà	3	13	NVH ấp Quảng Đà	100
		Giang Điền	Ấp Đoàn Kết	20	80	TTVH xã	200
5	Thống Nhất	Tổng huyện		1.378	4.890		7.468
		Gia Tân 2	Cầu suối Cống Trắng	60	160	Trường Mẫu giáo Gia Tân 2, Văn phòng ấp Bạch Lâm 1	400
		Gia Kiệm	Tây Kim	25	100	Nhà giáo lý Giáo xứ Kim Thượng	400
		Hưng Lộc	Ấp 94	1.118	4.053	UBND xã, Trạm y tế xã, NVH và các trường học	5.518
		Lộ 25	Ấp 1	10	37	Nhà văn hóa ấp	50
		Xuân Thiện	Tổ 6 Ấp Tín Nghĩa	15	40	Trường THCS Trần Phú, Trường THCS Xuân Thiện	600
		Quang Trung	Ấp Lạc Sơn	150	500	Trường Tiểu học Quang Trung	500

TT	Huyện/Tp	Vị trí xung yếu cần sơ tán		Số liệu sơ tán		Điểm sơ tán tập trung	
		Xã/Phường/ Thị trấn	Ấp/Khu phố/Khu vực	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Vị trí	Sức chứa (người)
6	Long Thành	Tổng huyện		944	3.706		7.088
		Phước Thái	Tổ 1 Ấp 1A	80	182	UBND Xã Phước Thái	185
		Phước Bình	Ấp 1, 2	153	612	Đình thần ấp 2, trường mẫu giáo ấp 1, nhà văn hóa ấp 1	800
		Long An	Ấp Bà Ký, Xóm Trầu, Sáu Hoàng (Hạ du hồ Cầu Mới tuyến V, VI)	3	12	UBND xã, Trạm y tế, Nhà văn hóa xã	253
		Bàu Cạn	Ấp 1,3,8, Suối Cá (Hạ du hồ Cầu Mới tuyến V, VI)	28	90	UBND xã, Trạm y tế, Nhà văn hóa xã	200
		Suối Trầu	Ấp 1,2,3, Suối Trầu (Hạ du hồ Cầu Mới tuyến V, VI)	6	24	UBND xã, Trạm y tế, Nhà văn hóa xã	200
		Cầm Đường	Ấp Suối Quýt (Hạ du hồ Cầu Mới tuyến V, VI)	2	10	UBND xã, Trạm y tế, Nhà văn hóa xã	200
		Long Đức	Khu phố 12	124	550	VP khu 12: TT giáo dục thường xuyên	800
		Tam An	Ấp 2	20	60	Trường Tiểu học Tam An, Trạm y tế xã, UBND Xã	1.100
		Lộc An	Ấp Hàng Gòn, ấp Bình Lâm	213	885	NVH ấp Thanh Bình, Trường MN ấp Thanh Bình, Đình thần Lộc An, Miếu Bà Phước Thạnh, Trường TH Lộc An, Đình Hàng Gòn, chùa Liên Trì	1.400
		Long Phước	Ấp 5	41	164	NVH ấp 5, Trường mầm non Sin việt	300
			Ấp Phước Hòa	100	400	NVH ấp Phước Hòa; Trường THPT Long Phước; THCS Long Phước.	700
			Ấp Tập Phước	96	384	NVH ấp, trường TH ấp Tập phước	500
			Ấp Xóm Gò - Bà Ký	57	228	NVH ấp, Trường MN Long phước CS2	300
		Vĩnh Thanh	Ấp Chính Ngĩa	21	105	NVH ấp, UBND xã	150
7	Định Quán	Tổng huyện		1.025	5.125		6.150
		Phú Hoà	Ấp 1	50	250	NVH ấp, TT văn hoá xã	300
		Phú Tân	Ấp 6, 7	50	250	NVH ấp, Trường TH Nguyễn Bình Khiêm	500
		Gia Canh	Ấp 10	100	500	NVH ấp 10, ấp 5, Trường MN Sơn Ca	692
		Suối Nho	Ấp 1, 5	75	375	NVH ấp, Giáo xứ Na Goa	500
		Phú Cường	KDC ven hồ Trị An	300	1.500	Trường TH Phù Đồng, trường THCS Nguyễn Trãi	1.843
		Thanh Sơn	Ấp 1,2,3,6,7,8	150	750	Trường THCS Tây Sơn	815
		Túc Trung	Ấp Suối Dzui	300	1.500	UBND xã, Nhà thờ Tin lành CH Suối Dzui, các trạm dừng nghỉ trên QL20	1.500

TT	Huyện/Tp	Vị trí xung yếu cần sơ tán		Số liệu sơ tán		Điểm sơ tán tập trung	
		Xã/Phường/ Thị trấn	Ấp/Khu phố/Khu vực	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Vị trí	Sức chứa (người)
8	Tân Phú	Tổng huyện		1.354	6.110		16.976
		Tà Lài	Ấp 4,5	110	440	Nhà cộng đồng ấp, trường TH Tà Lài ấp 4, trường TH Nguyễn Trung Trực	551
		Phú Điền	Ấp 2,4,5 (Khu vực hạ du hồ Đa Tôn)	17	70	Nhà văn hóa các ấp	150
		Trà Cỏ	Ấp 4, 5, 6 (Khu vực hạ du hồ Đa Tôn)	52	250	UBND xã, Trạm y tế xã	521
		Nam Cát Tiên	Ấp 4, 8	270	968	Nhà lồng chợ xã, Trường THCS xã, Khu vực đòi tượng ấp 8, xưởng chế biến hạt điều ấp 5	1.778
		Phú Lâm	Ấp Thanh Thọ, Thanh Thọ 3 (Khu vực hạ du hồ Đa Tôn)	178	890	UBND xã, Trạm y tế xã, trường học	3.181
		Phú Xuân	Ấp Thọ Lâm (Khu vực hạ du hồ Đa Tôn)	42	210	Nhà văn hóa các ấp, UBND xã	294
		Thanh Sơn	Ấp Suối Đá, Thanh Trung (Khu vực hạ du hồ Đa Tôn)	120	600	UBND xã, Trạm y tế xã, trường học	2.726
		Phú Thanh	Ấp Bàu Mây, Thọ Lâm 1, Thọ Lâm 2, Ngọc Lâm 2 (Khu vực hạ du hồ Đa Tôn)	140	720	UBND xã, Trạm y tế xã, trường học	5.056
		Phú Bình	Ấp Phú Hợp B, Phú Tân (Khu vực hạ du hồ Đa Tôn)	56	280	Nhà văn hóa các ấp, UBND xã	430
		Đăk Lua	Ấp 2,4,6,11	219	1.060	Khu vực đòi ấp 2, Khu TĐC ấp 4	1.500
		Núi Tượng	Ấp 6A, 6B	150	622	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp, TT văn hóa xã, trường THCS xã, Trường TH xã	789
9	Biên Hòa	Tổng TP		7.977	39.580		103.494
		Long Bình Tân	Khu phố 1, 2, 3, Bình Dương, Thái Hoà, Long Diêm	708	4.274	UBND phường, các trường học, Bệnh viện ĐH Y dược, Nhà thờ Tân Vinh, Bến Gỗ, chùa Phong Phú	13.733
		Long Bình	Khu phố 4, 5, 6,7,8	325	2.500	UBND phường và các trường học	3.343
		Bửu Long	Khu phố Cầu Hang, Kp 2	100	600	Chùa Bửu Phong; trụ sở UBND phường, miếu Bình Thiện	2.500
		Tân Hiệp	Khu phố 1, 3, Đ. Nguyễn Ái Quốc	923	4.402	UBND phường, Trạm y tế phường, các trường học	18.073
		Trăng Dài	Khu phố 5A, 4A, 4C, 2	40	165	UBND phường, NVH KP, các trường học	5.063
		Tân Hoà	Khu phố 1,2,11	200	800	Nhà thờ Ngọc Đồng, Lộ Đức, Trường TH Hoà Bình, Trường Nguyễn Công Trứ, UBND phường	2.000
		Tân Hạnh	Ấp 1,2,3,4	390	1.980	Mô đá Đồng Tân, Khu vực cao thuộc tỉnh Bình Dương	4.000

TT	Huyện/Tp	Vị trí xung yếu cần sơ tán		Số liệu sơ tán		Điểm sơ tán tập trung	
		Xã/Phường/ Thị trấn	Ấp/Khu phố/Khu vực	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Vị trí	Sức chứa (người)
9	Biên Hòa	Hoá An	Đồng Nai, Bình Hoá, Cầu Hang	81	415	Trụ sở UBND phường, Trường TH Hoá An, Trường THCS Tân An, các chùa Hiền Lâm Sơn Tự, Tân Quang, Phước Kiến	4.100
		An Hoà	Khu cầu Ván, Xóm Chài - KP1; xóm Cầu KP2; tổ 9,10-KP3; cầu Quan -KP4	100	353	NVH ấp 1; khu xóm Cau tổ 1, 2, 3 KP 2; NVH Kp 3; khu Cầu Quan tổ 1, 2 và 9 Kp 4 và NVH Kp 4	2.500
		Hố Nai	KP 13,5,8 ven suối Săn Máu	120	423	Giáo xứ Bắc Hải, Trường Lê Hồng Phong	500
		Tân Vạn	Kho ngoại quan TBS	18	53	Miếu Đắc Phước; chùa Cao Đài và UBND phường	2.500
		Phước Tân	KP Tân Cang, Vườn Dừa, Hương Phước, Tân Lập, Miếu	803	5.771	UBND phường, VP các KP; đình Phước Tân và các trường học trên địa bàn phường	5.912
		Tân Phong	Khu phố 5,6,7,8	220	860	Văn phòng KP 2, 8, UBND phường	5.800
		Trung Dũng	Khu phố 3,4,5	347	1.000	Công viên Chiến Thắng, Trường Trịnh Hoà Đức, Trần Hưng Đạo, Ngô Quyền	2.366
		An Bình	Khu phố 2,4,9, KV cầu Ông Gia	866	3.031	Trường Lê Thị Vân, MN An Bình, TH An Bình, THCS An Hoà, TH An Hảo	5.500
		Bình Đa	Ngã ba Vũ Hồng Phô và Trần Quốc Toàn	120	600	Trường ĐH Đồng Nai (CS3), Trường TH Bình Đa	2.627
		Tân Mai	KV ven suối Bà Bọt, suối Tân Mai, đường liên khu phố 4,5,6	535	3.490	Nhà thờ Tân Mai, Trường Lê Lợi, UBND phường	4.000
		Tân Vạn	Khu phố 2,4	18	53	UBND phường, miếu Đắc Phước, Trạm Y tế phường	1.000
		Tam Phước	Đồng Gò Cát, Xóm Đắng, Gò Trọc, suối Bà Bồng	110	458	Khu bò sữa Long Thành	5.000
		Long Hưng	Ấp Phước Hội, An Xuân	529	1.714	Chùa Bửu Long, KDC mới, Đường HL2	2.000
		Hoà Bình	Khu phố 1,2,5	120	420	TT VH-TT TP Biên Hoà	1.500
		Thống Nhất	KP 3, 7	45	180	Trường CĐ nghề, UBND phường, trường Thống Nhất B	1.500
		Tân Tiến	KP5, 6 ven suối Cầu Đức, suối Săn Máu	40	113	UBND phường, Trạm y tế phường	297
		Quang Vinh	KP2-hẻm 223; Kp3-hẻm 134	150	505	VP khu phố, Trường TH Quang Vinh, Trường THCS Hùng Vương, Trạm y tế phường	1.648
		Tam Hoà	KV chợ Tam Hoà (ven suối Linh)	30	448	UBND phường, Trạm y tế, các trường học	1.000
		Tam Hiệp	KP2-tổ 1,3,7; KP3-tổ 13; KP4-tổ 3,6; KP5-tổ 2	923	4.402	UBND phường, NHV, trạm y tế, Nhà thờ Bùi Vĩnh, Bùi Hiệp, Đa Minh, các trường học	4.462
		Quyết Thắng	Khu phố 2,3	116	570	Nhà trẻ Hoa Mai và trường MN Thánh Tâm	570

TT	Huyện/Tp	Vị trí xung yếu cần sơ tán		Số liệu sơ tán		Điểm sơ tán tập trung	
		Xã/Phường/ Thị trấn	Ấp/Khu phố/Khu vực	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Vị trí	Sức chứa (người)
10	Vĩnh Cửu	Tổng huyện		1.966	7.310		8.156
		Tân An	Ấp 2, 3, Bình Chánh, Cây Xoài (Hạ du hồ Sông Mây)	1.525	5.000	Đình chùa, nhà thờ, UBND xã, trạm y tế, nhà văn hóa, Trường học	5.606
		Vĩnh Tân	Ấp 6 (Hạ du hồ Sông Mây)	439	2.300	- Khu vực ấp 3; - Ấp 1,2,3: khu vực Gò Đại Hàn; - Ấp Bình Chánh: khu quy hoạch cụm công nghiệp VLXD; - Ấp Cây Xoài; Khu Đồi Trọc, Ông Tạ - Ấp Bình Trung, Thái An, khu Đồi Mỹ	2.500
		Thiện Tân	Ấp Vàm (Hạ du hồ Sông Mây)	2	10	Nhà văn hoá ấp Vàm	50
11	Nhơn Trạch	Tổng huyện		610	2.320		7.333
		Long Thọ	Ấp 2, 4	30	100	Trường tiểu học và UBND Xã Long Thọ	802
		Phước Thiện	ấp Bến Cam	100	400	UBND Xã Phước Thiện, Trường THPT và Trung tâm VH TT-HTCĐ xã	1.777
		Hiệp Phước	KP Phước Hiệp, phía sau Cty Hưng Nghiệp Formosa	15	60	Trụ sở UBND thị trấn Hiệp Phước	100
		Đại Phước	Ấp Bến Cộ	40	160	UBND xã Đại Phước, Trung tâm VH TT-HTCĐ xã	232
		Phú Thạnh	Ấp 3	25	100	UBND Xã và Trường THCS Phú Thạnh	1.310
		Long Tân	Ấp Vĩnh Tuy	100	300	UBND xã và trường tiểu học	1.283
		Phú Hữu	Ấp Cát Lái	300	1.200	UBND xã và trường tiểu học	1.829

PHỤ LỤC 5.4: PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN DO LŨ QUÉT, SẠT LỞ ĐẤT

STT	Huyện/TP	Điểm xung yếu	Số hộ di tản (hộ)	Số dân di tản (người)	Khu vực Di tản đến	Sức chứa (người)
A	Rủi ro thiên tai cấp 1					
I	Sạt lở đất		20	58		1530
1	Tân Phú	Đồi Phú Sơn: ấp Phú Lâm 1, 3, xã Phú Sơn	12	30	Trường THCS Phú Sơn	1.075
		Xã Phú An	2	8	Trường TH cơ sở ấp 6	289
2	Định Quán	Đồi 112, KP Hiệp Lực, TT Định Quán	6	20	UBND thị trấn	166
II	Lũ quét		192	819		3238
1	Thống Nhất	Xã Lộ 25	10	35	Nhà văn hóa	100
		Bàu Hàm 2, Hưng Lộc	86	344	Nhà văn hóa, UBND xã	2.391
		Ấp Tân Yên, Xã Gia Tân 3	51	193	Nhà văn hóa, UBND xã	219
2	Trảng Bom	Xã An Viễn	20	109	Nhà văn hóa ấp 2	150
		Xã Đồi 61	15	83	Trường MN Ánh Dương	140
		Xã Sông Thao	10	55	Trường TH Sông Thao	238
B	Rủi ro thiên tai cấp 2 (bao gồm các vị trí như RRTT cấp 1 và thêm các điểm dưới đây)					
I	Sạt lở đất		139	725		1836
1	Thống Nhất	Xã Quang Trung	69	375	Nhà văn hóa, UBND xã	702
2	Cẩm Mỹ	Xã Bảo Bình	70	350	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1.134